DỊCH KINH YẾU CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

易經要旨

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

PHẦN 1. DỊCH HỌC NHẬP MÔN

Chương 1: Dẫn nhập: Dịch kinh là cuốn sách Triết mục đích tìm hiểu về nguồn gốc vũ trụ và con người, chứ không phải là một sách bói toán

Chương 2: Đại chỉ của Kinh Dịch

Tiết I. Dịch kinh với Triết học

A. Dịch kinh với khoa Siêu hình học

a). Quan niệm nhất thể vạn thù

b). Quan niệm tuần hoàn chung nhi phục thủy của Dịch Kinh

c). Hai áp dụng quan trọng của Dịch lý nói trên

B. Dịch Kinh với khoa Luận Lý Học

1). Dịch kinh với Khoa Luận Lý Học Âu Châu

2). Ít nhiều định luật quan trọng của Dịch

Tiết II. Dịch kinh với khoa Luân Lý

Tiết III. Dịch kinh với Đạo giáo

- Dịch dạy phải chuyển hóa nội tâm, tu luyện để trở thành Thánh Hiền.

- Dịch cũng dạy làm người, làm quân tử.

Tiết IV. Dịch với những nguyên tắc khả dĩ đem lại một đời sống lý tưởng.

PHẦN 2. DỊCH LUẬN THIÊN

Chương 1. Chữ Dịch theo Từ nguyên

Chương 2. Dịch là biến thiên

Chương 3. Dịch là bất biến, bất Dịch

Chương 4. Dịch là giản dị

Chương 5. Dịch là nghịch số (đi ngược dòng đời để trở về với Trời)

Chương 6. Dịch là Tượng

PHẦN 3. VÔ CỰC LUẬN

Chương 1. Phi Lộ: Vô cực là Bản thể uyên nguyên nơi con người

Chương 2. Đại cương: Vô cực tương ứng với Thần, hoặc với Vô hay Không của Đạo Gia, hay Hư Vô của Phật.

Chương 3. Tính danh và Hình dung Vô Cực

A. Tính danh Vô Cực: Vô Cực là Thượng Đế trong con người, là Thượng Đế còn ẩn tàng hay chưa hiển dương.

B. Nhân cách hóa Vô Cực

C. Tượng hình Vô Cực

D. Phân loại tính danh Vô Cực

Chương 4. Những hậu quả của quan niệm Vô Cực: Hiểu Vô Cực là hiểu căn nguyên vũ trụ và con người.

Phụ Lục I

Phụ Lục II

Các Sách tham khảo

PHẦN 4. THÁI CỰC LUẬN

Chương 1. Đại cương

Chương 2. Tính danh Thái Cực

Chương 3. Tượng hình Thái Cực

Chương 4. Thái Cực và đồ bản Dịch Kinh

Chương 5. Tương quan giữa Thái Cực và Vô Cực, Thái Cực và Vạn Hữu

Chương 6. Quan niệm Thái Cực ở Trung Quốc đối chiếu với quan niệm Atman ở Ấn Độ và quan niệm Logos ở Âu Châu.

A. Thái cực với Atman

B. Thái Cực với Logos

Chương 7. Những hậu quả của quan niệm Thái Cực

A. Hậu quả Triết lý

1). Quan niệm Thái Cực và quan niệm nguyên thể vũ trụ của các triết gia Hi Lạp

2). Quan niệm Thái Cực với quan niệm của các nhà Huyền Học Âu Châu

B. Hậu quả Luân lý

C. Hậu quả Đạo giáo

Chương 8. Tổng luận

Phụ Lục 1

Phụ Lục 2

Các Sách tham khảo

PHẦN 5. HÀ ĐỒ

Chương 1. Xuất xứ

Chương 2. Cấu tạo

Chương 3. Đại cương

Chương 4. Hà Đồ với Khoa Số học

Chương 5. Liên lạc giữa Hà Đồ, Bát quái &Lạc Thư

Chương 6. Những vấn đề Siêu Hình tàng ẩn trong Hà Đồ:

1. Trung cung,Trung điểm hay Bản Thể vũ trụ.

2. Chu vi Hà Đồ hay Vạn hữu với nguyên lý diễn dịch, tuần hoàn

3. Quan niệm Thái Cực, Âm Dương hay Nhất thể, Lưỡng diện

4. Hà Đồ với lẽ sinh thành

5. Các hình thái, các tầng lớp con người theo Hà Đồ

6. Quan niệm Thiên Nhân Tương Dữ theo Hà Đồ

7. Tạo Hóa qui trung chi diệu

Bạt

PHẦN 6. LẠC THƯ

Chương 1. Xuất xứ

Chương 2. Cấu tạo

Chương 3. Đại Cương

Chương 4. Ảnh hưởng Lạc Thư đối với các vấn đề Quốc Gia, Xã Hội, Học Thuật Trung Quốc

Người xưa dùng Lạc Thư để:

*Chia Trời thành 9 cung.

*Chia Trung Hoa thành 9 châu.

*Chia kinh đô thành 9 vùng.

*Chia Thái miếu thành 9 phòng.

*Chia đất cho dân thành 9 khoảnh (Tỉnh Điền)

*Chia đầu con người thành 9 cung.

*Chia phép trị dân thành 9 trù (chín điều)

Chương 5. Lạc Thư & Toán Học

Chương 6. Lạc Thư & Chính trị

Chương 7. Lạc Thư & Phương pháp khắc kỷ, tu thân, Quy Nguyên Phản Bản của các Đạo gia

Chương 8. Ảnh hưởng Lạc Thư trong ít nhiều nước Á Âu

Chương 9. Hà Đồ, Lạc Thư & Hai chiều xuôi ngược tiến hóa của vũ trụ & của Nhân Loại

Chương 10. Tổng luận

Các Sách tham khảo

PHẦN 7. ÂM DƯƠNG

Chương 1. Lai lịch

Chương 2. Âm Dương và Vô Cực, Thái Cực

Chương 3. Quan niệm Âm Dương

1) Hai chiều, hai mặt của một bản thể duy nhất

2) Âm Dương 2 thực thể riêng rẽ

3) Âm Dương trên phương diện Tiên Thiên

4) Âm Dương trên phương diện Hậu Thiên

Chương 4. Quan niệm Âm Dương với đời sống

Chương 5. Âm Dương với Y học Trung Hoa

Chương 6. Âm Dương với thuật tu tiên, luyện đơn

Chương 7. Âm Dương với Khoa Siêu Hình Học Âu Châu

1) Âm Dương với Nguyên Lý đồng nhất

2) Âm Dương với quan niệm Thần, Hồn

3) Âm Dương với quan niệm Thiện Ác

Chương 8. Âm Dương với Triết Học và Khoa Học Âu Châu

PHẦN 8. TỨ TƯỢNG

Chương 1. Nhận định tổng quát

Chương 2. Huyền nghĩa của Tứ Tượng

Chương 3. Tứ Tượng với nền Học thuật & Tư tưởng TrungHoa

Chương 4. Tứ Tượng và Học thuật Âu Châu

Chương 5. Tứ Tượng với chữ Thập, chữ Vạn

Chương 6. Tứ Tượng và Khoa học hiện đại

Chương 7. Chu kỳ hoạt động của Tứ Tượng

Chương 8. Kết Luận

PHẦN 9. NGŨ HÀNH

Chương 1. Nhận định tổng quát: Thổ là Trung Cung Thái Cực; 4 Hành bên ngoài là Tứ Tượng.

Chương 2. Ngũ Hành tương sinh, tương khắc

Chương 3. Ngũ Hành với Vũ trụ Quan Trung Hoa

Chương 4. Ngũ Hành với Sử Quan Trung Hoa

Chương 5. Âm Dương, Ngũ Hành với Đạo Giáo Trung Hoa

Chương 6. Âm Dương, Ngũ Hành với học thuật Trung Hoa

Chương 7. Âm Dương, Ngũ Hành với nghệ thuật Trung Hoa

Chương 8. Tổng Luận

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

易經要旨

» Mục lục | **Lời nói đầu** | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Lời nói đầu

Có nhiều bè bạn thấy chúng tôi cho xuất bản bộ Dịch Kinh Đại Toàn, khoảng 1500 trang, hỏi chúng tôi tại sao trên thị trường đã có nhiều bộ Kinh Dịch, còn ra thêm, và như vậy nó có những đặc điểm gì?

Tôi thấy đó là một câu hỏi hữu lý, nên tôi sẽ trình bầy cùng quí vị tại sao tôi viết bộ Dịch Kinh Đại Toàn này.

Tôi bắt đầu soạn thảo bộ Dịch Kinh này vào khoảng năm 1966. Tôi định bỏ ra 15 năm để hoàn tất nó, nhưng may thay sau hơn 7 năm miệt mài nghiên cứu, thì đã hoàn thành được. Khi ấy, tôi đi mua, hoặc đi mượn tất cả những sách Dịch bằng Hán Văn, Anh văn, Pháp văn và Việt văn hiện có lúc bấy giờ. Đọc qua những tác phẩm của cụ Từ Thanh, Phan Bội Châu, Nguyễn Mạnh Bảo, Ngô Tất Tố, Nguyễn Duy Tinh, v.v... tôi thấy lời văn thật là khó hiểu.

Về Hán Văn, tôi may mắn có bộ Tuân Bổ Ngự Án Dịch Kinh Đại Toàn, xuất bản ngày 18 tháng 3 năm Khang Hi 54 tức 1715, do các vị khoa bảng xưa cho tôi. Quyển này mỗi quẻ đều có lời bình của Trình Tử, Chu Hi, Khang Hi và chư tử chứ không phải là tư tưởng của riêng ai.

Về Anh văn, tôi có những bộ như của James Legge, Wilhelm / Baynes, R. G. H Siu, v.v... Tôi thấy những bộ trên không có gì đặc sắc.

Về La Ngữ, tôi có đọc bộ của P. Regis, Yiking, antiquissimus Sinarum liber.

Về Pháp văn, tôi có De Harlez, Le Yiking, texte primitif rétabli, trad. et commentaires.

Philastre, P. L. F. Le Yiking ou Livre de Changements de la dynastie des Tscheou traduit pour la première fois du Chinois en Francais.

Tôi cũng đã đọc Bộ Dịch của cụ Nguyễn Hiến Lê, xuất bản gần đây ở hải ngoại. Sách trình bầy sáng sủa. Tiếc rằng cụ đã bỏ đi Thập Dực, và như cụ nói, Cụ đã hoàn thành bộ sách này trong vòng có 2 năm, và chỉ soạn lại bộ Dịch của cụ Phan bội Châu mà thôi.

Tất cả đều không có gì làm tôi phải say sưa, bái phục. Gần đây, có vô số sách Dịch bằng Anh văn, nhưng toàn thiên về bói toán. Theo tôi, Kinh Dịch không phải sách bói toán, vì Phục Hi, Văn Vương, Chu Công, Khổng Tử, Trình Tử, Chu Hi không hề bói toán. Tôi không bói toán. Trong Hệ Từ Thượng chỉ bàn qua về phép bói Dịch bằng cỏ Thi, và trong Ngũ Hành bàn qua về luật Tương sinh, Tương khắc, để quí vị nào thích bói toán, địa lý nghiên cứu thêm, chứ không biết gì về cách bói gieo tiền theo Dã Hạc, và Bốc Dịch chính tông, hay cách bói Mai Hoa Dịch số của Thiệu Khang Tiết. Nhiều người đi vào Dịch, cũng là muốn học bói toán. Họ có biết đâu rằng bói toán là một năng khiếu do Trời ban. Muốn bói hay, phải có giác quan thứ sáu, (quí vị nào thích nghiên cứu về bói toán, thì xin đọc phần Ngũ Hành, nơi quyển I, và nơi quyển III Hệ từ Thượng Chương 9).

Nay, bên Trung Quốc cho in ra nhiều sách Dịch, như bộ Chu Dịch Đại Tự Điển, dày 1546 trang, hay bộ Bạch Thư Chu Dịch, một bộ Dịch đã được khai quật lên từ một ngôi mộ nhà Hán, ở Mã Vương Đôi, Trường Sa, tháng 12, năm 1973. Bộ này viết trên lụa trắng, vì thế gọi là Bạch Thư, và đã được Trương Lập Văn nghiên cứu và dịch ra Bạch thoại.

Có người khuyên tôi mua, nhưng tôi không bao giờ đi vào con đường Sách uẩn, Hành quái, không bao giờ đi vào con đường quái dị để cầu danh, nên tôi đã không mua.

Tôi quen nhiều vị khoa bảng, và ngỏ ý xin thụ giáo các Cụ về Dịch Lý. Nhưng cụ nào cũng nói không biết gì về Dịch Lý, vì không học Dịch khi đi thi, và các Cụ đề nghị vào tủ sách các Cụ thấy cái gì hay thì cụ biếu, chứ đừng hỏi về Dịch. Cụ Phó Bảng Nguyễn Hà Hoàng (Điện Bàn - Quảng Nam), cho tôi một phần bộ Tuân bổ Ngự Án. Cụ cử Lương Trọng Hối (Quế Sơn - Quảng Nam) cho tôi bộ Kinh Dịch của Lai Trí Đức.

Nên, tôi đi vào Kinh Dịch, qua Đạo Nho, bằng đường lối riêng tư của tôi, như tôi sẽ trình bầy sau đây.

Tôi vào đạo Khổng từ năm 1956, qua sách vở hiện có, chứ không hề nhờ cậy vào ai. Và tôi đã học nơi Khổng Giáo nhiều điều hay ho, mới lạ. Đặc biệt là biết được con người vừa có Thiên Tâm, vừa có Nhân Tâm. Thiên Tâm thời muôn đời công chính, quang minh, chính đại, thuần túy, chí thiện. Còn Nhân Tâm thời đầy tư tà, nhân dục.

Thiên Tâm đó khốn thay, lại ẩn ước nên ít người thấy được. Thiên Tâm là Thiên Lý, Nhân Tâm là Nhân Dục, nên xưa mới nói Nhân dục thắng, Thiên Lý vong hay Nhân dục tận, tắc Thiên Lý hiện, v.v... Thiên Tâm giúp ta trở thành Thần thánh, Nhân tâm giúp ta trở thành con người thực sự. Thành thử tôi mới dịch được câu Kinh Thư, mà xưa nay chưa ai dịch cho đúng ý nghĩa của nó. Đó là:

Nhân tâm duy nguy	人心惟危
Đạo tâm duy vi	道心惟微

Duy tinh duy nhất 惟 精 惟 一

Doãn chấp quyết trung 允 執 厥 中

Dịch:

Lòng của Trời siêu vi, huyền ảo,

Lòng con người điên đảo, ngả nghiêng.

Tinh ròng chuyên nhất ngày đêm,

Ra công, ra sức giữ nguyên lòng Trời.

Tôi thấy Khổng Giáo cho rằng con người có 3 thứ Đạo. Thiên đạo dạy con người làm thần minh, Nhân đạo dạy con người làm Hiền nhân quân tử, Vật đạo dạy con người kiếm ăn sinh sống. Sở dĩ có 3 thứ đạo, vì con người có 3 phần:

-Thần để làm Thần. Sau này, Thần còn được gọi là Đạo Tâm, Thiên Tâm, hay nói theo Phật gia, là Chân Tâm, hay Đại Ngã. Thần liên lạc với ngoại giới bằng Tuệ giác (Intuition), bằng Huệ hay bằng Đại trí.

-Hồn để làm người. Hồn đầy thất tình, lục dục, nên cần phải kìm hãm, phải tu sửa. Hồn con người chính là Tiểu Ngã. Nó liên lạc với ngoại giới bằng Trí (Intelligence) hay Tiểu trí.

-Xác để làm ăn, sinh sống. Xác liên lạc với ngoại giới bằng ngũ quan (les cinq sens).

Hồn và Xác trước sau sẽ biến thiên, tiêu diệt, vì chúng nằm trong vòng Sinh, Lão, Bệnh, Tử. Chỉ có Thần là bất biến, bất tử, bất sinh, vì Thần mình và Thần Trời đất là một.

Tôi thấy Đức Khổng, khuyên con là Bá Ngư nên đọc Kinh Thi, nên tôi đã cùng một cự nho mà tôi quen ở Đà Nẵng, dịch toàn bộ Kinh Thi, xem trong đó ẩn dấu điều gì bí mật. Sau khi dịch xong Quốc Phong, sang tới Đại Nhã, tôi mới khám phá ra được một chuyện mà xưa nay không ai biết. Đó là Chân Đạo Nội Tâm, hay Đạo Thần Linh mà ta có thể tìm ra trong lòng ta. Ngày nay, người ta gọi là Đạo Huyền đồng (Mysticism), hay Phối

Thiên, hay Thiên Nhân tương dữ, Thiên Nhân nhất quán. Xưa, Nghiêu, Thuấn, Thành Thang, Văn Vương, Võ Vương v.v... đã đi được vào đạo cao siêu này.

Chân Đạo Nội Tâm dạy rằng: Trời chẳng xa người, và Hiền Thánh là những người đã sống phối kết với Trời ngay từ khi còn ở trần gian này. Từ khi biết được điều này, tôi mới tìm xem trong hoàn võ này, có những ai biết được cái đạo cao siêu này, vì thế tôi đã tìm đọc các kỳ thư, bí điển của mọi đạo giáo lớn, nhỏ trên Thế Giới, và mới tìm ra được lẽ Nhất Quán, Thù Đồ Đồng Qui của các đạo giáo, nhất là thấy được rằng Tam Giáo, Nho, Thích, Lão là đồng nguyên. Từ đó, tôi không còn đóng khung vào 1 đạo giáo nào cố định, và đã đi vào khoa tôn giáo đối chiếu, tìm hiểu và so sánh mọi đạo giáo. Sau đó, tôi lại nhận thấy rằng Trời ở trong tâm khảm mình, Chân, Thiện, Mỹ là ở trong mình. Nên biến thiên, tiến hóa, hay Hằng Cửu cũng nằm gọn trong mình. Đi tìm tòi nơi xa vời, nghe tuyên truyền, dụ dỗ, nhất nhất đều là mê vọng.

Nói thế, có nghĩa là Kinh Dịch đã tiềm ẩn trong lòng mình, vì Thái Cực là chốt Dịch, đã nằm sẵn trong mình, và mọi sự biến thiên, tiến hóa của Kinh Dịch cũng đều do nơi ta. Xưa nay thiên hạ có gì hay, có gì tốt, đều do Thái Cực trong ta đã xui nên. Trong ta có 2 phần: Thiên bẩm (inné), và Thủ đắc (Acquis).

Cho nên, khi tôi viết Kinh Dịch, đã đi từ lòng sâu con người là Vô Cực, Thái Cực, đi dần ra Hà Đồ, Lạc Thư, Âm Dương, Tứ Tượng, Ngũ Hành, Tượng, Từ, Hào, Quải, Vạn Hữu, Vạn Tượng, và các hoàn cảnh dở hay mà con người có thể gặp. Thế là đi từ Tĩnh lãng nội tâm ra tới ồn ào ngoại cảnh. Muốn cho Kinh Dịch trở nên cao siêu, trang trọng tôi đã dịch Kinh Dịch hoàn toàn bằng thơ, mong rằng:

Lời lời ngọc nhả, châu phun,

Lưu cho hậu thế muôn vàn dài lâu.

Và

Lời thơ ta rút đáy lòng muôn thuở,

Cho giáng trần,cho khoác áo văn chương.

Tôi đã muốn:

Rẽ sóng thời gian tìm nghĩa lý,

Khơi lòng Trời đất lấy tinh hoa...

Như vậy, học Dịch là để biết các lớp lang biến hóa, chuyển dịch của vũ trụ và của lòng mình; nhân đó sẽ suy ra được chiều hướng tiến, thoái, và sẽ trở về được với Bản Thể duy nhất, tiềm ẩn nơi đáy lòng mình.

Khi viết bộ Dịch này, tôi đã khám phá ra được nhiều điều mới mẻ:

1). Dịch trình bầy học thuyết Thiên địa vạn vật đồng nhất thể, với các hệ luận của nó, như Nhất thể tán vạn thù, vạn thù qui nhất thể hay Đồng qui nhi thù đồ. Hiện nay nhân loại còn tưởng rằng muôn loài có muôn bản thể khác nhau. Tuy nhiên, Khoa Học đã giúp ta thay đổi tầm nhìn, lối nghĩ dần dần.

2). Và tôi nhìn thấy Thái Cực trong mọi người chúng ta. Đó là Lương tâm, là Thiên Nhãn trong ta. Lương tâm trong ta, thời muôn đời bất biến. Còn Nhân tâm trong ta thời luôn luôn biến thiên. Chúng ta dần dần phải trút bỏ cái gì Biến Thiên để đi vào Bất Biến, tức là bỏ Tiểu Ngã để trở về Đại Ngã.

3). Dịch có Tiên Thiên & Hậu Thiên. Tiên Thiên là cái gì Hoàn Thiện, Lý tưởng. Hậu Thiên là cái gì bất toàn, là thực tại, là những gì ta trông thấy, nhìn thấy trong cuộc đời chúng ta. Phục Hi vẽ ra 8 quẻ và 64 quẻ Tiên Thiên. Văn vương vẽ và viết ra 8, và 64 quẻ Hậu Thiên. Hà đồ là Tiên Thiên, Lạc thư là Hậu Thiên. Dịch có mục đích khuyên ta đi từ Hậu Thiên trở về Tiên Thiên.

4). Phục Hi vẽ 8 và 64 quẻ Tiên Thiên, cho thấy rằng Dịch chỉ có Âm và Dương. Mà Âm phải đi trước, Dương phải đi sau, mới trọn đạo Trời. Đi được hết con đường ấy, là hoàn thành được Thiên Tính của mình.

5). Nghiên cứu sâu xa hơn, tôi thấy 64 quẻ Tiên Thiên chia làm 2 nửa rõ rệt: Nửa phải là 32 quẻ Âm, từ quẻ 1 Âm đến quẻ 6 Âm: 1 Âm là Cấu, 2 Âm là Độn, 3 Âm là Bĩ, 4 Âm là Quan, 5 Âm là Bác, 6 Âm là Khôn.

Còn nửa trái, cũng có 32 quẻ Dương, từ quẻ 1 Dương, đến quẻ 6 Dương : quẻ 1 Dương là Phục, 2 Dương là Lâm, 3 Dương là Thái, 4 Dương là Đại Tráng, 5 Dương là Quải, 6 Dương là Kiền.

Nửa Âm là nửa đời đầu con người (50 năm đầu của cuộc đời), khi ấy con người phải dấn thân vào cuộc đời, phải đua tranh với đời, phải xây dựng giang sơn, tổ quốc.

Nửa Dương là nửa đời sau con người (50 năm sau của con người), khi tóc đã hoa dâm, khi ấy con người phải biết quẳng gánh lo, quay về lo tu tỉnh nội tâm, mong sao có thể trở thành Thánh Hiền, Tiên, Phật.

Thiệu Khang Tiết cho rằng: Con người phải đi nửa chiều Âm trước, cốt là đi vào vật chất, khám phá và tìm hiểu vật chất, và phải đi nửa chiều Dương sau, để tìm hiểu căn cốt về tâm hồn mình. Có như vậy, cuộc đời mới thực đẹp đẽ.

Có điều lạ là 32 quẻ Âm đều nằm về hướng Tây, còn 32 quẻ Dương lại nằm về hướng Đông, y như Dịch muốn nói rằng Văn minh vật chất phải nhường cho Âu Mỹ lãnh đạo, còn Văn minh tinh thần phải

nhường cho Á Châu chỉ huy.

6).Vòng Dịch Tiên Thiên (8 và 64 quẻ) xếp theo nhẽ Âm trưởng, Dương tiêu ở nửa bên phải (hình con cá đen) và Dương trưởng, Âm tiêu ở nửa bên trái (hình con cá trắng).

Còn Dịch Hậu Thiên của Văn vương thì xếp theo cách lộn lạo, đảo điên. Ý nói, trên đời vấn đề gì cũng có xuôi, có ngược, cần nghiên cứu mọi mặt cho thấu đáo, như vậy mới tránh được lỗi lầm, tránh được rủi, gặp được may.

7). Tôi đã sửa một lỗi của Dịch. Dịch xếp Tứ Tượng như sau: Thiếu Dương, Thái Âm, Thiếu Âm, Thái Dương. Tôi thấy không ổn. Vì con trai nhỏ (Thiếu Dương), lớn lên không thành được con gái lớn (Thái Âm), và con gái nhỏ (Thiếu Âm) không thể thành con trai lớn (Thái Dương). Nên cái mà Dịch gọi là Thiếu Dương, tôi gọi là Thiếu Âm, cái mà Dịch gọi là Thiếu Âm tôi gọi là Thiếu Dương, và ta sẽ có: Thiếu Âm, Thái Âm, Thiếu Dương, Thái Dương; đúng với lẽ Âm trưởng, Dương tiêu và Dương trưởng, Âm tiêu của Trời đất.

8). Tôi đã tìm ra được Dịch biến thiên và xoay quanh 1 Tâm điểm. Tâm điểm ấy chính là Thái Cực, và được tượng trưng bằng con số như 5, 10, 15. Ở nơi con người thì Tâm điểm ấy là Thiên Tâm, Chân Tâm, Cốc Thần, Thái Cực, Lương tâm con người, ở ngay giữa đầu não con người, nơi mà ta gọi là Nê Hoàn Cung, Huyền Quan Nhất Khiếu hay Huyền Tẫn Chi Môn.

Tâm điểm thời bất biến, Vạn Tượng bên ngoài thời biến thiên. Con người phải tiến từ Vạn Tượng về với Thái Cực. Khi vào tới Thái Cực thì Nho Gia gọi là đạt đạo Trung Dung, Phật gia gọi là đạt tới Kim Cương, Viên Giác, Lão gia gọi là đã luyện xong Kim Đơn. Á Châu còn gọi chung là Qui Nguyên, Phản Bản.

9). Tôi càng ngày càng thấy Dịch dạy ta phải luôn luôn tiến hóa. Tiến hóa chính là biến Dịch. Vì thế Trình Tử mới nói: Tùy thời biến Dịch, dĩ tòng Đạo.

Mà tiến hóa là gì? Là đi từ thô thiển tới tinh vi, từ Phàm phu tới Sĩ phu, Quân tử, Hiền Thánh. Chúng ta nên phân biệt Tiến Hóa (évolution) với Thích ứng ngoại cảnh (adaptation). Trong Kinh Dịch, ta thường thấy nhắc đến Quân tử và Tiểu nhân. Quân tử có thể là những người biết tiến hóa, Tiểu nhân là những người chỉ biết thích ứng với hoàn cảnh.

Đạo Lão cho rằng Quân tử là những người tuân theo được những khuôn mẫu truyền thống; Hiền nhân là những người thoát ra được vòng cương tỏa của cuộc đời; còn Tiểu nhân là những người sống theo thất tình, lục dục, chỉ biết lo sống và hưởng thụ. Họ tiến lên nấc thang xã hội bằng sức mạnh, bằng mưu mô, bằng bất công và bạo lực, chỉ biết nghĩ đến mình mà quên người.

10). Xưa nay, các nhà bình giải Kinh Dịch, chưa ai phân biệt quẻ Kép khác quẻ Đơn cái gì? Tôi nhận định như sau: Quẻ Đơn tượng trưng cho Vạn Hữu, quẻ Kép tượng trưng cho Mọi hoàn cảnh mà vạn hữu và nhân quần gây nên trong khi giao tiếp với nhau. Thượng Kinh & Hạ Kinh viết lại 64 quẻ, tức là đưa ra 64 hoàn cảnh tượng trưng, để dạy cho con người phương pháp sử xự cho khéo léo, tùy theo mỗi hoàn cảnh mình gặp.

11). Ngoài ra, tôi còn dùng Tâm Điểm và 6 vòng tròn đồng tâm để giải Dịch: Tâm điểm là Thái Cực, 6 vòng tròn đồng tâm bên ngoài là 64 quẻ Dịch,

mỗi Hào nằm trên một vòng tròn. Nay nếu ta đem xoay chuyển, vận động các vòng tròn đồng tâm nói trên, thì

Tâm điểm sẽ đứng yên một chỗ, còn các vòng tròn bên ngoài sẽ xoay chuyển và chịu định luật thăng giáng, biến thiên. Ngoài ra chúng còn chịu định luật ly tâm và hướng tâm. Nếu vậy, muôn vật trong vũ trụ,

tức là những gì đã có hình tướng, đều sẽ phải chịu những định luật biến thiên, thăng trầm, ly tâm (Force centrifuge), hướng tâm vậy(Force centripète). Ly tâm là Tán, là hướng ngoại (Extroversion); Hướng tâm là Tụ, là hướng nội (Introversion).

12). Sau cùng, tôi suy thêm nếu Dịch là Biến, nếu Dịch là một khoa Triết Học, chuyên khảo về Bản Thể bất biến và các Hiện Tượng biến thiên, thì Dịch phải được coi là một Khoa học phổ quát, và muốn khảo Dịch cho có kết quả, không nên gò bó mình vào những lời bình giải của Nho Gia, mà còn phải:

* Khảo các Đạo giáo

* Các Triết gia Âu, Á.

* Các phát minh khoa học.

* Các Học thuyết Triết Học, Khoa Học cổ kim nữa.

Từ thế kỷ 17, Leibniz nhà toán học Đức (1616 - 1716) cũng đã dày công nghiên cứu Dịch, vẽ lại 64 quẻ Dứch theo công thức của khoa Nhị nguyên toán pháp (Arithmetique binaire ou arithmetique dyadique)

Sang tới thế kỷ 19, tinh thần Kinh Dịch đã thâm nhập sâu xa vào Triết Học, Khoa Học Âu Châu, với thuyết tiến hóa của Lamarck, Darwin, với biện chứng pháp (tức Dịch Lý) của Hégel, và Marx, với thuyết tương đối của Einstein cũng như những quan điểm mới mẻ nhất về tương quan giữa năng lực và vật chất của những nhà Bác Học Âu Mỹ, với quan niệm của Werner Heisenberg: dưới mọi hình thái biến thiên của vũ trụ chỉ có một bản thể duy nhất.

* Năm 1950, hai nhà bác học Francis Crick và James Watson đã tìm ra được cơ cấu DNA cho muôn loài muôn vật.

* Năm 1963, người ta tìm ra được mật mã di truyền học (Genetic code). Năm 1961, khi làm quyển Trung Dung, nơi trang 267, tôi đã chứng minh rằng 64 mã số (codons) trong khoa di truyền hoàn toàn giống thứ tự 64 quẻ Dịch Phục Hi. Nhưng tôi chưa hề công bố, nên cũng như không. Năm 1974, ông Harley Bialy tuyên bố cơ cấu DNA hoàn toàn giống 64 quẻ Dịch. Ngày nay, nhiều nhà Bác Học cũng đồng ý như vậy.

* Ông Gunther Stent trong quyển The Coming of the Golden Age (1969), ông Martin Schonberger trong quyển The I Ching and the Genetic Code (1979), Ông Johnson F. Yan (Nghiêm Tôn Hiến) trong quyển DNA and the I Ching (1991) v.v... đang triệt để khai thác các vấn đề trên.

* Chúng ta cũng ta cũng nên biết rằng, năm 1957 hai nhà Bác Học trẻ tuổi người Trung Hoa, Yáng Zhèn Ning (Dương Chấn Ninh),và Li Zhèn Dào (Lý Chính Đạo), đã tuyên bố nhờ đọc Kinh Dịch mà đã phát minh và chứng nghiệm rằng trong thế giới điện tử, phía phải và phía trái không có cùng đặc tính như nhau. Công trình này đã được giải thưởng Nobel (1957) về vật lý và đã làm chấn động giới khoa học chẳng kém gì thuyết tương đối của Einstein.

Mong rằng các nhà bác học tương lai sẽ còn có nhiều người đi vào con đường này.

Tôi sẽ in bộ sách này thành 3 Tập:

- Tập đầu, khoảng 500 trang, bàn về Dịch Lý, Vô Cực, Thái Cực, Hà Đồ, Lạc Thư, Âm Dương, Tứ Tượng, Ngũ Hành. Tập đầu bàn về Thiên đạo, về Cốt Dịch (quí vị nào muốn khảo cứu, Học Dịch để muốn tìm ra cái gì mới, nên đọc kỹ quyển này). Từ xưa nay, các Học giả chưa ai chịu bàn về các vấn đề trên cho tường tận, và đi vào Dịch là đi ngay vào quẻ, vào Hào, như vậy Dịch sẽ mất đi phần Thái Cực, mà chỉ bắt đầu bằng phần Âm Dương, y như là con rồng mất đầu, chỉ biết có Âm Dương biến thiên, mà không biết có Hằng Cửu là Thái Cực. Tập đầu dạy cách làm Thánh Hiền, và cho ta nhiều kiến thức, nếu ta muốn tiến

thêm.

- Tập 2 là Thượng Kinh (khoảng gần 400 trang) nơi đầu có phần Dịch Kinh giản lược, giảng sơ để người coi sau này khi vào các quẻ sẽ hiểu dễ dàng hơn, sau đó là giải 30 quẻ Dịch đầu tiên.

- Tập 3 là Hạ Kinh (khoảng trên 600 trang, gồm Hạ Kinh, Hệ Từ, Thuyết Quái, Tự Quái, Tạp Quái.). Hai quyển sau bàn về Đạo quân tử, đạo làm người và dạy giải quyết mọi hoàn cảnh khó khăn xảy ra trong cuộc đời.

Trong khi soạn thảo bộ Dịch này, tôi đã dùng nó để dạy ở nhiều nơi như: Đại Học Minh Đức, cho một số sinh viên Văn Khoa, Thông Thiên và Cao Đài tại trường Nhân Vị, Cơ Quan Phổ thông giáo lý Cao Đài, và chùa Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Mỗi khóa giảng chừng 4 năm. Học viên có người 80, 90 tuổi, có người chưa tới 30 tuổi.

Bộ Dịch này, tôi đã viết xong vào khoảng năm 1973. Hồi đó đã nhiều cơ quan muốn xuất bản nó như Khai Trí, Cao Đài, Đại Học Minh Đức, nhưng lúc đó đất nước chưa biết ra sao, nên tôi đành chờ.

Đến kỳ lễ Sinh Nhật năm 1995, nhà tôi sau khi đọc ít quẻ, thấy nó rất có ích cho thế hệ sau, nên nhà tôi quyết tâm cho xuất bản bộ này. Mới đầu thuê người đánh máy, nhưng sau muốn cho hoàn hảo chu toàn hơn, hơn nữa lại muốn phổ biến trong giới Sinh viên, với ước mong các em sẽ tìm được cái gì mới mẻ để phát minh, ngõ hầu mang lại lợi ích cho quốc gia, dân tộc sau này, nên nhà tôi đã tự học đánh computer, tự đánh lấy, và soạn phần ÁP DỤNG VÀO THỜI ĐẠI, để các em thấy Học Dịch là nên áp dụng vào đời sống, vào mọi sự, một cách biến hóa, và để nhắc nhở các em rằng Dịch có từ thời Thượng Cổ, mà cho tới ngày nay vẫn dùng được trong Khoa Học, thì đừng nên bao giờ bỏ quên nó, vì học nó rất có lợi cho Tinh Thần lẫn Vật Chất.

Đặc biệt 2 quyển sau này, phần cuối tất cả các quẻ, đều có mục ÁP DỤNG CHO THỜI ĐẠI, nó rất có lợi ích cho chúng ta hiện nay, khi phải đương đầu với bao nỗi khó khăn trong cuộc sống hiện tại, mà từ xưa tới nay từ Á sang Âu chưa có vị nào làm ra, nên độc giả luôn cho là đọc Dịch và hiểu Dịch quá khó. Tôi đề nghị như sau:

* Quý vị nào đã hiểu Hán Văn, đọc từ đầu quẻ.

* Quý vị nào đã đọc các sách Dịch, mà không hiểu ý nghĩa của nó lắm, thì nên đọc phần Bình giảng, hoặc phần Áp dụng vào Thời đại trước.

* Các em sinh viên, hoặc các vị mà trình độ văn hóa trung bình, nên đọc phần Áp dụng vào Thời đại trước, vì phần này nhà tôi soạn, đã dùng những lối văn rất thông dụng, dễ hiểu, để cho chúng ta với lứa tuổi 18 trở lên, sức học đọc, viết, và nói được thông thạo tiếng Việt là có thể hiểu được một cách dễ dàng.

Quý vị đừng ngại bộ Dịch quá dài, không có thì giờ đọc, thực ra nó có 64 quẻ = 64 đoạn khác sau + 9 Chương của Tập I, và những đoạn, những Chương này không liên lạc gì với nhau, nên đọc sau, trước gì cũng được. Quý vị đọc nó như đọc báo, dần dần nó sẽ thấm nhập. Hơn nữa, với phần Áp Dụng vào Thời đại, và những điển tích trong phần Bình Giảng, sẽ làm quí vị thích thú, và lúc đó lại ước phải chi nó dài hơn..., đó là lý do tại sao nhà tôi lại say mê, tiếp tay với tôi, để cho nó ra đời giữa lúc khó khăn này.

Nhà tôi đã sửa sang lại bộ Dịch của tôi, cho nó được chững chàng hơn, và đã làm phần áp dụng vào Thời đại cho mỗi quẻ, nên đã ký tên chung làm Kinh Dịch với tôi. Tôi không bao giờ ngờ được về già, nhà tôi đã đi được với tôi vào Thiên Đạo. Đó là một phần thưởng lớn cho tôi, khi già yếu, tàn tật. Còn phần chữ Hán, thì nhà tôi khuyên tôi nên đảm nhiệm. Mới đầu tôi không chịu, vì thấy quá sức tôi. Nhà tôi phải khuyến khích mãi, tôi mới chịu. Nay thì mọi chuyện đã êm đẹp. Tôi bị Stroke từ 7 năm nay, tay phải bị bại không cử động được, nhưng đánh mổ cò bằng tay trái vẫn được.

Tôi nghĩ bộ Dịch này rất có ích cho thế hệ mai sau, và chắc chắn sẽ được ơn trên thu xếp cho đâu vào đấy.

Bác sĩ Nhân tử Nguyễn văn Thọ

Nguyên giảng sư Triết Học Trung Hoa (Đại học Văn Khoa Saigon)

Nguyên giáo sư Triết Trung Hoa (Đại Học Minh Đức Saigon)

và bà Nguyễn văn Thọ tức Huyền Linh, Lê thị Yến

chuyết đề.

Westminster, thứ năm ngày 17 tháng 10 năm 1996

» Mục lục | **Lời nói đầu** | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2

Phần 1

DỊCH HỌC NHẬP MÔN

chương sau

Chương 1. Dẫn Nhập

Học Dịch có thể chia ra làm hai đường lối:

1. Một là học gốc Dịch tức là chuyên khảo về Vô Cực, Thái Cực, tìm hiểu về nguồn gốc của vũ trụ và con người.

2. Hai là học ngọn Dịch tức là khảo sát về lẽ Âm Dương tiêu trưởng của trời đất, tuần tiết thịnh suy của hoàn võ, tức là học về các Hào, Quải, học về Tượng, Từ, Số.

Học Dịch theo lối thứ nhất sẽ giúp ta tìm lại được căn nguyên của tâm hồn và biết đường tu luyện để tiến tới Chân, Thiện, Mỹ, Phản bản, Hoàn nguyên.

Học Dịch theo lối thứ hai có thể giúp ta tiên tri, tiên đoán phần nào vận hội, khí thế của lịch sử nhân loại, cũng như những động cơ biến hóa trong hoàn võ..

Chúng ta nên nhớ Dịch là do Trời truyền! Phục Hi, Văn Vương, Chu Công, Khổng Tử đều là những người đã được Thượng Đế mặc khải, đều có những khối óc siêu việt. Các Ngài đã dày công suy tư, khảo sát, ghi chú, sáng tác mới lưu truyền cho chúng ta được gia tài Dịch học quí báu ấy. Đi vào khoa Dịch học, ta phải cố gắng đạt cho được vi ý cổ nhân, tìm cho ra cội rễ cuộc đời, gốc gác vũ trụ, những định luật chi phối mọi sự biến thiên của đất trời, cũng như viễn đích, cùng lý của quần sinh, và nhân loại. Chúng ta sẽ dùng những họa bản Dịch để làm những bản đồ chỉ đường, dẫn lối cho tâm thần ta băng qua các lớp lang biến ảo bên ngoài của vũ trụ để đi vào căn nguyên bất biến, tâm điểm hằng cửu của trần hoàn. Từ đó ta sẽ đi ngược lại, để tìm cho ra dần dần các căn cơ, then chốt cũng như những nhịp điệu, tiết tấu của mọi biến thiên.[1]

Sự khảo cứu này sẽ đòi hỏi chúng ta nhiều công phu, bắt buộc ta phải tiềm tâm suy cứu đêm ngày, nhưng cũng rạt rào lý thú. Sự học hỏi của chúng ta sẽ không phải là một sự cóp nhặt máy móc, mà là cả một công trình sáng tạo hồi hộp. Sự tìm tòi học hỏi này cũng có thể giúp chúng ta gạn đục, khơi trong cõi lòng để hòa hài cùng Tạo Hóa,[2] để gặp gỡ lại các Thánh Hiền muôn nơi, muôn thủa.

Thực vậy, nhìn vào các đồ bản Dịch ta sẽ lĩnh hội được sự kiện vô cùng quan trọng này là Tạo Hóa

hay Thái Cực ẩn áo ngay trong lòng sâu Vạn Hữu. Tạo Hóa và Vạn Hữu hợp lại thành một đại thể, y như một cây vĩ đại có muôn cành lá, hoa quả xum xuê.[3]

Thái Cực, Tạo Hóa là căn cốt; Vạn Hữu là những hiện tượng biến thiên chuyển dịch bên ngoài.

Suy ra: nếu ta biết vượt qua những lớp lang, biến ảo của hoàn cảnh, xác thân và tâm hồn, ta sẽ tìm về được với Tạo Hóa, với Thái Cực ẩn áo nơi đáy lòng ta.

Thế tức là: từ ngọn suy ra gốc, từ biến thiên suy ra hằng cửu, từ các tầng lớp biến thiên bên ngoài suy ra tâm điểm bất biến bên trong. Như vậy học Dịch là để biết các lớp lang biến hóa, chuyển dịch của vũ trụ và của lòng mình; nhân đó, sẽ suy ra được chiều hướng tiến thoái và trở về được cùng bản thể duy nhất, tiềm ẩn nơi đáy lòng mình. Xưa nay đã có biết bao người nhờ học Dịch mà trở về được với căn nguyên của mình, với Trời, với Thái Cực.

Ngụy bá Dương chân nhân đời nhà Hán, tác giả bộ Chu Dịch Tham Đồng Khế, một bộ sách căn bản cho đạo Thần Tiên, đã đề tựa sách như sau:

Đạo Thần Tiên luyện đơn, tu Đạo thực hết sức giản dị: chẳng qua là kết hợp với Thái Cực (Tạo Hóa) mà thôi[4]

Ông giải thích:

Tham là tham dự cùng Thái Cực.

Đồng là hòa đồng cùng Thái Cực.

Khế là khế hợp với Thái Cực. [5]

Thái Uyên, nho gia thời Tống cho rằng: Người quân tử học Dịch để tiến tới thần minh[6]

Tác giả quyển Thái Cực quyền bổng đồ huyết cho rằng: Dịch là một phương pháp, một con đường lớn lao, trọng đại giúp ta trở về với Trời, với Thượng Đế.[7]

Văn đạo Tử gần đây cũng chủ trương rằng học Dịch cốt là để tìm cho ra căn cốt tinh hoa của mình, tìm cho ra định mệnh sang cả của mình, tìm cho ra nhẽ phản bản hoàn nguyên, chứ không phải vụ chuyện bói toán, sấm vĩ.[8]

Người xưa chê những người học Dịch một cách thiển cận, bỏ căn bản, để đi tìm chi mạt, ngọn ngành như sau:

Chư Nhu đàm Dịch mạn phân phân

Chỉ kiến phiền chi bất kiến căn

Quan tượng đồ lao suy hỗ thể,

Ngoạn từ diệc thị sính không ngôn,

Tu tri nhất bản sinh song cán,

Thủy tín thiên nhi dữ vạn tôn.

Khiết khẩn Bao Hi vi nhân ý

Du du kim cổ hướng thùy luân. [9]

Tạm dịch:

Chư Nho bàn Dịch nói lông bông,

Ngành ngọn tinh tường, gốc chẳng thông

Xem Tượng, tốn công suy quẻ Hỗ

Ngoạn Từ, phí sức sính lời không

Có hay một gốc hai cành chẽ

Mới thấy nghìn con, vạn cháu đông,

Nối gót Phục Hi ai đó tá,

Ngàn sau tri kỷ, dạ vời trông.

Cổ nhân xưa tìm ra được bí quyết của Hóa Công, tạo ra được Hà Đồ, Lạc Thư, Hồng Phạm, sáng tác ra được Dịch Tượng, Dịch Quái, không phải vì thấy Thần qui, Long mã, mà chính vì đã biết quan sát hiện tượng đất trời, tiềm tâm suy cứu, để đi sâu vào đáy lòng vũ trụ, vào tới Thiên địa chi tâm, Hoàng cực chi cực, để rồi từ đó, có cái nhìn bao quát cả nội giới lẫn ngoại giới.

Cho nên điều kiện căn bản để học Dịch cho có kết quả là:

- Khảo sát kinh văn.

- Quan sát nội giới, ngoại giới.

- Tiềm tâm suy cứu. [10]

Có như vậy mới tìm ra được vi ý cổ nhân, tìm ra được nhẽ biến hằng của trời đất cũng như của bản thân, tìm ra được bản nguyên vũ trụ tiềm ẩn ngay trong lòng mình, tìm ra lẽ nhất quán ngay trong người mình. [11]

Khi con người tìm ra được căn nguyên của tâm hồn, sẽ không còn quan niệm theo đường lối qua phân gián cách. Khi đã nhận thức được bản nguyên duy nhất ẩn tàng dưới các lớp lang phiến diện của vũ trụ, tâm hồn sẽ khai thông được nguồn mạch ánh sáng, sẽ thông tuệ, sẽ trực giác, và sẽ nhìn thấy rõ hướng đi của tâm thần. Dần dà nhờ sự trung thành theo rõi ánh Hào quang ẩn ước chỉ đường, nhờ sự bền bỉ trên hướng đi đã được chỉ vạch, lướt thắng mọi gian lao, mọi cạm bẫy, mọi trở ngại gây nên bởi tà ma, vật dục; thức thần, kiêu ý, tâm hồn càng ngày càng thấy căn tâm bừng sáng, hạo khí gia tăng.

Dần dà tâm hồn sẽ nhận ra Chân Thể tiềm ẩn đáy lòng khỏi mất công tìm tòi, mò mẫm như xưa. Lúc ấy tâm hồn sẽ phát huy, phóng phát được ánh Thiên Chân ra bên ngoài, soi sáng cho thế nhân biết đường lối Qui nguyên, Phản bản. [12]

Muốn học Dịch cho có kết quả, cần phải tìm cho ra lẽ biến hằng ngay trong lòng mình, tìm ra được bản nguyên của vũ trụ, được lẽ nhất quán ngay trong lòng mình.

Khi tìm ra được căn nguyên, sẽ thông tuệ, sẽ nhận thức và sẽ tìm ra được Thiên Chân. Nhận ra được Thiên Chân, là vào được tâm điểm của vòng Dịch. Lúc ấy sẽ biết được những định luật chi phối sự biến Dịch, lý do và mục đích của sự biến Dịch.

Chu Tử nói: Cái vi diệu của Tạo Hóa, chỉ có những người đi sâu vào nguyên lý mới có thể biết được [13]

Hoàng miễn Trai viết: Trí tri là phương tiện để vào đạo, mà trí tri đâu có dễ; cần phải nhận thức được thực thể của vũ trụ; lúc ấy đầu đuôi cơ sự mới hiển lộ ra; bằng không thì chỉ là giảng thuyết văn tự, ngày một lao sao, làm cho bản thể vỡ vụn, mà căn nguyên cũng chẳng biết là chi. [14]

Ông viết thêm: Lòng nguyên vẹn, không bị xuyến xao, chia xẻ mới có thể thấy được cái bao la của

Đạo thể, có học nhiều biết rộng, mới rõ được cái tế vi của Đạo thể.

Trên phương diện bản thể, bản tính, thì vạn vật in nhau, nhưng trên phương diện biến Dịch thì mọi sự, mọi vật đều có một vẻ mặt khác lạ. Cho nên tồn tâm sẽ hàm súc được Lý vạn vật; bác học sẽ hiểu rõ Lý vạn vật [15]

Nếu ta học Dịch với mục đích là tìm chân lý, tìm nguyên thể, thì chẳng những ta tìm ra được bản ý của các hiền triết Á đông, mà còn tìm ra được bình sinh chi chí của các hiền triết Âu Châu.

Thực vậy, Héraclite nghiên cứu sự biến Dịch chính là để tìm cho ra Đạo thể (Logos), cho ra Chân lý đại đồng phổ quát. [16]

Salomon Ibn Gebirol cũng khuyên mọi người hãy vươn lên cho tới bản thể, để thực hiện định mệnh mình và để được hạnh phúc, khoái lạc tuyệt vời. [17]

CHÚ THÍCH

[1] L'homme qui étudie le Livre des Changements connaîtra la raison d'être du bonheur et du malheur, de la décadence et de l'élévation, et la voie rationelle (Tao) selon laquelle il convient d'avancer ou de reculer, de laquelle il résulte le salut ou la perte.

-- Yi king, tome I, page 11, en note.

-- La voie rationnelle, page 67, note 2)

[2] Duy tích thánh hiền hoài huyền bão chân. 唯 昔 聖 賢 懷 玄 抱 真 .-- Chu Dịch Tham Đồng Khế.

[3] Xem các họa bản Dịch của Phục Hi.

[4] Chu Dịch Tham Đồng Khế - trang 1.

[5] Ib. 1.

[6] Quân tử học Dịch nhi chí ư thần dã. 君 子 學 易 而 至 於 神 也.-- Trùng Biên Tống Nguyên Học Án, quyển III, trang 678.

[7] Dịch chi vi thư giáo nhân hồi Thiên chi đại Kinh đại pháp dã. 易 之 為 書 教 人 回 天 之 大 經 大 法 也.-- Trần thị, Thái cực quyền bổng đồ thuyết - trang 52.

[8] ... Lại Thiên tâm nhân ái cố sử long mã phụ Đồ xuất ư Hà, thần qui tải Thư xuất ư Lạc, sở dĩ chiêu thị thánh nhân tỉ đạo tư dân phản bản qui căn dĩ chí ư Đạo nhĩ. Tiên Thánh nhân chi nhi hoạch quái, dĩ minh Âm Dương vận hành chi đạo. Hậu Thánh xiển chi nhi thành Dịch, dĩ cùng tính mệnh phản hoàn chi lý. Thiển kiến giả bất sát, hoặc cánh mục vi bốc phệ sấm vĩ chi thuật, vụ ngoại nhi thất nội, xả bản nhi trục mạt, khuy đắc nhất đoan dĩ tự hảo, nhi bất kiến đạo chi đại toàn. 賴 天 心 仁 愛 故 使 龍 馬 負 圖 出 於 河, 神 龜 載 書 出 於 洛, 所 以 昭 示 聖 人 俾 導 斯 民 返 本 歸 根 以 至 於 道 耳. 先 聖 因 之 而 劃 卦, 以 明 陰 陽 運 行 之 道. 後 聖 闡 之 而 成 易, 以 窮 性 命 返 還 之 理. 淺 見 者 不 察, 或 竟 目 為 卜 筮 讖 緯 之 術, 務 外 而 失 內, 舍 本 而 逐 末, 窺 得 一 端 以 自 好, 而 不 見 道 之 大 全. -- Văn Đạo tử giảng đạo tinh hoa lục, quyển I, trang 9.

[9] Dịch Kinh Đại Toàn, trang 35b.

[10] Tử viết: Ngô thường chung nhật bất thực, chung dạ bất tẩm dĩ tư. 子 曰: 吾 常 終 日 不 食, 終 夜 不 寢 以 思. -- Luận Ngữ - Vệ Linh Công, XV câu 30.

[11] La conscience pénètre dans le plan du Centre métaphysique. -- M. Sénard - Le Zodiaque - page 33.

[12] Lorsque l'identité humaine découvre l'origine de sa conscience, elle cesse de concevoir par catégorie et dualisme.

Lorsqu'elle prend conscience de l'Unité sous-jacente de l'univers, elle s'ouvre à la lumière de l'intuition qui la féconde; elle naît ainsi à la lumière de l'Intelligence claire et saisit la direction que doit suivre sa volonté. Puis par la fidélité constante au rayon entrevu, persistant dans cette même direction malgré les pièges et les obstacles de l'esprit des ténèbres, matérialisme, sensorialité, rationalisme, orgueil, elle sent croître en elle la lumière et avec elle la force. Peu à peu elle voit, reconnaît, concoit la divinité qu'elle cherchait d'abord obscurément tandis qu'elle la portait en elle, et peut alors la manifester dans le monde sensible. La servante de Dieu est devenue la Mère du Verbe, le lien et l'interprète entre l'Inconscient et le Supraconscient, entre la Terre et le Ciel, entre l' Esprit et son Pôle réceptif, la substance, et la Vierge ouvre ainsi à l'homme la Voie du retour à L'Essence. -- Sénard, Le Zodiaque, pages 196, et 197.

[13] Tạo Hóa vi diệu, duy thâm ư lý giả năng thức chi. 造 化 微 妙, 惟 深 於 理 者 能 識 之. --Trùng biên Tống Nguyên học án, quyển 3, trang 673.

[14] Trí tri nãi nhập đạo chi phương, nhi trí tri phi dị sự. Yếu tu mặc nhận thực thể phương kiến đoan đích. Bất nhiên, tắc chỉ thị giảng thuyết văn tự, chung nhật huyên hoa nhi chân thể đoạn, nguyên bất tằng thức. 致 知 乃 入 道 之 方, 而 致 知 非 易 事. 要 須 默 認 實 體 方 見 端 的. 不 然, 則 只 是 講 說 文 字, 終 日 喧 嘩 而 真 體 段, 元 不 曾 識.-- Trùng biên Tống Nguyên học án III, trang 693.

[15] Tôn đức tính, sở dĩ tồn tâm nhi cực hồ Đạo thể chi đại, đạo vấn học sở dĩ trí tri, nhi tận hồ Đạo thể chi tế. Tự tính quan chi, vạn vật chỉ thị nhất dạng. Tự đạo quan chi, tắc vật các thị nhất dạng, cố đãn tồn thử tâm nhi vạn vật chi lý vô bất hoàn cụ, duy kỳ các thị nhất dạng, cố tu cùng lý trí tri, nhi vạn sự, vạn vật chi lý phương thủy quán thông. 尊 德 性, 所 以 存 心 而 極 乎 道 體 之 大, 道 問 學 所 以 致 知 而 盡 乎 道 體 之 細. 自 性 觀 之, 萬 物 只 是 一 樣. 自 道 觀 之, 則 物 各 是 一 樣, 故 但 存 此 心 而 萬 物 之 理 無 不 完 具, 惟 其 各 是 一 樣, 故 須 窮 理 致 知, 而 萬 事 萬 物 之 理 方 始 貫 通. -- Trùng biên Tống Nguyên học án quyển III -- trang 692.

[16] Le vrai c'est l'universel, la totalité des fragments du monde, l'intelligence de l'universel, la méditation de l'invisible, la saisie totale de la totalité. (Kostas Alexos - Héraclite et la philosophie p. 64)

...Le Logos est la Raison une, universelle, unificatrice (Vernunft)

Héraclite et la philosophie - page 58-59.

[17] Si tu t'élèves jusqu'à la matière universelle et que tu t'abrites sous son ombre, tu y verras tout ce qu'il y a de merveilleux. Il faut donc que tu fasses pour cela les plus grands efforts, car c'est là le but auquel l'âme humaine est destinée et là est la plus grande jouissance et la plus grande félicité. -- M. Sénard, Le Zodiaque - page 323.

---

chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2

Phần 1

DỊCH HỌC NHẬP MÔN

chương trước

Chương 2. Đại chỉ của Kinh Dịch

Tiết I. Dịch Kinh với Triết học

Tiết II. Dịch Kinh với Luân lý

Tiết III. Dịch Kinh với Đạo giáo

Tiết IV. Dịch với những nguyên tắc khả dĩ đem lại một cuộc sống lý tưởng

Đề tài cũng như phạm vi, mục đích của Dịch Kinh thực là bao la vĩ đại. Thực vậy, Dịch Kinh muốn bao quát cả Vạn Tượng, Vạn vật, Vũ trụ, quán thâu tất cả các định luật của trời đất, vì thế Hệ Từ thượng đã viết Dịch dữ thiên địa chuẩn. Sở dĩ Kinh Dịch trở nên khó hiểu, chính là vì ta muốn hiểu từng chi tiết vụn vặt của sách. Cho nên muốn có ít nhiều ý niệm đơn giản, nhưng chính xác về Dịch, ta phải xét Dịch một cách tổng quát, đại cương về ít nhiều phạm vi như Triết học, Luân lý, và Đạo giáo.

TIẾT I. DỊCH KINH VỚI TRIẾT HỌC

A. DỊCH KINH VỚI KHOA SIÊU HÌNH HỌC

a/. - Quan niệm nhất thể vạn thù

Về phương diện triết học, Dịch đã khảo sát vũ trụ, về cả hai phương diện Biến với Hằng.

Dịch bàn về Thái Cực tức là bàn về Bản thể hằng cửu, siêu không gian, thời gian.

Dịch bàn về Hào, Quải là bàn về Vạn vật, Vạn Hữu, bàn về Hiện tượng (phénomènes), bàn về các hình thức biến hóa trong trời đất, bàn về sự di động biến thiên trong thế giới.

Chu Hy viết: Thái Cực là Đạo, thuộc Hình nhi thượng.(tức là Thái Cực là Bản Thể, là Tuyệt đối siêu xuất hình tướng.)

Âm Dương là khí dụng, thuộc hình nhi hạ (tức là thuộc hữu vi, hữu tướng). Cho nên, đứng về phương diện biến thiên, hiện tượng mà xét, thì ta thấy động tĩnh không đồng thời, Âm Dương không đồng dấu vết, nhưng nguyên lý về Âm Dương, động tĩnh đều đã hàm ngụ đầy đủ bên trong [1] Tiên Nho cho rằng: Khi

bản thể còn tịch nhiên chưa hiển dương, chưa biến hóa thì gọi là Tiên Thiên. [2] Khi đã phát lộ thành hình tượng thì gọi là Hậu Thiên.[3]

Theo luận cứ này, thì Thái Cực thuộc Tiên Thiên. Vạn Tượng, hay Âm Dương, Hào, Quải thuộc Hậu Thiên. Tiên Thiên vô hình tướng, Hậu Thiên hữu hình, hữu tướng [4]

1.- Thái Cực (Vô Cực), hay Lý là Bản thể muôn vật, Tuyệt đối, siêu thời gian, không gian, tiềm tồn (Substance, Forme, Essence, Noumène, Ousia. Phùng hữu Lan dùng chữ Subsist.)

2.- Âm Dương nhị khí, Hào, Quải tượng trưng cho Vạn Vật, Vạn Tượng thuộc Hình nhi hạ, là phần khí dụng, là Hiện tượng biến thiên, lệ thuộc không gian, thời gian. (Accident, contigent, phénomène, existence, matière. Phùng hữu Lan dùng chữ Exist) [5]

Nói cách khác, Dịch cho rằng dưới mọi hình thức biến thiên của vũ trụ, còn có một bản thể bất biến. Đó là Vô Cực, hay Thái Cực. Vạn Vật biến thiên bên ngoài chẳng qua là những hình thái biến thiên của bản thể ấy. [6]

Từ một bản thể, vạn vật càng ngày càng sinh hóa, càng ngày càng phân tán, càng ngày càng trở nên phiền toái, phức tạp, sinh ra muôn ngàn lưu phái, muôn ngàn chi diệp, tung tỏa ra cùng khắp đất trời.

Tuy nhiên muôn muôn ngàn ngàn hình thức thù tạp bên ngoài ấy vẫn cùng chung một gốc gác mà thôi. Các đồ bản của Dịch, hoặc viên đồ, hoặc hoành đồ cũng đều gợi cho ta ý niệm ấy. [7]Để mô tả quan niệm Một bản thể duy nhất sinh Vạn Tượng, Vạn Hữu, Dịch dùng hai phương pháp:

1). Từ ngữ

2). Biểu tượng.

Về từ ngữ, Dịch chỉ nói vắn tắt như sau: Dịch hữu Thái Cực, thị sinh Lưỡng nghi, Lưỡng nghi sinh Tứ Tượng v.v.. (Hệ từ thượng chương XI).

Khoa Luyện đơn cổ Ai Cập cũng có quan niệm tương tự. Ai Cập xưa cũng chủ trương: Thoạt kỳ thủy, có một nguyên chất bất diệt làm căn bản cho vạn vật. Nguyên chất ấy sinh ra hai chất gọi là Diêm (Soufre), và Cống (Mercure). Diêm, Cống sinh Tứ Tượng là Địa, Thủy, Hỏa, Khí [8]

Dịch ghi quan điểm trên bằng biểu tượng sau:

Khoa chiêm tinh học và Luyện đơn Âu Châu ghi quan điểm trên như sau

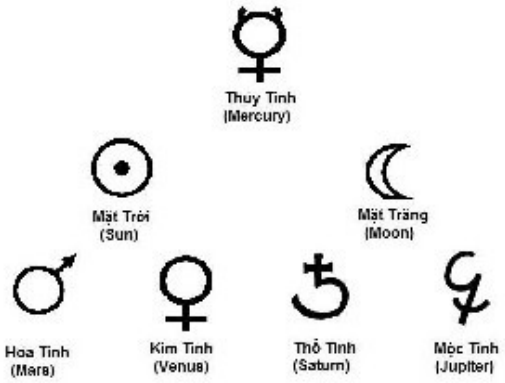

Cả hai đồ bản trên cũng vẫn chỉ là: Thái Cực sinh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng...

Từ hơn một thế kỷ nay quan niệm nhất thể vạn thù của Đông phương đã lan tràn vào lãnh vực Triết học, Khoa học Âu Châu.

Thuyết tiến hóa của Lamarck, Darwin căn cứ trên nguyên lý nhất thể, vạn thù, để biện minh rằng Vạn Hữu đã tiến tới ngày này nhờ sự biến hóa từ một sinh cơ, sinh vật đầu tiên. [9]

Weissmann chủ trương vạn sự đã tiềm ẩn trong cái trứng nguyên thủy. [10]

Georges LemaÛtre chủ trương vũ trụ đã xuất sinh từ một hồn khối nguyên thủy mà ông mệnh danh là nguyên tử nguyên thủy. [11]

Werner Heisenberg, một nhà Vật Lý học trứ danh chủ trương trong quyển La Nature dans la Physique contemporaine đại khái như sau:

Vũ trụ vạn vật tuy có 92 nguyên tố khác nhau, nhưng rút cục chỉ có ba là:

Dương điện tử (positron)

Âm điện tử (électron)

Trung hòa tử (neutron)

Nhưng Dương điện tử, Âm điện tử, Trung hòa tử chung qui vẫn chỉ là một Nguyên khí. Cho nên vũ trụ thật ra chỉ có một Nguyên khí, Nguyên chất nhưng có thể ở trong nhiều trạng thái khác nhau. [12]

b/.- Quan niệm vạn vật tuần hoàn chung nhi phục thủy của Dịch Kinh

Nếu Dịch chỉ chủ trương có một chiều biến hóa từ Thái Cực đến Vạn Hữu, từ nhất đến vạn, từ giản đến phiền thôi, thì chẳng có gì là cao đẹp, vì đó chỉ mới là chiều sa đọa, phá tán, tử vong của trời đất, chưa nói lên được chiều hòa hợp, đoàn tụ, siêu thăng, sinh tồn của vạn vật, chưa nói lên được nỗ lực của Vạn Hữu luôn luôn muốn vươn lên để trở về với Thái Cực.

Nhưng thực ra, Dịch không quan niệm biến hóa một chiều, và cho rằng khi vũ trụ đã biến hóa, đã phân tán đến cực độ, sẽ xoay chiều, đổi hướng, bước dần lên những nấc thang tinh thần để cuối cùng lại phục hồi Nguyên bản.

Nói cách khác, vũ trụ biến thiên không phải là theo một đường thẳng vô cùng tận, nhưng theo hai chiều Âm Dương, vật chất, tinh thần vãng lai, phản phúc để cuối cùng lại trở về Nguyên bản. Quan niệm trọng đại này đều được các tiên hiền cả Nho lẫn Lão công nhận.

Văn đạo tử viết: Mới đầu từ trong thuận hành mà sinh, cuối cùng lại trở lại để về ẩn tàng tại Trung điểm, Trung Hoàng Thái Cực, tìm ra được bản lai diện mục của mình. [13]

Lưu nhất Minh viết: trong quyển Tu chân biện nạn hậu biên tu chứng như sau: Dịch nói: Nguyên thủy phản chung, thế là biết lẽ tử sinh. Mạnh Tử nói: Bậc trí giả để ý suy cứu căn do, còn Thánh nhân để ý tìm cho ra cùng đích cuộc đời. Cho nên đạo cả của Thánh Hiền có đầu có đuôi, có gốc có ngọn. Biết được đầu, hay được cuối, khảo được gốc, cùng được ngọn, mới có thể thông suốt tòng đầu tuyệt vĩ, quán triệt, đại giác, đại ngộ... Giả sử còn có điều mịt mờ, thì ắt hành động sẽ mò mẫm, biết đã không đúng, thì làm sẽ ngắc ngứ không thông. Học giả phải cùng kỳ lý, rồi mới có thể đem ra mà thi hành áp dụng. Biết đến kỳ cùng, làm tới hoàn mỹ, đó là hai phương diện cần yếu, không thể nào không có được. Mà lý ấy chẳng qua là Đạo của trời đất, của Tạo hóa. Đạo của Tạo hóa có thể, có dụng, có đầu có đuôi, là môi trường cho Âm Dương đắp đổi, vận hành đổi thay, tiêu trưởng, biến hóa ở bên trong, nhưng mà chốt then quan hệ nhất, tâm điểm của tất cả mọi biến thiên, vẫn là Chân Nguyên nhất khí, vẫn là Thái Cực hư vô, vô hình, vô tượng... Hiểu được điều này, lập tức sẽ lên tới bậc Thánh Hiền, không hiểu nổi điều này, sẽ phải trầm luân muôn kiếp. Cùng lý tức là hiểu biết thấu đáo căn bản này vậy... [14]

Trương Tải viết: Thái Hư không thể không có khí. Khí không thể không tụ thành vạn vật. Vạn vật không thể không tán để trở thành Thái Hư... Sự tuần hoàn, xuất nhập bắt buộc phải như vậy. [15]

Nguyễn Án Trường, tác giả tập Tạo hóa thông cho rằng: Thái Cực là một vậy. Vạn vật bắt đầu từ một, và kết thúc ở một. Trang Tử gọi thế là xuất cơ, nhập cơ... [16]

Nhìn vào hoành đồ của Dịch ta thấy ý niệm Thái Cực xuất sinh vạn vật được phát biểu bằng phương thức: Thái Cực sinh Lưỡng Nghi; Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng; Tứ Tượng sinh Bát Quái; Bát Quái sinh Lục Thập Tứ Quái... Muốn suy ra chiều phản hoàn của vạn vật ta chỉ cần đọc ngược từ 64 quẻ trở về dần cho tới Thái Cực.

Nguyễn Án Trường viết: Dịch nói nguyên thủy phản chung. Thế tức là nói rằng từ những Quải thể vô cùng phức tạp quay trở về 64 quẻ, từ 64 trở về 8; 8 trở về 4; 4 trở về 2, 2 trở về 1; thế tức là thuần Kiền vậy, thế tức là Chân Như bản thể vậy. [17]

Nguyễn Án Trường cho rằng vạn vật trở về thuần Kiền tưởng cũng chưa được đúng vì như vậy vẫn còn nằm trong vòng hình Tượng, Hào, Quải. Phải trở về Kiền Sơ, tức là phải trở về Thái Cực vô hình tượng mới đúng.

Minh Đạo Thiên viết:

Xem Kiền từ thủa chửa thành hình,

Một nét thành rồi, vạn vật sinh [18]

Như vậy, cuộc biến Dịch tuần hoàn trong vũ trụ thực là giản dị. Ta có thể theo dõi sự diễn biến ấy từ đầu đến đuôi được. Tất cả chỉ là một nguồn sinh lực diễn biến dần dà từ Trung tâm ra tới các tầng lớp bên ngoài, rồi lại chuyển hóa xoay mình băng qua các tầng lớp biến thiên từ ngoài vào trong, cho tới trung tâm nguyên thủy, tạo thành một vòng sinh hóa có giới hạn, có tiết tấu, mạch lạc, có nguyên ủy, thủy chung. Vòng đại tuần hoàn của vũ trụ chẳng qua cũng như tình non nước, mà Tản Đà đã ngâm vịnh bằng những lời thơ đẹp đẽ như sau:

Dù cho sông cạn đá mòn,

Còn non, còn nước, hãy còn thề xưa,

Non cao đã biết hay chưa?

Nước đi ra bể, lại mưa về nguồn.

Nước non hội ngộ còn luôn,

Bảo cho non chớ có buồn làm chi.

Nước kia dù hãy còn đi,

Ngàn dâu xanh tốt, non thì cứ vui.

Nghìn năm giao ước kết đôi,

Non non, nước nước, chưa nguôi lời thề. (Tản Đà)

Dịch ghi chú định luật tuần hoàn phản phúc, nhất biến vạn, vạn qui nhất bằng đồ bản Dịch Tiên Thiên 8 quẻ, hay 64 quẻ.

Tu chân bất tử phương có lời rằng: Trước xuống sau lên định một vòng. Ý muốn nói vòng tuần hoàn của trời đất phải là Âm trước, Dương sau, nghĩa là mới đầu tinh thần phải nhập thể, phải lồng vào vật chất mới giúp cho tinh thần siêu thăng dễ dàng được. [19]

Chiêm tinh học Âu Châu mô tả quan niệm trên bằng những lời lẽ sau: Nguyên động lực tự phối ngẫu để biến từ thế tiềm phục đến thế hiểu hiện; từ nhất đến vạn, từ vô tướng đến hữu hình; từ tinh thần đến vật chất, từ thế giới vô sắc tướng đến thế giới hình tướng, từ khinh thanh đến trọng trọc. Trên đoạn đường thoái hóa này, thần khí càng ngày càng ẩn áo sau nhiều bức màn hiện tượng dày đặc cho đến vật chất. [20] Khi đã đến điểm thấp nhất của chu kỳ, thần khí hay Đạo lại lộn ngược lại, băng qua nhiều lớp lang hình thể càng ngày càng khinh thanh, tiến dần về các giới vô hình, vô tướng, để trở về trạng thái duy nhất bản nguyên. Đó là ý nghĩa vũ trụ của vòng Hoàng Đạo.[21]

c/. - Hai áp dụng quan trọng của Dịch lý nói trên.

1.)- Vạn vật khác nhau về hình tướng, giống nhau về bản thể. Như ta đã thấy vũ trụ là do một Nguyên thể phát sinh. Đã cùng một nguồn gốc phát sinh ắt phải giống nhau về bản thể. Đã biến hóa nhanh chậm khác nhau, ắt phải khác nhau về hình thức, về địa vị, về công việc, về giòng giống, về thời gian, không gian, về trạng thái tâm thần.

Nho gia nói: Nhất Thể vạn thù

Đạo gia nói: Nhất Bản vạn thù [22]

Dương Hùng nói: Đồng Bản ly mạt [23]

Theo quan niệm này thì con người và vũ trụ đều họp lại thành một Đại thể, đều cùng chung một bản thể, một Thái Cực, và vì vậy có ảnh hưởng mật thiết với nhau. Mặt trời, mặt trăng, tinh tú biến động, cũng làm cho đời sống con người biến động, đổi thay. [24]

2).- Lịch sử con người cũng diễn biến theo hai chiều thuận nghịch để cuối cùng lại phục hồi Nguyên thể.

Áp dụng Dịch lý tuần hoàn vào lịch sử con người, ta thấy rằng, nếu con người từ Nguyên thể phát sinh ắt sẽ phải biến thiên tiến hóa qua nhiều giai đoạn lịch sử thăng trầm, vãng lai, phản phúc để cuối cùng có thể phục hồi Nguyên bản.

Sự biến Dịch trong trời đất và của nhân quần nhờ vậy sẽ có một ý nghĩa vô cùng cao đẹp, là biến hóa để phát triển; phát triển để cải thiện, cải thiện để đạt tới Hoàn Thiện, trở về Nguyên Thủy Hoàn Thiện.

Dịch viết: Càn đạo biến hóa các chính Tính Mệnh bảo hợp Thái hòa. Đạo Trời biến hóa để thực hiện Thiên Tính, Thiên Mệnh, rốt ráo là để hợp nhất với Thái Hòa [25]

Tính mệnh Pháp quyết Minh chỉ cho rằng: Vạn Hữu rồi ra cũng đi đến sự hiệp hòa, đồng qui nhất thể. [26]

Lão Tử cũng viết:

Muôn loài sinh hóa đa đoan,

Rồi ra sẽ phải lai hoàn Bản nguyên[27]

Huỳnh Đình Kinh giải cho rằng:

Nhất bản phân tán ra thành muôn ngàn thù tạp, thù tạp rồi ra cũng quay về một gốc. Như vậy cả hình lẫn thần đều được phỉ nguyền và con người sẽ hợp nhất với Đạo thể, Chân thể. Dầu biến hóa mấy rồi cũng trở về Trung điểm, về Thái Nhất, về Thần.[28]

Hegel cho rằng vũ trụ chỉ là sự phát triển của ý thức.

Ý thức thì hằng cửu, nhưng nhân loại muốn tiến tới Ý thức hằng cửu phải phát triển, phải biến thiên, tức là phải có một lịch trình, lịch sử.[29]

Như vậy Dịch không quan niệm vũ trụ một cách cá nhân, cá tính, vụn vặt mà quên đại thể, toàn thể, [30] cũng như không quan niệm vũ trụ một cách toàn thể, đại thể mà quên cá nhân, cá tính.[31]

Trái lại Dịch bao quát cả hai phương diện toàn thể và chi tiết, tĩnh và động. Toàn thể là Thái Cực, chi tiết là Vạn Vật, là Hào Quải: Tĩnh là những nấc thang giá trị tinh thần và vật chất, Động là sự tiến triển biến hóa qua các nấc thang giá trị.

Toàn thể và chi tiết, vũ trụ, xã hội cá nhân hỗ tương ảnh hưởng để đạt tới Thái hòa. [32]

B. DỊCH KINH VỚI KHOA LUẬN LÝ HỌC

1.- Dịch Kinh với khoa luận lý học hình thức Âu Châu

Dịch Kinh chủ trương Vạn Tượng biến thiên, vô thường, vô định, lại chủ trương mọi sự đều tương đối, Âm biến Dương, Dương biến Âm, cho nên dĩ nhiên Dịch Kinh trái ngược với khoa Luận Lý học hình thức Âu Châu. Luận Lý học hình thức (Logique formelle) vì chủ Tĩnh nên lấy nguyên lý đồng nhất, nguyên lý triệt tam (Principe d'identité et Principe du tiers-exclus) làm căn bản.

Theo những nguyên lý trên thì A=A, B=B

A không thể vừa là A, vừa là B.

Đó là một lối lý luận không đếm xỉa đến thực tại, đến thời gian, đến sức biến hóa của vạn vật.

Dịch Kinh trái lại chủ trương: với thời gian A biến thành B, B biến thành A, phản phúc, tuần hoàn vô cùng tận. Nhìn vào đồ bản Phân cung quái tượng thứ tự ở đầu sách Chu Dịch bản nghĩa, ta thấy quẻ nào biến hóa đến nửa chừng cũng biến thành quẻ đối lập, mãi tới chung cuộc mới phục hồi được nguyên bản. Ví dụ ta lấy quẻ Kiền (Càn), ta thấy nó biến hóa qua 8 giai đoạn như sau:

I	II	III	IV
1/ Kiền 2/ Cấu 3/ Độn	4/ Bĩ 5/ Quan 6/ Bác 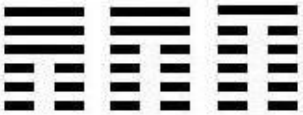	7/ Tấn	8/ Đại hữu
Kiền khí bị tiêu hao dần	Một sự biến thiên điên đảo lớn xảy ra: 1/ Nội quái ở I biến thành ngoại quái ở II 2/ Ở II, ta thấy nội Quái thuần có Khôn	Giai đoạn phục hồi bắt đầu	Ở IV ta lại thấy Nội Quái là Kiền. Như vậy Kiền phục hồi nguyên thể.

Nhìn vào đồ bản Phục Hi lục thập tứ quái phương vị, ta cũng thấy: Kiền biến hóa dần thành Khôn, Khôn lại biến hóa dần thành Kiền.

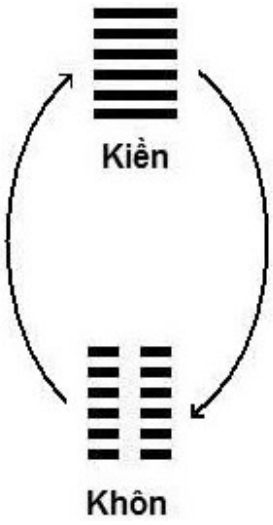

Luận lý học hình thức Âu Châu phân chia Vạn Hữu thành những thực thể đối lập nhau, và chủ trương đã chống đối thời không thể hòa hiệp được.

Ngược lại Dịch Kinh chủ trương mọi sự đối lập đều là tương đối, nhất thời, đều có thể hóa giải, trong cái xung khắc, vẫn có những yếu tố hiệp hòa.

Dịch Kinh chủ trương mọi sự trong vũ trụ đều sống động, uyển chuyển, biến thiên, liên tục. Những sự cứng cỏi, ù lì, bất động, gián đoạn là do trí não con người tạo ra. Muốn phô diễn sự biến thiên uyển chuyển ấy, Dịch đã chủ trương Quẻ biến hóa, Hào biến hóa, Dương biến hóa, Âm biến hóa, không có gì là

cố định trên vòng Dịch cả. Ngay đến thứ tự của 64 quẻ trong bộ Kinh Dịch cũng được xếp theo định luật Biến thiên điên đảo.

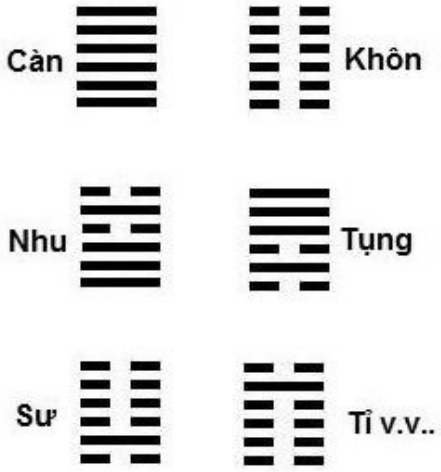

Ta thấy quẻ nào cũng có quẻ đối nhau hay là ngược nhau, từng đôi một.

Dịch Kinh chủ trương Âm Dương, trời đất, nam nữ tuy rằng khí chất, tính tình, hình thù ngược nhau nhưng thực ra đều góp phần vào trong một đại cuộc, một viễn đích.

Dịch viết: Trời đất nghịch nhau nhưng cùng chung một việc, trai gái nghịch nhau, nhưng thông cảm nhau bằng ý chí, vạn vật nghịch nhau nhưng đều góp phần công lao vào đại cuộc. Biết tùy thời sử dụng cả hai lực lượng chống đối mới là cao siêu vậy! (Thiên địa Khuê nhi kỳ sự đồng dã. Nam nữ Khuê nhi kỳ chí thông dã. Vạn vật Khuê nhi kỳ sự loại dã. Khuê chi thời dụng đại hỹ tai. Khuê, Thoán truyện)

Tóm lại, nếu ta hiểu Dịch lý, và có một tầm mắt siêu không gian, thời gian, đồng thời bao quát không gian, thời gian, ta sẽ thấy:

- Lý tưởng (Idéal) là thực tại (Réel)

- Tiềm ẩn (Potentiel) là thể hiện (Actuel)

- Tương khắc (Contraires) là tương thừa (Complémentaires).

Nói thế, nghĩa là với thời gian ta sẽ thấy lý tưởng trở thành thực tại, ước mơ trở thành thực tế, cái gì tiềm ẩn sẽ được hiệp hòa... Một lối nhìn, lối nghĩ chơ vơ không có không gian, thời gian, cũng y như con người không có xác thân, tuổi tác, một dân nước không có hoàn cảnh, lịch sử, là một sự kiện vô nghĩa lý, không thể hiểu được.

2.- Ít nhiều định luật quan trọng của Dịch

Những định luật quan trọng của Dịch là:

a).- Định luật biến Dịch tuần hoàn, biến Dịch có chu kỳ, chung nhi phục thủy, vô cùng vô tận, với những định luật phụ thuộc như vãng lai, tụ tán, phản phúc.

b).- Định luật Âm Dương tương thôi, Dương biến Âm, Âm biến Dương. Vì có sự biến chuyển Dịch nói trên, gần đây đã được các triết gia Âu Châu đề cập tới dưới hình thức này, hay hình thức nọ. Đã có ít nhiều nhà thiên văn học, triết gia bắt đầu nói đến sự biến Dịch tuần hoàn (loi de l'éternel retour) trong số có Nietzsche và Jean Charles Pichon. Định luật Âm dương tương thôi nhi sinh biến hóa đã trở thành biện chứng pháp của chủ nghĩa Karl Marx, vì biện chứng pháp lấy sự mâu thuẩn, chống đối làm động cơ đẩy và sinh xuất mọi biến thiên. Định luật Âm biến Dương, Dương biến Âm đã được xác định bằng phương trình của Einstein:

$E = MC^2$

(trong đó E là năng lượng

M là khối lượng vật chất

C^2 là tốc độ ánh sáng lên bình phương)

TIẾT II. DỊCH KINH VỚI LUÂN LÝ

Về phương diện luân lý, Dịch chủ trương cái hay, cái dở trong vũ trụ đều tương đối, đều phát sinh từ Thái Cực và đều có thể giúp con người thực hiện sứ mạng của mình.

Hệ từ viết: Cát hung sinh đại nghiệp là vì vậy.

Quan niệm của Dịch nói trên cũng y thức như quan niệm của sách Ecclésiastique vì sách này cũng chủ trương:

Hay dở, sống chết, giàu nghèo, tất cả đều phát xuất từ Thượng đế. [33]

Dịch dạy phải Ức Âm, tiến Dương Nhàn tà tồn thành [34] tức là ngăn âm mà phò dương, bỏ điều xấu, giữ điều tốt, làm lành lánh dữ, khử nhân dục, tồn Thiên lý [35], và nhất là phải bắt chước Trời mà hành sự. Dịch viết: Trời hoạt động mạnh mẽ, nên người quân tử cũng phải gắng gỏi không ngừng [36]

Đọc Dịch ta thấy rất nhiều bài học luân lý. Xin đan cử ít nhiều ví dụ:

- Bậc quân tử tiến trên đường nhân nẻo đức (Quân tử tiến đức, tu nghiệp - Văn Ngôn Truyện)

- Quân tử kính cẩn, giữ lòng cho ngay chính (Quân tử kính dĩ trực nội - Văn Ngôn Truyện)

- Bậc quân tử khiêm cung, ở dưới thấp để nuôi đức mình (Khiêm khiêm quân tử ti dĩ tự mục dã - Quẻ Khiêm)

- Người quân tử, không lễ nghĩa không theo (Quân tử dĩ phi lễ phất lý - Quẻ Đại tráng)

- Người quân tử sợ hãi và tu tỉnh (Quân tử dĩ khủng cụ tu tỉnh - Quẻ Chấn)

- Người quân tử quay về tu đức (Quân tử dĩ phản thân tu đức)

- Người quân tử chấn áp điều xấu, khuyến khích điều tốt theo đúng mỹ ý của Trời (Quân tử dĩ át ác dương thiện, thuận Thiên hưu Mệnh - Quẻ Đại Hữu)

- Người quân tử muốn giáo hóa dân mãi mãi, muốn bao dung che chở nhân dân khắp mọi nơi (Quân tử dĩ giáo tư vô cùng, Dung bảo dân vô cương - Quẻ Lâm)

- Người quân tử ghi nhớ lời trước, nết xưa để hàm dưỡng đức độ mình (Quân tử dĩ chí tiền ngôn vãng hạnh, dĩ súc kỳ đức - Quẻ Đại súc)

- Người quân tử nói năng cẩn thận, ăn uống chừng mực (Quân tử dĩ thận ngôn ngữ, tiết ẩm thực - Quẻ Di)

- Người quân tử tha lỗi, xá tội (Quân tử dĩ xá quá hựu tội - Quẻ Giải)

- Người quân tử luôn đi trên đường nhân, nẻo đức và ra công dạy dỗ người khác (Quân tử dĩ thường đức hạnh, tập giáo sự - Quẻ Khảm)

Đọc các lời khuyên của Dịch, ta liên tưởng đến câu của Tăng Tử trong Luận ngữ:

- Phu tử chi đạo Trung thứ nhi dĩ hĩ

- Đạo của đức Khổng là Trung thứ mà thôi.

Trung là tận thiện mình,

Thứ là yêu người như mình.

Dịch cũng không dạy gì khác.

Tiêu Tuần gọi Dịch là một quyển sách dạy người sang sửa những lỗi lầm. Thực là chí lý vậy.

TIẾT III. DỊCH VỚI ĐẠO GIÁO

Về phương diện đạo giáo Dịch không chủ trương những hình thức phụng thờ bên ngoài, nhưng dạy con người:

1.- Phải bắt chước Trời mà hành sự [37]

2.- Phải tẩy rửa tâm hồn cho trong sạch, và phải tiến sâu về phía tâm linh. [38]

3.- Phải tìm cho ra nguyên lý bất Dịch của cuộc đời, thực hiện được Thiên Mệnh, hợp nhất với Thái hòa, với Trời, với Đạo. [39]

4.- Tóm lại, Dịch dạy ta phải biết chuyển hóa nội tâm để trở nên Siêu nhân, Thần nhân. [40]

Đạo của Dịch đòi hỏi sự minh triết, vì có hiểu biết đâu là Nguyên bản, thì mới có thể trở về Nguyên bản được. Người xưa gọi thế là minh thiện, phục sơ [41]

Dịch đã vạch cho biết Thái Cực là căn bản của vạn vật, cũng như của con người và cho biết sự chia ly, phân tán, đa đoan, phiền tạp chỉ làm cho ta xa rời Đạo thể; như vậy tức là đã mặc nhiên chỉ vẽ cho con người biết bổn phận mình là phải tìm về căn bản, hợp nhất với căn bản, bằng cách tổng hợp mọi qua phân, xóa bỏ mọi phiền tạp, sống đơn sơ, thanh thản. Nương theo ý Dịch, Ngộ Chân Trực Chỉ đã có thơ:

Tứ tượng hội thời Huyền thể tựu,

Ngũ hành toàn xứ Tử kim minh,

Thoát thai, nhập khẩu thân thông thánh,

Vô hạn long thần tận thất kinh[42]

Căn bản của vạn vật, cũng như của con người chẳng có ở đâu xa: căn bản ấy ở ngay giữa lòng biến thiên, cũng như ở giữa lòng con người.[43] Cho nên, nếu con người muốn khế hợp với Thiên chân, với Thái Cực, chỉ cần hồi quang phản chiếu, đi sâu vào chiều hướng tâm linh, định thần, phát huệ [44]

Tất cả những nguyên tác ấy đã được các Đạo gia, Đơn gia áp dụng vào công cuộc tu thân. Đối với Thánh Hiền Trung Hoa thì:

1.- Tìm ra Đạo, ra Lý, ra Nhất mới là vấn đề trọng đại[45]

2.- Các hình thức, các hoạt động, các thành tích bên ngoài chỉ là tùy thuộc.[46]

3.- Thực hiện được đạo lý mới là quan hệ, mới là mục phiêu của cuộc đời. Thế là đắc Đạo, đắc Nhất[47]

Tính mệnh Pháp Quyết minh chỉ cho rằng: Tam giáo cũng đều qui về Nhất· [48]

Các Đạo gia luôn luôn ao ước:

- Trở về được với Nguyên bản, đạt được tới Đạo thể[49]

- Kết hợp với Đạo với Trời[50]

Phùng hữu Lan viết:

Chân nhân quay về nguồn gốc sinh ra mình tức là Thái Nhất; như thế là trở nên đồng thể với trời đất, vạn vật. [51] Đạo gia cho rằng: Âm dương có hợp nhất mới thành được Dịch, được Thái Cực.

Âm + Dương = Dịch

Âm + Dương = Thái Cực[52]

Cũng một lẽ tâm hồn hay thần khí có hợp nhất thì Đạo thể hay Thái Cực mới sinh. Đó là nguyên tắc căn bản của khoa luyện đơn, cầu trường sinh bất lão của Trung hoa.

- Thần + tâm = Đạo (Thái Cực)

- Thần + khí = Đạo (Thái Cực)

- Khảm + Ly = Đơn

- Duyên + Cống = Đơn[53]

Huỳnh Đình Nội Cảnh có câu: Nhất chí bất cửu thăng Hư Vô... và giải rằng:

Nhất tức là Hư Vô (Vô Cực, Thái Cực). Học Đạo cần phải chuyên nhất, hợp nhất với Thần Linh, như vậy có thể thành Thần Tiên vậy.

Trang Tử nói: Người nào biết Một, muôn việc đều xong[54]

TIẾT IV. DỊCH VỚI NHỮNG NGUYÊN TẮC KHẢ DĨ ĐEM LẠI MỘT CUỘC SỐNG LÝ TƯỞNG

Dịch với những Hào, Quải, với những lời Thoán, lời Tượng, chỉ có mục đích dạy ta ăn ở cho hợp Đạo Trời đất, hợp thời, hợp cảnh, hợp với thế thái, nhân tình.

Dịch chẳng những dạy ta nguyên lý và cùng đích của cuộc đời là Thiên mệnh, để thần thánh hóa bản thân, Dịch lại còn dạy ta cách tùy thời biến Dịch để theo Đạo, biến Dịch để cuối cùng hợp nhất được với Đạo.[55] Tóm lại, Dịch cho ta những nguyên tắc để sống một đời sống Lý tưởng, ngoài thì hòa nhân, thuận thế, hợp cảnh, hợp thời, trong thì phản thân, tu tỉnh[56] dữ Đạo hợp Chân, tưởng không còn gì đẹp đẽ hơn. Chúng ta chỉ đan cử ít nhiều thí dụ:

Dịch có Hào, Quải y như đời sống con người có nhiều hoàn cảnh khác nhau. Gặp mỗi hoàn cảnh, ở mỗi địa vị, làm mỗi công việc, đều phải có một thái độ khác nhau, một lối xử sự, thi hành khác nhau cho xứng thời, xứng vị, xứng sự v.v...

Gặp hiểm nguy đừng thất vọng, âu lo, hãy vững dạ tìm cách băng qua, y như dòng nước kẹt trong khe hẹp mà vẫn an nhiên, trôi chảy. Suy rộng ra, dẫu Thiên Chân, Thiên Tính của ta còn kẹt giữa những nhân dục, nhân tính, ta đừng có mất tin tưởng, phải vững dạ phấn đấu rồi ra sẽ thoát vòng (Khảm)[57]

Muốn theo Đạo Trời, muốn thực hiện Thiên Tính, Thiên Mệnh, phải dùng hết nghị lực, cố gắng tiến tới không ngừng, như Trời chuyển vận không hề ngơi nghỉ (Kiền)[58]

Khi Thiên Tâm, Đạo Tâm vừa phát hiện, phải biết ấp ủ, chắt chiu, đừng vội đem dùng, để đến nỗi nó

phải hư hao phát tán (Kiền, Sơ Hào)[59]

Ở đời cái gì cũng có duyên do, trước nhỏ sau to, trước yếu sau mạnh, như thoạt thấy sương giá phải đề phòng ngay chuyện nước sẽ đông. Suy ra, mình có thể ngăn chặn được trụy lạc, loạn ly, nếu biết ngăn chặn, từ khi chúng còn mầm mộng, trứng nước (Khôn, Sơ Hào)[60] Sống giữa biến thiên, gió giông, sấm chớp của cuộc đời, cần phải tìm ra những giá trị hằng cửu, mà làm nơi dừng chân, dừng bước (Hằng)[61]

Sống ở đời, phải có chỗ bám víu, dựa nương. Mặt trời mặt trăng nương tựa vào trời; cây cối, nương tựa vào đất; người quân tử phải nương tựa, bám víu vào sự công chính (Ly) [62]. Lẽ Dịch là hết đầy thời vơi, hết thịnh thời suy.

Trời đất, quỉ thần và nhân loại đều ghét sự cường thịnh sung mãn, và phù trợ, chúc phúc cho sự khiêm cung, cho nên người quân tử phải khiêm cung, mới làm nên đại nghiệp.[63]Nếu chúng ta đọc Dịch như vậy, Dịch sẽ trở thành pho sách đầy sự khôn ngoan, minh triết và đạo lý sâu xa.

Đọc Dịch để biết lẽ Dịch. Biết lẽ Dịch thì không còn sợ biến thiên, vì có biến thiên mới có thể tiến hóa và đạt Đạo, hợp nhất với Đạo.[64] Phải chăng đó là Đạo chung của Thánh Hiền thiên cổ. Cát Tiên Ông viết:

Thiên hạ vô nhị đạo,
Thù đồ nhi đồng qui.
Thánh nhân vô lưỡng tâm,
Bách lự nhi nhất trí [65]
Tạm dịch:
Đạo trong thiên hạ há pha phôi,
Đường nẻo khác nhau, đích chẳng hai,
Thánh Hiền sau trước lòng không khác.
Lo lắng trăm dường, mối một thôi.

Phù Hựu Đế Quân viết:

Thiện căn thâm xứ, tính căn tuyền,
Vạn pháp đồng qui, nhiệm tự nhiên,
Tính bản đồng nguyên, tâm các cụ,
Nhu tông hà chí dị Huyền, Thiền [66]
Tạm dịch:
Thiện căn, bản tính giữ chu tuyền,
Vạn Hữu quay về gốc tự nhiên.
Tính vốn một nguồn, tâm vẹn có,
Nhu gia nào khác với Huyền, Thiền· [67]

Để tổng kết lại, ta thấy rằng Dịch là một cuốn sách quí báu:

1.- Dịch dạy ta nguyên ủy, thủy chung của vũ trụ và của con người, cho ta thấy nguồn gốc và định mệnh cao sang của mình[68]

2.- Dịch giúp ta đi sâu vào lòng vật chất, vũ trụ và lòng người để tìm ra căn bản, tinh hoa, cũng như những cơ cấu, những định luật chi phối mọi sự biến thiên tiến hóa[69]

3.- Dịch cho ta thấy 2 chiều hai mặt của vũ trụ, thấy nhẽ động tĩnh, biến hằng, và nghiên cứu những định luật, những then chốt chi phối cuộc biến thiên của vũ trụ.

4.- Dịch cho ta thấy vòng tuần hoàn của vũ trụ, và như vậy cho ta hi vọng lớn lao là trước sau cũng có thể trở về phối hợp với Thượng Đế.

5.- Dịch muốn giúp ta có một đời sống lý tưởng, tùy thời, tùy thế, thích nghi với hoàn cảnh, biết những nguyên tắc để tu thân, để có thể tinh nghĩa nhập thần tìm ra căn bản, nguồn gốc của mình, sống một đời sống siêu nhiên, phối hợp với Trời, với Đạo.

6.- Như vậy là Dịch muốn cho ta phát triển, biến hóa về mọi mặt, để toàn thân ta như cây đàn muôn điệu, phát sinh ra những âm thanh tuyệt diệu, có đủ nhanh chậm, bổng trầm theo đúng nhịp điệu, tiết tấu của đất trời. Nói cách khác Dịch muốn ta có đời sống hoàn toàn về mọi mặt, minh triết, khinh phiêu và hạnh phúc.

CHÚ THÍCH

[1] Phùng Hữu Lan, Trung quốc triết học sử, trang 901.

[2] Văn Đạo tử, Giảng đạo tinh hoa lục, quyển 3, trang 39.

[3] Hình nãi Đạo chi biến hóa. Đạo gia vị chi Hậu Thiên. Hậu Thiên giả, hình sắc ký trứ, tích tượng ký chiêu. 形 乃 道 之 變 化. 道 家 謂 之 後 天. 後 天 者, 形 色 既 著 跡 像 既 昭. — Ib. trang 39.

[4] Tiên Thiên biểu lý, Hậu Thiên biểu sự. 先 天 表 理 後 天 表 事.

Cf. Nguyễn Ấn Trường, Tạo hóa thông, trang 59.

[5] Dĩ hiện tại triết học trung chi thuật ngữ ngôn chi, tắc sở vị hình nhi thượng giả siêu thời không nhi tiềm tồn (subsist) giả dã. Sở vị hình nhi hạ giả, tại thời không nhi tồn tại (Exist) giả dã. Siêu thời không giả, vô hình tượng khả kiến, cố sở vị Thái cực. 以 現 在 哲 學 中 之 術 語 言 之, 則 所 謂 形 而 上 者 超 時 空 而 潛 存 者 也. 所 謂 形 而 下 者, 在 時 空 而 存 在. 超 時 空 者, 無 形 象 可 見, 故 所 謂 太 極. — Phùng Hữu Lan, Trung Quốc Triết Học Sử - trang 896 và 903.

[6] Căn bản nguyên do trung. Cứu kỳ căn bản, thật do ư trung, hiện hồ ngoại giả, bản hồ nội, chiêu hồ dụng giả, do hồ bản dã. 根 本 原 由 中. 究 其 根 本, 實 由 於 中, 現 乎 外 者, 本 乎 內, 昭 乎 用 者, 由 乎 本 也.— Đại Đỗng Chân Kinh, quyển hạ - trang 11b.

[7] Đại Đỗng Chân Kinh, quyển trung - trang 5b.

[8] Abbé Th. Moreux, L'Alchimie moderne, p. 20.

[9] Lecomte du Noüy, L'Avenir de l'Esprit, page 106. — C'est le Leptothrix . Ib. 86.

[10] L'Avenir de l'Esprit - page 168.

[11] Pierre Rousseau, Histoire de la Science - page 769.

[12] Ib. 54.

[13] Văn Đạo Tử Giảng Đạo Tinh Hoa Lục - trang 101.

[14] Dịch viết: Nguyên thủy phản chung, cố tri tử sinh chi thuyết.

Mạnh Tử viết: Thủy điều lý giả, trí chi sự. Chung điều lý giả thánh chi sự. Cái thánh hỒền đại đạo, hữu thủy, hữu chung, hữu bản, hữu mạt. Tri kỳ thủy, minh kỳ chung, cứu kỳ bản, cùng kỳ mạt, phương năng tòng đầu chí vĩ, đại triệt đại ngộ, hữu vãng, hữu lai, thảng nhất sự bất minh, tức nhất sự hữu mê; tri chi bất chân, tức hành chi bất thông. Học giả tất tu cùng kỳ lý, nhi hậu khả dĩ hành kỳ lý. Trí tri lực hành, khuy nhất bất khả. Kỳ lý vi hà lý? Tức thiên địa Tạo hóa chi đạo dã. Tạo hóa chi đạo, hữu thể, hữu dụng, hữu thủy, hữu chung, kỳ gian Âm Dương điệt vận, tiêu trưởng hỗ canh, biến hóa vô đoan, nhiên kỳ tối yếu xứ, tổng tại nhất khí. Nhất khí tổng bất ngoại hồ Hư Vô. Giá cá khu nữu tử, phi sắc, phi không, phi hữu, phi vô... thuận chi tắc sinh nhân, sinh vật, nghịch chi tắc thành tiên, thành phật. Tính mệnh ư thử ký, sinh tử ư thử xuất. Ngộ chi giả, lập tễ thánh vị, mê chi giả vạn kiếp trầm luân. Cùng lý giả tức cùng thử lý dã. — Tu Chân biện nạn hậu biên tham chứng, trang 27.

[15] Thái Hư bất năng vô khí, khí bất năng bất tụ nhi vi vạn vật. Vạn vật bất năng bất tán nhi vi Thái Hư. Tuần thị xuất nhập, thị giai bất đắc dĩ nhi nhiên dã. 太 虛 不 能 無 氣, 氣 不 能 不 聚 而 爲 萬 物. 萬 物 不 能 不 散 而 爲 太 虛. 循 是 出 入 是 皆 不 得 已 而 然 也. — Chính Mông Thái Hòa Thiên (Dịch học thảo luận tập, trang 117)

[16] Thái cực tức nhất dã. Vạn vật thủy vu Nhất nhi chung vu Nhất. Tức Trang Chu xuất cơ nhập cơ chi nghĩa. 太 極 即 一 也. 萬 物 始 于 一 而 終 于 一. 即 莊 周 出 機 入 機 之 義. — Tạo hóa thông, trang 52.

[17] Tạo hóa thông — trang 55.

[18] Càn sơ giả, chỉ Càn Quải vị hoạch chi sơ, phi vị Càn chi sơ Hào. Minh đạo thiên vân; Quan Càn vị hoạch thị hà hình, nhất hoạch tài thành vạn tượng sinh. Nhiên tắc Càn sơ giả, khởi phi Thái cực Âm dương vị phán chi tượng hồ. — Tôn bất Nhị nữ đơn thi chú trang 25b.

[19] Hậu thăng tiền giáng định nhất chu. 後 升 前 降 定 一 周.— Tu chân bất tử phương, trang 113.

[20] M. Sénard, Le Zodiaque , trang 7.

[21] M. Sénard, Le Zodiaque , trang 7.

[22] Nhất bản nhi vạn thù, thử tắc vạn thù nhi qui nhất bản. 一 本 而 萬 殊, 此 則 萬 殊 而 歸 一 本. — Đại đỗng thượng - trang 5a.

[23] Thị vi đồng bản ly mạt, thiên địa chi kinh. 是 為 同 本 離 末, 天 地 之 經. — (Dương Hùng) Cf. Phùng hữu Lan, Trung quốc triết học sử - trang 581.

[24] Cyrille Wilzzkowski - L'Homme et le Zodiaque —pages 17-18.

[25] Dịch, Càn Quải.

Cố vân đắc Nhất, như thử tắc tu tính dưỡng thần chi đạo, giai hợp ư Thái hòa hỹ. 故 云 得 一, 如 此 則 修 性 養 神 之 道, 皆 合 於 太 和 矣. LãoTử - thuyết ngũ trù Kinh chú - trang 1.

[26] Hòa hợp qui tịnh nhất xứ, cưỡng đồ viết ○.

和 合 歸 並 一 處 強 圖 曰 ○. Tính mệnh Pháp quyết Minh chỉ — quyển 7 - trang 3.

[27] Phù vật vân vân. Các qui kỳ căn. 夫 物 芸 芸, 各 復 歸 其 根. Lão Tử, Đạo đức Kinh XVI.

[28] Huỳnh Đình Kinh giải - trang 1.

[29] Jean Wahl - Traité de métaphysique page 36.

[30] Lucien Goldmann - La communauté humaine et l'Univers chez Kant, page 28.

[31] Ib. page 30.

[32] Lucien Goldmann - *La communauté humaine* et l'Univers chez Kant, page 31

[33] Bien et mal, vie et mort, pauvreté et richesse, tout vient du Seigneur (L'Ecclésiastique 11,14)

[34] Văn Ngôn Càn nhị viết: Nhàn tà tồn kỳ thành. 文 言 乾 二 曰: 閑 邪 存 其 誠.

[35] Văn Ngôn Khôn nhị viết: Quân tử kính dĩ trực nội. 文 言 坤 二 曰: 君 子 敬 以 直 內.

[36] Dịch Càn Quải

[37] Dịch Càn Quải

[38] Thánh nhân dĩ thử tẩy tâm, thoái tàng ư mật. 聖 人 以 此 洗 心, 退 藏 於 密 . — Dịch, Hệ từ thượng XI

[39] Càn đạo biến hóa, các chính Tính Mệnh, bảo hợp Thái Hòa. 乾 道 變 化, 各 正 性 命, 保 合 大 和 .— Dịch Càn Quải.

[40] Dịch Kinh Lai Chú đồ giải - Quyển I, trang 65.

[41] Cf. Chu Dịch Xiển Chân, tựa.

[42] Ngộ Chân trực chỉ quyển 3 - trang 11.

[43] Đại đỗng chân kinh quyển thượng - trang 4b

Sao Kiểu quyển hạ tựa - trang 1.

[44] Luyện tâm chi đạo, bất ly phản quan nguyên quyết bản căn. 煉 心 之 道, 不 離 反 觀 原 厥 本 根. Huyền tông chính chỉ - trang 2b.

[45] Huyền tông chính chỉ- trang 2b.

[46] Nhất Lý khả quán vạn tượng. Vạn Tượng bản hồ nhất Lý. Tu Đạo chi sĩ tại minh kỳ Lý, nhược nệ văn chấp Tượng, tắc khứ đạo viễn hỹ. 一 理 可 貫 萬 象. 萬 象 本 乎 一 理. 修 道 之 士 在 明 其 理, 若 泥 文 執 象, 則 去 道 遠 矣. Văn Đạo Tử giảng đạo tinh hoa lục - trang 53.

[47] Tử Dương Ông viết:

Khuyến quân cùng thủ sinh thân xứ,	勸 君 窮 取 生 身 處
Phản bản hoàn nguyên thị dược vương	反 本 還 元 是 藥 王
Hựu vân:	又 云
Cùng thủ sinh thân thụ khí sơ,	窮 取 生 身 受 氣 初
Mạc quái thiên cơ câu tiết tận.	莫 怪 天 機 俱 洩 盡

Kim Đơn yếu quyết 1b.

[48] Tính Mệnh Pháp Quyết quyển 7 - trang 3.

[49] Phản bản qui chân 反 本 歸 真. — Huyền Tông chính chỉ hậu ký, trg 1a

Dữ Đạo vi nhất 與 道 為 一. — Ib 1a

[50] Dĩ nhân hợp Thiên. Thiên tâm ký hợp, Đạo lực diệc toàn. 以 人 合 天. 天 心 既 合, 道 力 亦 全. Ib 1a

[51] Chân nhân phản kỳ sở sinh, vị thủy phân ư Thái Nhất tức năng dữ thiên địa vạn vật vi nhất thể giả dã. 真 人 反 其 所 生, 未 始 分 於 太 一 即 能 與 天 地 萬 物 為 一 體 者 也. — Phùng hữu Lan Trung Quốc Triết học sử, trang 481.

[52] Âm dương hợp bão nhi thành Thái Cực. 陰 陽 合 抱 而 成 太 極 . — Đại đỗng Chân Kinh - Quyển thượng - trang 4.

[53] Phát minh vị sinh chi tiền bản lai diện mục, trúc cơ luyện kỷ, hàm dưỡng căn nguyên, phối hợp Khảm Ly, nhi thành đại dược. 發 明 未 生 之 前 本 來 面 目, 築 基 煉 己, 涵 養 根 源, 配 合 坎 離 而 成 大 藥. — Thái Thượng Huỳnh Đình ngoại cảnh ngọc kinh, thượng quyển, trang 21 (Chú)

[54] Nhất chí bất cửu thăng Hư Vô. 一 至 不 久 升 虛 無

Nhất giả, Vô chi xưng dã. 一 者 無 之 稱 也

Học đạo chuyên nhất dữ Linh đồng thể, thần tiên khả trí dã. 學 道 專 一 與 靈 同 體 神 仙 可 致 也

Trang tử vân Nhân năng tri Nhất, vạn sự tất. 莊 子 云 人 能 知 一 萬 事 畢 .

Thượng Thanh, Huỳnh Đình nội cảnh kinh, trang 13b.

[55] Dịch biến Dịch dã, tùy thời biến Dịch dĩ tòng Đạo dã. 易 變 易 也 隨 時 變 易 以 從 道 也. — Chu Dịch Đại Toàn - 4a

[56] Thánh nhân tác Dịch... dĩ giáo nhân phản thân tu tỉnh. 聖 人 作 易 ... 以 教 人 反 身 修 省.— Dịch Kinh Lai Chú đồ giải - quyển 3 - trang 4

[57] Cf. The I Ching (Wilhelm Baynes) (Quẻ Khảm) quyển III — trang 174.

[58] Tượng viết: Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức 象 曰: 天 行 健, 君 子 以 自 強 不 息 (Kiền Quải, Tượng viết)

[59] Sơ cửu, tiềm long vật dụng. 初 九 潛 龍 勿 用 (Kiền Quải, Sơ Hào)

[60] Sơ lục, lý sương, kiên băng chí. Tượng viết: Lý sương kiên băng; Âm thủy ngưng dã, tuần trí kỳ đạo, chí kiên băng dã. 初 六, 履 霜, 堅 氷 至. 象 曰: 履 霜 堅 氷; 陰 始 凝 也, 馴 致 其 道, 至 堅 氷 也. (Khôn, Sơ Lục)

[61] Tượng viết: Lôi phong hằng, Quân tử dĩ lập bất Dịch phương. 象 曰: 雷 風 恒. 君 子 以 立 不 易 方 (Hằng, Tượng viết)

[62] Tượng viết: Ly lệ dã, nhật nguyệt lệ hồ thiên, bách cốc thảo mộc lệ hồ thổ, trùng minh dĩ lệ hồ chính, nãi hóa thành thiên hạ. 象 曰: 離 麗 也, 日 月 麗 乎 天, 百 穀 草 木 麗 乎 土, 重 明 以 麗 乎 正, 乃 化 成 天 下 (Ly, Thoán viết)

[63] Khiêm hanh quân tử hữu chung... Thiên đạo khuy doanh nhi ích khiêm, địa đạo biến doanh nhi lưu khiêm, quỉ thần hại doanh nhi phúc khiêm. Khiêm tôn nhi quang, ti nhi bất khả du, quân tử chi chung dã. 謙 亨 君 子 有 終... 天 道 虧 盈 而 益 謙, 地 道 變 盈 而 流 謙. 鬼 神 害 盈 而 福 謙 ... 謙 尊 而 光, 卑 而 不 可 輸, 君 子 之 終 也 (Khiêm, Thoán từ)

[64] Dịch, biến Dịch dã, tùy thời biến Dịch dĩ tòng Đạo dã 易 變 易 也 隨 時 變 易 以 從 道 也. — Chu Dịch Đại Toàn, 4a

Biến Dịch nhi hậu hợp Đạo. 變 易 而 後 合 道 . — Ib 4a

[65] Tây Sơn quần tiên hội chân ký, trg 1a.

[66] Huyền tông chính chỉ - trang 10a.

[67] Huyền là Đạo Lão. Thiền là Đạo Phật.

Ý nói cả 3 đạo Nho Thích Lão cũng đều chủ trương mọi tâm hồn đều cùng có chung một tính Trời, chỉ cần giữ vẹn tính Trời ấy, là hợp nhất được với Đạo. Hợp nhất với Đạo chính là mục đích của vũ trụ, vì vạn hữu rồi ra cũng quay về gốc về nguồn ấy cả.

[68] Exposé des théories relatives à la genèse des mondes et à leur transformation.— Louis Chochod-Hue la mystérieuse-p.183.

C'est en cherchant à transfigurer le limité et à le rendre digne de l'immortalité... qu'un homme peut découvrir le sens profond de la vie et échappe à la stérilité spirituelle - L'homme et le Zodiaque, p.201.

[69] Pénétration plus intime et plus profonde de l'Essence des choses. — Ib 202

- Approfondir sa connaissance du monde pour comprendre la loi intime qui le régit. — Ib. 202

---

chương trước

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6

Phần 2

DỊCH LUẬN THIÊN

chương sau

Mở đầu

Dịch là một cuốn sách được Thánh Hiền xưa nay sùng thượng. Nho gia coi Kinh Dịch như một Thánh kinh.

Đức Khổng học Dịch rất công phu. Ngài về già học Dịch, đọc Dịch, đọc đến ba lần đứt lề sách mới làm ra các thiên truyện. [1]Thế mà Ngài còn nói trong Luận Ngữ: Nếu Trời cho ta sống thêm ít năm nữa, cho ta học xong Đạo Dịch, thì ta có thể không phạm lỗi lớn nữa. [2]

Ngài đã viết Thập dực để bổ sung cho Dịch Kinh. Thập dực là: [3]

1. Thoán thượng truyện để cắt nghĩa Thoán từ ở Thượng Kinh. [4]
2. Thoán hạ truyện để cắt nghĩa Thoán từ ở Hạ Kinh.
3. Tượng thượng truyện để giải các Tượng trong Thượng Kinh.
4. Tượng hạ truyện để giải các Tượng trong Hạ Kinh. [5]
5. Hệ Từ thượng truyện
6. Hệ Từ hạ truyện
7. Văn ngôn truyện [6]
8. Thuyết quái truyện
9. Tự quái truyện
10. Tạp quái truyện

Trình Di viết Dịch truyện. Chu Hy viết Dịch kinh bản nghĩa, Dịch học Khải Mông. Thiệu tử nhân đọc Chu Dịch đã viết thành bộ Hoàng Cực Kinh Thế.

Khảo thư tịch đạo Lão, ta thấy Đạo Đức Kinh, Xung Hư Chân Kinh, Nam Hoa Kinh có rất nhiều điểm liên quan với Dịch. Đạo gia, Đơn gia toàn áp dụng định luật Dịch để tu đức, luyện thần. [7] Ngụy bá Dương đã áp dụng Dịch lý viết thành bộ Tham Đồng Khế.

Nhìn sang phía Đạo Phật, ta thấy Vương Cảnh Mạnh lấy Thiền Tông minh Dịch, Thích Ngẫu Ích lấy Dịch lý áp dụng vào khoa Thiền học. [8] Hiện nay ta còn thấy những bộ như Dịch Học Thiền giải của Trí Húc Thiền sư v.v...

Giảng bình về Dịch xưa nay đã có hơn 700 tác giả.

Ví dụ:

+ Vương Bật chú giải Dịch

+ Mạnh Hỉ

+ Kinh Phòng đem các quẻ phối hợp với Thập Can gọi là Nạp Giáp.

+ Tuân Sảng lấy nhẽ thăng giáng để giải Dịch.

+ Lai Tri Đức lấy lẽ thác tống tức là Âm Dương điên đảo, vãng lai để giải Dịch.

+ Tiêu Tuần lấy lẽ bàng thông tức là Âm biến Dương, Dương biến Âm để giải Dịch. [9]

Ngoài ra còn có nhiều danh nhân, danh sĩ đã dùng Dịch để đoán định vị lai, trong số đó có: Trương Lương (Hán), Nghiêm Quân Bình (Hán), Chư Cát Lượng (Tam Quốc), Lý Thuần Phong (Đường), Viên Chính Cương (Đường), Thiệu Khang Tiết (Tống), Lưu Cơ (Lưu bá Ôn) (Minh). [10]

Dịch có ba loại:

1.- Liên Sơn lấy quẻ Cấn làm căn bản.

2.- Qui Tàng lấy quẻ Khôn làm căn bản.

3.- Chu Dịch lấy quẻ Càn làm căn bản.

[11]

Hiện nay Liên Sơn, Qui Tàng đã thất lạc [12], chỉ còn lại Chu Dịch.

Trịnh Huyền cho rằng: đời nhà Hạ có Liên Sơn, đời nhà Ân có Qui Tàng, đời nhà Chu có Chu Dịch.

Trịnh Huyền giải thích ba nhan đề ấy như sau:

- Gọi là Liên Sơn để tượng trưng cho mây từ đầu các ngọn núi bốc lên, miên man không ngừng.

- Gọi là Qui Tàng vì Vạn Vật đều tàng ẩn bên trong.

- Gọi là Chu Dịch vì biến dịch phổ quát không đâu không có. [13]

Hội ý tác giả, ta thấy rằng dẫu Dịch Kinh có thay tên, đổi quẻ, nhưng ý nghĩa và mục đích trước sau vẫn là một.

Dịch cốt bàn về Vạn Vật, Vạn Tượng liên tục biến thiên, phát triển như mây ùn ùn liên tục bốc lên từ những dãy núi xa xăm. Dịch bàn về sự biến thiên, mà biến thiên thì thường xuyên diễn biến khắp nơi trong vũ trụ. Nhưng sách Chính nghĩa không đồng quan điểm với Trịnh Huyền và cho rằng:

Sách Dịch thời Thần Nông gọi là Liên Sơn.

Sách Dịch thời Hoàng Đế gọi là Qui Tàng.

Sách Dịch thời Chu gọi là Chu Dịch. Như vậy Chu Dịch là sách Dịch đời Chu, cũng như Chu Lễ, Chu Thư, v.v..[14]

Học Dịch phải tốn công phu. Có tốn công phu, mới tìm ra được cái hay, cái đẹp của Dịch. Dưới đây ta sẽ lần lượt khảo sát về chữ Dịch dưới nhiều tiết mục:

1.- Chữ Dịch theo Từ nguyên

2.- Dịch là biến Dịch

3.- Dịch là bất Dịch

4.- Dịch là giản dị

5 - Dịch là nghịch số

6 - Dịch là Tượng

Chương 1. Chữ Dịch theo Từ Nguyên

Học Dịch trước tiên cần phải hiểu chữ Dịch. Hiểu được chữ Dịch tức là đã hiểu được phần nào ý người viết sách. Bồ Điền Trịnh thị nói: Chữ Dịch do hai chữ Nhật Nguyệt tạo nên. Lý trong thiên hạ có thể tóm thâu trong một Chẵn một Lẻ. [15] Suy ra: Nhật là mặt trời, tượng trưng cho sự bất biến, Hằng Cửu, viên mãn. Nguyệt là mặt trăng, tượng trưng cho sự biến thiên, tạm bợ, khuy khuyết. Như vậy, chữ Dịch gồm trong thân cả 2 nguồn sinh lực tương đối, lẽ tôn ti của Âm Dương, lẽ biến hằng của vũ trụ, sự Hằng Cửu của Bản Thể do vừng Dương đại diện, và các trạng thái doanh hư, tiêu trưởng của Vạn Hữu, do vừng Nguyệt tượng trưng.

Như vậy, Dịch bao quát cả biến hằng, bao quát cả hiện tượng lẫn bản thể. Dịch là Toàn Nhất.

Chữ Dịch mà tách đôi sẽ thành ra Nhật, Nguyệt hai vừng, Âm Dương chia rẽ, nhật dạ cách trùng.

易 ➞ 日 + 月

Sự qua phân này sẽ là đầu dây mối rợ, sinh ra mọi hiện tượng trong trời đất. Dương là Càn, Âm là Khôn, nên Dịch cho rằng: Càn Khôn là cửa của Dịch. [16]

Mới hay: Một Dịch qua phân, hóa đất trời,

Đất trời cảm ứng, sẽ sinh sôi,

Sinh sôi, tạo tác, thành muôn vật,

Muôn vật chung qui một Dịch thôi.

Khi mà Nguyên Thể đã chia ly, phân tán, thì mầm đấu tranh, chống đối tự nhiên sẽ sinh ra. Đấu tranh, chống đối ấy xét về một phương diện là một động cơ hết sức hữu hiệu để sinh biến hóa, vì thế Dịch nói: Cương nhu tương thôi nhi sinh biến hóa. [17]

Nhưng nếu chỉ thấy sự đấu tranh, chống đối giữa Âm Dương, thì mới thấy được chiều biến hóa đưa đến chia ly, chết chóc, đổ vỡ, mới thấy được có một chiều hướng của vũ trụ.

Ngoài chiều hướng trên, Vũ trụ cũng như Dịch còn có một chiều hướng thứ hai: là chiều Âm Dương tương sinh, tương thừa. Âm Dương vẫn có thể tiếp tay nhau, có thể thỏa hiệp, đoàn tụ, để làm nên đại nghiệp. Đây là chiều hướng xây dựng, lấy tình thương xóa bỏ hận thù, cố hàn gắn lại những gì đã đổ vỡ, đoàn tụ lại những gì đã chia ly, tản lạc. Thánh Hiền cho rằng chiều hướng này mới là chính yếu. Các đạo gia lý luận một cách rất sâu sắc như sau:

Nếu Bản Thể vì qua phân nên đã thành Âm Dương, thành Vạn Hữu, thì ta cũng có thể phối hợp Vạn Hữu lại thành Âm Dương; phối hợp Âm Dương lại để thành Bản Thể. Mà Âm Dương chẳng qua là Thần Khí, Tâm Thần trong ta.

Tu luyện cho Tâm kết hợp với Thần, khiến cho Thần Khí hợp nhất, không để cho ngoại vật khiên dẫn, làm tản lạc ra bên ngoài; tu luyện Tâm Thần để trở thành Siêu Nhân, thành Tiên Thánh, đó là mục đích của công trình mà Đạo gia gọi là luyện đơn.

Đại đỗng Chân kinh viết:

Nhật Nguyệt hợp bão nhi thành Thái Cực. [18]

Theo Đạo gia, chữ Đơn chính là chữ Dịch biến thể, vì có đầu Nhật, mà chân là Nguyệt. [19]

Thế mới hay:

Một Dịch qua phân tạo đất trời.

Âm Dương cách trở, mới chia phôi

Tâm thần ví thể đoàn viên lại,

Thái Cực rồi ra sẽ rạng ngời.

Một chữ Dịch phân ra, thì thấy cách thức trời đất Vạn Vật phát sinh, thấy căn bản của Vạn Hữu; hợp lại thì thấy cùng đích muôn loài, thấy phương thức tu luyện để tiến tới Thần minh. Như vậy, chẳng phải là kỳ diệu sao?

Học Dịch để quán thông thượng hạ, vạn biến phùng nguyên, há chẳng phải là một công việc thích thú lắm sao?[20]

CHÚ THÍCH

[1] Khổng tử vãn nhi học Dịch, độc chi vi biên tam tuyệt chi nhi vi chi truyện. 孔 子 晚 而 學 易, 讀 之 為 編 三 絕 之 而 為 之 傳 .

[2] Gia ngã sổ niên, tốt dĩ học Dịch khả dĩ vô đại quá hĩ. 加 我 數 年, 卒 以 學 易, 可 以 無 大 過 矣 .— Luận Ngữ Thuật nhi đệ thất, câu 16 - Bản dịch Đoàn Trung Còn.

[3] Cf. Wilhelm Baynes, The I Ching Book II, p. 274 - 280.

[4] Thoán truyện khác Thoán từ của Văn Vương - Thoán từ bao giờ cũng ở ngay đầu quẻ. Thoán truyện bao giờ cũng có chữ Thoán viết.

[5] Tượng còn chia làm Đại Tượng (cắt nghĩa hình ảnh toàn quẻ), Tiểu Tượng cắt nghĩa hình ảnh từng Hào. Như vậy Quẻ nào, Hào nào cũng có Tượng truyện và bắt đầu bằng chữ Tượng viết.

[6] Văn ngôn chỉ có trong 2 quẻ Kiền và Khôn và bắt đầu bằng chữ Văn ngôn viết.

[7] Cf. Nguyễn Ấn Trường - Tạo hóa thông - trang 56

Tạ Vô Lượng, Trung Quốc triết học sử. Đệ nhất chương hạ - trang 25.

[8] Cf. Nguyễn Ấn Trường, Tạo hóa thông - trang 56.

[9] Cf. Nguyễn Ấn Trường, Tạo hóa thông - trang 56

- Lý Chứng Cương, Dịch học thảo luận tập, trang 1,2,3.

- Về nhẽ thác tống xin đọc Dịch Kinh lai chú đồ giải - quyển I, các trang 38 - 44.

[10] Các lời sấm ngữ của Gia Cát, Lý thuần Phong, Viên Chính Cương, Thiệu khang Tiết, Lưu Cơ hiện còn

ghi trong tập Trung Quốc nhị thiên niên chi dự ngôn.

[11] Hình vẽ phỏng theo Dịch học thảo luận tập - trang 69.

[12] Thư viện bên Nam Dương, nói có những Bộ Liên Sơn, Qui Tàng trong Thư Viện.

[13] Ngô Khang Chu Dịch đại cương - trang 11.

[14] Tạ Vô Lượng Trung Quốc Triết học sử - trang 31.

[15] Bồ Điền Trịnh thị viết: Dịch tòng Nhật tòng Nguyệt thiên hạ chi lý nhất Cơ, nhất Ngẫu nhi tận hĩ. 浦 田 鄭 氏 曰: 易 從 日 從 月 天 下 之 理 一 奇, 一 偶 而 盡 矣 . — Dịch Kinh Đại Toàn - Chu Dịch thượng kinh - trang 77.

[16] Tử viết: Càn Khôn kỳ Dịch chi môn da. 子 曰 乾 坤 其 易 之 門 邪. Hệ Từ hạ, VI

[17] Cương nhu tương thôi nhi sinh biến hóa. 剛 柔 相 推 而 生 變 化. Hệ Từ thượng II.

[18] Nhật Nguyệt hợp bão nhi thành Thái Cực. 日 月 合 抱 而 成 太 極 . Đại đỗng Chân Kinh quyển hạ trang 23.

[19] Đơn tự Nhật đầu Nguyệt cước, trung gian nhất hoạch hệ Nhật Nguyệt hợp nhất chi vị dã. Kỳ nội nhất điểm vi tinh khí hồn hợp, dĩ tượng nhất lạp kim đơn dã. 丹 字 日 頭 月 腳, 中 間 一 劃 係 日 月 合 一 之 謂 也. 其 內 一 點 為 精 氣 渾 合, 以 像 一 粒 金 丹 也.

Tu chân bất tử phương - trang 26.

[20] Thủy Tâm tập học ký ngôn. (Diệp Thủy Tâm Tiên sinh thích.)

Trùng biên Tống Nguyên học án quyển 3, trang 593

---

chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 **2** 3 4 5 6 7 8 9 | chương **1** 2 3 4 5 6

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 2

DỊCH LUẬN THIÊN

chương trước chương sau

Chương 2. Dịch là biến thiên

Nếu chỉ dùng lý trí mà suy luận, chỉ dùng giác quan mà nhận xét, thì ta thấy Vạn Vật, Vạn Hữu biến ảo, khôn lường, không một phút giây nào ngừng nghỉ!

Sách Dịch có mục phiêu khảo sát mọi hiện tượng biến thiên của hoàn võ và suy ra các định luật chi phối các biến thiên ấy, vì thế một trong những nghĩa của Dịch là biến thiên.

Vạn Vật biến thiên, lịch sử biến thiên, tâm tư con người biến thiên. Sự kiện ấy không một ai có thể chối cãi được. Khổng tử đứng trên giòng sông nói:

Chảy trôi như thế suốt đêm ngày [1]

Ý ngài muốn nói Vạn Vật như giòng sông trôi chảy đêm ngày, không bao giờ ngừng nghỉ.

Sách Thúy Hư Thiên viết:

Nhãn tiền vạn sự khứ như thủy

Thiên địa hà dị nhất phù âu [2]

Tạm dịch:

Vạn sự nhãn tiền trôi tựa nước,

Đất trời bèo bọt khác chi nhau

Phật giáo nói: Vạn pháp vô thường. Vạn pháp, vì chỉ là những hiện tượng của vũ trụ, nên có sinh, có diệt, có tăng, có giảm, có thủy, có chung. [3]

Héraclite, triết gia Hi Lạp chủ trương thuyết Vạn Vật biến thiên đã viết: Không ai vào được cùng một giòng sông hai lần... Sự đời tụ tán, vãng lai! [4]

Các tao nhân mặc khách cũng thường hay lấy cuộc tang thương biến đổi làm đề tài ngâm vịnh.

Ôn Như Hầu than thở:

Lò cừ nung nấu sự đời,

Bức tranh vân cẩu vẽ người tang thương.

Nguyễn Công Trứ vịnh nhân sinh:

Ôi nhân sinh là thế ấy,

Như bóng đèn, như mây nổi, như gió thổi, như chiêm bao,

Ba mươi năm hưởng thụ biết chừng nào,

Vừa tỉnh giấc nồi kê chưa chín,

Vật thái mạc cùng vân biến huyễn,

Thế đồ vô lự thủy doanh hư.

Cái hình hài đã chắc thiệt chưa?

Mà lẽo đẽo khóc sầu rứa mãi.

Trời đất hỡi có hình, có hoại,

Ỷ chi chi mà chắc chắn chi chi?...[5]

Nhìn sang phía Âu châu, ta thấy các văn gia, triết gia cổ kim phân chia thành 2 phái:

1.- Phái chủ trương Vạn Vật biến thiên đó có:

Platon	Homère
Hésiode	Héraclite
Hobbes	Leibniz
Hegel	Bergson

Whitehead v.v [6]

Phái này thiên về quan điểm biến Dịch của vũ trụ.

2.- Phái chống đối chủ trương biến thiên, như:

Parménide	Démocrite
Descartes	Spinoza
Bradley	Spir

Meyerson v.v. [7]

Phái này thiên về quan điểm Hằng Cửu của vũ trụ. Thay vì đi sâu vào chi tiết và để quan niệm cho chính xác vấn đề biến thiên, chúng ta ghi nhận:

1.- Bản Thể không biến thiên [8]

2.- Chỉ có hình thức, hiện tượng biến thiên [9]

3.- Sự biến thiên, diễn tiến từ cực đoan này đến cực đoan khác. Á châu nói: Âm biến Dương, Dương biến Âm; Dịch cùng tắc biến. Âu châu nói: Nóng thành lạnh, lạnh thành nóng, cứng thành mềm, mềm thành cứng... Tức là biến thiên từ chính đến phản. [10]

Quan niệm biến thiên có lẽ đã được manh nha từ hiện tượng biến dịch tuần hoàn của vũ trụ, như thủy triều, như ngày đêm, thức ngủ, hô hấp v.v.... [11]

Có lẽ vì thế mà Dịch Kinh đã nói: Cương Nhu tương thôi, nhi sinh biến hóa.

Và Héraclite đã nói: biến dịch do mâu thuẫn, do tương phản phát sinh. [12]

Từ 2 thế kỷ nay, nguyên lý biến Dịch, cũng như các định luật biến dịch đã được khoa học và triết học Âu Châu xác nhận.

A.- Về phía Thiên Văn học người ta nhận thấy:

1.- Các vì sao vận chuyển, biến đổi phương vị luôn luôn theo những chu kỳ nhất định.

2.- Vũ trụ cũng theo định luật tụ tán.

Ngày nay vũ trụ đang trong thời kỳ bành trướng tản mạn. Điều này đã được xác nhận nhờ phương pháp tán quang, và nhờ nguyên lý Doppler - Fizeau [13] Đó cũng là giả thuyết của Georges LemaÛtre đã được Hubble và Eddington xác nhận. [14]

3.- Các vì sao cũng theo định luật thịnh suy, tiêu tức. Các vì sao ngày nay đã được phân chia ra nhiều hạng sao non, sao già, tùy theo nhiệt độ và màu sắc của sao. Thế là các vì sao cũng có sinh, trưởng, lão, tử. [15]

B.- Về phía Vật Lý học Sadi - Carnot (1822 - 1888) đã tìm ra nguyên lý Dương tiêu Âm trưởng, nghĩa là hoạt lực ngày một tiêu, tiềm lực ngày một tăng. [16]

C.- Về phía Địa Lý, Lyell khám phá ra rằng mặt đất luôn luôn biến chuyển. Động cơ biến chuyển là sức gió, sức nước, sức thác, sức biển, sức sông, sức núi lửa, sức đất. [17]

D.- Về phía Vạn Vật học:

Lamarck (1774 - 1829), Darwin (1809 - 1882), De Vries (1848 - 1935) chủ trương Vạn Vật biến hóa từ loài này sang loài khác. Động cơ phát sinh ra sự biến hóa nói trên là:

- Sự thích ứng với hoàn cảnh [18] (Lamarck)

- Sự đấu tranh sinh tồn, ưu thắng, liệt bại (Darwin)

- Sự di truyền các đặc tính tập thành (Lamarck - Darwin)

- Sự sậu biến (Mutationnisme) (De Vries)

E.- Về phía Triết học Hegel (1770 - 1831), Engels (1820 - 1895) và Karl Marx (1818 - 1883) đã làm sống động lại thuyết biến dịch mà Héraclite đã chủ trương từ 500 năm trước kỷ nguyên, mà Đông phương đã chủ trương từ 2,600 năm trước kỷ nguyên.

Hegel chủ trương: Dương tôn, Âm ti, tinh thần trọng hơn vật chất, tinh thần sinh ra vật chất, và sự biến thiên là do mâu thuẫn nội tại phát sinh; mục đích là để tinh thần ngày một phát triển, ngày một đi tới chỗ thành toàn.

Đối với Hegel, lịch sử là sự phát triển của tinh thần phổ quát trong thời gian.[19]

Engels và Marx cũng chủ trương Vạn Vật biến

thiên, nhưng có những quan điểm ngược với Hegel. Học thuyết biến dịch của Engels và Marx được gọi là Duy vật biện chứng pháp và Duy vật sử quan.

Duy vật biện chứng pháp có thể tóm tắt như sau:

1.- Vật chất tự hữu và hằng cửu [20]

2.- Vạn Vật biến thiên.

3.- Biện chứng pháp là khoa học khảo sát về các định luật chi phối sự biến động cả của ngoại giới, cả của tư tưởng con người. [21]

Chữ biện chứng bao hàm 3 ý nghĩa:

a). Sự biến động nội tại của thực thể.

b). Phương pháp khảo sát thực thể trên bình diện biến thiên.

c). Hành động cách mạng để thúc đẩy sự biến động trong xã hội loài người bằng cách kính thích những mâu thuẫn nội tại. [22]

4.- Đối với biện chứng pháp, không có gì là rốt ráo, là tuyệt đối, là thần thánh... tất cả chỉ là một quá trình liên tục của biến thiên tạm bợ. [23]

5.- Sự biến thiên diễn biến nhờ 4 yếu tố:

a). Động lực nội tại

b). Các sự biến thiên đều ảnh hưởng lẫn nhau.

c). Biến thiên nhờ mâu thuẫn nội tại

d). Sự nhảy vọt bất thần, lượng có thể hóa thành phẩm, vật này có thể sinh vật kia, khinh khí, dưỡng khí có thể sinh ra nước; nước có thể biến thành đá, hay hóa thành hơi; vật chất nhờ đó có thể sinh ra tinh thần. [24]

6.- Áp dụng duy vật biện chứng pháp vào quốc gia xã hội, người Mác Xít cho rằng:

a). Lịch sử đã diễn tiến không phải vì ngẫu nhiên, cũng không phải vì một quyền năng xấu tốt nào bên ngoài, mà vì những định luật bên trong. [25]

b)- Xã hội đã diễn biến qua nhiều hình thức (xã hội cổ sơ, phong kiến, tiểu tư sản, tư bản...) [26]

c)- Những điều kiện vật chất kinh tế, những phương tiện sản xuất, và giai cấp đấu tranh là những yếu tố, những động cơ đã thúc đẩy sự biến thiên ấy. [27]

d)- Cho nên họ chủ trương có thể thúc đẩy sự biến thiên tiến hóa bằng cách gây mâu thuẩn, bằng cách làm Cách mạng. [28]

e)- Mục đích tối hậu là giải phóng con người, khỏi mọi sự tù túng lệ thuộc, để con người thống trị được thiên nhiên. [29]

Đó là đại cương Duy vật sử quan, tức là Duy Vật Biện Chứng Pháp áp dụng vào lịch sử loài người.

Trên đây ta đã toát lược học thuyết của Hegel và học thuyết Marx Engels. So với Kinh Dịch ta thấy có nhiều điểm tương đồng, tương dị.

1.- Tương đồng vì Dịch cũng như Hegel, cũng như Marx, Engels chủ trương Vạn Tượng biến thiên; biến thiên vì mâu thuẫn nội tại.

2.- Tương dị vì Dịch chủ trương Thái Cực siêu Âm Dương, siêu tinh thần và vật chất, bao quát tinh thần và vật chất, sinh ra tinh thần và vật chất, làm căn cốt cho cả tinh thần lẫn vật chất. Trái lại Hegel thì duy thần, Marx, Hegels thì duy vật.

3.- Dịch cho rằng cô Dương bất sinh, cô Âm bất hóa. Còn Hegel, cũng như Marx, Engels, chủ trương hoặc là duy có Dương (Tinh thần) hoặc là duy có Âm (vật chất) thì lấy đâu ra cặp mâu thuẫn nội tại để

sinh ra biến hóa được.

4.- Dịch chủ trương dưới những hình thức biến thiên còn có Bản Thể bất biến, trái lại Marx, Engels cho rằng cái gì cũng vô thường, vô định cả. [30]

5.- Dịch chủ trương Âm Dương có khắc nhưng lại có sinh, tức chủ trương không phải nguyên có sự đấu tranh, chống đối mới sinh ra được biến thiên, mà còn có cả sự đoàn kết, hợp tác, xây dựng nữa. Đó là điều mà Marx, Engels ít nói tới.

6.- Dịch áp dụng khoa học Dịch vào sự cải thiện nội tâm, thần thánh hóa con người, vào sự thích ứng với hoàn cảnh cho khéo léo để có một đời sống lý tưởng, Marx Engels áp dụng khoa học Dịch vào sự canh cải ngoại cảnh và vật chất.

7.- Dịch bắt chước đường lối của Trời, nên hiếu sinh, chủ nghĩa Các Mác vì vụ những thành quả nhãn tiền bên ngoài nên đã tỏ ra hiếu động, hiếu sát.

8.- Dịch cho rằng Vạn Vật, Vạn Tượng biến thiên để phát huy, tận dụng mọi khả năng, ngõ hầu cuối cùng nhận ra được Bản Thể bất biến, và trở về được với Bản Thể bất biến. Hegel cũng đã có cái nhìn cho tới chung cuộc như Dịch Kinh.

Trái lại, Marx Engels không có tầm nhìn xa như vậy và không biết, hoặc không muốn đề cập đến định luật Thiên địa tuần hoàn chung nhi phục thủy. Để tổng kết lại, ta thấy rằng đứng trước hiện tượng Vạn Vật, Vạn Hữu biến thiên, Dịch kinh đã cố tìm cho ra:

1.- Những định luật chi phối sự biến thiên ví dụ như định luật sinh, trưởng, lão, tử v.v..

2.- Động cơ thúc đẩy biến thiên, tức là Âm Dương tương sinh, tương khắc.

3.- Chiều hướng biến thiên tức là hướng ngoại, hướng nội, hướng hạ, hướng thượng; ly tâm, hướng tâm v.v..

4.- Mục đích của cuộc biến thiên tức là phát huy được mọi tiềm năng, tiềm lực của mình, trở về với nguyên bản, với Tuyệt đối. Dịch muốn người học Dịch áp dụng những định luật biến dịch, những nhận định về biến dịch vào bản thân để có thể thực hiện được một đời sống lý tưởng, để có thể giúp mình, giúp người thần thánh hóa bản thân, cải thiện hoàn cảnh, cùng tiến tới một tương lai vô cùng huy hoàng và tốt đẹp.

CHÚ THÍCH

[1] Thệ giả như tư phù, bất xả trú dạ. 逝 者 如 斯 夫, 不 舍 晝 夜.— Tử Hãn IX câu 16.

[2] Thúy Hư Thiên 3a.

[3] Vạn pháp giả nãi vũ trụ chi hiện tượng, hữu sinh diệt, hữu tăng giảm, hữu thủy chung. 萬 法 者 乃 宇 宙 之 現 象, 有 生 滅, 有 增 減, 有 始 終.— Wieger, Histoire des croyances religieuses et des opinions philosophiques en Chine, page 548.

[4] On ne peut pas entrer deux fois dans le même fleuve... Elle se disperse et se réunit de nouveau (toute chose mortelle), s'approche et s'éloigne (D.91) — Kostas Axelos, Héraclite et la philosophie, page 51.

[5] Cf. Đàm Xuân Thiều, Trần Trọng San, Việt văn độc bản đệ nhị, trang 32.

[6] Cf. Jean Wahl - Traité de Métaphysique- pages 33, 34, 35.

[7] Cf. Jean Wahl - Traité de Métaphysique- pages 33, 34, 35.

[8] L'idée est éternelle.....(Hegel)

J. Wahl - Traité de Métaphysique 84.

... Il doit donc y avoir un monde intelligible, un monde des idées (Platon) — Ib. 84.

... Le Réel est ce qui ne devient pas (Anaxagore) — Ib. 33.

... La substance est l'immuable (Parmémide) — Ib.84.

[9] Tandis que Zénon dénie au changement toute réalité, Platon se borne à le cantonner dans le monde sensible. — Ib.84.

[10] Sans doute comme l'Héraclitéen l'expose dans le Phédon, le chaud devient le froid, le froid devient le chaud; le dur, le mou et réciproquement.

Interprétation du devenir comme passage du contraire au contraire. — Ib 38.

[11] Si nous nous rappelons la pensée d'Héraclite nous serons amenés à dire que ce sont probablement les changements cycliques qui ont donné à l'homme l'idée du devenir, le flux et le reflux, la nuit et le jour, la veille et le sommeil, l'aspiration et l'expiration. — Jean Wahl - Traité de Métaphysique, page 41.

[12] C'est la raison pour laquelle Héraclite a dit que le devenir est de nature antithétique, qu'il se fait par un jeu d'antithèse. — Ib 41.

[13] Le principe de Doppler - Fizeau est aujourd'hui, en effet une des bases de l'astrophysique, et permet, grâce au décalage des raies de leur spectre, de mesurer la vitesse des étoiles, et des nébuleuses les plus lointaines. — Pierre Rousseau - Histoire de la Science, page 556.

[14] ...Georges Lemaitre avait exposé... la théorie d'un univers en expansion. Eddington se frotta les yeux, lut avec intérêt, avec passion. Et il constata que Lemaitre avait prédit le phénomène, observé par Hubble et que la fuite des nébuleuses trahissait une expansion de l'univers. — Ib 769.

[15] Các vì sao được chia thành 10 hạng:

- Hạng 0 = sức nóng 30,000 ^{o}
- Hạng B = sức nóng 20,000 ^{o}
- Hạng A = sức nóng 10,000 ^{o}
- Hạng F = sức nóng 7,500 o
- Hạng G = sức nóng 5,600 o
- Hạng K = sức nóng 4,000 o
- Hạng M = sức nóng 3,000 ^{o}
- Hạng N = như hai hạng K và M
- Hạng S = thuộc hạng sao lạnh

Sao càng trẻ càng trắng

Sao có tuổi ngả màu vàng

Sao già biến sang màu đỏ.

Cf. Camille Flammarion - Astronomie populaire, p.460 et ss;

Astronomie Larousse - page 338 et ss.

L'Alchimie Moderne (Th. Moreux - p.79 et ss.)

... Dès les premières observations, les différences constatées inclinaient l'esprit à concevoir une sorte d'évolution stellaire, une loi grandiose qui réglait non seulement leur apparition, mais les phases de leur vie astrale, leur extinction et leur mort peut être- L'Alchimie moderne. page 79.

[16] Rappelons que le Principe de Carnot traduit la tendance de l'énergie à se dégrader ou à se dissiper, ce qui entraine une augmentation de l'entropie c'est à dire de l'extension spatiale de l'énergie au cours de ses transformations. — André Lamouche, La destinée humaine, page 49, note 16.

.... C'est cette marche à sens unique, toujours dans le sens de dégradation irréversible, qui justifie le nom de principe d'évolution par lequel on désigne souvent le second principe de Carnot. — Ib. page 95.

[17] Si la paléontologie nous enseigne que des continents ont disparu, que des terres ont émergé, que des cours d'eau se sont déplacés, que des montagnes se sont soulevées et que d'autres ont été rasées, c'est que depuis l'origine du monde, le vent persiste à transporter le sable des déserts, le torrent et le glacier à limer le flanc de la montagne, la rivière à ronger ses rives, le fleuve à encombrer de sable son delta, l'eau souterraine à forer des puits et des avens, la mer à saper ses falaises, le volcan à rejeter ses laves, et le sol lui-même à se soulever ou à s'affaisser lentement... — Pierre Rousseau, Histoire de la Science, page 652.

[18] L'Adaptation aux circonstances et à la fonction. — Planète N(3 - page 139 (André de Cayeux, Qu' est ce que l'évolutionnisme)

[19] - Hegel donnait la primauté à l'esprit sur la matière et trouvait en celui là l'origine de celle ci...

- En conséquence, pour Hegel, 'L'Historie est le développement de l'esprit universel dans le temps'.

Cf. Francois Dufay, M.E.P. En Chine l'Etoile contre la croix - page 38-39.

[20] La matière est et s'explique par elle même. — (L'étoile contre la Croix - page 38)

[21] Tout est mouvement, changement, apparition et disparition. — Ib. 40.

[22] 'La dialectique est la science des lois générales du mouvement, tant du monde extérieur que de la pensée humaine' (Engels in Ludwig Feuerbach.)

... De fait, le mot 'dialectique' qualifie à la fois changement interne de l'être, la méthode d'investigation (marxiste) qui étudie l'être sous le rapport du changement, et l'action révolutionnaire qui accélère le changement (des sociétés humaines, palier supérieur du progrès universel) en activant les contradictions internes (Ib. 38 notes)

[23] Pour la dialectique, il n'y a rien de définitif, d'absolu, de sacré... rien n'existe pour elle que le processus ininterrompu du devenir et du transitoire (Engels) (L'étoile contre la Croix, p. 40)

[24] Les quatres grandes lois de la dialectique:

a)- L'autodynamisme

b)- Les enchainements du processus, les changements sont interdépendants les uns des autres... Les

enchainements du processus ne sont autres que la loi du progrès universel.

c)- Les choses changent parce qu'elles contiennent en elles mêmes la contradiction.

d)- Le saut qualitatif brusque (Les changements quantitatifs se convertissent en changements qualitatifs)

Ib. pages 40-44.

[25] L'histoire n'est pas le résultat d'un hasard aveugle. Elle n'est non plus dirigée par telle ou telle puissance bonne ou mauvaise de l'au- delà, mais porte en elle sa loi, selon laquelle elle progresse.

Gustave A. Welter.

L'idéologie soviétique contemporaine Tome I - page 146.

[26] Les sociétés humaines changent, évoluent; c'est un fait universellement admis par tout le monde.

L'étoile contre la Croix. page 45.

[27] Ce sont donc les luttes des classes qui expliquent l'histoire, mais c'est l'économie qui détermine les classes. — L'étoile contre la Croix, p. 47.

...Plus précisément, c'est le mode de production des biens matériels nécessaires à la vie qui détermine en dernière analyse la marche de l'histoire humaine. — L'idéologie soviétique contemporaine Tome I page 146.

[28] Qui dit dialectique dit lutte, 'le développement est la lutte des contraires, le moteur du progrès humain est donc une lutte, la lutte des classes, le Parti communiste en est l'Agent...

'Pour faire accoucher la société socialiste, il faudra un accoucheur, d'où la nécessité de la révolution.

[29] Acquisitions ultimes: libération totale de l'homme de toutes les contingences et de toutes les servitudes... domination des forces de la nature par l'homme. — Ib. 50.

[30] Il n'y aurait donc plus de vérité absolue 'Si, il y a une vérité absolue, c'est que tout est relatif.

- (Cachin, Science et Religion - page 24)

- (L'Étoile contre la Croix - page 57)

...Pour la dialectique, il n'y a rien de définitif, d'absolu, de sacré...

(Politzer - Principes élémentaires de philosophie - page 169 L'Étoile contre la Croix - page 40)

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 2

DỊCH LUẬN THIÊN

chương trước chương sau

Chương 3. Dịch là bất biến

Dịch bao quát cả hai phần thể dụng, biến hằng của đất trời. Như trên đã nói: Sự biến thiên chỉ diễn biến trên bình diện hiện tượng, còn Bản Thể vẫn thường hằng.

Nếu vậy thì trong biến thiên, luôn hàm ngụ Bất Dịch, bất biến, vì thế nên Dịch còn có nghĩa Bất Dịch. Nếu biến thiên là tương đối, thì Bất Dịch ắt phải là Tuyệt đối. Có Tuyệt đối rồi Tương đối mới sinh, có Bất Dịch rồi Biến thiên mới hiện, như vậy thì Tuyệt đối, Bất Dịch chính là Bản Thể của trời đất vậy.

Nếu Dịch có nghĩa là Bất Dịch, là Tuyệt đối, là Bản Thể hằng cửu, là Căn nguyên của vũ trụ, thì ta có thể dùng chữ Dịch viết hoa để chỉ Tuyệt đối, hay nguyên lý của vũ trụ. Ta viết: Dịch là Tuyệt đối thể, Nguyên lý vũ trụ, Bản Thể hằng cửu

Dịch bất biến, muốn phát huy quyền năng mình, lại dùng sự biến dịch. Vậy muốn tìm Dịch bất biến, phải từ lòng Dịch biến thiên mà suy ngược lại.

Tiên Hiền, Lão cũng Chư Nho, đã nhận được Dịch là căn nguyên vũ trụ, là Tuyệt đối:

Liệt tử viết: Dịch vô hình liệt [1] Dịch không có hình tướng bến bờ. Ông cũng còn dùng chữ Thái Dịch để chỉ Bản nguyên vũ trụ. [2]

Tạ Vô Lượng khi biên khảo về Vũ trụ luận của các Đạo gia đã viết: Căn nguyên sinh ra mọi sự biến hóa trong vũ trụ, gọi là Không sinh, Không hóa, Nghi Độc, Cốc Thần, Huyền tẫn, Thái Dịch, Vô Vi.

Chung qui đều là một thứ vậy.

Lại suy ra đến cái mà Dịch gọi là Thái Cực, hay Chu tử đời Tống gọi là Vô Cực rồi Thái Cực, Lão tử gọi là Vô Danh, hay Empédocle gọi là To Apiron, tất cả đều là Một vậy. [3] Thiên Ẩn tử viết: Kiêm tam tài gọi là Dịch, quán Vạn Vật gọi là Đạo. Có một tính thuần nhất gọi là Chân như... cho nên Thiên Ẩn tử sinh trong Dịch, mà chết cũng trong Dịch...! [4]

Về phía Nho gia ta thấy Thái Tiết Trai tiên sinh (Thái Uyên) cho rằng: Dịch thời vô tư, vô vi, tịch nhiên bất động, còn Thần thì cảm là lập tức thông suốt lý do trong thiên hạ... Nói Dịch tức là nói khi chưa hiển

dương, nói Thần tức là nói khi bắt đầu hiển dương, bởi vì Dịch là căn bản của Thần; Thần là ứng dụng của Dịch [5]

Ông lại viết: Dịch có trước Lưỡng Nghi nên không hình thể. [6]Cho nên học Dịch đối với Ông, là một phương pháp tiến tới Thần minh. [7]Hiểu Dịch là Tuyệt đối, còn Vạn Hữu là tượng trưng, là biểu dương, là hình tượng của Tuyệt đối, thì mới hiểu tại sao Dịch vừa bất biến, vừa biến thiên. Bất biến nếu xét về phương diện tuyệt đối, biến thiên nếu xét về phương diện tương đối Vạn Hữu.

Ngô Khang giải: Bất dịch là tên của Bản Thể hằng cửu. [8]Lý Chứng Cương gọi Bất dịch là Đạo lý tuyệt đối vĩnh cữu. [9]Nguyễn Ấn Trường cho rằng: Bất dịch là Bản thể.[10] Với những lời giải thích ấy, ta có thể trở về Dịch Kinh, và nhận định rõ ràng rằng theo Dịch Kinh, thì trời đất, Vạn Vật là bóng hình, là ảnh tượng của Tuyệt đối thể vô hình, của Dịch. Hệ Từ viết: Trời đất hàm ngụ Tuyệt đối; Cho nên hễ trời đất phân trình thành liệt, thì Tuyệt đối ở ngay trong.

Nếu trời đất bị hủy diệt, thì Tuyệt đối không được biểu dương, thì trời đất cũng không còn lý do tồn tại. [11]Hệ Từ lại viết: Dịch không nghĩ, không làm, tịch nhiên bất động, hễ cảm ứng là biết ngay căn cơ của thiên hạ. Nếu không tuyệt đối thần diệu thì làm sao có thể như vậy được? [12]...Dịch bao quát mọi sự biến hóa của trời đất, tác thành muôn vật mà chẳng bỏ sót cái chi; thông tỏ lối đường của ngày đêm. Cho nên Thần thì vô phương sở, mà Dịch thì vô hình thể. [13]Tất cả những lời lẽ trên đã phơi bày tâm tư của Thánh Hiền tự ngàn xưa: Trong cái biến, có cái thường; trong tương đối, có tuyệt đối. Như vậy học Dịch cốt là băng qua biến thiên để trở về với bất biến, bất Dịch.

Quẻ Hằng có lời Tượng rằng: Sấm gió thành quẻ Hằng, quân tử phải tìm phương vị bất biến mà ở [14]

Câu này nào có khác gì câu Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm của Kinh Kim Cương?

Họ Vương bình Tượng truyện trên như sau:

Tìm được Hằng Cửu nên không đổi thay. Dịch đạo biến hóa vô thường, nhưng trong biến ảo có tìm ra được nơi bất biến, thời mới có thể nói chuyện Dịch được. [15]

Tìm ra được Bản Thể bất dịch trong lòng vũ trụ, cũng như trong lòng con người, là điều kiện thiết yếu cho công cuộc tu thân, thành Thánh, thành Tiên, thành Phật. Kinh Lăng Nghiêm viết: Phật bảo A Nan: Từ muôn kiếp tới nay chúng sinh bị lao lung điên đảo, các nghiệp chướng sinh ra đầy dẫy như trái ác xoa. Còn những người tu hành chẳng thành được Vô Thượng Bồ Đề, lại thành ra bực Thanh Văn, Duyên Giác và các thứ Ngoại Đạo, các Trời và Ma vương, Ma quyến, đều là vì không biết hai thứ căn bản, tu luyện cuồng xiên, thác loạn y như đòi nấu cát thành cơm thì có đến ngàn muôn kiếp cũng chẳng được.

Thế nào là hai thứ căn bản? Hỡi A Nan: một là căn bản tử sinh từ muôn kiếp, y như nay ngươi và chúng sinh lấy tâm vọng tưởng (tâm phan duyên) làm tự tính. [16] Hai là căn bản Vô thủy Niết Bàn nguyên thanh tịnh thể đó ở nơi người, chính là thức tinh nguyên minh có thể sinh ra vạn duyên, vạn sự mà đã bị trần duyên làm mất bỏ. Cũng vì chúng sinh đã làm mất cái căn nguyên sáng láng ấy cho nên hằng ngày tuy vẫn luôn dùng mà chẳng tự biết được nó, rồi lăn lộn đắm đuối vào các thú vui, uổng phí cả đời.[17]

Thủ Lăng Nghiêm còn viết: Đánh mất căn nguyên trường tồn, vĩnh cữu, nên bị luân chuyển.[18]

Héraclite cũng cho rằng học biến dịch cốt để tìm ra Logos (Thái Cực) bất biến. Ông viết đại khái như sau: Logos là Thiên chân thường tại, mà người đời nào biết vân mòng là chi, mặc dầu đã được hay chưa

được nghe bàn tới.[19] Tuy mọi sự biến thiên đều do Logos (Thái Cực), nhưng họ y thức như những người vụng dại si ngốc mặc dầu đã trải qua và đã thực hiện nhiều biến thiên hoặc bằng lời nói, hoặc bằng việc làm...

Logos (Thái Cực) là phổ quát mà mọi người lại thích ý kiến riêng tư. Thái Cực có liên lạc thường xuyên với mọi người mà mọi người lại bất hòa, bất hợp với Thái Cực. Cái mà họ gặp thường ngày lại trở nên xa lạ đối với họ. [20]

Như vậy, ta thấy rằng các bậc thượng trí, thượng nhân bất phân đạo giáo, đều đi tìm Hằng Cửu và Bất biến.

Theo Kinh Dịch, trong vũ trụ chỉ có Thái Cực, có Đạo là Tuyệt đối, là Hằng Cửu, Bất biến. Cho nên người quân tử học Dịch, lúc nào cũng phải cương quyết tìm cho ra Đạo, ra Tuyệt đối giữa mọi biến thiên, tương đối, lúc nào lòng cũng phải khế hợp với Thái Cực với Đạo.

Muốn tượng trưng Bản Thể Hằng Cửu hay Thái Cực lồng trong lòng Vạn Vật biến thiên, cổ nhân đã vẽ ra vòng Dịch, trong đó tâm điểm tượng trưng cho Bất biến, Hằng Cửu, còn các vòng Hào Quải bên ngoài tượng trưng cho Vạn Hữu biến thiên. Và nếu ta coi vòng Dịch như là một bánh xe biến hóa, thì tâm điểm bất biến, hay Thái Cực chính là cái bầu, cái trục ở giữa bánh xe.

Trục bánh xe, hay tâm điểm bất biến chính là Thiên tâm, là Chân tâm sinh xuất mọi biến thiên.

Lão tử viết:

Bánh xe ba mươi tai hoa,

Cái bầu giữa trống, nó nhờ nó quay [21]

Văn Đạo Tử giảng luận như sau:

Nhân Đạo, Thiên Đạo đều là tác dụng nhiệm màu của một khí Thái Cực. Và sự tác dụng huyền diệu ấy, sự tuần hoàn vãng phục luân chuyển ấy tất phải có trục. Cổ nhân gọi trục ấy là trung tâm thiên địa, là cùng cực của Thái Cực. [22]

Thiên Đạo cư trung ngự cực nên vận chuyển muôn đời mà không sai thất, cũng như trong bánh xe, các vành xe và tai hoa xe vận chuyển không ngừng là nhờ ở trục xe. Nếu ta giữ vững được trung điểm, tận dụng được Thái Cực, thì có thể chuyển vần với Vạn Vật mà vẫn có thể góp phần được với trời đất trong công trình hóa dục.

Cho nên người quân tử tu Nhân đạo để hợp Thiên Đạo. Hợp Thiên Đạo tức là vào được trục của vòng Dịch, thoát ra ngoài vòng kiềm chế của hiện tượng, hỗ trợ muôn vật mà không tơ vương, dính bén muôn vật, xoay chuyển vòng biến dịch, mà chẳng chuyển dịch với bánh xe biến thiên, luân lạc.[23]

Hoàng đế nói: Vũ trụ ở trong tay, vạn hóa sinh trong mình. Phật nói: Thu bể khơi vào trong sợi lông, đem núi Tu Di lồng trong hạt cải đâu phải là thuật lạ. Bất quá các ngài đã nắm được trục của pháp luân. Ôi vi diệu thay, trục của pháp luân (trục của vòng biến thiên, hay trục của Vạn Hữu), hỏi mấy ai đã biết? Chẳng rõ được trục mà chỉ biết nói pháp luân luôn vận chuyển, thì chóng chày cũng bị vận chuyển theo pháp luân, làm sao thoát vòng sinh tử được. [24]

Đầu sách Tính Mệnh Khuê Chỉ có hình Lão tử cầm vòng Thái Cực, ý nói học Dịch cốt là tìm ra được Thái Cực, đắc đạo tức là đắc Thái Cực. Thế là cùng lý trí tri nói trong Đại học vậy. Ở nơi con người thì cái trục, cái bất biến, bất dịch chính là cốt cách tinh hoa, chính là lương năng, lương tri hằng cửu.

Nhận ra cốt cách thần minh của mình, lướt thắng được sự hỗn mang của các cảm giác, phân biệt được cái thần diệu bất biến trong một thế giới biến thiên, đạt được tới Bản Thể qua các lớp lang hiện tượng ảo hóa, đó mới là vấn đề chính yếu. [25] Thế tức là áp dụng được khoa Dịch học vào cuộc đời mình:

Có biến mới hay có cửu trường,
Trung tâm tĩnh lãng, ngoại nhiễu nhương.
Nhiễu nhương, biến hóa sinh luân lạc,
Học Dịch cốt tìm Bất Dịch phương.

Ngoài nghĩa bất Dịch là Tuyệt đối bất biến, Hằng Cửu, các nhà bình giải còn cho rằng bất dịch là những ngôi vị bất dịch, nhũng định luật bất dịch.

Sách Càn tạc độ giải bất dịch là địa vị bất dịch: Như trời trên đất dưới, vua quay mặt về Nam, thần quay quay mặt về Bắc, cha ngồi, con phục. [26]

Nhưng những sự kiện nói trên chẳng có gì là bất biến, bất dịch cả; ví dụ trái đất tròn lơ lửng giữa bầu trời, thì vừa có trời ở trên, trời ở ngang, và trời ở dưới; quẻ Bĩ thì trời trên, đất dưới ䷋ mà quẻ Thái thì lại đất dưới, trời trên ䷊. Vả Hệ Từ cũng viết: Thượng hạ vô thường, cương nhu tương dịch (Hệ Từ hạ, VIII)

Vấn đề quân Nam diện, thần Bắc diện, chỉ có giá trị với một thời đại nào ở Trung hoa, chứ như ở Âu châu thì nào họ có kể chi là phương hướng. Hơn nữa đến thời dân chủ thì đâu là vua? Ngay đến như vấn đề phụ tử, ta cũng đã thấy có những trường hợp, vì chủ nghĩa, người ta cũng có thể đảo lộn được cả cương thường v.v...

Muốn cho chính xác hơn, ta phải nói rằng tuy thế giới đảo điên, biến hóa nhưng vẫn dược chi phối bằng nhưng định luật bất dịch [27] những định luật ấy có thể xác định được, ví dụ như:

- Định luật tụ tán,
- Định luật điên đảo,
- Định luật thăng trầm,
- Định luật sinh, trưởng, thu, tàng hay sinh, trưởng, lão, tử.
- Định luật tuần hoàn v.v...

Tổng kết lại, chữ Dịch là Bất Dịch gợi cho chúng ta 2 ý niệm:

1.- Trong vũ trụ có một Bản Thể tuyệt đối.

2.- Vũ trụ được chi phối bằng những định luật bất dịch.

CHÚ THÍCH

[1] Xung Hư Chân Kinh - Chương I.

[2] Xung Hư Chân Kinh - Chương I.

[3] Thử hợp luận vũ trụ năng hóa dữ sở sinh, sở hóa chi nguyên biến, vị chi bất sinh bất hóa, vị chi Nghi độc, vị chi Cốc thần, Huyền tẫn, vị chi Thái dịch, vị chi Vô vi, kỳ thật nhất vật dã. Cánh suy chi Dịch sở vị Thái Cực, Tống Chu tử sở vị Vô Cực nhi Thái Cực, Lão tử sở vị Vô danh cập Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh, Hi lạp Ân Bồi Đa Khắc Nhi (Empédocle) sở vị To Apiron diệc nhất vật dã. — Tạ Vô

Lượng, Trung quốc Triết Học Sử. Đệ nhất biên hạ, đệ nhất chương, trang 27.

[4] Kiêm tam tài nhi ngôn vị chi Dịch. Tề Vạn Vật nhi ngôn vị chi Đạo. Đức bản nhất tính nhi ngôn, vị chi Chân Như...Cố Thiên Ẩn tử sinh hồ Dịch trung, tử hồ Dịch trung. 兼三才而言謂之易. 齊萬物而言謂之道. 德本一性而言謂之真如... 故天隱子生乎易中, 死乎易中.— Thiên Ẩn Tử, Dưỡng sinh thư - trang 2a.

[5] Vô tư, vô vi, tịch nhiên bất động, Dịch dã. Cảm nhi toại thông thiên hạ chi cố, Thần dã. Thử chương chi Dịch, chỉ vị phát giả vi ngôn dã. Thần chi sơ phát giả vi ngôn dã, cái Dịch giả Thần chi bản; Thần giả Dịch chi dụng... 無思, 無為, 寂然不動, 易也. 感而遂通天下之故, 神也. 此章之易, 指未發者為言也. 神之初發者為言也, 蓋易者神之本; 神者易之用. — Trùng biên Tống nguyên học án quyển III, trang 678 (Thái tiết Trai tiên sinh Uyên)

[6] Cố Dịch tại Lưỡng nghi chi tiên, kỳ Dịch vô thể. 故易在兩儀之先, 其易無體.— Ib. 677.

[7] Quân tử học Dịch nhi chí ư thần dã. 君子學易而至於神也 .— Trùng biên Tống Nguyên học án III, trang 678.

[8] Bất dịch giả thường thể chi danh. Hữu thường hữu thể. 不易者常體之名. 有常有體 .— Chu Dịch đại cương - trang 8.

[9] Nhi giá vĩnh cửu tuyệt đối đích đạo lý dã, tựu thị Bất dịch đích. 而這永久絕對的道理也, 就是不易的.— Dịch Học Thảo Luận tập - trang 128.

[10] Bất dịch kỳ Bản Thể hồ. 不易其本體乎.— Tạo Hóa thông, chương 3 trang 5.

[11] Càn Khôn kỳ Dịch chi uẩn da? Càn khôn thành liệt nhi Dịch hành hồ kỳ trung hỹ. Càn Khôn hủy tắc vô dĩ kiến Dịch. Dịch bất khả kiến tắc Càn Khôn hoặc cơ hồ tức hỹ. 乾坤其易之緼邪? 乾坤成列而易行乎其中矣. 乾坤毀則无以見易. 易不可見則乾坤或幾乎息矣.— Hệ Từ thượng chương XII. (Chữ uẩn 緼 ở đây, Chu dịch độc bản giải là bao sức, là che dấu, như áo mặc bên ngoài. Wilhelm Baynes Dịch Uẩn 緼 là bí ẩn tưởng không đúng). Cf. Chu dịch bản nghĩa Hệ Từ thượng chương XII, trang 104, Wilhelm Baynes - The I Ching, Book II page 347.

[12] Dịch vô tư dã, vô vi dã; tịch nhiên bất động. Cảm nhi toại thông thiên hạ chi cố, phi thiên hạ chi chí thần, kỳ thục năng dự ư thử. 易无思也, 无爲也; 寂然不動. 感而遂通天下之故, 非天下之至神, 其孰能與於此. — Hệ Từ thượng chương X.

[13] Phạm vi thiên địa chi hóa nhi bất quá, khúc thành Vạn Vật nhi bất di, thông hồ trú dạ chi đạo nhi tri. Cố thần vô phương nhi Dịch vô thể. 範圍天地之化而不過, 曲成萬物而不遺, 通乎晝夜之道而知. 故神无方而易无體.— Ib. chương III.

[14] Tượng viết: Lôi phong Hằng, quân tử dĩ lập bất Dịch phương. 象曰: 雷風恒, 君子以立不易方.— Dịch Kinh - Quẻ Hằng, Tượng truyện.

[15] Vương viết: Đắc kỳ sở cửu cố bất dịch dã. Án Dịch chi đạo, biến Dịch vô thường. Tự kỳ biến giả nhi năng tri bất Dịch chi phương, nhiên hậu khả dĩ ngôn Dịch hỹ. 王曰: 得其所久故不易也. 按易之道, 變易無常. 自其變者而能知不易之方, 然後可言易矣.— Dịch Kinh, Kim văn khảo thông luận. (Triều tiên, Thiểm châu, Lý Bính Hiến) quyển hạ quẻ Hằng.

[16] Phật cáo A Nan: Nhất thiết chúng sinh tòng vô thủy lai, Chủng chủng điên đảo, nghiệp chủng tự nhiên

như ác xoa tụ. Chư tu hành nhân bất năng thành vô thượng bồ đề, nãi chí biệt thành thanh văn, duyên giác, cập thành ngoại đạo chư thiên, ma vương cập ma quyến thuộc, giai do bất tri nhị chủng căn bản, thác loạn tu tập do như chử sa, dục thành gia soạn, túng kinh trần kiếp chung bất năng đắc. Vân hà nhi chủng? A Nan, nhất giả, vô thủy sinh tử căn bản, tắc nhữ kim giả dữ chư chúng sinh dụng phan duyên tâm vi tự tính giả. — Thủ Lăng Nghiêm, Linh sơn Phật học nghiên cứu hội - trang 55-56.

[17] Nhị giả, vô thủy bồ đề Niết bàn Nguyên thanh tịnh thể, tắc như kim giả, thức tinh nguyên minh, năng sinh chư duyên, duyên sở di giả; do chư chúng sinh di thử bản minh, tuy chung nhật hành nhi bất tự giác, uổng nhập chư thú. — Ib, trang 55 - 56.

[18] Thất nhữ nguyên thường, cố thụ luân chuyển. — Thủ Lăng Nghiêm kinh Việt nam Phật tử hội xuất bản quyển I, trang 55.

[19] Le Logos que voici, étant toujours vrai, les hommes n'en acquièrent pas la compréhension, ni avant de l'avoir entendu, ni une fois qu'ils ont entendu. — Kostas Axelos, Héraclite et la philosophie page 58.

[20] Car bien que tout devienne selon ce Logos - ci, ils sont pareils à des inexpérimentés, même s'ils ont fait l'expérience et des paroles et des oeuvres. Mais bien que le Logos soit universel, les gens du commun (la foule) vivent comme s'ils avaient une pensée particulière. Le Logos, avec qui pourtant ils ont le plus constant rapport, avec lui ils sont en désaccord, et ce que tous les jours ils rencontrent, cela leur paraÛt étranger. — Kostax Axelos - Héraclite et la philosophie page 58.

[21] Tam thập phúc cộng nhất cốc. Đương kỳ vô, hữu xa chi dụng. 三十輻共一轂. 當其無, 有車之用. — Lão tử Đạo Đức Kinh XI.

[22] Văn Đạo tử giảng đạo tinh hoa lục - trang 36b.

[23] Cố quân tử tu kỳ nhân đạo, tự hợp Thiên đạo, hợp Thiên đạo tắc đắc kỳ hoàn trung, siêu hồ tượng ngoại, vật vật nhi bất vật ư vật, chuyển luân nhi bất chuyển ư luân dã. 故君子修其人道, 自合天道, 合天道則得其環中, 超乎像外, 物物而不物於物, 轉輪而不轉於輪也.— Văn Đạo Tử giảng Đạo Tinh Hoa Lục, trang 366.

[24] Hoàng đế ngôn vũ trụ tại hồ thủ, vạn hóa sinh hồ thân. Phật ngôn thôn thương minh ư mao khổng, chuyển Tu di ư giới trung, phù khởi hữu dị thuật, bất quá năng đắc pháp luân chi trục nhĩ. Y hi vi hồ diệu tai, Pháp luân chi trục, Y thùy năng thức; bất thức kỳ trục, nhi đồ ngôn pháp luân thường chuyển, chung diệc chuyển ư luân trung nhi dĩ; giải thoát sinh tử năng hồ tai. 黃帝言宇宙在乎手, 萬化生乎身. 佛言吞滄溟於毛孔, 轉須彌於芥中, 夫豈有異術, 不過能得法輪之軸耳. 噫嘻為乎妙哉, 法輪之軸, 伊誰能識; 不識其軸, 而徒言法輪常轉, 終亦轉於輪中而已; 解脫生死能乎哉.— Văn đạo tử giảng Đạo Tinh Hoa Lục, trang 36b.

[25] Reconnaître cette parenté divine, vaincre le chaos des sensations, discerner le divin et le permanent dans un monde fluide, atteindre l'être à travers le devenir, tel est le problème central. (L'homme et le Zodiaque, page 258)

[26] Cứ Càn tạc độ đích giải thuyết dĩ vi bất dịch giả kỳ vị dã. Thiên tại thượng, địa tại hạ, quân Nam diện, thần Bắc diện, phụ tọa tử phục, thử kỳ bất Dịch dã. 據乾鑿度的解說以為不易者其位也. 天在上地在下, 君南面, 神北面, 父坐子伏, 此其不易也.— Dịch Học Thảo Luận tập - trang 127

[27] Nhiên kỳ phát triển biến hóa, tịnh bất thị loạn động đích, quân tuân hữu nhất định đích qui đạo, tức nhất định đích động đích pháp tắc. (Dịch Học Thảo Luận tập trang 128)

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 **2** 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 **3** 4 5 6

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 2

DỊCH LUẬN THIÊN

chương trước chương sau

Chương 4. Dịch là giản dị

Dịch kinh cũng như vũ trụ, nếu xét về phương diện Hào Quải, Vạn Tượng biến thiên, thì phức tạp vô cùng tận. Ngược lại, nếu xét về phương diện Vô Cực Thái Cực, phương diện Bản Thể thì thực là giản dị.

Vì thế Dịch còn có nghĩa là giản dị.

Cho nên Dịch chỉ giản dị nếu ta nắm được đầu mối Dịch, then chốt của Dịch, xem được bộ mặt thực của Dịch, khi chưa biến hóa. Mới hay:

Chí đạo chớ tìm trong biến hóa,

Lẽ trời đừng kiếm chỗ tần phiền [1]

Hệ Từ bàn về sự giản dị của Dịch rất khéo léo Tạm Dịch như sau:

Càn Khôn dễ biết dễ làm,

Dị nên dễ biết, giản càng dễ theo.

Dễ hay, nên sẽ dễ yêu,

Dễ theo, nên sẽ chắt chiu thi hành.

Có yêu,trường cửu mới sinh,

Có làm, mới có công trình lớn lao,

Hiền nhân, đức cốt bền lâu,

Hiền nhân, sự nghiệp cơ mầu lớn lao.

Lẽ trời giản dị xiết bao.

(Tìm nơi phiền toái thấy sao lẽ trời)

(Lẽ trời giản dị thấy rồi)

Ngôi Trời cao cả tức thời hiện ra [2]

Phục Mệnh Thiên viết: Chí đạo bất phiền, nhân tự muội [3]

Dịch:

Chí đạo chẳng tần phiền,

Chỉ tại người u tối.

Lãng Nhiên Tử viết:

Chưa hay thần thất, nghìn điều rối,

Đạt được tâm điền, vạn sự không [4]

Tuy lời lẽ có khác nhau, nhưng Tiên Thánh, Tiên Hiền đều quan niệm rằng: Đạo Trời chẳng khó, Đạo Dịch thực dễ. Khó là vì mình tự lao mình vào rắc rối khó khăn. Dễ là vì khi đã tìm ra được Thái Cực, ra Đạo, ra Bản Thể ẩn khuất sau Hào, Quải, sau Hiện Tượng, là đã bắt được vi-ý của cổ nhân rồi.

Tại sao gọi được rằng Dịch là giản dị?

Dịch giản dị, vì coi muôn loài là ảnh tượng, là biểu dương của Tuyệt Đối, y thức như Hào Quải là biểu tượng của Thái Cực.

Dịch giản dị, vì chủ trương Tuyệt Đối, chẳng có xa người mà đã ở ngay trong lòng người, chẳng có xa Vạn Hữu mà đã ở ngay trong lòng Vạn Hữu, như Thái Cực đã nằm ngay giữa các Hào Quải. Dịch giản dị, vì chủ trương thiên biến vạn hóa trong trời đất đều do sự tương khắc, tương thừa của Âm Dương sinh ra. Mà Âm Dương tức là khí chất, tức là tinh thần, vật chất. Những sự biến hóa của vũ trụ có định luật, có tiết tấu hẳn hoi, vãng lai, phản phúc tuần hoàn rồi cuối cùng lại trở về Nguyên Bản.

Nếu muôn loài đều theo định luật tuần hoàn ấy, nếu nhân quần đều theo định luật tuần hoàn ấy, thì mỗi một người cũng phải theo định luật ấy. Như vậy, học Dịch cốt là tìm cho ra căn cốt siêu nhiên của mình, tìm cho ra Thái Cực, cho ra Tuyệt Đối ngay trong đời mình, vì một đời cũng như vạn đời, một ngày cũng như vạn cổ. Leibniz định nghĩa giản dị là bất khả phân [5].

Như vậy thì trong khắp vũ trụ chỉ có Tuyệt đối là bất khả phân, cũng như trong Dịch chỉ có Thái Cực là bất khả phân. Cho nên khi nói Dịch là giản dị, tức là cổ nhân đã ngụ ý dạy ta phải tìm cho được Tuyệt Đối, được Thái Cực dưới mọi hình thức biến thiên, dưới mọi lớp lang Hào, Quải.

Người Hi Lạp cho rằng sự giản dị là Ấn tín của Chân Lý. Đối với các bậc danh nhân như Descartes, Leibniz, Poincaré hay Einstein, sự giản dị cũng là hướng đạo đưa tới Chân Lý. [6]

Ngụy Bá Dương viết trong Tham Đồng Khế:

Đạo yếu huyền vi,

Thiên cơ thâm viễn.

Đạt giả duy giản duy dị,

Nhi mê giả dũ phiền, dũ nan dã [7]

Dịch:

Tinh hoa Đạo thể huyền vi,

Thiên cơ thâm viễn, khó suy, khó lường,

Biết ra giản dị, dễ dàng,

Mê thời đã khó, lại càng khó thêm.

Trương Hoành Cừ khi luận về khí Thái hòa sinh Vạn Vật đã cho rằng: mới đầu thì cơ vi dị giản, nhưng càng về sau càng quảng đại kiên cố [8].

Cao Trung Hiến bình rằng: Gọi là cơ vi, dị giản vì lúc đầu chỉ có một khí lưu hành, lặng lẽ vần xoay. Gọi là quảng đại kiên cố tức là đề cập tới khi đã thịnh đạt, sung mãn, mỗi ngày một đổi mới.[9] Một khí ấy (Thái Hòa) vừa giao động thì ban đầu chưa có hình tích, nhưng Vạn Vật hóa sinh mà chẳng thấy khó khăn. Đó là sự dễ dàng đề cập ở quẻ Càn.

Đến khi muôn vật hiển lộ, bao la khoáng đại, có hình tích thấy được, xem được, nhưng muôn vật vẫn thư thái, chẳng cảm thấy mệt mỏi. Đó là sự dễ dàng đề cập ở quẻ Khôn . Càn sinh vật cách giản dị, Khôn thành vật một cách giản dị. [10]

Nguyễn Ấn Trường bình về sự giản dị của Dịch lý, cũng như của trời đất như sau:

*Thiên hạ vạn cửa, chung qui chỉ có Đóng với Mở;

* Thiên hạ Vạn Lý, chung qui chỉ có Chính với Tà;

*Thiên hạ Vạn Thể, chung qui có Động với Tĩnh;

*Thiên hạ Vạn Số, chung qui có Chẵn với Lẻ;

*Thiên hạ Vạn Tượng, chung qui có Đực với Cái;

*Thiên hạ Vạn Chất, chung qui có Cứng với Mềm.

Cho nên đạo của Dịch có gì đâu, chẳng qua một Âm, một Dương thôi vậy.[11]Vậy lĩnh hội ý Dịch, nếu muốn giản dị ta sẽ chọn:

- Thái Cực giữa muôn nghìn ảnh tượng.

- Chọn số Một giữa muôn ngàn số.

- Chọn Tâm điểm giữa Hào Quải trên vòng Dịch. Cũng vì vậy mà Trang tử nói: Đắc Nhất vạn sự tất; mà đạo gia gọi là Thủ Trung, Bão Nhất.

Thế tức là lấy Một Tượng quán thâu vô số Tượng, lấy Một Số quán thâu vô số Số, lấy Một Đạo quán thâu vô số Đạo, lấy Một Tâm quán thâu vô số Tâm. [12]

Nếu muốn giản dị hơn nữa: Ta sẽ chọn:

- Vô Tượng

- Vô Vị

- Vô Số, Vô Chất

- Vô Thanh, Vô Xú

Như vậy chẳng phải là giản dị đến tuyệt mức sao? [13]

CHÚ THÍCH

[1] Chí đạo bất kỳ ư biến hóa. Giản dị nhi thiên hạ chi lý đắc. 至 道 不 期 於 變 化. 簡 易 而 天 下 之 理 得.

[2] Càn dĩ dị tri, Khôn dĩ giản năng. Dị tắc dị tri, giản tắc dị tòng. Dị tri tắc hữu thân, dị tòng tắc hữu công. Hữu thân tắc khả cửu, hữu công tắc khả đại. Khả cửu tắc hiền nhân chi đức, khả đại tắc hiền nhân chi nghiệp. Dị giản nhi thiên hạ chi lý đắc thực. Thiên hạ chi lý đắc, nhi thành vị hồ kỳ trung hỹ. 乾 以 易

知, 坤 以 簡 能. 易 則 易 知, 簡 則 易 從. 易 知 則 有 親, 易 從 則 有 功. 有 親 則 可 久, 有 功 則 可 大. 可 久 則 賢 人 之 德, 可 大 則 賢 人 之 業. 易 簡 而 天 下 之 理 得 實. 天 下 之 理 得, 而 成 位 乎 其 中 矣.— Dịch, Hệ Từ thượng chương I.

[3] Phục Mệnh Thiên trang 3a.

[4] Lãng Nhiên Tử vân: Vị minh Thần thất thiên ban nhiễu. Đạt liễu tâm điền vạn sự vô. 未 明 神 室 千 般 撓. 達 了 心 田 萬 事 無.— Kim Đơn Đại Thành trang 5a.

[5] J'appelle simple ce qui n'a pas de parties'

(Leibniz) André Lamouche, la Destinée humaine page 67.

[6] Car ce n'est pas seulement pour les Grecs que la simplicité aura été 'le sceau de la vérité'. Aussi bien pour Descartes et Leibniz que pour Poincaré et Einstein la simplicité est un guide vers la vérité.

André Lamouche, La Destinée humaine, p. 66.

[7] Tham Đồng Khế quyển thượng trang 25a.

[8] Kỳ lai dã cơ vi dị giản, Kỳ cứu dã quảng đại kiên cố. 其 來 也 幾 微 易 簡, 其 究 也 廣 大 堅 固.

(Trương Hoành Cừ học án) -- Tống Nguyên Học Án, sách 8 - quyển 17 trang 5a.

[9] Cơ vi dị giản vị thử khí lưu hành thủy tắc tiềm phu mặc vận nhi dĩ. Quảng đại kiên cố vị như hanh lợi chi thời, tắc phú hữu nhật tân... 幾 微 易 簡 謂 此 氣 流 行 始 則 潛 孚 默 運 而 已. 廣 大 堅 固 謂 如 亨 利 之 時, 則 富 有 日 新.— Ib. trang 5b.

[10] Thử khí nhất cổ, sơ vô hình tích, nhi Vạn Vật hóa sinh, bất kiến kỳ nan giả vi Càn chi dị. Cập thứ vật lộ sinh, hồng tiêm tất đạt hữu tích khả kiến, diệc bất giác kỳ lao giả vi Khôn chi giản. Càn dĩ thử thủy vật, Khôn dĩ thử thành vật. 此 氣 一 鼓, 初 無 形 跡, 而 萬 物 化 生, 不 見 其 難 者 為 乾 之 易. 及 庶 物 露 生, 洪 纖 畢 達 有 跡 可 見, 亦 不 覺 其 勞 者 為 坤 之 簡. 乾 以 此 始 物, 坤 以 此 成 物. — Tống Nguyên Học Án, quyển 17 - trang 5b.

[11] Thiên hạ chi vạn hộ, bất ngoại ư nhất hạp nhất tịch. Thiên hạ chi vạn lý, bất ngoại ư nhất chính nhất phụ. Thiên hạ chi vạn thể, bất ngoại ư nhất động nhất tĩnh. Thiên hạ chi vạn số, bất ngoại ư nhất cơ nhất ngẫu. Thiên hạ chi Vạn Tượng bất ngoại ư nhất phương nhất viên. Thiên hạ chi vạn tính bất ngoại ư nhất tẫn nhất mẫu. Thiên hạ chi vạn chất bất ngoại ư nhất cương nhất nhu. Sở vị đại Dịch chi đạo vô tha, nhất Âm nhất Dương tận chi hỹ. 天 下 之 萬 戶, 不 外 於 一 闔 一 闢. 天 下 之 萬 理, 不 外 於 一 正 一 負. 天 下 之 萬 體, 不 外 於 一 動 一 靜. 天 下 之 萬 數, 不 外 於 一 奇 一 耦. 天 下 之 萬 象, 不 外 於 一 方 一 圓. 天 下 之 萬 性, 不 外 於 一 牝 一 牧. 天 下 之 萬 質, 不 外 於 一 剛 一 柔. 所 以 大 易 之 道 無 他, 一 陰 一 陽 儘 之 矣.— Tạo Hóa Thông- trang 56-57 .

[12] Thiên địa nhân vật, nhất lý nhất Đạo, nhi qui nhất dã. Nhất giả hà dã? Nhân dã, Thành dã, Nguyên thủy dã, Vô Cực dã, Tổ Khí dã, Kim Hoa dã. 天 地 人 物, 一 理 一 道, 而 歸 一 也. 一 者 何 也？仁 也 誠 也, 元 始 也, 無 極 也, 阻 氣 也, 金 華 也. — Sao Kiểu Động Chương (tựa), trang 6.

[13] Ngọc Thư viết: Nhất Tam Ngũ Thất Cửu, Đạo chi phân nhi hữu Số. Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ, Đạo chi biến nhi hữu Tượng. Đông Tây Nam Bắc Trung, Đạo chi liệt nhi hữu Vị. Thanh Bạch Xích Hoàng Hắc, Đạo chi tán nhi hữu Chất, Số qui ư Vô Số, Tượng phản ư Vô Tượng, Vị chí ư Vô Vị, Chất hoàn ư Vô Chất... Vô Số Đạo chi Nguyên dã, Vô Tượng, Đạo chi Thể dã, Vô Vi Đạo chi Chân dã, Vô Chất Đạo

chi Diệu dã. 玉 書 曰: 一 三 五 七 九, 道 之 分 而 有 數. 金 木 水 火 土, 道 之 變 而 有 象. 東 西 南 北 中, 道 之 列 而 有 位. 青 白 赤 黃 黑, 道 之 散 而 有 質. 數 歸 於 無 數, 象 反 於 無 象, 位 至 於 無 位, 質 還 於 無 質... 無 數 道 之 元 也, 無 象 道 之 體 也, 無 為 道 之 真 也, 無 質 道 之 妙 也. — Linh Bảo Tất Pháp, hạ quyển, trang 12.

... Le but reste toujours la communion positive et l'identification à la limite d'une âme et d'un Dieu. —Bastide, Le Problème de la Mystique, page 66.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 **2** 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 **4** 5 6

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

易經要旨

Phần 2

DỊCH LUẬN THIÊN

chương trước chương sau

Chương 5. Dịch là nghịch số

Dịch gồm 2 chiều thuận, nghịch. Từ Vô Cực, Thái Cực xuống tới Âm Dương, sinh hóa Vạn Vật, đó là chiều thuận. Đó là chiều từ Thái Cực ra đến 64 quẻ của Phục Hi hoành đồ. Đạo gia gọi thế là giáng bản lưu mạt. [1] Từ Vạn Vật, trở ngược về Bản thể, hay nói cách khác từ 64 quẻ trở về Tứ Tượng, Âm Dương, Thái Cực gọi là chiều nghịch. Đạo gia gọi thế là từ ngọn trở về gốc, là tự mạt phản bản [2]

Như vậy chiều thuận sẽ sinh nhân, sinh vật, chiều nghịch sẽ sinh Thánh, sinh Thần. [3]

Vẽ ra đồ bản, ta thấy hai chiều thuận nghịch như sau:

Nhìn vào Tiên Thiên Bát Quái ta thấy hai chiều thuận nghịch như sau;

a)- Chiều thuận:

(Chiều thuận: từ Thái Cực tới Vạn Vật, từ khinh thanh (Càn) tới trọng trọc (Khôn)

b)- Chiều nghịch.

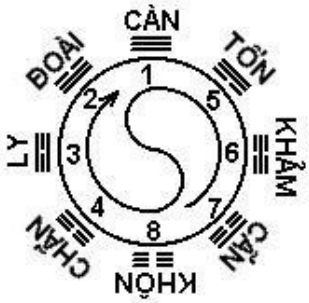

(Chiều nghịch, từ Vạn Hữu trở về Thái Cực, từ trọng trọc (Khôn) trở về khinh thanh (Càn), từ khinh-thanh trở về Thái Cực,)

Hoàng Cực Kinh Thế giải:

Từ trên xuống dưới gọi là thuận:

Bốn tả (trái) thì từ Càn đến Đoài Ly Chấn, 1, 2, 3, 4 vậy. Bốn hữu (phải) thì Tốn, Khảm, Cấn, Khôn, 5, 6, 7, 8 vậy.

Trần Đoàn theo gương các lão tổ tiền bối như Hà Thượng Công, Ngụy Bá Dương, Hán Chung Ly, Lã Nham (Lã Động Tân) đã đề ra năm giai đoạn để trở về Vô Cực.

1.- Tìm cho ra Thái Cực tức Huyền Tẫn Chi Môn;

2.- Luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần.

3.- Ngũ hành định vị, ngũ khí triều nguyên.

4.- Âm Dương phối hợp Thủ khảm điền Ly.

5.- Luyện thần hoàn hư, phục qui Vô Cực [4]

Chu Nguyên Công (Chu Hối Am) giải Dịch theo chiều thuận. Thái Cực đồ của Ông cũng có 5 tầng từ trên xuống dưới:

1.- Vô Cực hay Thái Cực;

2.- Âm Dương phối hợp, Âm động, Dương tĩnh.

3.- Ngũ Hành định vị, Ngũ Hành đều có tính chất riêng.

4.- Càn đạo thành nam, Khôn đạo thành nữ.

5.- Vạn Vật hóa sinh [5]

Trong Tính Mệnh Khuê Chỉ cũng giải rõ hai chiều thuận nghịch và áp dụng vào con người như sau:

a)- Chiều thuận:

Tính —> Tâm —> Ý —> Tính —> Vọng [6]

Ngày nay ta gọi thế là hướng ngoại.

b)- Chiều nghịch:

Vọng —> Tình —> Ý —> Tâm —> Tính

Trở về Tính tức là được Hoàn Đơn [7]

Ngày nay ta gọi thế là hướng nội.

Trong quyển Tượng Ngôn Phá Nghi có 14 bức họa xác định 2 chiều nghịch thuận của cuộc đời, cũng

như của vòng Dịch.[8] Ta có thể giải thích các hình vẽ đó một cách đại khái như sau:

a)- Chiều thuận: Từ hình I đến hết hình VIII.

Con người vốn từ Thái Cực sinh nhưng càng ngày càng lạc lõng vào trần hoàn, quên mất cả bản tâm bản tính. Đó là chiều thuận của vòng Dịch Tiên Thiên Phục Hi, từ Trung cung đến quẻ Cấu rồi đến quẻ Khôn.

b)- Chiều nghịch: Từ hình IX đến hết hình XIV.

Nhưng Âm cực thì Dương sinh; tuy lạc lõng trong trần cấu, con người vẫn có thể tìm ra được Thiên tâm. Nhờ đó, con người biết cải thiện, hướng nội dần và cuối cùng phục hồi lại được bản tâm bản tính, Thái Cực nguyên thủy. Đó là chiều nghịch của vòng Dịch Tiên Thiên, từ quẻ Phục đến quẻ Càn, vào đến trung cung Thái Cực [9]

Nhìn sang phía Trời Âu, ta thấy nhiều Triết gia cũng đã đề cập đến hai chiều thuận nghịch của cuộc tiến hóa.

Hegel mô tả đại khái như sau: Tinh thần thoạt kỳ thủy xuất phát để phá tán vào Vạn Vật, rồi qua nhiều thời kỳ văn minh, nhiều chặng đường lịch sử vất vả, lại phục hồi được Chân thể [10]

Các Triết gia Alexandrins và Thomistes cũng chủ trương một vòng tuần hoàn từ Thượng Đế xuống, rồi lại dần dần quay lại. [11]

Denis Aréopagite, một Triết gia và một nhà Huyền Học Âu châu thế kỷ thứ 5 sau Công nguyên cũng chủ trương vũ trụ vận chuyển theo hai chiều: chiều sinh hóa từ Thượng Đế phát ra, và chiều phản bản qui nguyên, trở về Thượng Đế [12]

Gần đây Claude Tresmontant cũng viết: Có một vấn đề siêu hình vẫn thường ám ảnh tư tưởng Âu châu: đó là sơ đồ một vòng tuần hoàn từ Nhất xa đọa xuống Vạn, rồi từ Vạn lại phản hoàn về Nhất [13]

Hai chiều thuận nghịch của vũ trụ cũng đã được các Khoa Học gia dần dần xác định.

Chiều thuận tức là chiều Dương tiêu Âm trưởng đã được Carnot Clausius chứng minh. Quan niệm này được gọi là nguyên lý thứ 2 của Nhiệt Động Học, hay nguyên lý Carnot Clausius. Nguyên lý này đại khái như sau:

1.- Năng lực trong vũ trụ có một số lượng nhất định.

2.- Năng lực có thể phân tách thành hoạt lực, và tiềm lực.

3.- Khi tác dụng, hoạt lực sẽ tiêu hao, suy giảm dần và không thể phục hồi nguyên trạng được.

4.- Rốt cuộc hoạt lực tiêu hao dần và có một lúc nào sẽ triệt tiêu.

5.- Khi ấy tiềm lực sẽ lên đến mức độ tối đa (entropie maxima) nhưng vô dụng, và thế giới sẽ tận số trong im lìm, lạnh lẽo.

Mới đầu các Khoa Học gia tưởng thế giới chỉ chuyển động theo một chiều nói trên. Dần dà, các nhà Sinh Lý học (biologistes) và các nhà Sáng Tạo máy móc tự động (cybernéticiens) đã nhận thấy rằng nguyên lý Carnot - Clausius chỉ áp dụng cho vật chất vô tri, chứ không áp dụng cho sinh vật, nhất là con người.

Trong con người, rõ ràng là có 2 chiều biến chuyển: Tiêu- (Catabolisme), Tức - (Anabolisme).

Tổng kết lại các quan niệm của:

-Dịch, Đạo gia, Triết gia, Khoa Học gia, ta thấy vũ trụ có hai chiều, hai hướng vận chuyển.

Theo chiều thuận, tinh thần ngày một suy, vật chất ngày một thịnh. Theo chiều nghịch, vật chất ngày một suy, tinh thần ngày một thịnh.

Chiều thuận được chi phối bởi luật nhân duyên (loi de causalité). Chiều nghịch được hướng dẫn bởi luật cứu cánh (loi de finalité).

Theo chiều thuận, thì nhân dục thắng, thiên lý vong. Theo chiều nghịch, thì nhân dục vong, thiên lý thắng.

Ta đúc kết lại các nhận xét trên bằng đồ bản sau:

Chiều nghịch:	**Chiều thuận:**
Âm tiêu	Âm trưởng
Dương trưởng	Dương tiêu
Vật chất thoái	Vật chất tiến
Tinh thần tiến	Tinh thần thoái
Thiên lý thắng	Nhân dục thắng
Nhân dục vong	Thiên lý vong
Định luật cứu cánh (Từ quẻ Phục đến quẻ Kiền để trở về Trung cung Thái Cực)	Định luật nhân duyên chi phối (Từ Trung cung ra quẻ Cấn đến quẻ Khôn)

Lưu Nhất Minh bàn về thuận nghịch đại khái như sau: Đi theo chiều thuận của Tạo Hóa tức là sinh người, sinh vật, lâm vòng Sinh, Bệnh, Tử, Lão luân hồi không dứt; đi theo chiều nghịch của Tạo Hóa sẽ thành Tiên, thành Phật, bất sinh, bất diệt, thọ cùng trời đất.

Đi theo chiều thuận, trong thì bị thất tình lục dục làm mê muội, ngoài thì bị trăm điều, nghìn việc quấy đảo tâm thần, lấy giả là chân, lấy tà làm chính, lấy khổ làm vui, cứ bị lôi cuốn theo dục vọng của mình mãi mãi, cho đến tiêu hao hết tinh thần. [14]

Người đại trí, đại tuệ, đi theo chiều nghịch sẽ thoát vòng kiềm tỏa của các định luật Tạo hóa, sẽ không còn bị Âm Dương nung nấu, không còn bị Vạn Vật cuốn lôi, Vạn Duyên biến dịch... dùng đời để tu đạo, lấy Nhân Đạo để chu toàn Thiên Đạo...

Nghịch đây là trở về với Tuyệt Đối Thể, y như một kẻ bỏ nhà ra đi thật xa xôi, nay trở lại nhà. Tuy gọi là nghịch hành, nhưng thực là đi theo đúng lẽ Trời, đó là cái đại thuận trong cái nghịch, nghịch đây bất quá là ngược với đường lối thế nhân thông thường. [15]

Sau khi đã trình bày xong hai chiều thuận nghịch, ta thấy rằng: chiều nghịch là chiều quan trọng, là chiều giúp ta tiến tới Thần Minh, Qui Nguyên Phản bản. Dịch trọng chiều nghịch, và dạy người quân tử đi theo chiều nghịch, vì thế gọi Dịch là nghịch số.

Lão tử trọng chiều nghịch, vì thế mới nói: Phản giả đạo chi động [16]Các Đạo gia hết sức trọng chiều nghịch. Các ngài chủ trương cần phải băng qua Hào, Quải trở ngược về Thái Cực, băng qua hiện tượng trở về với Tuyệt Đối. [17] Các ngài chủ trương muôn loài rồi ra cũng trở về với Thái Cực. [18]

Ngộ Chân Trực Chỉ có thơ:

Vạn Vật vân vân các phản côn,
Phản côn, phục Mệnh, tức trường tồn
Tri thường Phản Bản nhân nan hội,
Vọng tác chiêu hung vãng vãng văn.
Tạm dịch:
Vạn Vật rồi ra cũng phản côn [19]
Phản côn, phục Mệnh, sẽ trường tồn
Tri thường, Phản bản, người đâu rõ,
Nên mới chiêu hung, sống mỏi mòn.

Tiên Hiền cho rằng học nghĩa các quẻ để biết đường trở về nguyên sơ Thái Cực. [20]

Tôn Bất Nhị viết:

Tâm tâm thủ linh được,
Tức tức phản Càn Sơ [21]
Tạm dịch:
Ôm ấp linh đơn quyết một lòng,
Trở về Chân thể, dạ hằng mong.

Và giải Càn sơ là nơi xuất phát của quẻ Càn, tức là Chân không, là Đạo tâm [22]

Lưu Nhất Minh có thơ:

Nguyên quan nhất khiếu thiểu nhân tri,
Hoảng hốt yểu minh hàm lưỡng nghi
Thuận khứ qui lưu phiền não lộ.
Nghịch lai tiện thị Thánh Hiền ki [23]
Tạm dịch:
Huyền quan một khiếu ít người tri,
Phảng phất mơ mòng đủ lưỡng nghi.
Đưa đẩy xuôi dòng, vương khổ não
Ngược chiều, Hiền Thánh tạo căn ki.

Trên đây đã:

1.- Minh xác hai chiều thuận nghịch, cùng ý nghĩa và mục đích của hai chiều thuận nghịch.

2.- Đề cao chiều nghịch và nhận chân chiều nghịch là chiều sinh Tiên, sinh Thánh, sinh Thần.

Tuy nhiên con người sinh ra đời không phải lúc

nào cũng theo được chiều nghịch, mà cũng có lúc phải theo chiều thuận. Theo thiển ý tôi, một cuộc sống lý tưởng nhất của con người sẽ gồm cả hai chiều thuận nghịch. Lúc tuổi trẻ, theo chiều thuận,

chiều hướng ngoại, từ tinh thần tiến ra vật chất, ra ngoại cảnh ra xã hội để mưu sinh, cải tạo hoàn cảnh, góp phần xây dựng giang sơn đất nước. Nửa đời sau khi đã công thành danh toại, sẽ đi chiều nghịch, từ vật chất ngoại cảnh, tiến sâu về phía tâm linh, để thần thánh hóa bản thân, phối hợp với Thái Cực. Sách Đạo Nguyên Tinh Vi Ca cho rằng: Trước xuống, sau lên, hợp tự nhiên. [24]

Như vậy là biết hồi hướng đúng lúc phải thời, theo đúng lẽ tuần hoàn, vãng lai, phản phúc của Dịch Kinh và của trời đất. Lúc trở vào nội tâm, lúc đi theo chiều nghịch, thì mọi sự đều nghịch đảo hết:

Cái gì xưa kia cho là quan trọng, nay trở thành tầm thường; cái gì xưa cho là tầm thường, nay trở nên quan trọng.

Con người thực tế (le moi empirique) nhường bước cho con người lý tưởng (le moi idéal).

Ngay cả đến vấn đề tín ngưỡng cũng chuyển hướng đảo điên. Thượng Đế ngoại tại trở thành Thượng Đế nội tại. Thượng đế xưa kia xa cách, nay trở thành thân mật gần kề. [25] Người ngoài tưởng ta bỏ thực, cầu hư. Ngược lại ta biết chắc mình đã bỏ hư, cầu thực.

Đi theo chiều thuận, hướng ngoại, hoạt động bên ngoài là đi theo đời, Đi Đời. Đi theo chiều nghịch, hướng nội, sống một đời sống tinh thần súc tích bên trong đó là đi theo đạo, Đi Đạo.

Chạy theo đời, Đi Đời mà ngỡ mình Đi Đạo là lầm lỡ lớn. Từ trên sấp xuống, đã giải xong mục đích cao siêu của Dịch là dạy con người biết chèo ngược dòng đời lên tới căn nguyên.

Áp dụng vào con người, chèo ngược dòng đời lên tới căn nguyên là đi sâu vào chiều hướng tâm linh, thu thần định trí, sống một đời sống siêu nhiên, phối hợp với Tuyệt Đối. Thế tức là dừng chân nơi chí thiện (Đại học) ở nơi bất Dịch (Dịch, quẻ Hằng), đắc kỳ hoàn trung theo lời Trang tử tức là về được tâm điểm của vòng Dịch nơi mà sự biến thiên của vũ trụ không vào tới được.

Phải chăng, thế là Hưu hồ Thiên quân, yên nghỉ trong Thượng Đế theo lời Trang Tử?

CHÚ THÍCH

[1] Giáng bản lưu mạt. 降 本 流 末. — Văn Đạo Tử giảng Đạo Tinh Hoa Lục, trang 39.

[2] Tự mạt phản bản. 自 末 反 本.— Ib 39.

[3] Nghịch nhi thành tiên, tắc thuận khứ sinh nhân sinh vật. 逆 而 成 仙, 則 順 去 生 人 物.— Đạo Nguyên Tinh Vi ca quyển hạ, trang 9b.

[4] Trần Đoàn cư Hoa sơn tằng dĩ Vô Cực đồ khan chư thạch vi viên giả tứ vị ngũ hành kỳ trung tự hạ nhi thượng:

- Sơ nhất viết: Nguyên tẫn chi môn.

- Thứ nhị viết: Luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần

- Thứ tam viết: Ngũ hành định vị, viết ngũ khí triều nguyên

- Thứ tứ: Âm Dương phối hợp viết: thủ Khảm điền Ly

- Tối thượng viết: Luyện thần hoàn hư, phục qui Vô Cực

Cố vị chi Vô Cực đồ.

陳 摶 居 華 山 曾 以 無 極 圖 刊 諸 石 為 圓 者 四 位 五 行 其 中 自 下 而 上. 初 一 曰 元 牝 之 門. 次 二 曰 煉 精 化 氣 煉 氣 化 神 . 次 三 曰 五 行 定 位 曰 五 氣 朝 元 . 次 四 陰 陽 配 合 曰 守 坎 塡 離. 最 上 曰 煉 神 還 虛 復 歸 無 極. 故 謂 之 無 極 圖.

Dịch Kinh Kim Văn Khảo Thông Luận, quyển thượng - trang 17.

[5] Chu Nguyên Công thủ nhi chuyển Dịch chi diệc vi viên giả, tứ vị ngũ hành, kỳ trung tự thượng nhi hạ.

- Tối thượng viết: Vô Cực nhi Thái Cực.

- Thứ nhị: Âm Dương phối hợp viết: Dương động Âm tĩnh.

- Thứ tam: Ngũ hành định vị viết: Ngũ Hành các nhất kỳ tính.

- Thứ tứ viết: Càn đạo thành Nam, Khôn đạo thành Nữ.

- Tối hạ viết: Vạn Vật hóa sinh. Canh danh chi viết Thái Cực đồ, nhưng bất một Vô Cực chi chỉ.

周元公取而轉易之亦為圓者,四位五行,其中自上而下.最上曰無極而太極.次二陰陽配合曰陽動陰靜.次三五行定位曰五行各一其性.次四曰乾道成男坤道成女.最下曰萬物化生更名之曰太極圖仍不沒無極之旨.

Dịch Kinh Kim Văn Khảo Thông Luận, quyển thượng - trang 17.

[6] Thuận: Tâm sinh ư tính, ý sinh ư tâm, ý chuyển vi tình, tình sinh vi vọng. Cố Linh Nhuận thiền sư viết:

Chỉ nhân nhất niệm vọng. Hiện xuất vạn ban hình. 順心生於性意生於心意轉為情情生為妄.故靈潤禪師曰只因一念妄現出萬般形. -- Tính Mệnh Khuê Chỉ, nguyên trang 13a.

[7] Nghịch: Liễm vọng hồi tình, tình phản vi ý, nhiếp ý an tâm, tâm qui tính địa. Cố Bá Dương Chân nhân viết:

Kim lai qui tính sơ, Nãi đắc xưng Hoàn đơn. 逆斂妄回情,情反為意,攝意安心,心歸性地.故伯陽真人曰金來歸性初,乃得稱還丹. (Ib. 13a)

[8] 14 đồ bản nói trên trích trong Tượng Ngôn Phá Nghi của Lưu Nhất Minh (Quyển thượng - từ trang 1 đến trang 5)

[9] Mỗi đồ bản đó có kèm theo lời giải thích của Lưu Nhất Minh, nhưng vì quá dài nên không thể thuật lại.

[10] L'esprit est sorti de lui même pour se disperser dans la nature, et par les étapes laborieuses de la civilisation, il revient à lui même, comme les Alexandrins et les Chrétiens concevaient un retour à Dieu de ce qui avait ce Dieu pour principe. — R.P. Sertillanges, Le Christianisme et les Philosophies - page 213.

[11] Le cycle Alexandrin ou Thomiste procède de Dieu à Dieu par une descente et par une montée progressive.

[12] Denis Aréopagite, en effet continuant le mouvement néoplatonicien nous montre le monde soumis à un double mouvement, l'un de création qui procède de Dieu, l'autre de conversion qui revient à Dieu. Mais le monde est multiple, Dieu est l'unité suprême, dès lors dans cette conversion, nous ne pouvons rien affirmer de Dieu, sa connaissance sera ineffable, elle se fera à travers un obscur brouillard et nous n'en pourrons rien exprimer que symboliquement. — Roger Bastide, Les Problèmes de la Vie Mystique, Collection Armand Colin, page 38-39.

[13] Il y a un geste métaphysique qui n'a cessé de hanter la pensée occidentale: le schéma cyclique de la chute hors de l'un dans le multiple et du retour à l'un.

Claude Tresmontant, La Métaphysique du Christianisme et la naissance de la Philosophie Chrétienne.

Cf. La Table Ronde, Juin 62 - page 119.

[14] Thuận Tạo Hóa tắc sinh Nhân, sinh Vật, sinh Lão, Bệnh, Tử, Luân Hồi bất tức. Nghịch Tạo Hóa tắc thành Tiên, thành Phật, bất sinh bất diệt, thọ đồng thiên địa... 順 造 化 則 生 人, 生 物, 生 老, 病, 死, 輪 回 不 息. 逆 造 化 則 成 仙, 成 佛, 不 生 不 滅, 壽 同 天 地.

... Nội nhi thất tình lục dục mê kỳ chân, ngoại nhi Vạn Duyên, Vạn Sự lao kỳ hình, nhận Giả vi Chân, dĩ Tà vi Chính, dĩ Khổ vi Lạc, thuận kỳ sở dục vô sở bất chí, tương bản lai Tinh, Khí, Thần tam bảo tiêu hóa đãi tận... 內 而 七 情 六 欲 迷 其 真, 外 而 萬 緣 萬 事 勞 其 形, 認 假 為 真, 一 邪 為 正, 以 苦 為 樂, 順 其 所 欲 無 所 不 至, 將 本 來 精 氣 神 三 寶 消 化 迨 盡. — Lưu Nhất Minh, Tượng Ngôn Phá Nghi - trang 1b.

[15] Đại trí tuệ nhân nghịch vận Tạo Hóa, bất vi Tạo Hóa sở câu thúc, bất vi Âm Dương sở đào dung, bất vi Vạn Vật sở khiên dẫn, bất vi Vạn duyên sở thiên di... tá Thế Pháp nhi tu Đạo Pháp, y Nhân đạo nhi toàn Thiên đạo... 大 智 慧 因 逆 運 造 化, 不 為 造 化 所 拘 束, 不 為 陰 陽 所 陶 鎔, 不 為 萬 物 所 牽 引, 不 為 萬 緣 所 遷 移... 借 世 法 而 修 道 法, 依 人 道 而 全 天 道...

Nghịch giả, nghịch hồi ư phụ mẫu sinh thân chi sơ dã, như nhân ly gia viễn xuất nhi hựu nghịch hồi ư gia chi vị. Tuy vân nghịch hành kỳ thật thị thuận lý nhi hành, nãi nghịch trung chi đại thuận, nhân kỳ dữ thường nhân sở hành tương phản, cố vị thị nghịch... 逆 者 逆 回 於 父 母 生 身 之 初 也, 如 人 離 家 遠 出 而 又 逆 回 於 家 之 謂. 雖 云 逆 行 其 實 是 順 理 而 行, 乃 逆 中 之 大 順, 因 其 與 常 人 所 行 相 反, 故 謂 是 逆.— Lưu Nhất Minh, Tượng Ngôn Phá Nghi quyển thượng, tr 1b.

[16] Đạo Đức Kinh, chương XI.

[17] Đạo vấn học sở dĩ trí tri nhi tận hồ Đạo thể chi tế. 道 問 學 所 以 致 知 而 盡 乎 道 體 之 際.— Trùng biên Tống nguyên học án quyển III, trang 692.

[18] Nhất giả vô chi xưng, Vạn Vật chi sở dĩ thành chung cố vân qui Nhất... Ngũ hành tương thôi phản qui Nhất. 一 者 無 之 稱, 萬 物 之 所 以 成 終 故 云 歸 一... 五 行 相 推 反 歸 無 極.— Huỳnh Đình Ngoại Cảnh trang 18.

[19] Phản côn 反 根: trở về gốc.

[20] Tố quyết nguyên sơ, Thực duy Quải nghĩa. 溯 厥 元 初, 實 惟 卦 義.— Địa Lý Chính Tông quyển VII trang 4.

[21] Tâm tâm thủ linh dược. Tức tức phản Càn Sơ. 心 心 守 靈 藥. 息 息 反 乾 初.— Tôn Bất Nhị Nữ Đơn Thi Chú, trang 25a.

[22] Càn Sơ tức thị Chân Không, tức thị Đạo Tâm. Càn Sơ giả chỉ Càn Quải vị hoạch chi sơ, phi vị Càn chi Sơ Hào. 乾 初 即 是 真 空, 即 是 道 心. 乾 初 者 指 乾 卦 未 劃 之 初, 非 謂 乾 之 初 爻.— Ib. trang 25b.

[23] Lưu Nhất Minh, Tượng Ngôn Phá Nghi, quyển hạ trang 7a.

[24] Hậu thăng, tiền giáng hợp thiên nhiên. 後 升 前 降 合 天 然. — Đạo Nguyên Tinh Vi Ca, quyển thượng - trang 45b.

[25] Dans l'évolution de l'âme qui retourne de la Prakriti, au Purusha, il faut prendre l'ordre inverse de celui qui a conduit à la nature. — Bhagavad Gita - page 113.

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 **2** 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 **5** 6

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 2

DỊCH LUẬN THIÊN

chương trước

Chương 6. Dịch là tượng

Dịch là Tượng, vì Dịch toàn dùng ký hiệu, toàn dùng ảnh tượng làm phương thế dạy đời.

Hiểu được những ký hiệu của Dịch, những hình ảnh của Dịch, sẽ biết được thâm ý của người viết Dịch, sẽ suy ra được lời lẽ của người viết Dịch, sẽ tìm ra được nhiều định luật của Dịch.

Các nhà bình giải Dịch xưa nay đã có bàn về Tượng rất nhiều và rất tỉ mỉ, nhưng thường vội đi sâu vào chi tiết, nên quên mất đại thể, thường chú trọng đến ảnh tượng mà quên mất ký hiệu. Cho nên trước khi đi vào phần chi tiết của Tượng, ta hãy bàn đến phần đại cương chính yếu của Tượng.

1. Những quan niệm chính yếu về Tượng Học

Phần Chính yếu của Tượng chính là các đồ bản Dịch, các ký hiệu Dịch, không hình ảnh, không lời lẽ.

Tuy không hình ảnh, không lời lẽ, nó vẫn rất là quan trọng. Chẳng hạn như trông vào vòng Dịch Tiên Thiên Bát Quái hay Lục Thập Tứ Quái, ta thấy nó tượng trưng cho Bản Thể và Hiện Tượng, cho Hằng Cửu và Biến thiên, cho 2 chiều tiêu tức của vũ trụ, cho định luật vãng phản, tuần hoàn của Tạo Hóa, cho nguyên lý: tinh thần sinh vật chất, vật chất sinh tinh thần v.v...

KHÁI NIỆM	KÝ HIỆU
Bản Thể (Nhất thể)	Thái Cực
Vạn Tượng ,Vạn Hữu	Hào Quải
Bản Thể bất biến	Tâm điểm, hay Thái Cực ở giữa vòng Dịch
Vạn Tượng biến thiên	Vòng Dịch 8 hay 64 quẻ bên ngoài
Chiều tiêu, chiều vãng	Nửa vòng Dịch phía phải
Chiều tức, chiều phản	Nửa vòng Dịch phía trái
Vòng tuần hoàn	Từ Thái Cực, ra Cấu đến Khôn, rồi lại từ Phục đến Càn, đến Thái Cực.
Nguyên lý: Tinh thần sinh vật chất, vật chất sinh tinh thần	Càn Khôn

Đối với Dịch, vũ trụ, Vạn Vật, Vạn Hữu chỉ là ảnh tượng, là bóng hình, là biểu dương của Tuyệt đối cũng như Hào Quải là ảnh tượng là bóng hình của Thái Cực.

Hệ Từ hạ truyện viết: Thị cố Dịch giả, tượng dã. Tượng dã giả, tượng dã.

Hóa cho nên Dịch là Tượng, mà tượng là hình ảnh vậy!

Mỗi Hào Quải chẳng qua là một trạng thái, một quá trình biến hóa của Bản Thể duy Nhất.

Dịch chủ trương dùng hai ký hiệu đơn giản là:

Âm ⚋

Dương ⚊

rồi chồng lên nhau thành 8 quẻ, 64 quẻ, sẽ có thể mô tả Vạn Vật, Vũ Trụ.

Leibniz nhận thấy chủ trương này chẳng có gì là sai quấy. [1] Leibniz đã dùng Khoa Nhị Nguyên Toán Thuật (Arithmétique binaire ou arithmétique dyadique) của Ông để giải Dịch, Ông mã lại Âm Dương và 64 quẻ Dịch theo toán thuật của Ông như sau:

Dương ⚊ = 1
Âm ⚋ = 0
Càn ䷀ = 111111
Khôn ䷁ = 000000
Cấu ䷫ = 011111
Bác ䷖ = 000001

Ngày nay khoa học đã mặc nhiên công nhận và áp dụng phương pháp của Dịch, trong các công cuộc truyền tín hiệu, truyền hình ảnh từ các vệ tinh về mặt đất, bởi vì các máy điện tử chỉ dùng có 2 ký hiệu là 0 và 1, xếp thành 64 nhóm, mỗi nhóm có 6 số.

Phương pháp như sau:

1. Chụp ảnh.

2. Phân ảnh ra thành 64 biến thái của màu sám. Mỗi một biến thái của màu sám được đổi sang thành 6 số ví dụ như sau:

110110 110011 010001 v.v...

3. Đánh các tín hiệu trên về trái đất.

4. Các máy điện tử ở dưới đất đổi các tín hiệu trên lại thành các biến thái màu sám.

5. Cuối cùng ta có các ảnh về hình thể của Mặt trăng hay của hành tinh như Hỏa tinh. [2]

Như vậy nói rằng Dịch dùng Âm Dương và 64 quẻ để tượng trưng Vạn Vật, không có ngoa vậy.

Tượng của Dịch có thể chia làm 2:

1. Văn là những nét vạch liền, đứt như ☰ ☷ ☲ ☵ để chỉ trời, đất, lửa, nước, v.v...

2. Những ảnh tượng hữu hình cụ thể, như con gà con ngựa, con rồng, con nhạn, v.v...

Văn là những ký hiệu trừu tượng nhất, nhưng lại phổ quát nhất, hàm súc nhất, vì nó không qua trung

gian từ ngữ.

Cho nên, nếu chủ tâm nghiên cứu các đồ Dịch các họa bản không lời của Dịch, ta có thể khám phá ra nhều định luật và rất nhiều quan niệm Chính xác về vũ trụ, về nhân sinh.

Chẳng hạn, ta có thể giải thích Thái Cực và Tứ Tượng:

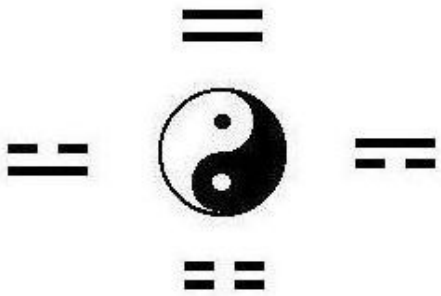

Như sau:

: Dương khí từ lòng đất vươn lên (Xuân)

: Dương khí tới thời toàn thịnh, phát huy Vạn Vật biến hóa vạn sự (Hạ)

: Âm khí thu liễm Vạn Vật (Thu)

: Âm khí hàm tàng Vạn Vật (Đông)

Bản Thể là nơi xuất sinh của Vạn Vật và nơi phản hoàn của Vạn Vật.

Như vậy ký hiệu Thái Cực với Tứ Tượng đã diễn tả một cách hùng hồn lẽ biến hằng của vũ trụ, cũng như bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông của trời đất của cuộc đời và của niên canh.

Những ký hiệu và những cách sắp xếp nói trên cũng cho ta thấy: vạn sự, Vạn Vật có thể có khí chất ngược nhau (,) có nhiều hướng trái nhau (,), hoặc lịch sử con người sẽ qua hai chiều hướng ngoại, hướng nội, từ tinh thần tiến dần ra vật chất, rồi lại từ vật chất tiến dần về tinh thần v.v... [3]

2. Ít nhiều chi tiết về Tượng Học

Dịch dùng rất nhiều ảnh tượng làm lợi khí diễn tả tư tưởng, làm phương tiện giáo hóa.

Từ người, đến vật, đến dụng cụ, đến sông núi, mây mưa, sấm chớp, lửa nước, nhất nhất cái gì cũng có thể trở nên hình ảnh, nên tượng trưng đối với Dịch.

Những hình ảnh ấy thực đa đoan, sự xuất hiện của chúng nhiều khi rất là kỳ bí, không biết tại duyên do nào. Nếu ta không đặt vấn đề vì đâu Dịch lại có những hình ảnh ấy, những lời lẽ ấy, thì học Dịch cũng không mấy khó khăn. Nhưng nếu ta tìm hiểu vì đâu có những hình ảnh này, hình ảnh nọ trong các Hào Quải, thì Kinh Dịch trở nên những bài thai đố nan giải.

Về vấn đề này, có thể chia các nhà bình giải Dịch thành ba phái.

1. Phái thứ nhất, trong đó có Hán Nho, cho rằng cần phải hiểu Tượng, phải hiểu duyên do đã phát sinh ra các ảnh tượng dùng trong Hào, Quải thì mới có thể hiểu thấu Dịch được. [4]

Muốn đạt mục phiêu này họ đã dùng nhiều phương cách, như:

1. Dựa vào Thuyết quái.

2. Dựa vào các quẻ Hỗ thể.

3. Dựa vào các quẻ Bàng thông.

4. Dựa vào các quẻ Thác và quẻ Tống.

5. Dựa vào hình tượng mà toàn quẻ gợi nên.

6. Dựa vào đặc tính của mỗi quẻ.

7. Dựa vào các quẻ Phi, Phục.

8. Dựa vào các quẻ Biến.

9. Dựa vào phương pháp nạp giáp ngũ hành [5] v.v...

Thực là rất công phu, rất phiền toái, Trong những trang dưới đây sẽ bàn qua về một vài phương pháp kể trên.

2. Phái thứ hai, gồm những Học giả như Vương- Bật, chủ trương không cần phải lưu tâm đến ảnh tượng, mà chỉ cần hiểu nghĩa lý [6]

3. Phái thứ ba, gồm những Triết gia như Trình tử, như Chu Hi, chủ trương ảnh tượng là những phương thức, những thí dụ dùng để diễn đạt tư tưởng.

Tìm được duyên do, càng hay, không tìm được cũng chẳng quan hệ, không hơi sức nào mà làm công chuyện đáy bể mò kim, miễn sao mình hiểu được ý Dịch là đủ. [7]

Riêng tôi, tôi cũng thấy công cuộc đi tìm duyên do của các ảnh tượng nhiều khi chỉ làm cho óc chất mình thêm rối loạn. Hơn nữa cũng chẳng có gì bảo đảm rằng đó chính là đường lối mà các tác giả Kinh Dịch xưa đã theo.

Tuy nhiên, ta cũng nên biết sơ qua về các phương pháp đi tìm duyên do của các ảnh tượng dùng trong mỗi quẻ, mỗi Hào. Những phương pháp ấy đại khái như sau:

1. Dựa vào những hình ảnh mà Thuyết quái đã gán cho tám quẻ chính.

Dùng các hình ảnh trên, ta có thể suy ra ảnh tượng của mỗi quẻ, cũng như sự tượng trưng của mỗi quẻ. Đại Tượng truyện trong Kinh Dịch đã dùng phương pháp này. Ví dụ quẻ Tiểu Súc trên có quẻ Tốn là gió, dưới có quẻ Càn là trời.

Đại Tượng truyện viết: «Phong hành thiên thượng Tiểu Súc.» 風 行 天 上 小 畜.

Ta thấy ngay rằng gió bay trên trời cao thì chẳng có sức nuôi dưỡng, chẳng ảnh hưởng đến Vạn Vật được là bao, vì thế gọi là Tiểu Súc (nuôi dưỡng ít)

Ví dụ: quẻ Lữ ䷷ trên có Ly ☲ là lửa, dưới có Cấn ☶ là núi. Lửa cháy trên núi, là những đám cháy rừng lan rất mau lẹ, nên gọi là Lữ, y như người lữ thứ không có sở cư nhất định.

2. Nhân tính chất của quẻ, mà suy ra hình ảnh. Ví dụ:

- Quẻ Càn là quẻ thuần Dương, biến hóa, thì lấy con rồng mà tượng trưng.

- Quẻ Hàm nói về sự cảm thông, cảm xúc, thì dùng các phần mình như ngón chân cái, vế, đùi, gáy, má, cằm, mồm mà tượng trưng, vì các phần trong cơ thể đều có cảm giác [8]

- Quẻ Trung phu nói về trung tín, thì dùng lợn, cá, nhạn, gà. Theo Lai tri-Đức thì lợn, cá biết được gió

nổi, nhạn biết được thu về, gà biết sáng mà gáy, không sai chệch vì thế dùng để tượng trưng sự trung tín [9]

- Quẻ Tiệm nói đến chim Hồng vì nó đến có kỳ, nó bay có hàng ngũ thứ tự, hơn nữa chim Hồng không lấy hai đời chim đực, nên hợp với lời Thoán từ của Văn Vương là gái về nhà chồng [10]

3. Dựa vào hình dáng quẻ mà suy ra ảnh tượng.

- Như ở quẻ Bác có một Dương ở trên, năm Âm ở dưới, thì nói đến nhà, đến giường, vì nhà có mái, giường có mặt na ná như hình quẻ Bác.

- Quẻ Đỉnh, gọi là Đỉnh vì các Hào được xếp như hình cái Đỉnh ䷱, Hào Sơ Lục là chân đỉnh, ba Hào Dương ở giữa là mình đỉnh, Hào Lục ngũ là tai đỉnh, Hào Thượng Cửu là nắp đỉnh.

4. Nhìn cơ cấu toàn quẻ, nhìn đại thể của sáu Hào, rồi tùy vị thứ Âm Dương mà qui nạp toàn quẻ về một trong tám quẻ chính.

Thể lệ như sau:

Hào Dương ở trên là tượng Cấn, Tốn.

Hào Dương ở dưới là tượng Chấn, Đoài.

Hào Dương ở giữa là tượng Khảm

Hào Âm ở giữa là tượng Ly.

Ví dụ: Ích ䷩ có Hào Âm ở giữa, Hào Dương ở trên và dưới là tượng Ly ☲ , vì thế trong quẻ có đề cập đến con rùa (Rùa là 1 trong những tượng quẻ Ly trong Thuyết quái.)

Như Đại Quá ䷛ tượng Khảm ☵ nên nói đến cột.

Như Di ䷚ tượng Ly ☲ nên nói đến rùa v.v... [11]

5. Tìm xem quẻ Hỗ thể là quẻ gì để lập tượng.

Quẻ Hỗ thể là 2 quẻ sinh ra bởi các Hào thứ 2, 3, 4 hoặc thứ 3, 4, 5 của toàn quẻ.

- Ví dụ quẻ Bĩ ䷋ có hai quẻ Hỗ thể là quẻ Tốn ☴ (3, 4, 5), và Cấn ☶ (2, 3, 4) Tốn là lãnh đạm, Cấn là đình trệ. Tốn và Cấn hợp lại cũng thành quẻ Cổ ䷑ cũng có nghĩa là đình đốn, đình trệ. Đã Bĩ là bế tắc rồi, mà lại còn thêm thờ ơ, đình đốn nữa thì thực nguy hiểm.

Ví dụ quẻ Tiệm ䷴ có hai quẻ Hỗ thể là Khảm ☵ (2, 3, 4) và Ly ☲ (3, 4, 5). Nơi Hào Cửu tam nói: Phụ dựng bất dục (đàn bà có chửa nhưng không nuôi được). Nói tới đàn bà chửa vì ở đây Khảm có 1 Hào dương ở giữa ☵. Hào Cửu ngũ nói: «Phụ tam tuế bất dựng» 婦 三 歲 不 孕 (Đàn bà 3 năm không chửa). Nói không chửa ở đây vì Ly trung hư v.v...

6. Lấy quẻ Thác (thác quái) hay quẻ Bàng thông mà thủ tượng.

Lai Tri Đức thì gọi là Thác quái. Ngu thị (Ngu Phiên) thì gọi là Bàng thông.

Bàng thông hay thác quái là những quẻ hoàn toàn đối nghịch nhau về phương diện Âm Dương như:

Kiền ䷀ thác Khôn ䷁

Hằng ䷟ thác Ích ䷩

Ví dụ: Ích Lục tứ có câu: «Trung hành cáo công tòng.» 中 行 告 公 從. Ngu thị chú: Trung hành 中 行 là nói về quẻ Chấn ☳ (ở bên quẻ Hằng có quẻ Chấn). Chấn có nghĩa là đi, là theo, nên nói «Trung hành cáo công tòng.» [12]

Đại súc Cửu nhị có câu: «Dư thoát phúc.» 輿 說 輹 (xe trút bánh).

Ngu thị giải: Đại súc ䷙ bàng thông Tụy ䷬.

Bên quẻ Tụy có Khôn ☷ mà Khôn là xe, là bánh xe.

Bên Đại súc có quẻ Càn ☰ thế là Khôn tiêu thành Càn vì thế dùng chữ thoát. [13]

Bác ䷖ Thượng Cửu có câu: «Quân tử đắc dư.» 君 子 得 輿 (Quân tử được xe).

Ngu thị giải: Bác ䷖ bàng thông Quái ䷪.

Bên quẻ Quái có Càn là quân tử là đức.

Bên quẻ Bác có Khôn là xe. Càn vào Khôn nên nói Quân tử được xe [14]

Ngu thị đã dùng phương pháp này để giải Dịch [15]

7. Dùng quẻ Tống (Tống quái) mà thủ Tượng.

Lai Tri Đức gọi là Tống quái [16]

Song Kiếm xí gọi là Phúc quái [17]

Tống quái hay Phúc quái là quẻ lộn ngược trở lại ví dụ Cấn ☶ lộn lại thì thành Chấn ☳ .

Ví dụ: quẻ Tổn ䷨ lộn lại thành quẻ Ích ䷩.

Hào Lục ngũ của quẻ Tổn, tức là Hào Lục nhị của quẻ Ích vì thế nên đều có câu: «Thập bằng chi qui phất khắc vi.» 十 朋 之 龜 弗 克 違 (mười cặp rùa cũng không ngăn lại được).

Quẻ Quái ䷪ lộn lại thành quẻ Cấu ䷫ Hào Cửu tứ của quẻ Quái tức là Hào Cửu tam của quẻ Cấu cho nên đều nói: «Đồn vô phu.» 臀 无 膚 (mông không da). v.v...[18]

8. Biến Hào để thủ Tượng

Như nơi quẻ Độn ䷠ Hào Lục nhị nói đến trâu mà không biết vì sao. Ta biến Hào Sơ thành Dương ta

sẽ có , quẻ dưới sẽ là Ly ☲ ; Ly giữa có Khôn khí vì thế nói đến trâu [19]

9. Nạp Giáp để thủ Tượng.

Theo phương pháp này:

Càn Khôn nạp Giáp Ất

Cấn Đoài nạp Bính Đinh.

Khảm Ly nạp Mậu Kỷ

Chấn Tốn nạp Canh Tân

Càn Khôn lại nạp Nhâm Quí.

Nạp Giáp cốt để tượng trưng sự qua lại của 2 vầng Nhật Nguyệt, sự thăng trầm của Âm Dương. Dùng phép Nạp Giáp ta sẽ hiểu ít nhiều câu trong Dịch.

Ví dụ: Quẻ Thái , Hào Lục ngũ có câu Đế Ất có chữ Ất vì Khôn nạp Ất. [20]

Quẻ Cách Hào Lục nhị có chữ Kỷ nhật, vì Ly nạp Kỷ.

Quẻ Cổ Thoán từ có chữ «Tiên Giáp tam nhật, Hậu Giáp tam nhật.» 先 甲 三 日, 後 甲 三 日.

Quẻ Cổ Bàng thông với quẻ Tùy , nếu ta cho biến Hào Sơ của quẻ Cổ, ta thấy quẻ Càn ☰ hiện ra, mà Càn thì nạp Giáp v.v...

Duyệt xét lại các phương pháp trên, ta thấy cổ nhân xưa đã tốn rất nhiều công phu, xoay xở trăm chiều để giải các Tượng Dịch, dẫu đôi khi ta không hoàn toàn đồng ý về sự hữu lý của cách giải thích, nhưng ta cũng phải nhận là tài tình. [21]

CHÚ THÍCH

[1] Năm 1713 Ông Bạch Tiến (Bouvet) gửi cho Leibniz một bộ Chu dịch và một đồ bản 64 quẻ Dịch.

Ông Bouvet giải thích rằng: Theo người Trung hoa, thì 64 quẻ là biểu tượng của Vạn Vật, Trời Đất.

Bouvet hỏi Leibniz xem lời giải thích nay có thích đáng hay không.

Leibniz nhân đó đặc biệt nghiên cứu Dịch và các quẻ.

[2] 11011011001101000111 1

00000000000000111111 1

11101100110010000010 0

Tel est l'aspect que présentaient les premiers instantanés de Mars et cela parce que Mariner IV ne pouvait transmettre à la Terre que des O et des 1. Mais des ordinateurs IBM ont aidé à les transformer en ces remarquables photographies des cratères martiens que l'oeil humain n'avait encore jamais apercus. — Sélection Décembre 1965 page 101.

... Chaque série de six O et I devint un élément d'information visuel qui fut ensuite transformé en une des 64 nuances de gris et l'ensemble de ces éléments donna une image. — Ib. 102.

[3] Dịch vĩ cho rằng:

Đời xưa đã biến văn thành chữ, biến khí thành Dịch, vẽ quẻ cho nên Tượng (Thượng cổ biến văn vi tự, biến khí vi Dịch, hoạch Quái vi Tượng... Dịch vĩ bát chủng quyển thượng trang 4b)

Dịch vĩ cho rằng: Bát quái chính là những nét gạch, những văn để thay chữ: ví dụ ☰ là chữ Thiên, ☷ là chữ Địa, ☴ là chữ Phong, ☶ là chữ Sơn, ☵ là chữ Thủy, ☲ là chữ Hỏa, ☳ là chữ Lôi, ☱ là chữ Trạch. — Ib. trang 5.

[4] Nhiên lưỡng Hán chư Nhu tất dục cứu kỳ sở tòng... 然 兩 漢 諸 儒 必 欲 究 其 所 從. — Chu tử Đại Toàn Văn, Lục thập thất - trang 1 và 2.

[5] Thị dĩ Hán Nhu cầu chi Thuyết Quái bất đắc, tắc toại tương dữ sáng vi Hỗ thể, Biến quái, Ngũ hành nạp Giáp, Phi phục chi pháp... 是 以 漢 儒 求 之 說 卦 不 得, 則 遂 相 與 創 為 互 體, 變 卦, 五 行 納 甲 飛 伏 之 法.— Ib trang 1 và 2.

[6] Vương Bật dĩ lai, trực dục suy kỳ sở dụng, tắc hựu sơ lược nhi vô cứ. 王 弼 以 來 直 欲 推 其 所 用, 則 又 初 略 而 無 據.— Chu Tử Đại Toàn Văn, Lục thập thất - trang 1 và 2.

[7] Trình Tử diệc viết: Lý vô hình dã, cố giả Tượng dĩ hiển nghĩa. 程 子 亦 曰 理 無 形 也, 故 假 象 以 顯 義. —Ib. 1 và 2.

[8] Cf. Dịch Kinh Lai Chú Đồ Giải quyển 1, trang 34.

[9] Đồn ngư tri phong, nhạn tri thu, kê tri đán, tam vật giai hữu tín, cố Trung phu thủ chi. 豚 魚 知 風, 雁 知 秋, 雞 知 旦, 三 物 皆 有 信, 故 中 孚 取 之. —Dịch Kinh Lai Chú Đồ Giải - quyển 1, trang 34.

[10] Tiệm nữ qui cát. 漸 女 歸 吉. Dịch - Quẻ Tiệm. Cf. Dịch Kinh Lai Tri Đức - quyển I, trang 34.

[11] Cf. Dịch Kinh Lai Chú đồ giải quyển 1, trang 45.

[12] Cf. Dịch Học Thảo Luận tập. Chương Ngu Thị Bàng Thông Nghĩa Cử Lệ - từ trang 7 đến trang 22.

Thí dụ trên ở, trang 20.

[13] Dịch Học Thảo Luận tập - trang 12.

[14] Ib. trang 10, 11.

[15] Xem Dịch Học Thảo Luận tập. Chương: Ngu Thị Bàng Thông Nghĩa Cử Lệ từ trang 7 đến, trang 22.

[16] Cf. Lai tri Đức - Dịch Kinh Lai Chú Đồ Giải - quyển 1, trang 36 và các trang 40 ,41, 42.

Cf. Dịch Kinh Tân Chứng - trang 4, 5, 6.

[17] Cf. Dịch Kinh Tân Chứng - trang 6.

[18] Cf. Dịch Kinh Tân Chứng - trang 6.

[19] Cf. Dịch Học Thảo Luận tập - trang 60.

[20] Cf. Dịch Học Thảo Luận tập.

[21] Trên đây chỉ là lược khảo về Tượng Học. Tôi không đi sâu thêm vào chi tiết.

chương trước

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 **2** 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 **6**

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 **3** 4 5 6 7 8 9 | chương **1** 2 3 4 | phụ lục 1 2 | STK

Phần 3

VÔ CỰC LUẬN

chương sau

Chương 1. Phi lộ

Đối với đại đa số quần chúng, Vô cực 無 極 là một danh từ xa vời, thường không gợi ra cho họ một ý niệm nào, y thức như đỉnh một non thần quanh năm có mây mù che lấp, không để cho cặp mắt thế nhân dòm hành được.[1]

Bàn về Vô cực cũng hết sức khó khăn, vì Vô cực mênh mông vô hạn, không thể nào lồng vào trong khuôn khổ ý niệm, từ ngữ, tượng hình.

Chúng ta chỉ có thể dùng thần trí lãnh hội Vô cực, chứ không thể dùng tâm tư suy cứu Vô cực.

Tất cả những ý niệm, những danh từ, những hình dung có liên quan tới Vô cực chỉ là những phương tiện eo hẹp giúp ta linh giác được Vô cực, chứ không phải là những ý niệm, những hình ảnh chính xác về Vô cực.

Có hiểu như vậy, người viết và người đọc mới thoát vòng tù túng của ý niệm, từ ngữ.

Chữ Vô cực đã xuất hiện từ lâu đời trong nền văn học và đạo giáo Trung Quốc.

Dịch Kinh không đề cập đến Vô cực; chỉ đề cập đến Thái cực 太 極. [2]

Trong thư tịch Nho giáo, chữ Vô cực phát tích từ thiên «Thái cực đồ thuyết» 太 極 圖 說 của Chu Liêm Khê.[3]

Chu Liêm Khê viết: «Vô cực nhi Thái cực» 無 極 而 太 極. Như vậy đối với Nho giáo, chung qui, Vô cực, Thái cực đều cũng là bản thể của vũ trụ, có khác nhau chăng là ở hai thế: ẩn, hiện.

Nói chung, thì Nho gia thường luận về Hữu, ít đề cập đến Vô. Ít đề cập, nhưng không phải không hay không biết. Vả lại, Vô vẫn trọng hơn Hữu, Vô thường áp dụng cho Trời, cho thần minh.

Trung Dung viết: «Thượng thiên chi tải, vô thanh vô xú, chí hĩ.» 上天 之 載 無 聲 無 臭 至 矣.

Dịch Kinh viết: «Thần vô phương, nhi Dịch vô thể.» 神 無 方 而 易 無 體 [4]

Trái lại, chữ Vô cực, chữ Vô đã được dùng trong Đạo Đức Kinh của Lão Tử [5] từ thế kỷ thứ V trước

Công Nguyên.

Các Đạo gia cũng thường đề cập đến Hư, Hư Vô, Không. [6]

Dẫu sao, Hư vô, Vô cực cũng là một quan niệm hết sức trọng đại đối với Á Châu. [7]

Vô cực, Hư vô đấy chính là Tuyệt đối bất khả thư nghị, chứ không phải là hư không, hu ảo như các sách giáo khoa thường lầm tưởng. [8]

Hiểu vấn đề Vô cực, Hư vô, ta sẽ vén được bức màn bí mật, từ bao lâu nay, đã bao trùm trên siêu hình học Á Châu, và tránh được những sự hiểu lầm, những lối giải thích ngây thơ, nông cạn.

Trong thiên khảo luận sau đây, tác giả sẽ dẫn chúng các nhà huyền học Đông Tây kim cổ để xiển minh rằng Vô cực hay Hư vô là quan niệm cao siêu nhất về Tuyệt đối thể, về Thượng Đế. [9]

Để cho vấn đề được sáng tỏ, và để cho độc giả dễ dàng theo dõi, xin lập thành một biểu nhất lãm ghi chú những cung cách, quan niệm, hình dung về Thượng Đế qua các triết học đạo giáo cổ kim [10] như sau:

CÁC QUAN NIỆM VỀ THƯỢNG ĐẾ

Môn phái	Quan niệm về Thượng Đế	Danh hiệu Thượng Đế
Quan niệm của các nhà Huyền Học	Tuyệt đối thể vô ngã, bất khả tư nghị, vô thanh vô xú, vô trụ, vô phương sở	Vô Cực, Hư Vô, Hư Không, Hồng Mông, Hỗn Độn (Néant, Chaos, Vide)
Quan niệm của các nhà Huyền Học và các Triết gia	Tuyệt đối thể, Bản thể, Căn nguyên, Cùng đích của vũ trụ	Trung, Nhất, Thái Cực, Đạo (Principe, Logos, L'Un, Tout)
Quan niệm của các Đạo giáo	Tuyệt đối thể, Bản thể, Căn nguyên, Cùng đích của vũ trụ	Thượng Đế, Hoàng Thiên, Ngọc Hoàng, Thượng Đế, Thiên, Trời, Tạo Hóa, Chủ Tể (Dieu, Créateur, Roi, etc...)
Quan niệm của các Đạo giáo và quần chúng	Tuyệt đối thể được nhân cách hóa, nhân hình hóa; Thượng Đế có nhân hình, nhân dạng	Tạo hóa đành hanh Trời già oan nghiệt

Nhìn vào đồ bản, ta thấy, đối với các bậc thượng trím thượng nhân, Thượng Đế càng ngày càng trở nên vô hình tướng, vô biên tế, bất khả tư nghị [11]; Ngược lại đối với quần chúng, Thượng Đế càng ngày càng trở nên hữu tình, hữu tướng, hữu hình, có tòa ngôi, có hành động, cũng yêu thương, hờn giận, ghen tuông, thù oán như con người. Đó là một công lệ có thể đem áp dụng vào bất kỳ đạo giáo nào.

Tác giả sẽ đi vào đề tài với một thái độ hết sức khách quan, không biện hộ cho một tôn giáo nào, mà chỉ muốn cùng độc giả đi tìm chân lý, trao lại cho độc giả những chìa khóa để mở các kho tàng tư tưởng Á Âu.

Bàn về Vô cực, về Thượng Đế, về Tuyệt đối bất khả tu nghị, tác giả sẽ dùng phương pháp đối chiếu. Tác giả sẽ so sánh các quan niệm, từ ngữ của các nhà đạo giáo. Sự so sánh này sẽ làm sáng tỏ những quan niệm huyền bí của Á Châu.

Tại sao, lại dựa vào các nhà Huyền học (mystiques)?

Vì các nhà huyền học, tức là các vị chân tu đắc đạo, là những người đã trực tiếp thông đạt được Thượng Đế.

Trong quyển «Studies in Mystical Religion», bác sĩ Rufus Jones định nghĩa huyền học như sau: «Huyền học là một loại tôn giáo chú trọng sự trực giác được mối liên lạc với Thượng Đế; đến sự nhận thức trực tiếp được sự hiện diện của Thượng Đế. Đó là tôn giáo tới giai đoạn cao siêu nhất, mãnh liệt nhất,

sống động nhất». [12]

Thánh Thomas d'Aquin định nghĩa huyền học là sự nhận thức được Thượng Đế một cách sống động do kinh nghiệm bản thân. [13]

Bergson cũng đã dựa vào các nhà huyền học để nhận định là có Thượng Đế.

Ông cho rằng nếu ta chấp nhận các kết luận của các nhà khoa học về khoa học, thì ta phải chấp nhận các kết luận của các nhà huyền học về Thượng Đế. [14]

Tại sao lại khảo sát quan niệm của các vị đắc đạo của các đạo giáo?

Thưa: vì chân lý cần phải phổ quát, vượt tầm không gian, thời gian; vượt tầm các quốc gia và đạo giáo, vì chân lý là gia tài chung của nhân loại, chân lý phải là cái gì vĩnh cửu, phổ biến mọi nơi, mọi đời. [15]

Tại sao cần khảo sát các triết gia?

Thưa: vì triết gia là người mài miệt suy tư, cố công tìm hiểu, dám có những tư tưởng mới mẻ, tầm khuôn sáo xã hội.

Bergson nhận định: «Triết học không phải nguyên là sự phục hồi của thần trí, sự phối hợp giữa tâm thần với căn nguyên sáng tạo. Triết học còn nghiên cứu sự biến thiên tổng quát, sự tăng trưởng, diễn biến của chân lý và, như vậy, triết học chính là sự tăng bổ của khoa học». [16] Nhưng trong thiên khảo luận này tác giả không theo loại triết học phổ thông khoa cử. Nền triết học bí điển mật truyền cả Đông lẫn Tây lại chú trọng đến Vô hơn Hữu. [17]

Những từ ngữ, những quan niệm tương đồng giữa Đông và Tây phải chăng là ấn tín và là biểu hiệu cho chân lý hằng cửu phổ quát ? [18]

Tại sao phải dựa vào các sách thánh, các kinh điển đạo giáo ?

Bởi vì đó chính là tinh hoa nhân loại đã cô đọng nên nhời...

oOo

Trong công trình khảo cứu kinh Dịch, ta bắt chước tiền nhân bàn về Vô cực, Thái cực trước tiên, vì Vô cực tức là căn nguyên vũ trụ, là chủ chốt của Dịch Kinh.

Có biết rõ căn nguyên gốc gác, thì chúng ta mới suy luận được ra ngọn ngành.

Thế tức là, chúng ta xoay ngược vấn đề nhận thức: Muốn biết mình, muốn hiểu vũ trụ, trước tiên phải biết Trời, biết Thượng Đế.

Saint Martin viết: Ta chỉ có thể hiểu biết được chúng ta trong Thượng Đế và sự vinh quang ngài. [19]

Có lẽ, cũng vì thế mà Trung Dung đã viết: «Tư chi nhân bất khả dĩ bất tri Thiên.» [20]

Tạm dịch:

Biết người trước phải biết Trời,

Hiểu Trời chẳng nổi, hiểu người làm sao ?

Chúng ta khảo cứu về Thượng Đế, nhưng không theo lối quần chúng, thường nhân mà theo đường các vị thánh hiền, cho nên sẽ không câu nệ hình thức, sắc tướng, mà toàn đề cập tới Tuyệt đối siêu việt, trừu tượng.

Sự khảo cứu này không phải là sự khảo cứu suông mà cốt chuyển hóa con người, minh tâm, đắc Đạo.

Thánh Thomas, trong một lúc xuất thần, gặp chúa Kitô tại Naples. Chúa hỏi ngài muốn được tưởng thưởng về công phu biên khảo về Thánh thể, ngài trả lời: «Chúa, xin cho con được Chúa». [21]

Ước gì đó cũng là nguyện ước và chí hướng của chúng ta trong công trình khảo cứu Dịch Kinh.

CHÚ THÍCH

[1] Cf. I Corinthiens 1, 14: L'homme psychique n'accueille pas ce qui est de l'Esprit de Dieu.

[2] Dịch Hệ từ thượng (Chương 11)

[3] Tống Nguyên học án quyển 12 Liêm Khê học án (hạ) Thái cực đồ thuyết trang 1, 2, 3.

...Vô cực nhi Thái cực 無 極 而 太 極.

...Lý bản vô hình, cố vị chi Vô cực. 理 本 無 形 故 謂 之 無 極.— (Ib. 1b)

...Tự Vô cực thuyết đáo vạn vật thượng, thiên địa chi chung thủy dã Tự vạn sự phản đáo Vô cực thượng, thánh nhân chi chung thủy dã. — (Ib. 2a)

[4] Dịch Hệ từ thượng, chương IV.

[5] Thường đức bất thắc, Phục qui ư Vô cực. 常 德 不 忒, 復 歸 於 無 極.— Lão Tử, Đạo Đức Kinh chương 28.

Thiên hạ vạn vật sinh ư Hữu, Hữu sinh ư Vô. 天 下 萬 物 生 於 有, 有 生 於 無.— Lão Tử, Đạo Đức Kinh chương 40.

[6] Xem các bộ sách:Tính Mệnh khuê chỉ, Đạo thư thập nhị chủng, Tính Mệnh Pháp Quyết minh chỉ v.v...

[7] Cf. Fong Yeou Lan, Précis d'histoire de la Philosophie chinoise, pages 43-44.

[8] Cf. Tự điển và danh từ triết học của Trần Văn Hiến Minh, nơi chữ Hư vô: Hư vô (nihil, néant), không có gì cả, hay có cũng như không.

[9] G.G. Scholem, Les grands courants de la mystique juive, page 369.

[10] Nhược tùy cơ thuận tục giả vi quyền vi thiển, nhược thanh bản, đạt nguyên giả vi thật vi thâm. Giáo chi dị như bách xuyên. Lý chi đồng giả như nhất thủy. Thuận tục chi giáo, bất quá hành ư nhất phương, cùng nguyên chi giáo nãi khả đốn ngộ vạn loại. Trí giả bất cuộc ư nhất phương, đạt giả biến hành ư vũ nội. Thị dĩ học nhân tại hồ phát phẫn lập chí, do thiển nhập thâm, tất cầu Lý chi cực trí. 若 隨 機 順 俗 者 為 權 為 淺, 若 清 本, 達 源 者 為 實 為 深. 教 之 異 如 百 川. 理 之 同 者 如 一 水. 順 俗 之 教 不 過 行 於 一 方, 窮 源 之 教 乃 可 頓 悟 萬 類. 智 者 不 局 於 一 方 達 者 變 行 於 宇 內. 是 以 學 人 在 乎 發 憤 立 志 由 淺 入 深 必 求 理 之 極 致. — Sao Kiểu Đỗng Chương quyển I trang 5.

[11] (The One is) alleged by mystics to be ineffable, incapable of being described in words etc...

Such phrases as «inexpressible», «unutterable», «beyond all expression» bespatter the writings of mystics all over the world... — W.T. Stace, Mysticism and philosophy, p. 79.

...The God seeing man... can always enter, naked and unencumbered with images, into the inmost part of his spirit. There he finds revealed an Eternal Light...It(his spirit is undifferentiated and without distinction and therefore it feels nothing but the unity (Jan Van Ruysbroeck, 1293 1381). — Ib. page

94.

[12] «Le Dr Rufus Jones, dans ses excellentes «Studies in mystical Religion» définit son sujet comme il suit:J'emploierai le mot pour exprimer le type de religion qui met l'accent sur l'intuition immédiate de la relation avec Dieu, sur la prise de conscience directe et intime de la Présence divine. C'est la religion à son stade le plus aigu, le plus intense et le plus vivant». — G.G. Scholem, Les grands courants de la mystique juive, page 16.

[13] Thomas d'Aquin définit brièvement la mystique: «Cognitio Dei experimentalis», connaissance de Dieu par expérience. — G.G. Scholem, Les grands courants de la mystique juive, page 16.

[14] Des témoignages des mystiques, ces guides spirituels de l'humanité, le philosophe (Bergson) déduit l'existence de Dieu, car si nous acceptons les conceptions scientifiques des savants, nous devons de même admettre les opinions des mystiques sur la divinité. — Henri Bergson.

Cf. F. Tomlin, Les grands philosophes de l'Occident, page 265.

[15] Quod semper, quod ubique, quod ab omnibus. — Henri Gouhier, L'histoire et sa philosophie, trang 49.

[16] La philosophie n'est pas seulement le retour de l'esprit à lui même, la coincidence de la conscience humaine avec le principe vivant d'où elle émane, prise de contact avec l'effort créateur. Elle est l'approfondissement du devenir en général, l'évolutionnisme du vrai, et par conséquent la vrai prolongement de la science. -- Bergson, L'évolution créatice, page 339. -- Tomlin, Les grands philosophes de l'occident, page 263.

[17] Ainsi quand Aristote envisageait la métaphysique comme la connaissance de l'être en tant qu'être, l'identifiait à l'ontologie, c'est à dire qu'il prenait la partie pour le tout. Pour la métaphysique orientale, l'être pur n'est pas le premier ni le plus universel des principes, car il est déjà une détermination; il faut donc aller au delà de l'être, et c'est même là ce qui importe le plus. — René Guénon, La métaphysique orientale, page 10.

[18] Ce sont seulement les formes extérieures dont elle est revêtue pour les nécessités d'une exposition, pour en exprimer ce qui est exprimable, ce sont ces formes qui peuvent être soit orientales soit occidentales. Mais sous leur diversité, c'est un fond identique qui se retrouve partout et toujour partout du moins où il y a de la métaphysique vraie, et cela pour la simple raison que la vérité est une. — René Guénon, La métaphysique orientale, page 4.

[19] Nous ne pouvons nous lire que dans Dieu lui même, et nous comprendre que dans sa propre splendeur. — Saint Martin, Ecce Homo page 18. Tableau naturel agenl

[20] Trung Dung Chương XX.

[21] Interrogé par le Christ en une célèbre vision de Naples sur le prix de ses peines et de son labeur concernant l'Eucharistie, il répondit: «Vous même Seigneur».

L. Jugnel, Pour connaître la pensée de Saint Thomas d'Aquin, page 13.

---

chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 **3** 4 5 6 7 8 9 | chương **1** 2 3 4 | phụ lục 1 2 | STK

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 3

VÔ CỰC LUẬN

chương trước chương sau

Chương 2. Đại cương

Quan niệm Thượng Đế như một thần minh có dáng dấp hình dung, tính cách thì dễ; nhưng quan niệm Thượng Đế như một Thực thể siêu không gian, thời gian, siêu gian, mọi hình thức sắc tướng, mọi liên lạc với quần sinh vũ trụ, đó là một điều rất khó. [1]

Khó, là vì chúng ta phải rũ bỏ mọi hoạt động suy luận, tưởng tượng thông thường, phải tẩy rửa tâm thần cho sạch hết bóng hình trần cấu mới linh cảm được Thượng Đế vô hình tướng. [2]

Nếu ta quên hết quần sinh, vạn hữu, quên hết những ảnh tượng, những hiện tượng, không gian, thời gian, quên hết mọi phân kỳ, gián cách, thì thực thể vũ trụ sẽ duy nhất bất khả phân. Vì lý do đó, các nhà huyền học gọi Tuyệt đối thể siêu xuất quần sinh, vũ trụ là

Hư vô [3]

Hồng Mông [4]

Hỗn độn [5]

hay Hư không [6]

Hư vô, Hư không, Hỗn độn không phải là hư ảo, hay hư không, mà chính là Thượng Đế, là Tuyệt đối thể bất khả tư nghị, vô biên tế.

Vì vậy Lão Tử mới nói: «Vạn vật sinh từ Hữu, Hữu sinh từ Vô.» [7]

Thường đức không xuyến xao, lại trở về Vô cực. [8]

Trang Tử viết: «Thái sơ có Vô, không hiện hữu, không tên tuổi.»

Các đạo gia tu luyện để cho thần trí quay trở về Hư, tức là quay trở về Thượng Đế. [9]

Các đạo gia gọi thế là:

«Xuất ư vô vi» [10]

«Nhập hồ vô gián» [11]

«Dưỡng kỳ vô tượng» [12]

«Thủ kỳ vô thể» [13]

«Hợp hồ vô luân» [14]

Và cho rằng thế nhân trường sinh bất tử là vì đã chôn vùi mất vô tượng, làm thất tản mất vô thể. [15]

Xướng đạo chân ngôn viết: «Vạn vật bắt đầu từ không, Thái cực chính là Không... Không sinh ra Nhất, Nhất sinh ra vạn, vạn tri Nhất, Nhất trở về Không. Không là thủy tổ muôn loài. Học giả cần phải biết Chân Không, đừng lầm với giả không, cần phân biệt Linh Không với ngoan không v.v…»

Xướng đạo Chân ngôn cũng gọi Hư vô là Vô vi [16] là Đơn, là Đạo, là bản thể của trời đất muôn vật.

«Đơn là bản thể của trời đất vạn vật.

Đơn là Đạo, Đạo là bản thể của Hư vô.

Hư vô không thể đặt tên, nên thánh nhân tạm gọi là Đạo.

Hư sinh Nhất, Nhất sinh vạn, vạn hoàn Nhất, Nhất hoàn Hư. [17]

Sách viết thêm:

Đạo gia gọi là Hư,

Phật gia gọi là Không.

Hư không nghe biết, nhìn biết mọi sự... Cho nên, khi một người suy nghĩ, người cùng nhà không hay biết, mà Hư không vô lượng vô biên đã biết đã hay... Vì thế Nho gia thận Độc, úy Không» [18]

Tóm lại, đối với Đạo gia, Vô cực, Hư vô là Chân Nhất, là nguồn mạch sinh vạn vật, lồng trong vạn vật mà vẫn siêu xuất vạn vật; gọi là Vô vi vô gián cách; vì vô gián cách, nên linh minh vô cùng tận, khinh khoát vô cùng tận, co giãn biến hóa vô cùng tận. [19]

Về phía Nho gia, Trương Hoành Cừ viết: «Vật hữu hình, nên hữu hoại, duy Thái hư không biến thiên, chuyển động, nên mới là chí Thực... Hư là chí thiện, Hư là thủy tổ vạn hữu; Trời đất đều từ Hư phát xuất ra.» [20]

Phật giáo cũng dùng những danh từ:

Hư vô [21]

Hư không [22]

Chân không [23]

Vô [24] v.v...

để chỉ Tuyệt đối thể, bản thể của vũ trụ.

Lục Tổ Huệ Năng viết: «Hư không hàm tàng hết sắc tướng vạn vật, bao gồm nhật nguyệt, tinh cầu; sông núi đất đai, suối nguồn, khe lạch, cây cối bụi rừng, người lành kẻ dữ, cái hay cái dở, thiên đàng, địa ngục, tất cả mọi trùng dương, tất cả mọi núi Tu Di cũng đều ở trong Hư không. Tính người ta cũng là không. Tất cả đều như vậy.» [25]

Mới hay Hư không chính là Tuyệt đối vốn hàm chứa vạn hữu từ muôn thủa. [26]

Nếu không hiểu cho đứng đắn những từ ngữ: Vô cực, Hư vô, Hỗn độn, Hồng mông, thì dĩ nhiên không thể nào hiểu được các triết học Á đông, các đạo giáo Á đông. [27]

Lạ lùng thay các nhà huyền học Do thái, Công giáo, hay các đại hiền triết Âu Châu cũng thường dùng những chữ:

Hư vô, Không Tịch, Hỗn Độn, Hồng mông để mô tả Thượng Đế.

Các nhà huyền học Do thái thường gọi Thượng Đế, gọi Tuyệt đối thể là Hư vô, Không tịch. [28]

Hồng y giáo chủ Nicolas de Cues (1401-1464), chủ trương rằng nếu lấy tâm thần mà nhận định, thì Thượng Đế y như là Hư không, nhưng Hư không ấy chính lại là Tuyệt đối bất khả tư nghị. [29]

Jacob Boehme, một nhà huyền học thệ phản, viết: «Đối với tạo vật, Thượng Đế là Chân nhất, nhưng là Hư vô: Thượng Đế vô định, vô thủy, vô trụ, không có ngoài mình. Ngài là ý chí, nhưng vô tất, vô cố. Ngài là duy nhất vô gián, vô trụ, thường sinh, thường tồn.» [30]

Eckhart (1260 - 1329) cũng thường gọi Thượng Đế là Chân nhất, là Hư vô hay Diệu hữu. [31]

Bác sĩ Erwin Rousselle bình về Hư vô như sau:

Hư vô là Tuyệt đối không hình ảnh, gợi cho chúng ta Hư vô của Boehme, Hư không của Vệ Đà, sở cư của Brahman hay Hư không của đạo Lão. [32]

Bác sĩ Erwin Rousselle bình thêm rằng:

Hư vô thực ra là căn bản của con người, và của vũ trụ. [33]

Đối với Hegel, Tuyệt đối thể và Hư vô vốn là một.

René Guénon cho rằng:

Vô cực tương đương với Brahma Trung hòa tuyệt đối (Parabrahma), và Thái cực với Ishwara hay với Brahma không tuyệt đối (Apara Brahma). [34]

Kinh Áo nghĩa thư (Upanishad) xung Tuyệt đối thể là Hư vô. [35]

Đó cũng là chủ trương của các nhà thông thiên học hiện đại. [36]

Tuyệt đối thể ấy chính là căn nguyên vũ trụ. Đằng khác, ta có thể gọi Tuyệt đối là Hư không, hỗn độn, nên ta nói được:

Có sinh ra từ không; vạn hữu từ Hư vô sinh xuất, Chữ Hư vô lúc này nghĩa là Thượng Đế. [37]

Các nhà huyền học Âu Á chủ trương rằng Tuyệt đối thể vô biên tế bao quát cả cực tiểu lẫn cực đại, to không có gì ngoài, nhỏ không có gì trong, vô gián cách (continu) vì vậy không chấp nhận rằng Thượng Đế và Hư vô riêng rẽ, vì nếu Hư không là cái gì ở ngoài Tuyệt đối, thì lập tức Tuyệt đối không còn là Tuyệt đối nữa.

Tóm lại, theo quan niệm các nhà huyền học thì:

Tuyệt đối là Hư vô. [38]

Theo Quan niệm thông thường thì:

Tuyệt đối khác Hư vô.

Các triết thuyết, các đạo giáo khởi nguyên từ 2 quan niệm ấy.

Có hiểu được tại sao các nhà huyền học gọi Tuyệt đối thể bất khả tư nghị là Hư vô, thì mới hiểu tại sao các triết thuyết tối cổ từ Ai Cập, đến Ba Tư, Ấn Độ, Trung Hoa đều chủ trương Hữu sinh từ Vô ([39])

Kinh Vệ Đà viết:

Thời nguyên sơ của thần minh, Hữu sinh từ Vô. [40]

Lão Tử viết:

Hữu sinh ư Vô. [41]

Trang Tử viết: «Chiêu chiêu sinh ư minh minh, Hữu luân sinh ư vô luân.»

Uông hóa Chân, tác giả sách «Đơn Đạo mạn đàm» bình rằng:

Hữu luân là Thái cực nhập vào vạn hữu, Vô luân là Vô cực khi chưa có đất trời. [42]

Trang Tử viết: «Trông thấy Hữu, đó là quân tử, theo người xưa: trông thấy Vô, đó là bạn của trời đất.» [43]

Ý tưởng này cũng tương tự như một câu trong Áo Nghĩa thư. [44]

Quan điểm trên cũng là quan điểm của Hésiode một thi sĩ Hi Lạp (thế kỷ VIII trước công nguyên). [45]

Schelling cũng chủ trương Hư vô là Thượng Đế còn ẩn tàng chưa hiển dương bằng hình thức vũ trụ. [46]

Tóm lại các nhà huyền học Đông cũng như Tây đều công nhận rằng:

Hư vô là Thượng Đế còn ẩn tàng chưa hiển dương. [47]

Hữu là Tuyệt đối thể đã hiển dương. [48]

CHÚ THÍCH

[1] An «ultimate reality» or Absolute, or God outside of or beyond the space time world whatever the metaphors «outside of» and «beyond» may mean. — W.T. Stace, Mysticism and philosophy, page 2.

[2] According to Professor D.T. Suzuki, Sunyata, the Buddhist Void or emptiness, means: Absolute Emptiness transcending all forms of mutual relationship... In Buddhist Emptiness there is no time, no space; no becoming, no thingness. Pure experience is the mind seeing itself as reflected itself... This is possible only when the mind is sunyata itself, that is when the mind is devoid of all its possible contents except itself. — Ib. 109.

[3] Nguyên môn danh chi viết: Tiên thiên; Thích thị danh viết: Uy âm; Dịch viết Vô cực; tổng thuộc Hư vô... — Ngũ Liễu tiên tông, Kim tiên chứng luận, trang 6.

[4] Tiên thiên chân nhất chi khí: hồng mông vị phán chi thủy. — Tu chân biện nạn (Hậu biên), trang 3.

[5] Nhất chân vị tạc vị chi Hỗn độn. — Xướng đạo chân ngôn, trang 9.

[6] Hư không quát tam giới. — Tôn bất nhị nữ đơn thi chú, trang 24.

[7] Vạn vật sinh ư hữu, Hữu sinh ư Vô. — Lão Tử Đạo Đức Kinh, chương 2.

[8] Thường đức bất thắc, phục qui ư Vô cực. — Lão Tử Đạo Đức Kinh, chương 28.

[9] Luyện thần hoàn hư.

[10] Xuất ư Vô Vi. Vô Vi tắc thần qui. — Thái thượng xích văn đổng cổ kinh chú, trang 1.

[11] Nhập hồ vô gián, bất tử bất sinh, dữ Thiên vi nhất. — Ib. Ib.

[12] Dưỡng kỳ vô tượng, tượng cố thường tồn. — Ib. 2a.

[13] Thủ kỳ vô thể, thể cố toàn chân. — Ib. 2a.

[14] Minh minh hãnh hãnh hợp hồ vô luân. — Ib. Ib.

[15] Thế nhân sở dĩ bất năng trường cửu giả, vị táng kỳ vô tượng, tán kỳ vô thể.

[16] Vô vi nhị tự, thiên chi thể, đạo chi nguyên — Xướng đạo Chân ngôn trang 15b.

[17] Đơn giả thiên địa vạn vật chi bản dã. Hà dĩ vi thiên địa vạn vật chi bản. Đơn giả, Đạo dã. Đạo giả, Hư vô chi thể dã. Hư vô bất khả lập danh. Cố thánh nhân dĩ đạo danh chi. Hư sinh Nhất, Nhất sinh vạn, vạn hoàn Nhất, Nhất hoàn Hư. — Xướng đạo Chân ngôn quyển tam trang 19.

[18] Xướng đạo Chân ngôn quyển 5 trang 31.

[19] Cố chân nhất vi sinh thiên sinh địa chi thủy. Thể vạn hữu nhi không vạn hữu. Vô cực thị dã. Duy vô, cố vô cách hãi; vô cách hãi, cố cực linh cực minh.

Duy vô, cố vô khuể vô ngại. Vô khuể ngại cố năng khuất, năng thân. Nhân vật đắc kỳ khuất thân chi khí nhi vi mệnh. Vạn vật giai tại tính mệnh giai tại chân nhất chi trung. — Lữ tổ sư tam ni y thế thuyết thuật.

[20] Phàm hữu hình chi vật tức dị hoại, duy Thái Hư vô động dao, cố vi chí Thực. Thi vân: Đức thù như mao, mao do hữu luân, thượng Thiên chi tải, vô thanh vô xú chí hĩ.

...Chí thiện giả Hư dã, Hư giả thiên địa chi tổ, Thiên địa tòng Hư trung lai. — Tống Nguyên học án Quyển 18 trang 8 (Hoành Cừ học án)

[21] Hư vô: The underlying reality, the principle of eternal relativity which is essence of mind, the unknowable noumenon behind all phenomena, the entity void of ideas and phenomena, neither matter nor mind, but the root of both. — Trung Anh Phật học tự điển, trang 277.

[22] Bản tính do như Hư không. — Pháp bảo đàn kinh cơ duyên phẩm.

[23] Tự tính chân không. — Pháp bảo đàn kinh Bát nhã phẩm.

[24] A tự Thích vân Vô, hựu vân Chân không, tức thị Bát nhã thật tướng chi bản thể. — Nhập Phật chỉ nam trang 120.

[25] Thế giới Hư không năng hàm vạn vật sắc tượng, nhật nguyệt tinh tú, sơn hà đại địa, tuyền nguyên khê giản, thảo mộc tùng lâm, ác nhân thiện nhân, ác pháp thiện pháp, thiên đường địa ngục, nhất thiết đại hải. Tu di chư sơn tổng tại Không trung. Thế nhân tính không, diệc phục như thị. — Pháp bảo đàn kinh Bát nhã phẩm đệ nhị.

[26] Heb. 11,2 của Kinh thánh Jérusalem.

[27] Les saints sont ceux dont le domaine est le vide (sunnata), l'absence de dessein (animitta), la liberté (vimokha). (Dhammapada lère édition F. Fausboell Copenhague 1955, page 92) — Lilian Silburn, Instant et Cause p. 218.

[28] Rien ne peut changer sans venir en contact avec cette région de l'être purement absolu que les mystiques appellent Néant. -- Les Grands courants de la Mystique juive, page 233.

[29] Giuseppe Bufo Nicolas de Cues, p. 105.

[30] Jacob Boehme Mysterium Magnum (Aubier Editions Montaigne, tome 1 page 55.

[31] Le Dieu qu s'unit à cette pointe de l'âme, comme l'Un néo platonicien, n'est «ni ici, ni maintenant, ni ceci». Illimité, indéterminé, on peut l'appeler Non être parce qu'il échappe par transcendance à toute détermination...

...Tout être implique limitation. Faute d'un meilleur mot, on appellera donc Non être le supra Être...

Maître Eckhart, Traités et Sermons (Aubier Edition Montaigne Paris) 16.

...Eckhart còn gọi là Thượng Đế là

Déité: Thần

Désert: Sa mạc

Abîme insondable: Vực thẳm

Fond insondable: đáy thẳm

Réalité imperscrutable: Thực thể bất khả tư nghị v.v… — Cf. Ib. Các trang 13,14,15,16,17.

[32] Dr. Erwin Rousselle, Sellische Führung im lebenden Taoismus, Eranos Jahrbuch 1933 p. 151. — M. Senard, Le Zodiaque, page 480.

[33] De ce Vide, ce même auteur dit, citant un philosophe chinois:

«Le véritable Vide n'est pas vide, l'existence vraie est la non existence...

Il ne doit pas être considéré comme le néant, mais comme l'inexprimable «Tout Autre Chose» percu à la fois comme la présence de quelque chose et comme l'absence de toutes choses...

En l'état de calme absolu il est éprouvé comme le fond même de notre être et de l'univers. (Op. cit. page 189) — M. Senard, Le Zodiaque, page 480.

[34] René Guénon La grande triade page 26 (texte et note 5)

[35] «Brahma is life (prana). Brahm is joy. Brahma is the void.»

Chandogya Upanishad 4. 10;4

...Non existent (a sat) himself does one become, If he knows that Brahma is non existent. — Taittiriya Upanishad 2 6.

[36] Théosophie et science p.39.

[37] Tanon Théosophie et Science p. 44.

[38] Claude Tresmontant P.E.D. p. 75.

[39] Cf. Claude Tresmontant P.E.D. page 75.

[40] Tresmontant P.E.D. page 76.

[41] Lão Tử Đạo Đức Kinh chương 11.

[42] ...Chiêu chiêu sinh ư minh minh...

...Hữu luân sinh ư vô luân...

Hữu luân thị Thái cực nhập ư hậu thiên, Vô luân thị Vô cực, thuộc ư tiên thiên. — Uông hóa Chân. Đơn đạo mạn đàm trang 49.

Trang Tử còn viết: Thái sơ hữu Vô. — Xem Nam hoa Kinh chương 12 đoạn H. (Wieger trang 298)

[43] Đổ Hữu giả, tích chi quân tử, đổ Vô giả thiên địa chi hữu. — Trang Tử Nam Hoa kinh chương XI đoạn E. — Wieger Tchoang Tzeu trang 293.

[44] ...Non existent (A Sat) himself does one become, he knows that Brahma is non existent. — Taittiriya Upanishad 2-6

[45] Clause Tresmonant. P.E.D. page 76.

[46] M.W. Schelling Les âges du monde (Aubier Edt. Montaigne) p. 36.

[47] G.G. Scholem Les grands courants de la la Mystique juive page 38.

[48] Nous ne serons pas surpris de trouver que la spéculation a parcouru toute la gamme, depuis les tentatives de re transformer l'En sof impersonnel dans le Dieu personnel de la Bible, jusqu'à la doctrine tout à fait hérétique d'un véritable dualisme entre l'En Sof caché et le Démiurge personnel de l'Ecriture Ib. page 25.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 **3** 4 5 6 7 8 9 | chương 1 **2** 3 4 | phụ lục 1 2 | STK

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 3

VÔ CỰC LUẬN

chương trước chương sau

Chương 3. Tính danh và hình dung Vô Cực

A. TÍNH DANH VÔ CỰC

Vô Cực đứng về phương diện lý thuyết dĩ nhiên là tuyệt đối bất khả tự nghị nên không thể nào hình dung mô tả, bất kỳ là bằng từ ngữ, bằng độ số hay bằng hình tượng.

Tuy nhiên, các nhà huyền học vẫn ra công mô tả Vô Cực. [1]

Các triết gia còn suy cứu xem bản chất của Hư vô, của Vô Cực là gì, và họ dùng những chữ: Tiên thiên nhất khí [2], Nguyên khí [3], Hư vô nhất khí để mô tả bản thể Vô Cực.

Chữ khí 炁 hợp thành bởi chữ: Vô 无 (無) và chữ Hỏa 灬 (火).

Vô là vô hình, vô tượng.

Hỏa gợi nên một hoạt lực, một nguyên đông lực, một nguồn sinh lực của hoàn võ.

Dữ Lâm Phấn Thiên tiên sinh viết: «Vô Cực thời vô cùng tận, vô phương thể, bao trùm muôn phương vũ trụ, vạn cổ thời gian, núi non thay đổi, linh giác ấy chẳng biến thiên; trời đất có cùng, linh giác ấy vô tận...» [4]

Đứng về phương diện thời gian mà bàn về Vô Cực, ta có thể nói rằng, khi nguyên tinh bản thể của vũ trụ còn tịch nhiên bất động, chưa phát triển huyền năng công lực chưa tác tạo, vận chuyển, sinh hóa thì gọi là:

Giai đoạn Vô Cực [5]

Khi trong bản thể đã bắt đầu sinh xuất manh nha các huyền cơ sinh hóa vận chuyển thì gọi là Đạo, là giai đoạn Thái Cực. [6]

Khi chưa có vạn vật, vũ trụ mà chỉ mới có Vô Cực, Thái Cực, Tuyệt Đối Thể, thì gọi là Tiên Thiên.

Khi Vô Cực Thái Cực đã phóng phát ra vạn hữu thi vạn hữu gọi là Hậu Thiên. [7]

Hay nói rõ hơn:

Vô Cực là Tiên Thiên.

Thái Cực là Trung gian, là khởi thủy.

Vạn hữu là Hậu Thiên.

Ta vẽ thành ba đồ bản như sau:

1. Vô Cực = Tiên Thiên

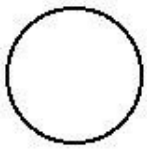

2. Thái Cực

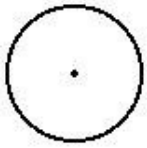

3. Hậu Thiên = Vạn Hữu

(Lúc ấy Thái Cực lồng trong Vạn hữu)

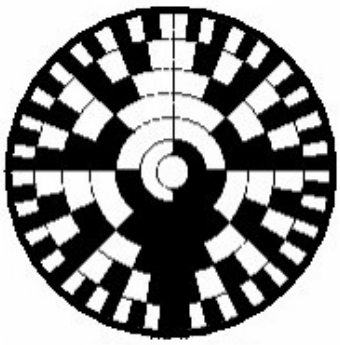

Nói Vô Cực hay Thái Cực vẫn chỉ là đề cập đến Thượng Đế, đến Tuyệt đối thể. Cho nên trên lý thuyết tưởng chừng có sự phân ly, nhưng trên thực tế, hai phương diện ẩn hiện vẫn chỉ là một Thượng Đế duy nhất. [8] Vì vậy các từ ngữ, các tượng hình để chỉ Vô Cực (Unique inconcevable avant toute manifestation), Thái Cực (Unique concevable, Principe et Fin de l'univers), có khi khác nhau, nhưng cũng có khi lẫn lộn.

Vì hiểu Vô Cực là Thượng Đế, là Tuyệt đối bất khả tư nghị, nên chúng ta hiểu tại sao các nhà Huyền học gọi Vô Cực là: Nguồn sinh vạn vật, Tạo Hóa Chi Nguyên [9], Tiên Thiên Chủ Nhân [10], Vạn Tượng Chủ Tể. [1]

Vạn tượng đều từ một nguồn gốc, một căn bản, một cửa ngõ đó phát sinh nên Vô Cực cũng được gọi là: Căn Đế, Căn Bản [11] Căn Nguyên [12] hay Bất Nhị Pháp Môn.

Đối với vòng Dịch, thì dĩ nhiên Vô Cực phải là: Chân Trung [13], Hoàng Trung [14], Chính Vị [5], là đầu dây mối rợ Vạn Tượng (Tổng Trì Môn), và cũng là điểm Thái Hòa, có thể hóa giải được mọi tương khắc,

tương dị (Huỳnh bà xá, Xá lợi tử) [15]

Vì Thượng Đế hư linh bất muội, là vĩnh cửu vô cương, vô hình, vô tượng, là nguồn mạch phát sinh mọi giá trị, mọi hạnh phúc, nên Vô Cực còn được gọi bằng những danh hiệu như: Viện Minh, Đơn, Châu [16], Hi Di Phủ, Hư Vô Chi Cốc, Cực Lạc Quốc v.v.. [17]

B. NHÂN CÁCH HÓA VÔ CỰC

Bàn về Vô Cực, về Hư vô có đủ hạng người: Có triết gia, đạo gia, quần chúng. Cho nên phương thế để hình dung, mô tả Tuyệt đối, mô tả Vô Cực cũng có nhiều loại, có thể là trừu tượng, có thể là cụ thể, có thể là vô ngã, có thể là hữu ngã. Quần chúng thường ưa nhân cách hóa Vô Cực để dễ bề quan niệm, hình dung:

Nho gia gọi là Trời, là Thượng Đế.

Đạo gia gọi là Trời, là Ngọc Hoàng.

Phật giáo gọi là Adibuddha (A đề Phật đà), Vairocana (Tì lư xá gia), hay (Tì lư già na) [18], hay Chakravarti (Monarque universel, Chuyển luân thánh vương). [19]

Kinh Guna Karanda Vyuha viết: «Khi chưa có gì, đã có Shambhu. Đó là đấng tự hữu, và vì đấng tự hữu có trước hết nên gọi là Adibuddha. Tông phái ở Nepal gọi Adibuddha là Vô cùng, thông minh vô cùng, tự hữu, vô thủy, vô chung, căn nguyên vạn vật v.v...» [20]

Adi Buddha cũng được gọi là Vajradhara, mà Vajradhara là «Bất tử», chúa tể sinh xuất mọi huyền vi. [21] Cho nên, nếu ta tạm gác các danh từ ra một bên, mà chỉ giữ nguyên định nghĩa, ta thấy đạo giáo nào cũng tin có Tuyệt đối thể tự hữu, vô thủy, vô chung. [22]

C. TƯỢNG HÌNH VÔ CỰC

Các Đạo giáo Á Châu cũng như các nhà huyền học Âu Châu tượng trưng Vô Cực hay tuyệt đối bằng vòng tròn trống rỗng ○. [23]

Tượng hình bằng vòng tròn gợi ra được nhiều ý niệm.

1) Vòng tròn gợi hình ảnh một nguồn sinh bất diệt tung tỏa ra muôn phương.

2) Vòng tròn gợi ý niệm toàn thiện, toàn bích, viên mãn.

Hồng y Giáo Chủ Nicolas de Ceus cũng chủ trương rằng các thánh hiền xưa đã cố tượng trưng Thượng Đế bằng các hình, như bằng: đường thẳng vô cùng, bằng tam giác đều có ba góc vuông và cạnh dài vô tận, bằng hình tròn vô tận, bằng hình cầu vô tận. [24]

Tanon viết: «Vòng tròn là tượng trưng của tuyệt đối vì vòng tròn là chân nhất căn nguyên cùng đích muôn loài... gợi nên một hình muôn bề muôn phía như nhau. Chu vi vòng tròn tượng trưng một sự hiện diện trừu tượng vô hình, không bao giờ ai thấu nổi vì không có đầu đuôi, nhưng thực ra vẫn xác định.» [25]

Dùng vòng tròn trắng tượng trưng Vô Cực, Tuyệt đối thể, tiền nhân đã nói lên được nhiều điều huyền diệu:

1) Trước khi chưa có đất trời, chỉ duy có Vô Cực; các ngài vẽ:

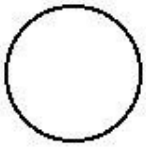

2) Khi Tuyệt đối thể hiển dương, tạo thành vũ trụ, các ngài lồng Vô Cực Thái Cực trong guồng máy âm dương, phản phúc, thăng giáng, vãng lai. Các ngài vẽ:

3) Khi có vạn hữu, có ngũ hành, Vô Cực vẫn y nguyên giữa lòng trời đất; các ngài vẽ:

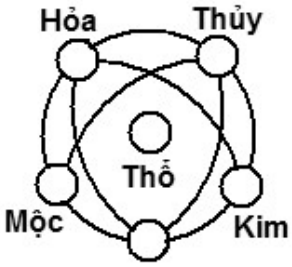

4) Định mạng vũ trụ cũng như định mạng nhân loại là phải trở về kết hợp với Vô Cực, Tuyệt đối, nên các ngài vẽ trạng thái giác ngộ, viên giác, kim đơn hay huyền châu, Thánh thai cũng bằng hình tròn ○. [26]

Thiết tưởng không gì rõ ràng và ý vị hơn. [27]

Eckhart mô tả trạng thái «Hoàn hư» ấy như sau: «Tới giai đoạn thứ sáu, con người đã rũ bỏ hết cá tính và sống vĩnh cửu trong Thiên Chúa; vì đã đạt tới hoàn thiện, con người đã quên hết cuộc sống phù du phiến diện; con người đã trở thành phản ảnh Thượng Đế, trở thành Thiên tử. Đó là trình độ vô thượng, tối thượng tĩnh lãng, hạnh phúc vô biên, trường cửu...» [28]

D. PHÂN LOẠI TÍNH DANH VÔ CỰC

Để có những nhận thức rõ ràng về Vô cục ta có thể phân loại các từ ngữ tính danh, hình dung Vô Cực thành những đề mục sau:

1. Vô Cực: Tuyệt đối bất khả tư nghị: Hư vô, Vô thanh vô xú, vô phương sở v.v.

2. Vô Cực: Căn nguyên của Vạn vật: Tạo hóa chi nguyên, Tổ khiếu, Toàn thể, Tạo hóa tuyền quật

3. Vô Cực: Nhất thể bất khả phân: Hồng mông, Hỗn Độn, Bất nhị pháp môn

4. Vô Cực: Cùng đích Vạn vật: Qui căn khiếu, Phục mệnh quan.

5. Vô Cực: Trường sinh linh dược: Đơn, Kim đơn

6. Vô Cực: Đạt đạo, đạt đích của Thánh nhân: Phục qui Vô Cực, Luyện thần hoàn hư, Vô ý, Vô ngã, Vô tất, Vô cố, Vô dục, Vô niệm, Vô vi, Vô gián [29]

7. Vô Cực: Chủ tể quần sinh: Tiên Thiên Chủ Nhân, Vạn Tượng Chủ Tể.

8. Từ ngữ Thảo mộc dùng để tả Vô Cực: Căn, Đế.

9. Từ ngữ Kiến trúc dùng để tả Vô Cực: Hoàng trung cung, Hi Di Phủ, Huỳnh Đình, Tổng Trì Môn, Huỳnh Bà Xá, Mậu Kỷ Môn.

10. Từ ngữ Thời gian dùng để tả Vô Cực: Tiên Thiên.

11. Từ ngữ Triết học dùng để tả Vô Cực: Sinh thân chi nguyên, Thụ khí chi sơ, Tính mệnh chi cơ, Vạn hóa chi tổ, v.v...

12. Từ ngữ Nho gia dùng để tả Vô Cực: Vô Cực, Hoàng Trung, Chính vị, v.v.

13. Từ ngữ Đạo gia, Đơn gia dùng để tả Vô Cực: Tiên thiên nhất khí, Hỗn nguyên chi tinh, Đơn, Linh quang.

14. Từ ngữ Phật giáo dùng để chỉ Vô Cực: Tịnh thổ, Tây phương, Châu, Viên giác, A đề Phật Đà, Uy âm, Xá lợi tử, v.v..

15. Danh từ số học, phương pháp hình học dùng để chỉ Vô Cực: Nhất [30], Vòng tròn rỗng ○, v.v...

Ta cũng nên ghi nhận rằng trên phương diện lý thuyết ta có thể phân biệt Vô Cực, Thái Cực, nhưng trên phương diện thực hành Vô Cực và Thái Cực thường cũng được coi như nhau, nên các danh từ cũng thường dùng lẫn lộn. Hiểu Vô Cực tức là hiểu Thái Cực.

CHÚ THÍCH

[1] Xem phụ lục 2.

[2] Tiên thiên nhất khí tại hồng mông, Vô tượng vô hình bất lạc không. 先 天 一 氣 在 鴻 濛, 無 象 無 形 不 落 空. — Tượng ngôn phá nghi trang 7a

Tiên thiên nhất khí tự Hư vô. — Tiên học trang 51.

[3] Đơn đạo hữu nhất cá chuyên môn tự «khí»... Tòng vô tòng hỏa. Giải thích thị: Nguyên khí, hư vô nhất khí, tòng khan bất kiến, mô bất chước đích, hư không trung nhi lai đích... Hoài Nam Tử vân: khí nãi hoạt lực, vũ trụ chi sinh mệnh. 丹 道 有 一 個 專 門 字 炁. ... 從 無 從 火. 解 釋 是: 元 氣 虛 無 一 氣 從 看 不 見, 摸 不 著 的, 虛 空 中 而 來 的 ... 淮 南 子 云 炁 乃 活 力, 宇 宙 之 生 命. — Đơn đạo mạn đàm, trang 49, 50 .

[4] Giác dã giả, vô thanh xú, bất đổ bất văn giả dã; vô thanh xú bất đổ văn thị Vô cực dã. Vô cực tắc vô cùng tận, vô phương thể, khuếch nhi lục vũ sung; Vĩnh chi nhi vạn cổ tồn; sơn hà hữu canh, thử giác bất cải, lưỡng đại hữu tận thử giác mĩ cùng. 覺 也 者, 無 聲 臭, 不 睹 不 聞 者 也. 無 聲 臭 不 睹 聞 是 無 極 也. 無 極 則 無 窮 盡, 無 方 體, 廓 之 而 六 宇 充. 永 之 而 萬 古 存. 山 河 有 更, 此 覺 不 改. 兩 大 有 盡 此 覺 廱 窮. — Dữ Lâm Phấn Thiên tiên sinh thư, trang 2a.

[5] Kỳ danh tuy nhiên xưng chi viết Tinh, kỳ lý bản tự vô hình, nhân tĩnh trung động nhi ngôn chi viết Nguyên tinh hĩ. Đương kỳ vị động chi tiền. Hồn nhiên không tịch. Thị chi nhi bất kiến, thính chi vô thanh, diệc phi tinh dã, diệc phi vật dã, vô khả danh nhi danh, cố danh chi viết Tiên thiên Dịch viết, Vô cực chi thời. Tủ thời tắc thần tịch cơ tức, vạn vật qui căn, thử chính vị chi Hư cực tĩnh đốc. — Kim tiên chứng luận, trang 6.

[6] Tiện khả danh nhi hữu kỳ danh, cố danh chi viết Đạo. Dịch viết Thái cực thời dã. Nhân thử cơ nhất manh, viết Nguyên Khí dã. 便 可 名 而 有 其 名, 故 名 之 曰 道. 易 曰 太 極 時 也. 因 此 機 一 萌 曰 元

氣 也. — Ngũ Liễu tiên tông toàn tập - Kim tiên chứng luận, trang 6b

«Avant la création, disent les textes védantins, il n'y avait rien que Brahman, l'être pur, le non manifesté, l'indifférencié, Maha Bindu le Point Suprême, l'énergie conscience Potentialité. — Cf. Sénard, Le Zodiaque, page 10.

[7] Tiên thiên chi học tâm dã. Hậu thiên chi học tích dã. 先 天 之 學 心 也. 後 天 之 學 跡 也.

[8] Quand on pense à l'etre suprême sous son aspect inactif (nishkriya) on le nomme Dieu absolu (Shaddha Brahma) et quand on le représente sous son aspect actif créant, soutenant et détruisant, on le nomme Shakti ou divinieté personnelle. — L'enseignement de Ramakrishna, p.475

...Les grandes lignes du déroulement de l'ontologie telle que l'enseignment les doctrines de l'Inde se retrouvent en d'autres enseignments dits sacrés, notamment dans la Genèse biblique et dans la Caballe des Hébreux.

Dans la Genèse, de l'Unique (Dieu) naissent la Lumière et les Ténèbres puis par divisions successives, tous les mondes et tous les êtres. Dans la Cabale, Dieu l'inconnu, le Néant, le Rien (pour notre intelligence) crée le monde par l'intermédaire des dix séfiroths hiérarchisés en trois triades qui correspondent aux divers «mondes». Toujours on retrouve l'Unique inconcevable à l'esprit humain existant avant toute manifestation ou différentation, devenant l'Unique concevable, le point d'où sortent progressivement les différentes formes intangibles, puis tangibles de l'Univers. — Senard, Le Zodiaque, pages 11,12.

[9] Tạo hóa chi nguyên. 造 化 之 源.— TMKC Q. Hanh, trang 9

...Tổ khiếu Cf TMKC Hanh, trang 9.

[10] TMKC q. Hanh, trang 9 .

[11] Thái cực chi đế 太極之蒂. Hỗn độn chi căn 混 沌 之 根. — TMKC, trang 9.

[12] Tạo hóa tuyền quật 造 化 泉 窟. — TMKC, trang 8.

[13] Vô cực giả chân trung dã 無 極 者 真 中 也 (TMKC quyển Hanh, trang 9b.

[14] Vô cực: Hoàng trung: Qui trung: Chính vị: Đơn cục 無 極 : 黃 中 : 歸 中 : 正 位 : 丹 局. TMKC Quyển Hanh, trang 8 .

[15] Ib. trang 9

... Giá cá khiếu tuyệt trung biên, vô nội ngoại, thượng hạ viên, Đông Tây hợp, Nam Bắc tuyền, Hội thử ý, tiện thành tiên. 這 個 竅 絕 中 邊, 無 內 外, 上 下 圓, 東 西 合, 南 北 全, 會 此 意 成 仙.— TMKC Quyển Hanh, trang 8.

Dịch:

Khiếu này chẳng giữa chẳng bên,

Trong ngoài chẳng có, dưới trên một vành

Đông Tây chưa có phân trình

Bắc Nam đoàn tụ chưa thành đôi nơi,

Hiểu ra hạnh phúc mấy mươi,

Thiên tiên âu cũng duyên trời xưa nay.

...Xá lợi tử, sắc bất dị không không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc. — Chu dịch xiển chân trang 6 (bài Trung đồ).

[16] Hư vô chi cốc, Tạo hóa chi nguyên, Bất nhị pháp môn, Thậm thâm pháp giới, Qui căn khiếu, Phục mệnh quan, Trung Hoàng cung, Hi di phủ, Tổng trì môn, Cực lạc quốc, Hư không tạng, Tây Nam hương, Mậu kỷ môn, Chân nhất xứ, Huỳnh bà xá, Thủ nhất đàn, Tịnh thổ, Tây phương, Hoàng trung, Chính vị, giá cả, Thần thất, Chân thổ, Huỳnh đình chủng chủng dị danh, nan dĩ tất cử. 虛 無 之 谷, 造 化 之 源, 不 二 法 門, 甚 深 法 界, 歸 根 竅, 復 命 關, 中 黃 宮, 希 夷 府, 總 持 門, 極 樂 國, 虛 空 藏, 西 南 鄉, 戊 己 門, 真 一 處, 黃 婆 舍, 守 一 壇, 靜 土, 西 方, 黃 中, 正 位, 這 箇, 神 室, 真 土, 黃 庭, 種 種 異 名 難 以 畢 舉. — Tính Mệnh Khuê Chỉ (TMKC) Quyển Hanh trang 8.

[17] Xem chú thích ở trên.

[18] Adi buddha was called Isvara but he was also given such special name as Vairocana, Vajrapani, Vajradhara and Vajrasattva. — Cf. The god of Northern Buddhism page 2.

— Cf. Trung Anh Phật học tử điển nơi chữ A đề phật đà, trang 288.

[19] Cf. René Guénon, Le Roi du monde, page 18.

[20] In the Guna Kâranda Vyuha it is written: «When nothing else was, Sambhu was; that is the Self Existent (Svayambhu): and as he was before all, he is also called Adi Buddha...

The Nepalese school supposed an Adi Buddha infinite, self existing, without beginning and without end, the source and originator of all things... — Alice Getty The Gods of northern Buddhism p.2

...Adi Buddha.. is associated.. with Vajradhara or Vajrasattva who are considered as identical, and spoken of as omniscient, omnipotent, eternal, infinite, uncaused and causing all things. — Cf. Trung Anh Phật học tự điển trang 288

Adi Buddha, The first Buddha, the primary Buddha, Buddha from the beginning, Buddha unoriginated, existing by himelf... Adi Buddha resembles Brahma. — Prof. Hyman Kublin, A Dictionary of Chinese mythology, page 1 et ss.

[21] Vajradhara, the «indestructible» lord of all mysteries master of all secrets is an exoteric representation of Adi Buddha. — The Gods of Northern Buddhism, page 4.

[22] Đây là định nghĩa về Thiên Chúa của công đồng Vatican I: «La sainte Eglise catholique Apostolique Romaine croit et confesse qu'il y a un seul Dieu vrai vivant, Créateur et seigneur du Ciel et de la terre, tout puissant, éternel, immense, incompréhensible, infini en intelligence, en volonté et en toute perfection, qui étant une substance spirituelle unique par nature, tout à fait simple et immuable, doit être déclaré distinct du monde en réalité et par son essence, bienheureux en lui même et par lui même et élevé indiciblement au dessus de tout ce qui est et peut se concevoir en dehors de lui.» — Cf. Claude Tresmontant, Les Idées maîtresses de la métaphysique chrétienne, page 27.

[23] Chu Liêm Khê tượng trưng Vô cực bằng vòng tròn. Xem: Tống nguyên học án - Chu Liêm Khê học án (hạ). Thái cực đồ thuyết trang 1, 2, 3.

Các đạo gia cũng vậy:

xem a) Kim đơn đại thành tập trang 1

b) Tính mệnh khuê chỉ quyển hanh trang 9

Vòng tròn vừa là tượng hình Vô cực vừa là tượng hình Thái cực.

Xem: Chu Dịch xiển chân trang 6. Chương tiên thiên hoành đồ.

... Cổ nhân cưỡng đồ chi dĩ ○. Cưỡng danh chi viết Đạo, viết Hư vô, viết Tiên thiên nhất khí, viết Vô cực, viết Thái cực. 古 人 強 圖 之 以 ○. 強 名 之 曰 道, 曰 虛 無, 曰 先 天 一 氣, 曰 無 極, 曰 太 極.— Ib. trang 16 (Kim đơn đồ).

[24] Le très pieux Saint Anselme compare la vérité maxima à la rectitude infinie et que nous suivrons en recourant nous aussi à la figure de la rectitude qui correspond à notre imagination, à une ligne droite. D'autres auteurs excellents ont comparé à la Trinité très Sainte le triangle équilatéral qui aurait trois angles droite... D'autres s'efforcant de figurer l'unité infinie, ont appelé Dieu cercle infini. D'autres enfin, considérant l'existence absolument actuelle de Dieu, l'ont comparé à une sphère infinie. — Cf. Giuseppe Bufo Nicolas de Cues page 100.

[25] Le cercle, symbole de l'Absolu. On symbolise l'Absolu par le cercle blanc sur fond noir. Le cercle lui même, dans son entier, est l'Unité divine dont tout procède, où tout retourne, non seulement parce qu'il a forme d'un oeuf évoquant ainsi l'idée de matrice mais parce que c'est la forme géométrique la plus représentative de ce qu'on pourrait appeler un « égal infini dans toutes les directions «. Sa circonférence indique la présence abstraite à jamais inconnaissable parce qu'elle n'a ni commencement, ni fin et est cependant définie. — A Tanon, Théosophie et Science, page 44.

[26] L'ontologie antique considère le Pôle Nord comme le berceau de la vie. Dans le Roi du Monde (p.18) R. Guénon dit que le Chakravarti ou «celui qui fait tourner la roue», c'est à dire celui qui est placé «au centre de toutes choses, en dirige le mouvement sans y participer lui même», correspond au « moteur immobile « d'Aristote... — M. Senard, Le Zodiaque, page 21 .

[27] Trong quyển Chu Dịch xiển chân chương kim đơn đồ ta thấy cổ nhân dùng một hình tròn tượng trưng cho: Vô cực, Thái cực, Hư vô nhất khí, Tính mệnh, Đơn.

...Tựu thị giá cá ○ nhi dĩ. Nhi vị chi Nhân. Dịch viết Vô cực. Thích vị chi Châu, diệc viết Viên Minh. Đạo vị chi Đơn, diệc viết Linh quang, giai chỉ tiên thiên chân nhất chi khí. — Tính mệnh pháp quyết minh chỉ quyển nhứt, trang 4 .

[28] Au sixième degré, l'homme est dépouillé de lui même et revêtu de l'éternité de Dieu, parvenu à la perfection complète; il a oublié la vie temporelle avec tout ce qu'elle a de périssable; il a été entrainé et transformé en une image divine; il est devenu un enfant de Dieu. Il n'y a pas d'autre degré, de degré supérieur; là est le repos éternel, la béatitude. Car le but dernier de l'homme intérieur, de l'homme nouveau est la vie éternelle. — Maître Eckhart Traités et Sermons, p.107.

[29] Cf. Đại Đỗng Chân kinh quyển hạ, trang 23b.

Nhất chân vị tạc vị chi hỗn độn. — Xướng đạo chân ngôn quyển II, trang 9.

[30] Thượng thanh Huỳnh đình nội cảnh kinh.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 | phụ lục 1 2 | STK

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 **3** 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 **4** | phụ lục 1 2 | STK

Phần 3

VÔ CỰC LUẬN

chương trước chương sau

Chương 4. Những hậu quả của quan niệm Vô Cực

Thuyết Vô Cực nay đưa ra những hậu quả hết sức quan trọng:

1. Người Á Châu đề cập tới Vô Cực, tới Hư vô tức là tới Thượng Đế vô hình tượng bất khả tư nghị, tới Tuyệt đối thể vô gián, vô hình, vô tượng.

Người Âu Châu ngoại trừ một số triết gia lỗi lạc một số học giả uyên thâm, phần đông không hiểu biết gì về Vô Cực, về Hư vô, nên không thế nào hiểu được các thánh hiền Đông Á, ngược lại họ cho người Á Châu không hiểu biết gì về Thượng Đế, về siêu hình Đó là một lỗi lầm hết sức lớn lao của các học giả chuyên nghiệp Âu Châu, lỗi lầm mà các nhà tư tưởng lỗi lạc Âu Châu như G.G. Jung, René Guénon đã nhận định thấy.

2. Nói tới Vô Cực, tức là chỉ nguyên nói tới Thượng Đế khi chưa có van vật vạn hữu, tức là mới bàn đến tiên thiên (avant la manifestation), chưa bàn đến hậu thiên (après la manifestation) ([1])

3. Những vấn đề triết học và đạo giáo được nêu ra sẽ là:

a) Nếu Vô Cực là Hư vô, vô gián vô phương vô hình tướng, thì làm sao tạo thành vũ trụ, vạn vật, hữu hình hữu tướng.

b) Sau khi tạo thành vạn hữu thì Vô Cực tăng giảm ra sao?

c) Vạn hữu liên quan thế nào đến Vô Cực.

d) Định mệnh vạn hữu và con người sẽ ra sao?

e) Như vậy là sẽ phải đề cập đến những vấn đề:

Căn nguyên của vũ trụ.

Biến hóa của vũ trụ.

Cùng đích của vũ trụ.

4. Từ Vô Cực ra tới vạn hữu có một trung gian là Thái Cực.

Thái Cực tức là Đạo, là Logos, là «Ngôi Hai» theo danh từ các triết học, các đạo giáo Tây phương.

Thái Cực được gọi là Trung gian.

Vì Thái Cực là sự hiển dương của Vô Cực.

Vì Thái Cực sẽ phát sinh ra vạn hữu, sẽ lồng trong vạn hữu, như vậy vạn hữu lại là sự hiển dương phân hóa của Thái Cực.

Thái Cực, vì lồng trong vạn hữu, nên y như đã tự giới hạn mình vào trong khuôn khổ vũ trụ không gian thời gian; vả lại hiển dương tức là đã chịu một giới hạn nào.

Thay vì đề cập ngay tới những cung cách Vô Cực, Thái Cực sinh hóa ra vạn hữu ta tiếp tục lý luận trên bình diện lý thuyết:

a) Nếu Vô Cực là vô gián (continu), thì dẫu có vũ trụ, hay không có vũ trụ, Vô Cực cũng không thể nào tăng giảm được gì.

Vô cục tất nhiên vô thủy chung.

Mà khi đã có vũ trụ vạn vật rồi, những hình hài, sắc tướng cũng không ngăn chặn qua phân được Vô Cực.

Thành thử Vô hạn, Vô Cực, vừa ở trong, vừa ở ngoài Hữu hạn

Vô hạn y như là một trùng dương, mà hữu hạn như là những làn sóng nhấp nhô, trên mặt. [2]

Các khoa học gia đã bắt đầu nhận thức được thực thể siêu vi, vô hạn ấy. [3]

Các nhà huyền học suy luận thêm rằng: nếu Vô Cực là vô gián, trường tồn bất biến và là căn để muôn loài, thì dĩ nhiên có tôi rồi, hay chưa có tôi, Vô Cực ấy vẫn nguyên vẹn.

Như vậy trong người chúng ta có một nguyên thể bất biến. Dưới lớp lang hình hài, tâm trí của ta có một thực thể siêu vi, vĩnh cửu, vô biên. Các nhà huyền học gọi đó là Bản lai diện mục.

Lại nữa vũ trụ vạn hữu không thể là những hữu thể khác biệt với Vô Cực, với Thượng Đế, với bản thể tuyệt đối được, chẳng vậy Tuyệt đối sẽ trở thành tương đối; vô biên, vô gián sẽ trở thành hữu hạn, gián cách.

Cho nên vạn hữu chỉ có thể là những hiện tượng của Thượng Đế, vũ trụ là hiện thân của Thượng Đế. [4]

Sự vô biên tế của Thượng Đế đã được vua David ca tụng trong thánh vịnh 139 như sau:

«Thần trí Chúa ai mà trốn khỏi

Lánh mặt người biết tới nơi đâu ?

Lên trời gặp Chúa trên cao.

Xuống mồ gặp Chúa dưới sâu đất dày.

Mượn hừng đông cánh bay khoảnh khắc,

Tôi tới miền xa lắc biển khơi,

Nơi đây vẫn Chúa đưa tôi,

Bàn tay hữu Chúa nắm người tôi liên.

Dù tôi gọi bóng đêm hãy đến,

Phủ vây tôi ngày biến thành đêm.

Chúa trong u tối rõ nhìn,

Ban đêm sáng tỏ như in ban ngày...» [5]

Thượng Đế cũng phán: «Ta không tràn ngập đất trời sao?» [6]

Sách Minh triết chép: «Thần linh Thiên chúa chứa đày không gian, và đấng thống nhất muôn vật thấu suốt mọi sự con người nói.» [7]

Jacob Boehme cũng chủ trương vạn hữu chẳng qua chỉ là biểu tượng của Thượng Đế, và Thượng Đế tràn ngập vũ trụ. [8]

Cho nên Vô Cực, Hư vô là Thượng Đế bất khả tư nghị, là nguồn gốc muôn vật. Vạn tượng, vạn hữu luân lưu trên giòng biến thiên chuyển vận không phải là lung tung vô chiều hướng, mà chính là để phục hồi nguyên bản.

Dịch Kinh viết: «Nguyên thủy phản chung» [9] «Nguyên thủy sẽ trở thành cùng đích» là vì vậy.

Nếu nguyên thủy đã là Vô Cực là Trời, thì cùng đích cũng lại là Trời là Vô Cực. Đó là vòng tuần hoàn vô biên, biến dịch của Tạo hóa và của vũ trụ.

Các nhà huyền học từ Đông sang Tây đều đồng thanh ghi nhận con người phải tìm ra căn để tâm hồn mình và cần phải tu luyện để trở về kết hợp với Hư vô với Thượng Đế vô hình tích.

Niềm tin, cũng như lòng nguyện ước của các thánh hiền đạo Lão là:

Phục qui Vô Cực [10]

Luyện thần hoàn Hư [11]

Đạo Đức Kinh viết:

Muôn loài sinh hóa đa đoan,

Rồi ra cũng phải lai hoàn bản nguyên

Hoàn bản nguyên qui nguyên phục mệnh

Phục mệnh rồi trường vĩnh vô cùng [12]

Sách «Tứ bách tự giải» có câu: «Đả phá Hỗn độn, khiêu nhập Hư vô.» [13]

«Phanh phui Hỗn độn, băng chừng Hư vô» cũng không ngoài ý đó.

Chu Liêm Khê viết: «Từ Vô Cực mà suy luận tới vạn vật tức là suy luận ra đầu đuôi của trời đất. Từ vạn tượng suy ngược Vô Cực, tức là đầu đuôi của thánh nhân.» [14]

Các nhà Huyền học nhờ suy luận về Vô Cực vô trụ, vô biên tế nên đã giác ngộ.

Kinh Kim Cương viết: «Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm.» [15] (Tìm nơi không dựa nương mà sinh tâm).

Thưa đó là Bản thể tuyệt đối, là Thượng Đế. Câu trên có thể giải nôm na là phải biết sống kết hợp với Tuyệt đối thể, mới được trường tồn.

Lục tổ Huệ Năng nhờ nghe câu này mà giác ngộ. (Xem Pháp bảo đàn kinh Tự tư Phẩm đệ nhất, Kinh Kim Cương chương X.)

Các nhà huyền học tìm ra Vô Cực trong thâm tâm bằng lý luận sau: Vô Cực là vô gián, mà tư tưởng ta thì gián đoạn; nhưng gián đoạn phải dựa vào vô gián mới có thể phát sinh, vì vậy Vô Cực phải nằm sẵn trong tâm khảm ta. Ta có thể thấy Vô Cực vô gián vô sai biệt ấy trong những khi ta không có tư tưởng gì

trong tâm tư, hay trong những khi tư tưởng này đã ngừng và tư tưởng kia chưa hiện.

Vô Cực vô gián vô sai biệt ấy chính là Bản lai diện mục, Chân như bản tính hay Bản nguyên tự tính của các nhà huyền học Phật giáo. [16]

Thần Hội tìm ra Tuyệt đối trong thâm tâm nhờ nhận định sau đây: Có tư tưởng tức là đã nhập vòng sinh diệt, hình thức sắc tướng, nhưng tư tưởng ta sinh ra là do tuyệt đối thể, mà tuyệt đối thể ấy luôn im lìm bất động, dù cho ta có hoạt động, có suy tư đến bao nhiêu cũng vậy. Thế tức là Vô niệm là căn nguyên cho hữu niệm. [17] Tìm ra được Vô niệm tức là tìm ra được bản tâm, bản tính, tìm ra được Vô Cực, được Tuyệt đối. [18]

Hành Dương đạo nhân viết trong quyển Thượng phẩm đơn pháp đại khái như sau: Các quan năng ta đều do một căn nguyên trong người sinh xuất, căn nguyên ấy chính là ngọc châu vô giá, tìm đức căn nguyên ấy là quay trở được về Hư vô. [19]

Ta có thể vẽ như sau:

Công phu tu luyện của tiền nhân, tuy có những danh từ đa đoan khác biệt như: Nội quan (Lão), Phản chiếu (Lão), Tri chỉ (Nho), Quan tâm (Thích).

Nhưng mục đích vẫn là vượt khỏi cái tâm tri giác để trở về «thiên địa chi tâm», về nơi phát xuất ra tinh thần vật chất, tâm trí, hình hài; trở về bản thể vũ trụ. [20] Các nhà huyền học Hồi Giáo cho rằng thánh nhân phải biết tẩy trừ hết mọi trần cấu, mọi niệm lự, để tâm hồn chỉ còn hàm tàng nguyên có Thiên chúa bên trong. [21]

Eckhart cho rằng nếu tẩy trừ nhân vi, nhân tạo, thì thiên chân hiện ra sáng quắc, sáng ngời. [22]

Thánh Jean de la Croix mô tả con đường thánh, thiện tuyệt hảo đưa tới Thượng Đế toàn bằng chữ Hư vô, Hư không. Ngài viết: «Từ khi tôi ở trong Không, tôi không còn thiếu gì hết.» [23]

Vì hiểu Vô Cực, Hư vô là bản thể căn nguyên vũ trụ các nhà Huyền học chú trọng đến công trình trở về nguồn gốc.

Các ngài gọi thế là: Phục thần hoàn Hư, Phục qui Vô Cực, Qui nguyên Phản Bản, v.v..

«Hoàn Hư, Phản Bản» suy ra là tìm lại được bản thể chân thực của mình [24], sống đời sống của Hóa công. [25] Tóm lại hiểu Vô Cực tức là hiểu căn nguyên vũ trụ, và con người. Tìm được căn nguyên vũ trụ và con người, sẽ tìm ra được con đường phản hoàn nguyên thể. [26]

Tổng kết lại: Vô Sắc Tướng sinh ra Hình Thức Sắc Tướng; Hình Thức Sắc Tướng đảo ngược lại sẽ thành thế Phản Hoàn Hồi Phục, chung qui vẫn là phải rũ bỏ hết mọi sự giả tạo hình thức bên ngoài mới tìm ra được Chân Thể. [27]

Cuối thiên khảo luận này, tưởng chỉ nên suy nghĩ ý tứ thâm trầm của điển tích «Tượng Võng Đắc

Huyền Châu» của Nam hoa kinh. [28]

CHÚ THÍCH

[1] L' Advaitiste dit: Tout n'est il pas Brahman quand le nom et la forme ont été enlevés? Vivekananda Les yogas pratiques, page 219.

[2] Hiện tượng chi ngã dữ bản thể chi Phật, do chi thủy dữ ba. ... Cái ba tắc hữu sinh diệt thủy chung, nhi thủy tắc vô thủy vô chung dã. Vũ trụ chi hiện tượng hữu sinh diệt, hữu thủy chung, nhiên kỳ bản thể tác bất sinh, bất diệt, bất tăng, bất giảm. Thử bản thể vị chi Chân Như, hiện tượng vị chi vạn pháp. 現相之我與本體之佛猶如水與波.... 蓋波則有生滅始終, 而水則無始無終也. 宇宙之現相有生滅, 有始終, 然其本體則不生不滅不曾不減. 此本體謂之真如, 現相謂之萬法. — Leon Wieger HCROPC, pages 546 - 548.

[3] La science la plus sérieuse la physique, arrive à la conclusion que le réel du savant n'est qu'une mince pellicule qui recouvre la vraie réalité. Les vagues ne sont pas l'océan, mais l'océan existe.

Le professeur Wheeler, dans son ouvrage Topics of modern physics, montre que le véritable océan, la réalité essentielle, est composé de tourbillons extrêmement petits et de dimensions différentes. Ces tourbillons sont tous plus petits qu'une longueur d'onde fondamentale. — L: 1, 6 (10 to negative 33 power) cm

... Ce monde des tourbillions qui constitue le véritable réel porte des noms divers suivant les savants qui l'ont étudié. On peut l'appeler à volonté «océan de Dirac», «milieu subquantique» de Louis de Broglie, Bohn et Vigier, «espace topologique spécial « de Wheeler Planète No 19, page 48.

[4] Corpus symbolicum. — Cf. G.G. Scholem, Les grands courants de la mystique juive, page 40.

[5] Cf. Thánh Vịnh toàn tập (Mai Lân) trang 288.

Où vais je loin de ton esprit,
Où fuirai je loin de la face !
Si j'escalade les cieux, tu es là,
Qu'au schéol je me couche, te voici ;
Je prends les ailes de l'aurore,
Je me loge au plue loin de la mer
Même là, ta main me conduit,
Ta droite me saisit.
Je dirai: «Que me couvre la ténèbre
Que la lumière sur moi se fasse nuit»
Mais la ténèbre n'est point ténèbre
Et la nuit comme le jour illumine

(Bible de Jérusalem p. 78)

[6] Est ce que le ciel et la terre, je ne les remplis pas ? Oracle de Yahvé. — Jérémie 23, 24.

[7] Cf. Gerard Gagnon Triết minh thánh kinh Minh triết I, 7

... L'esprit du Seigneur en effet remplit l'Univers, et lui, qui tient unies toutes choses, sait tout ce qui se dit.

Le livre de la Sagese 1, 7

La Bible de Jérusalem page 870.

[8] Jacob Boehme, Mysterium Magnum, pages 49-50

Jacob Boehme, Mysterium Magnum, 142.

[9] Nguyên thủy yếu chung. 原 始 要 終.— Dịch Hệ từ hạ chương IX.

[10] Phục qui ư Vô cực. 復 歸 無 極 .— Lão tử Đạo Đức Kinh chương 28.

[11] Cf. Tính mệnh pháp quyết quyển 4 trang 3.

[12] Lão Tử Đạo Đức Kinh chương 16.

[13] Cf. Tứ bách tự giải trang 86.

[14] Tự Vô cực thuyết đáo vạn vật thượng, thiên địa chi chung thủy dã. Tự vạn sự phản đáo Vô cực thượng, thánh nhân chi chung thủy dã. 自 無 極 說 到 萬 物 上, 天 地 之 終 始 也. 自 萬 事 反 到 無 極 上 聖 人 之 終 始 也 .— Tống Nguyên học Án quyển 12 Liêm Khê học án (hạ). Thái cực đồ thuyết trang 2a.

[16] Cố tri vạn pháp tận tại tự tâm trung, đốn kiến Chân như bản tính. 故 知 萬 法 盡 在 自 心 中, 頓 見 真 如 本 性. — Pháp Bảo đàn kinh trang 15a.

[17] Jacques Gernet, Entretien du Maître de Dhyana Chen Houei du Ho Tso (668 - 760)

[18] Lorsqu'on voit l'absence de pensée, on est maître de toutes choses, lorsqu'on voit l'absence de pensée, on embrasse toutes choses (Notes 17)

Jacques Gernet, Entretiens du maître de Dhyana Chen Houei du Ho Tso (668 - 760)

> ...Tiên lập vô niệm vi thể, vô tướng vi thể, vô trụ vi bản.

Pháp bảo đàn kinh Diệu hạnh phẩm 24b.

> ... Ư chư cảnh thượng tâm bất nhiễm viết vô niệm.

Ibid. 25a.

[19] Cổ nhân vân: Hữu nhất bảo châu bế tại hình sơn. Thù bất tri thử nhất bảo châu tức tại lục căn môn trung; thời thời phóng đại quang minh. Nhân đa bất ngộ, sở dĩ hư sinh lãng tử. Ngô kim chỉ xuất lộ đầu hiển nhiên minh bạch. Nhân thân tuy hữu lục căn tổng tòng nhất căn sở phát. Cơ yếu duy thị tam nguyên hỗn nhất, tứ tượng hợp hòa, qui vu Hư vô. 古 人 云: 有 一 寶 珠 閉 在 形 山. 殊 不 知 此 一 寶 珠 即 在 六 根 門 中; 時 時 放 大 光 明. 人 多 不 悟 所 以 虛 生 浪 死 . 吾 今 指 出 路 頭 顯 然 明 白. 人 身 雖 有 六 根 總 從 一 根 所 發. 機 要 惟 是 三 元 混 一, 四 象 合 和, 歸 于 虛 無 . — Thượng phẩm đơn pháp, trang 2b, 3a.

[20] Thánh thánh tương truyền bất ly phản chiếu. Khổng vân tri chỉ. Thích hiệu quan tâm, Lão vân nội quan. Giai thử pháp dã. ... Phản giả: tự tri giác chi tâm phản hồ hình thần vị triệu chi sơ, tức ngô lục

xích chi trung, phản cầu cá thiên địa vị sinh chi thể... 聖 聖 相 傳, 不 離 反照. 孔 云 知 止. 釋 號 觀 心, 老 云 内 觀 . 皆 此 法 也. ... 反 者: 自 知 覺 之 心 反 乎 形 神 末 兆 之 初, 則 吾 六 尺 之 中, 返 求 個 天 地 末 生 之 体. — Thái nhất kim hoa tông chỉ, trang 5.

[21] L'indice du sage est d'être vidé (du souci) de ce monde et de l'autre... et de n'être occupé que de Dieu seul». — Cf. Louis Massignon, Essai sur les origines du Lexique technique de la mysstique musulmane p. 310.

[22] Maître Eckhart Traîtés et Sermon p.108.

[23] Ib. page 4.

[24] Reditio completa ad propriam essentiam (retour complet à l'essence propre: trở về tinh hoa bản thể). — Cf. Revue des Sciences philosophiques et théologiques tome XIIV Juillet 1960 page 409.

[25] (Cet état final) c'est le retour à notre origine...

«... Jonayd explique ce mot de retour à notre origine» par l'accès à la vie même du Créateur.

Louis Massignon MM. page 307.

[26] Moi, Yahvé qui suis le premier et serai avec les derniers (Isaie 41 4)

[27] Tout ce qu'il y a de plus élevé, de meilleur dans la création, recouvre et décolore en nous l'image de Dieu. «Enlevez la rouille de l'argent, dit Salomon, et alors luit et brille le vase le plus pur, l'image de Dieu dans l'âme. Maître Eckhart Traités et Sermons page 108.

[28] Hoàng đế du hồ Xích thủy chi bắc... di kỳ huyền châu... Nãi sử Tượng Võng. Tượng Võng đắc chi. 黃 帝 遊 乎 赤 水 之 北 ... 遺 其 玄 珠... 乃 使 象 罔. 象 罔 得 之. Ý nói: con người muốn tìm ra được Thượng Đế, được Tuyệt đối thể, phải biết siêu xuất lên trên mọi ý tình, hình thức, sắc tướng...

Nam Hoa Kinh NDC Chương XII Thiên địa p. 601

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 **3** 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 **4** | phụ lục 1 2 | STK

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 **3** 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 | phụ lục **1** 2 | STK

Phần 3

VÔ CỰC LUẬN

Phụ lục 1

50 BÀI THƠ VỊNH VÔ CỰC

TỔNG ĐỀ

Đạo Trời rộng rãi mênh mông,

Thái nguyên vô tượng, hình dung nhẽ nào.

Tịch nhiên chẳng thấy tiêu bao,

Hồng mông hồ dễ đón rào vây ngăn

Càng bàn, càng biệt hơi tăm,

Càng nhiều lời lẽ càng tăng mịt mù [1]

Tiềm tâm ngẫm nghĩ suy tư,

Rồi ra mới thấy duyên do gót đầu.

Hoa kia quả nọ vì đâu ?

Nếu không gốc gác làm sao sinh thành ? [2]

I

Đất trời chưa có, có Hư vô [3]

Hỗn độn [4], Hồng mông [5] chẳng bến bờ

Vạn vật nguyên lai đều gốc đó [6]

Muôn đời thần thánh ấy căn cơ [7]

Đại ý: Hư vô, Hỗn độn không phải là hư không, vô tổ chức, mà chính là thuần nhất, bất khả phân, là Tuyệt đối thể, nguồn gốc vạn vật, muôn thủa trường tồn, thần thánh muôn đời đều do căn cơ ấy tạo thành.

II

Hư vô kỳ thực chẳng hư vô [8]

Trời đất mênh mông chứa chẳng vừa [9]

Chủ tể muôn loài nguồn Tạo hóa [10]

Kim đơn, viên giác ấy căn do [11]

Đại ý: Tuyệt đối thể là nguyên thể chưa phát hiện thành hình tượng, nên tuy vô hình tượng, nhưng nào phải là hư vô. Tuyệt đối thể vô hạn, nên trời đất hữu hạn không chứa nổi; sinh xuất muôn loài, nên là chủ tể là nguồn gốc mọi vật mọi loài.

Tuyệt đối thể ấy cũng là cùng đích con người, là đạt đạo, đạt đích của con người, vì vậy gọi là Kim đơn (Lão) hay viên giác cũng không lạ.

III

Hư vô, vô tượng lại vô cùng [12]

Vẽ khó thành hình, tả chẳng thông [13]

Vô cực, Hoàng Trung, hay Giá cá [14]

Muôn nghìn biến ảo phải đâu không ? [15]

IV

Huyền quan vô sắc lại vô phương [16]

Vô hình vô tượng khó tri tường [17]

Mơ mòng phảng phất Chân nhân hiện [18]

Tên gọi Cốc thần, hiệu Thọ trường [19]

V

Huyền quan mới thực lạ lùng sao!

Chẳng nhiễm phàm thân, chẳng ở đâu [20]

Rong ruổi muôn phương, tìm chẳng thấy [21]

Thấy rồi gần gủi tại tâm đầu [22]

VI

Huyền quan một xứ phát muôn nơi,

Muôn nơi hợp lại vẫn không ngoài,

Huyền khiếu vần xoay thành vạn đại,

Thế vận hội nguyên một khắc thôi [23]

VII

Vô cực kim đơn có khác gì

Tinh toàn vằng vặc tỏa quang huy

Nơi ấy sắc, không, không mắc mối

Quang minh muôn thủa chẳng suy vi [24]

VIII

Sau màn hiện tượng, ẩn Hư vô [25],

Góc biển biến thiên ấy bến bờ [26],

Vô cực, Bản lai chân diện mục [27]

Đất trời chuyển động ấy căn cơ. [28]

IX

Thái hư, Chân ngã khác chi nhau

Sinh thành vạn vật đất trời thâu.

Bao gồm vạn hữu thông kim cổ

Vũ trụ tung hoành, chửa thấm đâu [29]

X

Huyền tẫn, Cốc Thần, Nhất với trung [30]

Hư vô chi cốc [31], Trung Hoàng cung [32]

Huỳnh đình [33], Chính vị [34], Hi Di phủ [35]

Tổ khiếu hư linh, tả chẳng cùng [36]

XI

Nhất khiếu Hư vô thiên địa trung.

Triền miên bí mật bất thông phong.

Hoảng hốt yểu minh vô sắc tượng

Chân nhân hiện tại bảo châu trung

Dịch:

Một khiếu Hư vô giữa đất trời

Triền miên bí mật tự bao đời

Yểu minh phảng phất không hình tượng,

Trong ngọc Chân nhân hiện sáng ngời.

Đại ý: Người xưa tượng trưng Vô cực bằng một vòng tròn trống rỗng ○, vì là vô hình tượng, vô sắc tướng, nhưng thực ra đấy chính là chủ tể càn khôn, là Tuyệt đối thể, là Trời «ẩn», huyền diệu vô cùng cực.

XII

Đạo bản Hư vô sinh Thái cực,

Thái cực biến nhi tiên hữu nhất.

Nhất phân vi nhị, nhị sinh tam,

Tứ tượng ngũ hành tòng thử xuất [37]

Dịch:

Vô cực có rồi, Thái cực sinh,

Cực biến nhất rồi, nhị mới manh,

Tam tài, tứ tượng dần dà hiện

Ngũ hành, vạn vật thứ phân trình

Đại ý: Các hiền triết xưa cố suy diễn lại sự tạo thành vạn vật. Thực ra đây không phải là sự tạo thành, mà là sự biến hóa, chia phôi của một nguyên thể. Nguyên thể sinh vật mà vẫn bất biến; vạn vật là những trạng thái biến thiên, những tác dụng của một nguyên thể. Trông bên ngoài thì vạn thù. Vào tới trung tâm, khu hữu thì lại nhất quán. Đó là thuyết nhất thể vạn thù.

XIII

Hư vô biết được mới là thông [38]

Vô cực tìm ra, phúc chẳng cùng [39]

Du hốt ngao du về Hỗn Độn [40]

Ngược dòng trời đất nhập Trung cung [41]

XIV

Lão ưng vô dục, [42] Khổng vô ngôn [43]

Tiềm tâm võng tượng bảo linh côn [44]

Phật có ngọc châu viên giác chiếu [45]

Tam giáo suy ra cũng một nguồn [46]

XV

Vô ngôn, vô niệm với vô vi

Thù đồ rốt cuộc vẫn đồng qui [47]

Nhân với Linh đơn hay chính giác [48]

Chân tâm, Trung, Nhất, há phân kỳ [49]

Đại ý: Tam giác thánh hiền đều muốn vươn lên sống «trong và cùng» Tuyệt đối thể, mà Tuyệt đối thể là vô cùng tận, nên bất kỳ, một hiện tượng nào dù là ý niệm, dù là lời lẽ, dù là động tác, tuy phát từ tuyệt đối thể ra, nhưng không phải là Tuyệt đối thể. Vì vậy, muốn đạt tới tuyệt đối thể phải siêu xuất trên ý niệm (vô niệm Thích), từ ngữ (vô ngôn Nho) và động tác tầm thường (vô vi Lão) Phương châm hành động có khác, nhưng mục đích vẫn là một, vì thế gọi « tam giáo đồng qui». Lên tới tuyệt đối thể là tới Toàn thiện, tới Nhân (Nho) là luyện thành Linh đơn (Lão) là được chính đẳng, chính giác (Phật). Đó là vào được chân tâm (Thích), vào tới trung điểm của đất trời (Nho), tìm lại được Nhất thể của vạn vật (Lão).

XVI

Hỗn nguyên nhất khiếu thị Tiên thiên [50]

Nội diện hư vô lý tự nhiên

Nhược hướng vị sinh tiền kiến đắc.

Minh tri tất thị đại la tiên.

Dịch:

Hỗn nguyên nhất khiếu ấy Tiên thiên,

Nội diện hư vô lẽ tự nhiên.

Từ lúc chưa sinh tìm mới thấy,

Hiểu ra âu cũng đại la tiên.

Đại ý: Vô cực hay Hỗn nguyên nhất khí có từ trước đất trời, vạn vật và thân ta. Cho nên muốn tìm thấy Vô cực, phải vượt khỏi xác thân hình thức, sắc tướng, không gian, thời gian. Hiểu vậy Trang tử mới nói: « Thiên địa dữ ngã tịnh sinh... nhi vạn vật dữ ngã vi nhất»

XVII

Vô cực huyền quan ấy Pháp thân [51]

Chẳng phải xác thân nhiễm dục trần [52]

Hữu hình rốt cuộc thành hư hoại [53]

Bản thể hư không vĩnh bất trầm [54]

Đại ý: Các nhà huyền học đều tin rằng trong thâm tâm mình có Trời. Trời là Pháp thân hay Kim Cương Thân bất hủy hoại [55] còn nhân tâm chẳng qua là xác thân có sinh có diệt. Trong triết học Hi Lạp, tâm hồn là «Psyche», thần hồn là «Nous». Quan niệm này dĩ nhiên là khác với quan niệm quần chúng cho rằng Trời ngươi xa cách muôn trùng.

XVIII

Vô cực Hư không ấy thực Trời [56]

Lồng trong vạn vật chẳng pha phôi [57]

Lòng vắng dục tình Trời hiển hiện [58]

Thông lý Hoàng trung, thể chính ngôi [59]

XIX

Vô cực Hư vô tạo thánh thần [60]

Hợp nhất Hư vô ấy thánh nhân [61]

Vô vi, vô dục hoàn vô ngã [62]

Linh đơn hoàn tất, hiện kim thân [63]

XX

Thiên hạ, địa thượng an tổ khiếu

Nhật tây, nguyệt đông tụ tiên thiên

Huyền quan chi hậu, Cốc thần tiền

Chính trung hữu cá không bất không.

TMPQ Quyển 1 trang 1a

Dịch:

Tổ khiếu linh lung giữa đất trời

Nhật nguyệt hai vầng tả hữu soi

Cốc thần, Huyền khiếu theo sau trước

Không tịch Trung hoàng rực rỡ ngôi. [64]

XXI

Càn khôn hợp thành linh tổ khiếu,

Bao la thiên địa, Không bất không

Yểu yểu minh minh viên quang hiến,

Giá cá chính vị thần qui trung

TMPQ Quyển I trang 1a

Dịch:

Tổ khiếu kết nên bởi đất trời,

Bao la thiên địa khắp đôi nơi

Mịt mờ huyền ảo linh quang tỏa,

Một điểm Trung hoàng giữ vững ngôi.

XXII

Huyền tẫn diệu hề bất khả ngôn,

Tế nhập vi trần đại bao thiên.

Nhân nhược năng tri thử diệu khiếu,

Vạn niên bất hoại nhất kim tiên.

TMPQ Quyển 1 trang 1a

Dịch:

Huyền tẫn làm sao tả xứng lời,

Nhỏ chui lòng bụi, lớn trùm trời. [65]

Diệu khiếu ấy ai mà biết được,

Thần tiên huyền hóa, thọ muôn đời.[66]

XXIII

Hàm dưỡng bản nguyên tại phương thốn

Song lâm thụ hạ mịch bản tông

Thùy liêm minh tâm, thủ Tổ khiếu

Thủ cước hòa hợp khấu liên hoàn

TMPQ Quyển I trang 1

Dịch:

Lòng son mài miệt dưỡng nguyên căn,

Bản tông tìm tõi tại thâm tâm,

Khép kín ngũ quan gìn Tổ khiếu,

Chân tay xếp chắp định nguyên thần.

XXIV

Hỗn độn sinh tiền hỗn độn viên

Cá trung tiêu tức bất dung truyền,

Phách khai khiếu nội, khiếu trung khiếu,

Đạp phá thiên trung, thiên ngoại thiên

TMKC Hanh trang 14a

Hỗn độn chưa sinh vẫn vẹn tuyền,

Mịt mù tiêu tức nói sao nên,

Vòng ngoài vượt hết, vào trung điểm

Mới hay trời thẳm vốn kề bên [67]

XXV

Ảo minh tài lộ nhất đoan nghê,

Hoảng hốt vị tằng phân bỉ thử

Trung gian chủ tể Giá ta nhi

Tiện thị thế nhân chân chủng tử

TMKC Lợi trang 5a

Dịch:

Phảng phất nguyên sơ lộ mối manh,

Mơ màng đây đó chửa phân trình,

Ở trong hiện rõ chân chủ tể

Mầm mộng đất trời với chúng sinh [68]

XXVI

Đại tai chí Đạo

Vô thượng chí tôn

Khai thiên lập cực

Phu lạc thần chân

Thiên địa chi tổ

Vạn vật chi căn

Hỗn độn Thái Vô

Yểu yểu minh minh

Nguyên thủy đản sinh

Hạp hạp khai thông

Thần xung lục môn...

Liêu Dương diện vấn đáp thiên trang 7a

Dịch:

Đại Đạo cao vời Đạo chí tôn,

Mở trời lập cục chuyển càn khôn.

Sinh thần sinh thánh sinh muôn vật,

Hỗn độn Thái vô quản vạn môn.

XXVII

Bất sinh bất diệt.

Vô xứ vô thanh,

Linh minh bất muội,

Cắng cổ trường tồn.

Thượng triệt thiên thanh,

Hạ chúc địa ninh.

(Liêu Dương Điện vấn đáp thiên trang 7b)

Dịch:

Bất diệt, bất sinh vô xú thanh,

Muôn đời trường cửu lại linh minh

Trời xanh muôn dặm bao trùm khắp,

Đất rộng ngàn phương tạo thái bình.

XXVIII

Trung lập Hoàng cực

Nguyên thủy chí tôn,

Tam Hoàng phụ tá,

Chiêu nhiếp vạn linh

Chủ tể ngũ khí,

Hỗn hợp bách thần,

Tính mệnh chi đế,

Hạp tịch chi hành,

Vạn thần trì vệ

Ma vương bảo nghinh.

Liêu Dương Điện vấn đáp thiên trang 7b

Dịch:

Giữa vòng trời đất vị Trung Hoàng,

Nguyên thủy cao vời bậc chí tôn

Hỗn hộp bách thần sinh tính mệnh,

Hỏi trong trời đất có chi hơn ?

XXIX

Bản lai chân tính hiệu kim đan,

Tứ đại vi lô luyện tác đoàn,

Ngộ chi giả, lập tễ thánh vị,

Mê chi giả, vạn kiếp trầm luân

Ngộ chân trực chỉ quyển I trang 2

Dịch:

Bản lai chân tính hiệu kim đan,

Mượn lò tứ đại luyện thành toàn

Ai biết, tức thời thăng thánh vị.

Kẻ mê vạn kiếp sẽ trầm luân [69]

XXX

Tiên thiên bản tính hiệu kim đan,

Bát quái lô trung luyện tác đoàn

Cử thế mê đồ tầm ngoại được,

Thôn sương vọng tưởng thướng vân đoan.

Tượng ngôn phá nghi quyển hạ trang 7

Dịch:

Thiên thiên bản tính ấy kim đan,

Mượn lò thân xác luyện thành toàn.

Nhân thế u mê tìm ngoại dược

Uống vào những mộng cưỡi mây ngàn [70]

XXXI

Tiên thiên nhất khí tại hồng mông,

Vô tượng vô hình bất lạc không.

Nhận đắc sinh sơ chân diện mục,

Phương tri ngả hữu Chủ Nhân Công.

TNPN Quyển hạ trang 7a

Dịch:

Tiên thiên một khí tại Hồng Mông.

Tuy chẳng bóng hình, chẳng phải không

Biết được bản lai chân diện mục,

Mới hay ta có Chủ nhân ông [71]

XXXII

Vị sinh thân xứ hữu thùy tri,

Tĩnh tĩnh tiêu tiêu hỗn độn thì,

Tứ tượng ngũ hành giai vị đáo,

Hồn nhiên nhất khí một hùng thư,

TNPN Quyển Hạ trang 7

Dịch:

Thân mình ai rõ lúc chưa sinh ?

Hỗn độn hồn nhiên vốn lặng thinh,

Tứ tượng nhũ hành chưa phát lộ,

Âm dương diệu hợp chửa phân trình [72]

XXXIII

Cốc thần tòng thử lập thiên côn,

Thượng thánh cưỡng danh Huyền tẫn môn

Điểm phá thế nhân sinh tử huyệt.

Chân tiên ư thị định càn khôn.

TMKC Hanh trang 10b

Dịch:

Cốc thần do đó lập thiên côn,

Thượng thánh gượng kêu Huyền tẫn môn.

Chỉ vẽ thế nhân sinh tử huyệt,

Chân tiên nơi ấy định càn khôn

Đại ý: Vô cực là Tuyệt đối thể, nhưng chính là căn để của đất trời, vì thế gọi là Thiên Căn, hay là Huyền tẫn môn, căn nguyên sinh xuất âm dương vạn hữu. Vào trong Vô cực sẽ trường sinh, tách rời Vô cực sẽ yểu tử. Cho nên các vị chân nhân đều gồm thâu vạn vật trở về Vô cực.

XXXIV

Huyền tẫn chi môn chấn nhật khai

Trung gian nhất khiếu hỗn linh dài.

Vô quan, vô tỏa, vô nhân thủ,

Nhật nguyệt đông tây tự vãng lai.

TMKC Hanh trang 11a

Dịch:

Huyền tẫn chi môn mở suốt ngày,

Trung gian một khiếu lẩn Linh Đài,

Chẳng then, chẳng khóa không ai giiữ,

Nhật nguyệt tây đông vẫn vãng lai.

Đại ý: Huyền tẫn tức là Vô cực, Thái cực nằm tại giữa vòng Dịch, tức là giữa lòng muôn vật, vì thế có nhật nguyệt xoay chuyển chung quanh, như khảm ly biến hóa, vần xoay quanh vòng Thái cực. Cửa trời ấy nào có khóa then, nào có ngăn rào ai ! Cửa trời ấy vả lại lẩn ngay trong Linh Đài, mà Linh Đài là chính tâm hồn ta !

XXXV

Tam giáo nhất nguyên giá cá viên,

Sinh tại vô vi tượng đế tiên.

Ngộ đắc thử Trung chân diệu lý,

Thủy tri đại đạo tổ căn nguyên

TMKC Hanh trang 11

Tam giáo Hư vô vẽ một vòng,

Sinh tại vô vi, vạn tượng tông,

Có hiểu Trung hoàng chân diệu lý

Rồi ra nguồn đạo sẽ khai thông

Đại ý: Cả ba đạo Nho, Thích, Lão đều tượng trưng Vô cực bằng một vòng tròn rỗng (xem thêm Tính mệnh Pháp quyết quyển 7, trang 26, 3a, 3b). Kinh Dịch tượng trưng Vô cực, Thái cực bằng vòng tròn, hay bằng tâm điểm giữa vòng Dịch, và gọi là Trung Hoàng, hay Trung. Ý nói Vô cực hay Trời ở giữa lòng trời đất muôn vật và lòng con người. Hiểu được ý nghĩa sâu xa ấy, mới tìm ra được nguồn gốc của Đạo.

XXXVI

Tá vấn chân nhân hà xứ lai,

Tồng tiền nguyên chỉ tại Linh Đài.

Tích niên vân vụ thâm già tế

Kim nhật tương phùng đạo nhỡn khai

TMKC Quyển Hanh trang 11a

Dịch:

Chân nhân ướm hỏi tới từ đâu ?

Tâm khảm tiềm àng sẵn đáy sâu,

Thủa trước Linh Đài vân vụ phủ,

Ngày nay gặp gỡ hết xa nhau.

Đại ý: Trời tàng ẩn ngay trong lòng sâu con người. Không biết, thì tâm hồn như có mây mù dày đặc che lấp [73], mà biết ra thì như mở thêm con mắt tâm linh, nên nhìn nhận ra được. [74]

XXXVII

Nhất khiếu Hư không Huyền tẫn môn,

Điều đình tiết hậu yếu đương ôn,

Tiên nhân đỉnh nội vô tha dược,

Tạp khoáng tiêu thành bách luyện kim.

TMKC Hanh trang 11b

Dịch:

Một khiếu Hư không, Huyền tẫn môn

Năm tháng chắt chiu giữ vẹn tròn

Trong đỉnh tiên gia không thuốc khác,

Vàng lìa tạp khoáng sẽ tinh toàn

Đại ý: Người xưa tượng trưng Hư không bằng một vòng tròn ○ và Thái cực là Âm Dương hợp nhất. [75]

Lồng Vô cực vào trong Thái cực ta có hình trên, và vòng tròn trong gọi là Hư không khiếu, vòng ngoài là Huyền tẫn môn vì bao quát âm dương. Tiên gia tu luyện là mong gạt bỏ cặn bã vật chất, thâu thái thuần túy tinh thần [76]

XXXVIII

Yểu yểu minh minh khai chúng diệu,

Hoảng hoảng hốt hốt bảo châu khiếu.

Liễm chi, tiềm tàng nhất lạp trung

Phóng chi, di mạn lục hợp biểu.

TMKC Hanh trang 11a

Dịch:

Yểu yểu minh minh chúng diệu khai

Phảng phất Hư vô vẫn một Trời.

Tiềm tàng nằm gọn trong trần cấu

Phóng phát, bao trùm khắp chốn nơi.

Đại ý: Vô cực là nguồn mạch phát sinh ra muôn điều huyền diệu. Vô cực vô hình tượng nên khó hình dung và đối với phàm phu thì mịt mù, tăm tối. Nhưng thực ra tuy mung lung phiếu diểu mà vẫn hiển hiện. Vô cực lồng trong vạn vật, nên ngay trong lòng bụi cát cũng có Vô cực, có tuyệt đối, mặc dầu

Vô cực vẫn tràn lan bao quát khắp vũ trụ.

XXXIX

Cá cá vô sinh vô tận tạng,

Nhân nhân bản thể bản Hư không

Mạc đạo Cù Đàm danh Cực lạc,

Khổng Nhan lạc diệc tại kỳ trung.

TMKC Hanh trang 11a

Dịch:

Nguồn sinh vô tận tỏa đòi nơi.

Vô cực, Hư không, bản thể người

Chớ nói Cù Đàm kêu Cực lạc,

Khổng, Nhan vui cũng chỉ trong thôi.

Đại ý: Các bậc minh triết Đông Tây trông vào đâu cũng thấy Trời, thấy Thượng đế, thấy tuyệt đối thể ? Thánh Angela de Foligno viết: « Mắt hồn tôi mở ra và tôi thấy Thiên Chúa khắp nơi, bao trùm vũ trụ, vạn vật. Trong mọi vật, tôi chỉ thấy quyền năng của Thiên Chúa và tôi không sao tả nên lời và trong khi bàng hoàng bỡ ngỡ, hồn tôi kêu lớn tiếng: «Thế giới này đầy tràn Thiên Chúa» [77]

XL

Đà la môn khải, diệu nan cùng,

Phật Phật tương truyền chỉ thử trung.

Bất thức Tây lai chân thật nghĩa,

Không xuyên thiết tỉ tẩu Tây Đông.

TMKC Hanh trang 11a

Dịch:

Đà La rộng mở lạ vô cùng,

Phật Phật tương truyền một chữ Trung.

Áo ngữ, chân thuyên bằng chảng hiểu

Như mang giầy sắt, ruổi Tây Đông.

Đại ý: Phật giáo gọi Vô cực là Đà la Môn (Đà la Ni Môn), Tổng trì môn, bất nhị Pháp môn, Xá lợi tử, Mâu ni, Cực lạc viên, Tịnh thổ, Bất động đạo tràng, Viên giác hải, Bỉ ngạn chân tế, Tam ma Địa, Bát nhã ngạn, Ba la mật địa v.v.. Hiểu được Vô cực, Trung đạo qua các áo ngữ đó, mới hiểu được chân thuyên, được tinh hoa Phật giáo. [78]

XLI

Hư vô vòng rỗng ấy huyền quan [79]

Chẳng có đầu đuôi rất diểu mang, [80]

Chẳng có, chẳng không, không biến đổi, [81]

Không tròn vả lại cũng không vuông [82]

Đại ý: Thực ra Vô cực hay Tuyệt đối thể là «bất khả tư nghị», nhưng tiền nhân cũng cố hình dung bằng vòng tròn, chỉ nghĩa toàn thể, toàn bích, toàn thiện. Dùng vòng tròn tượng trưng Vô cực hay Huyền quan, ta suy ra được tâm điểm và sự sinh thành vũ trụ theo định luật ba động (mouvement ondulatoire), suy ra hình thù các thiên thể tinh cầu, suy ra không gian cũng tròn, và thời gian cũng có vãng lai, là suy ra được lẽ tuần hoàn vãng lai phản phúc của vũ trụ.

XLII

Huyền quan nào có thiếu hay thừa [83]

Chẳng giảm, chẳng tăng, tựa hữu vô,

Không diệt, không sinh, không vãng phục,

Dùng thời rong ruổi, dấu thời thu.

Đại ý: Vô cực hay Tuyệt đối thể là bản thể bất biến

XLIII

Huyền quan, huyền ảo chẳng quê hương [84]

Từ xưa vạn cổ vốn diên trường [85]

Ẩn áo sâu xa lòng vạn vật [86]

Sinh hóa ngàn muôn ấy mối rường [87]

Đại ý: Vô cực, vô thanh, vô xú, tràn ngập khắp nơi, vì thế vô sở cư, vô định vị [88], nhưng lại chính là nguồn gốc sinh vạn vật.

XLIV

Hư vô nhất khiếu hiệu huyền quan,

Chính tại nhân thân thiên địa gian,

Bát vạn tứ thiên phân thượng hạ,

Cửu tam lục ngũ liệt tuần hoàn,

Đại bao pháp giới hồn vô tích,

Tế nhập trần ai bất kiến nhan.

Giá cá danh vi tổ khiếu huyệt,

Thử chân nhất lạp chính trung huyền

TMKC Hanh trang 11

dịch:

Hư vô một khiếu gọi huyền quan,

Giữa lòng trời đất với nhân gian,

8 vạn 4 nghìn phân thượng hạ, [89]

9, 3, 5, 6 liệt tuần hoàn. [90]

Lớn trùm pháp giới không lưu vết

Nhỏ nhập trần ai chẳng thấy nhan.

Cái đó gọi là chân tổ khiếu,

Trường sinh linh bảo vốn hàm tàng

XLV

Xưa nay trời đất với quần sinh,

Đều nương Vô cực mới sinh thành [91]

Huyền quan nếu rõ chân linh khiếu [92]

Diện mục bản lai thấy rõ rành [93]

Đại ý: Vạn vật đều do Vô cực sinh thành. Nho giáo gọi Vô cực là Trời, Lão giáo gọi Vô cực là Đạo, Phật giáo gọi Vô cực là Chân như, hay Bản lai diện mục. Làm sao nhân loại hiểu được rằng mình chỉ là phụ tượng (épiphénomène) của Thượng đế ?

XLVI

Chân tâm hạo hạo diệu Vô cực.

Vô hạn thần tiên tòng thử xuất,

Thế nhân đam trước tiểu hình hài,

Nhất khỏa huyền châu mê bất thức

Phỏng đạo ngữ lục trang 295

Vô cực chân tâm chẳng bến bờ

Muôn vàn thần thánh phát sinh ra,

Thế nhân mê mẩn hình hài tạm,

Chân thể ngọc châu lại bỏ lơ.

XLVII

Chân nhất chi đạo hà sở tầm,

Mạc nhược tiên sao Mậu Kỷ môn.

Mậu Kỷ môn trung hữu chân thủy

Chân thủy tiện thị Hoàng nha căn

TMKC Hanh trang 11a

Đạo Trời chân nhất há đâu xa,

Cánh của Hoàng trung cố mở ra.

Chân thủy, Hoàng nha đều ở đó,

Lòng trời lòng đất cũng lòng ta [94]

Đại ý: Tìm Đạo Trời (chân nhất qui đạo) phải tìm nơi giữa lòng Tạo Hóa, giữa lòng biến Dịch của hoàn võ và lòng người.

Kim đơn, Hoàng nha, Chân dương, Chân thủy đều ở tại đó.

XLVIII

Tự hiểu Cốc thần thông thử Đạo,

Thùy năng lý tính dục tu chân,

Minh minh thuyết hướng Trung hoàng lộ,

Tích lịch thanh trung tự đắc thần

TMKC Hanh trang 11b

Cốc thần khuất nẻo mấy ai hay !

Tính lý tu chân nhẽ khó bày,

Ta cố chỉ bày Trung chính lộ

Ầm ầm sấm chớp thấy thần ngay

Đại ý: Cốc thần tức Đạo. Triết gia Âu châu gọi là Logos. Muốn tu chân, tu tính phải nhìn nhận ra được là Tạo hóa ở ngay trong lòng mình. Có như vậy, mới hiểu được tinh hoa của Dịch cũng như của các đạo giáo.

Thánh Paolo (Công giáo) cũng viết: Anh em hãy ngợi khen Thiên Chúa và mang Thiên Chúa trong thể xác anh em (I. Cor. 6, 20). Anh em là đền thờ Chúa Thánh thần. (I Cor. 6,19)

XLIX

Ấy ai Hoàng cực hiểu chân văn [95]

Hội qui tâm Đạo thoát mê tân [96]

Thượng đạt cửu tiêu cũng vạn tổ [97]

Ấy thực bảo châu tặng thánh thần [98]

L

Vô cực Hư vô thấu hiểu rồi,

Tam tài hội ngộ, hết pha phôi,

Thung dung trung đạo, tuần thiên lý,

Cách vật trí tri cũng thế thôi [99]

CHÚ THÍCH

[1] Tham đồng Khế khảo dị.

[2] Tham đồng Khế khảo dị, trang 24

Bị chú: Có nhiều bài thơ sau đây không theo đúng luật thơ cổ điển. Tác giả dùng lời thơ để diễn tả ý tình chứ không câu nệ khuôn sáo. Nhiều thi sĩ đời Đường cũng đã có khi làm những thơ tứ tuyệt không theo luật đã qui định.

Cf. Lam Giang Khảo Luận luật thơ các trang 26, 27, 28, 29 30

[3] Tiên học trang 151

[4] Tôn bất Nhị nữ đơn thi chú trang 24

[5] Tu chân biện Nạn Hậu biên tham chứng

[6] Hư giả thiên địa chi tổ khí. Thiên địa tòng Hư trung lai (Trương hoành Cừ) Tống nguyên học án quyển 10 trang 8

[7] Thành thánh, thành Phật, thành tiên chi gia hương. Tu chân biện nạn hậu biên trang 16a

[8] Hư không thiên địa thể

Huỳnh đình Kinh chú trang 1

[9] Tính mệnh khuê chỉ quyển Hanh

[10] Ib. trang 9

[11] Ib. trang 9

[12] Minh minh vô hình mạc khuy kỳ trẫm. Ngô Nhu sở vị vô thanh vô xú; Thích tri sở vị Vy âm vương

Tính mệnh Khuê chỉ quyển Hanh trang 9

Thái Hư vô tượng, Thái cực vô danh.

Âm Phù Kinh chú

[13] Tính mệnh khuê chỉ quyển Nguyên trang 2

[14] Tính mệnh khuê chỉ trang 8

[15] Dĩ vi Vô, chí linh, chí thần, vị thường vô dã. Tính mệnh Khuê chỉ quyển Nguyên trang 10b

[16] Tu chân biện nạn hậu biên trang 15b

[17] Ib. 15b

[18] Ib. 16a

[19] Ib. 16a

[20] Tu chân biện nạn hậu biên trang 15b

[21] Ib. Tiền biên trang 6a

[22] Ib. Tiền biên trang 6a

[23] Thái nhất kim hoa tông chỉ trang 11

[24] Cf. Chu Dịch Xiển Chân trang 16

[25] Cf. Chu Dịch Xiển Chân trang 5 và 6

[26] Cf. Chu Dịch Xiển Chân trang 15

[27] Cf. Chu Dịch Xiển Chân trang 5b

[28] Ib. trang 2b

[29] Tựu chính lục trang 1a

[30] Tính mệnh khuê chỉ quyển Hanh trang 9, 9a, 9b, 10

[31] Tính mệnh khuê chỉ quyển Hanh trang 9a

[32] Ib. 10a

[33] Ib. 8b

[34] Ib. trang 8b

[35] Ib. 9a

[36] Ib. 9a

[37] Bài Ca của Lý Đạo Thuần Vô Nhất.

Cf. Tính mệnh khuê chỉ Hanh trang 11

[38] Tính mệnh khuê chỉ quyển Hanh trang 11b

[39] Tính mệnh khuê chỉ quyển Hanh trang 11b

[40] Tính mệnh khuê chỉ quyển Hanh trang 10b

[41] Tính mệnh khuê chỉ quyển Hanh trang 5a

[42] Lão Tử Đạo đức kinh chương I

[43] Luận Ngữ Dương Hóa XVIII câu 18

[44] Thiên địa linh căn

[45] Tính mệnh khuê chỉ quyển Hanh trang 9a

[46] Tính mệnh khuê chỉ quyển Hanh trang 11

[47] Thiên hạ đồng qui nhi thù đồ (Hệ từ hạ)

[48] (Nhu vị chi Nhân, diệc viết Vô cực. Thích vi chi châu diệc viết viên minh. Đạo vi chi đơn, diệc viết linh quang) (Tính mệnh Khuê Chỉ Hanh trang 9a)

[49] Nhất nhi phi Trung tắc phi thánh nhân chi sở vị

Ib. 1a

[50] Nhiên sở vị tiên thiên khí giả, vi tiên ư thiên nhi hữu, vô hình chi khí năng sinh hữu hình chi thiên thị thiên địa chi tiên thiên dã. Tức thị năng sinh hữu hình chi ngã giả sinh ngã chi tiên thiên dã.

Tiên thiên chính lý trực luận trang 18b

[51] Ib. Q. 7 trang 5b

[52] TMPQ Q. 7 trang 5b

[53] TMPQ Q. VII trang 5b

[54] Ib. trang 5b

[55] ... Parfaite univocité de la déité et cette partie «incréée» de l'âme Maître Eckhart Traités et Sermons page 14

[56] Hiện đại đạo gia tu luyện bảo điển trang 81

[57] Thể vật nhi bất ly

Trung Dung

[58] Thái nhất kim hoa tông chỉ trang 15a

[59] Hoàng trung thông lý, Chính vị cư thể Dịch Kinh. Văn Ngôn Hào Lục Ngũ quẻ Khôn

[60] Trương tam Phong vân:

Chân tâm hạo hạo vô cùng cực, vô hạn thần tiên tòng lý xuất

TMKC Hanh 5a

[61] TMKC (Tính Mệnh Khuê Chỉ) Hanh 5a

[62] Tựu chính lục trang 3b

[63] TMPQ(Tính Mệnh Pháp Quyết) Quyển 16 trang 1a

[64] Cf. Lilian Silburn Instant et cause p. 44; 45

Le retour à l'intemporel originaire est sensible dans l'hymne II, 1, 4 5 de l'Atharva Véda: Agni, le feu terrestre et solaire le premier né de l'agencement recoit de ce fait le nom de dhasyu « celui qui cherche sa place», la fondement stable (dhama), et cette place est la matrice (yoni): «j'ai entouré tous les mondes pour voir la trame tendue de l'agencement; c'est là où les dieux, quand ils ont atteint l'immortalité se sont mis en marche vers leur matrice commune (yoni)

[65] «L'être qui est dans son essence la lumière et vie de tout, qui est conscient du monde, c'est Brahma».

(Tagore). Cf. J. Murphy Origines et Histoire des religions page 311

[66] «Il nous appartient... de réaliser la Personne qui est au coeur de tout au moyen de la conscience émancipée de notre propre personnalité»

(Tagere). Cf. J. Murphy Originnes et Histoire des religions page 311

[67] Selon les Kabbalistes, il y a dix attributs fondamentaux de Dieu, qui sont aussi les dix étages à travers lesquels va et vient la vie divine...

Le Dieu caché, En sof, se manifeste lui même aux Kabbalistes sous dix aspects différents qui comprennent une variété infinie d'ombres et de degrés...

D'abord un monde premier le plus profondément caché, qui demeure imperceptible et inintelligible à tout sauf à Dieu, le monde de l'En sof; et secondement un monde placé au dessous du premier qui rend possible de connaître Dieu et dont la Bible dit: ouvret les portes, afin que je puisse entrer.

G.G. Scholem. M. J. 224 225

[68] J. Murphy O.H.R. page 302

[69] ... «Mon Atman, est l'Atman universel», «Un et indivisé». La conséquence immédiate de cette

conviction élargie fut nécessairement une vive conscience de l'élevation au dessus de toutes conditions purement phénoménales, de la communauté de vie, et de privilège avec Dieu, et une inébranlable conviction d'être délivré de la transmigration et de toutes ses chaînes...

Cf. J. Murphy OHR. page 288

[70] ... La semence de Dieu est en nous... La graine du poirier croît et devient poirier, la graine du noyer croît et devient noyer; c'est la semence de Dieu qui monte vers Dieu... Mais Origène, un grand docteur nous dit:» Comme c'est Dieu lui même qui a semé en nous cette semence, qui l'a imprimée en nous et nous l'a rendue connaturelle, on peut bien la couvrir et la cacher, mais jamais la détruire totalement ni l'éteindre; elle continue sans arrêt de brôler et de briller, de luire et de resplendir, et sans cess elle tend à s'élever vers Dieu Maître Eckhart Traités et Sermons page 10b

[71] Le Dieu qui s'unit à cette pointe de l'âme, comme l'Un néo platonicien, n'est ni ici, ni maintenant, ni ceci. Illimité, indéterminé, on peut l'appeler non être parce qu'il échappe par transcendance à toute détermination et c'est en ce sens qu'on parlera d'unc «identité de néant entre ce Dieu et l'âme intelligente!»

Maître Eckhart Traités et Sermons page 16

[72] Trang tử Nam Hoa Kinh Chương II

[73] TMKC Hanh trang 5a

[74] Dieu est sans voile et sans contrainte dans l'âme pure de l'homme noble. Maître Eckhart Traité et Sermons page 109.

[75] Cf. Thái cực quyền bổng đồ thuyết trang 83.

[76] Các nhà huyền học Hồi giáo gọi thế là tìm ra «bản tính thiên chân» (La pure essence divine) tách tuyệt đối ra khỏi tương đối (extraire l'Absolu du contingent)

Cf. Essai sur les origines du lexique technique de la mystique musulmane của Louis Massignon trang 77 và 306.

[77] Les yeux de mon âme furent ouverts et je vis la plénitude de Dieu en laquelle était inclu le monde entier, ce monde ci et celui qui est au delà des mers, l'abîme et l'océan et tout ce qui existe. En toutes ces choses, je ne voyais rien que la puissance divine et cela d'une manière que je ne puis décrire, si bien que dans l'excès de son émerveillement, mon âme s'écrie d'un voix forte: « ce monde est plein de Dieu!»

Angela du Foligno cité par E. Underhill, Mysticism p. 252 Senard Le Zodiaque page 436

[78] Cf. TMKC Hanh trang 11a. Quyển Nguyên trang 7b 8a

Hanh 8b. Thượng phẩm đơn phát tiết thứ trang 2.

[79] TM. Pháp quyết quyển 7 trang 3

[80] Ib. 6a

[81] Ib. trang 6a

[82] Ib. trang 6b

[83] Vô dư vô khiếm

[84] TMPQ Quyển 7 trang 6

[85] Ib

[86] Ib

[87] Ib

[88] Maître Eckhart Traités et Sermons Introduction page 16

[89] Người xưa cho rằng đất cách trời 84,000 dậm

[90] Đó là những con số trong Hà Đồ, Lạc Thư.

[91] TMPQ Quyển 7 trang 6b

[92] Ib.

[93] Tiện thị nhận thức phụ mẫu vị sinh ngã thân chi tiên, bản lai diện mục hĩ. Ib.

Bản lai diện mục thị Chân Như

Xá Lợi quang trung nhận thức cừ.

Vạn kiếp mê đầu kim thủy ngộ,

Phương tri tự tính thị Văn Thù.

TMPQ Quyển 16 trang 7b

[94]Tựu chính lục trang 3b

[95] Liêu Dương Điện vấn đáp thiên đệ nhất thiên, trang 7b

[96] Liêu Dương Điện vấn đáp thiên trang 7b

[97] Ib. 7b

[98] Bảo chi bí chi, vạn thánh hàm khâm. -- Ib. 7b

Bộ tiêu hán hề đăng thiên quan

Thái nhất Kim hoa Khuyến thế ca, trang 15

[99] Sao Kiểu đỗng chương quyển thượng, trang 50 51.

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 3

VÔ CỰC LUẬN

chương trước chương sau

Phụ lục 2

ÍT NHIỀU TỪ NGỮ ĐỂ HÌNH DUNG

HAY DIỄN TẢ VÔ CỰC THEO TAM GIÁO [1]

Bảy chữ:

Sinh tử bất tương quan chi địa

Quỉ thần thứ bất phá chi cơ

Sáu chữ:

Hà tư hà lự chi thiên

Bất thức bất tri chi địa

Hư linh bất muội chi thần

Sắc không bất nhị chi vật

Khảm ly giao cấu chi hương

Thiên biến vạn hóa chi tổ

An thân lập mệnh chi gia

Trưởng thai chú tức chi hương

Tiên thiên chân nhất chi khí [2]

Bốn chữ:

Thiên địa linh căn

Bất động đạo tràng

Huyền tẫn chi môn

Bất nhị pháp môn

Hắc bạch tương phù

Tiên thiên địa sinh

Hoàng trung thông lý

Hư vô chi cốc

Vạn tượng chủ tể

Thái cực chi đế

Tạo hóa chi nguyên

Đạo nghĩa chi môn

Hoạt bát bát địa

Ba la mật địa

Nguyên thủy tổ khí (Nhập dược kính trang 1)

Hi Di chi vức (Linh bảo tất pháp hạ 13b)

Nguyên thủy tổ khí

Chí thiện chi địa

Hô hấp chi căn

Thậm thâm pháp giới

Tạo hóa tuyền quật

Vũ trụ chủ tể

Ký tế đỉnh khí

Ngưng kết chi sở

Hỗn độn chi căn

Tiên thiên chủ nhân

Thần minh chi xá

Linh minh nhất khiếu

Đà la ni môn

Cao thượng Hư vô (Linh bảo tất pháp hạ 13b)

Ba chữ:

Xá lợi tử

Pháp vương thành

Mậu kỷ môn

Tây nam hương

Tổng trì môn

Chúng diệu môn

Qui căn khiếu

Thủ nhất đàn

Như ý châu

Huyền thai đỉnh

Như lai tạng

Chỉ kỳ sở

Chân nhất khiếu

Đa bảo tháp

Yến nguyệt lô

Chân kim đỉnh

Bát nhã ngạn

Thượng thổ phủ.

Tiên thiên khí (Nhập dược kính 1)

Tự nhiên thể

Cực lạc quốc

Chân nhất xứ

Tổ khí huyệt

Bồng lai đảo

Hoa quang tạng

Phục mệnh quan

Hi di phủ

Hư không tạng

Tịch diệt hải

Xoang tử lý

Xích long tinh

Thiên huyền nữ

Tự tại xứ

Tạo hóa lô

Vô tận tạng

Sinh sát xá

Viên giác hải

Trung nhất cung

Hai chữ:

Vô cực

Không trung

Bá bính

Tây phương

Huỳnh bà

Tĩnh thổ

Viên minh

Ngũ chi

Huyền minh

Hoàng trung

Huyền sở

Anh nhi

Khí huyệt

Thủ linh

Tâm nguyên

Linh sçn

Đơn đài

Bồng hồ

Tổ khí [3]

Huyền quan [4]

Chân thổ

Huỳnh đình

Giá cá

Trung Hoàng

Chân trung

Linh quang

Chân cống

Chính vị

Qui trung

Hoa trì

Bắc Hải

Linh phủ

Linh Đài

Tính Hải

Xích thủy

Đơn cuộc

Chân duyên

Kim hoa

Hồng mông

Hỗn độn

Một chữ:

Nhân Thành Nhất [5]

Đơn

Châu

Tượng hình:

Vòng tròn rỗng ○

CÁC TỪ NGỮ ĐỂ ÁM CHỈ THƯỢNG ĐẾ BẤT KHẢ TƯ NGHỊ THEO HUYỀN HỌC ÂU CHÂU [6]

PHÁP VĂN

Absolu (Tuyệt đối)

Parabrahm Thượng đế bất khả tư nghị

Cela (Giá cá)

Non être (Hư vô)

Réalité sans seconde (Diệu hữu)

Vide (Hư)

Cause sans cause (Tạo hóa chi nguyên)

Asat (không, Vô)

Espace cosmique (bất dộng đạo tràng, Hư không thân, Tổ khiếu, tự tại xứ)

Tout un (Chân Nhất)

Grand tout (Tổng trì môn)

Mulaprakriti = Chân thổ (Prématière)

Ule (Chân nhất khiếu)

Grand Chaos (Hồng mông, Hỗn độn)

Espace (Vô tận tạng)

Grand Abîme (Tịch diệt hải)

Grandes Eaux (Tì Lư tính hải)

Substance précosmique: tiên thiên nhất khí

Substance de la matière (vạn tượng chủ tể)

Ether (Thái Hư)

Unité substantielle (chân nhất xứ)

La racine de toutes les racines (Thái cực chi đế)

La grande réalité (Chúng diệu chi môn)

L'Unité indifférenciée (Hồng mông vị phán)

En Sof (Thượng đế bất khả tư nghị)

Deus absconditus (Dieu caché) [7] (Tiên thiên chủ nhân)

Néant (Tịch diệt, Hư không) [8]

Vide (Không) (^{2})

Rien (Không, Hư) [9]

ANH VĂN

The Ultimate Oneness [10] (Chân nhất)

The Ultimate unity (^{1}) (Chân nhất xứ)

Undying reality [11] (Thường, Hằng)

The Void [12] (Không, Hư)

The Nothingness (^{3}) (Hư vô)

The One (^{3}) (Nhất)

The Infinite (^{3})

The undifferentiated Unity (^{3}) (Hồng mông Hỗn độn

The Universal or Cosmic Self [13]

The Ultimate Being (^{4}) (Đại ngã)

The Universal Self or the world, the Absolute, or God [14] (Đại ngã, Tuyệt đối thể)

The Underlying or essential consciousness (^{5}) (Chân tâm)

The pure, absolute, abstract Self (^{5}) (Bất thần chi thần)

The Oneness of the Godhead [15]

A Wayless abyss (^{1}) (Hư vô chi cốc)

Darkness, Emptiness, Nothingness, Silence, Nakedness, Nudity, a dazzling abscurity [16] (Hỗn độn, Hồng mông, Không tịch, Tịch diệt)

CHÚ THÍCH

[1] Xem Tính mệnh khuê chỉ:

Quyển Nguyên trang 7,8

Quyển Hanh trang 8,9,10

[2] Cf. Tu chân biện nạn hậu biên tham chứng trang 3

[3] Xem Sao Kiểu đỗng chương quyển thượng, trang 6

[4] TMPQ quyển 7 trang 2b

[5] Xem Sao Kiểu đỗng chương quyển thượng trang 6

[6] Cf. A. Tanon, Théosophie et Science chương V, trang 40 đến 44

[7] Cf. G.G. Scholem, Les grands courants de la mystique juive, trang 24, 25

[8] Ib. trang 17 và 369

[9] Die zarte Gottheit ist das Nichts und Übernichts. Wer Nichts in allem sicht, Mensch glaube, dieser sieht's.

(La tendre divinité est le Rien et le Sur Rien. Celui qui en toutes choses choses voit le Rien, celui là, crois moi, Homme, voit vraiment. — F.V. Schelling Les Âges du monde p. 53

[10] W.T. Stace, Mysticism and philosophy, p.76

[11] Ib. 82

[12] Ib. 86

[13] Ib. 90

[14] Ib. 93

[15] Ib. 96

[16] Ib. 100

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 **3** 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 | phụ lục 1 **2** | STK

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 3

VÔ CỰC LUẬN

chương trước

Sách tham khảo

- Các tên sách viết tắt trong thiên khảo-luận
- P.E.D. Comment se pose aujourd'hui le problème de l'Existence de Dieu (Claude Tresmontant)
- HCROPC Histoire des Croyances religieuses et des opinions philosophiques en Chine (Leon Wieger)
- TMPQ Tính mệnh pháp quyết minh chỉ
- TMKC Tính mệnh khuê chỉ
- OHR Origine et Histoire des religions
- M.J. Les grands courants de la mystique juive
-TNPN Tượng ngôn phá nghi
- NDK Nhập dược kính
- LBTP Linh bảo tất pháp
- MM Essai sur les origines du lexique technique de la mysticque musulmane.

ANH VĂN

- Mysticism and philosophy — W.T. Stace
- The Thirteen Upanishads
- The Gods of Northern Buddhism — Alice Getty

PHÁP VĂN

- Précis d'histoire de la philosophie Chinoise — Fong-Yeou-Lan
- Les grands courants de la mystique juive — G.G. Scholem.
- Les Grands philosophes de l'Occident — F. Tomlin
- L'histoire et sa philosophie — Henri Gouhier

- Le roi du monde — René Guénon
- La métaphysique Orientale — René Guénon
- La Grande triade — René Guénon
- Tableau naturel — Saint Martin
- Pour connaître la pensée de Saint Thomas d'Aquin — L. Jugnet.
- Le Bible de Jérusalem
- Nicolas de Cues — Giuseppe Bufo
- Mysterium Magnum — Jacob Boehme
- Traités et Sermons — Maître Eckhart
- Le Zodiaque — M. Senard
- Pour connaître la pensée de Hegel — Angèle Marietti
- Hegel (PUF)
- Théosophie et Science — A. Tanon
- Comment se pose aujourd'hui le problème de l'existence de Dieu — Claude Tresmontant
- Les Pères du Système taoiste — Leon Wieger
- Les Âges du monde — F.W. Schelling
- L'enseignment de Ramakrishna
- Instant et Cause — Lilian Silburn.
- Les idées maîtresses de la métaphysique Chrétienne — Claude Tresmontant
- Les Yogas pratiques — Vivekananda
- Histoire des croyances religieuses et des opinions philosophiques en Chine — Leon Wieger.
- Revue Planète
- Entretien du Maître de Dhyana Chen-Houei du Ho-Tso' (668-760) — Jacques Gernet
- Oeuvres spirituelles (traduction du RP Grégoire de Saint Joseph) — Saint Jean de la Croix
- Origines et histoire des religions — J. Murphy
- Essai sur les origines du lexique technique de la mystique musulmane — Louis Massignon

HÁN VĂN

- Dịch kinh độc bản
- Chu Dịch xiển chân
- Tống Nguyên học án
- Trung Dung
- Đạo đức Kinh
- Tính mệnh khuê chỉ
- Tính mệnh Pháp quyết minh chỉ

- Nhập Phật chỉ nam
- Pháp bảo đàn kinh
- Tượng ngôn phá nghi
- Dữ lâm phấn Thiên tiên sinh thư
- Đại đỗng chân kinh
- Ngũ Liễu tiên tông
- Tứ bách tự giải
- Phỏng đạo ngữ lục
- Thượng phẩm đơn pháp
- Tham đồng Khế khảo dị
- Tiên học
- Tôn bất Nhị nữ đơn thi chú
- Âm phù kinh chú
- Tu chân biện nạn
- Thái nhất kim hoa tông chỉ
- Tựu chính lục
- Sao Kiểu đỗng chương
- Lữ tổ-sư tam ni y thế thuyết thuật
- Thượng thanh Huỳnh đình nội cảnh kinh
- Tiên thiên chính lý trực luận

VIỆT VĂN

- Tự điển và danh từ triết học — Trần Văn Hiến Minh
- Thánh vịnh toàn tập — Mai Lâm & Đoàn Văn Thăng
- Triết Minh thánh kinh — Gérard Gagnon
- Kinh Kim cương
- Khảo luận luật thơ — Lam Giang

---

chương trước

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 **3** 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 | phụ lục 1 2 | **STK**

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 4

THÁI CỰC LUẬN

chương sau

Chương 1. Đại cương

Sau khi đã bàn giải Vô Cực ta có thể đề cập đến Thái Cực một cách dễ dàng hơn.

Muốn học Dịch phải hiểu Thái Cực vì Thái Cực chính là gốc Dịch, là tâm Dịch. Học Dịch mà không hiểu Thái Cực, cũng y như đứng bên ngoài hàng rào, ngắm vào tòa lâu đài, làm sao biết được trân châu, bảo vật bên trong!

Thái Cực chẳng những là căn nguyên Kinh Dịch, mà còn là căn nguyên vũ trụ, Vạn Hữu.

Dịch Kinh viết về vũ trụ khởi nguyên bằng những lời lẽ hết sức vắn tắt như sau:

Dịch hữu Thái Cực, thị sinh Lưỡng nghi: Lưỡng nghi sinh Tứ tượng: Tứ tượng sinh Bát quái v.v...

Nói nôm na là: Thái Cực sinh tinh thần, vật chất, vũ trụ, vạn vật [1]

A. THÁI CỰC VỚI TỐNG NHO

Tống Nho đã bàn cãi rất nhiều về Thái Cực. Dưới đây xin tóm tắt sơ lược ý kiến của ít nhiều Triết gia như:

Chu Liêm Khê (1017 - 1073)

Thiệu Khang Tiết (1011 - 1077)

Trình Di (Y Xuyên) (1033 - 1107)

Chu Hi (1130 - 1200)

Lục Tượng Sơn (1139 - 1192)

Chu Liêm Khê (1017 - 1073) là vị Tống Nho có công làm sống động lại quan niệm Thái Cực của Dịch Kinh. Liêm Khê tin rằng: trong vũ trụ có một Lý rất huyền diệu, uyên thâm, bất trắc, biến hóa vô phương, tuy vô hình, vô trạng, vô xú, vô thanh, nhưng chính là căn bản của vạn vật: Đó là Thái Cực [2]

Thái Cực hay Lý là khu nữu, là trục cốt vạn vật, Vạn Hữu. Chu Liêm Khê gọi: Thái Cực là Vô Cực ;

ngụ ý rằng Thái Cực vô hình thể, là một hoạt lực, một huyền năng vượt tầm tri giác của ngũ quan [3]

Chu Liêm Khê viết thiên Thái Cực đồ thuyết luận về Thái Cực và sự khởi nguyên của Vạn Hữu. Thiên này bắt đầu bằng một câu bất hủ: Vô Cực nhi Thái Cực.

Thiệu khang Tiết (1011 - 1077) gọi căn nguyên vũ trụ là Nhất. Nhất ấy chính là Thái Cực. [4]Đối với Thiệu tử, Thái Cực cũng là Đạo, là Hoàng Cực, là Tâm. Tất cả những danh từ đó đều là nhân tạo, để chỉ định Nguyên Thể vũ trụ[5]

Ông còn cho rằng Thái Cực chẳng ở đâu xa, Thái Cực ở ngay trong tâm hồn con người, là Tâm con người. Ông viết: Tâm là Thái Cực, Đạo là Thái Cực [6]Thái Cực khi chưa sinh vạn vật thì gọi là Tiên Thiên. Khi Thái Cực đã bắt đầu hoạt động, phân hóa để tạo dựng quần sinh thì gọi là Hậu Thiên[7]

Thiệu khang Tiết còn lập ra Tiên Thiên đồ, lấy các con số để vẽ lại sự sinh hóa của vũ trụ. Ông dùng số 1 tượng trưng cho Thái Cực. Tiên Thiên đồ của Thiệu Tử tựu trung cũng giống như Thái Cực đồ bản của Chu Liêm Khê, tuy một bên thời dùng số, một bên thời dùng tượng, để mô tả Thái Cực và công cuộc sinh hóa quần sinh Vạn Hữu.[8]

Đối với Trình Di (1033 - 1107) thì Thái cực, hay Đạo, hay Lý, hay Khí Chân Nguyên cũng là một.[9]

Chu Hi (1130 - 1200) đàm luận rất nhiều về Thái Cực. Đại khái, Chu Hi gọi Thái Cực là Lý có trước trời đất, đã sinh ra trời đất vạn vật, và hằng lồng trong trời đất vạn vật. [10] Chu Hi cho rằng Vô Cực hay Thái Cực vẫn chỉ là một thực thể vô thanh, vô xú, làm khu hữu cho trời đất, muôn loài.[11]

Gọi là Thái Cực, vì là tuyệt đối, không bến bờ, vô cùng, không thể có thêm gì hơn được nữa. Lồng trong vạn vật để làm cùng đích cho vạn vật. Vạn vật không có Thái Cực, tức là không có gốc gác chủ tể, không thể nào tồn tại được. [12] Vạn vật là phản ảnh của Thái Cực, đều có Thái Cực lồng ở bên trong. Thái Cực lồng trong vạn vật như ánh trăng lồng đáy nước: muôn vạn ao hồ, muôn ngàn hình ảnh, cũng không làm cho trăng suy suyển, pha phôi. [13] Vô Cực hay Thái Cực là Đạo, là Lý, thuộc hình nhi thượng, siêu xuất không gian, thời gian.

Âm Dương khí chất có tình, có trạng, là Khí thuộc hình nhi hạ tức là lệ thuộc không gian, thời gian [14] Theo Chu tử, ta có thể nhìn vũ trụ trên 2 hình diện:

Nếu nhìn vũ trụ trên bình diện hình tướng, phiến diện, ta sẽ thấy tùy nơi, tùy thời động tĩnh luân phiên, Âm Dương dịch vị, biến hóa đa đoan.

Nhưng nếu nhìn vũ trụ trên bình diện tế vi, trên bình diện Bản Thể Thái Cực, ta sẽ thấy vắng lặng im lìm, mặc dầu là vạn lý đã hàm ngụ ở trong.[15]

Thái Cực không phương sở, không hình thể, không địa vị [16] Tuy nhiên Thái Cực chính là khuôn thiêng muôn loài muôn vật.

Chu Hi viết: Thái Cực là Lý của trời đất, muôn vật [17] Phùng hữu Lan cho rằng chữ Lý ấy đối chiếu với từ ngữ Triết học Hi lạp tức là Hình thức (Form)[18]. Đối với Lục Tượng Sơn, thì Thái Cực, Trung

hay Lý cũng như nhau [19] Nhưng ông cho rằng nguyên quan niệm Thái Cực đã đủ, không cần gì phải thêm quan niệm Vô Cực nữa. [20] Đối với ông Vô Cực là một quan niệm đã được vay mượn của Lão giáo, không hề thấy có nơi Tiên Nho. Ông cho rằng chữ Vô Cực không phải là lời lẽ của Chu tử [21]Ông

tranh luận rất nhiều với Chu Hi về quan điểm này. [22]

Ông biện luận với Chu Hi như sau: Tôn huynh ngày trước gửi thư cho Thoa sơn có nói rằng: Không nói Vô Cực thì Thái Cực đồng ở một vật, không đủ làm cội gốc cho vạn hóa. Không nói Thái Cực, thì Vô Cực chìm ở nơi không tịch, không thể làm cội gốc cho vạn hóa...

Đại truyện trong Kinh Dịch nói rằng: Dịch có Thái Cực. Thánh nhân nói hữu, nay lại nói Vô là tại sao? Lúc Thánh nhân soạn Đại truyện không nói đến Vô Cực, hẳn Thái Cực đã từng đồng ở một vật mà chẳng đủ làm cội gốc cho vạn hóa ru?... Hai chữ Vô Cực xuất ở chương Tri kỳ hùng của Lão tử, chứ sách của Thánh nhân ta chưa từng nói đến. Chương đầu sách Lão Tử nói rằng: không danh là mối đầu của trời đất, có danh là mẹ của vạn vật, chính là theo cái ý ấy. [23]

Tóm lại đối với Nho gia, Thái Cực là:

Nguyên lý của vũ trụ [24]

Căn bản quần sinh [25]

Huyền cơ biến hóa [26]

Vô thanh xú, vô thủy chung v.v.. [27]

B. THÁI CỰC VÀ HUYỀN

Thái Cực trong Kinh Dịch cũng tương đương với Huyền trong Thái Huyền của Dương Hùng [28]

Dương Hùng chủ trương: Huyền vô thủy vô chung [29]Huyền là Bản Thể vũ trụ [30]Huyền sinh xuất vũ trụ, cai quản vạn tượng, Vạn Hữu [31]

Huyền sinh xuất Nhật Nguyệt tinh cầu, tứ thời tuần tiết [32] Huyền là chủ chốt nhân luân. Thuận theo Huyền, đó là quân tử, nghịch với Huyền đó là tiểu nhân [33] Tất cả những chủ trương trên đều tương đương với chủ trương của Tống Nho về Thái Cực, về Thiên lý.

C. THÁI CỰC ĐỐI VỚI PHẬT GIA

Nếu ta chuyển sang từ ngữ Phật giáo, Thái Cực sẽ trở thành Chân Như bản tính.

Qui Nguyên Trực Chỉ viết: Chân Như bản tính là Bản Thể chân thực, là Bản Lai Diện Mục sẵn có từ khi cha mẹ chưa sinh ra mình, Thiền tông gọi đó là «Chánh Pháp Nhãn Tạng». Liên tông gọi là Bổn tánh Di đà. Khổng tử gọi là Thiên lý. Lão tử gọi là Cốc Thần. Dịch gọi là: Thái Cực. Tên tuy khác nhau, nhưng kỳ thực cũng chỉ là một Chân Như bản tính [34] Thái Cực hay Chân Như bản tính ấy chính là Bản tính con người. Bản tính ấy dẫu ở nơi người thánh hay người phàm cũng không hề tăng giảm. Suy rộng ra, vạn vật, Vạn Hữu cũng đều hàm tàng Thái Cực [35]

Phật gia còn gọi đó là Pháp. Kinh Kim Cương viết: Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp. Pháp là bản tính. Bản tính cũng ví như kim cương, kiên cố vững bền không thể hư hoại được. [36]

Tổng thiền sư chùa Đông Lâm chủ trương đại khái như sau: Thái Cực là Chí lý, là Thể, là Chân, là căn nguyên vũ trụ y thức như, theo từ ngữ Phật giáo, Không là căn nguyên vũ trụ [37]

D. THÁI CỰC VỚI ĐẠO GIA

Đối với Đạo gia, Thái Cực cũng vẫn là căn bản của vũ trụ. Đại Đỗng Chân Kinh viết: Căn bản do lai Thái Cực tầm [38] Muốn tìm gốc gác phải tìm nơi Thái Cực. Trong Thái Cực Quyền Bổng Đồ Thuyết, ta thấy có bài Thái Cực Đồ Lộng Viên ca. Đại ý như sau:

Ta nay vốn có một vòng
Trắng đen hòa hợp, mơ mòng, tịch liêu
Tuy là hai ngả, hai chiều;
Nhưng mà kỳ thực chất chiu một vành [39]
To thời vô tận, mông mênh,
Nhỏ thời nhỏ síu, phá phanh nhẽ nào.
Thủy chung chẳng rõ tiêu hao,
Chẳng phân tả hữu, thấp cao gót đầu
Cửu trù, Bát quái trước sau,
Dọc ngang tạo tác, cơ mầu ai hay.
Cổ kim trước mắt phơi bày,
Đất trời rành rẽ, hiện ngay trước tòa [40]
Thuấn, Nghiêu, Chu, Khổng một nhà
Giữa đoàn Hiền Thánh, có ta chủ trì,
Sắt cầm thánh thót vân vi,
Nhạc trời dìu dặt, thỏa thuê vui vầy.
Khổng rằng: Thái Cực là đây
Hai chiều, hai mặt phơi bày Âm Dương
Cát hung, phân định đường hoàng
Rồi ra đại nghiệp có đường phát sinh.
Hình thời khoác lốt Ngũ Hành,
Thần thời hiển lộ mối manh Ngũ Thường [41]
Trăm chiều sau trước vuông tròn,
Làm cho Mạnh tử mỏi mòn chắt chiu
Dẫu rằng vất vả đến điều,
Lòng Trời cố giữ, chẳng siêu, chẳng rời
Hạo Nhiên, Thái Cực chẳng hai,
Mênh mông, cao đại chẳng phai, chẳng mòn.
Đất trời bao quát sớm hôm

Hi, Hoàng âu cũng nhờ ơn dắt dìu [42]

Bài ca trên cho thấy Thái Cực vừa là cực tiểu, vừa là cực đại; vô thủy vô chung; bao quát Âm Dương, trời đất, không gian, thời gian; biến hóa vô cùng; sáng soi cho các bậc Thánh Hiền muôn thủa. Thái Cực còn có thể gọi là Hạo Nhiên, theo từ ngữ Mạnh tử.

Xướng đạo Chân Ngôn có một đoạn bình về Thái Cực đại khái như sau:

1/. Khó mà phân biệt được Vô Cực và Thái Cực [43]

2/. Thái Cực linh minh biến hóa [44]

3/. Thái Cực lớn thì trùm trời đất, mà nhỏ thì lọt trong hạt cải tế vi [45]

4/. Thái Cực sinh vạn vật, nhưng không vì sinh vạn vật mà bị phân hóa [46]

5/. Thái Cực sinh vạn vật, vạn vật lại quay trở về Thái Cực, đó là lẽ Nhất biến Vạn, Vạn qui Nhất của Dịch. [47]

6/. Trung Dung viết: Ngứ đại, thiên hạ mạc năng tải. Xướng đạo Chân Ngôn bình: Đó là Thái Cực bao trùm trời đất. [48]

7/. Trung Dung viết: Ngứ tiểu thiên hạ mạc năng phá. Xướng đạo Chân ngôn bình: Đó là Thái Cực lồng trong vạn vật [49]

8/. Sách viết thêm: Hợp trời đất lại vẫn là một Thái Cực. Chia ra thành vạn tượng, vạn loài thì mỗi loài mỗi tượng đều có một Thái Cực; mà Thái Cực vẫn không hề có bị chia phôi [50]

9/. Tìm ra Thái Cực trong lòng con người, tức là tìm ra được Kim Đơn [51]

10/. Thái Cực là Vô Cực, là Kim Đơn [52], là Thần [53], là Không [54], là Nhất Chân, Nhất Nguyên, danh hiệu tuy khác nhau nhưng chung qui vẫn là một thực thể.

Sách Liêu Dương Điện Vấn Đáp chủ trương: Thái Cực tiềm ẩn trong lòng con người. Đó là Thiên tâm, là Viên Giác, là Kim Đơn, tùy theo từ ngữ mỗi đạo giáo [55]Thái Cực vừa là thời hậu (Instant), sinh ra thời gian, vừa là chủng tử (germe), sinh ra mọi cơ cấu trong hoàn võ [56]

Đông Hoa Đế Quân gọi Thái Cực là Huỳnh Đình, là Chúng Diệu Chi Môn, Huyền Tẫn Chi Môn, Đạo Nghĩa Chi Môn, Bất Nhị Pháp Môn, là Hư Vô, là Chân Không, là Trung Thần v.v..Và hình dung Huỳnh Đình Thái Cực bằng một hình vẽ như sau:

1- Thái Cực, 2- Đạo nghĩa chi môn, 3- Chân Không,

4- Bất nhị pháp môn, 5- Trung Thần, 6- Chúng diệu chi môn,

7- Hư Vô, 8- Nguyên tẫn chi môn, 9- Huỳnh Đình. [57]

Những lời của Đông Hoa Đế Quân bàn về Huỳnh Đình tức là những lời bàn về Thái Cực.

Đông Hoa Đế Quân viết: Huỳnh Đình sinh xuất từ Tiên Thiên, tàng ẩn ở Hậu Thiên. Vốn không hình tượng, không danh tự, nên tạm hình dung bằng vòng tròn ○, tạm gọi là Huỳnh Đình [58]

Vì là sinh cơ man mác, nên gọi là Huỳnh Đình, vì biến hóa không lường nên gọi là Thần. Huỳnh Đình là thể, Thần là dụng, hai đằng là một. Nho gọi là Đạo Đức Chi Môn, Thích gọi là Bất Nhị Pháp Môn, Lão gọi là Chúng Diệu Chi Môn, hay Huyền Tẫn Chi Môn! Vì không hình tượng, nên người xưa lấy Thần các cảnh mà hình dung Thần Huỳnh Đình để mọi người nhân Thần của cảnh, mà suy ra Thần Không cảnh của Huỳnh Đình. [59]

Sách Tính Mệnh Khuê Chỉ đã cho ta thấy tầm quan trọng của Thái Cực, khi vẽ hình Lão tử, trong tay có cầm một đồ bản Thái Cực (TMKC Nguyên-trang 1b). Đối với Đạo gia, Thái Cực chính là Huyền Quan Khiếu. Khiếu này chẳng có đầu đuôi; chẳng biến đổi; không phải có, mà cũng chẳng phải không; không tròn, không vuông; chẳng thiếu, chẳng thừa; chẳng tăng, chẳng giảm; chẳng đi, chẳng lại; chẳng sinh, chẳng diệt; không trong, không ngoài; không mầu, không sắc; không tiếng, không hơi; như có, như không; như còn, như mất, dùng thời vận hành, thu thời tàng ẩn; vào ra bất trắc, chẳng ai biết được quê hương [60] Từ xưa tới nay, độc lập trường tồn giữa đất trời, làm trung tâm điểm cho Vạn Hữu, làm căn bản cho cuộc sinh hóa. Trời, đất, người, vật tất cả đều phải dựa nương nhờ cậy để sinh thành [61]

Quan niệm về Tuyệt Đối Thể không đầu đuôi, không hình dung, lưng mặt, làm ta liên tưởng đến quan niệm Hóa công không tai mắt, tay chân của Platon và của Empédocle· [62]

Sau khi đã khảo sát quan niệm Thái Cực của tiền nhân để tìm ra ý tứ hàm ngụ bên trong, ta có thể tổng kết lại và đoán định như sau:

1. Thái Cực vô hình tượng, hư linh bất muội, vô thủy vô chung [63]

2. Thái Cực là Bản Thể của vũ trụ và cũng là Bản Thể của Vạn Hữu và của con người [64]

3. Thái Cực sinh xuất Vạn Hữu, nhưng sau trước vẫn nguyên tuyền, chẳng có hao hớt, chia phôi [65]

4. Thái Cực lồng trong vạn vật để làm chủ chốt mọi biến hóa và làm cùng đích muôn loài [66]

5. Thái Cực vừa là cực đại, vừa là cực tiểu. Cực đại nên bao trùm vũ trụ muôn phương, cực tiểu nên lồng trong vi trần, trong giới tử. Dù nhìn bao quát cả vũ trụ cũng chỉ có một Thái Cực, nhưng nếu nhìn tán phân từng vật, ta lại thấy mỗi vật đều gồm đủ cả Thái Cực [67]. Thái Cực tuy sinh xuất Vạn Hữu, sau trước vẫn là duy nhất bất khả phân. [68]

6. Thái Cực chính là Trung, là Đạo, là Trời, là Chân Tâm, là Bản Thể của vũ trụ. Thái Cực chính là Thượng Đế [69].Thái Cực là Nhất [70], là Tuyệt Đối [71]

Robert Lasserre toát yếu quan niệm Thái Cực như sau: Thái Cực đã cấu tạo nên vũ trụ, Vạn Hữu.

Từ Vân hán, Ngân hà đến Nhật Nguyệt, tinh thần, quần sinh, vạn vật, tất cả đều có một Bản Thể duy nhất như nhau, ấy là Thái Cực, nhưng hình tướng công dụng bên ngoài khác nhau [72]

Khi Thái Cực đã phân Âm Dương, động tĩnh, tức là khi Thái Cực đã hiển dương, ta mới biết được hành tung Thái Cực.

Còn khi Thái Cực chưa có phân Âm Dương, động tĩnh, thì hoàn toàn vô thanh, vô xú, vô trẫm triệu. Lúc ấy chỉ có thể trực giác được Thái Cực mà thôi.[73]

CHÚ THÍCH

[1] Le premier écrivain de la tendance nouvelle...fut Tcheou Tounn I (1017 - 1073)(Chu đôn Di) maÛtre Tcheou, qui établit que le système des Anciens manquait de tête: il fallait quelque chose, par delà le binôme ciel terre, par delà la roue du yinn yang et des cinq éléments. Il adopta pour être ce quelque chose le Tai ki de Lao tzeu et de Tch'enn T'oan (Trần Đoàn)... Tout son mérite consiste à avoir mis l'Unité en tête du dualisme. — Cf. HCROPC - page 658.

[2] Trích trong Tống Nho Bửu Cầm - trang 49.

[3] La norme s'appelle aussi T'ai ki (Thái Cực), le grand axe, parce qu'elle meut tout dans l'univers. Maître Tcheou lui a encore ajouté l'épithète de Où Ki (Vô Cực), pour exprimer sa nature incorporelle. C'est l'impalpable moteur qui ne tombe pas sous les sens. — Cf. Léon Wieger - Textes Philosophiques Tome I - page 180.

[4] Thiệu tử sở vị Nhất, tức Thái Cực dã... 邵 子 所 謂 一 即 太 極 也

- Đồ giai tòng trung khởi. Vạn tượng sinh ư tâm... 圖 皆 從 中 起 萬 象 生 於 心

- Hựu viết: Tâm vi Thái Cực; hựu viết: Đạo vi Thái Cực. 又 曰 心 為 太 極 又 曰 道 為 太 極 — Tạ Vô Lượng, Trung Quốc Triết Học Sử, Đệ tam thiên thượng, trang 14 - 15.

[5] L'être premier duquel est issu tout ce qui est, c'est la Principe, c'est le Pôle Auguste, c'est l'Apogée. Noms d'emprunt, car l'être primordial est indéfinissable, innomable, ineffable. — HCROPC - page 65.

[6] Đồ giai tòng trung khởi, vạn tượng sinh ư tâm... 圖 皆 從 中 起 萬 象 生 於 心

- Hựu viết Tâm vi Thái Cực. 又 曰 心 為 太 極

- Hựu viết: Đạo vi Thái Cực. 又 曰 道 為 太 極

Tạ Vô Lượng, Trung Quốc Triết Học Sử, Đệ tam thiên thượng - trang 14 -15

... Le ciel n'a jamais parlé,

- Il ne loge pas dans l'azur.

- Il n'est pas haut, il n'est pas loin,

- L'homme l'imagine dans son coeur.

Cf. Léon Wieger - HCROPC page 602.

[7] Hà vị Tiên Thiên. Tịch nhiên bất động, ảo ảo, minh minh, Thái Cực vị phán chi thời dã. Hà vị Hậu Thiên, cảm nhi toại thông, hoảng hoảng, hốt hốt, Thái Cực dĩ phán chi thời dã. 何 謂 先 天. 寂 然 不 動, 窈 窈, 冥 冥, 太 極 未 判 之 時 也. 何 謂 後 天. 感 而 遂 通 恍 恍 惚 惚, 太 極 已 判 之 時 也. — TMKC - Lợi - trang 2b.

[8] Chu tử chi Thái Cực đồ, Thiệu tử chi Tiên Thiên đồ tịnh vân truyền tự phương ngoại, hữu vị đồng xuất ư Trần Đoàn...Thiệu Tử dĩ Thái Cực sinh vũ trụ Vạn Hữu, lược dữ Chu tử đồng. 周 子 之 太 極 圖, 邵 子 之 先 天 圖 並 云 傳 自 方 外, 有 謂 同 出 於 陳 摶... 邵 子 以 太 極 生 宇 宙 萬 有, 略 與 周 子 同.— Tạ Vô Lượng, TQTHS, Đệ tam thiên thượng, trang 14.

[9] Chữ Đạo, Y Xuyên dùng đó có cái ý nghĩa như hai chữ Thái Cực ở Dịch Kinh, điều mà Y xuyên sẽ mệnh danh cho nó là Lý sau này...

- Chân nguyên tức là Lý, còn sự co duỗi, tới lui tức là Khí.

Cf. Tống Nho Bửu Cầm, trang 88, 99

[10] Thái Cực chỉ thị nhất cá Lý tự. Nhược vô Thái Cực, tiện bất phiên liễu thiên địa. 太極只是一個理字. 若無太極, 便不翻了天地. — Stanislas le Gall, Le Philosophe Tchou Hi, p. 97.

[11] ...Thái Cực phi thị biệt vi nhất vật. Tức Âm Dương, nhi tại Âm Dương; tức Ngũ Hành nhi tại Ngũ hành; tức Vạn vật nhi tại Vạn vật. 太極非是別為一物. 即陰陽而在陰陽, 即五行而在五行, 即萬物而在萬物.— Ib. 99.

[12] Thù vấn Cực chi vi ngôn. Cứu cánh chí cực, bất khả hữu gia chi vị, dĩ tráng thử lý chi danh nghĩa tắc cử thiên hạ vô dĩ gia thử chi xưng dã cố thường tại vật chi trung, vi vật chi đích. Vật vô chi, tắc vô dĩ vi căn chủ, nhi bất năng dĩ hữu lập. 殊問極之為言. 究竟至極, 不可有加之謂, 以壯此理之名義則舉天下無以加此之稱也故常在物之中, 為物之的. 物無之則無以為根主而不能以有立. — Stanislas le Gall, S. J. Tchou Hi, Sa Doctrine, Son Influence - page 116.

[13] Léon Wieger, Textes Philosophiques, Tome I - p. 180

- Cf. Tạ Vô Lượng, Trung Quốc Triết Học Sử, trang 59.

[14] Phùng Hữu Lan, Trung Quốc Triết Học Sử, trang 896.

[15] Thái Cực hình nhi thượng chi Đạo dã. Âm Dương hình nhi hạ chi khí dã. Thị dĩ tự kỳ trứ giả nhi quan chi, tắc động tĩnh bất đồng thời, Âm Dương bất đồng vị, nhi Thái Cực vô bất tại yên. Tự kỳ vi giả nhi quan chi, tắc xung mục vô trẫm, nhi động tĩnh Âm Dương chi lý, dĩ tất cụ ư kỳ trung hỹ. Tự kỳ trứ giả nhi quan chi, tức tại cụ thể sự vật trung quan chi. Tự kỳ vi giả nhi quan chi, tức tựu Thái Cực chi Bản Thể quan chi dã. Thái Cực vô hình tượng, nhi kỳ trung vạn lý tất cụ. 太極形而上之道也. 陰陽形而下之氣也. 是以自其著者而觀之, 則不動靜不同時, 陰陽不同位而太極無不在焉. 自其微者而觀之, 則沖目無朕而動靜陰陽之理, 已畢具於其中矣. 自其著者而觀之, 即在具體事物中觀之. 自其微者而觀之, 即就太極之本體觀之也. 太極無形象, 其中萬理畢具.— (Thái Cực đồ thuyết chú) Phùng Hữu Lan, Trung Quốc Triết Học Sử - trang 900.

[16] Thái Cực vô phương sở, vô hình thể, vô địa vị khả đốn phóng (Ngữ lục). 太極無方所無形體無地位可頓放.— Phùng Hữu Lan, Trung Quốc Triết Học Sử - trang 901.

[17] Thái Cực chỉ thị thiên địa vạn vật chi lý. 太極只是天地萬物之理 .— Ib. trang 905.

[18] Lý tức như Hi Lạp Triết học trung sở thuyết chi hình thức (Form). 理即如希臘哲學中所說之形式.— Ib. 903

[19] Tống Nguyên Học Án Quyển 12 trang 5.

[20] Tượng Sơn dĩ Vô Cực phi Chu tử ngữ. 象山以無極非周子語.— Tạ Vô Lượng TQTHS, Đệ tam thiên thượng, trang 72.

[21] Tượng Sơn dĩ Vô Cực phi Chu tử ngữ. — Tạ Vô Lượng TQTHS, Đệ tam thiên thượng, trang 72.

[22] Giữa Chu học và Lục học, tuy có rất nhiều điểm dị đồng, song chỉ có cuộc tranh luận về hai chữ Vô Cực là kịch liệt nhất... — Cf. Bửu Cầm, Tống Nho, trang 175.

[23] Cf. Bửu Cầm, Tống Nho, trang 174 - 175.

[24] Thiệu tử dĩ Thái Cực sinh vũ trụ Vạn Hữu. 邵子以太極生宇宙萬有. — Tạ Vô Lượng TQTHS, Đệ tam thiên thượng - trang 14.

[25] Phẩm vựng chi căn để dã. 品彙之根底也. — Ib. trang 6.

[26] Viết Vô Cực, nhi Thái Cực, Tạo hóa lưu hành chi thể, vô thời hưu tức. 曰無極, 而太極, 造化流行之體, 無時休息. — Ib. trang 9.

[27] Ib. trang 6.

[28] Tạ Vô Lượng, TQTHS, Đệ nhị thiên thượng trang 28.

[29] Ib. trang 28.

[30] Ib. trang 28.

[31] Ib. trang 28.

[32] Ib. trang 28.

[33] Ib. trang 28.

[34] Chân Như bản tính giả, phụ mẫu vị sinh tiền, nhất chân vô vọng chi thể vị chi bản lai diện mục. Thiền tông tắc viết: Chánh pháp Nhãn Tạng, Liên tông tắc viết: Bản tính Di Đà. Khổng tử tắc viết: Thiên lý. Lão tử tắc viết: Cốc thần. Dịch đạo tắc viết:Thái Cực. Danh tuy hữu dị, kỳ thực đồng nhất Chân Như Bản Thể dã. 真 如 本 性 者, 父 母 未 生 前, 一 真 無 妄 之 體 謂 之 本 來 面 目. 禪 宗 則 曰 正 法 眼 藏. 蓮 宗 則 曰 本 性 彌 陀. 孔子則 曰 天 理. 老 子 則 曰 谷 神. 易 道 則 曰 太 極. 名 雖 有 異 其 實 同 一 真 如 本 體 也.— Qui Nguyên Trực Chỉ II - trang 369.

[35] Tâm Kinh vân: Bất tăng bất giảm. Thử tính tại Thánh bất tăng, tại phàm bất giảm, cố viết: bất tăng, bất giảm dã. Khởi bất kiến Nhu vân: Nhất thiết hàm linh các cụ nhất Thái Cực, diệc thử lý dã. 心 經 云: 不 增 不 減. 此 性 在 聖 不 增, 在 凡 不 減, 故 曰 不 增 不 減 也. 豈 不 見 儒 云: 一切 含 靈, 各 具 一 太 極, 亦 此 理 也.— Qui Nguyên Trực Chỉ II trang 373.

[36] Qui Nguyên Trực Chỉ Quyển II - trang 371 - 372.

[37] Qui Nguyên Trực Chỉ Quyển Hạ (Đỗ thiếu Lăng phiên dịch) trang 604.

[38] Căn bản do lai Thái Cực tầm. 根 本 由 來 太 極 尋. — Đại đỗng Chân Kinh, Quyển thượng - trang 5.

[39] Thái Cực Quyền Bổng Đồ Thuyết, trang 84.

[40] Ib. trang 84.

[41] Ib. trang 84.

[42] Ib. trang 33.

[43] Xướng Đạo Chân Ngôn II - trang 8a.

[44] Thái Cực khả dĩ biến hóa. Nhất biến nhi vi Vạn, Vạn cụ nhất Thái Cực; Vạn hóa nhi vi Nhất, Nhất nhưng nhất Thái Cực dã. 太 極 可 以 變 化. 一 變 為 萬, 萬 具 一 太 極; 萬 化 而 為 一. 一 仍 一 太 極 也 . — Ib. trang 8a.

[45] Thái Cực dã, đại tắc bao thiên địa, tiểu tắc nhập giới tử. 太 極 也 大 則 包 天 地, 小 則 入 芥 子.— Ib. 8a.

[46] Ib. trang 8b.

[47] Ib. trang 8a.

[48] Trung Dung viết: Ngứ đại, thiên hạ mạc năng tải. Thái Cực bao hồ thiên địa chi ngoại dã. 中 庸 曰: 語 大, 天 下 莫 能 載. 太 極 包 乎 天 地 之 外 也.— Ib. trang 8b.

[49] Ib. trang 8b.

[50] Ib. trang 8b.

[51] Ib. trang 8a.

[52] Ib. trang 9a.

[53] Ib. trang 9a.

[54] Ib. trang 9b.

[55] Liêu Dương Điện Vấn Đáp Thiên I, trang 2b.

[56] Ib. trang 2b.

[57] Trích trong Huỳnh Đình Kinh giải (Thê Vân Sơn Ngộ Nguyên tử Lưu Nhất Minh) trang 3.

[58] Huỳnh Đình xuất ư Tiên Thiên, tàng ư Hậu Thiên, bản vô hình tượng, diệc vô danh tự cưỡng nhi đồ chi giá cá ○ nhi dĩ. Cưỡng nhi danh chi Huỳnh Đình thị dã. 黃庭出於先天, 藏於後天, 本無形象, 亦無名字, 強而圖之這個○而已. 強而名之黃庭是也. — Huỳnh Đình Kinh giải trang 3.

[59] Nhân kỳ hồn nhiên sinh cơ, cố danh Huỳnh Đình. Nhân kỳ biến hóa bất trắc, cố vị chi Thần. Huỳnh Đình thể dã, Thần kỳ dụng dã. Nhất vật nhi nhị danh. Nhu tu chi vi Đạo Nghĩa Chi Môn, Thích tu chi vi Bất Nhị Pháp Môn; Đạo tu chi vi Chúng Diệu Chi Môn, hựu vi Huyền Tẫn Chi Môn. Nhân kỳ vô hình vô tượng, cố Đạo Tổ dĩ chư cảnh chi thần hình dung kỳ Huỳnh Đình chi thần sử nhân ư chư cảnh chi thần, truy cứu kỳ Huỳnh Đình vô cảnh chi thần nhĩ. 因其渾然生機, 故名黃庭. 因其變化不測, 故謂之神. 黃庭體也. 神其用也. 一物而二名. 儒修之為道義之門. 釋修之為不二法門. 道修之為眾妙之門. 又為玄牝之門. 因其無形無象故道祖以諸景之神形容其黃庭之神使人於諸景之神, 追究其黃庭無景之神耳. — Huỳnh Đình Kinh Giải - trang 3.

[60] Phương vi chính Huyền Quan. Nhân kỳ vô thủ vô vĩ. Bất biến bất canh, phi vô phi hữu, phi viên, phi phương, vô dư vô khiếm, bất giảm bất tăng, vô lai vô khứ, bất diệt bất sinh, vô nội vô ngoại. Bất hoàng bất xích, vô tương vô nghinh, bất bạch bất thanh, vô thanh vô xú, tự hữu tự vô, nhược vong nhược tồn. Dụng chi tắc hành, quyển chi tắc tàng; xuất nhập vô thời, mạc tri kỳ hương. 方為正玄關. 因其無首無尾. 不變不更, 非無非有, 非圓非方, 無餘無欠, 不減不增, 無來無去, 不滅不生, 無內無外, 不黃不赤, 無將無迎, 不白不青, 無聲無臭, 自有自無, 若亡若存. 用之則行, 卷之則藏; 出入無時, 莫知其鄉.— TMPQ, Quyển 7 - trang 5,6.

[61] TMPQ, Quyển 7 - trang 6.

[62] L'architecte arrondit et polit toute la surface extérieure de la sphère du monde et cela pour plusieurs raisons. Il n'avait en effet besoin ni d'yeux, puisqu'il ne restait rien de visible en dehors de lui, ni d'oreille puisqu'il n'y avait non plus rien à entendre. Il n'y avait pas non plus d'air environnant qui exigeât une respiration. Il n'avait pas non plus besoin d'organes soit pour recevoir en lui la nourriture, soit pour la rejeter après en avoir absorbé le suc. Car rien ne sortait et rien n'y entrait de nulle patt puisqu'il n'y a rien en dehors de lui. Quant aux mains, qui ne lui serviraient ni pour saisir, ni pour repousser quoi que ce soit, il jugea qu'il était inutile de lui en ajouter, pas plus que des pieds ou tout autre organe de locomotion (Timée p.p. 464,465)

...(On trouve la même description du Dieu sans yeux, ni oreilles, ni mains, ni pieds dans Empédocle)

Anthologie de la Poésie Grecque, Trad: Brasillach, Stock 1950

La Voie Rationnelle de la Médecine Chinoise, pages 236 237, Texte et note 1.

[63] Thái Cực Đồ Lộng Viên Ca. Thái Cực Quyền Bổng Đồ Thuyết, trang 84.

[64] Tử Đồng, Tạ Vô Lượng, TQTHS, Đệ tam thiên thượng, trang 59.

[65] Vũ trụ gian vạn vật mạc bất tòng Thái Cực sinh hỹ. 宇宙間萬物莫不從太極生矣.— Ib. 59.

[66] Cố viết: Thái Cực chỉ thị nhất cá Lý tự. Hựu viết: Thái Cực phi thị biệt vi nhất vật; tức Âm Dương nhi tại Âm Dương; tức ngũ hành nhi tại ngũ hành; tức vạn vật nhi tại vạn vật; Chỉ thị nhất cá lý nhi dĩ. Nhân kỳ cực chí, Cố danh viết: Thái Cực, nhiên tắc Thái Cực tức Lý, Lý tức Thái Cực khả tri. 故曰太

極只是一個理字. 又曰太極非是別為一物. 即陰陽而在陰陽, 即五行而在五行, 即萬物而在萬物. 只是一個理而已. 因其極至故名曰太極然則太極即理, 理即太極可知.

...Thái Cực tất duy nhất, tất tuyệt đối, vị chi viết Lý. Thái Cực dữ lý đồng thể nhi dị danh, thị vũ trụ chi sơ yên. Cố viết: Vị hữu thiên địa chi tiên tất cảnh chỉ thị lý, hữu thử lý tiện hữu thử thiên địa, nhược vô thử lý, tiện diệc vô thiên địa, vô nhân, vô vật.. 太極必惟一必絕對謂之曰理. 太極與理同體而異名, 是宇宙之初焉. 故曰未有天地之先畢景只是理有此理便有天地, 若無此理, 便亦無天地無人, 無物. — (Chu Hối Am) TQTHS, trang 58·

[67] Xướng Đạo Chân Ngôn, trang 8b.

[68] Tạ Vô Lượng TQTHS - Thiên III thượng - trang 59

Xướng Đạo Chân Ngôn - Ib. 8b.

[69] Dịch Kinh Đại Toàn, Chu Hi đồ thuyết - trang 14.

[70] Thiên III Thượng trang 15.

[71] Thái Cực tất duy nhất, tất Tuyệt đối. 太極必惟一必絕. (Chu hối Am), Cf. Tạ Vô Lượng, TQTHS, Thiên III thượng trang 58.

[72] Ce qui produit et compose l'univers est Taikyoku (Indou: Cunya, Chinois T'ai Ki: l'univers, éther non - différencié ou la nature intime).

Commentaire: Depuis les lointaines nébuleuses jusqu'à notre planète, en passant par le soleil et les astres de tous les autres systèmes dont l'univers est composé, absolument tout, les êtres et les choses, l'eau, le feu, l'air, la terre... est composé dans sa nature intime d'une seule et même substance qui se manifeste sous différents aspects. — Robert Lasserre, Etranges Pouvoirs _ page 29.

[73] «Taikyoku se polarise: un pôle se charge d'activité Yo, l'autre d'activité In»

Commentaire: Cette polarisation nous permet de saisir les manifestations de Taikyoku par ses activités positives ou négatives. Taikyoku lui même avant sa polarisation ne peut se saisir que par intuition: «Ce n'est pas l'obscurité, c'est ce qui la produit; aucun mot ne peut la traduire.» — Robert Lasserre, Etranges Pouvoirs - page 29.

---

chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 **4** 5 6 7 8 9 | chương **1** 2 3 4 5 6 7 8 | phụ lục 1 2 | STK

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 4

THÁI CỰC LUẬN

chương trước chương sau

Chương 2. Tính danh Thái Cực

Trong tiết này ta sẽ cố tìm cho ra những từ ngữ có thể dùng để chỉ danh Thái Cực.

Chúng ta sẽ áp dụng mấy phương pháp sau đây:

1.Nghiên cứu các đồ bản Dịch Kinh

2. Nghiên cứu thư tịch Nho, Thích, Lão.

3. Áp dụng định luật toán học, nếu A = B

B = C

thì A = C

Ví dụ: Thái Cực = Thiên Địa chi tâm

Thiên Địa chi tâm = Đạo tâm

Thái Cực = Đạo tâm

4. Suy ra những danh hiệu chính yếu của Thái Cực, khi đã hiểu rõ quan niệm của người xưa về Thái Cực. Họa bản Huỳnh Đình trong Huỳnh Đình Kinh giải của Lưu nhất Minh đã cho ta biết những danh hiệu sau đây tương đương với Thái Cực:

Huỳnh Đình, Trung Thần, Hư Vô, Chân Không Bất Nhị Pháp Môn, Chúng Diệu Chi Môn, Huyền Tẫn Môn, Đạo Nghĩa Chi Môn [1]

Tượng Ngôn Phá Nghi cho rằng Huyền Tẫn Môn tức là Huyền Quan Khiếu [2]

Theo Huỳnh Đình Kinh giải ta thấy Thái Cực là Huyền Tẫn Môn. Như vậy:

Thái Cực = Huyền Tẫn Môn = Huyền Quan Khiếu (Nguyên Quan Khiếu) [3]

Và cứ theo định luật toán học, nếu A = B

B = C

thì A = C

Ta sẽ biết thêm rằng Thái Cực cũng là:

Sinh Tử Hộ, Sinh Sát Thất, Thiên Nhân Giới, Hình Đức Môn, Hữu Vô Khiếu, Thần Khí Huyệt, Hư Thực Địa, Thập Tự Lộ...vì những danh hiệu trên đều là biệt danh của Huyền Quan Khiếu [4]

Dựa vào tài liệu trong quyển Thông thiên bí thư ta biết Thái Cực hay Huyền Tẫn còn có những tên sau đây:

·Thái Cực Chi Đế	- Trung Hoàng Cung
- Tiên Thiên Chi Bính	- Đan Nguyên Phủ
- Hư Vô Chi Hệ	- Chu Sa Đỉnh
- Tạo Hóa Chi Nguyên	- Long Hổ Huyệt
- Hỗn Độn Chi Căn	- Huỳnh Bà Xá
- Thái Hư Chi Cốc	- Dung Lô
- Qui Căn Khiếu	- Thổ Phủ
- Phục Mệnh Quan	·Thần Thủy
- Mậu Kỷ môn	- Hoa Trì
- Canh Tân Thất	- Đế Ất
- Giáp Ất Hộ	- Thần Thất
- Tây Nam Hương	- Linh Đài
- Chân Nhất Xứ	- Giáng Cung [5] v.v...

Thái Cực thường được tượng trưng bằng vòng tròn. Ngoài ra, cổ nhân còn dùng vòng tròn để tượng trưng: Vô Cực,[6] Kim Đơn,[7] Thần,[8] Chu Sa Đỉnh, Pháp Thân,[9] Thử Mễ Châu,[10] Hồng Mông, [11] Thánh Thai [12]

Ta kết luận: Thái Cực cũng là:Vô Cực, Kim Đơn Thần, Pháp Thân, v.v.. Thái Cực chính là nơi Âm Dương tương hợp, Hắc Bạch tương phù, nên cũng chính là: Thiên Địa Chi Tâm, [13]Thiên Địa Chi Tâm là Đạo Tâm, vậy: Thái Cực = Đạo Tâm [14]

Khảo sát các hình: Huyền Tẫn Chi Môn, Nguyên Quan Nhất Khiếu trong Tượng Ngôn Phá Nghi[15] ta thấy rằng Thái Cực còn có thể gọi là:

Âm Dương Chi Môn, Tứ Đại Bất Trước Chi Xứ, Động Tĩnh Chi Quan, Thần Khí Chi Huyệt, Khảm Ly Chi Tinh, Hữu Vô Tương Nhập Xứ.

Thái Cực chính là: Đạo, [16]Trung, [17]Nhất,[18]Lý, [19]Tâm,[20] Tính,[21] Thiên Đạo, [22]Thiên Lý, [23]Thái Nhất, [24]Thái Hòa theo từ ngữ Trương hoành Cừ, [25] Tổ Khiếu theo từ ngữ của các Đạo gia. [26]

Sau khi đã tìm ra được các tính danh Thái Cực, ta có thể tìm hiểu duyên do của ít nhiều danh hiệu của Thái Cực.

I. Thái Cực sở dĩ gọi là Thái Cực vì Thái Cực là Tuyệt Đỉnh.

II. Thái Cực ở tâm điểm các vòng Dịch nên cũng được gọi là: Trung, Hoàng Trung, Ngũ, Ngũ Thập, Mậu Kỷ Môn.

III. Thái Cực là Nhất, vì Nhất có thể sinh Vạn. Thái Cực đứng giữa trục Âm Dương, nên cũng được gọi

là Thập Tự Nhai: +

IV. Thái Cực được gọi là Huyền Quan Nhất Khiếu vì người xưa cho rằng Vạn Hữu xuất phát từ Nhất điểm linh quang ở giữa lòng Vô Cực [27]

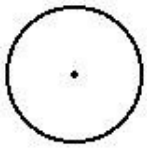

V. Thái Cực được gọi là Huyền Tẫn Chi Môn vì là ở giữa hai cửa Âm Dương [28]

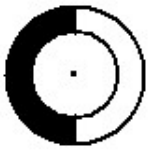

VI. Thái Cực là tâm điểm sinh trời đất, nhân vật nên cũng gọi là Thiên Địa Chi Tâm:

[29]

VII. Thái Cực là Bản Thể của vũ trụ, là căn nguyên vũ trụ nên cũng được gọi là Tính, là Lý, là Căn Nguyên.

VIII. Thái Cực vì phối hợp được Âm Dương, nên được gọi là: Huỳnh Bà Xá

IX. Thái Cực tạo dựng quần sinh, và là cùng đích Vạn Hữu nên là: Thủy, Chung.

X. Thái Cực là môi giới giữa Vô Cực và Vạn Hữu.

Ta tạm hình dung bằng hình vẽ sau:

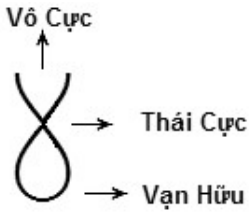

Ta thấy rằng Thái Cực đồng thời:

Vừa là Vô Cực, vừa là Vạn Hữu

Không phải Vô Cực, cũng không phải Vạn Hữu.

Bao hàm cả Vô Cực, lẫn Vạn Hữu

Nếu ta gọi Vô Cực là Vô, Vạn Hữu là Hữu, ta có thể nói Thái Cực:

Vừa là Vô, vừa là Hữu

Chẳng phải Hữu chẳng phải Vô

Bao hàm cả Vô lẫn Hữu

Vừa biến thiên, vừa bất biến

XI. Từ Thái Cực, có 2 nẻo đường:

Một đường đi ra Vạn Hữu tức là đi ra hữu hình, hữu tướng, đi ra chết chóc, mòn mỏi, biến thiên;

Một đường đi vào vô hình, vô tướng, Vô Cực, trường sinh, vì vậy Thái Cực còn được gọi là Sinh Môn, Tử Hộ, Sinh Sát Xá.

XII. Đi ra thời gian truân, đi vào thời sảng khoái vì thế cũng gọi là Hình Thức Môn

XIII. Thái Cực khi chưa có trời đất, thì là Hồng Mông vị phán, Âm Dương tương hợp, Hắc Bạch tương phù, lúc chung cuộc vũ trụ thì lại là nơi Tam Hoa qui đỉnh, Ngũ Khí triều nguyên, Âm Dương hợp hòa đoàn tụ.

XIV. Thái Cực vì trường cửu bất hoại nên được gọi là Kim Đơn, Kim Cương Thân v.v...

XV. Thái Cực sinh xuất muôn Thần, vạn Thánh nên chính là lò cừ Tạo hóa, Chu Sa Đỉnh, Dung Lô v.v...

XVI. Thái Cực ở trung tâm điểm vòng Dịch, vũ trụ và con người nên được gọi là Chân Tâm.

XVII. Thái Cực là biên giới giữa trời người, vào được lòng Thái Cực tức là vào được lòng Trời, ở bên ngoài tâm điểm, ở bên ngoài Thái Cực tức là phàm tục, vì thế Thái Cực được gọi là Thiên Nhân Giới

XVIII. Ở giữa Vạn Hữu và Vô Cực, nên cũng được gọi là: Hư Thực Địa, Hữu Vô Xứ v.v..

Tóm lại ta có thể tìm ra được nguyên do, được ý vị của mỗi danh hiệu Thái Cực.

Thái Cực đã được các vị chân tu đạo Phật sánh với Chánh Pháp Nhãn Tàng, Bản Lai Diện Mục, Chân Như Bản Thể, Pháp Thân vân vân. Từ đó, chúng ta bắt sang đạo Phật, chúng ta thấy Thái Cực còn có rất nhiều danh hiệu tương ứng.[30]

Suy ra, thì Thái Cực có muôn vàn danh hiệu [31] nhưng chung qui vẫn chỉ là Bản Thể của vũ trụ, là Duy nhất, là Tuyệt đối.

CHÚ THÍCH

[1] Cf. Huỳnh Đình Kinh giải trang 3b.

[2] Nguyên Quan tức Nguyên Tẫn chi biệt danh. Nhân kỳ Âm Dương tại thử cố vị Nguyên Tẫn Môn, nhân kỳ nguyên diệu bất trắc cố vị Nguyên Quan Khiếu, kỳ thực giai thử Nhất Khiếu nhĩ. 元關即元牝之別名. 因其陰陽在此故謂元牝門. 因其元妙不測故謂元關竅, 其實皆此一竅耳. — Tượng Ngôn Phá Nghi, Quyển hạ - trang 2a.

[3] Huyền quan giả chí huyền chí diệu chi cơ quan dã, tức nhân thân trung Thái Cực thị dã. 玄關者至玄至妙之機關也, 即人身中太極是也.— Tính Mệnh Pháp Quyết, quyển 7 - trang 2.

[4] Nguyên quan giả chí nguyên chí diệu chi quan khẩu. Hựu danh Sinh Tử Hộ, Sinh Sát Thất, Thiên Nhân Giới, Hình Đức Môn, Hữu Vô Khiếu, Thần Khí Huyệt, Hư Thực Địa, Thập Tự Lộ, v.v... 元關者至元至妙之關口. 又名生死戶, 生殺室, 天人界, 形德門, 有無竅, 神氣穴, 虛實地, 十字路. __ Tượng Ngôn Phá Nghi, quyển hạ - trang 2a.

[5] Thông Thiên Bí Thư, quyển IV - trang 9b.

[6] Cf. Tượng Ngôn Phá Nghi, quyển thượng - trang 5 (hình Thái Không Hư Vô hay Vô Cực).

[7] Ib. Hình Kim Đơn, quyển hạ - trang 1.

[8] Ib. Quyển hạ - trang 1b (hình Chu sa đỉnh).

[9] Ib. trang 6b.

[10] Ib. trang 4a.

[11] Ib. trang 4a.

[12] Ib. trang 5b.

[13] Cf. Tượng Ngôn Phá Nghi, quyển hạ - trang 1a.

[14] Đạo tâm tức Thiên địa chi tâm 道 心 即 天 地 之 心. — Ib. quyển hạ - trang 1b.

[15] Xem hình Huyền Tẫn Chi Môn. — Nguyên Quan Nhất Khiếu trong Tượng Ngôn Phá Nghi, quyển hạ - trang 2a.

[16] Hựu viết: Đạo vi Thái Cực. 又 曰 道 為 太 極 . — Tạ Vô Lượng TQTHS, Đệ tam thiên thượng trang 15.

[17] Viết Nhất viết: Trung tức Thái Cực dã. 曰 一 曰 中 即 太 極 也. — Tống Nguyên Học Án, quyển 12 - trang 3.

[18] Viết Nhất viết: Trung tức Thái Cực dã. — Tống Nguyên Học Án, quyển 12 trang 3.

[19] Thái Cực chỉ thị nhất cá Lý tự. 太 極 只 是 一 個 理 字.— Stanislas le Gall - Le Philosophe Tchou - Hi page 97.

[20] Tâm vi Thái Cực 心 為 太 極. — Tạ Vô Lượng, TQTHS, Đệ tam thiên thượng - trang 15.

[21] Viết Nhất viết Trung tức Thái Cực. — Tống Nguyên Học Án, quyển 12 - trang 3.

[22] Trung Dung Hoặc Vấn, trang 22 (Xem chú thích trên)

[23] Qui Nguyên Trực Chỉ, quyển Trung trang 380.

[24] Chu Dịch Đại Toàn - trang 34.

[25] Chính Mông khai thủ tức viết Thái Hòa sở vị Đạo. 正 蒙 開 首 即 曰 太 和 所 謂 道. — Tạ Vô Lượng, TQTHS, Đệ tam thiên thượng - trang 18.

[26] Chính trung thị tổ khiếu 正 中 是 祖 竅. — TMPQMC - trang 20.

[27] Cf. Xướng Đạo Chân Ngôn, quyển 2 - trang 8a.

[28] Cf. Tượng Ngôn Phá Nghi, quyển thượng - trang 2a.

[29] Cf. Đồ bản Thiên Địa Chi Tâm trong Tượng Ngôn Phá Nghi, quyển thượng - trang 6a.

[30] Cf. Xem đồ bản các danh từ tượng ứng với Chân Như trong tập Tinh Hoa Phật giáo của tác giả.

[31] Et appelez - le comme vous voudrez, car pour ceux qui savent. Il est le possesseur de tous les noms.

— Cf. Balla'u'llah, Les sept vallées - page 6.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 **4** 5 6 7 8 9 | chương 1 **2** 3 4 5 6 7 8 | phụ lục 1 2 | STK

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 4

THÁI CỰC LUẬN

chương trước chương sau

Chương 3. Tượng hình Thái Cực

Cổ nhân tượng hình Thái Cực bằng nhiều thể cách:

1. Thái Cực khi chưa sinh ra trời đất vạn vật, có thể nói được là vô âm, vô dương, vì thế nên tượng hình bằng vòng tròn rỗng:

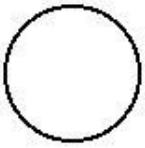 [1]

2. Thái Cực cũng còn được hình dung bằng hình:

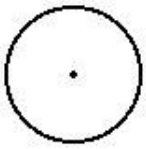

Chấm ở giữa là Huyền Quan sẽ sinh ra vạn vật.

3. Thái Cực còn được hình dung bằng hình rất phổ thông sau đây:

Hình này tượng trưng Thái Cực hàm Âm Dương nhị khí, và sự luân lưu, biến dịch vô cùng tận của Vạn Hữu đã tiềm ẩn từ trong lòng Thái Cực.

4. Cổ nhân còn tượng hình Thái Cực bằng hình tượng sau:

Đồ hình này làm ta hiểu thêm về Huyền quan khiếu, vì ta thấy Âm Dương nhị khí ôm ấp một khiếu trống ở giữa [2]

5. Thái Cực còn có thể tượng trưng bằng con số 5 viết theo lối tượng hình như sau:

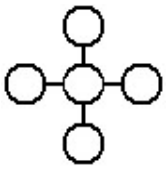

Lối tượng hình này thấy ở nơi các họa bản Hà Đồ, Lạc thư v.v...

6. Có khi đồ hình Thái Cực được trình bày đồng thời với các số Hà Đồ. Đó là Hà Đồ Thái Cực đồ:

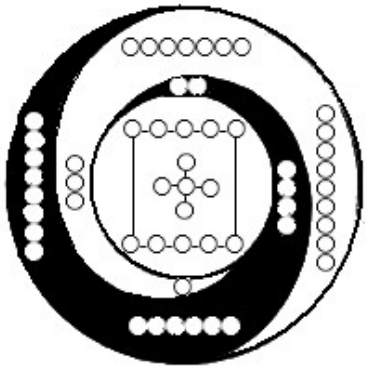

Đồ bản này cho ta thấy rõ vũ trụ gồm có 2 phần:

a. Thể: 5 + 10 = Thái Cực

b. Dụng: Âm +Dương

2 + 4 + 6 + 8: 20

1 + 3 + 7 + 9: 20 [3]

CHÚ THÍCH

[1] Dịch viết: nhất Âm nhất Dương chi vị đạo. Nhất Âm nhất Dương, Đạo chi dụng dã. Nhược Đạo chi thể, tắc vô Âm vô Dương, nhi vi Âm Dương chi căn. Cố viết Thái Cực vị hữu Âm Dương, Âm Dương giả tại lưỡng nghi tương phán chi thời hồ. Phù Thái Cực tắc vô Âm Dương, tắc thử nhất vật ○ thị hà vật dã. Viết Thần dã... Thái Cực nhất ○ Thần dã. 易 曰 一 陰 一 陽 之 謂 道 . 一 陰 一 陽 道 之 用 也. 若 道 之 體, 則 無 陰 無 陽, 而 為 陰 陽 之 根. 故 曰 太 極 未 有 陰 陽, 陰 陽 者 在 兩 儀 相 判 之 時 乎. 夫 太 極 則 無 陰 陽, 則 此 一 物 ○ 是 何 物 也. 曰 神 也.... 太 極 一 ○ 神 也.. — Xướng Đạo Chân Ngôn, quyển 2 - trang 8b.

[2] Xem Thái Cực Quyền Bổng Đồ Thuyết - Hình Thái Cực đồ trang 19.

[3] Thái Cực Quyền Bổng - trang 85.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 **4** 5 6 7 8 9 | chương 1 2 **3** 4 5 6 7 8 | phụ lục 1 2 | STK

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

易經要旨

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 8 | phụ lục 1 2 | STK

Phần 4

THÁI CỰC LUẬN

chương trước chương sau

Chương 4. Thái Cực và các đồ bản Dịch Kinh

Hiểu Thái Cực là Duy nhất bất khả phân, bao quát cả Âm, lẫn Dương, cả trời lẫn đất, là tâm điểm vũ trụ vạn vật, ta mới hiểu được cách người xưa dùng tượng, số để hình dung Thái Cực.

1. Thái Cực tuy bao quát Âm Dương nhưng vẫn hồn nhiên duy nhất bất khả phân nên các ngài vẽ.

2. Thái Cực bao quát Âm Dương nên cũng còn gọi là Dịch [1] là Đơn [2]

Vì Dịch gồm Nhật, Nguyệt; vì Đơn có Nhật đầu

Nguyệt cước, cả hai chữ đều ngụ ý bao quát Âm, Dương.

3. Thái Cực là Chân Tâm vũ trụ, nên cổ nhân thường vẽ Thái Cực ở giữa Bát Quái.

4. Khảo sát Phục Hi hoạch quải thứ tự hoành đồ, ta thấy Thái Cực như là một gốc cây, Âm Dương như hai thân cây cùng một gốc, các Hào Quải như là cành lá.

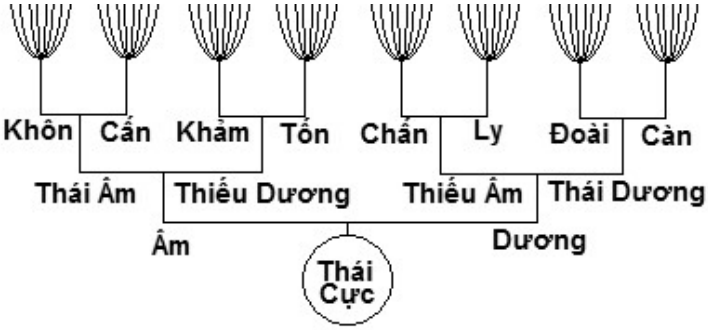

5. Thái Cực bao quát Âm Dương, nên ở Lạc thư ta thấy Thái Cực ở Trung Cung được tượng trưng bằng số 5:

Vì 5 = 2 (Âm) + 3 (Dương).

Vả lại số 5 còn viết được như sau:

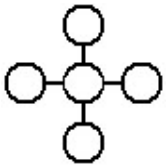

Viết như vậy ngụ ý rằng Thái Cực Nhất Khí bao quát Tứ tượng, Ngũ hành.

6. Thái Cực bao quát cả Sinh lẫn Thành. Sinh là khởi thủy của vũ trụ, Thành là chung cuộc của Vạn Hữu, vì thế ở Hà Đồ ta thấy Thái Cực được tượng trưng bằng số

5 = Sinh số

và 10= Thành số.

7. Thái Cực còn bao quát cả mọi biến hóa của vũ trụ nên hai số 5 và 10 (5 x 10 = 50) còn gọi được là số Đại Diễn trong đó: 1 là Thái Cực, 49 tượng trưng cho Vạn Hữu biến thiên.

8. Đặt Thái Cực vào giữa vòng Dịch ngụ ý vạn vật sinh xuất từ Thái Cực rồi lại qui hoàn về Thái Cực.

Vì thế Thiệu tử nói: Các đồ bản Dịch đều phát xuất từ Trung điểm, vạn hóa, vạn sự đều sinh xuất từ Tâm [3]

Có người hỏi ý nghĩa câu này.

Ông đáp: Ở trong hình vẻ chỗ trắng là Thái Cực; 32 quẻ Âm, 32 quẻ Dương là Lưỡng Nghi; 16 quẻ Âm 16 quẻ Dương là Tứ Tượng, 8 quẻ Âm, 8 quẻ Dương là Bát Quái. Lại nói Muôn vật, muôn hóa đều từ trong đó lưu xuất ra, vì thế nói rằng mọi sự phát lộ hiển dương của tâm đều từ trung điểm phát xuất ra. [4]

9. Vì Thái Cực vô hình tượng, nên dần dà cổ nhân vẽ các vòng Dịch để trống giữa. Để trống giữa không phải là quên đi mất gốc gác, mất Thái Cực, mà chỉ còn lưu tâm, lưu ý đến hào quải, vạn tượng Vạn Hữu. Để trống giữa chính là một cách khéo léo để nhận chân rằng Thái Cực là Thực Thể Tuyệt Đối, không thể nào hình dung mô tả được.

Thiệu tử đã nhắc nhở các học giả rằng khoảng trống trắng ở giữa vòng Dịch chính là Thái Cực, nguồn mạch sinh ra Vạn Hữu. [5]

10. Lưu nhất Minh chủ trương rằng ở "Phương

đồ" cũng có Thái Cực. Thái Cực chính là ở Tâm điểm nơi chỗ hai đường chéo góc của hình vuông giao thoa nhau, vì nơi ấy chính là chỗ giao thoa, giao thác của 8 quẻ

[6]

11. Vì hiểu Thái Cực sinh xuất muôn loài, chủ chốt sinh tử, nên Đạo gia còn gọi Thái Cực trung tâm điểm là Sinh môn, Tử hộ.

Hay nhiều khi bỏ hẳn vòng biến thiên Vạn Hữu bên ngoài chỉ còn giữ trung điểm Thái Cực. Các ngài gọi đó là Kim Đơn, vì vũ trụ Vạn Hữu có thể điêu linh, tàn tạ, nhưng Thái Cực thời vĩnh viễn trường tồn [7]

12. Vì Thái Cực ở trung điểm muôn loài, nên Trung cũng là Thái Cực. Con người khi được diểm phúc sống kết hợp với Thái Cực, sẽ theo được Thiên Đạo, được Trung Đạo, sẽ trở thành Thánh Nhân. Vì thế, Đức Khổng mới nói đạo Trung Dung cao siêu, toàn mỹ, và rất ít người theo được đạo Trung Dung. [8]

CHÚ THÍCH

[1] Thái Cực tức Dịch dã 太 極 即 易 也. — Qui Nguyên Trực Chỉ, quyển hạ - trang 601.

[2] Đơn tự Nhật đầu, Nguyệt cước, trung gian nhất hoạch hệ nhật nguyệt hợp phát chi vị dã. 丹 字 日 頭, 月 腳, 中 間 一 劃 係 日 月 合 發 之 謂 也.— Tu Chân Bất Tử Phương - trang 26.

[3] Đồ giai tòng Trung khởi, vạn hóa vạn sự giai sinh vu Tâm. 圖 皆 從 中 起, 萬 化 萬 事 生 于 心.— Chu Dịch Đại Toàn, quyển nhất - trang 41b.

[4] Viết: Kỳ trung bạch xứ tiện thị Thái Cực, tam thập nhị Âm, tam thập nhị Dương, tiện thị lưỡng nghi, thập lục âm, thập lục dương để, tiện thị tứ tượng, bát âm bát dương để, tiện thị bát quái. Hựu viết: vạn vật vạn hóa giai tòng giá lý lưu xuất, thị Tâm Pháp giai tòng Trung khởi dã. 曰 其 中 白 處 便 是 太 極, 三 十 二 陰, 三 十 二 陽, 便 是 兩 儀, 十 六 陰 十 六 陽 底, 便 是 四 象. 八 陰 八 陽 底, 便 是 八 卦. 又 曰 萬 物 萬 化 皆 從 這 理 流 出, 是 心 法 皆 從 中 起 也.— Ib. 41b, Cf. Ngô Tất Tố, Kinh Dịch, quyển I - trang 52 - 53.

Tạ Vô Lượng giải nghĩa: Tâm là vật năng sinh; tâm pháp là vật sở sinh. (Tâm thị năng sinh. Tâm pháp thị sở sinh chi pháp). — Tạ Vô Lượng, TQTHS, Đệ tam thiên thượng - trang 15.

[5] Viết kỳ bạch xứ, tiện thị Thái Cực 曰 其 白 處 便 是 太 極 . — Chu Dịch Đại Toàn, trang 41b.

[6]...Tại viên tắc Càn Khôn trung hư xứ thị, tại phương đồ Thập Tự trung phân xứ thị... Tại viên đồ tắc Càn Khôn giao đại xứ thị, tại phương đồ tắc thập tự giao tiếp xứ thị 在 圓 則 乾 坤 中 虛 處 是, 在 方 圖 十 字 中 分 處 是.... 在 圓 圖 則 乾 坤 交 代 處 是, 在 方 圖 則 十 字 交 接 處 是. —Chu Dịch Xiển Chân, trang 10 (Tiên Thiên Phương Viên Đồ).

[7] Vì thế ta thấy hình Lão tử chỉ cầm 1 đồ bản Thái Cực ở đầu sách Tính Mệnh Khuê Chỉ

...Đây là hình Kim Đơn đồ trong Chu Dịch Xiển Chân, trang 16

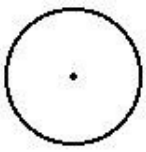

[8] Trung Dung kỳ chí hỉ hồ. Nhân tiển năng cửu hĩ. — Trung Dung, chương III

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 **4** 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 **4** 5 6 7 8 | phụ lục 1 2 | STK

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 4

THÁI CỰC LUẬN

chương trước chương sau

Chương 5. Tương quan giữa Thái Cực và Vô Cực, Thái Cực và Vạn Hữu

A. Thái Cực và Vô Cực

Nho gia không phân biệt Thái Cực và Vô Cực.

Chu Liêm Khê viết: Vô Cực nhi Thái Cực.

Các Đạo gia cũng cho rằng rất khó mà phân biệt Thái Cực với Vô Cực. Thái Cực có lẽ hàm ngụ ý sinh hóa, tạo thành vũ trụ, còn Vô Cực là thực thể siêu vi của vũ trụ. Xướng Đạo Chân Ngôn tượng trưng Vô Cực, Thái Cực bằng 2 hình sau đây [1]

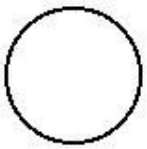

Vô Cực

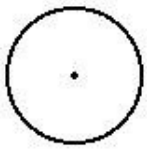

Thái Cực

Thái Cực có thêm chấm ở giữa ngụ ý rằng Thái Cực là Huyền Quan sinh xuất muôn loài.

Ngày nay ta có thể nghị luận như sau:

Thái Cực và Vô Cực là 2 phương diện của một Thực thể duy nhất, Vô Cực là Thực thể ở thế tiềm ẩn chưa hiển dương; Thái Cực là Thực thể đã hiển dương bằng cách tạo thành vũ trụ. Vô Cực là Trời Ẩn, Thái Cực là Trời Hiện. Vô Cực hàm nghĩa siêu xuất quần sinh (Transcendent). Thái Cực hàm nghĩa ẩn ngụ giữa lòng Vạn Hữu (Immanent). Thái Cực đứng đầu Vạn Hữu, nên gọi được là Hữu.

Vô Cực vì siêu xuất trên mọi hình thức, nên gọi là Vô. Cho nên nói Hữu sinh ư Vô, hay Thái Cực từ Vô Cực xuất sinh cũng đúng; mà nói Thái Cực là Vô Cực cũng vẫn đúng. [2]

B. Thái Cực và Vạn Hữu

Thái Cực là Bản Thể Vạn Hữu, nên Vạn Hữu chính là sự biểu dương của Thái Cực.

Thái Cực sinh Vạn Hữu.[3] Thái Cực vừa lồng trong Vạn Hữu vừa bao trùm Vạn Hữu.[4]

Thái Cực bất biến; Vạn Hữu biến thiên

Vạn Hữu có phân tán; Thái Cực chẳng hề phân tán.

Thái Cực vô hình tướng, Vạn Hữu có hình tướng.

Thái Cực là Tiên Thiên vì chưa có hình tướng trẫm triệu [5]

Nhìn vào đồ bản:

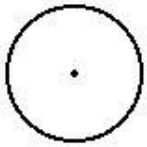

Ta thấy Vạn Hữu từ tâm điểm dần dần sinh hóa ra. Trung tâm tượng trưng cho Thái Cực toàn bích, nên ta thấy chỉ có một vòng tròn có chấm giữa là trung tâm. Càng tiến ra các vòng ngoài, ta càng thấy phân tán, chia phôi, thù tạp.

Đại Đỗng Chân Kinh viết: Căn bản vốn từ trung tâm mà ra...

Có suy cứu, mới thấy Căn bản vũ trụ, thực là do trung điểm phát sinh. Các hiện tượng bên ngoài đều bắt nguồn tự bên trong.

Các sự ứng dụng hiển lộ bên ngoài đều do Bản Thể bên trong sinh xuất... [6]

Thiệu Khang Tiết cũng viết: Các đồ bản đều từ trung tâm mà sinh ra. Vạn hóa, vạn sự cũng sinh ra từ Tâm Điểm Thái Cực. [7] Thế tức là chủ trương: Thái Cực ở trung tâm, còn Vạn Hữu bao bọc bên ngoài.

Thiệu tử còn nói: Học về Tiên Thiên là học về tâm. Học về Hậu Thiên là học về các bóng hình, vết tích của tâm. Những tư tưởng trên hoàn toàn giống với tư tưởng Ấn Độ.

Thật vậy, các Triết gia Ấn Độ cũng cho rằng: Thượng Đế tiềm ẩn ngay trong lòng Vạn Hữu [8] Mọi sự đã được thêu dệt trên căn cơ vĩnh cửu [9] Đấng Bất Tử ẩn sau bức màn hiện tượng [10] Tâm ta là vết tích của Đại Thể; nhờ tâm, mà ta biết Đại Thể, cũng y như nhờ vết chân, mà ta kiếm ra người [11]

Như vậy Vạn Hữu chính là vết tích của Vô Cùng.

Quan niệm vạn vật sinh từ Tâm điểm cũng là quan niệm của sách Zohar. Zohar viết: Từ điểm Thái Cực huyền vi ra cho tới các tầng cấp hạ đẳng Vạn Hữu, cái gì cũng như là áo, là vỏ bao quanh tầng lớp trên... [12]

Áp dụng vào con người, ta thấy xác không phải phần quan trọng, xác chỉ là áo, là vỏ; óc não mới quan trọng. Suy thêm nữa thì óc não cũng chưa phải thực quan trọng; trung tâm não bộ mới thực là quan trọng [13] Trung tâm là Nhất, vòng ngoài cũng là Vạn. Nhất sinh Vạn. Vạn lại quay về Nhất [14], như vậy với là vẹn lẽ tuần hoàn. Lúc ấy Trung Tâm lại trở thành qui căn khiếu, phục mệnh quan.

Quan điểm này, xác định hai chiều vãng lai [15], tụ tán của vũ trụ và của con người. Chiều đi ra là chiều thuận, sinh nhân sinh vật. Chiều đi vào, là chiều nghịch sinh Thánh, sinh Thần:

CHÚ THÍCH

[1] Xem Xướng Đạo Chân Ngôn II, trang 8.

[2] Vô Cực tức thị Thái Cực 無 極 即 是 太 極.— Xướng Đạo Chân Ngôn, quyển II - trang 8.

[3] Vạn vật giai thủy ư Không. Thái Cực Không giả dã. 萬 物 皆 始 於 空. 太 極 空 者 也.— Xướng Đạo Chân Ngôn II, trang 9.

[4] Thái Cực dã đại tắc bao thiên địa, tiểu tắc nhập giới tử. 太 極 也 大 則 包 天 地, 小 則 入 芥 子.— Xướng Đạo Chân Ngôn II, trang 8a.

[5] Phù Tiên Thiên, vật tượng vị hình, bất lộ trẫm triệu. 夫 先 天, 物 象 未 形, 不 露 朕 兆 .— Xướng Đạo Chân Ngôn II, trang 3.

[6] Căn bản nguyên do Trung... Cứu kỳ căn bản thật do ư Trung. Hiện hồ ngoại giả bản hồ nội. Chiêu hồ dụng giả do hồ thể dã. 根 本 原 由 中 ... 究 其 根 本 實 由 於 中. 現 乎 外 者 本 乎 內. 昭 乎 用 者 由 乎 體 也. — Đại Đỗng Chân Kinh quyển hạ trang 11b.

[7] Đồ giai tòng trung khởi, vạn hóa vạn sự sinh ư tâm. 圖 皆 從 中 起 萬 化 萬 事 生 於 心.— Tạ Vô Lượng, Trung Quốc Triết Học Sử, Đệ tam thiên thượng, trang 15.

[8] Brahma underlying the world. -- The Thirteen Upanishads - page 15.

[9] C'est sur l'Impérissable que tout est tissé. — (B.A.V. III 8 - 3 - 10) Instant et Cause, page 117.

[10] «C'est l'Immortel voilé par le réel.»

(Brihad Aranyaka Upanishad I. 6. 1 - 3) Instant et Cause 107

... That is the Immortal veiled by the real (satya). Life (prana, breath) (a designation of the Atman)» verily, is the Immortal. Name and form are the real. By them this Life is veiled.

(Brihad Aranyaka Upanishad I. 6.3.).

[11] «One's self (Atman), for therein, in all these become one. That same thing, namely, this self, is the trace of the All; for by it one knows this All. Just as, verily, one might, find by a foot print». — The Thirteen Up, page 25.

[12] «A partir du mystérieux Point Suprême jusqu'au plus infime degré de la création, tout sert de vêtement à quelque autre chose et cette autre chose sert de vêtement à une chose supérieure, et ainsi de suite. De sorte que le cerveau entouré d'une enveloppe sert lui même d'enveloppe à un cerveau supérieur. Le Point Suprême projetait une lumière immense d'une telle limpidité, d'une telle transparence et d'une telle subtilité qu'elle pénétra partout... Ainsi à partir du Point Suprême, tous les degrés de la création ne sont que des enveloppes les unes pour les autres; l'enveloppe du degré

supérieur forme le cerveau du degré inférieur... — Extraits du livre du Zohar, Trad. Jean de Pauli Ed. Reder Paris 1935 page 73 - Cf. M. Senard, Le Zodiaque, page 326.

Tout dans le monde est divisé en deux parties dont l'une est visible et l'autre invisible. Ce qui est visible n'est que le reflet de ce qui est invisible. — Le livre du Zohar page 125 - Cf. M. Senard, le Zodiaque, page 327

[13] Não chi quan ư nhân diệc đại hĩ. 腦 之 關 於 人 亦 大 矣. — Tính Mệnh Pháp Quyết Minh Chỉ, quyển 4 - trang 12.

[14] Trình phu tử tri vạn lý qui ư nhất lý, nhi bất tri nhất lý tán ư vạn sự... 程 夫 子 知 萬 理 歸 於 一 理, 而 不 知 一 理 散 於 萬 事.— Đào Hư Tử, Đạo Dư Lục, trang 19

[15] Vãng lai giả, dĩ nội ngoại ngôn dã, dĩ tiêu tức ngôn dã. Tự nội nhi ngoại vị chi vãng, tự ngoại nhi nội vị chi lai 往 來 者 以 內 外 言 也, 以 消 息 言 也. 自 內 而 外 謂 之 往, 自 外 而 內 謂 之 來. — Tống Nguyên Học Án, Quyển 37 - trang 5.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 **4** 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 **5** 6 7 8 | phụ lục 1 2 | STK

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 4

THÁI CỰC LUẬN

chương trước chương sau

Chương 6. Quan niệm Thái Cực ở Trung Quốc đối chiếu với quan niệm Atman ở Ấn Độ và Logos ở Âu Châu

A. THÁI CỰC VỚI ATMAN

Quan niệm của các Hiền Triết Ấn Độ về Atman có thể nói được là tương tự với quan niệm của các Hiền Triết Trung Hoa về Thái Cực.

So sánh hai quan niệm Atman và Thái Cực, chúng ta sẽ hiểu rõ Thái Cực hơn.

Thoạt tiên chúng ta phải nhận định rằng quan niệm về Atman rất là phong phú.

Atman có rất nhiều danh hiệu, mỗi danh hiệu như vẽ lại được một trạng thái, một hoạt động của Atman. Nói nôm na ra, thì đối với Ấn Độ giáo, Atman chính là Thượng Đế, là Bản Thể của vũ trụ, là Tạo hóa v.v...Vì thế, Atman[1] có thể là: Brahman,[2] Thần Ngôn,[3] Nguyên Lý Bất Diệt,[4] Brahmanaspati (Hóa Công) (R.V. 10. 72.2), Visvakarman (Tạo hóa-The All Maker) (R.V. 10. 81), Purusha (Chân Nhân) (R.V.10. 90).

Prajapati (Chủ Tể Càn Khôn, Lord of Creatures) (A.V. XIX. 17), Hiranyagarbha (Kim đơn Kim nhân, Golden Germ) (R.V. 10. 121. 1), Nguyên Thể (The original Being), [5] Căn cơ vũ trụ, [6] Thái Nhất (The One),[7] (the Underlying Unity of all being),[8] Chân lý,[9] Sự sống, [10] Thần, Chân Tâm,[11] trục cốt, núm rốn, [12] của vũ trụ và Vạn Hữu.

Sau khi đã biết khái quát rằng Atman chính là Brahman, là Thượng Đế, là Bản Thể, là Căn Nguyên, là Tâm Điểm Sinh Hóa của vũ trụ, ta có thể so sánh ít nhiều quan niệm then chốt giữa thánh kinh Ấn Độ (như Phệ Đà, Áo Nghĩa Thư) với Dịch Kinh.)

1). Áo Nghĩa Thư chủ trương Atman chính là Brahman[13]. Thánh Hiền Trung Hoa cũng nói:

Hữu sinh ư Vô [14] Vô Cực nhi Thái Cực [15]

2). Áo Nghĩa Thư chủ trương Atman tạo dựng nên vũ trụ, Vạn Hữu [16] thì các Triết gia Trung Quốc

cũng chủ trương Thái Cực sinh hóa ra vũ trụ,Vạn Hữu [17]

3). Atman hay Đại ngã chính là Nguyên Khí hay Nguyên Thần, mịt mù huyền ảo, ẩn khuất trong đáy lòng vạn vật. Tế vi thì thực tế vi, mà mênh mông thì không bờ không bến, ấy là Atman ẩn ngụ trong thâm tâm Vạn Hữu. [18]

Atman cực kỳ vi tế ấy, lại lớn hơn mọi thế giới: bao quát quần sinh... vô xú, vô thanh ấy là Chân Tâm ở trong lòng tôi, ấy chính là Brahman (Thượng Đế) [19]

Quan điểm các Hiền Triết Trung Hoa cũng tương tự: Xướng Đạo Chân Ngôn mượn hai câu Trung Dung: «Ngứ đại, thiên hạ mạc năng tải, ngứ tiểu thiên hạ mạc năng phá» để bình luận rằng:

Thái Cực bao trùm trời đất... Thái Cực lồng trong lòng Vạn Hữu. Thế là Thái Cực vừa là cực đại vừa là cực tiểu. [20]

Đối với Áo Nghĩa Thư, vũ trụ chỉ gián phân, sai biệt ngoài mặt; gián phân, sai biệt vì danh tự, hình thức hoạt động khác nhau, nhưng thực thể vẫn chỉ là một. [21]

Đó chính là quan niệm nhất thể, vạn thù của Dịch Kinh và của các Triết gia Trung Hoa [22]

4). Áo Nghĩa Thư chủ trương Atman là toàn thể vũ trụ [23], vũ trụ là biểu dương của Atman [24] và Atman tiềm ẩn ngay trong đáy lòng Vạn Hữu [25]

Khảo sát thư tịch Trung Hoa ta thấy:

Chu liêm Khê chủ trương: Vạn vật thống thể nhất Thái Cực, vạn vật hợp nhất lại tức là Thái Cực. [26]
Chu liêm Khê viết thêm: Mỗi vật đều có một Thái Cực. [27]

Sao Kiểu đạo nhân viết: Trời đất là biểu dương của Thái Cực. [28]

Chu Hi cũng viết: Người người đều có một Thái Cực, vật vật đều có một Thái Cực [29]

Tuy chỉ có một Thái Cực nhưng muôn loài đều bẩm thụ, chẳng những thế còn bẩm thụ trọn vẹn cả Thái Cực, ví như mặt trăng trên trời, tuy chỉ có một nhưng tán ra khắp sông hồ, thời đâu đâu cũng thấy có trăng, tuy nhiên không nói được là trăng đã chia phôi san sẻ. [30]

5). Áo Nghĩa Thư cho rằng Atman là Duy nhất, Tuyệt Đối [31]

Chu Tử cũng chủ trương: Thái Cực là duy nhất, là Tuyệt Đối [32]

6). Áo Nghĩa Thư chủ trương Atman là:

Tâm, Trục Cốt, Căn Đế, Cuống rốn Vạn Hữu, và Vạn Hữu y như biến thiên ảo hóa ở vòng tròn bên ngoài. Ta có thể vẽ như sau:

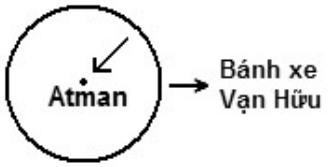

[33]

Dịch Kinh và các Đạo gia cũng vẽ vòng Dịch tương tự, trong đó: Thái Cực ở trung tâm, Hào Quải tượng trưng cho Vạn Hữu biến hóa bên ngoài.

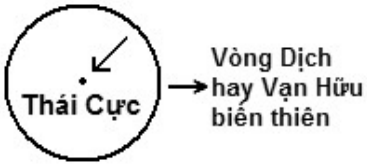

7). Các Triết gia Ấn Độ rất chú trọng đến Tâm điểm của bánh xe Vạn Hữu, vì Tâm điểm ấy thoát vòng lao lung biến ảo của vũ trụ [34]

Ở Trung Quốc các Đạo gia cũng hết sức chú trọng đến Tâm điểm vòng Dịch vì biết đó là điểm Trung Hoàng Thái Cực, khu nữu của đất trời.

Văn Đạo tử viết: Cổ nhân gọi trục ấy là Trung tâm trời đất, là Cực Điểm Thái Cực.

Theo Thiên Đạo, tức là vào được Trung điểm Thái Cực. Người quân tử, mới đầu tu Nhân Đạo cho hợp với Thiên Đạo. Khi đã hợp Thiên Đạo sẽ vào được giữa vòng Dịch, siêu xuất trên hình tướng...

Ôi, vi diệu thay là trục bánh xe Vạn Hữu. Ai

là người thông hiểu được?[35]

Chí Nhất Chân Nhân viết trong Nhập Dược Kính như sau: Người hiểu Tạo hóa tất sẽ tìm gốc gác mình nơi «Chân Thổ». Tìm được Chân Thổ tức là Đan Đạo thành [36]

Chân Thổ tức là Trung Hoàng Thái Cực, Chân Thổ như vậy chính là Quê hương, là Đất tổ, là Đế đình, là Bồng đảo Trường Sinh, hiện lên giữa muôn trùng ba lãng biến thiên của hoàn võ [37]

8). Áo Nghĩa Thư cố tìm cho ra cứ điểm của Vạn Hữu, đó là Atman. Atman sẽ là nơi cư ngụ, chốn dừng chân của những bậc đại đức tu trì [38]

Dịch Kinh cũng dạy người quân tử phải biết Ý Nghĩa của Tâm điểm Thái Cực Trung Hoàng, và phải coi đó là nơi cư ngụ thiết yếu của tâm hồn mình [39]

9). Áo Nghĩa Thư cho rằng cái học cao siêu nhất là cái học để tìm cho ra Atman, cho ra Tuyệt Đối Thể tiềm ẩn đáy lòng vũ trụ và đáy lòng con người [40]

Chu liêm Khê cũng cho rằng: Biết được Thái Cực, Hoàng cực là cái biết cao siêu nhất [41]

10). Mục đích Áo Nghĩa Thư là đi lần theo mối giây liên lạc giữa Vạn Hữu, để dần dà từ Vạn trở về Nhất, từ Vạn thù tới Tinh hoa duy nhất, cái Tinh hoa đã hàm ngụ cả Vô cùng, Vô tận, tới Atman Bản Thể [42]

Mục đích của Dịch Kinh cũng là băng qua Vạn Hữu, hình tướng, để tìm cho ra Thái Cực, Vô Cực.

Đó chính là ven theo giòng để trở về nguồn theo từ ngữ của Trình Tử [43]

Đại Đỗng Chân Kinh viết:

Chân linh tại ngã, bất nan tầm,

Phản chiếu hồi phong hỗn Đế Tâm [44]

Tạm dịch:

Chân Linh sẵn có nơi ta,

Chân Linh tìm tõi, có là khó đâu,

Đế Tâm nếu muốn hồi đầu

Ngược dòng vũ trụ, tiến sâu về nguồn.

Lại viết:

Căn Bản do lai Thái Cực tầm

Căn Bản phải tìm nơi Thái Cực [45]

Đỗng Huyền Linh Bảo Tất Pháp viết:

Minh vô tướng ư hữu hình chi hậu,

Trí hư cực ư vị triệu chi tiên [46]

Tạm dịch:

Băng qua sắc tướng, hình hài,

Quán thông vô tướng, vô sai, vô thù,

Đất trời từ chửa manh nha,

Tìm ra Hư cực mới là cao siêu

Thái Cực Quyền Bổng Đồ Thuyết đã viết một câu rất ý vị khi cho rằng Dịch Kinh dạy người phương pháp trở về với Trời [47]

11). Taittiriya Upanishad (II, 1 4) chủ trương con người có nhiều tầng lấp, con người bên ngoài thì thô thiển, con người bên trong thì tế nhị. Từ ngoài vào trong, con người càng ngày càng trở nên tế nhị. Con người cực kỳ tế vi, tế nhị bên trong chính là Atman, là Brahman, là Thực Thể Siêu Hình của vũ trụ và của lòng người [48]

Tác giả Thái Cực Quyền Bổng Đồ Thuyết cho rằng Dịch có 64 quẻ, quẻ nào cũng có 6 Hào, tức là sáu tầng, như vậy con người cũng có sáu tầng, từ ngoài vào trong là: 1. Bì phu (da), 2. Cơ nhục (thịt), 3. Cân kiện (gân). 4. Võng mô (màng), 5. Cốt tiết (Xương khớp xương), 6. Não tủy (Óc tủy) [49]

Nhưng ngoài sáu tầng Hào ra, Dịch còn một tầng căn cơ cốt cán nữa: đó là Thái Cực. Ta xem các đồ bản Dịch bất kỳ là viên đồ, hay hoành đồ, ta đều thấy 7 tầng đó. Suy ra thì trong con người, dưới tầng lớp Não tủy, còn có tầng lớp Thái Cực nữa. Có như vậy Dịch mới ăn khớp được với con người, và ta mới hiểu sao Chu Hi lại nói được: Ai ai cũng có Thái Cực trong mình [50]

12). Nếu học để tìm cho ra Atman tiềm ẩn đáy lòng mình là cái học cao siêu nhất, thì sống phối hợp với Atman cũng là một đời sống đạo lý cao siêu nhất đối với các Thánh Hiền Trung quốc.

Các Thánh Hiền Trung quốc dẫu là Nho hay Lão cũng đều chủ trương: đời sống đạo hạnh, thuần túy cao siêu nhất là sống phối hợp với Thái Cực, với Tâm Điểm, Trung Điểm Hoàn Võ. Các ngài gọi thế là Hoàng Trung Thông Lý, chính vị cư thể [51] Hiểu biết được lẽ Trung Hoàng Thái Cực, vào được Trung Cung Chính Vị của đất trời. Các ngài gọi đó là đạo Trung Dung [52], hay là luyện thành Kim Đơn...[53]

Xướng Đạo Chân Ngôn chủ trương luyện thành Kim Đơn, tức là thực hiện được Bản Thể của Thái Cực. [54] So sánh 2 quan niệm Atman và Thái Cực ta thấy rằng cách diễn tả tuy có khác, nhưng chung qui cũng chỉ có một đề tài: Thượng Đế là căn bản quần sinh vũ trụ

B. THÁI CỰC VỚI LOGOS

Quan niệm Thái Cực cũng tương tự như quan niệm Logos ở Âu Châu.

Quan niệm Logos từ Héraclite (540 - 475 TCN), đã truyền dần qua các học phái Tân Bá Lạp Đồ, Khắc Kỷ, qua Philon le Juif (30 TCN đến 54 CN) để rồi du nhập vào Tân Ước Công giáo.[55] Héraclite cho rằng:

Logos là Lý phổ quát,[56]Logos là mối giây liên lạc giữa vũ trụ, quần sinh, [57]Logos phổ quát đại đồng, là toàn bích. [58]

Logos là Chân Lý, vì Chân Lý Phổ Quát bao dung được hết mọi khía cạnh.[59]Logos là Cơ Cấu Vạn Hữu. [60]Logos là Thần, là Thượng Đế [61]

Đối với Héraclite, Logos vừa là cực đại, vừa là cực tiểu, vì Logos vừa phổ quát, vừa bao dung Vạn Hữu [62]lại vừa tiềm ẩn trong lòng Vạn Hữu.[63]

Héraclite chủ trương: Logos soi sáng mọi tối tăm, phơi bày mọi ẩn áo, sẽ làm cho ta thấy rằng vũ trụ là nhất thể, toàn bích. Logos vừa là Nhất, vừa là Vạn; Logos tuy hiển dương trong Vạn, nhưng vẫn là duy nhất bất khả phân... Mọi người đều có thể nhận biết Logos, vì Logos là của chung mọi người, ở trong lòng mọi người. Tuy nhiên, không phải ai cũng có thể suy nghĩ, nói năng, hoạt động đúng với Chân lý, với bản tính, với Logos... [64] Quan niệm Logos trên đây nào có khác gì quan niệm Thái Cực đâu.

Thực thế, các Triết gia Trung Hoa từ lâu vẫn cho rằng: Thái Cực là Lý [65] Thái Cực là Chân [66]Thái Cực là Thiên Lý phổ quát, đại đồng. [67]

Thái Cực vừa bao quát Vạn Hữu lại vừa tiềm ẩn trong lòng trong Vạn Hữu [68]Thái Cực đã tiềm ẩn trong lòng mọi người. Đó là Đạo Tâm, là Thiên Tính; Tính ấy nơi Thánh chẳng tăng, nơi phàm chẳng giảm. Đó là Kim Cương Thân bất khả hủy hoại [69] Cơ cấu Vạn hữu đã hàm tàng trong Thái Cực. [70]

Héraclite cho rằng: Logos bao giờ cũng chân thực, vô vọng, nhưng người thường không hiểu được Logos, dẫu là chưa được nghe, hay là đã được nghe bàn tới. Con người nhờ Logos mới biến thiên sống động, nhưng thường lại ù cạc chẳng biết tăm hơi gì về Logos...Logos chí công, chí chính, còn người thường thì lại luôn có những ý nghĩ riêng tư, lẻ biệt. Tuy là thường xuyên tiếp xúc với Logos, nhưng người ta thường mâu thuẫn tương phản với Logos; và cái mà họ gặp hằng ngày đối với họ lại trở nên hết sức xa lạ. [71]

Nhưng lời nói trên làm ta liên tưởng đến một câu Mạnh tử:

Vẫn mang Ngài, mà thân chẳng hiển
Vì quá que,n nên khiến chẳng suy,
Suốt đời ngài độ ta đi,
Nhưng mà dung tục biết chi đạo Ngài.

Héraclite chủ trương vạn vật biến thiên, nhưng vẫn cho rằng: Thái Cực trung nhất muôn đời chẳng biến thiên [72]

Philon le Juif (30 TCN - 54 CN) cho rằng: Cơ cấu Vạn Hữu đã được ghi tạc trong Logos [73]

Chu Hi cũng cho rằng: Thái Cực là Lý của Vạn Hữu [74] Theo các học giả Âu Châu, chữ Lý có thể hiểu được nhiều cách, ví dụ là khuôn, là cơ cấu, là dạng thức v.v... [75]

Các bản dịch Cựu Ước và Tân Ước bằng tiếng Trung Hoa lại càng cho ta thấy liên quan mật thiết giữa Thái Cực và Logos. Thực vậy, người Trung Hoa từ lâu vốn chủ trương: Thái Cực là Thần, là Đạo. Thế mà chữ Thần, chữ Đạo ngày nay lại được dùng để dịch danh từ Thượng Đế và Logos trong các bản Thánh Kinh Trung Hoa.[76] Mở Sáng Thế Ký ta thấy ngay trang đầu: Khởi sơ, Thần sáng tạo thiên địa.

Mở Phúc Âm Thánh Jean, ta đọc thấy nơi trang đầu: Thái sơ hữu Đạo, Đạo dữ thần đồng tại, Đạo tựu thị thần. Đối với Thánh Jean, Logos là căn cơ Vạn Hữu; không Ngài thời không có Vạn Hữu [77]

Trong một bài diễn văn trước tòa Thượng thẩm Nhã Điển, Thánh Paul nói đại khái rằng: Con người sinh ra đời cốt là để tìm tòi cho ra Thượng Đế, và để đạt tới Thượng Đế. Vả Thượng Đế cũng chẳng xa con người, vì ta luôn sống động trong Thượng Đế... Chúng ta là giòng giõi Thượng Đế [78]

Các bậc Thượng trí, Thượng nhân Trung Hoa thực ra cũng không chủ trương gì khác.

Đối với các Ngài con người sinh ra cốt là để tìm Đạo, tìm Thái Cực. Vả Đạo hay Thái Cực cũng chẳng ở xa con người, vì Đạo hay Thái Cực chính là căn cốt con người, là tính mệnh con người [79]

Những so sánh trên đây chắc chắn đã làm sáng tỏ rất nhiều về quan niệm Thái Cực và giúp ta bắc một nhịp cầu thông cảm giữa Đông Tây.

CHÚ THÍCH

[1] Maitri Up. 7

[2] He (i.e. Atman) is Brahma (Ait. 5.3.)

[3] «Cet Impérissable est le monde entier, passé, présent, avenir et tout ce qui transcende le triple temps. Ceci aussi est le phonème Om car en vérité tout ceci est le Brahman; cet Atman, est le Brahman» (Mand U.I. 2)

Cf. Instant et Cause, page 116

[4] L'aksara, l'Impérissable est la matrice de tout ce qui existe, omniprésent et infiniment subtil... c'est de lui que les choses surgissent, en lui qu'elles retournent à la fin (Mund. U.I. 6 - 7).

Cf. Instant et Cause, page 116

...Brahman, atman et aksara désignent indifféremment l'unique réalité, le réel du réel, la plénitude sans fissure saisie en une intuition mystique (prajnãnảghàna ou jnãna) qui est au delà de la dualité du sujet et de l'objet (B.A.V. IV 5 - 13) Ib. 117

[5] Verily in the beginning this World was Brahma

(Brahma 1,4. 10) Cf. The Thirteen Upanishads

[6]The ultimate ground of the world. Ib. 10

The world ground. Ib. 21

[7]The primal entity Ib. 21

«... Him who is the One existent, sages name variously

(R. V. I 164 - 461) Ib. 13

[8] Ib. page 1

[9] This Soul (Atman) assuredly indeed is Isana (Lord), Sambhu (the Beneficent), Bhava (the Existent), Rudra (the Terrible), Prajàpati (Lord of Creation), Visvarsrij (Creator of All), Hiranya garbha (Golden Germ), Truth (Satya), Life (prana), Spirit (Kainsa), Sastri (Punisher, or Commander or Teacher), the Unshaken, Vishnu (Pervader), Nàràyana (Son of Man) — Maitri Up. 7.7, Cf. The Thirteen Up, page 453

[10] Coi chú thích trên.

[11] Le coeur, dit il (Yajnavalkya) manifeste la stabilité (sthiti), il est le siège (ayatana) de tous les êtres, le pivot (pratistha) de tous les êtres. C'est en prenant leur point d'appui sur le coeur que subsistent tous les êtres. Le coeur est le Suprême Brahman. (B.A.V. IV - 17), Instant et Cause, page 124

[12] Ce moyeu est la nàbhi du père, nàbhi signifiant à la fois moyeu et nombril, le lieu originaire, source des êtres. (R.V. I. 164 - 2), Instant et Cause, page 15

[13] Verily, that great unborn Soul, undecaying, undying, immortal, fearless, is Brahma (Brih. 4. 4 - 25)

He (i.e., Atman) is Brahma (Ait 5. 3)

The Thirteen Up. p. 29

[14] Đạo Đức Kinh Chương II

[15] Cf. Thái Cực đồ Thuyết (Chu liêm Khê) TQTHS, Thiên III thượng - trang 5

[16] He, Truly, indeed is the Self (Atman) within the heart, very subtile like fire, assuming all forms. This whole world is his food.

On Him, creatures here are woven.

Maitri Upanishad 7.7.

[17] Thái Cực nhất khai cơ, nhi vạn tượng giai tòng thử triệu. 太 極 一 開 機 而 萬 解象 皆 從 此 兆. — Xướng Đạo Chân Ngôn, quyển II 8a

[18] «Cette (essence) difficile à percevoir, intégrée dans le mystère, cachée, sise dans la caverne primordiale. Plus fin que le fin, plus grand que le grand est l'atman déposé dans le secret de la créature» (K.U. II 12 et 20) — Lilian Silburn - Instant et Cause, page 112

[19] Cet Atman infiniment petit est plus grand que tous les mondes! embrassant tout ce qui est.. muette, indifférente, est cette âme qui est au dedans de mon coeur, c'est Brahman même (Ch. U III 14. 4) — Ib. 112

[20] Trung Dung viết: Ngứ đại thiên hạ mạc năng tải Thái Cực bao hồ thiên địa chi ngoại dã. Ngứ tiểu thiên hạ mạc năng phá. Thái Cực nhập hồ Vạn Hữu chi trung dã. Hợp chi thiên địa đồng nhất Thái Cực. Phân chi vạn vật các nhất Thái Cực. 中 庸 曰 語 大 天 下 莫 能 載 太 極 包 乎 天 地 之 外 也. 語 小 天 下 莫 能 破. 太 極 入 乎 萬 有 之 中 也. 合 之 天 地 同一太 極. 分 之 萬 物 各 一 太 極. — Xướng Đạo Chân Ngôn, quyển II - trang 8b.

[21] Noms, formes, actes (nama - rupa - Karma) engendre la multiplicité, mais la continuité immédiate et profonde n'est brisée qu'en surface par l'aspect extérieur et le langage. Les discontinuités sont illusoires: par la ferveur (tapas) et la connaissance intuitive, on retrouve la continuité essentielle, le

Tout unique et indifférencié, le havre même du salut, «Dès qu'on connaÛt le Tout, on devient le Tout» (P.U. IV. 9,11). «La pluralité n'est pas. Il court de mort en mort qui croit voir la multiplicité dans l'univers. Il faut voir (le soi) dans l'unité (ekadha), Lui ce stable infini» (B.A.U. IV. 4. 19)

A la triade des noms, formes et actes s'oppose une autre triade dans laquelle l'homme affranchi de la soif prend son refuge à l'heure de la mort: «Tu es l'impérissable, tu es l'inébranlable, tu es la plénitude de la vie (Ch. U. III 17, 6 et note 3 page 45 de la traduction E. Senart)

Lilian Silburn, Instant et Cause, page 117 - 118

[22] Nhất thể nhi vạn thù. 一 體 而 萬 殊.— Đại Đỗng Chân Kinh, Quyển thượng - trang 5.

[23] Atman alone is the whole world (Chand. 7. 25. 2)

The Thirteen Up. page 31

...This Soul (Atman) this Immortal, this Brahma, this All (Brih. 2 5 - 1) — Ib. 29

[24] Reality is One. Diversity and manifoldness are only an appearance. — Ib. 36

Cf. Brih 4.4. 19 - 20 - Chand. 7. 26. 2

... If all is One, the manifold differences that seem so real in experience are not constitutive of the inner being of the One; they must be only an appearance, a phenomenon.

Ib. 36

Cf. Maitri 6. 22

[25] The Inner Soul of all things...

Who makes his one form manifold (Katha 5 - 12) — Ib. 37

[26] Vạn vật nhất Thái Cực dã. Cái hợp nhi ngôn chi, vạn vật thống thể nhất Thái Cực. 萬 物 一 太 極 也. 蓋 合 而 言 之, 萬 物 統 體 一 太 極. — Tạ vô Lượng, TQTHS, Thiên III thượng - trang 7

[27] Nhất vật các cụ nhất Thái Cực. — Tạ Vô Lượng, TQTHS, Thiên III thượng - trang 7.

[28] Thiên địa giả, Thái Cực chi chương dã. 天 地 者, 太 極 之 彰 也.— Sao Kiểu Đỗng Chương, quyển thượng - trang 8a

[29] Nhân nhân hữu nhất Thái Cực, vật vật hữu nhất Thái Cực. 人 人 有 一 太 極, 物 物 有 一 太 極. — Ib. trang 59

[30] «Bản chỉ thị nhất Thái Cực nhi vạn vật các hữu bẩm thụ, hựu các tự toàn cụ nhất Thái Cực nhĩ. Như nguyệt tại thiên, chỉ nhất nhi dĩ, Cập tán tại giang hồ, tắc tùy xứ nhi hiện, bất khả vị nguyệt phân dã.» — Chu hối Am - Ngữ lục, TQTHS, Đệ tam chương thượng trang - 59

[31] The one God, hidden in All things,

All pervading, the Inner Soul of all things

... The one among many, who grants desires

S'vetasvatara Up. 6 11,13

[32] Thái Cực tất Duy Nhất, tất Tuyệt Đối. 太 極 必 惟 一, 必 絕 對.— Tạ Vô Lượng, TQTHS, Đệ tam thiên thượng - trang 58

[33] Roue de l'agencé (rta)

...Cette roue est également le prototype de la roue de la transmigration. — Instant et Cause, pages 15 - 17

[34] L'emplacement exigé par le Buddha est, comme l'a montré P. Mus, au moyen de la roue du devenir, la nabhi, ce centre immobile et paisible qui échappe au tournoiement de l'espace que les Upanishads nommaient «Kha» du nom même du moyeu, et qui, dans le Véda, est le «nombril de l'immortel», le lieu de l'autel où se trouvait placé le feu, Agni (R.V. III, 17.4) — Instant et Cause, page 196.

[35] Cổ nhân xưng thử trục vi thiên địa chi trung. Thái Cực chi cực. Thiên đạo duy cư trung ngự cực... Cố quân tử tu kỳ nhân đạo, tự hợp Thiên đạo. Hợp Thiên đạo tắc đắc kỳ hoàn trung, siêu hồ tượng ngoại. Y hi, vi hồ huyền tai, pháp luân chi trục, y thùy năng thức. 古 人 稱 此 軸 為 天 地 之 中. 太 極 之 極. 天 道 惟 居 中 御 極. ... 故 君 子 修 其 人 道 自 合 天 道. 合 天 道 則 得 其 還 中, 超 乎 象 外. 噫 嘻 微 乎 玄 哉, 法 輪 之 軸 伊 誰 能 識 .— Văn Đạo Tử Giảng Đạo Tinh Hoa Lục, quyển II - trang 36

[36] Thức Tạo hóa giả tất ư chân thổ trung cầu kỳ căn đế yên. Đắc thử tắc đan đạo lập hĩ. — Nhập Dược Kính - trang 4b

[37] Chân Thổ là miền Trung Cung nơi Hà đồ, Lạc thư nên cũng chính là Thái Cực, nó làm ta liên tưởng đến «miền đất hứa» (Terre promise) trong Cực Ước. Nơi đó Hằng Cửu bất biến, ngược hẳn với các vòng bên ngoài tượng trưng cho Vạn Hữu biến thiên.

[38] Le lieu véritable de tous les êtres est, nous le savons, l'Atman, le Soi «Celui qui considère que l'Atman est sa vraie place, de celui là, le mérite ne s'épuise pas. Quelque chose qu'il désire, il le tire de cet Atman. Celui qui quitte le monde sans avoir considéré son lieu véritable, celui - là faute de savoir ne jouit pas» (B.A.U.I. 4. 15 - 16) et la même Upanishad reprend plus loin (Iv. 4. 22): C'est vers lui (le Soi) que tendent ceux qui recherchent leur véritable lieu (loka) après une vie errante. C'est en effet parce qu'ils savaient cela que les sages d'autrefois ne recherchaient pas de postérité: «Que ferions nous d'une postérité nous qui, avec l'Atman, avons le lieu véritable?»

A la recherche de la continuité temporelle qui se manifestait par le désir d'une descendance s'est substituée la quête de la Patrie d'origine. — Lilian Silburn - Instant et Cause, page 114.

[39] Quân tử Hoàng trung thông lý chính vị cư thể. 君 子 黃 中 通 理 正 位 居 體.— Dịch Khôn, Quải

[40] The lower knowledge is of various sciences, but «the higher is that whereby that Imperishable is apprehended» (Mund. I.I. 4 5) — The Thirteen Upanishads, page 36

[41] Trung tức chí Lý hà thường bất kiêm chí nghĩa. Đại học, Văn ngôn giai ngôn tri chí. Sở vị chí giả tức thử Lý dã. Ngứ độc Dịch giả viết: Năng tri Thái Cực tức thị tri chí. Ngứ độc Hồng Phạm giả viết: Năng tri Hoàng cực tức thị tri chí... 中 即 至 理 何 常 不 兼 至 義. 大 學 文 言 皆 言 知 至. 所 謂 至 者 即 此 理 也. 語 讀 易 者 曰: 能 知 太 極 即 是 知 至. 語 讀 洪 範 者 曰 能 知 黃 極 即 是 知 至 .— Tống Nguyên Học Án, quyển 12 - trang 6 (Liêm Khê Học Án)

[42] Les Upanishads sont à la recherche d'une continuité de proche en proche d'ordre spatial, celle du fil où sont tissés tous les êtres et qui s'achemine de l'infini à l'infime (Anu) dans lequel se concentre toute l'infinité. — Lilian Silburn - Instant et Cause 113

[43] ...Elles aboutissent donc à l'essence de l'essence, au fil du fil, à l'infime de l'infime, au caché, au

mystère, en un mot à «l'Atman plus précieux que tout et plus intime» et qui demeure inaccessible dans son immanence. — Ib. page 113

[44] Đại đỗng Chân Kinh, trang 17a

[45] Đại đỗng Chân Kinh, trang 4b

[46] Đỗng Huyền Linh Bảo Định Quan Kinh Chú, trang 3

[47] Dịch chi vi thư giáo nhân hồi Thiên chi đại kinh, đại pháp dã. 易之為書教人回天之大經, 大法也. — Thái Cực Quyền Bổng Đồ Thuyết, trang 52

[48] La Taittiriya Upanishad (II, 1 - 4) décrit les diverses personnes emboÛtées les unes dans les autres en allant de l'extérieur à l'intérieur et en passant du plus grossier au plus subtil. Ce sont le soi fait de nourriture, le soi fait de souffle, le soi fait d'organe mental (manas), le soi fait d'intelligence (vijnan), enfin le soi fait de félicité (ananda): la plus intime remplissant la plus grossière et se distinguant d'elle. C'est selon la progression de ces cinq personnes qu'on apprend que l'Atman est identique au Brahman, «la substance universelle et ce dont tous les êtres sont nés, ce dans quoi étant nés, ils vivent, ce en quoi à leur mort ils entrent (III, 1)» et ce Brahman est, nous le savons, la substance réelle (satya), spirituelle, infinie, établie au secret (du coeur) (II, 1) — Lilian Silburn - Instant et Cause, pages 112 -113.

[49] ...Thử đồ lục thập tứ quái điên đảo tương thác dĩ minh Thái Cực quyền bổng triền ti chi đại khuyên, tiểu khuyên ước hữu lục tầng, dữ nhân thân chi bì phu, cơ nhục, cân kiện, võng mô, cốt tiết, não tủy lục tầng thích tương phù hợp. 此圖六十四卦顛倒相錯以明太極拳捧纏絲之大圈, 小圈, 約有六層, 與人身之皮膚, 肌肉, 節腱, 網膜, 骨節, 腦髓六層適相符合.—Thái Cực Quyền Bổng Đồ thuyết trang 49.

[50] Nhân nhân các hữu nhất Thái Cực. 人人各有太極. (Chu Hi) — Cf. Tạ Vô Lượng, TQTHS, Đệ tam thiên thượng, tr. 59.

[51] Hoàng trung thông lý, chính vị cư thể. — Dịch Khôn quải

[52] Trung Dung hay Trung đạo. «Trung Dung kỳ chí hỹ hồ dân tiển năng cửu hỹ»

Đạo Trung Dung cao siêu toàn mỹ.

Theo Trung hồ dễ mấy ai.

Trung Dung - Chương II

[53] Cố kết Đan dã giả, hoàn Thái Cực chi thể tắc Đan thành hỹ. 故結丹也者, 還太極之體則丹成矣. — Xướng Đạo Chân Ngôn, quyển 2, trang 8b.

[54] Xin đọc thêm đoạn nói về Thực chất của Atman trong Lê xuân Khoa Nhập môn Triết học Ấn Độ trang 159

[55] Héraclite, héros prométhéen de la pensée, apporte aux humains endormis, le feu du Logos. — Héraclite et la Philosophie page 65

... A l'interprétation sceptique du Logos héraclitien, succède son interprétation stoicienne... Puis vinrent les Néoplatoniciens... Après lui (Chalcidius), le Logos passa des Stoiciens à Philon le Juif et à l'Évangile johannique. — Ib. page 79

[56] Le Logos est la Raison une, universelle, unificatrice (Vernunft) — Héraclite et la Philosophie, page 59

[57] Le Logos est ce qui lie les phénomènes entre eux, en tant que phénomènes d'un univers un... Le Logos est un lien. — Ib. 57

[58] Le Logos est universel.

[59] Le vrai c'est l'universel, la totalité des fragments du monde, l'intelligence de l'universel, la méditation de l'invisible, la saisie de l'unité, de la totalité. — Ib. 64

... Le critère de la vérité n'est pas fourni par l'opinion commune qui n'est qu'une somme d'opinions particulières, mais par le Logos universel. — Ib. 85

[60] Le Logos est la structure de tout ce qui est. — Ib. 71

[61] Le Logos héraclitien est divin et la divinité est Logos. Logos et Dieu constituent les liens de l'Univers et sont présents dans la pensée humaine. —Ib. 125

... Dieu est uni au Logos, au cosmos, au feu; Il est l'unité des contraires. — Ib. 123

... Le Logos avec lequel son Logos (le Logos d'Héraclite) entre en communication est un Logos divin qui unit les contraires. — Ib. 86

[62] L'englobant universel englobe aussi bien la nature cosmique que le devenir humain dans leur originelle unité.— Héraclite et la Philosophie, page 120.

... L'englobant universel, c'est à dire la Totalité, dévoile chaque fois un de ses modes d'être; le regard humain contemple la manifestation de ces aspects, mais risque de les isoler. La pensée aspire à saisir la totalité comme totalité; au cours de cette visée, elle recontre la divinité (le fondement de tout ce qui est), et en essayant de parler d'elle, se mue en théologie. — Ib. 126

[63] La divinité assure la permanence du devenir universel; elle est même le devenir de l'être. Elle ne gouverne pas le monde du dehors, elle ne survole pas l'univers, elle n'est pas la transcendance qui s'assujettit une immanence, comme le Logos et le feu, elle est intérieure au monde. — Ib. 127

[64] Le Logos en éclairant les ténèbres et ce qui est caché, manifeste la signification totale de l'Univers, signification unitaire. Il est un et universel se manifestant dans le tout, il reste Un et montre que la totalité n'est totalité qu'en tant qu'Unité. Les hommes peuvent connaÛtre le Logos, car la pensée est commune à tous et habite leur âme; cela ne signifie pas que tous pensent. agissent et parlent conformément à la vérité, c'est à dire à la nature vraie. — Héraclite et la Philosophie, p. 62

[65] Cố Thái Cực chỉ thị nhất cá Lý tự. — (Chu Hối Am) Tạ vô Lượng, TQTHS, Đệ tam thiên thượng tr. 58

[66] Dĩ Chân vi thể... cố vân Vô Cực chi chân. —Qui Nguyên Trực Chỉ, quyển hạ - trang 604

[67] Khổng tử tắc viết Thiên Lý... Dịch đạo tắc viết Thái Cực. — Ib. Quyển Trung, trang 369

[68] Thái Cực bao hồ thiên địa chi ngoại... Thái Cực nhập hồ vạn vật chi trung... 太 極 包 乎 天 地 之 外 ... 太極 入 乎 萬 物 之 中. — Xướng Đạo Chân Ngôn, trang 8b

[69] Đan giả, hà dã? Nhân trung chi Thái Cực dã. — Xướng Đạo Chân Ngôn, tr. 8a

[70] Thái Cực chỉ thị thiên địa vạn vật chi lý. 太 極 只 是 天 地 萬 物 之 理.— Phùng Hữu Lan, Trung Quốc

Triết Học Sử, tr. 905

[71] Le Logos que voici, étant toujours vrai, les hommes n'en acquièrent pas la compréhension, ni avant de l'avoir entendu, ni une fois qu'ils l'ont entendu. Car bien que tout devienne selon ce Logos - ci, ils sont pareils à des inexpérimentés, même s'ils ont fait l'expérience et des paroles et des ouvres... Mais bien que le Logos soit universel, les gens du commun (la foule) vivent comme s'ils avaient une pensée particulière. Le Logos avec qui pourtant ils ont le plus constant rapport, avec lui ils sont en désaccord et ce que tous les jours ils rencontrent, cela leur paraît étranger.

Héraclite et la Philosophie, page 58.

[72] Thái Cực chi trung nhất, cắng vạn cổ nhi bất biến. 太 極 之 中 一 亙 萬 古 而 不 變.— Văn Đạo Tử Giảng Đạo Tinh Hoa Lục, quyển I - trang 21

[73] Philon le Juif (30 av. J.C. à 54 après): «La constitution de toutes choses est gravée dans le Logos» (Art. Philon d'Alexandrie, Grande Enc. francaise) — M. Senard, Le Zodiaque 322

[74] Thái Cực chỉ thị thiên địa vạn vật chi lý. 太 極 只 是 天 地 萬 物 之 理. — Phùng Hữu Lan - Trung Quốc Triết Học Sử, trang 905

[75] Trong quyển Science and Civilisation in China của Joseph Needham ta thấy các học giả Âu Châu dịch chữ Lý bằng những chữ sau đây: 1 Form, 2 Natural law, 3 Pattern in things, 4 Principle, 5 Vernunft, 6 The generative Reason (Logos Sper- matikos), 7 Prajna, the ineffable, unchangeable, supramundane, absolute, 8 Metaphysical absolute, 9 Buddhata, 10 Absolute.

[76] Cf. Cựu Ước Toàn Thư Thánh Kinh Công Hội tại Hương Cảng ấn hành. Cựu Ước trang 1, Tân Ước trang 125

[77] Nguyên bản Vulgate như sau: «Omnia per ipsum facta sunt, et sine ipso factum est nihil quod factum est». Bản dịch Crampon: Tout a été fait par lui, et sans lui rien n'a été fait de ce qui a été fait.

Evangile de Saint Jean, Prologue I. 3

[78] S'il a fait habiter sur toute la face de la terre tout le genre humain...C'était afin que les hommes cherchent la divinité pour l'atteindre si possible, comme à tâtons et la trouver; aussi bien n'est elle pas loin de chacun de nous. C'est en elle en effet que nous avons le vie, le mouvement et l'être. Ainsi d'ailleurs l'ont dit certains des vôtres: «Car nous sommes aussi de sa race» — Actes des Apôtres XVII - 26- 27- 28 (Bible de Jérusalem) p. 1463

[79] S'il a fait habiter sur toute la face de la terre tout le genre humain...C'était afin que les hommes cherchent la Divinté pour l'atteindre si possible, comme à tâtons et la trouver; aussi bien n'est elle pas loin de chacun de nous. C'est en elle, en effet, que nous avons la vie, le mouvement et l'être. Ainsi d'ailleurs l'ont dit certains des vôtres: «Car nous sommes aussi de sa race» — Actes des Apôtres XVII- 26- 27- 28 (Bible de Jérusalem) p. 1463

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 8 | phụ lục 1 2 | STK

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 4

THÁI CỰC LUẬN

chương trước chương sau

Chương 7. Những hậu quả của quan niệm Thái Cực

A. Hậu quả Triết Lý

Quan niệm Thái Cực rất quan trọng vì đã đề cập đến Bản Thể vũ trụ.

Theo quan niệm này, thì Bản Thể vũ trụ là Thái Cực vô thanh, vô xú, có khả năng biến hóa vô cùng, sinh xuất vạn sự, vạn vật mà chẳng hề có tăng, có giảm. Vạn vật hữu hình biến thiên, Thái Cực bất biến. Vạn vật hữu hình có hoại, có thịnh có suy; Thái Cực muôn đời như nhất.

Thái Cực không phải là tinh thần, cũng không phải là vật chất. Thái Cực bao quát cả tinh thần lẫn vật chất, lại siêu xuất trên tinh thần lẫn vật chất.

Thái Cực sinh hóa vạn vật theo định luật tuần hoàn, vãng lai, phản phúc.

Thái Cực sinh Thần, Thần sinh Khí, Khí sinh Tinh hay Chất, Bộ ba Thần, Khí, Chất hỗ giao, hỗ hoán, tương hợp, tương phân, để sinh xuất vạn vật. Ngược lại, Tinh có thể hóa Khí, Khí có thể hóa Thần, Thần có thể trở về Thái Cực; như vậy là tuần hoàn, thủy chung như nhất.

Quan niệm sinh hóa này vô cùng biến ảo, bao quát được cả mọi môn phái Triết học vì nó không duy tâm cũng chẳng duy vật, mà vượt hẳn lên trên cặp mâu thuẫn tương đối này. Nó bao quát được hết mọi lớp lang biến dịch trong hoàn võ, và trong nhân quần vì đã định được vòng tuần hoàn vãng lai, phản phục của vũ trụ, và Vạn Hữu. Nó cho chúng ta một tầm nhìn bao quát, chẳng những về cơ cấu vạn vật, từ cơ cấu tế vi ra cho đến những cơ cấu hữu hình; cho ta thấy chiều hướng biến hóa của Vạn Hữu, bất quá chỉ có là từ vi đến trứ từ vô hình đến hữu hình rồi lại từ hữu hình trở về vô hình. Hơn nữa nó còn cho ta một cái nhìn bao quát về vòng thời gian toàn bích, vãng lai, phản phục của trời đất và của lịch sử.

Suy ra, vũ trụ có tán, tất nhiên phải có tụ. Lịch sử diễn biến từ các giá trị tinh thần xuống dần tới các giá trị xác thân, vật chất ngoại cảnh, rồi có hồi lại quay trở ngược lại, diễn biến từ các giá trị vật chất, xác thân ngoại cảnh tiến dần về các giá trị tinh thần cao thượng.

Vạn vật sinh từ Thái Cực, biến hóa muôn vàn rồi lại quay trở về Thái Cực. Thế là thủy chung như nhất. Vạn vật khác nhau bằng hình tướng bên ngoài, nhưng đều cũng có một căn nguyên cốt cách là Thái Cực. Mà Thái Cực chính là Đạo,là Trời. Nói vậy có nghĩa là vũ trụ Vạn Hữu là biểu dương của một Thực

thể duy nhất: Đó là Thái Cực hay Thượng Đế [1]

Để rộng đường khảo sát chúng ta hãy lược khảo các quan niệm về Căn nguyên vũ trụ

1) Của các Triết gia Hi Lạp, từ thời Thalès (640 548) cho đến hết thời Aristote (322)

2) Của các nhà Huyền học Âu Á, và Teilhard de Chardin.

1) Quan niệm Thái Cực và quan niệm Nguyên Thể vũ trụ của các Triết gia Hi Lạp

Các Triết gia Hi Lạp có nhiều ý kiến dị đồng về Nguyên Thể vũ trụ:

Có người cho rằng vật chất sinh ra vũ trụ.

a) Nguyên Thể vũ trụ là một đơn chất: hoặc là thái hư vô định (Anaximandre 611-547), hoặc là nước (Thalès 640 - 548), hoặc là khí (Anaximène 545 - 522), hoặc là lửa (Héraclite 540 - 475)

b) Nguyên Thể vũ trụ có thể đa đoan phiền tạp: hoặc là 4 chất: đất, nước, lửa, khí (Empédocle 500 - 400), hoặc là 5 chất: Đất, nước, lửa, khí và thái hư (hyle) (Aristote 384 - 322), hoặc là những con số (Pythgore 580 - 500), hoặc là vô số nguyên chất có hình thù khác nhau (Anaxagore 500 - 428), hoặc là vô số nguyên tử (Leucippe de Millet (thế kỷ IV) và Democrite 470 - 400).

Có phái cho rằng tinh thần sinh xuất vũ trụ.

Chỉ có tinh thần mới là thực thể, còn hình tướng bên ngoài chỉ là giả tướng (Xénophane - cuối thế kỷ VI), Parménide (?540 - ?50), Platon (429 - 347) [2]

Đem các quan niệm trên đây sánh với quan niệm Thái Cực, ta thấy quan niệm Thái Cực vẫn cao siêu hơn, bao quát hơn, vì Thái Cực tuy là thực thể duy nhất của Vạn Hữu, nhưng bao quát các động tĩnh, Âm Dương, nên có một khả năng biến hóa vô cùng hùng hậu. Hơn nữa Thái Cực siêu xuất trên các quan niệm Âm Dương, tinh thần, vật chất, siêu xuất trên toán số. Quan niệm Thái Cực có thể nói là cao siêu hơn các quan niệm Triết học Hi Lạp về vũ trụ khởi nguyên vì Thái Cực chẳng những là Bản Thể của vũ trụ mà còn là Đạo, là Logos, là Thượng Đế.

Thái Cực là căn nguyên vũ trụ, là một thực thể nhưng lưỡng diện vì động tĩnh, tụ tán khôn lường; là một thực thể nhưng vạn thù: nhờ cơ vi Âm Dương biến hóa, có thể sinh ra muôn muôn, ngàn ngàn biến thiên, biến động; là một thực thể biến ảo muôn ngàn, nhưng sau trước vẫn thủy chung như nhất nhờ ở vòng Dịch: Âm biến Dương, Dương biến Âm, tuần hoàn, phản phục...

2. Quan niệm Thái Cực với quan niệm của các nhà Huyền học Âu Á và Teilhard de Chardin

Quan niệm Thái Cực của Dịch Kinh thực ra cũng là quan niệm của các nhà Huyền học Đông Tây, kim cổ. Nó không được phổ cập vào quần chúng, nhưng ngược lại, đã được những bậc thượng trí, thượng nhân mọi nơi mọi đời, bất phân đạo giáo chủ trương. Ta thấy chủ trương này, nơi các nhà Huyền học Âu châu thượng cổ, các thánh Paul, Jean[3], các nhà Huyền học Bà La Môn, Phật giáo, Lão giáo, các tác giả Zohar và Kaballe v.v.. và gần đây đã được Teilhard de Chardin làm sống động lại. Chủ trương này đại khái như sau:

*Trời đất vạn vật chẳng qua là thiên hình, vạn trạng của một thực thể duy nhất, của Tuyệt Đối Thể.

*Tuyệt Đối Thể này là hiện thân của Thượng Đế siêu việt bất khả tư nghị.

*Tuyệt Đối Thể này mọi nơi mọi đời đều kêu bằng một danh hiệu, hoặc là Đạo, là Chân Tâm, là Thái Cực, là Logos. Tuyệt Đối Thể này là một Thực thể duy nhất bao quát cả hai phương diện tinh thần, vật chất [4]

Teilhard gọi Tuyệt Đối Thể này là Nguyên Thể vũ trụ. Nguyên Thể này có hai phương diện vật chất và tinh thần.

Nhất thể ấy sinh xuất quần sinh; quần sinh lại qui hướng tiến hóa về nhất thể [5]

Nhất tiến ra vạn, rồi vạn lại qui về nhất, theo nhịp điệu của thời gian. Cho nên trong trời đất, đâu đâu cũng tràn đầy lẽ biến dịch. Sự biến dịch theo hai chiều hướng: một là phân tán đào thải; hai là súc tích để tiến tới tinh hoa, trở về Nguyên bản [6]

Tóm lại, Ấn Độ, Trung Hoa và Nhật Bản đều quan niệm vũ trụ là Nhất Thể, vì căn nguyên vũ trụ là Thái Cực duy nhất. Quan niệm này chủ trương Vạn Hữu đều có đồng một Bản Thể như nhau. Muốn lãnh hội Chân lý này, tuệ giác cần được khải ngộ; muốn được khải ngộ cần tốn công phu, tiềm tâm suy cứu, nội quan quán chiếu [7]

Vì nhận chân rằng: Vũ trụ = Thái Cực, quan niệm này coi Thái Cực là Toàn thể, toàn bích, còn vạn vật chẳng qua là phân bộ, phân thể của Thái Cực.

Quan niệm này thực là một quan niệm siêu việt về Thượng Đế. Nó vừa là nền tảng, vừa trở thành mục đích tu luyện của các bậc Thánh Hiền xưa nay.

Mục đích ấy là từ bỏ tiểu tiết, phân bộ, tư tà, địa

phương, thời gian, giai đoạn, thiên kiến để đạt tới chân lý toàn bích, đại đồng...

B. Hậu quả luân lý

Thái Cực là toàn thể vũ trụ; Vạn Hữu là phân thể Thái Cực. Từ quan niệm vạn vật nhất thể này các Triết gia suy diễn ra nhiệm vụ bác ái đối với mọi người, và chủ trương mọi người đều có thể trở nên giống Thái Cực, nên giống Thượng Đế. Hậu quả luân lý này đã được Cha Ricci ghi nhận như sau: «Trào lưu tư tưởng mà nhiều người theo hiện nay, theo tôi, có lẽ đã vay mượn ở một giáo phái tà thần (?) từ 500 năm nay (Tống Nho). Quan niệm ấy là: Thiên Địa Vạn Vật Nhất Thể, người, vật, cỏ cây, tứ tượng đều họp thành một cơ thể duy nhất mà vạn vật là những phân bộ. Từ quan niệm nhất thể ấy họ rút ra nhiệm vụ bác ái, đối với mọi người, và chủ trương mọi người đều có thể nên giống Thượng Đế.» [8]

Thái Cực chính là Thiên Lý; mà Thiên Lý thì phổ quát đại đồng, chí công, chí chính, và cũng đã được ghi tạc ngay trong tâm khảm ta.

Cho nên, người quân tử luôn luôn phải chiến thắng tư tà, tư dục sống hợp Thiên Lý, hợp với lương tâm, để lúc nào cũng chí công, chí chính, khiết tịnh, tinh vi.

C. Hậu quả đạo giáo

Quan niệm Thái Cực và công cuộc đi tìm Trường sinh và Chân Lý

Quan niệm này đã xây nền đắp tảng cho công cuộc tu thân của người xưa. Vì tin rằng Thái Cực là Bản Thể vũ trụ, là Vạn Hữu [9] là Đạo [10], là Chân, là Lý, là Căn nguyên, Cốt cách con người, vì tin rằng Thái Cực vĩnh cửu trường tồn [11], vô thanh, vô xú nhưng lại tiềm ẩn ngay trong đáy lòng con người [12], nên các bậc chính nhân, quân tử sau khi thấu hiểu Dịch Kinh, đã hồi tâm phản tỉnh, trở vào tâm thần mình mà tìm đạo, tìm trời.

Thái Cực là Đạo[13], là Căn Bản [14], Bản Lai Diện Mục[15], Chân Như Bản Thể, Kim Cương Thân[16], Kim Đơn.[17] Cho nên tìm ra được Thái Cực trong tâm hồn mình là Đắc đạo, Qui căn, phản bản, tìm lại được Bản Lai Diện Mục, tìm lại được Chân Như Bản Thể, tìm lại được Kim Cương Thân, luyện

được Kim Đơn.

Vì Thái Cực tiềm ẩn ngay trong đáy lòng con người, nên Thánh nhân tẩy rửa lòng mình cho sạch trần ai tục lụy và rút lui vào chốn ẩn áo huyền vi của tâm hồn để sống phối hợp với đấng Tối cao [18]

Dịch Kinh khuyên người quân tử hãy hiểu thấu lẽ Trung Hoàng Thái Cực đừng để cho lòng bị vật dục, ngoại cảnh khiến dẫn mê hoặc, trở về với Thái Cực, tìm ra ngôi vị Chính Trung trong hoàn võ để làm chỗ nương thân [19] làm nơi dừng chân, đứng lại. [20] Tất cả công phu học hỏi suy tư là cốt để tìm ra Thái Cực, Căn nguyên, Cốt cách con người [21]

Muốn Viên minh, Diệu giác, phải thực hiện được Bản Thể Thái Cực.[22] Muốn luyện đơn, trước hết phải tìm cho ra Thái Cực tiềm ẩn trong lòng mình [23]

Khi đã minh định rằng Thái Cực vừa là Căn nguyên, vừa là cùng đích của Vạn Hữu, các bậc Thánh Hiền xưa đã suy ra được 2 chiều biến hóa của hoàn võ và của con người.

Chiều thuận: từ tinh thần, tiến dần mãi ra vật chất.

Chiều ngược: từ vật chất biến hóa dần mãi để phục hồi lại trạng thái tinh thần.

Đi theo chiều thuận, thì y như trôi theo giòng nước, chẳng phải suy nghĩ, tốn công phu, nhưng kết quả chỉ thành phàm phu tục tử.

Đi theo chiều nghịch, thì y như bơi ngược giòng sông, luôn luôn phải tranh đấu, phải cố gắng, nhưng kết quả sẽ thành Tiên, thành Thánh. [24]

Ta có thể hình dung 2 chiều biến hóa ấy như sau

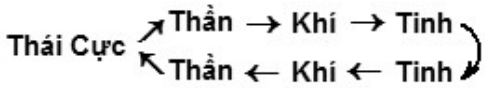

Các Hiền Triết Ấn Độ cũng cho rằng vũ trụ, cũng như người có 2 chiều hai hướng. Từ tâm điểm ra bên ngoài, là biến hóa theo chiều sinh sinh vô cùng, từ nhất sinh ra vạn; từ ngoài trở về tâm điểm, là chiều hóa hóa bất tận, từ vạn quay trở về nhất [25]

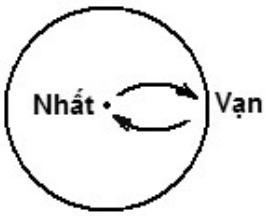

Đi tìm Thái Cực, tức là đi tìm con người chân thực nơi ta. Trong ta đã tiềm ẩn sẵn một nguồn năng lực vô biên, mặc tình ta khai thác. Ta đừng nên bỏ qua kho tàng vô giá nội tâm, mà chạy theo ngoại cảnh, ngõ hầu thêm được đôi chút tiện nghi...[26]

Khi đã thể hiện được Thái Cực được Tuyệt đối, con người sẽ được giải thoát.

Lúc ấy sẽ có một thần lực vô biên, và làm được nhiều kỳ công, đại sự; cái đó không có lạ gì vì con người lúc ấy đã nhập được vào nguồn sinh lực, nguồn năng lực vô biên của vũ trụ...[27]

Tóm lại, Thái Cực là Thiên Tâm, là Viên Giác, là Kim Đơn [28]

Tìm ra được Thái Cực, thấy được Thiên Tâm trong lòng mình, là Thần Minh đã đến với mình vậy [29]

CHÚ THÍCH

[1] La période que nous allons étudier commence avec Thalès (640-548) et la Grèce ionienne, elle s'étend sur les différentes écoles philosophiques), qui firent la renommée intellectuelle des Grecs et s'achève avec la conquête de la Grèce par Alexandre (332) et la mort d'Aristote (322). — Edition René Kester - Les Secrets de l'Atome page 12.

[2] Phỏng theo tài liệu trong cuốn Les Secrets de l'Atome (Editions René Kister, trang 12 - 15)

... Xem thêm: S.E. Frost, Jr., Basic Teachings of the Great Philosophers. Chương 1: The Nature of the Universe, trang 1 - 16.

[3] Si tout effort de connaissance est tentative pour se placer au point de vue de Dieu, la connaissance absolue consiste à l'avoir atteint, ce qu'apercoivent le stoicisme que citait Saint Paul aux philosophes d'Athènes: in ipso vivimus, et movemur et sumus - Plotin, Spinoza aussi bien que, d'autre part, Hege, c'est que pour Dieu la matière n'a pas d'existence indépendante, car l'esprit absolu se reconnaÛt soi - même en tout...

Science et Matérialisme page 31. Cf. Actes des Apôtres 17; 24 - 30. Evangile de Sainte Jean - Prologue.

[4] Il y a d'abord la croyance en un Principe unique, duquel tout est issu. Quels que soient les noms qui lui aient été donnés durant les différentes époques et sous les différents ciels ou la forme du culte extérieur qui lui soit rendu, ce Principe est de tout temps, le Dieu de l'Univers manifesté comme Unité, celui qui a engendré le ciel et la Terre, le créateur et la créature, le contenant et le contenu, l'Essence et la Forme, l'Esprit et la Matière, l'Espace et le Temps, l'Infini et le Fini.

Ce Principe Unique est un prodigieux aimant qui attire à lui toutes les âmes, de même que le Terre attire tous les corps vers son centre. — Le Religon Essentielle - page 11.

[5] Etoffe cosmique: matière et Esprit, écrit le P. Teilhard en 1950, non point deux choses mais deux états, deux faces d'une même étoffe cosmique suivant qu'on la regarde ou qu'on la prolonge dans le sens où elle se fait ou au contraire dans le sens suivant lequel, elle se défait.

Teilhard de Chardin (Plon) page 81.

...Teilhard gọi Thực thể ấy là «Chúa Cơ đốc vũ trụ». Ông viết: «Le Christ n'est pas un accessoire surajouté au monde, un ornement, un roi comme nous en faisons, un propriétaire. Il est l'Alpha et l'Oméga, le principe et la fin, la pierre du fondement et la clé de voûte, la plénitude et le plénifiant.» — Ib. page 114.

[6] Au lien d'opposer deux termes matières et esprit, il faut opposer deux directions l'une qui descend vers la poussière du multiple et se perd ainsi dans le néant, l'autre qui s'élève avec toute la nature vers des types d'union plus complexes et mieux centrés... — Jean Onimus - Teilhard de Chardin (Plon), p. 84.

[7] L'Inde, la Chine et la Japon ont en commun un principe unique sur lequel repose leur science et leur philosophie...

Ce Principe affirme l'identité d'essence de tous les êtres et de toutes choses. Pour saisir cette vérité, il faut une ouverture de la conscience supérieure de l'homme, ouverture qui ne peut d'obtenir que par l'effort personnel et l'analyse de soi même. — Robert Lasserre - Etranges Pouvoirs, page 20.

[8] «Mais l'opinion la plus suivie actuellement et qui me paraÛt (pare), empruntée à la secte des idoles depuis 500 ans (philosophie des Song), c'est que tout ce monde est fait d'une seule substance et que la création du monde avec le ciel et la terre, les hommes et les animaux, les arbres et les végétaux, et les quatre éléments, forment un corps continu dont les divers êtres sont les membres. C'est de cette unicité de substance que l'on déduit le devoir de la charité envers les hommes et la possibilité pour tous de devenir semblables à Dieu.» (Cf. Henri Bernard - Maître - Sagesse Chinoise et Philosphie Chrétienne, page 108)

[9] Khổng tử tắc viết: Thiên Lý, Lão tử tắc viết: Cốc Thần, Dịch đạo tắc viết: Thái Cực. Danh tuy hữu dị: kỳ thực đồng nhất Chân Như bản tính dã. 孔 子 則 曰 天 理, 老 子 則 曰 谷 神, 易 道 則 曰 太 極 . 名 雖 有 異, 其 實 同 一 真 如 本 性 也. — Qui Nguyên Trực Chỉ, quyển Trung, trang 360.

[10] Đạo vi Thái Cực 道 為 太 極. — Tạ vô Lượng, TQTHS, Đệ tam thiên thượng, trang 14.

[11] Hữu vật Tiên Thiên địa 有 物 先 天 地
Vô hình bản tịch liêu 無 形 本 寂 寥
Năng vi vạn tượng chủ 能 為 萬 象 主
Bất trục tứ thời điêu 不 逐 四 時 凋
Qui Nguyên Trực Chỉ, quyển Trung, trang 370.

[12] Đan giả hà dã, nhân trung chi Thái Cực dã. 丹 者 何 也. 人 中 之 太 極 也. — Xướng Đạo Chân Ngôn, trang 8a.

[13] Đạo vi Thái Cực 道 為 太 極. — Tạ vô Lượng, TQTHS, Đệ tam thiên thượng, trang 14.

[14] Căn bản do tòng Thái Cực tầm 根 本 由 從 太 極 尋. — Đại Đỗng Chân Kinh, Quyển thượng, trang 4b.

[15] Chân Như bản tánh giả, phụ mẫu vị sanh tiền, nhứt chân vô vọng chi thể, vị chi bổn lai diện mục. Thiền tông tắc viết: Chánh pháp nhãn tạng. Liên tông tắc viết: Bổn tánh Di Đà. Khổng tử tắc viết: Thiên Lý. Lão tử tắc viết: Cốc Thần. Dịch đạo tắc viết: Thái Cực. Danh tuy hữu dị: Kỳ thực đồng nhất Chân Như bản tính dã. 真 如 本 性 者, 父 母 未 生 前, 一 真 無 妄 之 體, 謂 之 本 來 面 目. 禪 宗 則 曰 正 法 眼 藏. 蓮 宗 則 曰 本 性 彌 陀. 孔 子 則 曰 天 理, 老 子 則 曰 谷 神, 易 道 則 曰 太 極 . 名 雖 有 異, 其 實 同 一 真 如 本 性 也.— Qui Nguyên Trực Chỉ, quyển Trung, trang 369.

[16] Thị pháp giả chỉ kỳ bản tính dã. Bản tính dụ hồ Kim Cương. Ngôn kỳ kiên cố bất hoại dã. 是 法 者 指 其 本 性 也. 本 性 喻 乎 金 剛. 言 其 堅 固 不 壞 也. — Ib. 371

[17] Đan giả hà dã, nhân trung chi Thái Cực dã. — Xướng Đạo Chân Ngôn, trang 8a.

[18] Thánh nhân dĩ thử tẩy tâm, thoái tàng ư mật. — Dịch Kinh - Hệ Từ thượng, chương 11.

[19] Quân tử Hoàng Trung thông Lý, chính vị cư thể. — Dịch Kinh - Khôn Quải.

[20] Chỉ ư chí thiện 止 於 至 善. — Đại học.

[21] Thái Cực không giả dã... Không giả vạn vật chi tổ dã. Học giả yếu kiến chân không. 太 極 空 者 也. ... 空 者 萬 物 之 祖 也. 學 者 要 見 真 空. — Xướng Đạo Chân Ngôn quyển I trang 2.

[22] Phù viên minh diệu giác, nguyên Thái Cực chi thể dã. 夫 圓 明 妙 覺 元 太 極 之 體 也.

[23] Tiên gia kết đan, tiên cầu thân trung chi Thái Cực 仙 家 結 丹 先 求 身 中 之 太 極. — Ib. trang 9.

[24] Nhất chân vị tạc, vị chi hỗn độn; nhất nguyên phương triệu, vị chi nhân uân. Thần sinh khí, khí sinh tinh, Thái Cực chi sở dĩ thuận nhi sinh dã. Tinh hóa khí, khí hóa thần, nhân dĩ nghịch nhi vi tiên, phản bản hoàn nguyên chi nghĩa dã. 一 真 未 鑿, 謂 之 混 沌; 一 元 方 兆, 謂 之 氤 氳. 神 生 氣, 氣 生 精, 太 極 之 所 以 順 而 生 也. 精 化 氣 氣 化 神 人 以 逆 為 仙 返 本 還 元 之 義 也. — Xướng Đạo Chân Ngôn, trang 9.

[25] A la causalité vitaliste, celle de l'expansion du germe et qui va du germe concentré vers un épanouissement sans fin, du centre à la périphérie, s'oppose la causalité formelle, rituelle qui est mensuration et construction, oeuvre savante des prêtres et qui elle, va de la périphérie vers le centre, du tout éparpillé au tout concentré, intégral, continue. Après avoir entouré et consolidé le sacrifice année, l'activité rituelle s'achemine vers le centre de l'autel, vers le jour central (visuvat) de l'année, vers la personne interne (Atman) de Prajapati, l'ensemble des actes sacrés. Alors que dans le courant vitaliste, la densité maxima se trouve au départ, dans le courant ritualiste, elles culminent au point d'arrivée. Instant et Cause, page 56.

[26] Cf. Robert Lasserre - Etranges Pouvoirs, page 32:

En fait, c'est à la découverte de l'homme réel que nous partons. «Une énergie infinie est à la disposition de chacun de nous, si nous savons seulement la saisir", mais l'homme moderne, submergé par les progrès des sciences, s'est éloigné de plus en plus de la voie de l'évolution intérieure. Tourné vers les conquêtes extérieures, qui produisent l'amélioration des conditions de vie, c'est à dire la diminution de l'effort, il a perdu le goôt de celui ci, et cela entraîne la dégénerescence de l'individu. La seule voie de salut doit tendre à placer l'homme dans l'atmosphère psychophysiologique la mieux adaptée à la maintenir en pleine activité physique et mentale.

[27] Lorsque l'adepte parvient d'une facon parfaite à cette réalisation de l'absolu, qui est plus une conscience et une identification qu'une compréhension, il est libéré; sa force est celle qui anime le tonnerre et les éclairs, la puissance de la vague comme celle du feu... en contact étroit avec la source où tous les phénomènes puisent leur énergie, de l'atome à l'étoile, du souffle de la tempête à la déflagration de la poudre, il peut y puiser infi niment et réaliser des prodiges. — Robert Lasserre, Etranges Pouvoirs, page 20

[28] Thái Cực giả, ngô tâm chi thiên tâm dã. Thích thị viết: viên giác. Đạo viết Kim đan. Nhu viết Thái Cực... 太 極 者 吾 心 之 天 心 也. 釋 氏 曰 圓 覺. 道 曰 金 丹. 儒 曰 太 極.— Liêu Dương Điện vấn đáp thiên Thiên nhất trang 2b.

[29] Thiên tâm kiến nhi thần minh chí hĩ. — Đại Đỗng chân kinh quyển thượng trang 5b.

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 8 | phụ lục 1 2 | STK

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 4

THÁI CỰC LUẬN

chương trước chương sau

Chương 8. Tổng luận

Chúng ta đã bàn giải nhiều về Thái Cực. Bây giờ chỉ cần thâu tóm và nhắc lại ít nhiều điểm chính yếu.

1. Đối với các Thánh Hiền Trung Quốc, Thái Cực sinh xuất Vạn Hữu. Thái Cực vừa bao quát Vạn Hữu, vừa lồng trong vạn vật, Vạn Hữu. Thái Cực là Bản Thể của vũ trụ, bất biến, bất thiên, bất sinh, bất hoại, nhưng lại vẫn chủ trì mọi cuộc biến thiên của vũ trụ và của con người.

2. Đứng về phương diện vũ trụ khởi nguyên, Dịch Kinh chủ trương Thái Cực sinh Vạn Hữu. Đó là Nhất Nguyên Chủ Nghĩa. Thái Cực tuy là Nhất, là Nguyên nhưng lại biến hóa, vô cùng tận. Vả Thái Cực cũng lại là Vô Cực, là Thần, là Thượng Đế, siêu xuất trên cơ cấu Âm Dương, cho nên quan niệm Thái Cực có thể nói được là hoàn bị hơn những quan niệm Apeiron của Anaximandre, quan niệm Duy linh của Platon, quan niệm Ngũ Hành của Aristote.

3. Quan niệm Thái Cực tương tự như quan niệm Atman của Bà La Môn, quan niệm Logos của Âu châu, hay quan niệm đấng Christ vũ trụ của Teilhard de Chardin.

4. Vì chủ trương rằng Thái Cực chẳng những là Bản Thể của vũ trụ, mà còn là Vô Cực, là Trời, nên quan niệm Thái Cực không phải là một quan niệm Triết lý thông thường, mà còn là một đề tài đạo giáo hết sức quan trọng.

5. Đối với các Triết gia Trung quốc, Thái Cực tiềm ẩn ngay trong lòng Vạn Hữu, trong lòng con người. Nhưng chỉ có con người mới nhận được Chân lý ấy, mới cảm thông được với Thái Cực, mới trở về được với Căn nguyên.

6. Như vậy, quan niệm Thái Cực mở lối cho một phương pháp tu thân, một phương pháp trở về với Thượng Đế, với Căn Nguyên gốc gác của mình. Đó là con đường Hướng Nội, con đường Nội Tâm mà xưa nay các Thánh Hiền khắp thế giới đều đã nhất luật băng qua.

Cho nên muốn học Dịch, trước tiên phải tìm hiểu cho rành rẽ Vô Cực và Thái Cực. Hiểu được điều huyền vi, ảo diệu này là đã hiểu được chính ý Dịch Kinh, vì Dịch Kinh không phải là một quyển sách bói toán như người ta thường hiểu, mà chính là một phương pháp chính yếu để tìm Đạo, tìm Trời, trở về với Đạo, với Trời

Không phải nguyên nghe bình luận, mà còn cần phải có tâm thần thanh tịnh mới hiểu được Thái Cực. Tâm thần có thanh tịnh, sẽ thấy được Thiên Địa Chi Tâm, sẽ thấy được Thái Cực. [1]

---

[1] Ngô chi thần thanh, tắc Thái Cực chi lý tự minh. Thảng năng nhất niệm bất khởi cửu cửu trừng thanh, hư cực tĩnh đốc chi thời, tắc hư thất sinh bạch, kim cơ phi điện, phục kiến thiên địa chi tâm nhi tự minh hĩ. 吾 之 神 清 則 太 極 之 理 自 明. 倘 能 一 念 不 起 久 久 澄 清, 虛 極 靜 篤 之 時, 則 虛 室 生 白, 金 機 飛 電 復 見 天 地 之 心 而 自 明. — Tính Mệnh Pháp Quyết, quyển 1, trang 4.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 **4** 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 **8** | phụ lục 1 2 | STK

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 **4** 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 8 | phụ lục **1** 2 | STK

Phần 4

THÁI CỰC LUẬN

chương trước chương sau

Phụ lục 1

ÍT NHIỀU DANH HIỆU TƯƠNG ỨNG VỚI THÁI CỰC

ANH NGỮ

* Mercurius (Thái Cực)
* Prima materia (Nguyên Thể)
* Archetype of the Divine Child (Hóa Nhi)
* Anthropos (Chân Nhân)
* Hermès (Thái Cực)
* Philosophical Gold (Kim Đơn)
* Quintessence (Tinh)
* Unum, Unica res, Monad (Nhất)
* Rebis (Thái Cực)
* The Drug of Immortality (Trường Sinh Dược)
* Lapis Philosophorum (Ngọc Châu Viên Giác)[1]
* The Universel Self (Toàn Nhất) (162) [2]
* The One (Plotinus and theVedanta) (162) (Nhất)
* The Divine Unity (Thái Nhất) (Eckhart, Ruysbroeck) (162)
* The Dazzling Obscurity (Suso) (162) (Yểu Minh)
* Vacuum Plenum (W.T. Stace) (162) (Hư Thực Xứ)
* The Divine Ground (Chân Thổ) (175)
* The En Sof (Đế Ất) (177)

* The Hidden God (Trời Ẩn) (177)

* The Infinite Cosmic Self (Đại Ngã Vũ Trụ) (178)

* The Very Reality (Chân) (170)

* The All Good (Chí Thành - Chí Thiện) (170)

* The Primal Being (Nguyên Thể) (185) [3]

PHÁP NGỮ

* Nature Naturans (Lý Năng Sinh) [4]

* Matrice matérielle (Căn Nguyên)

* Racine (Căn Bản)

* Prana (Thần Khí)

* Purushattama

* Suprême Purusha (Chân Nhân)

* Alaya

* Avalokileshvara

* Padmapani

* Psyché (Tâm)

* Anima Mundi (Thiên Địa Chi Tâm)

* Christ

* Âme Universelle (Vũ Trụ Tâm)

* Monade (Nguyên Thể)

* Purusha l'Homme (Chân Nhân)

* Chrestos, Homme Divin (Chân Nhân)

* Sagesse (Tuệ, Giác, v.v..) [5]

CHÚ THÍCH

[1] Các danh từ trên trích trong C.G. Jung Psychology and Alchemy đoạn. The Prima Matéria từ trang 304 đến 331.

[2] Các số Á Rập là số trang trong quyển W.T. Stace, Mysticism and Philosophy.

[3] Các danh từ trên đây trích trong W.T. Stace. Mysticism and Philosophy. Các số Á Rập trong ngoặc là số trang trong sách Mysticism and Philosophy.

[4] Từ đây sấp xuống, các danh từ đều trích trong A Tanon - Théosophie et Science từ trang 55 đến trang 64.

[5] Những từ ngữ trên trích trong sách A. Tanon - Théosophie et Science từ trang 55 đến trang 64.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 **4** 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 8 | phụ lục **1** 2 | STK

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 4

THÁI CỰC LUẬN

chương trước chương sau

Phụ lục 2

ÍT NHIỀU BÀI THƠ VỊNH THÁI CỰC

I

Thái Cực, Kim Đơn có khác gì [1]

Tinh toàn vằng vặc, tỏa quang huy [2]

Nơi ấy sắc không, không mắc míu [3]

Quang minh muôn thủa, chẳng suy vi [4]

II

Thái Cực âu đành Thiên Địa Tâm,[5]

Mở trời dựng đất há qua phân [6]

Chia chia, hợp hợp, tùy thời tiết [7]

Muôn vàn chuyển dịch vẫn êm rầm [8]

III

Cánh cửa Âm Dương, cánh cửa Trời [9]

Ấp ôm Thái Cực, há chia phôi [10]

Huyền Quan, ướm hỏi nơi đâu tá?

Giữa lòng trời đất, giữa lòng người

IV

Lão tử giúp ta mở cửa trời,

Càn Khôn hạp tịch thấu cơ ngơi.

Băng qua Quái, Tượng vào Tâm Điểm,

Gốc gác Trường Sinh, rõ chốn nơi [11]

V

Đại đạo căn cơ, ít kẻ hay,
Trong tâm chẳng kiếm, kiếm Đông Tây,
Ta nay chỉ rõ Thần Tiên xứ,
Thái Cực trăng tròn chẳng vẩn mây [12]

VI

Phân minh, biến hóa tại trung ương,
Chốn ấy, Huyền Châu vốn ẩn tàng.
Phản bản, qui căn, manh mối lộ
Thủ Trung, Bão Nhất, cố lo lường [13]

VII

Phanh phui, rộng mở Khiếu Huyền Nguyên,
Vào nơi hỗn độn, thấu u huyền.
Định đem nước lửa về đoàn tụ.
Quyết bắt hổ long, phục cửu uyên [14]

VIII

Thái Cực, Chân Tâm của đất trời,
Âm Dương biến hóa, ấy cơ ngơi [15]
Cơ mầu Tạo hóa, bằng thông tỏ [16]
Vạn Tượng mối manh, hết rối bời [17]

IX

Tạo hóa không Căn Đế,
Âm Dương có Bản Nguyên
Cơ vi huyền nhiệm ấy,
Phụ tử chẳng tương truyền

X

Vô hình, vô tượng, mơ mòng
Mịt mù, mà vẫn sáng trưng, rạng ngời.
Xây vần vạn tượng, vạn loài,
Hiệp hòa Tứ Tượng, muôn đời quang hoa.
Ngũ Hành thâu lại một nhà
Tam hoa hội tụ, sáng lòa vô biên.

CHÚ THÍCH

[1] Kim giả kiên cương, vĩnh cửu bất hoại chi vật. Đơn giả viên mãn quang tịnh vô khuy chi vật. Cổ Tiên tá Kim Đơn chi danh dĩ dụ Bản Lai Viên Minh Chân Linh Chi Tính dã. Thử Tính tại Nhu tắc danh Thái Cực, tại Thích tắc danh Viên Giác, tại Đạo tắc danh Kim Đơn. 金者堅剛永久不壞之物.丹者圓滿光淨無虧之物.古仙借金丹之名喻本來圓明真靈之性也.此性在儒則名太極在釋則名圓覺在道則名金丹.— Tượng Ngôn Phá Nghi, quyển hạ, trang 1.

[2] Viên đà đà, quang chước chước. 圓陀陀光灼灼.

Tịnh khỏa khỏa, xích sái sái. 淨倮倮赤 洒洒.— Ib. 1a.

[3] Sắc không bất trước. 色空不著.— Ib 1a.

[4] Thành minh kiêm cai. 誠明兼該.— Ib. 1a.

[5] Thái Cực giả thiên tâm dã. 太極者天心也.— Đạo Nguyên Tinh Vi Ca, quyển hạ, 52a.

[6] Phù sản vạn vật giả, do thử Thái Cực chi trung nhất điểm dương tinh phát sinh. 夫產萬物者,由此太極之中一點陽精發生.— Đạo Nguyên Tinh Vi ca, quyển hạ, trang 52a.

[7] Hợp chi, thiên địa đồng nhất Thái Cực, phân chi, vạn vật các nhất Thái Cực, nhi Thái Cực hà phán chi hữu. 合之天地同一太極,分之萬物各一太極而太極何判之有.— Xướng Đạo Chân Ngôn, trang 8b.

[8] Viết Vô Cực nhi Thái Cực, Tạo hóa lưu hành chi thể, vô thời hưu tức. 曰無極而太極,造化流行之體,無時休息.— Tạ Vô Lượng, TQTHS III, thượng, trang 9.

[9] Nguyên Quan tức Nguyên Tẫn chi biệt danh, nhân kỳ Âm Dương tại thử, cố vị Nguyên Tẫn Môn. Nhân kỳ nguyên diệu bất trắc, cố vị Nguyên Quan khiếu. 原關即元牝之別名,因其陰陽在此,故謂元牝門.因其元妙不測故謂元關竅.— Tượng Ngôn Phá Nghi, quyển hạ, trang 2a.

[10] Thử khiếu phi phàm khiếu, 此竅非凡竅
Càn Khôn cộng hợp thành, 乾坤共合成
Danh vi thần khí huyệt, 名為神氣穴
Nội hữu Khảm Ly tinh. 內有坎離精

Tượng Ngôn Phá Nghi, quyển hạ, trang 2a.

[11] Phỏng theo bài thơ sau, trong Kim Đơn Đại Thành Tập, tr. 10a.

Lão Tử minh khai chúng diệu môn, 老子明開眾妙門
Nhất khai nhất hạp ứng Càn Khôn 一開一闔應乾坤
Quả ư võng tượng vô hình xứ, 果於罔象無形處
Hữu cá trường sinh bất tử côn. 有個長生不死根

[12] Phỏng theo bài thơ trong Kim Đơn Đại Thành Tập, trang 12a

Đại Đạo căn kinh thức giả hi, 大道根莖識者稀
Thường nhân nhật dụng thục năng tri 常人日用孰能知
Vị quân chỉ xuất thần tiên quật 為君指出神仙窟

Nhất khiếu loan loan tự nguyệt mi . 一 竅 灣 灣 似 月 眉

[13] Phỏng theo bài thơ trong Kim Đơn Đại Thành Tập, trang 13a

Nhất nhị Phục Lâm dưỡng hỏa, 一 二 復 臨 養 火
Thố kê mộc dục tiềm tàng 兔 雞 沐 浴 潛 藏
Phân minh biến hóa tại trung ương, 分 明 變 化 在 中 央
Kết tựu huyền châu phiến hướng. 結 就 玄 珠 片 餉
Hoàn phản, qui căn, thoát thể 還 返 歸 根 脫 體
Thủ thành bão nhất đề phường 守 成 抱 一 堤 防
Huỳnh Đình lai vãng thị tầm thường 黃 庭 來 往 是 尋 常
Hoảng hốt chi trung túng phóng . 恍 惚 之 中 縱 放

[14] Phỏng theo một bài thơ trong Hoàn Nguyên Thiên, trang 2a:

Tạc phá huyền nguyên khiếu, 鑿 破 玄 元 竅
Xung khai hỗn độn quan, 沖 開 混 沌 關
Đãn tri phanh thủy hỏa 但 知 烹 水 火
Nhất nhiệm hổ long bàn. 一 任 虎 龍 蟠

[15] Tạo hóa vô Căn Đế 造 化 無 根 蒂
Âm Dương hữu Bản Nguyên 陰 陽 有 本 源
Giá ta chân diện xứ 這 些 真 面 處
Phụ tử bất tương truyền 父 子 不 相 傳
Hoàn Nguyên Thiên, trang 3a.

[16] Thiên cơ thâm viễn, huyền diệu nan trắc. 天 機 深 遠 玄 妙 難 測 .— Kim Đơn Đại Thành Tập, trang 21a.

[17] Cẩu phi đỗng hiểu Âm Dương, thâm đạt Tạo hóa, an năng tạc khai hỗn độn, thái thiên địa phụ mẫu chi căn, nhi vi đại Đơn chi cơ. 苟 非 洞 曉 陰 陽, 深 達 造 化, 安 能 鑿 開 混 沌, 採 天 地 父 母 之 根, 而 為 大 丹 之 基 .— Ib. 20b.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 **4** 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 8 | phụ lục 1 **2** | STK

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 4

THÁI CỰC LUẬN

chương trước

Sách tham khảo

Các tên sách viết tắt trong thiên khảo luận.

H C R O P C Histoire des Croyances Religieuses et des Opinions Philosophiques en Chine.

AIT. Aitareya Upanishad.

B.A.V Brhadaranyaka Upanishad —Trad. E. Senart , Paris 1934

BRIH. nt

CH.U. Chandogya Upanishad. — CHAND Traduction E. Senart, Paris 1930

K.U. Kathaka ou Katha Upanishad Publiée et Traduite par L. Renou, Paris 1943 MAITRI UP. Maitri Upanishad.

P.U. Prana Upanishad éd. et traduite par J. Bousquet Paris 1948

T.N.H.A. Tống Nguyên Học Án

T.Q.T.H.S. Trung Quốc Triết Học Sử

T.M.K.C. Tính Mệnh Khuê Chỉ

T.M.P.Q.M.C Tính Mệnh Pháp Quyết Minh Chỉ

X.Đ.C.N. Xướng Đạo Chân Ngôn

A. PHÁP VĂN

Etranges Pouvoirs — Robert Lasserre

Heraclite — Shri Aurobindo

Héraclite et la Philosophie — Kostas Alexos

Instant et Cause — Lilian Silburn

La Bible de Jérusalem

La Médecine Chinoise

La Sainte Bible — Crampon

La Religion Essentielle — Illan de Casa Fuerte

La Voie Rationnelle de Dr J. Choain

Le Philosophe Tchou Hi — Stanislas de Gall

Le Zodiaque — M. Senard

Les Secrets de l'Atome — Edition René Kester

Les Sept Vallées — Balla'u'lláh

Sagesse Chinoise et Henri Bernard Maître philosophie Chrétienne

Science et Matérialisme — Recherches et Débats Arthème Fayard.

Teilhard de Chardin — Jean Onimus

Textes Philosophiques — Léon Wieger.

Théosophie et Science — A. Tanon

B. ANH VĂN

Basic Teaching of the Great — S.E. Frost, Jr.

Mysticism and Philosophy — W.T. Stace

Philosophers

Psychology and Alchemy — C.G. Jung

The Thirteen Upanishads — Robert Ernest Hume

C. HÁN VĂN

Chu Dịch Đại Toàn

Chu Dịch Xiển Chân — Lưu Nhất Minh

Đại Đỗng Chân Kinh

Đạo Dư Lục — Đào Hư Tử

Đạo Đức Kinh — Lão tử

Đỗng Huyền Linh Bảo Định Quan Kinh

Giảng Đạo Tinh Hoa Lục — Văn Đạo Tử

Huỳnh Đình Kinh giải — Lưu nhất Minh

Liêu dương Điện Vấn Đáp Thiên

Nhập Dược Kính

Sao Kiểu Đỗng Chương

Thái Cực Quyền Bổng Đồ Thuyết

Trung Dung

Trung Dung Hoặc Vấn — Chu Hi

Trung quốc Triết Học Sử — Phùng Hữu Lan

Trung quốc Triết Học Sử — Tạ vô Lượng

Tu Chân Bất Tử Phương

Tượng Ngôn Phá Nghi

Xướng Đạo Chân Ngôn

D. HÁN VIỆT

Qui Nguyên Trực Chỉ — Đỗ thiếu Lăng (dịch)

E. VIỆT VĂN

Kinh Dịch — Ngô tất Tố (dịch)

Tống Nho — Bửu Cầm

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 **4** 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 8 | phụ lục 1 2 | **STK**

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 5

HÀ ĐỒ

chương sau

Chương 1. Xuất xứ

Bất kỳ quyển Kinh Dịch nào cũng có hình vẽ Hà Đồ nơi đầu sách, như vậy đủ chứng minh Hà Đồ có liên quan mật thiết đến Kinh Dịch.

Nhưng đến khi giải thích Hà Đồ, thì thường các tác giả giải thích một cách sơ lược phiến diện, nên rút cuộc người đọc không nhận thức được những nghĩa lý sâu xa của Hà Đồ. Có hai lối giải thích Hà Đồ:

Một là lối học đường, khoa cử. Đó là đường lối Nho gia chọn.

Hai là lối siêu hình, đạo giáo, đó là đường lối Đạo gia theo.

Giải thích theo lối học đường, mới đầu xem ra có vẻ chính thống, lý sự nhưng cuối cùng chẳng giúp ta thêm kiến thức là bao. Giải thích theo lối siêu hình, đạo giáo, mới đầu tưởng như không được chính thống, nhưng thực ra giúp ta tháo gỡ được những then chốt, phanh phui được những huyền vi của Hà Đồ.

Muốn tìm lối giải thích văn học, ta chỉ việc đọc:

Dịch Kinh Đại Toàn,

Dịch Kinh Thể Chú,

Dịch Kinh Độc Bản v.v..

Muốn tìm lối giải thích siêu hình, đạo giáo, ta phải đọc:

Chu Dịch Xiển Chân (Lưu Nhất Minh),

Tinh Hoa Lục (Văn Đạo Tử),

Tham Đồng Khế (Ngụy Bá Dương).

Thiên khảo luận này sẽ bao quát cả hai lối giải thích đó.

XUẤT XỨ CỦA HÀ ĐỒ

Tục truyền, đời vua Phục Hi có con Long mã hiện ra nơi sông Mạnh Hà, trên lưng có mang một hình đồ, vì vậy gọi là Hà Đồ. [1]

[1] Hà xuất đồ, Lạc xuất Thư, Thánh nhân tắc chi. 河 出 圖 洛 出 書 聖 人 則 之.

— Dịch Kinh Bản Nghĩa, Mục Hà Đồ & Hệ Từ Thượng Truyện, chương 10.

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 **5** 6 7 8 9 | chương **1** 2 3 4 5 6 7 | BẠT

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

易經要旨

Phần 5

HÀ ĐỒ

chương trước chương sau

Chương 2. Cấu tạo của Hà Đồ

Hà Đồ nguyên thủy chỉ có 55 điểm đen trắng phân phối như sau:

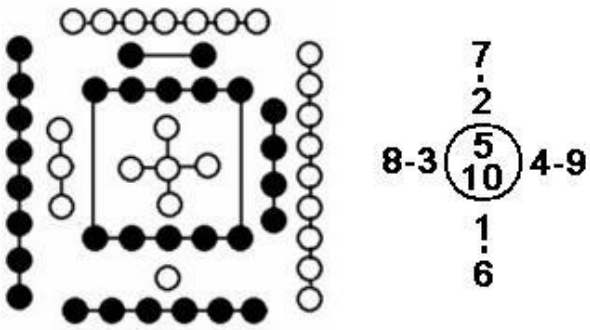

Các nhà Huyền Học Lão Giáo dần dà thêm vào cổ bản Hà Đồ:

1. Ngũ Hành, Thập Can
2. Ngũ Nguyên, ngũ Đức
3. Ngũ Tặc, Ngũ Vật

lập thành những Hà Đồ biến chế như sau:

A. Cổ Hà Đồ

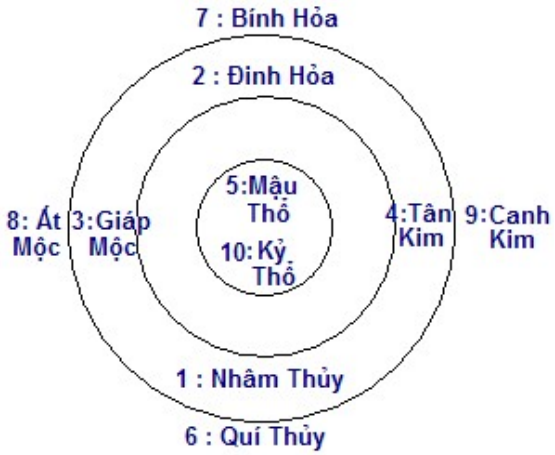

B. Hậu Thiên Âm Ngũ Hành

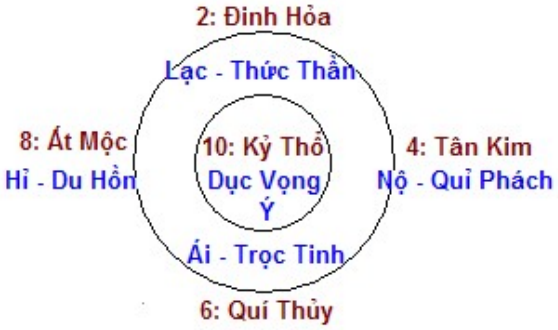

C. Tiên Thiên Dương Ngũ Hành

D. Sinh Sơ Âm Dương Ngũ Hành Hỗn Hợp

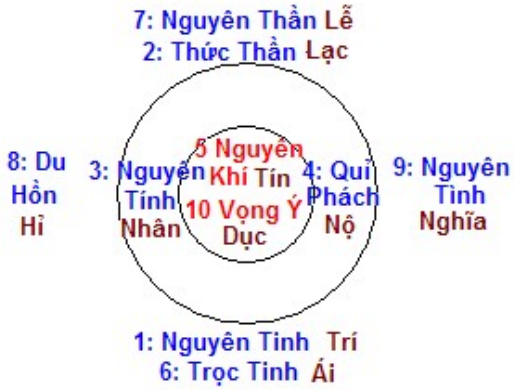

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 **5** 6 7 8 9 | chương 1 **2** 3 4 5 6 7 | BẠT

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

易經要旨

Phần 5

HÀ ĐỒ

chương trước chương sau

Chương 3. Đại cương

A.- Hà Đồ gồm 55 điểm đen trắng chia thành chẵn lẻ, Âm Dương.

Dương số: 1 + 3 + 5 + 7 + 9 = 25

Âm số: 2 + 4 + 6 + 8 + 10 = 30

Tức là chẵn nhiều hơn lẻ, Âm nhiều hơn Dương, với ngụ ý:

Âm phải bao bọc cho Dương tôn quí ở bên trong, Âm ti tiện ở bên ngoài. Âm chính ra phải đóng vai bì phu, vỏ bọc, vai khách. Âm Dương mới là chủ động, cốt cán.

Tuy nhiên, nhìn vào Hà Đồ ta thấy:

Bên phía phải, các số lẻ 7 và 9 (Dương) lại ở bên ngoài, các số chẵn 2 và 4 (Âm) lại ở bên trong.

Ở bên trái, thì ngược lại: Các số lẻ 1, 3 (Dương) ở phía trong, các số chẵn 6, 8 (Âm) ở phía ngoài.[1]

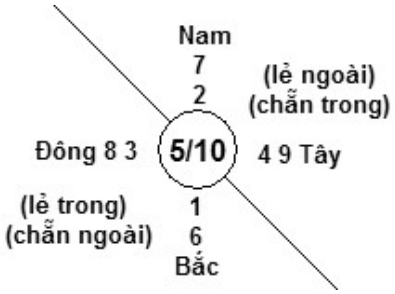

Các nhà bình giải muốn thoát ngõ bí, mới đề nghị rằng: ở Hà Đồ phải coi các số sinh 1, 2, 3, 4 bên trong là Dương, các số thành 6, 7, 8, 9 bên ngoài là Âm.

Như vậy Dương sẽ ở bên trong, Âm sẽ ở bên ngoài, tượng trưng nhẽ Âm Dương giao thái. [2]

Giải thích rằng trong là chủ, ngoài là khách, thì

đúng. Nhưng nói trong là Dương, mà ngoài là Âm e chỉ đúng một nửa. Thực vậy, Kinh Dịch trước sau vốn chủ trương các số 1, 3, 5, 7, 9 là Dương số; 2, 4, 6, 8, 10 là Âm số. [3] Cho nên có lẻ, nên giải thích

như sau:

Hà Đồ cũng như Dịch Kinh luôn chủ trương: Âm Dương bất trắc, Âm Dương hỗ vi kỳ căn, cho nên dĩ nhiên có hai chiều, hai mặt, hai chủ trương đối lập: [4]

Nửa phải: Âm chủ, Dương khách

Âm trầm, Dương phù

Tượng trưng: Âm Dương bất giao (Bĩ)

Nửa trái: Dương chủ, Âm khách

Dương trầm, Âm phù

Tượng trưng: Âm Dương tương giao (Thái)

Lối giải thích này cho ta thấy lối kết cấu Hà Đồ cũng y thức như vòng Dịch Tiên Thiên, Âm Dương đắp đổi ngôi vị chủ khách, phù trầm. Nó hợp với Dịch lý vì cho ta thấy đời tuy có hai chiều, hai mặt nhưng những con người biết suy tư phải biết Điên đảo Âm Dương phản cửu hoàn, xoay trở Âm Dương để trở về quê hương gốc gác. Nói cách khác, phải biết điên đảo để thu Dương Thần vào bên trong đừng để cho tinh thần phù phiếm tán loạn ra bên ngoài, bởi vì:

Anh hoa phát tiết ra ngoài,

Nghìn thu bạc Mệnh một đời tài hoa [5]

B.- Hà Đồ chuyên về thường, Lạc thư chuyên về biến.

Vì chuyên về thường, nên Hà Đồ cho ta thấy:

1. Bản thể chân thường, ngũ thập cư trung của vũ trụ.

2. Các tiêu chuẩn biến thiên tiến hóa bằng cách trình bày 4 trạng thái tương đối, tương phản nhau từng đôi một. Ý nói trong vòng biến thiên có những giai đoạn đối lập, đối đỉnh nhau, và cơ cấu vạn hữu cũng đã hàm tàng những mâu thuẫn nội tại. Cho nên thịnh suy thăng trầm là lẽ tự nhiên của Trời đất.

Nguyên lý đó được trình bày như sau:

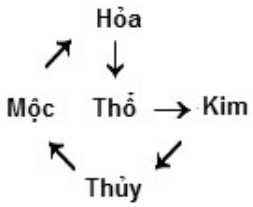

Trong đó, Thủy Hỏa mâu thuẫn đối lập nhau, Kim Mộc mâu thuẫn xung khắc nhau. Hai đôi mâu thuẫn đó đã được đặt vào những phương vị đối xứng, đối đỉnh.

3. Hà Đồ chỉ sự toàn thiện, toàn bích, lúc chung cuộc nên có đủ 10 con số, và đem số 10 đặt lại vào Trung Cung, ý nói Thiên địa tuần hoàn chung nhi phục thủy. [6]

CHÚ THÍCH

[1] Thái Cực chi tiên, Âm dựng hồ Dương, Thái Cực chi hậu, Dương thống hồ Âm. 太 極 之 先 陰 孕 乎 陽, 太 極 之 後 陽 統 乎 陰. — Đại Đỗng Chân Kinh, trang 19.

[2] Dĩ kỳ nội giả vi chủ, nhi tại ngoại giả thành chi dã. 以 其 內 者 為 主 而 在 外 者 成 之 也. — Dịch Kinh Đại Toàn, trang 19.

[3] Cf. Dịch Kinh Độc Bản, trang 1, chương Đồ thuyết. — Hệ Từ thượng, chương 8, trang 99.

[4] Hai chiều, hai mặt ấy được thể hiện bằng hai quan niệm sau đây: một là ngoại cảnh, hình hài, hỗ trợ nội giới tinh thần, hai là tâm thần nô lệ cho hình hài, ngoại cảnh.

a. Cố hữu vi vô chi cung, hình nãi thần chi thất. 故 有 為 無 之 宮 形 乃 神 之 室. — Chư Chân Ngữ Lục, trang 2

b. Thần vi tâm dịch, tâm vi vật khiên. 神 為 心 役 心 為 物 牽 . — Thái Thượng Lão Quân Thuyết Thường Thanh Tĩnh Kinh Chú, tr 2.

[5] Kiều.

[6] Thiên địa đồng lưu nhi định phân bất Dịch dã. Át kỳ toàn dĩ thị nhân, nhi đạo kỳ thường giả. Số chí thập nhi thủy toàn. Khuyết nhất tắc bất toàn hĩ. 天 地 同 流 而 定 分 不 易 也. 揭 其 全 以 示 人 而 道 其 常 者. 數 至 十 而 始 全. 缺 一 則 不 全 矣. — Dịch Kinh Đại Toàn, trang 21.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 | BẠT

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 5

HÀ ĐỒ

chương trước chương sau

Chương 4. Hà Đồ với khoa số học

Các Triết gia đời Tống cho rằng: Hà Đồ hình tròn tượng trưng cho thiên tượng, cho tinh tú.[1] Vì vậy các số trong Hà Đồ có thể dùng cho lịch số. Theo Chu Tử:

Số 1, 2 dùng để phân Âm Dương, Cương Nhu.

Số 5, 6 dùng để làm lịch số.

Số 9, 10 dùng để định chu kỳ tháng nhuận. [2]

Như vậy, Chu Tử đã đề cập đến 3 vấn đề:

1. Vấn đề Nhất Thể Lưỡng Diện của vũ trụ

Theo Chu Tử, số 1 và 2 tượng trưng cho Dương và Âm tức là hai chiều hai mặt của vũ trụ. Vũ trụ luôn biến thiên theo hai chiều khác nhau, nhất phục nhất khởi, nhất tiêu nhất tức, như vậy biến hóa sẽ vô cùng tận.

Nếu vũ trụ chỉ biến hóa theo một chiều thì thế nào cũng có lúc tận thế.

Trong thế kỷ XIX, khoa học tưởng vũ trụ chỉ tiến hóa có một chiều hướng, theo nguyên lý II Carnot-Clausius. Theo nguyên lý này thì động lực ngày một tiêu hao, và có một lúc nào đó sẽ triệt tiêu. Khi ấy vũ trụ sẽ trở nên im lìm, tĩnh lãng, lạnh lùng. [3]

Nhưng sang thế kỷ XX, với quan niệm tương đối của Einstein, [4]nguyên lý bất định của Heisenberg, [5] phương trình phản phúc của Dirac, [6] quan niệm nhất thể lưỡng diện của Louis de Broglie, [7]nhiều nhà bác học – trong đó có Lecomte du Noüy [8] – đã nhận định phải có một chiều tiến hóa ngược lại với nguyên lý Carnot. Lecomte du Noüy chủ trương tinh thần và vật chất tiến hóa ngược chiều nhau, nên khi tinh thần lên đến cực điểm tinh hoa, thì vật chất sẽ triệt tiêu phá tán. [9]

Sở dĩ có hai chiều, hai hướng tiến hóa, biến thiên là vì tinh thần vật chất chẳng qua cũng chỉ là hai mặt của một thực thể duy nhất. [10]

Theo khoa học hiện đại, thì năng lực có thể biến thành vật chất, vật chất có thể biến thành năng lực. [11]

Thế là thuyết Âm Dương của Á Châu ngày nay đã được khoa học Âu Mỹ xác nhận.

2. Số 5 và số 6 với lịch số

Chúng ta hãy khảo sát ảnh hưởng của hai con số 5 và 6 trong lịch số.

Trên thực tế thì vì sự biến chuyển có hai chiều Âm Dương, nên số 5 và 6 thường được nhân 2 thành 10 và 12.

Xưa 10 là một tuần 10 ngày.

10 là Thập Can

12 là Lục Luật (Dương),và Lục Lã (Âm).

* Lục Luật (Dương) là: 1/ Hoàng chung (Do),

2/ Thái thốc (Re), 3/ Cô Tẩy (Mi), 4/ Nhụy tân ($Fa^{\#}$),

5/ Di tắc ($Sol^{\#}$), 6/ Vô Dịch ($La^{\#}$)

* Lục Lã (Âm) là: 1/ Đại Lã ($Do^{\#}$), 2/Giáp Chung ($Re^{\#}$), 3/ Trọng Lã (Fa), 4/Lâm Chung (Sol), 5/ Nam Lã (La), 6/ Ứng Chung (Si).

Theo Trung Hoa 12 là 12 giờ một ngày (2 giờ Trung Hoa xưa là 1 giờ Âu Châu)

Một năm có 360 ngày: (5 x 6) (6 x 2),

24 tiết (mỗi tiết là 15 ngày), 24 x 15 = 360)

72 hầu (mỗi hầu là 5 ngày (72 x = 360)

Cứ 60 năm (6 x 10 = 5 x 12 = 60) là một Hoa Giáp.

Mặt trời qua một cung Hoàng Đạo mất 2160 năm (360 x 6), đi một vòng 12 cung Hoàng Đạo mất 25920 năm (360 x 72).

Một Nguyên theo Trung Hoa là 129600 năm (360 x 360): Con số 129600 rất lạ vì:

129600 năm là một Nguyên (12 hội)

129600 tháng là một Hội (30 vận)

129600 ngày là một Vận (12 thế)

129600 giờ là một Thế Kỷ (30 năm)

129600 phân là một Năm (12 tháng)

129600 ly là một Tháng (30 ngày)

129600 hào là một Ngày (12 giờ)

129600 ti là một Giờ [12]

3. Số 19 (10+9) với phép tính Tháng Nhuận

Một năm Dương Lịch có 365 ngày 235/940.

Một năm Âm Lịch chỉ có 354 ngày 348/940.

Như vậy mỗi năm, Dương lịch và Âm lịch chênh nhau: 10 ngày 827/940

Vì vậy phải lập tháng nhuận cho Âm lịch.

Kinh nghiệm cho thấy, trong một vòng 19 năm nếu thêm vào Âm lịch 7 tháng nhuận, [13] thì sau 19 năm, Âm lịch và Dương lịch lại có cùng một ngày tháng như nhau. Đó là Chu kỳ Méton.

Ngoài ba trường hợp áp dụng Số học của Hà Đồ để đi tìm các định luật của trời đất kể trên, theo nhận định của Chu Tử, ta có thể dùng 10 con số Hà Đồ để tìm ra nhiều định luật vũ trụ khác. Đây chỉ xin dẫn thêm ít nhiều ví dụ:

1/. 18 năm (10 + 8) là Chu kỳ Saros (18 năm 11 ngày cho ta chu kỳ các Nhật thực, Nguyệt thực. Trong 18 năm có 70 lần Nhật thực, Nguyệt thực. Hết 18 năm lại trở lại như cũ.

2/. Ta có thể dùng cấp số nhân của 2 mà tính ra khoảng cách giữa các hành tinh và mặt trời theo như Định luật Bode. Ta viết:

0, 1, 2, 4, 8, 16, 32, 64, 128.

Đoạn nhân cho 3:

0, 3, 6, 12, 24, 48, 96, 192, 384.

Đoạn cộng với 4:

4, 7, 10, 16, 28, 52, 100, 196, 388.

Đoạn chia cho 10:

0, 4, 0, 7, 1, 1, 6, 2, 8, 5, 2, 10, 19, 6, 38, 8.

Ta có: [14]

Tên các hành tinh		Khoảng cách đại khái theo lối toán trên	Khoảng cách thật sự theo khoa học
Thủy tinh	Mercury	0,4	0,3871
Kim tinh	Venus	0,7	0,723
Trái đất	Terre	1	1
Hỏa tinh	Mars	1,6	1,523
Cérès	Cérès	2,8	2,77
Mộc tinh	Jupiter	5,2	5,202
Thổ tinh	Sature	10	9,554
Thiên vương tinh	Uranus	19,6	19,21
Hải vương tinh	Neptune	38,8	30,10

4. Tứ Tượng và Vũ trụ vạn vật

Hà Đồ dùng các con số 1, 2, 3, 4 để chỉ cơ cấu vạn vật 6, 7, 8, 9 để chỉ sự biến thiên của vạn vật.

Theo các nhà Huyền Học Âu Châu thì Tứ Tượng chỉ là biến thái của một thực thể duy nhất. [15]

Theo Pythagore, thì bốn con số 1, 2, 3, 4 đã đủ tượng trưng vũ trụ và sự vận chuyển của vạn hữu.

1, 2, 3, 4 là 4 trạng thái biểu dương sự phát hiện của Thượng Đế. Họ viết

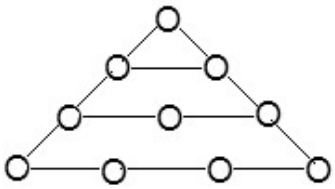

Những chữ Do Thái ấy là:

Yod

Yod - He

Yod - He -Vau

Yod - He Vau - He [16]

Viết thành vòng tròn ta có:

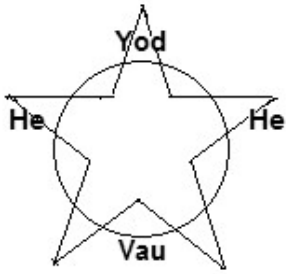

mà Yod He Vau tức là YHVE (YAHVE, JEHOVAH).

Môn phái Pythgore gọi hình Tứ Tượng là Tétractys hay Tetragrammaton.

Và Tứ Tượng phân bá ra bốn phương có nghĩa là vũ trụ chuyển hóa không ngừng. [17]

Không đi sâu hơn vào vấn đế Số học, ta thấy rằng Hà Đồ với những con số có thể cho ta biết nhiều huyền cơ vũ trụ, hơn nữa ta cũng thấy rằng trên những vấn đề căn bản, Đông Tây chẳng khác chi nhau.

CHÚ THÍCH

[1] Thiệu tử viết: Viên giả tinh dã, lịch kỷ chi số kỳ triệu ư thử hồ. 邵 子 曰: 圓 者 星 也, 歷 紀 之 數 其 肇 於 此 乎.— Dịch Kinh Đại Toàn, trang 17.

[2] Dịch Kinh Đại Toàn, trang 17.

[3] La deuxième loi, celle de Carnot-Clausius permettait de comparer l'écoulement de l'énergie dans l'Univers à celui d'un fleuve dont le courant descend le plus aisément du monde, mais qu'il est plus difficile de remonter. — Pierre Rousseau, Histoire de la Science, p. 594.

[4] Théorie de relativité.

[5] Principe d'intéterminisme de Heisenberg.

[6] L'équation de Dirac pour la matière se trouve complètement réversible. — Lecomte du Noüy - L'homme devant la Science p. 109.

[7] Associer, dans tous les cas, l'onde à la particule, qu'il s'agisse de la lumière ou de la matière, telle fut l'idée géniale qui guida l'illustre savant (Louis de Broglie) et l'amena en quatre ans, à mettre debout la mécanique ondulatoire... La physique était unifiée, il n'y avait plus désormais qu'un seul code

régissant l'univers, qu'une seule entité élémentaire dans la nature, entité à double face, qu'il était tantôt commode de baptiser onde tantôt plus commode de baptiser particule. — Pierre Rousseau, Histoire de la Science - page 777.

[8] Cf Lecomte du Noüy, L'Homme devant la Science, L'Avenir de l'Esprit, la Dignité Humaine, L'homme et sa Destinée.

[9] Ainsi la marche de l'univers physique dans la direction d'un chaos inerte et du néant serait compensée par la progression parallèle d'un univers impondérable, celui de l'esprit, dont l'ordre et la perfection naîtraient des cendres du monde matériel...

Finalement dans un univers refroidi, chaotique, anéanti où aucune action physique ne sera plus possible, existerait un ordre parfait, spirituel, affranchi de toutes chaînes matérielles, L'ordre du début, purement matériel aboutissant à un ordre de qualité plus haute pour finir...

Le fait curieux est que si l'on exprime par deux nombres les variations des deux processus contraires, leur produit est constant. — Lecomte du Nouy, L'homme devant Science - page 109.

[10] Matière et Esprit, écrit le P. Teilhard en 1950, non point deux choses mais deux états, deux faces d'une même étoffe cosmique suivant qu'on la regarde ou qu'on le prolonge dans le sens où elle se fait ou au contraire dans le sens suivant lequel elle se défait. — Jean Onimus, Pierre Teilhard de Chardin,- page 81.

[11] La masse était génératrice d'énergie, et celle-ci inversement, devait posséder une masse, autrement dit, la lumière, la chaleur, les rayons X devaient avoir un certain poids, c'est-à-dire encore qu'énergie et masse devaient être une seule et même chose, les deux faces d'une même médaille... — Pierre Rousseau, Histoire de la Science, page 756.

[12] Cf. Louis Chochod, Huế la Mystérieuse, trang 51.

Cf. Louis Raoul Auclair, Le Livre des Cycles, page 178.

[13] Tháng nhuận được thêm vào các năm thứ 3, 6, 9, 11, 14, 17, 19 của mỗi chu kỳ Méton. Như vậy 19 năm Âm lịch sẽ có 235 tháng.

[14] 1 là khoảng cách giữa trái đất và mặt trời khoảng 150,000,000 km. (149,500,000 km). — Cf. Astonomie Populaire, Flammarion, trang 664 - 665 và 299 - 300.

[15] Ce qu'ici-bas nous nommons par ces termes (Quatre éléments) sont les ressemblances et pour tout dire les vêtements dans le monde physique, de ces quatre Principes, de ces quatre Etats, de ces quatre Normes que sont les quatre Eléments. — Raoul Auclair, Le Livre des Cycles p. 143.

[16] Cf. Mackey's revised Encyclopedia of Freemasonry Volume 11, page 1033. Raoul Auclair, Le Livre des Cycles, page 175.

[17] Pythagoras having learned in Egypt the name of the true God, the Mysterious and Ineffable Name Jehovah, and finding that in the original tongue, it was composed of four letters translated it into his own language by the word Tetractys, and gave the true explanation of it, saying that it properly signified the source of nature that properly rolls along. (Dacier)...

... I swear it by Him who has transmitted into our soul the sacred Tetractys. The source of nature, whose course is eternal (Jamblichus - Life of Pythagoras)

Cf. Mackey's Revised Encyclopedia of Freemasonry - Volume II p. 1033.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 **5** 6 7 8 9 | chương 1 2 3 **4** 5 6 7 | BẠT

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

易經要旨

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 **5** 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 **5** 6 | BẠT

Phần 5

HÀ ĐỒ

chương trước chương sau

Chương 5. Liên lạc giữa hà Đồ, Bát Quái, và Lạc Thư

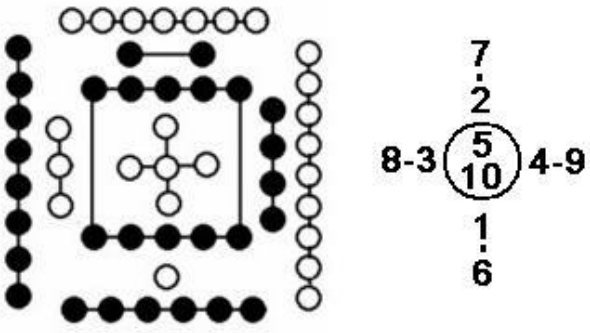

Hà Đồ

Bát Quái

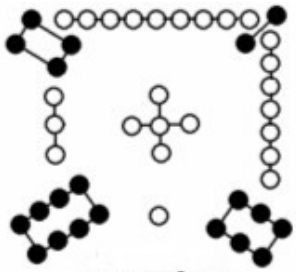

Lạc Thư

Hà Đồ có đủ Thái Cực, Lưỡng Nghi, Tứ Tượng, Bát Quái.

Thái Cực = 5 + 10

Lưỡng Nghi = a) Dương Nghi: 1 + 3 + 7 + 9 = 20

b) Âm Nghi: 2 + 4 + 6 + 8 = 20

Tứ Tượng = 1 + 6; 2 + 7; 3 + 8; 4 + 9

Bát Quái = 7, 2, 8, 3, 6, 1, 9, 4

Muốn có Bát Quái ta chỉ việc đưa 4 con số bên trong vào 4 phương Bàng (Tứ Duy) theo chiều nghịch kim đồng hồ:

7
2
8 3 4 9
1
6

Càn
7
Đoài 2 4 Tốn
Ly 8 9 Khảm
Chấn 3 1 Cấn
6
Khôn

Muốn có Lạc Thư, ta:

1. bỏ số 10 ở Trung cung
2. đảo lộn 2 cặp số 4/9 và 2/7 với nhau
3. đặt các số chẵn vào bốn phương bàng (tứ duy) theo chiều nghịch kim đồng hồ. Ta sẽ có:

7
2
8 3 5/10 4 9
1
6

9
4
8 3 5 2 7
1
6

9
4 2
3 5 7
8 6
1

Thế là Kim Hỏa đổi ngôi, và chiều vận dụng của Lạc Thư sẽ theo chiều Ngũ Hành tương khắc.

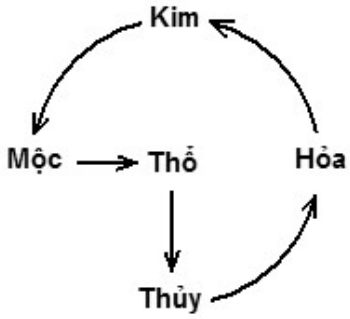

Đó tức là chiều Âm của các vì sao trong Tử Vi.

Hà Đồ chủ sinh. Lạc Thư chủ khắc.

Hà Đồ vụ tu nội, mục đích giúp con người trở thành thần thánh.

Lạc Thư chủ trị ngoại, giúp con người sống an vui hạnh phúc. Các bậc Thánh vương đã nhân Lạc Thư làm ra Hồng Phạm Cửu Trù để dạy các bậc Đế vương phương pháp tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. (Xem quyển Khổng Học Tinh Hoa của tác giả.)

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 **5** 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 **5** 6 7 | BẠT

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 5

HÀ ĐỒ

chương trước chương sau

Chương 6. Những vấn đề siêu hình tàng ẩn trong Hà Đồ

Trong Hà Đồ tàng ẩn nhiều bí quyết siêu hình, nhiều vấn đề triết lý, nhân sinh, đạo giáo.

Chúng ta sẽ lần lượt khảo cứu ít nhiều vấn đề then chốt sau đây:

1/. Trung Cung, Trung Điểm hay Bản Thể Vũ trụ.

2/. Chu Vi hay là Vạn Hữu với Nguyên Lý Diễn Dịch Tuần Hoàn.

3/. Quan niệm Âm Dương, hay Nhất Thể Lưỡng Diện.

4/. Nguyên tắc sinh thành hay là sự cộng tác của Âm Dương, của tinh thần vật chất, để thực hiện đại công của vũ trụ.

5/. Các hình thái hay các tầng lớp con người theo Hà Đồ.

6/. Quan niệm Thiên Nhân Tương Dữ theo Hà Đồ.

7/. Tạo hóa Qui Trung Chi Diệu theo Hà Đồ.

1. Trung Cung, Trung Điểm hay là Bản Thể của Vũ trụ

Kinh Dịch chỉ dùng có mấy đồ bản Hà Đồ, Lạc Thư và các họa bản Dịch mà đã mặc nhiên đề cập được hết các vấn đề:

a). - Căn Nguyên, Cùng đích của vạn vật

b). -Sự biến thiên: Các giai đoạn biến thiên, và chiều hướng biến thiên của vạn vật. [1]

Tất cả các họa bản đều diễn tả một chân lý siêu việt: Vạn vật từ một thực thể siêu vi sinh xuất, biến hóa muôn vàn, thi triển hết mọi khả năng, tận dụng mọi kết quả, rồi cuối cùng lại trở về Căn Nguyên bản thể.

Vũ trụ dẫu tán phân, phóng phát bao nhiêu chăng nữa rồi ra cũng qui về Đại thể siêu vi.

Phân tán thì chu lưu cùng vũ trụ, thâu liễm thì kết tụ trong tâm điểm tế vi. [2]

Có biết nhẽ: Nhất thể biến Vạn thù, Vạn thù qui Nhất thể, có biết nhẽ biến hóa tuần hoàn, phản phúc, phóng đãng, di lưu, rồi lại qui căn, phản bản, thì mới hiểu được vi ý của các họa bản Hà Đồ, Lạc Thư và Dịch.

Đại thể, Bản Thể Bất Khả Tư Nghị ấy các nhà Huyền Học Nho, Lão đã gượng ép mà đặt cho những tên Thái Cực Đạo và gượng ép tượng trưng bằng những số những hình.

Thái Cực trong Dịch

Ngũ trong Lạc Thư

Ngũ thập trong Hà Đồ.

Theo cùng khuôn mẫu ấy các khoa Thiên văn, Địa lý, Nhân sinh cũng chủ trương:

1. Trung tâm trời là Thiên Khu [3], Thiên Cực, Bắc Cực hay Tử Vi cung [4].

Trung Điểm đất theo quan niệm Trung Hoa là núi Côn Lôn [5].

Trung Điểm trong con người là: Nê Hoàn Cung, Côn Lôn, Cốc Thần hay Thiên Cốc v.v.. [6]

Như vậy ngũ thập cư trung trong Hà Đồ là bản thể, tức là Thái Cực. [7]

5 và 10 là số đại thành bao quát Âm Dương:

5 = 1 + 4

5 = 2 + 3

15 = 6 + 9

15 = 7 + 8

cũng như 5 và 10 phân tán ra tứ phương sẽ sinh ra các số Âm Dương bên ngoài, Thái Cực cũng sinh xuất muôn vật.

Cho nên bất kỳ trong một đồ bản nào, Trung Cung, Trung Điểm cũng tượng trưng cho Thái Cực, Căn nguyên sinh xuất muôn vật và cũng là nơi giao hội, qui hoàn của vạn vật:

Mới hay:

Con con cháu cháu vấn vương,
Đông, Tây, Nam, Bắc bốn phương hồi đầu.
Càn, Khôn, Ly, Khảm gặp nhau,
Hợp thành một khối, gót đầu chẳng phân.
Thế là thần khí qui căn,
Một lèo khinh khoát, băng chừng hư vô.
Âm Dương thông lý, hiệp hòa,
Sẽ cùng tạo hóa vào ra muôn đời. [8]

Cổ nhân dùng Trung Cung, Trung Điểm để tượng trưng cho Thái Cực, cho Bản Thể của vũ trụ là một sự kiện hiển nhiên được minh chứng chẳng những bằng Hà Đồ, mà còn bằng Lạc Thư, và các đồ bản của Dịch.

Cao tăng Diệu Hư viết:

Đãn đắc thử trung vô quải ngại.

Thiên nhiên bản thể tự hư không [9].

Tạm dịch:

Được Trung, là hết lôi thôi.

Thiên nhiên, Bản thể đất trời là Trung.

Đại Đổng Chân Kinh còn ghi: Tìm căn bản phải tìm nơi Thái Cực [10]

Hiểu được ngũ thập của Hà Đồ tức là đi sâu vào lòng sâu muôn vật, tìm ra vi diệu của Càn Khôn, hay Ngọc Châu của Tạo Hóa.

Cố khai phá Huyền nguyên tam ngũ

Mới tìm ra Tạo hóa khuê chương

Huyền cơ Trời ở trung ương,

Gần trong gang tấc, chẳng vương tượng hình. [11]

2. Chu vi Hà Đồ hay là Vạn hữu với Nguyên lý Diễn Dịch tuần hoàn

Hà Đồ chỉ mới có tứ chính mà không có tứ duy nên chính là một vòng tròn, mà vòng tròn là tượng trưng cho sự tuần hoàn biến Dịch.

Hà Đồ xét về phương diện ngũ hành có thể đơn giản hóa như sau:

Nam

Hỏa

Đông Mộc Thổ Kim Tây

Thủy

Bắc

Nhìn vào đồ bản này ta thấy hình chữ thập:

Trong đó Thủy Hỏa chống đối nhau như dưới với trên, như Nam với Bắc, Kim Mộc chống đối nhau như Tả với Hữu, như Đông với Tây. Tức là trong sự biến Dịch có tung hoành thuận nghịch, phải có thể đổi thành trái, dưới có thể đảo lên trên.

Trong trời đất, và trong xã hội ta cũng thấy đây những hiện tượng đối đãi, phản phúc: Đông mà sáng, thì Tây tối; Bắc lắm đất, Nam lắm biển; có lúc cá nhân được trọng, có khi đoàn thể được trọng; có thời, vua là trọng, có thời, dân mới quí; có nơi tinh thần được sùng thượng, có chỗ vật chất được suy tôn; tất cả đều tùy nơi, tùy thời.

Lẽ thuận nghịch (Tống), đối đãi (Thác) của Hà

Đồ được tượng trưng bằng hai cặp mâu thuẫn:

Kim Mộc

Thủy Hỏa

và được Dịch kinh tượng trưng bằng:

28 cặp quẻ phản phúc (Tống)

4 cặp quẻ đối đãi (Thác) [12]

Ngay trong ngôn ngữ, từ ngữ cũng có nhiều chữ để chỉ, để gợi ra sự đối đãi, thuận nghịch.

Ví dụ: Lá mặt, lá trái;

Xoay xở, Lật lọng;

Đảo điên, Phản phúc.

hay cách nói lái trong tiếng Việt, các loại văn biền ngẫu, câu đối. Trong chữ Hán cũng có những loại chữ đảo điên, phản phúc, đối đãi.

Ví dụ: Cảo = Sáng sủa, Yểu = Mờ mịt

Thượng = Trên, Hạ = Dưới

Hữu = Phải, Tả = Trái

Diệt = Lồi, Ảo = Lõm

Tường = Nửa trái, Phiến = Nửa phải [13]

Suy ra muốn biến hóa phải biết nhẽ điên đảo, thuận nghịch. Áp dụng vào con người muốn có một đời sống lý tưởng, phải biết tùy như cầu, khuynh hướng, tùy thời gian, tuổi tác mà biết lúc nào phải trọng vật chất, lúc nào phải trọng tinh thần. Nói chung từ bé đến lớn, con người càng ngày càng hướng ngoại, đi tìm vật chất, tìm cơm áo địa vị, từ lớn đến già càng ngày càng hướng nội, đi tìm tinh thần, và các giá trị siêu nhiên.

Đó chính là chiều hướng biến hóa của Hà Đồ:

Tiến về vật chất trước (Thoái hóa)

Tiến về tinh thần sau (Tiến hóa) để rốt ráo trở về Trung Cung Thái Cực.[14]

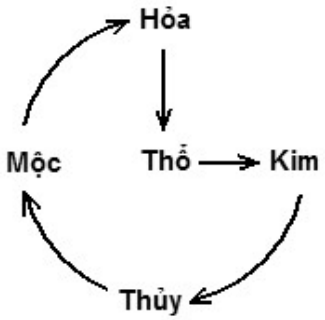

Đó là tiến hóa theo chiều Dương, chiều Ngũ Hành tương sinh, chiều đi về hướng tinh thần ngược lại với chiều tiến hóa của Lạc Thư tức là chiều Âm, chiều Ngũ Hành tương khắc, chiều đi về vật chất, ngoại cảnh.

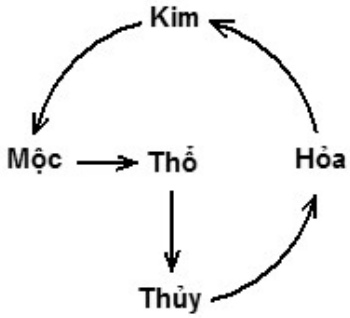

Nếu trời đất chỉ biến hóa một chiều thì sẽ có lúc cùng, nhưng vì luôn luôn biến hóa theo hai chiều, hai hướng cho nên lúc nào cũng có một bên tăng, một bên giảm, bên tiêu, bên tức, thành thử dẫu biến hóa mấy, toàn bích vẫn y nguyên, không vơi, không cạn.

Suy ra trong vũ trụ, sự biến hóa luôn có hai chiều hai hướng: Tinh tú vận chuyển theo hai chiều thuận nghịch, Đạo giáo và Chính trị theo đuổi những mục đích ngược nhau, con người có hướng ngoại, hướng nội, vật chất có tụ, có tán, v.v..

Trong chiều biến hóa của Lạc Thư, động lực ngày một giảm, hư lực ngày một tăng theo Nguyên lý Nhiệt lực II của Carnot-Clausius. [15]

Trong chiều biến hóa của Hà Đồ, động lực ngày một tăng, hư lực ngày một giảm.

3. Quan niệm Thái Cực, Âm Dương, hay Nhất Thể Lưỡng Diện

Sự biến hóa theo hai chiều hướng đối nghịch nhau, truy kỳ nguyên là vì cơ cấu vũ trụ đã được tổ chức theo hai hình thức đối nhau. Đó là quan niệm Thái Cực Lưỡng Nghi, Nhất Thể Lưỡng Diện của Dịch kinh. Hà Đồ tượng trưng quan niệm này bằng số như sau:

5 = 2 + 3

5 = 4 + 1

Dịch kinh viết:

Nhất Âm, nhất Dương chi vị Đạo.

Nếu viết thành phương trình ta sẽ có

Đạo = Âm + Dương

Thái Cực = Âm + Dương [16]

Muốn hiểu bí quyết Dịch, không được coi Âm, Dương là hai thực thể đối lập, mà là hai phương diện của một thực thể, hai chiều hướng của một vòng tuần hoàn.

Thúy Hư Thiên viết: Thực ra, hai chữ Âm Dương chỉ là một vật. [17] Cho nên Âm Dương chỉ là hai chiều hai mặt của một Thực thể là Thái Cực. Thái Cực tuy là Căn Nguyên của Âm Dương, nhưng Thái Cực siêu xuất trên Âm Dương, bao quát Âm Dương.

Số 5 là phi Âm, phi Dương vì bao quát Âm Dương: 5 = 2 + 3 = 1 + 4 [18]

Cổ nhân cho rằng Thái Cực tức là Thần, Thần

tức Thái Cực cho nên Thần cũng siêu xuất Âm Dương,

năng Âm, năng Dương, vì thế nên Hệ Từ viết: Âm Dương bất trắc chi vị Thần. [19]

Khoa học ngày nay đã tiến dần tới quan niệm nhất thể lưỡng diện, Thái Cực Âm Dương của Dịch kinh, và của Hà Đồ.

Thực vậy, theo thuyết tương đối của Einstein thì năng lực có thể biến thành vật chất, vật chất có thể biến thành năng lực theo phương trình.

$E = mc^2$ [20]

Theo Teilhard de Chardin, vũ trụ được tạo dựng bởi một thực thể duy nhất, mà tinh thần, vật chất, chỉ là 2 phương diện tương đối. [21]

Tóm lại, vì thực thể, có hai mặt, hai bên, nên cuộc biến thiên tiến hóa cũng có hai chiều, hai hướng.

Vũ trụ, dù xét về cơ cấu, hay xét về vận động, tiến hóa, luôn luôn theo định luật Âm Dương. Khoa học ngày nay đã chấp nhận quan điểm này khi cho rằng:

Thời gian là chiều kích thứ tư của không gian.

Tinh thần là biến thể của vật chất, vật chất là biến thể của tinh thần v.v..

Tóm lại không có gì có thể hoạt động riêng rẽ mà luôn luôn phải dựa dẫn vào nhau.

4). Hà Đồ với lẽ sinh thành.

Hà Đồ còn đưa ra một nguyên lý căn bản là bất kỳ cái gì không thể sinh ra mà đã trưởng thành, toàn hảo ngay, mà còn phải biến hóa qua nhiều giai đoạn, nhờ sự hỗ trợ của hoàn cảnh, chịu các ảnh hưởng tinh thần, vật chất mới trở nên thành toàn, hoàn hảo được.

Dương phải có Âm phụ bật mới thành tựu, Âm phải có Dương bổ sung mới toàn hảo. Suy ra tinh thần muốn khuếch sung, tiến triển phải nhờ hoàn cảnh vật chất hỗ trợ, vật chất muốn phát triển cần phải có tinh thần khai thác, điều động.

Âm Dương phải cộng tác với nhau, tinh thần vật chất phải hỗ trợ lẫn nhau, mới thực hiện được đại công vũ trụ.

Vì thế Hà Đồ mới chủ trương:

Thiên Nhất sinh thủy, Địa Lục thành chi

Địa Nhị sinh hỏa, Thiên Thất thành chi v.v...

5). Các hình thái, các tầng lớp con người theo Hà Đồ

Thay vì phân chia con người thành ba phương diện: Xác, Hồn, Thần hay Tinh, Khí, Thần, theo nguyên lý Tam Tài.

Hà Đồ, vì trọng nguyên tắc Âm Dương đối trĩ, nên lại phân chia tỉ mỉ hơn nữa, tức là:

phân Hồn thành A- Du Hồn (Dương)

B- Quỉ Phách (Âm)

Theo tài liệu của Lưu Nhất Minh, trong quyển Chu Dịch Xiển Chân, và quan niệm các nhà Huyền Học Âu Châu, ta áp dụng lời phân chia con người theo phương thức Ngũ Hành, Tứ Tượng như sau:

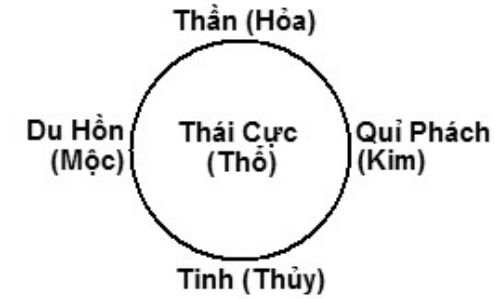

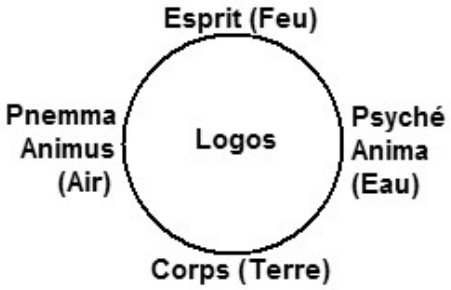

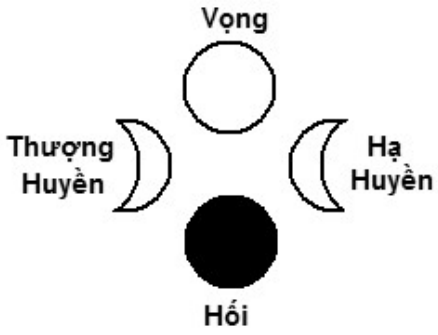

Du hồn (Dương), gần Thần minh hơn, ưa ánh sáng.

Quỉ phách (Âm), gần vật chất hơn, ưa bóng tối.

Các nhà Dưỡng Sinh Học, đã áp dụng quan niệm này vào công cuộc vệ sinh, và cho rằng nhà cửa không nên cao quá, sáng quá vì như vậy sẽ thương phách, không nên thấp quá, tối quá vì như vậy sẽ thương hồn và bệnh tật do đó sẽ sinh.[22]

Âu Châu cũng có quan niệm Hồn, Phách.

Theo các nhà Huyền Học Âu Châu thì Hồn, Phách, khác nhau cũng như khí với nước.

Lúc chết, Phách quanh quất bên xác, còn Hồn thì khinh phiêu cùng thần khí lãng du. Phách là cứ điểm của dục tình, ngã chấp lúc sống; và đến khi chết, Phách sẽ tan biến dần trong giòng sông quên lãng, y như xác

tan biến trong đất cát. Còn hồn là Khí, là xe của Thần theo từ ngữ Platon, đó là hạt giống Trường Sinh, mầm mộng Kim Thân, Thánh Thể...[23]

Đem những quan niệm trên đối chiếu với khoa Cơ Thể và Sinh Lý Học hiện đại ta có thể ức đoán:

Cứ điểm của Phách có thể ở trung khu não bộ (diencéphale), nơi thị tầng (thalamus ou couches optiques), hạ thị tầng (hypothalamus), [24]hoặc ở trong các Dung Dịch luân chuyển trong các xoang não tủy.

Còn Hồn thì lại liên hệ mật thiết đến các khí thể, lưu hành trong các xoang não bộ. Đó cũng là những quan điểm xa xưa của Galien và thánh Augustin. [25]

6). Quan niệm Thiên Nhân Tương Dữ trong Hà Đồ

Trong đạo Lão cũng như trong đạo Nho, vốn có quan niệm Thiên Nhân Tương Ứng[26], Thiên Nhân Tương Dữ. [27]

Ý nói Trời chẳng ở xa con người, mà đã ở ngay trong tâm khảm con người, để làm chủ chốt cho con người, ám trợ con người.[28]

Quan điểm này thực ra không phải của riêng một đạo nào, mà là gia tài của nhân loại. Đi sâu vào các Đạo giáo, các môn phái Huyền Học Đông, Tây, ta thấy quan điểm này thường được đề cập tới. [29]

Hà Đồ bày ra lẽ Âm Dương phối ngẫu theo nhau như bóng với hình. Các nhà Huyền Học Lão giáo dựa vào Hà Đồ, xiển minh nhẽ Trời người hợp nhất, Thiên Lý tại nhân tâm.

Theo quan niệm này ta có thể nói: Trời là Thần, là Chân Dương. Hồn con người là Khí, là Chân Âm[30]. Một bên hùng dũng chỉ lối đưa đường, một bên nhu thuận, tuân theo sự hướng dẫn, đúng như hai quẻ Kiền, Khôn trong Kinh Dịch.

Trời có:	Người có:
1) Ngũ Nguyên:	1) Ngũ Vật:
a - Nguyên tính	a - Du hồn
b - Nguyên thần	b - Thức thần
c - Nguyên tình	c - Quỉ phách
d - Nguyên tinh	d - Trọc tinh
e - Nguyên khí	e - Vọng ý
2) Ngũ Đức:	2) Ngũ Tặc:
a - Nhân	a - Hỉ
b - Nghĩa	b - Lạc
c - Lễ	c - Nộ
d - Trí	d - Ai
e - Tín [31]	e - Dục

Trời là Chân, Người là Giả, hai đàng như hình với bóng chẳng lìa nhau.[32]Người cần phải tuân phục Trời, thuận theo Mệnh lệnh Trời, mới có thể đi đến chổ Âm Dương hòa hợp, thái hòa trường cửu.[33]Trời, Người đều có thể làm chủ hay làm khách. [34]

Nhưng con người vì bản tính nông cạn, si mê, nếu tự động đóng vai chủ nhân, định đoạt mọi sự, thì chắc sẽ đi đến chỗ thất bại. Cho nên, hay hơn hết là nhường cho Trời làm chủ, cho lương tâm, lương tri làm chủ [35], còn mình chỉ biết tuân thuận theo, như vậy chắc chắn sẽ tốt đẹp. Đó là nhẽ Chủ, Khách trong Hà Đồ.

Vì thế các nhà Huyền Học Lão giáo mới nói: Nhường ngài làm Chủ, ta làm Khách. [36]

Hà Đồ lấy vị số mà chứng minh rằng:

Sâu là Chủ, Nông là Khách,

Trong là Chủ, Ngoài là Khách

Cho nên, nếu Thượng đế là chủ của ta, thì chắc chắn phải ở ngay trong tâm của ta.

Vì vậy người xưa cho rằng:

Tu hành phải biết nông sâu,

Nông sâu chẳng biết, tìm cầu luống công. [37]

7). Bí quyết Tạo Hóa Qui Trung Chi Diệu theo Hà Đồ

Dịch kinh cốt là để mô tả diễn Dịch một chân lý trọng đại. Muôn loài đều từ một Đại thể, từ một Căn Nguyên sinh xuất; biến thiên, tiến hóa tưởng là vô biên vô tận, nhưng kỳ thực chỉ theo định luật Âm Dương, theo hai chiều hướng ngoại, hướng nội; Vãng Lai theo định luật tuần hoàn, nên khi hết chu kỳ lại trở về Nguyên Bản. [38]

Lão tử cũng đã đề cao Nguyên lý ấy:

Đạo Đức Kinh viết:

Muôn loài sinh hóa đa đoan,

Rồi ra cũng phải lai hoàn Bản Nguyên,

Hoàn Bản Nguyên, an nhiên phục Mệnh,

Phục Mệnh rồi, trường vĩnh vô cùng. [39]

Hà Đồ cũng xiển minh nhẽ Vạn Vật Qui Trung bằng cách đặt lại số 10 vào Trung Cung.

Hơn nữa nếu ta bắt đầu từ Trung (Thổ) đi theo vòng Ngũ Hành tương sinh: Thổ(Kim(Thủy(Hỏa(Thổ thì hết một vòng biến Dịch ta lại trở về Trung (Thổ).

Vả lại nếu ta xếp lại các con số trong Hà Đồ theo phương thức dưới đây, ta sẻ thấy chiều hướng luân chuyển các con số là trở về Trung Cung, Trung Điểm. [40]

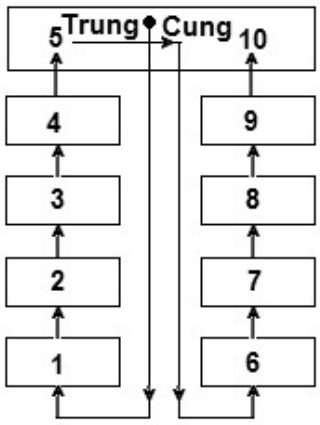

Ngụy Bá Dương viết:

Lấy con số 5 trung ương, tán phân ra tứ phương sẽ thành 6, 7, 8, 9 tức là Thủy, Hỏa, Mộc, Kim, đều dựa vào Thổ mới thành.

Lấy các số 1, 2, 3, 4 ở bốn phương thu về trung ương sẽ được 10, tức là Thủy, Hỏa, Mộc, Kim, đều Phản Bản Hoàn Nguyên, hội họp ở Trung thổ. Thực là vi diệu thay. [41]

Vi chỉ của Dịch thực là cao siêu, huyền diệu.

Mới đầu chỉ cho ta thấy Thái Cực, Đạo Thể biểu dương dần dà thành Số, Vị, Hình Tượng, Màu Sắc, Thể chất, Không gian, Thời gian, Vạn Vật, Vạn Hữu.

Sau đó, lại cho ta nhìn thấy những giai đoạn biến thiên, những yếu tố cấu tạo nên vạn vật, những then chốt biến hóa, từ Vạn Tượng rút lại về Ngũ Hành, về Tứ Tượng, Âm Dương rồi lại trở về Thái Cực, Vô Tượng, Vô Vị, Vô Số. Mới hay:

Tự Đạo phân chia, Số mới thành,
Ngũ Hành hình tượng: Đạo nha manh
Năm phương vũ trụ: Thần phân liệt,
Chất sắc năm mầu: Đạo tán sinh. [42]
Số từ vô số xuất sinh,
Trở về vô số, mới thành vãng lai.
Tượng từ vô tượng, phân bài,
Trở về vô tướng, trong ngoài ấm êm
Vị hoàn vô vị, mới nên,
Chất hoàn vô chất, tinh tuyền trước sau.
Chớ chia đạo thể nhiệm mầu,
Số kia bám víu vào đâu sinh thành.
Muốn trừ cho hết tượng hình,
Ngừng cơ biến hóa, mối manh tiêu liền.
Vị ngôi muốn hết dưới trên,
Thời đừng phân biệt Bản Nguyên làm gì.
Đạo không phát tán chia ly,
Thời thôi vật chất biến đi từ đời.
Đạo là vô số, vô ngôi,
Vô hình, vô chất, chia phôi nhẽ nào.
Đạo Trời vi diệu xiết bao...[43]

Hà Đồ với con số 15 viết ở Trung Cung, tức là cho ta thấy rằng căn bản hay cùng đích của vạn vật là ở tại Trung Cung, mà Trung Cung lại là Thái Cực, cho nên, theo Hà Đồ, thì Căn Nguyên và cùng đích của vũ trụ vẫn là Thượng Đế. Sách Đại Đỗng Chân Kinh viết: Căn bản vốn ở trung tâm điểm. [44]

Sách Nhập Dược Kính viết: Người nào biết Tạo hóa, sẽ tìm căn nguyên vũ trụ nơi Trung Cung (Chân Thổ). [45]

Mới hay:

Huyền cơ Trời ở Trung ương,
Gần trong gang tấc chẳng vương tượng hình. [46]

Như đã nói trên số 15 ở Trung Cung tượng trưng

Thái Cực. Lạ lùng thay, đối với các nhà Huyền Học Âu Châu, số 15 chỉ Thượng Đế. Và họ cho rằng Lạc Thư được quí trọng vì ngang dọc đều cộng thành 15, cho nên Lạc Thư là biểu dương của Thượng Đế. [47]

Đọc bài thơ trong sách Kim Liên Chính Tông Ký, ta càng nhận thấy rõ rằng Trung Cung, Trung điểm ở Hà Đồ chính là Nhất, là Thượng Đế, là Thủy Tổ Vũ Trụ, Càn Khôn.

Chân Nhất ở Trung Cung có Tứ Tượng, Tứ Sắc (đỏ, đen, xanh, trắng) bao quanh, được thi sĩ mô tả như là Thánh Mẫu ẩn thân trong thạch động mầu đỏ, [48]như Linh Thần ngự trên lầu giáng cung, [49], như Chân Cống, hay Kim Đơn chìm dưới làn sóng hồ màu biếc, [50] như đám mây bay trước ngọn núi Bạch Ngọc màu trắng [51].

Nguyên văn bài thơ như sau:

Nhất trung hữu Nhất, Nhất nan luân,
Tam cảnh nguyên tòng nhất xứ phân,
Xích thạch động trung tàng Thánh Mẫu,
Giáng cung đài thượng liệt Thần Tôn.
Bạch đàm ba nội chân chân cống,
Bạch ngọc phong tiền ải ải vân.
Cá thị càn khôn khai tịch tổ.
Thế gian ngu tục, khởi giao văn.[52]

Khi đã biết Trung Cung tượng trưng cho Thượng Đế Bất Khả Tư Nghị, Vô Số, Vô Vị, Vô Tượng, thì bí quyết trở về với Thượng Đế, về Trung Cung là phải biết vượt lên trên hết mọi ảnh tượng [53], chi ly, phiền tạp, phải biết thu nhiếp vạn thù, qui nhất bản.

Người xưa gọi thế là:

Toản thốc Ngũ Hành,
Hòa hợp Tứ Tượng
Tam hoa tụ đỉnh
Ngũ khí triều Nguyên
Tạo Hóa Qui Trung Chi Diệu. [54]

Nói một cách thiết thực hơn, muốn tìm về Trung cung, con người phải biết đâu là Chân Tâm trong con người.

Các nhà Huyền Học Lão giáo đã cho biết Nê Hoàn Cung, ở trung tâm não bộ chính là Chân Tâm, là Trung Cung, Trung Điểm nơi con người.

Mới hay:

Nê hoàn một khiếu, thấu cửa Trời
Ngọc Hoàng Thượng Đế, ấy tòa ngôi,
Thánh Hiền lui tới, duy đường ấy,
Cưỡi hạc băng chừng, thẳng tới nơi. [55]

Giai đoạn sau là thu thần, liễm khí cho qui tụ về óc não, sống đời sống nội tâm cho thật rồi rào, dùng hết tâm thần ý chí vào công cuộc chiêm ngưỡng Thượng Đế, sống hợp nhất với Thượng Đế. [56]

Đó là ý nghĩa những khẩu quyết:

Hoàn tinh bổ não

Tam hoa tụ đỉnh

Ngũ khí triều Nguyên [57]

hay:

Tử dục bất tử tu Côn Lôn [58]

Qui Trung tóm lại là:

Đem ngựa ý, qui về thần thất [59]

Bắt vượn tâm, giữ chắc động phòng. [60]

Tâm, Thần, Hồn, Phách, Ý qui trung. [61]

Nói theo từ ngữ Công giáo tức là muốn sống kết hợp với Thượng đế, phải kính mến Thượng đế hết lòng, hết sức tâm thần. [62]

Hiểu được ý nghĩa Trung Cung, biết được bí quyết Tạo Hóa Qui Trung Chi Diệu, con người mới có thể tìm ra được địa vị sang cả của mình [63] mà Định Mệnh con người là sống kết hợp với Thượng Đế. [64]

CHÚ THÍCH

[1] Vạn vật tắc ngũ hành chi tử dã. 萬 物 則 五 行 之 子 也. — Âm Phù Kinh Sớ, trang 2.

[2] Phóng chi tắc di lục hạp, quyển chi tắc thoái tàng ư mật. 放 之 則 彌 六 合 卷 之 則 退 藏 於 密.— Trung Dung Tựa.

[3] Cổ nhân sở xưng đích thiên khu bất động. — Hiện Đại Đạo Gia Tu Luyện Bảo Điển, trang 113.

[4] Thiên cực nhất tinh danh Bắc cực vị tại trung ương, tứ phương sở thủ chính, cố danh trung cung. Viết: Thiên cực tức Bắc thần dã 天 極 一 星 名 北 極 位 在 中 央, 四 方 所 取 正, 故 名 中 宮. 曰 天 極 即 北 辰 也. (Khảo yếu). Thượng Đế Thái nhất thần tại Tử vi cung, thiên chi tối hiển dã. 上 帝 太 一 神 在 紫 微 宮 天 之 最 顯 也. — Gustave Schlegel - L'Uranographie Chinoise, page 524. — J. Legge, the Shoo King, page 34 notes.

[5] Trung nguyên, Côn Lôn sơn, thiên địa tâm. 中 原 崑 崙 山 天 地 心.— Joseph Needham: Science et Civilisation in China, (Cambridge at the University Press) quyển 3, trang 566 - 567.

[6] Nê hoàn hựu xưng Bá hội... tức cổ nhân sở chỉ đích bách mạch tổng hội... Não xoang cổ nhân xưng vi Thiên cốc, nhi cư ư thử trung đích tinh thần tác dụng, khiếu tố Cốc Thần, giá thị Sinh Mệnh chi chân tể...hợp xưng vi Thiên khu. 泥 丸 又 稱 百 會 ... 即 古 人 所 指 的 百 脈 總 會 ... 腦 腔 古 人 稱 為 天 谷 而 居 此 中 的 精 神 作 用, 叫 做 谷 神, 這 是 生 命 之 真 宰 合 稱 為 天 樞. — Hiện Đại Đạo Gia Tu Luyện Bảo Điển, trang 113.

[7] Hà Đồ ngũ thập hư trung nhi vi Thái Cực 河 圖 五 十 虛 中 為 太 極. — Địa Lý Chính Tông, trang 3.

[8] Chỉ huyền thiên vân: Miêu miêu duệ duệ miên miên lý, Nam Bắc Đông Tây tụ hợp lai. Thử Càn, Khôn, Khảm, Ly chi sở dĩ hiệp nhi vi nhất dã. Hợp nhi vi nhất, tắc thần khí qui căn, Kính nhập hư vô, yểu yểu minh minh, mạc tri kỳ sở dĩ nhiên hĩ. Đỗng hiểu Âm Dương, thông đạt Tạo hóa. 指 玄 天 云 : 描 描 裔

齋綿綿裡. 南北東西聚合來. 此乾坤坎離之所以合而為一也. 合而為一, 則神氣歸根, 涇入虛無, 窈窈冥冥, 莫知其所以然矣. 懂曉陰陽, 通達造化.— Chu Dịch Tham Đồng Khế, quyển Trung, trang 3.

[9] Đại Đỗng Chân Kinh, quyển Trung, trang 10b.

[10] Căn bản do lai Thái Cực tầm. 根本由來太極尋.— Đại Đỗng Chân Kinh, Quyển Thượng, trang 4b.

[11] Tạc phá huyền nguyên tam ngũ, bát khai Tạo hóa khuê chương. Hi Di diệu chỉ tại trung ương, chỉ xích vô danh võng tượng. 鑿破玄元三五拔開造化圭璋. 希夷妙旨在中央咫尺無名罔象.— Phục Mệnh Thiên, trang 4a.

[12] 28 cặp quẻ phản phúc như: Truân, Mông; Nhu, Tụng; Sư, Tỉ; Tiểu súc; Lý; Thái, Bĩ v.v...

4 cặp quẻ đối đãi là Càn, Khôn, Khảm, Ly, Di, Đại Quá, Trung Phu, Tiểu Quá.

[13] Xem thêm Dịch Kinh Tân Chứng, trang 5, đoạn Phúc Tượng.

[14] Atteindre le Ciel par achèvement de la Terre (Teilhard de Chardin). — Cf. Jean Onimus, Teilhard de Chardin, page 65.

[15] La quantité d'énergie que l'on peut transformer en travail va sans cesse diminuant, l'énergie se dégrade et l'univers tend vers l'immobilité etc... Clausius paraît avoir été le premier à donner du principe de Carnot une définition satisfaisante en introduisant la notion d'Entropie. Le second principe est alors devenu le principe de l'accroissement de l'entropie ou principe de Carnot-Clausius...

En outre lorsqu'un système est en équilibre, son entropie est un maximum... C'est cette marche à sens unique, toujours dans le sens de la dégradation irréversible, qui justifie le nom de principe d'évolution par lequel on désigne souvent le principe d'évolution, le second principe de la thermodynamique. -- Lecomte du Noüy, L'homme devant la Science, page 94 - 95.

[16] Nhất Âm nhất Dương chi vị đạo, Thiên Âm thiên Dương chi vị tật. 一陰一陽之謂道, 偏陰偏陽之謂疾.-- Phục Mệnh Thiên, 1a.

[17] Kỳ thật, Âm Dương nhị tự thị giai nhất vật dã. 其實陰陽二字是皆一物也. —Thúy Hư Thiên, trang 2a.

[18] Nhược Đạo chi thể tắc vô Âm Dương, nhi vi Âm Dương chi căn... 若道之體則無陰陽, 而為陰陽之根. — Xướng Đạo Chân Ngôn, tr.8b.

[19] Có thể là Âm, có thể là Dương, bất kỳ bất trắc nên gọi là Thần (Hệ Từ).

[20] E = énergie (năng lực)

m = masse (khối lượng)

c^2 = tốc độ ánh sáng lên bình phương.

[21] Matière et Esprit, écrit le P. Teilhard en 1950, non point deux choses mais deux états, deux faces d'une même étoffe cosmique suivant qu'on la regarde ou qu'on la prolonge dans le sens où elle se fait ou au contraire dans le sens suivant lequel il se défait... -- Jean Onimus, Pierre Teilhard ou La foi au Monde, page 80.

... L'Esprit, n'est ni un surimposé, ni un accessoire dans les cosmos, mais il représente tout simplement l'état supérieur pris en nous par la chose première indéfinissable... rien de plus mais aussi rien de moins. L'Esprit n'est ni un méta, ni un épiphénomène: il est le phénomène. — Ib. page 85.

[22] Thiên Ẩn Tử, Dưỡng Sinh Thư, trang 1b.

Si nous considérons les quatre Eléments dont le monde est composé: la Terre, l'Eau, l'Air et le Feu,

le corps correspond à l'Elément Terre, l'Âme aux Eléments Eau et Air, l'Esprit à l'Elément Feu, et de même que dans le domaine physique, l'eau a le pouvoir de se mêler à la terre, l'air au feu, de même, une certaine Âme, l'Âme liquide est attachée au corps, à tout le moins demeure en son voisinage, même après la mort, l'autre Âme, l'Aérienne, rejoint l'Esprit. — Raoul Auclair, Le Livre des Cycles, page 143.

[23] Cette âme (l'âme liquide) est le siège de nos passions et de notre individualité présente, mais elle est destinée à se dissoudre dans Léthé comme le corps dans la Terre. L'autre Âme, c'est le Pneuma, le char de l'Esprit, ainsi que l'appelait Platon, le noyau, sans cesse grossi de l'immortalité de l'homme, l'embryon du corps glorieux. — Ib. page 144.

[24] Le Thalamus participe, enfin, par ses relations avec les corps striés et l'hypothalamus à l'expression des émotions. -- A. Fabre et G. Rougir, Physiologie Médicale, page 558.

[25] According to Galen, the natural spirit, the product of nutrition, passed from the liver and the gut to the heart and were there modified by the material from the lungs. A portion of the resultant product, known as the vital spirits was passed to the head. Here within the rich collection of blood vessels at the base of the brain, a watery distillate was recovered and mixed with air and supposedly entered the cranial cavity through the porous base of the skull above the nose. The psychic pneuma was then collected and circulated in the chambers of the brain.

By the fourth century A.D. this ingenious Galenic conception of the circulation of psychic pneuma within the chambers of the brain had been much modified. Saint Augustin (A.D. 354 - 430) among others held that the three ventricles of the brain contained psychic pneuma with special qualities. Indeed some of the Aristotelian faculties were identified with the watery contents of the respective chambers but not, with the substance of the brain...

Cf. Lyman Bryson, An Outline of Man's Knowledge of the Modern World, page 44.

[26] Thiên nhân tương ứng chi lý bị ư Xuân Thu... 天 人 相 應 之 理 備 於 春 秋. — Thái Thượng Cảm Ứng Thiên Toản Nghĩa, trang 1.

Phù cổ ảnh hưởng chi lý: 桴 鼓 影 響 之 理 (Trời người như dùi với trống, như người với bóng, như âm thanh và tiếng vọng). — Thái Thượng Bảo Phiệt Đồ Thuyết, trang 6a.

[27] Đổng trọng Thư viết: Thiên nhân tương dữ chi tế, thậm khả úy dã. 董 仲 舒 曰 : 天 人 相 與 之 際, 甚 可 畏 也 .— Thái Thượng Cảm Ứng Thiên Toản Nghĩa, trang 1a.

[28] Vô viết: Bỉ thương thậm diểu dã, nhất sự chi công tư, tức vi thiên địa sở thức lâm. Vô viết: nhĩ thất khả khi dã: Nhất niệm chi tà chính, tức vi quỉ thần sở chỉ trích. 毋 曰 彼 蒼 甚 渺 也 一 事 之 公 私 即 為 天 地 所 式 臨. 毋 曰 爾 室 可 欺 也. 一 念 之 邪 正 即 為 鬼 神 所 指 摘. — Thái Thượng Bảo Phiệt Đồ Thuyết

Dịch câu 53: Đừng nói: Xanh kia xa lắc: bất kỳ công việc gì dù công hay tư, đất trời đều hay biết; đừng nói: buồng kín có thể lừa đối được. Bất kỳ một ý niệm gì hoặc tà hoặc chính, đều được quỉ thần phê phán.

[29] Ne savez-vous pas que vous êtes un temple de Dieu, et que l'Esprit de Dieu habite en vous? Si quelqu'un détruit le temple de Dieu, celui-là, Dieu le détruira. Car le temple de Dieu est sacré, et ce temple c'est vous. -- I Corinthiens 3, 16, 17.

...Ou bien ne savez-vous pas que votre corps est un temple du Saint-Esprit, qui est en vous et que vous tenez de Dieu? Et que vous ne vous appartenez pas? Vous avez été bel et bien rachetés! Glorifiez donc Dieu et le portez dans votre corps. --I Corinthiens 6, 19, 20.

...In short, many see in the story of Solomon's Temple a symbolical representation of Man as the temple of God, with its Holy of Holies deep seated in the center of the human heart. -- Mackey's

Revised Encyclopedia of Freemasonry, Tome II, page 961.

[30] Chân Âm Chân Dương thị Thần Khí. 真 陰 真 陽 是 神 氣. — Đơn Dương Chân Nhân Ngữ Lục - trang 5b.

[31] Xem Chu Dịch Xiển Chân, của Lưu nhất Minh - Chương Hà Đồ.

[32] Giả tá Chân tồn, Chân diệc tá Giả nhi lưu dã. 假 借 真存 真 亦 借 假 而 流 也.— Lưu nhất Minh, Chu Dịch Xiển Chân, Chương Hà Đồ.

[33] Âm Dương kết Thái nguyên. 陰 陽 結 太 元 .— Hoàn Nguyên Thiên, trang 1.

[34] Dĩ nhân hợp thiên. Dĩ thiên tòng nhân. 以 人 合 天 以 天 從 人.— Huyền Tông Chính Chỉ, trang 10.

[35] Vương Dương Minh tiên sinh thuyết: Lương tri tức Thượng Đế. 王 陽 明 先 生 說 良 知 即 上 帝.—Hiện Đại Đạo gia Tu Luyện Bảo Điển, trang 82.

[36] Nhiêu tha vi chủ ngã vi tân. 饒 他 為 主 我 為 賓.— Nhập Dược Kính - trang, 14b.

[37] Thức phù trầm, minh chủ khách, yếu tụ hội, mạc gián cách. 識 浮 沉 明 主 客 要 聚 會 莫 間 隔. — Nhập Dược Kính, trang 14a.

[38] Thủy chung như nhất. 始 終 如 一.— Đại Đỗng Chân Kinh, trang 7b.

[39] Đạo Đức Kinh, chương XVI.

[40] Xem đồ bản này, ta thấy chiều biến hóa là từ Dương dến Âm, rồi lại từ Âm trở về Dương trước khi trở về Trung Cung.

[41] Cổ dĩ Trung ương chi ngũ, tán ư tứ phương nhi thành 6, 7, 8, 9, tắc Thủy Hỏa Mộc Kim lại Thổ nhi thành. Nhược dĩ tứ phương chi nhất, nhị, tam, tứ qui ư trung ương nhi thành thập, tức Thủy Hỏa Mộc Kim giai phản bản hoàn nguyên nhi hội ư thổ trung dã. Hu huyền tai. 古 以 中 央 之 五, 散 於 四 方 而 成 六, 七, 八, 九, 則 水 火 木 金 賴 土 而 成. 若 以 四 方 之 一, 二, 三, 四 歸 於 中 央 而 成 十 即 水 火 木 金 皆 返 本 還 元 而 會 於 土 中 也. 吁 玄 哉.— Chu Dịch, Tham Đồng Khế Phát Huy, trang 24.

[42] Ngọc Thư viết: Nhất, tam, ngũ, thất, cửu, Đạo chi phân nhi hữu số. Kim mộc thủy hỏa thổ, Đạo chi biến nhi hữu tượng Đông Tây Nam Bắc Trung, Đạo chi liệt nhi hữu vị. Thanh, Bạch, Xích, Hoàng, Hắc, Đạo chi tán nhi hữu chất. 玉 書 曰 一, 二, 三, 五, 七, 九 道 之 分 而 有 數. 金 木 水 火 土 道 之 變 而 有 象. 東 西 南 北 中 道 之 列 而 有 位. 青 白 赤 黃 黑 道 之散 而 有 質.— Linh Bảo Tất Pháp, trang 12a.

[43] Số qui ư vô số, tượng phản ư vô tượng, vị chí ư vô vị, chất hoàn ư vô chất. Dục Đạo chi vô số, bất phân chi tắc vô số hĩ. Dục Đạo chi vô tượng, bất biến chi, tắc vô tượng hĩ. Dục Đạo chi vô vị, bất liệt chi tắc vô vị hĩ. Dục Đạo chi vô chất, bất tán chi tắc vô chất hĩ. Vô số Đạo chi nguyên dã, vô tượng Đạo chi bản dã, vô vị Đạo chi chân dã. 數 歸 於 無 數 象 反 於 無 象 位 至 於 無 位 質 還 於 無 質. 欲 道 之無 數 不 分 之 則 無 數 矣. 欲 道 之 無 象 不 變 之 則 無 象 矣 . 欲 道 之 無 位 不 列 之則 無 位 矣. 欲 道 之 無 質 不 散 之 則 無 質 矣. 無 數 道 之 元 也. 無 象 道 之 本 也. 無 位 道 之真 也.— Linh Bảo Tất Pháp, quyển Hạ, trang 12a.

[44] Căn bản nguyên do Trung. (Cứu kỳ căn bản, thật do ư trung, kiến hồ ngoại giả, bản hồ nội. Chiêu hồ dụng giả, do hồ thể dã). 根 本 原 由 中. 究 其 根 本 實 由 於 中. 見 乎 外 者 本 乎 內. 昭 乎 用 者 由 乎 體 也.— Đại Đỗng Chân Kinh, trang 19.

[45] Thức Tạo hóa giả, tất ư Chân Thổ trung cầu căn đế yên. 識 造 化 者, 必 於 真 土 中 求 根 蒂 焉.— Nhập Dược Kính 4b.

[46] ... Le monde, pris dans son universalité, n'émane pas immédiatement de Dieu. Ce qui émane de Dieu, c'est un Etre unique, qui est le Principe de toutes les créatures. C'est une intelligence séparée,

c'est-à-dire une substance qui existe par soi, qui est exempte de toute multiplicité, qui se conaît et connaît son principe (Averroès). — Illan de Casa, La Religion Essentielle, p. 122.

[47] For fifteen was a sacred number among the Orientals, because the letters of the holy name Jah jy were, in there numerical value, equivalent to fifteen, and hence a figure in which the nine digits were so disposed as to make fifteen either way when added together perpendicularly, horizontally, or diagonally, constituted one of their most sacred talismans. — Mackey's Revised Encyclopedia of Freemasonry,Vol. II, p. 1109.

...Thus in Hebrew, the name of God, Jah jy is equivalent to 15, because y =10 and j = 5 and 15 thus become a sacred number. — Ib. p. 722.

[48] Tượng trưng Nam Phương, Hỏa, Xích.

[49] Tượng trưng Bắc Phương, Thủy, Hắc.

[50] Tượng trưng Đông Phương, Mộc, Thanh.

[51] Tượng trưng Tây Phương, Kim, Bạch.

[52] Dung hợp vi nhất, thông quán vô gián, dữ Đạo vi thể, nhi hồn phách câu hóa, tứ đại giai không. Thất khí vô trệ Trạm tịch chân thành. Quán thông Vô Cực.融 合 為 一, 通 貫 無 間, 與 道 為 體, 而 魂 魄 俱 化, 四 大 皆 空, 七 氣 無 滯, 湛 寂 真 成, 貫 通 無 極 .— Đại Đỗng Chân Kinh, trang 23.

[53] Quả ư võng tượng vô hình xứ, Hữu cá trường sinh bất tử côn. 果 於 罔 象 無 形 處, 有 個 長 生 不 死 根. — Kim Đơn Đại Thành Tập, trang 10.

[54] ... Pour être satisfait par Dieu, il ne faut point se contenter de ce qui est ceci ou cela, mais de ce qui est Tout. Car Dieu est bien l'Un, et doit être l'Un, mais il est aussi Tout et doit être Tout...

Théologie Germanique. — Illan de Casa Fuerte, La Religion Essentielle, p.161.

[55] Nê hoàn nhất khiếu đạt Thiên môn, 泥 丸 一 竅 達 天 門
Trực thượng Hư Hoàng Ngọc Đế tôn 直 上 虛 皇 玉 帝 尊
Thử thị Chân Nhân lai vãng lộ 此 是 真 人 來 往 路
Thời thời khóa hạc khứ triều Nguyên. 時 時 跨 鶴 去 朝 元

— Nhập Dược Kinh, trang 10b.

[56] Thượng triều ngọc thanh, dữ Thiên vi nhất hĩ. 上 朝 玉 清 與 天 為 一 矣. — Đại Đỗng Chân Kinh, trang 7b.

[57] Cf. Hiện Đại Đạo Gia Tu Luyện Bảo Điển, trang 124.

[58] Nhập Dược Kính, trang 10b (Côn Lôn tượng trưng cho đầu não).

[59] Thần Thất tượng trưng cho xoang trung tâm trong óc.

[60] Động phòng là tên một xoang trong óc.

[61] Hoàn Nguyên Thiên Trang 1b.

[62] Tu aimeras ton Dieu de tout ton coeur, de toute ton âme, de tout ton esprit et de toute ta force. — L'Evangile selon St. Marc, 12, 30.

[63] Quân tử Hoàng Trung thông lý, chính vị cư thể. — Dịch Kinh Khôn Quải (Văn ngôn).

... Il (Pascal) sait, lui, que le tourment de l'homme tient à ce qu'il ne sait à quel rang se mettre, tendu qu'il est entre un infini de grandeur qui l'écrase et un infini de petitesse avec lequel il semble n'avoir

aucune mesure... — Georges Cresp, De la Science à la Théologie (Essai sur Teilhard de Chardin), p. 13.

[64] Dĩ nhân hợp Thiên 以 人 合 天.— Huyền Thiên Chính Chỉ, trang 10.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 **5** 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 **6** | BẠT

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 5

HÀ ĐỒ

chương trước

Bạt

Số, văn dụ Đạo, Đạo tài thông,
Hà, Lạc huyền vi tại chính trung
Luân chuyển, tuần hoàn quan trục cốc,
Biến thiên thăng giáng, hệ tâm cung
Căn chi, Bản mạt minh đoan đích,
Tụ tán, hiển vi thức thủy chung
Tri chỉ tức nhiên tri giải thoát
Phật, Tiên bất quá đắc Hoàn Trung. [1]
(Nhân tử chuyết đề)

Đạo cả siêu vi khó luận bàn,
Lấy lời, lấy số tả lan man.
Huyền vi Hà, Lạc nơi tâm điểm.
Trục chuyển vành xe, mới vẹn toàn.

Trục chuyển vành xe, mới vẹn toàn,
Trần hoàn biến chuyển, hệ tâm xoang
Ngọn ngành, gốc rễ, thông đầu cuối
Tụ tán, hiển vi, chẳng ngỡ ngàng.

Tụ tán, hiển vi, chẳng ngỡ ngàng

Đầu đuôi thông tỏ, hết đa đoan

Phật, Tiên, gặp gỡ nơi Trung Điểm [2]

Tìm được Hằng Tâm, thoát nhiễu nhương.

---

[1] Hợp Thiên chi đạo tắc đắc kỳ hoàn trung. — Tinh Hoa Lục, trang 36.

[2] Văn Đạo Tử, Tinh Hoa Lục, trang 36

chương trước

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 **5** 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 | **BẠT**

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | STK

Phần 6

LẠC THƯ

chương sau

Chương 1. Xuất xứ của Lạc Thư

Lạc Thư có một tầm ảnh hưởng rất lớn lao trong mọi lãnh vực tư tưởng, chính trị, đạo giáo Trung Hoa, vì vậy cần được khảo sát cho tường tận.

Theo Kinh Thư, sau khi trị thủy thành công, Vua Vũ đã được Trời ban cho Hồng Phạm Cửu Trù, tức là phép tắc cai trị xã hội, và định chế nhân luân.[1]

Tục truyền Trời cho thần qui hiện lên ở sông Lạc, mang trên lưng một hình vẽ. Vua Vũ nhân đấy làm ra Hồng Phạm với sự cộng tác sau này của Cơ tử. [2]

Sách Chính Nghĩa Xuân Thu Vĩ ghi:

Hà dĩ thông Kiền xuất thiên bào,

Lạc dĩ lưu Khôn thổ địa phù [3]

Câu đó rất quí báu, vì sẽ giúp ta hiểu rõ phạm vi và mục đích của Hà Đồ, Lạc Thư. Hà Đồ giúp ta hiểu Trời, Lạc Thư giúp ta hiểu Đất.

Hà Đồ giúp ta tu luyện tâm hồn, Qui Nguyên, Phản Bản. Lạc Thư chỉ vẽ cách thức an bang, tế thế; tổ chức đời sống xã hội và vật chất bên ngoài.

Vì lẽ đó, nên Hà Đồ hình tròn, còn Lạc Thư hình vuông. Tròn tượng Trời, vuông tượng Đất.

Hà Đồ, Lạc Thư hỗ trợ, bổ sung lẫn cho nhau, và có thể nói được là hai phương diện của một học thuyết duy nhất, đó là: nội thánh, ngoại vương chi đạo, y như tấm vải có sợi ngang sợi dọc, [4]như cuộc đời có hai chiều xuôi ngược, hai mặt trong ngoài.

Theo Từ nguyên, Lạc Thư dạy cách tổ chức xã hội trị quốc an bang. [5]Ta sẽ bằng cứ vào câu đó, để phanh phui cho ra các bí quyết của Lạc Thư.

CHÚ THÍCH

[1] Vũ nãi tự hưng, Thiên nãi tích Vũ Hồng Phạm Cửu Trù; di luân du tự. 禹 乃 自 興 天 乃 錫 禹 洪 範 九

疇 彝 倫 攸 敘.— Thư Kinh Hồng Phạm, tiết 2. Séraphin Couvreur, Les Annales de la Chine, page 196.

[2] Hệ Từ truyện viết: Hà xuất Đồ, Lạc xuất Thư; thánh nhân tắc chi. 繫 辭 傳 曰: 河 出 圖, 洛 出 書, 聖 人 則 之.— Chu Dịch Đại Toàn, Chương Đồ Thuyết, trang 17a.

[3] Chính nghĩa Xuân Thu vĩ viết: Hà dĩ thông Kiền xuất thiên bào; Lạc dĩ lưu Khôn thổ địa phù. 正 義 春 秋緯 曰 河 以 通 乾 出 天 苞 洛 以 流 坤 吐 地 符.— Uyên Giám Loại Hàm, Quyển 3, trang 3,366, Mục Chu Dịch III.

[4] Hà Đồ dữ Lạc Thư tương vi kinh vĩ, Bát quái, Cửu chương tương vi biểu lý. 河 圖 與 洛 書 相 為 經 緯, 八 卦 九 章 相 為 表 裡.— Chu Dịch Đại Toàn, trang 17b.

[5] Án Hồng Phạm Cửu Trù vi trị thiên hạ chi đại pháp. 案 洪 範 九 疇 為 治 天 下 之 大 法.— Cf. Từ Nguyên, nơi chữ Cửu Trù.

---

chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 **6** 7 8 9 | chương **1** 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | STK

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

易經要旨

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | STK

Phần 6

LẠC THƯ

chương trước chương sau

Chương 2. Cấu tạo của Lạc Thư

Lạc Thư được cấu tạo như sau:

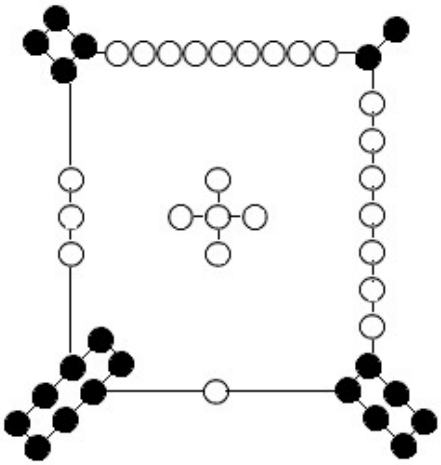

Trong Chu Dịch Xiển Chân ta thấy có một hình Cổ Lạc Thư như sau:

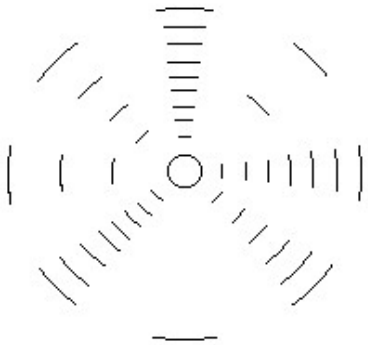

Đồ hình này làm ta mường tưởng đến cách cấu tạo của nguyên tử với nhân ở chính giữa và các quĩ đạo điện tử ở bên ngoài. Nhưng dĩ nhiên hình này không phải là chính thống.

Ta vẽ lại sự diễn tiến từ Hà Đồ sang Lạc Thư như sau:

(a)

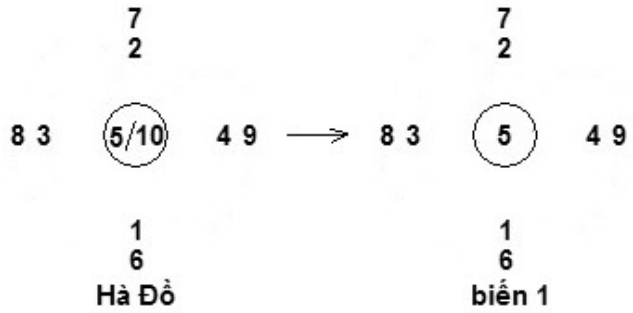

(b)

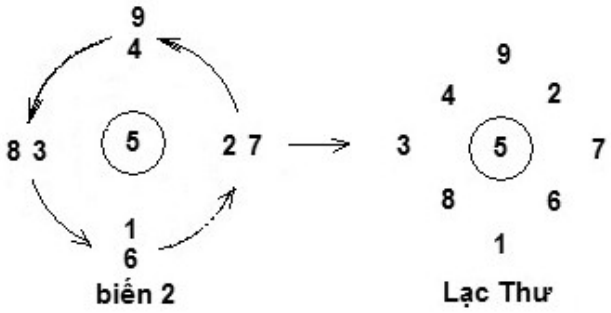

(Ta thấy các số chẵn sung vào bốn hướng phụ, còn 4 số lẻ ở bốn phương chính.)

(c) Hà Đồ biến chuyển theo chiều Dương, chiều Ngũ Hành tương sinh.

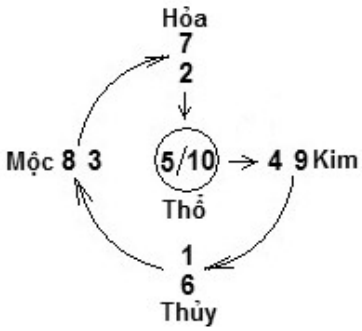

Chiều biến chuyển của Hà Đồ

(Ta có: Thổ sinh Kim; Kim sinh Thủy; Thủy sinh Mộc; Mộc sinh Hỏa; Hỏa sinh Thổ.)

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 **6** 7 8 9 | chương 1 **2** 3 4 5 6 7 8 9 10 | STK

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 6

LẠC THƯ

chương trước chương sau

Chương 3. Đại cương

Ta có thể nói được rằng Lạc Thư xuất phát từ Hà Đồ [1], nhưng có bốn điểm dị biệt quan trọng sau đây:

1. Mất số 10 ở giữa.

2. Âm Dương không còn hòa hợp, phối ngẫu mà đã phân kỳ, chia rẽ.

3. 2 cặp số 9/4 và 7/2 đổi chỗ lẫn cho nhau [2]

4. Ở Lạc Thư, Ngũ Hành tương khắc, vận chuyển theo chiều Âm. Ở Hà Đồ, Ngũ Hành tương sinh, vận chuyển theo chiều Dương.

Chiều biến chuyển của Lạc Thư.

(Ta có: Thổ khắc Thủy; Thủy khắc Hỏa; Hỏa khắc Kim; Kim khắc Mộc; Mộc khắc Thổ.)

Lạc thư vì thiếu số 10, nên chỉ còn có chín số; hơn nữa vì Âm Dương phân kỳ, Hỏa Kim điên đảo, nên Lạc Thư tượng trưng cho thế giới hữu hình, vạn tượng vạn hữu, thế giới thực tại, lấy nghịch cảnh biến thiên để đoàn luyện vạn vật.

Các số Lạc Thư tổng cộng là 45.

Các số Hà Đồ tổng cộng là 55.

Mà 45 + 55 = 100

Số 100 vốn tượng trưng vạn tượng, vạn hữu. [3]

Như vậy ta càng thấy rõ cả Hà Đồ lẫn Lạc Thư mới đủ tượng trưng cho vạn tượng vạn hữu, từ thế giới vô hình đến thế giới đến thế giới hữu hình.

Hà Đồ tượng trưng cho thế giới tâm thần, nội tâm, nội cảnh. Lạc Thư tượng trưng cho thế giới vật chất ngoại cảnh, cho xã hội bên ngoài.

Vì thế, các bậc tiên hiền nhiều khi lại vẽ Hà Đồ nằm bên trong, Lạc Thư bao bên ngoài.

Người xưa cho rằng Hà Đồ, Lạc Thư có ba điểm giống nhau và hai điểm khác nhau.

Ngọc Trai Hồ thị bình rằng:

3 điểm giống nhau:

1. Hà Đồ cũng như ở Lạc Thư số 1, số 6 đều ở phía Bắc.
2. Số 3 và 8 đều ở phía Đông
3. Số 5 đều ở Trung Cung

2 điểm khác nhau:

1. Ở Hà Đồ thì số 2 và 7 ở phía Nam, còn ở Lạc Thư thì số 2 và 7 lại ở phía Tây.
2. Ở Hà Đồ thì số 4 và 9 ở phía Tây. Ở Lạc Thư trái lại 4 và 9 ở phía Nam. [4]

Tóm lại, các số Dương 1, 3, 5 không đổi vị, chỉ có các số Âm 2 và 4 mới thay đổi, lộn lạo.[5] Hà Đồ và Lạc Thư mỗi bên theo một ngả đường.

Hà Đồ sinh Tiên Thiên Bát Quái.

Lạc Thư sinh Hậu Thiên Bát Quái.

Phục Hi nhân Hà Đồ vẽ ra Tiên Thiên Bát Quái.

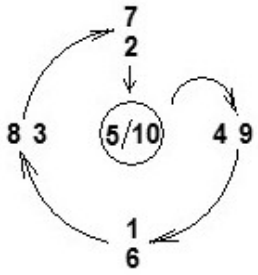

Hà Đồ

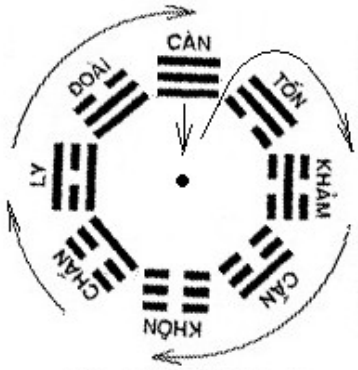

Tiên Thiên Bát Quái

(Cả hai hình đều có cùng một chiều diễn tiến)

Ở Hà Đồ ta thấy nửa bên phải, các số Dương lẻ đều ở bên ngoài, các số Âm chẵn đều ở bên trong.

Còn ở nửa bên trái, thì các số lẻ Dương lại ở bên trong, số chẵn Âm lại ở bên ngoài.

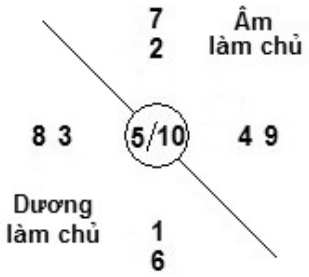

Ở Tiên Thiên Bát Quái, ta cũng thấy ở nửa bên phải các hào Âm ở bên trong, các hào Dương ở bên ngoài; Còn ở nửa bên trái, thì các hào Dương lại ở bên trong các hào Âm ở bên ngoài. Như vậy Hà Đồ và Tiên Thiên Bát Quái đã rập theo một khuôn mẫu.

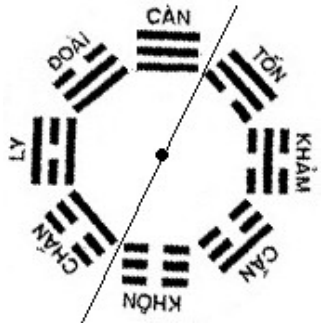

Lạc Thư liên lạc mật thiết với Hậu Thiên Bát Quái:

Hậu Thiên Bát Quái đánh số các quẻ đúng theo thứ tự Lạc Thư.

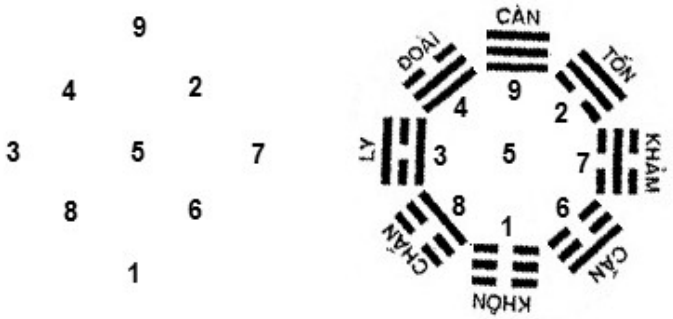

Ở Hậu Thiên Bát Quái, các quẻ theo số thứ tự sau: Nhất Khảm, nhì Khôn, tam Chấn, tứ Tốn, ngũ Trung, lục Càn, thất Đoài, bát Chấn, cửu Ly.

Thiệu khang Tiết cho rằng, người xưa nhân vòng tròn của Hà Đồ mà suy ra lịch kỷ, nhân hình vuông của Lạc Thư mà nghĩ ra cách chia châu, chia đất.

Ông nói: Tròn là hình sao, số của lịch kỷ có lẽ bắt đầu từ đó. Vuông là hình đất, những cách chia châu, chia đất có lẽ bắt chước từ đó chăng. [6]

Chúng ta sẽ trở lại vấn đề này.

Cũng như ở Hà Đồ, số quan trọng nhất của Lạc Thư vẫn là số 5. Số 5 bao gồm Trời Đất, Âm Dương Trời là 3, Đất là 2. Số 5 là số tam thiên lưỡng địa, nên chính là Thái Cực. [7]

Ngoài tâm điểm ra, Hà Đồ và Lạc Thư đều có:

Dương số: 1 + 3 + 7 + 9 = 20

Âm số: 2 + 4 + 6 + 8 = 20

Tổng cộng đều là 20

Như vậy là Âm Dương quân bình.

Lạc Thư xưa đến nay vẫn là một cái gì huyền vi, bí ẩn. Có nhiều lối cắt nghĩa Lạc Thư; nông có, sâu có tùy theo trình độ, tùy theo tâm trạng của mỗi người.

Thái Nguyên Định giải rằng: 9 số Lạc Thư tượng trưng cho các bộ phận của thần qui.

Ông viết:

Số cửu cung là:

Đội chín, đạp một

Tả ba, hữu bảy

Hai, bốn làm vai

Sáu, tám làm chân

Số năm ở giữa

Tượng hình lưng rùa. [8]

Cũng thấy có ca rằng:

Tải cửu lý nhất

Tả tam hữu thất

Nhị tứ vi kiên

Bát lục vi túc

Ngũ thập cư trung

Ỷ vu Khôn cục.

Có lẽ đó chỉ là phương pháp giúp ta nhớ phương vị các số trong Lạc Thư, chứ chưa giải thích được chi về Lạc Thư.

Một nhà bình giải Huỳnh đình Kinh cho rằng số 5 ở trung điểm là Thái Cực, Thái Nhất, 8 số bên ngoài là Bát Quái. Tất cả họp thành Cửu Cung.

Hội ý trên, ta có thể giải Lạc Thư như sau:

Số ngũ là Thái Cực. [9] Còn 8 số bên ngoài tượng trưng cho Bát Quái tức là Vạn Tượng Quần Sinh, là thế giới hiện tượng, hiện hữu.

Sự thay bậc, đổi ngôi giữa hai cặp số 9/4 (Kim) và 7/2 (Hỏa), gây nên thế bất quân bình, mà khi đã mất thế quân bình, chắc chắn biến thiên chuyển động sẽ phát sinh. Đó là một định luật khoa học. [10]

Kim Hỏa đổi ngôi gây nên điên đảo chuyển vận, cốt là để đoàn luyện muôn vật cho nên tinh toàn, ý rằng Kim để rèn, mà Hỏa để luyện. [11] Âm Dương tương khắc cốt để gây nên biến thiên.

Lạc Thư với sự đảo điên, dịch vị của Kim, Hỏa,

sự tương khắc của Âm Dương là phản ảnh chân thực về thế giới hữu hình chúng ta, một thế giới đầy đảo điên, biến hóa. Y thức như Hóa công có ý dùng nghịch cảnh để phát huy tiềm năng, tiềm lực của vũ trụ, cũng như của con người, để vạn vật và con người càng ngày càng trở nên tinh thuần, cao khiết.

Hơn nữa, Lạc Thư tuy chú trọng đến biến hóa bên ngoài, nhưng vẫn không quên khu nữu, quên Thái Cực bên trong. Và như trong Trời Đất có Thái Cực làm chủ chốt để điều hòa mọi biến thiên chuyển động, thì trong một quốc gia cũng phải có một vị Đế Vương, một vị Nguyên Thủ cầm rường mối chỉ huy.

Vì vậy mà ở Trung điểm Lạc Thư có Thái Cực, trung điểm Hồng Phạm có Hoàng Cực. Thái Cực trong Lạc Thư tượng trưng cho Trời. Hoàng Cực trong Hồng Phạm tượng trưng cho vì Thiên Tử thay Trời trị dân.

Đằng khác, có ít nhiều vị chân tu đắc đạo băng qua được các lớp lang hình tướng của vạn hữu, sống kết hợp với Thái Cực, Thái Nhất, đã mượn vị số của Lạc Thư để nói lên sự đắc đạo của mình; đại khái rằng mình đã vào được tâm điểm hoàn võ, vào được trong lòng Tạo Hóa. Tung tầm mắt bao quát tám hướng, thì thấy vạn tượng, vạn hữu triều phục, hỗ trợ chung quanh y như tay chân, vai vế; chẳng khác nào 8 số Âm Dương bao quanh số 5 Thái Cực ở giữa.

Sách Chẩm Trung Kinh viết:

Ta ở đơn phòng

Bạn ta: Thái Nhất

Tả ba, hữu bảy,

Chín trước, một sau

Hai bốn đằng vai

Tám, sáu đằng chân

Ta ở chính giữa. [12]

Mới hay Lạc Thư đã chứa đựng cả một kho tàng văn hóa, chính trị và đạo giáo. [13]

CHÚ THÍCH

[1] Tuy nhiên các học giả thường cho rằng Hà Đồ, Lạc Thư không có liên lạc gốc gác gì với nhau.

[2] Người xưa gọi thế là Kim (9/4) cư hỏa (7/2) vị. Hỏa (7/2) cư Kim (9/4) vị. — Chu Dịch Xiển Chân, trang 3b. Hay nói văn vẻ là: Kim thừa Hỏa vị, Hỏa nhập Kim hương. — Chu Dịch Đại Toàn, trang 27a.

[3] ... Hà Đồ chi số ngũ thập hữu ngũ...Lạc thư chi số, tứ thập hữu ngũ... tương hợp quát vi nhất bách chi số, vạn vật vạn tượng, chí vi, chí đại chi số, quân cùng ư thử hĩ. 河 圖 之 數 五 十 有 五... 洛 書 之 數 四 十 有 五... 相 合 适 為 一 百 之 數, 萬 物 萬 象, 至 微, 至 大 之 數, 均 窮 於 此 矣. — Nhiệm Ứng Thu - Âm Dương Ngũ Hành.

[4] Ngọc Trai Hồ thị viết: Tam đồng giả: Đồ Thư chi nhất, lục giai tại Bắc; tam bát giai tại Đông; Ngũ giả tại trung. Tam giả chi vị số giai đồng dã. Nhị dị giả: Đồ chi nhị thất tại Nam, nhi Thư tắc nhị thất tại Tây; Đồ chi tứ cửu tại Tây, nhi Thư tắc tứ, cửu tại Nam. Nhị giả chi vị số giai dị dã. 玉 齋 胡 氏 曰: 三 同 者: 圖 書 之 一, 六 皆 在 北; 三 八 皆 在 東; 五 者 在 中. 三 者 之 位 數 皆 同 也. 二 異 者: 圖 之 二 七 在 南, 而 書 則 二 七 在 西; 圖 之 四 九 在 西, 而 書 則 四 九 在 南. 二 者 之 位 數 皆 易 也 . — Chu Dịch Đại Toàn, trang 20b.

[5] Cái Dương bất khả dịch, nhi Âm khả dịch... 蓋 陽 不 可 易 而 陰 可 易 .— Chu Dịch Đại Toàn, trang 20b.

[6] Thiệu Tử viết: Viên giả tinh dã; lịch kỷ chi số kỳ triệu ư thử hồ? Phương giả thổ dã. Hoạch châu, tỉnh địa chi pháp kỳ phỏng ư thử hồ. 邵 子 曰: 圓 者 星 也; 歷 紀 之 數 其 兆 於 此 乎? 方 者 土 也. 畫 州, 井 地 之 法 其 倣 於 此 乎.— Chu Dịch Đại Toàn, trang 18a.

[7] Ta có thể nói được ở Hà Đồ thì Thái Cực là 5 + 10 = α + ω

Ở Lạc Thư thì Thái Cực là 5 = α

Còn số 10 sẽ có nhờ sự phối hợp Âm Dương bên ngoài vì:

1 + 9 = 10; 2 + 8 = 10

3 + 7 = 10; 4 + 6 = 10

Và sự thành tựu của vũ trụ chỉ có, khi nào hóa giải được hết các mâu thuẫn, đem lại được sự hòa hợp giữa mọi phần tử; chỉ khi ấy mới gọi được là 10 phân vẹn 10.

[8] Thái Nguyên định thuyết: 蔡元定說

Cửu cung chi số 九宮之數

Tải cửu lý nhất 載九履一

Tả tam hữu thất 左三有七

Nhị tứ vi khiên 二四為肩

Lục bát vi túc, 六八為足

Ngũ cư trung ương 五居中央

Qui bối chi tượng dã. 龜背之象也

Dịch Tiết Đồ Thư dẫn, Nhiệm ứng Thu, Âm Dương Ngũ Hành, trang 48, (Phụ lục: Hà Đồ, Lạc Thư thiển thuyết)

[9] Trung ngũ hựu tượng Thái Cực. 中五又象太極 .— Chu Dịch Xiển Chân (Lạc Thư).

[10] Đó là nguyên lý thứ II về nhiệt lực học của Carnot-Clausius: Nguyên lý này đại khái như sau: Năng lực chỉ có thể tác dụng khi biến động, tức là khi gặp một sự chênh lệch (gây nên bởi địa thế, nồng độ, mật độ, nhiệt độ v.v. Nói cách khác, muốn biến thiên chuyển dịch, cần mất thế thăng bằng, cần có sự chệch lệnh. Càng mất thăng bằng, càng biến thiên, càng tác động mạnh. Một động lực khi đã biến thiên tác dụng, không thể tự nhiên mà phục hồi được phong thái nguyên thủy... — Lecomte du Noüy và Học Thuyết Viễn Đích của tác giả, trang 113.

[11] Hỏa dĩ luyện chi, Kim dĩ hình chi, cố Kim cư Hỏa vị, Hỏa cư Kim vị. Kim Hỏa đồng cung, nhi vạn vật vô bất tạ lại đào dung thành tựu hĩ. 火以煉之, 金以形之, 故金居火位, 火居金位. 金火同宮, 而萬物無不藉賴陶熔成就矣 .— Chu Dịch Xiển Chân, Lạc Thư, trang 3b.

[12] Ngô cư Đơn phòng. Thái Nhất vi ngô ngẫu. Tả tam hữu thất, Tải cửu lý nhất. Nhị tứ vi ngô kiên, lục bát vi ngô túc. Ngô cư trung cung, dĩ vi phúc thực. 吾居丹房. 太一為吾偶. 左三右七. 載九履一. 二四為吾肩. 六八為吾足. 吾居中宮. 以為腹實 .— Chẩm Trung Kinh, trang 1.

[13] Le dialogue qui ouvre le Hong Fan exprime assurément l'idée que l'aménagement de l'Univers implique une répartition des choses et des hommes laquelle peut se traduire tout aussi bien par un arrangement en 9 Rubriques (Lạc Thư Hồng Phạm) que par une distribution en 5 Eléments (Hà Đồ). — Marcel Granet, La Pensée Chinoise, page 168.

... Quant au Lo Chou, le diagramme qui prétend le restituer, s'inspire des données formellement attestées dès l'époque des Han...Les 9 premiers nombres y sont disposés en carré magique (autour de 5), ainsi qu'on pourrait le prévoir pour un tableau du monde offert (par l'intermédiaire d'une tortue) à un Héros qui divisa la Terre (carrée) en 9 Régions. — Ib page 178.

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | STK

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 6

LẠC THƯ

chương trước chương sau

Chương 4. Ảnh hưởng Lạc Thư với các vấn đề quốc gia, xã hội, học thuật Trung Quốc

Lạc Thư rất quan trọng, vì đã được đem áp dụng vào nhiều lãnh vực, khoa học, chính trị, đạo giáo Trung Hoa. Cửu Phong Thái thị nói:

Hà Đồ thể tròn mà dụng vuông,

Lạc Thư thể vuông mà dụng tròn. [1]

Hà Đồ sinh bát quái. Bát quái tượng Âm Dương nên phải chẵn mới phát biểu được ý nghĩa phối ngẫu và đối trĩ.

Lạc Thư sinh Cửu Trù, mà Cửu Trù là số Ngũ Hành biến hóa, nên phải lẻ để ngụ ý vận động. [2]

Cho nên mới có các chuyện kỳ lạ là Hà Đồ thì có nhiều liên lạc với con số 6, còn Lạc Thư lại gắn bó với con số 9. Trong thiên Hà Đồ chúng ta đã thấy tầm quan trọng của số 6 trong lịch số, nay chúng ta sẽ chứng minh tầm quan trọng của số 9 trong cách phân châu, phân dã ở Trung Hoa.

1. Lạc Thư có 9 số, tượng trưng 9 cung

Một ở Trung ương làm khu nữu, chủ chốt

Tám ở chung quanh hàm ngụ ý nghĩa biến thiên, phụ bật.

Tiên Hiền Trung Quốc đã nhân Lạc Thư mà tổ chức phân phối Trời, Đất, Người như sau:

Về thiên văn, vòm trời được chia làm 9 miền gọi là Cửu Cung, hay Cửu Dã như sau:

Dương thiên	Viêm thiên	Chu thiên
Thương thiên	Quân thiên	Hạo thiên
Biến thiên	Huyền thiên	U thiên

[3]

2. Chia Trung Hoa thành 9 châu

Chiếu vào địa đồ, ta thấy vị trí các miền xưa đại khái như sau: [4]

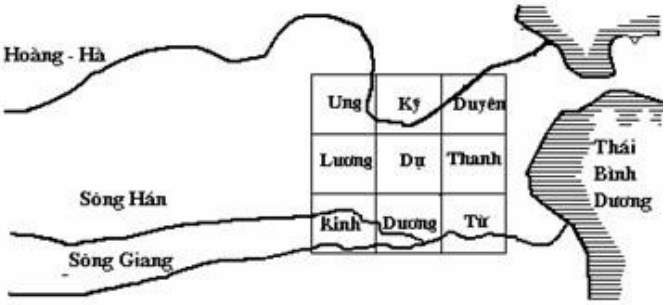

Nhờ cách phân châu, phân dã trên Trời, dưới Đất thành 9 miền, nên các nhà Thiên Văn Học Trung Hoa định được chòm sao nào chiếu vào miền nào, và mỗi khi có hiện tượng lạ trên trời, sẽ biết được miền nào dưới đất chịu ảnh hưởng.

3. Đế đô Trung Quốc được chia thành chín vùng theo kiểu Lạc Thư như sau: [5]

Khu dân cư	**Chợ**	**Khu dân cư**
Dân cư	**Vương cung**	**Xã miếu**
Khu dân cư	**Xã miếu Triều đình**	**Khu dân cư**

4. Tòa Minh Đường của nhà vua được chia thành 9 phòng như sau: [6]

Cá (là 1 khu vực)	**Minh Đường**	**Cá (là 1 khu vực)**
Thanh Dương	**Thái thất Thái miếu**	**Tổng chương**
Cá (là 1 khu vực)	**Huyền Đường**	**Cá (là 1 khu vực)**

5. Chia đất cho dân thành 9 khoảnh: Kỳ lạ hơn nữa là phép tỉnh điền tuy có từ thời vua Hoàng Đế (2697 - 2597), nhưng cũng rập theo khuôn mẫu Cửu Cung và được phân phối như sau:

Trăm mẫu		Trăm mẫu
	Công	

	điền	
Trăm mẫu		Trăm mẫu

Mỗi Tỉnh có tám nhà ở chung quanh; mỗi nhà được 100 mẫu ruộng; ở giữa là Công điền có giếng nước (Tỉnh). Tám nhà chung quanh phải góp sức làm 100 mẫu Công điền ở giữa để nộp cho nhà vua. Còn hoa lợi thì được hưởng cả. Đó là phép Triệt Điền.[7]

6. Chia não bộ con người thành 9 cung như sau: Thiên Đình, Cực Chân, Đơn Huyền; Minh Đường, Nê Hoàn: Thiên Tâm, Thái Hoàng; Động Phòng, Lưu Châu, Đế Ất. [8] Tính Mệnh Khuê Chỉ vẽ Cửu Cung trong đầu đại khái như sau: [9]

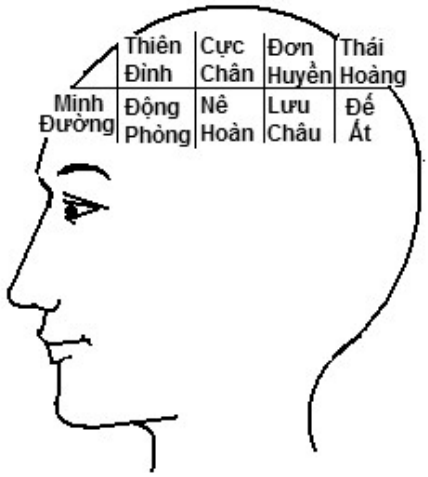

Có cái lạ là y học cổ Âu Châu cũng chia óc não và các xoang não bộ thành cung thất. Hiện nay ta còn thấy những chữ não thất 3 (3è ventricule), não thất 4 (4è ventricule) v.v... Hơn nữa chữ Thalamus theo từ nguyên cũng chính là Động Phòng. [10] Thế mới hay Cửu Cung của Lạc Thư đã trở thành nòng cốt cho công cuộc khảo sát Thiên Văn, Địa Lý, Nhân Sinh.

So lại các đồ bản: Lạc Thư, Thiên Văn, Địa Lý, Nhân Sinh, Cửu Cung, Cửu Dã, Minh Đường, Tỉnh Điền v.v..., ta thấy Trung Cung, Trung Điểm lúc nào cũng dành cho Thái Cực, hoặc là cho Thiên Tử, cho Vương Cung, Vương Điền; còn ở nơi con người thì Trung Cung tượng trưng cho Nê Hoàn hay Huyền Quan Nhất Khiếu. Như vậy Trung Điểm, Trung Cung thật là tối trọng. Suy ra, thì bất kỳ trên trời, dưới đất, trong người, đã có biến thiên, là phải có chủ chốt. Kinh Dịch cho rằng trên trời, dưới đất, trong người, chủ chốt huyền vi ấy chỉ có một: đó là Thái Cực...

CHÚ THÍCH

[1] Cửu Phong Thái Thị viết: Hà Đồ thể viên nhi dụng phương, Lạc Thư thể phương nhi dụng viên. 九峰蔡氏曰: 河圖體圓而用方, 洛書體方而用圓.— Chu Dịch Đại Toàn, trang 18a.

[2] Quải giả Âm Dương chi tượng dã. Trù giả Ngũ Hành chi số dã. 卦者陰陽之象也. 疇者五行之數也. —Chu Dịch Đại Toàn, trang 18a.

[3] Xem Từ nguyên nơi chữ Cửu Thiên. Cửu Thiên này là theo tài liệu của Lã Thị Xuân Thu. Hoài Nam tử cũng chủ trương tương tự. Sách Thái Huyền hoặc Đại Đỗng Chân Kinh lại gọi Cửu Thiên bằng những

tên khác. Đại Đỗng chú Cửu Thiên là: Thủy thanh, Thái thanh, Thủy đơn, Thái đơn, Thủy tố, Thái tố, Thủy huyền, Thái huyền, trung ương Đại Phạm... —Đại Đỗng Chân Kinh Thượng, trang 5.

[4] Cf. P. Angelo Zottoli S.I. Cursus Litteraturæ Sinicæ, Tabula 1a -Mappa ante Tcheou.

[5] Tài liệu của P. Angelo Zottoli S.J. trong quyển Cursus Litteraturæ Sinicæ,Tabula VI Agricultura.

[6] Minh Đường là nơi xưa vua ngự để thông cảm với thần minh, bắt chước vừng Dương vận chuyển để soi sáng cho trái đất, tuyên bố nguyệt lệnh, lịch kỷ v.v.. Bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, vua tùy thời mặc phẩm phục xanh, đỏ, trắng, đen, luân phiên ngự tại các cung Thanh Dương, Minh Đường đến Tổng Chương, Huyền Đường. Sau Ngày Hạ chí, vua mặc áo Huỳnh bào, vào ngự tại trung cung Thái Miếu. Như vậy theo đúng chiều Ngũ Hành tương sinh: Thanh Dương (Mộc), Minh Đường (Hỏa), Thái Miếu (Thổ), Tổng Chương (Kim), và Huyền Đường (Thủy) v.v... — Marcel Granel, La Pensée Chinoise các đoạn: Le Temps et l'Es- pace (từ trang 86-114), và đoạn Les Nombres (từ trang 49 đến 208).

[7] Phép Tỉnh Điền đã được thiết lập từ thời Hoàng Đế (2697- 2597).

- Leon Wieger, Textes Historiques, Tome I, trang 2

- Angelo Zottoli, Cursus Litteraturæ Sinicæ, Tabula VI Agricultura.

-Séraphin Couvreur, Les Annales de la Chine, page 401.

[8] Đầu hữu cửu cung, trung hữu Nê hoàn. 頭 有九 宮, 中 有 泥 丸. —Đại Đỗng Chân Kinh, trang 7a.

[9] Xem Tính Mệnh Khuê Chỉ quyển Nguyên trang 8b.

[10] Constitutio Apostolica (Munificentissimus Deus) de Pie XII... Oportebat sponsam Quam Pater desponsaverat in thalamis coelestibus habitare (Il fallait que l'épouse que le Père avait épousée habitât dans la chambre nuptiale céleste. —C.J. Jung, Réponse à Job, page 216.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 **6** 7 8 9 | chương 1 2 3 **4** 5 6 7 8 9 10 | STK

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 6

LẠC THƯ

chương trước chương sau

Chương 5. Lạc Thư và Toán học

Các số Lạc Thư xếp vào Cửu Cung thành một ma phương (carré magique).

4	9	2
3	5	7
8	1	6

Gọi là ma phương, vì ngang dọc xuôi ngược, chéo, góc, phía nào cộng lại cũng đều thành 15, hơn nữa ma phương còn biến hóa ra nhiều hình thức mới, bằng cách hoán chuyển các con số. Ví dụ ma phương trên còn có thể biến hóa như sau:

2	7	6
9	5	1
4	3	8

4	3	8
9	5	1
2	7	6

2	9	4
7	5	3
6	1	8

8	3	4
1	5	9
6	7	2

6	7	2
1	5	9
8	3	4

6	1	8
7	5	3
2	9	4

8	1	6
3	5	7
4	9	2

Ma phương có nhiều loại:

3 x 3 = 9 ô

5 x 5 = 25 ô

hoặc có: 7 x 7 = 49 ô

9 x 9 = 81 ô

27 x 27 = 529 ô v.v...

4 x 4 = 16 ô

6 x 6 = 36 ô

hoặc có: 8 x 8 = 64 ô

10 x 10 = 100 ô v.v...

Người Âu Châu và người Trung Đông cũng rất trọng ma phương. Họ gọi ma phương 9 ô là ma phương Thổ tinh (Zahal) vì chín số trong ma phương cộng lại là 45, trị số của chữ Zahal trong mẫu tự Ả Rập.

Ma phương 4x4 = 16 ô là ma phương Mộc Tinh (Jupiter); ma phương 5x5 = 25 ô là ma phương Hỏa Tinh; ma phương 6x6 = 36 ô là ma phương Thái Dương; ma phương 7x7 = 49 ô là ma phương Kim Tinh; ma phương 8x8 = 64 ô là ma phương Thủy Tinh; ma phương 9x9 = 81 ô là ma phương Thái Âm v.v... [1]

Ví dụ vài ma phương thông thường, để độc giả tiện đường khảo sát:

Ma phương 4 x 4 ô

1	15	14	4
12	6	7	9
8	10	11	5
13	3	2	16

S = 34

Ma phương 5 x 5 ô

1	18	10	22	14
20	7	24	11	3
9	21	13	5	17
23	15	2	19	6
12	4	16	8	25

S = 65

Ma phương 6 x 6 ô

1	35	4	33	32	6
12	8	28	27	11	25
24	17	15	16	20	19
13	23	21	22	14	18
30	26	9	10	29	7
31	2	34	3	5	36

S = 111

Ma phương 7 x 7 ô

46	1	2	3	42	41	40
45	35	13	14	32	31	5
44	34	28	21	26	16	6

7	17	23	25	27	33	43
11	20	24	29	22	30	39
12	19	37	36	18	15	38
10	49	48	47	8	9	4

S = 175

Ma phương 8 x 8 ô

1	63	62	4	5	59	58	8
56	10	11	53	52	14	15	49
48	18	19	45	44	22	23	41
25	39	38	28	29	35	34	32
33	31	30	36	37	27	26	40
24	42	43	21	20	46	47	17
16	50	51	13	12	54	55	9
57	7	6	60	61	3	2	64

S = 260

Người xưa coi ma phương như là linh phù và kính trọng ma phương 9 ô nhất. Người Ả Rập trọng ma phương này vì tổng số 9 ô là 1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 0 = 45, mà 45 là trị số của chữ Zahal (Thổ Tinh) trong tiếng Ả Rập.

Những người Do Thái, chuyên khảo sách Talmud, trọng ma phương này vì số 15 là trị số của chữ JAH tức là Thượng Đế. [2]

Người Á Đông trọng ma phương này vì 5 và 15 đều tượng trưng cho Thái Cực, cho Trời. Vì vậy mà Lạc Thư hay ma phương 9 ô vẫn được coi là thần bí.

Các học giả Âu Châu cho rằng ma phương Lạc Thư có liên quan đến chữ Vạn vì:

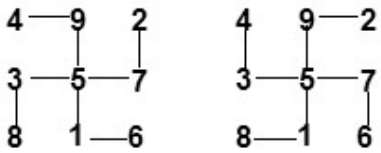

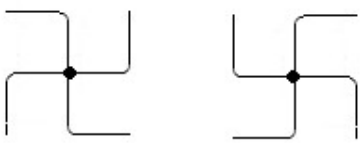

4 + 9 + 5 + 1 + 6 = 25 2 + 9 + 5 + 1 + 8 = 25

2 + 7 + 5 + 3 + 8 = 25 4 + 3 + 5 + 7 + 6 = 25

Mà 25 chẳng qua là 5^2.

Cho nên dẫu Lạc Thư hay chữ Vạn, hai bên cũng đều chỉ bản thể và hiện tượng của vũ trụ. [3]

CHÚ THÍCH

[1] Mackey's Revised Encyclopedia of Freemasonry. Vol. II, mục Magic, trang 611. -W.S. Andrews, Magic squares and cubes các trang 1, 2, 4, 13, 18, 20, 25, v.v...

[2] Mackey's Revised Encyclopedia of Freemasonry, Quyển II nơi chữ Magic trang 611.

[3] Cf. Marcel Granet, La Pensée Chinoise, page 197.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 **6** 7 8 9 | chương 1 2 3 4 **5** 6 7 8 9 10 | STK

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | STK

Phần 6

LẠC THƯ

chương trước chương sau

Chương 6. Lạc Thư và chính trị

Lạc Thư đã giúp Đại Võ và Cơ tử lập ra Hồng Phạm Cửu Trù, một hiến chương dùng để trị quốc, an bang. Từ nguyên có ghi: Hồng Phạm Cửu Trù là phương pháp đại qui mô để cai trị thiên hạ.

Hồng Phạm Cửu Trù gồm 9 chương:

1. Ngũ Hành	4. Ngũ kỷ	7. Kê nghi
2. Ngũ sự	5. Hoàng cực	8. Thứ trưng
3. Bát chính	6. Tam đức	9. Ngũ phúc

Chín chương Hồng Phạm gồm tất cả 55 tiết, ứng với số 55 của Hà Đồ. Hồng Phạm Cửu Trù là hiến chương căn bản dạy đấng quân vương cách thay Trời trị dân.

Hình vẽ dưới đây giúp ta hiểu rõ liên lạc giữa Lạc Thư và Hồng Phạm Cửu Trù:

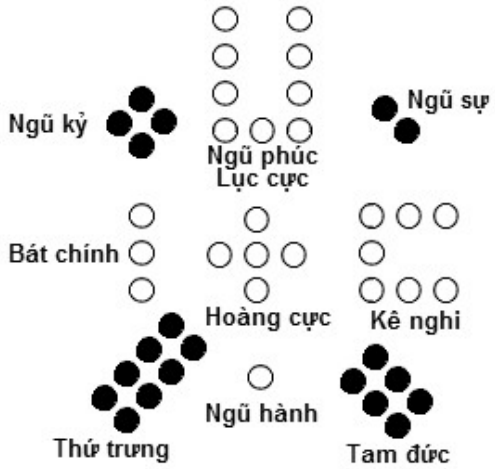

Ta có thể tóm tắt Hồng Phạm bằng những ngôn ngữ thông thường ngày nay như sau:

1. Ngũ Hành

Đấng quân vương phải am tường vật lý, phải biết khai thác hết tài nguyên của đất nước để lo cho dân

no ấm.

2. Ngũ Sự

Đấng quân vương phải biết phương pháp tu thân.

a. Giáng điệu phải nghiêm trang, kính cẩn.

b. Nói năng phải hợp lý.

c. Trông nhìn phải cho sáng suốt.

d. Nghe ngóng phải cho tinh tế.

e. Nghĩ ngợi phải cho thấu triệt.

Được như vậy, đấng quân vương sẽ trang nghiêm, oai vệ, lý sự, đàng hoàng, khôn ngoan, sáng suốt, tinh tường, mưu lược, thánh thiện, đạo đức.

3. Bát chính

Đấng quân vương phải biết phương pháp trị dân. Cương lĩnh trị dân gồm 8 điểm, trị dân là lo cho dân:

1 - No ấm

2 - Sung túc, đủ tiện nghi

3 - Có lễ nghi, tế tự

4 - Có nhà cửa, đất đai

5 - Có một nền giáo hóa hẳn hoi

6 - Khỏi bị bọn gian ác, bất lương, quấy nhiễu.

7 - Biết đường tiếp nhân, xử thế

8 - Được bảo vệ tính mạng và tài sản, thoát nạn ngoại xâm nhờ binh hùng, tướng mạnh của nhà nước.

4. Ngũ Kỷ

Đấng quân vương phải am tường ý nghĩa của Năm; Tháng; Ngày; sự vận chuyển của Nhật Nguyệt,

tinh cầu; Lịch số. Như vậy, mới có thể dạy dân biết cách điều hòa công tác cho hợp thời, hợp tiết, để được ấm no, thịnh vượng; cho trời, đất, người cùng hòa tấu một bản nhã ca thanh bình, thái thịnh.

5. Hoàng Cực

Đấng quân vương sẽ ở ngôi Hoàng Cực thay Trời trị dân. Muốn được vậy, phải có đức hạnh tuyệt vời, siêu phàm, thoát tục, xứng đáng làm môi giới giữa Trời và muôn dân.

6. Tam Đức

Thuật trị dân phải dựa vào ba đức: Chính trực, Cương, và Nhu. Nói thế, tức là muốn trị dân, chính trực chưa đủ, còn phải biết cương, nhu, quyền biến, tùy thời.

7. Kê Nghi

Đấng quân vương phải biết suy nghĩ, bàn bạc, hỏi han khi gặp trường hợp nan giải. Đứng trước một công việc trọng đại, sẽ hội ý kiến của nhà vua, của khanh sĩ, thứ dân, của Trời (bằng cách bói thi, qui). Phối kiểm lại, sẽ biết thế nào là tốt, thế nào là xấu, và tìm ra được đường lối đẹp đẽ nhất để xử sự.

8. Bát Trưng

Đấng quân vương phải nhân các điềm Trời mà soát xét lại đường lối cai trị của mình; xem tuần tiết, độ lượng gió mưa, nóng lạnh của Trời mà suy ra mình đã cai trị hay, hay dở. Lý do là vì đấng quân vương, đúng danh hiệu, sẽ cảm ứng được với Đất Trời, và hiểu được tiếng nói thầm lặng của Đất Trời, qua các biến thiên của thời tiết.

Ví dụ: Nếu thấy quanh năm mưa thuận, gió hòa, mùa màng tươi tốt rồi rào, thì biết cách cai trị dân nước đã khôn khéo, dân thịnh, nước yên. Nếu quanh năm, thời tiết gàng quải, lúa má hư hao, thì chắc là việc trị dân đã tối tăm, kém cỏi, dân suy, nước khổ.

9. Ngũ Phúc, Lục Cực

Đấng quân vương phải nhìn vào tình cảnh nhân dân để nhận định giá trị nền cai trị của mình.

Nếu cai trị hay, dân chúng sẽ hưởng được ngũ phúc: thọ, giàu, yên vui, ham chuộng nhân đức, chết già yên ổn.

Nếu cai trị dở, dân sẽ lao lung, tật bệnh, tảo vong, yểu tử, khổ sở, bất lương. Thế là lâm vòng lục cực: chết non, bệnh tật, lo buồn, nghèo khổ, tội ác, yếu ớt. Kinh Thư viết: Người xưa có lời rằng:

Con người chẳng những soi bóng nước,

Còn phải ngắm mình trước gương dân. [1]

Mục đích của nền Thiên trị theo Hồng Phạm Cửu Trù chính là để: Tạo cho mọi người dân một đời sống vật chất, đầy, đủ, một bảo đảm an ninh tối đa, một nền học vấn khả quan, một đời sống xã hội công bình trật tự, một nền giáo hóa hẳn hoi. Như vậy, mọi người đều có cơ hội và hoàn cảnh thuận tiện để tu luyện bản thân, trở nên thánh thiện, chẳng khác gì vị Thiên tử. [2]

Tổng kết lại, Hồng Phạm Cửu Trù thực là một hiến chương, một học thuyết chính trị có đầu đuôi, mạch lạc và đã được thực thi bởi các vị Thánh Vương Trung Quốc. Đó là Lạc Thư áp dụng vào phạm vi chính trị vậy. [3]

CHÚ THÍCH

[1] Cổ hữu ngôn viết: Nhân vô ư thủy giám Đương ư dân giám. 古 有 言 曰 人 無 於 水 監 當 於 民 監. — Kinh Thư, Tiểu Cáo, tiết 12.

[2] Hội kỳ hữu cực, qui kỳ hữu cực. 會 其有 極 歸 其 有 極. — Kinh Thư Hồng Phạm.

[3] Xin đọc quyển Khổng Học Tinh Hoa của tác giả, trong đó đã bàn giải cặn kẽ về Hồng Phạm Cửu Trù.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | STK

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | STK

Phần 6

LẠC THƯ

chương trước chương sau

Chương 7. Lạc Thư và phương pháp khắc kỷ tu thân qui nguyên phản bản của các Đạo gia

Các đạo gia vì chuyên lo tu luyện bản thân, nên nhân Lạc Thư mà suy ra những cơ cấu tâm linh cũng như các phương pháp hữu hiệu để sửa sang chếch mác, dở dang trong tâm hồn, ngỏ hầu qui nguyên phản bản.

Về phương diện nhận thức Triết học, các ngài dựa vào Hà Đồ, Lạc Thư, nhận định trong con người có hai phần Âm Dương. Ấy là Nhân tâm và Đạo tâm, ấy là Người và Trời.

Trời hay Đạo tâm gồm có:

1. Ngũ Nguyên: a. Nguyên tính, b. Nguyên thần, c. Nguyên tình, d. Nguyên tinh, e. Nguyên khí.

2. Ngũ Đức: a. Nhân, b. Nghĩa, c. Lễ, d. Trí, e. Tín.

Nhân tâm hay con Người gồm có:

1. Ngũ Vật: a. Du hồn, b. Thức thần, c. Quỉ phách, d. Trọc tinh, e. Vọng ý

2. Ngũ Tặc: a. Hỉ, b. Lạc, c. Nộ, d. Ái, e. Dục.

Ở Hà Đồ, 5 số chẵn bao giờ cũng kết đôi với 5 số lẻ. Các ngài suy ra rằng: trên bình diện lý tưởng, Nhân tâm và Thiên ý lúc nào cũng hợp nhất với nhau.

Tức là, Thiên nhân hợp nhất, chí thành chí thiện.

Ở Lạc Thư, trái lại các số Âm Dương, chẵn lẻ đều đứng riêng rẽ. Các ngài suy rằng: trên bình diện thực tế, nhân tâm thường xa cách với Thiên lý, gàng quải, chia phôi, y như phu thê phản mục, kẻ Nam người Bắc, quay lưng thay vì quay mặt lại với nhau.

Ở Lạc Thư, chúng ta thấy Âm Dương, Ngũ Hành tương khắc. Các ngài suy ra rằng: nhân tình, nhân dục thường chống đối, thường đi ngược lại với Thiên Chân, Thiên Lý, vì thế nên mới có cảnh đảo điên thác loạn trong trần hoàn cũng như con người.

Ở Lạc Thư, nếu chỉ quan sát vòng ngoài, ta thấy Âm khắc Dương. Các ngài suy ra rằng nhân tình, nhân dục trên bình diện thực tế đã lấn át, đã che lấp mất Thiên Lý, Thiên Chân, nên tính Trời không thể

phát huy; Ngũ Nguyên, Ngũ Đức hầu như đã thoái vị, để cho Ngũ Tặc, Ngũ Vật nhảy ra chấp chính, rông rỡ làm càn. Các ngài mô tả sự rối loạn ấy bằng đồ bản Lạc Thư sau:

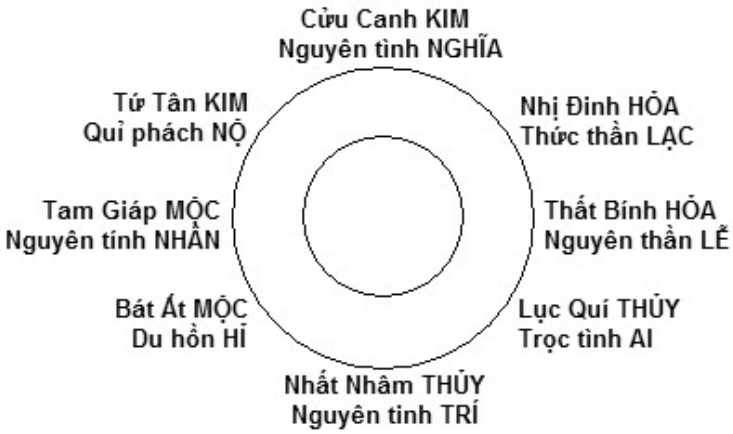

Tuy nhiên, các ngài chủ trương rằng sự thác loạn, đảo điên này vẫn có thể sửa chữa được. Ta vẫn có cách dẹp nhân tình, nhân dục, cho vừng dương thiên tính, thiên đức hiện ra với vầng hào quang ngũ sắc: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

Làm sao khắc phục được nhân dục, nhân tình?

Muốn khắc phục nhân dục, nhân tình, các Đạo gia chủ trương chỉ cần áp dụng định luật Âm Dương tương khắc. Thay vì để cho Âm khắc Dương, Âm thắng Dương như trước, ta đảo lộn tình thế, nghĩa là làm sao cho Dương khắc Âm, Dương thắng Âm.

Muốn chế ngự Ngũ Tặc, Ngũ Vật, nhân dục nhân tình, để Ngũ Nguyên, Ngũ Đức hiển dương, ta có đường lối nhất định, tuần tự hẳn hoi.

Muốn Qui Nguyên Phản Bản, điều kiện tiên quyết là phải tin tưởng mãnh liệt rằng Thái Cực hay Trời ngự trị trong tâm khảm mình. Niềm tin sâu xa vững mạnh này sẽ làm tan biến hết mọi ưu tư sầu muộn, và làm cho thần trí trở nên sáng láng. [1]

Thần trí sáng láng sẽ giúp con người phân biệt dở hay, tháo gỡ được tục lụy, không còn đắm đuối trong những thú vui vật chất hạ đẳng, mà chỉ yêu chuộng những lạc thú tinh thần cao thượng.

Khi tâm hồn đã trở nên thanh khiết, thoát tục như minh nguyệt, thanh phong, con người sẽ uy nghi, trang trọng, phong thái thần tiên dần dần hiển lộ ra. [2]

Khi đã lễ nghi trang trọng, khi phong thái thần tiên đã hiển lộ ra, tâm thần sẽ trở nên bình thản, và những sự giận hờn sẽ không còn cơ hội phát sinh. Mọi hành vi cử chỉ con người nhất nhất sẽ hợp nghĩa lý. [3]

Đời sống khi đã khuôn theo nghĩa lý, con người sẽ trở nên nhân đức, hoàn thiện. [4]Đã nhân đức hoàn thiện, nhân dục sẽ tiêu ma và con người sẽ trở về Trung Cung, phối hợp cùng Thái Cực, cùng Thượng Đế.

Đó là lẽ Phản Bản, Qui Nguyên và các lớp lang, tuần tự để tu thân, tiến đức mà các Đạo gia đã suy diễn ra từ Lạc Thư.

Các ngài mô tả sự diễn tiến của công trình Khắc kỷ phục lễ, Qui Nguyên Phản Bản bằng đồ bản Lạc Thư với các lời chú thích sau đây:

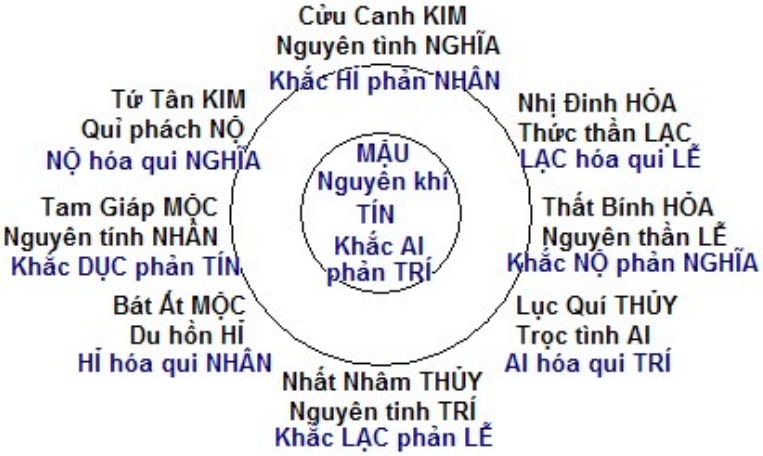

Tóm lại, đối với Đạo gia, nguyên động lực mãnh liệt nhất có thể hoán cải tâm hồn con người, đó là niềm tin vững mạnh có Thượng Đế ngự trị đáy lòng.

Chỉ khi nào nhìn nhận ra có Thượng Đế, có Thái Cực ở trong tâm khảm mình, bấy giờ con người mới có thể thực sự vươn lên, thực sự hoán cải tâm hồn để trở về kết hợp cùng Thượng Đế.

Sau khi khảo sát quan niệm của Đạo gia về Lạc Thư và cách áp dụng Lạc Thư vào công cuộc khắc kỷ, tu thân, ta thấy quan niệm ấy hoàn toàn khác biệt với quan niệm Nho Gia và các chính trị gia Trung Quốc về Lạc Thư. Nhưng sự khác biệt này chỉ có lợi cho ta, giúp ta hiểu thêm về tâm hồn con người, cũng như về phương pháp tu thân của người xưa. Mới hay Lạc Thư thực là một ma phương biến hóa khôn cùng. Mà biến hóa thế nào theo chiều hướng nào cũng thấy đầy lý sự, thích thú.

CHÚ THÍCH

[1] Thử Tín nhất phục, Mậu Thổ phát hiện, nội hữu chủ tể, vạn duyên giai không, chư lự câu tức. Tắc bất ai nhi sinh trí. Thị Mậu Thổ khắc Quí Thủy, nhi Thủy phản Dương hĩ. 此 信 一 復, 戊 土 發 現, 內 有 主 宰, 萬 緣 皆 空, 諸 慮 俱 息. 則 不 哀 而 生 智. 是 戊 土 剋 癸 水, 而 水 返 陽 矣.— Chu Dịch Xiển Chân, Lạc Thư.

[2] Trí bất Vọng dụng, vô tham vô cầu, tâm bình khí hòa, tắc lạc chân nhi hữu lễ. Trí trung xuất lễ, thị Nhâm Thủy khắc Đinh Hỏa, nhi Hỏa phản Dương hĩ. 智 不 忘 用, 無 貪 無 求,心 平 氣 和, 則 樂 真 而 有 禮. 智 中 出 禮, 是 任 水 剋 丁 火, 而 火 返 陽 矣 .— Chu Dịch Xiển Chân, Lạc Thư.

[3] Lễ bản ư trí, hòa nhi bất đồng, phi lễ bất lý, táo khí tất hóa, tắc bất nộ nhi thành nghĩa. Lễ trung xuất nghĩa, thị Bính Hỏa khắc Tân Kim, nhi Kim phản Dương hĩ. 禮 本於 智, 和 而 不 同, 非 禮 不 履, 燥 氣 悉 化, 則 不 怒 而 成 義. 禮 中 出 義, 是 丙 火 剋 辛 金, 而 金 返 陽 矣. — Chu Dịch Xiển Chân, Lạc Thư.

[4] Nghĩa bất quá thiên, thông quyền đạt biến, tuần qui đạo củ, tắc hỉ Thiện nhi tàng Nhân. Nghĩa trung sinh Nhân thị Canh Kim khắc Ất Mộc, nhi Kim phản Dương hĩ. 義 不過 偏, 通 權 達 變, 循 規 蹈 矩, 則 喜 善 而 藏 仁. 義 中 生 仁 是 庚 金 剋 乙 木, 而 金 返 陽 矣 .— Chu Dịch Xiển Chân, Lạc Thư.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | STK

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 6

LẠC THƯ

chương trước chương sau

Chương 8. Ảnh hưởng Lạc Thư trong ít nhiều nước Á Âu

Lạc Thư được truyền thụ ở cả Á lẫn Âu, không phải dưới hình thức nguyên thủy, mà dưới hình thức ma phương.

4	9	2
3	5	7
8	1	6

Ở nhiều nơi, như ở Do Thái, ở các nước Ả Rập, ma phương này được coi như là một đạo linh phù. Nhiều học giả Âu Châu bình rằng số 15 sở dĩ được người Á Đông kính trọng vì số 15 là biểu tượng Thượng Đế. 15 = JAH

Trong Lạc Thư ta nhìn phía nào cũng được 15.[1] Ở Ba Tư người ta có những kiểu vườn gọi là vườn Trung Hoa. Trong vườn có một vọng đình, để chủ nhân ra trầm tư, mặc tưởng. Vọng đình trông ra một cảnh hồ nước. Giữa hồ có một hòn đảo hình thần qui mệnh danh là Vạn Phước Sơn; trên đó có trồng nhiều hàng thông theo các số của Lạc Thư.

4	9	2
3	5	7
8	1	6

Người ta chỉ có thể từ vọng đình, quan chiêm đảo Vạn Phước, nhưng không có phương tiện để đi vào. [2] René Grousset cho rằng số 5 ở chính giữa ma phương là một con số đã được cả người Trung Hoa lẫn người Hồi Giáo và Ba Tư lưu tâm khảo cứu. [3]

Ghazali cho rằng ma phương Lạc Thư là một kỳ quan mà ông đã gặp được trong đời.

Người Nhật cũng có loại vườn Trung Hoa này, nhưng lại bắc cầu để đi vào đảo. Thực ra, người Trung Hoa vốn nghĩ rằng đảo này không phải ai cũng có thể vào. Muốn bước chân lên đảo, con người phải có phong thái đặc biệt...

Nếu ta hiểu rằng số 5 là Thái Cực, là Trời, ma phương Lạc Thư với tổng số 15 là biểu tượng của Thượng Đế thì ta sẽ hiểu tại sao hòn đảo Vạn Phước Sơn có hình ma phương lại chỉ có thể ngồi xa mà lặng ngắm, chứ không thể tới gần, tại sao hòn đảo trong hồ này lại được mệnh danh là Vạn Phước Sơn.

CHÚ THÍCH

[1] For fifteen was a sacred number among the Orientals, because the letters of the holy name Jah jy were in their numerical value equivalent to fifteen, and hence a figure in which the nine digits were so disposed as to make fifteen either way when added together perpendicularly, horizontally, or diagonaly, constitute one of their most sacred talismans. — Mackey's Revised Encyclopedia of FreeMasonry, Vol. II . Nơi chữ Winding, page 1,109.

[2] Le plus ancien type de jardin est arrivé jusqu'en Perse, mais il venait de très loin: c'est le jardin chinois. Il consiste essentiellement en une perspective plongeante que la Chine a étudiée avec beaucoup de pénétration. Le maître du jardin est assis sur une terrasse devant un lac qui porte le nom de l'eau de l'éternelle aurore au millieu duquel s'élève une île inaccessible qui s'appelle La Sainte Montagne des mille béatitudes. Cette île est plantée de pins, en signe de longévité et elle a la forme d'une tortue car cet animal singulier représente dans la légende chinoise celui qui est sorti le premier de l'océan pour enseigner la science aux hommes au moyen d'un carré magique inscrit sur son dos par les rangées des pins. — René Grousset, Henri Massé, L'Âme de l'Iran, page 95 - 96.

[3] De plus il est assez amusant de remarquer que le chiffre 5 est situé au milieu; or le 5 a toujours beaucoup intéressé les Chinois, et l'Islam et les Persans aussi d'ailleurs. Nous savons quel rôle important il a joué pour les gnostiques schiites... Ib p. 96.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 **6** 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 **8** 9 10 | STK

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 6

LẠC THƯ

chương trước chương sau

Chương 9. Hà Đồ, Lạc Thư và hai chiều xuôi ngược biến hóa của vũ trụ và của nhân loại

Như ta đã biết, Hà Đồ, Lạc Thư với một vài sự biến thiên, đảo lộn đã có hai chiều, hai hướng hoàn toàn đối nghịch với nhau.

Lạc Thư đi theo chiều nghịch kim đồng hồ mà ta có thể gọi là chiều vật chất, chiều Âm, chiều sa đọa của tinh thần, chiều thoái giảm của năng lực.

Hà Đồ đi theo chiều kim đồng hồ mà ta có thể gọi là chiều tinh thần, tức là chiều hóa giải, chiều thăng hoa . Con người lúc ấy sẽ bớt sa đọa.

Hà Đồ, Lạc Thư đã xác định một định luật quan trọng chi phối vũ trụ, quần sinh. Đó là Định luật tụ tán, tiến thoái, thăng trầm.

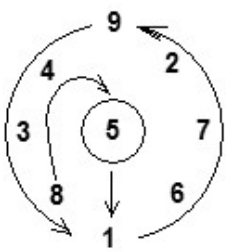

Lạc Thư

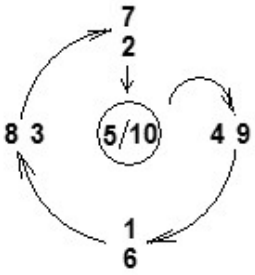

Hà Đồ

Suy ra:

1. Vũ trụ có tán (chiều Âm) có tụ (chiều Dương)

2. Vạn vật có thăng (chiều Dương) có giáng (chiều Âm) có hủy hoại rồi lại có tái sinh (chiều Dương).

3. Con người hoặc có thể tiến ra xã hội, ra ngoại cảnh để tổ chức, cải thiện xã hội ngoại cảnh, ra xác thân (chiều Âm), hoặc là có thể tiến sâu vào phía tâm thần để cải thiện, để tu luyện cho nên hoàn thiện, để tiến tới thần linh (chiều Dương).

4. Ta có thể coi chiều Lạc Thư là chiều Âm, chiều Vãng, chiều Hà Đồ là chiều Dương, chiều Lai, và

như vậy vũ trụ sẽ mãi mãi tụ tán, lai vãng, vãng lai vô cùng, vô tận để chứng minh sự hiện hữu của một nguồn sinh bất diệt. Đó là lẽ vãng lai, phản phục của trời đất. Dịch kinh viết:

Vãng lai bất cùng chi vị thông;

Vô bình bất bí; Vô vãng bất phục.

cũng không ngoài ý đó. Nhân hai chiều hai hướng của Hà Đồ, Lạc Thư ta có thể phác họa lại con đường vãng lai, phản phục của vũ trụ như sau:

Như vậy, Hà Đồ, Lạc Thư giúp ta hiểu rõ chiều hướng biến hóa của vạn vật, vũ trụ, và có liên quan mật thiết đến Dịch Kinh.

Lạ lùng thay, từ ngàn xưa, các bậc Thánh Hiền đã nhìn thấy hai chiều hướng của vũ trụ, mà mãi đến thế kỷ 20 này các Khoa Học Gia mới dần dần nhìn nhận ra được Chân lý này.

Thực vậy, suốt thể kỷ 19, các nhà Khoa Học vẫn đinh ninh rằng vũ trụ chỉ có một chiều hướng tiến hóa, và chiều hướng tiến hóa này được chi phối bởi nguyên lý Carnot-Clausius.

Theo nguyên lý này thì vũ trụ chỉ tiến theo có một chiều duy nhất là chiều suy giảm phá tán của năng lực và của tinh thần, để dần dà đi đến chỗ suy vong, ù lì, tĩnh lãng. [1] Lecomte du Noüy là một trong những nhà Khoa Học gần đây đã trực giác được hai chiều, hai hướng của vũ trụ.

Trong Quyển Con Người Trước Khoa Học (L'homme devant la Science) và quyển Tương Lai Tinh Thần (L'avenir de l'Esprit) Ông đã cố chứng minh rằng Nguyên lý Carnot không hoàn toàn chi phối được các hiện tượng sinh lý. Ông chủ trương rằng vũ trụ phải có hai chiều, hai hướng, biến dịch, tiến hóa.

Một chiều biến hóa theo các định luật vật chất, theo nguyên lý Carnot, một ngày một tiến tới bất động, ù lì, tối tăm, lạnh lẽo, hỗn loạn.

Một chiều tiến hóa theo các định luật tinh thần, một ngày một tiến tới tinh vi, kỳ ảo linh động, sáng tươi, đẹp đẽ, hòa hợp. Khi tinh thần tiến tới tinh hoa tuyệt diệu, thì vật chất sẽ tiến tới giai đoạn hỗn loạn triệt tiêu. [2]

Ô. Y Normand cũng chủ trương rằng vũ trụ biến hóa không thể theo một chiều, một hướng.

Một chiều hướng rồi ra sẽ bế tắc, phải có hai hay nhiều chiều hướng thì chuyển dịch mới linh động được. [3] Ta có thể nói được rằng hai chiều, hai hướng biến hóa của vũ trụ ngày nay đã được các Khoa Học Gia thế kỷ 20 xác nhận với phương trình: $E = mc^2$

Thế mới nay, nếu chúng ta biết cách phối kiểm nhận định của tiền nhân với các khám phá khoa học,

và triết học tiên tiến ngày nay, ta sẽ thấy các khối óc siêu việt xưa và nay luôn gặp gỡ.

CHÚ THÍCH

[1] Rappelons que le Principe de Carnot traduit la tendance le l'énergie à se dégrader ou à se dissiper, ce qui entraîne une augmentation de l'entropie, c'est à dire de l'extension spatiale de l'énergie au cours de ses transformations. — André Lamouche, La Destinée Humaine, page 49, note 16.

... L'énergie se dégrade et l'univers tend vers l'immobilité.

... C'est cette marche à sens unique toujours dans le sens de dégradation, qui justifie le nom de principe d'évolution par lequel on désigne souvent le second principe de Carnot. — Ib. page 95.

[2] Ainsi la marche de l'univers physique dans la direction d'un chaos inerte et du néant sera compensée par la progression parallèle d'un univers impondérable, celui de l'Esprit dont l'ordre et la perfection naîtraient des cendres du monde matériel. — L'homme devant la Science - L'avenir de l'Esprit, page 293.

[3] La thermodynamique de Carnot Clausius nous apprend que tout système isolé tend vers l'homogène et le statique.

La biologie nous apprend que la conjugaison de deux ou plusieurs systèmes est la source unique de toutes les nouveautés, de toutes les naissances. Les deux messages ne sont pas contradictoires, ils sont complémentaires. Un système isolé est un système tué, il n'est pas étonnant de la voir évoluer en sens inverse des systèmes vivants. — Y. Normand (Paris) Science et Avenir N^{c} 237 Novembre 1966, page 780.

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 **6** 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 8 **9** 10 | STK

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 6

LẠC THƯ

chương trước chương sau

Chương 10. Tổng luận

Khảo sát Lạc Thư, ta thấy nó có một địa vị quan trọng và một tầm ảnh hưởng lớn lao trong các lãnh vực văn hóa, chính trị, đạo giáo Trung hoa.

Các Học giả thì dựa vào Lạc Thư mà phân chia Trời Đất và đầu não con người thành 9 miền, khu, để xác định giá trị mỗi miền, và nghiên cứu ảnh hướng hỗ tương. Các bậc Thánh vương thì nhân Lạc Thư suy ra một đường lối lý tưởng để trị quốc, an bang.

Các Đạo gia thì từ Lạc thư lại suy ra được một đường lối Khắc kỷ, Tu thân, Qui Nguyên, Phản Bản.

Dựa vào các lý thuyết khoa học bây giờ, ta có thể cho rằng Hà Đồ và Lạc thư còn cho ta thấy được hai chiều, hai hướng tiến hóa xuôi ngược của hoàn võ.

Đứng về phương diện nhận thức siêu hình, Lạc Thư đã cho chúng ta thấy trong lòng vũ trụ biến thiên, điên đảo vẫn có Thái Cực, có Trời ẩn áo ngự trị, để điều khiển, hướng dẫn vạn sự vạn vật.

Như vậy, Lạc Thư đã mặc khải cho chúng ta những điều hiểu biết rất là quan trọng.

---

chương trước chương sau

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 6

LẠC THƯ

chương trước

Sách Tham Khảo

Anh văn:

* Mackey's Revised Encyclopedia of FreeMasonry

* Magic Squares and Cubes — W.S. Andrews

* The Shoo King — James Legge

La tinh:

* Cursus Litteraturæ Sinicæ — P. Angelo Zottoli

Pháp văn:

* L'Âme de l'Iran — René Grousset

* Les Annales de la Chine — Séraphin Couvreur

* L'Avenir de l'Esprit — Lecomte du Noüy

* La Destinée Humaine — André Lamouche

* L'homme devant la Science — Lecomte du Noüy

* La Pensée Chinoise — Marcel Granet

* Réponse à Job — Carl J. Jung

* Textes Historiques — Léon Wieger

Hán văn:

* Âm Dương Ngũ Hành — Nhiệm Ứng Thu

* Chẩm Trung Kinh

* Chu Dịch Đại Toàn

* Chu Dịch Xiển Chân

* Kim Đơn Đại Thành

* Kinh Lạc Học Thuyết Giản Biên — Bắc kinh Trung Y học viện biên
* Tân Nguyên Đạo — Phùng Hữu Lan
* Tính Mệnh Khuê Chỉ
* Từ Nguyên
* Uyên Giám Loại Hàm
* Văn Đạo Tử Giảng Đạo Tinh Hoa Lục

---

chương trước

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 **6** 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | **STK**

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 7

ÂM DƯƠNG

chương sau

Chương 1. Lai lịch

1. Nhà học giả Marcel Granet, trong quyển La Civilisation Chinoise, đã cho rằng: theo truyền thống Trung Hoa, thì hai chữ Âm Dương có lẽ đã được các nhà Thiên Văn Học Trung Hoa đầu tiên tạo ra. [1]

Nếu vậy thì quan niệm Âm Dương đã có ít nhất là từ thời vua Nghiêu (2357 - 2255) vì trong kinh Thư, thiên Nghiêu điển, ta thấy đề cập đến mấy nhà Thiên Văn Học như Hi Hòa, Hi Trọng, Hi Thúc. [2]

2. Ông M. Maspéro thì cho rằng tác giả Hệ Từ đã sáng tạo ra quan niệm Âm Dương. [3]

3. Nhưng nếu ta chấp nhận rằng Phục Hi (2852 - 2737) là người đầu tiên đã lập ra Bát Quái, thì ta thấy ngay rằng quan niệm Âm Dương đã được phát sinh từ khi nước Trung Hoa mới có văn, chưa có tự, nghĩa là từ khi còn dùng vạch thay chữ, tức là vào khoảng 2852 trước Công nguyên, vì ngay khi ấy ta đã thấy:

Khảo kinh Thư ta thấy hai chữ Âm Dương được dùng liền nhau trong thiên Chu Quan. Thiên này có chữ tiếp lý Âm Dương, và cho rằng công việc điều hòa Âm Dương (điều hòa trời đất) là công việc quan Tể tướng. [4]

5. Khảo Kinh Thi, ta thấy: Âm thường chỉ Trời tối hoặc có mây, hay chỗ khuất, chỗ kín.[5] Dương thường chỉ mặt trời, chỗ sáng, hoặc mầu sắc rực rỡ, hoặc tháng 10, hoặc phía Nam của núi, phía Bắc của Sông. [6]

Hai chữ Âm Dương được dùng đi đôi với nhau trong bài thơ Công Lưu, nơi thiên Đại Nhã:

Tướng kỳ Âm Dương,

Quan kỳ lưu tuyền. [7]

(Xem chỗ râm, chỗ sáng; Xem giòng nước, giòng sông...)

6. Khảo Kinh Dịch ta thấy Hệ Từ và Thuyết Quái nhiều lần đề cập đến Âm Dương, nhưng không giải

thích cặn kẽ. Trong Hệ Từ ta thấy những câu:

Nhất Âm nhất Dương chi vị đạo. (Hệ Từ thượng, chương V)

Âm Dương bất trắc chi vị thần. (Hệ Từ thượng, chươngV)

Âm Dương chi nghĩa phối nhật nguyệt. (Hệ Từ thượng, chương VI)

Dương quái đa Âm, Âm quái đa Dương. (Hệ Từ hạ, chương IV)

Kiền Dương vật dã, Khôn Âm vật dã. (Hệ Từ hạ, chương VI)

Trong Thuyết quái ta thấy những câu:

Lập Thiên chi đạo viết Âm dữ Dương. (Thuyết Quái, chương II)

Âm Dương tương bác. (Thuyết Quái, chương V)

7. Khảo Đạo Đức Kinh, ta thấy Lão Tử viết: Vạn vật phụ Âm nhi bão Dương (Vạn vật cõng Âm mà ôm Dương: nghĩa là Âm ngoài mà Dương trong)

Những sự khảo sát trên cho thấy:

1/ Quan niệm Âm Dương manh nha từ thời Phục Hi.[8]

2/ Quan niệm này thịnh hành thời Chu nhất là vào thời Lão Tử, Khổng Tử (thế kỷ 5 trước Công Nguyên).

3/ Quan niệm này thực ra đã được khai sinh do các đại hiền triết Trung Hoa chứ không phải do các nhà thiên văn học, các nhà bốc phệ, hay các âm nhạc gia như Marcel Granet đã chủ trương. [9]

CHÚ THÍCH

[1] Cf. Marcel Granet, La Civilisation Chinoise, chap. Le Yin et le Yang. p. 116.

[2] Cf. James Legge, The Shoo King, The Canon of Yaou, p. 18, 19.

[3] Cf. Marcel Granet, La Civilisatin Chinoise, p. 117, note 1.

[4] Lập Thái sư, Thái phó, Thái bảo. Tư duy tam công. Luận đạo, kinh bang, tiếp lý Âm Dương. 立 太 師, 太 傅, 太 保. 茲 惟 三 公. 論 道, 經 邦, 燮 理 陰 陽 .— Kinh Thư, Chu Quan, đoạn 5.

[5] Cf. The Chinese Classics, The Shoo King, index p. 776.

[6] Ib. p. 777.

[7] Cf. Kinh Thi, Đại Nhã, Chưng Dân, Công Lưu Vi, 5.

[8] Phục Hi dĩ tiền, bất tri như hà chiêm khảo, chí Phục Hi tương Âm Dương lưỡng cá hoạch quái thị nhân. 伏 羲 以 前, 不 知 如 何 占 考, 至 伏 羲 相 陰 陽 兩 個 畫 卦 示 人 .— Dịch Kinh Đại Toàn, trang 73a.

[9] Marcel Granet, La Pensée Chinoise, pages 116, 117.

---

chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 8

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 8

Phần 7

ÂM DƯƠNG

chương trước chương sau

Chương 2. Âm Dương và Vô Cực, Thái Cực

Sự khảo sát về Vô Cực, Thái Cực đã cho ta thấy bản thể vũ trụ là duy nhất, cho nên đối với ta, Âm Dương không phải là hai thực thể tự tại, độc lập, riêng rẽ, mà chỉ là hai chiều hai mặt, hai phương diện của một bản thể tuyệt đối.

Vô Cực, Thái Cực là lý Duy Nhất, là Bản Thể của vũ trụ; còn Âm Dương là động cơ sinh ra mọi biến thiên, chuyển động. Sự nhận định này rất quan hệ vì làm cho ta trông tỏ hai chiều hằng cửu và biến thiên của vũ trụ.

Có hay một gốc hai cành chẽ,

Mới thấy nghìn con, vạn cháu đông. [1]

Từ Vô Cực, Thái Cực bước sang lãnh vực Âm Dương tức là chúng ta đã từ lãnh vực vô vi, tuyệt đối,[2] bước sang lãnh vực hữu vi, hữu tướng, biến thiên, biến hóa. [3] Thái Cực là Đạo, là Lý, thuộc hình nhi thượng, thuộc thế giới tuyệt đối.

Âm Dương là Khí thuộc hình nhi hạ, thuộc thế giới tương đối. Thái Cực hay Đạo, Lý vĩnh cửu, vô biên. [4] Âm Dương, hay Khí, biến hóa sinh diệt vô thường, nhưng vì sự biến hóa sinh diệt ấy, luôn căn cốt vào Thái Cực, nên cũng vô cùng tận như Thái Cực. [5]

Để xác định mối tương quan giữa Tuyệt đối và Hiện Tượng; giữa Vô Cực và khí chất Âm Dương, về phương diện thời gian, ta ghi nhận mấy quan niệm then chốt của Nho gia như sau:

1/ Hễ có Lý thời có Khí, nghĩa là một khi đã có Bản Thể tuyệt đối, thì tất nhiên là đã có sự hiển dương, sống động.[6]

2/ Âm Dương, Hình Khí tuy có sinh diệt, nhưng hễ hiện tượng này diệt, thì hiện tượng kia lại sinh, như vậy vũ trụ sẽ sinh hóa vô cùng tận như Thái Cực, nghĩa là bao lâu còn có Bản thể, bấy lâu còn có sinh hóa. [7]

3/ Như thế có nghĩa là Đạo, Lý, Tuyệt Đối Thể thì vô cùng một cách tự nhiên tự tại.

Khí chất Âm Dương thì sinh sinh, diệt diệt, biến hóa vô cùng, nhưng cũng vô cùng như Tuyệt Đối Thể vì luôn lệ thuộc vào Tuyệt Đối Thể. [8]

Đó cũng là quan niệm của vua Trần Thái Tôn về Tuyệt Đối Thể trong sách Khóa Hư.

Đại khái vua Trần Thái Tôn cũng chủ trương rằng: Thực tại gồm hai phương diện: Phương diện Bản thể siêu hình thì không sinh hóa. Phương diện hiện hữu thì có sinh hóa. Cả hai đều vĩnh cửu, tuy rằng hai phương diện căn bản ấy trái nghịch mâu thuẫn.[9]

4/ Thái Cực Vô Cực siêu xuất trên thiện ác. Âm Dương biến hóa ở trong vòng thiện ác. Chu Liêm Khê nói: Thành vô vi, ki thiện ác. (Khi còn là Bản thể tĩnh lãng thời tinh toàn, khi đã ứng cơ biến hóa thời mới phân thiện ác.) chính là vì vậy. [10]

Chủ trương của Áo Nghĩa Thư cũng như của Dịch. Theo Áo Nghĩa Thư, thì Brahman đại thể gồm hai phương diện:

* Hữu hình và Vô hình,* Tử vong và Bất tử.

* Biến động và Thường trụ.

Thế tức là hai phương diện ẩn và hiện của vũ trụ, hai phương diện khinh khoát và lệ thuộc của thần trí, đều căn cốt trên Brahman duy nhất, đấng bao quát mọi phân cực và mọi mâu thuẫn. [11]

Xét về thời gian, thì Đại Thể cũng có hai phương diện là: Thời gian, và Siêu Thời gian.

Nói cách khác, Thời gian và Hằng Cửu là hai phương diện của một Nguyên Lý.

Trong Brahman, cái Hằng và cái Biến hòa hợp. Maitri Upanishad viết: Cái có trước mặt trời là vô thời và vô gián (akala). Cái bắt đầu với mặt trời, lệ thuộc thời gian và có phân bộ gián cách. [12]

Thái Cực với Âm Dương, hay Bản thể với Hiện Tượng, theo nhãn quan Phật giáo sẽ được mô tả bằng những danh từ sau:

Chân Như Bản Thể (Réalité, Être) (Natura Naturans)	Vạn Tượng Vạn Pháp (Manifestation, Phénomènes) (Êtres) (Natura naturata)

1/ Bản thể	1/ Hình thức sắc tướng
2/ Tiềm thể	2/ Hiện thể
3/ Viên giác	3/ Mê vọng
4/ Niết bàn	4/ Khổ hải, Sinh tử
5/ Nhất nhất, Như như	5/ Vạn hạnh,Vạn pháp
6/ Chân tâm	6/ Vọng tâm
7/ Vô vi	7/ Hữu vi
8/ Vô lậu	8/ Hữu lậu
9/ Vô trụ, vô trước	9/ Chấp trước
10/ Chân như môn	10/ Sinh diệt môn

11/ Cảnh giới tịch diệt	11/ Cảnh giới vô thường
12/ Lý	12/ Sự
13/ Ngã	13/ Vô ngã
14/ Thường	14/ Vô thường
15/ Tịnh độ	15/ Uế độ
16/ Giải thoát	16/ Phiền trược
17/ Không	17/ Sắc
18/ Bồ đề	18/ Phiền não
19/ Trùng dương	19/ Ba lãng
20/ Bình đẳng giới	20/ Sai biệt giới
21/ Tuyệt đối, Tuyệt đối giới	21/ Tương đối, Tương đối giới
22/ Chân	22/ Giả v.v...

Sau hết, để cho cái nhìn viên dung về Thái Cực và Âm Dương, ta nên có nhận xét như sau:

Triết Gia Trung Quốc không phải phân để mà phân, nhưng phân rồi, lại cốt để hợp. Cho nên chỉ tách Âm Dương khỏi Thái Cực về phương diện Khí, nhưng lại không tách biệt Âm Dương khỏi Thái Cực về phương diện Lý.

Nói cách khác, nếu coi Âm Dương là Khí, là biểu thị cho hai trạng thái động, tĩnh của một khí, thì lúc ấy Âm Dương thuộc Hình nhi hạ. [13]

Còn, nếu coi Âm Dương là Lý tiêu trưởng, doanh hư động tĩnh của vũ trụ, thì lúc ấy Âm Dương lại thuộc về Hình nhi thượng, và Lý động (Dương) và Lý tĩnh (Âm) chính là hai phương diện của Thái Cực. [14]

CHÚ THÍCH

[1] Tu tri nhất bản năng song cán, Thủy tín thiên nhi dữ vạn tôn. 須 知 一 本 能 雙 幹, 始 信 千 兒 與 萬 孫 . — Dịch Kinh Đại Toàn, trang 35b.

[2] Cố Thái Cực tất duy nhất, tất tuyệt đối. 故 太 極 必 惟 一 必 絕 對 .— Xem Tạ Vô Lượng, Trung Quốc Triết học Sử V, đệ tam biên thượng, đệ thập nhất chương, trang 59.

[3] Nhất Âm, nhất Dương giao nhi thiên chi dụng tận chi hĩ. Nhất Nhu, nhất Cương giao nhi địa chi dụng tận chi hĩ. 一 陰 一 陽 交 而 天 之 用 盡 之 矣. 一 柔 一 剛 而 地 之 用 盡 之 矣. — Tạ Vô Lượng, Trung Quốc Triết Học Sử V, đệ tam biên thượng, đệ tứ chương, trang 15.

[4] Đạo vi Thái Cực. 道 為 太 極 .— Tạ Vô Lượng, Trung Quốc Triết Học Sử V, đệ tam biên thượng, đệ tứ chương trang 15.

[5] Ký thụ hình khí, tự nhiên hữu suy diệt chi thời... 既 受 形 氣 自 然 有 衰 滅 之 時 .— Tạ Vô Lượng, Trung Quốc Triết Học Sử V, đệ tam biên thượng, đệ thập nhất chương, trang 60.

[6] Hựu luận Lý, Khí chi tiên hậu viết: Lý khí bản vô tiên hậu khả ngôn. Nhiên tất dục suy kỳ sở tòng lai, tắc tu thuyết tiên hữu thử lý, nhiên Lý hựu phi biệt vi nhất vật, tức tồn hồ thị khí chi trung. Vô thị khí tắc thị Lý diệc vô quải thập xứ. 又 論 理 氣 之 先 後 曰: 理 氣 本 無 先 後 可 言. 然 必 欲 推 其 所 從 來, 則 須 說 先 有 此 理, 然 理 又 非 別 為 一 物, 即 存 乎 是 氣 之 中. 無 是 氣 則 是 理 亦 無 掛 拾 處 ..— Tạ Vô Lượng, Trung Quốc Triết Học Sử V, đệ tam biên thượng, đệ thập nhất chương trang 57.

[7] Thiên địa nhất nguyên nhi nhất canh, nhiên nguyên chi chung tức vi thần chi thủy. Chu nhi phục thủy, vãng phục vô tế... 天 地 一 元 而 一 更, 然 元 之 終 即 為 辰 之 始. 周 而 復 始, 往 復 無 際 .— Tạ Vô Lượng, Trung Quốc Triết Học Sử V, đệ tam biên thượng, đệ ngũ chương trang 61.

[8] Lý thị năng sinh, khí thị sở sinh. Năng sinh giả sinh sinh bất cùng, cố khí tự nhiên bất cùng. 理 是 能 生 氣 是 所 生 . 能 生 者 生 生 不 窮 , 故 氣 自 然 不 窮 . — Tạ Vô Lượng, Trung Quốc Triết Học Sử, đệ tam biên thượng, đệ thất chương, trang 35.

[9] Nguyên phù tứ đại bản vô, ngũ uẩn phi hữu do không khởi vọng, vọng thành sắc, sắc tự chân không, thị vọng tòng không, không hiện vọng, vọng sinh chúng sắc. Ký bối vô sinh vô hóa, vĩnh vi hữu hóa hữu sinh. Vô sinh hóa tắc vô hóa vô sinh, hữu hóa sinh cố hữu sinh hữu hóa. 原 夫 四 大 本 無 , 五 蘊 非 有 由 空 起 妄, 妄 成 色, 色 自 真 空, 是 妄 從 空, 空 現 妄, 妄 生 眾 色 . 既 背 無 生 無 化 . 永 為 有 化 有 生 . 無 生 化 則 無 化 無 生, 有 化 生 故 有 生 有 化 .— Xem bài Triết lý Nhân Bản trong sách Khóa Hư, đăng trong Văn Hóa Á Châu, tháng 9, 1959 số 18 trang 1 và 2.

[10] Xem Trần Trọng Kim, Nho giáo II, trang 121.

[11] Comme on le sait, les Upanisads distinguent deux aspects de Brahman, de l' Être Universel: le corporel et l'incorporel, le mortel et l'immortel, le fixe (sthita) et le mobile etc...(Brhadaranyaka - Upanisad, ii, 3, 1). Ce qui revient à dire qu'aussi bien l'univers dans ses aspects manifeste et non-manifeste, que l'Esprit dans ses modalités de non-conditioné et de conditioné, reposent dans l'Unique, dans le Brahman, qui cumule toutes les polarités et les oppositions. — Mircéa Iléade, Images et Symboles, 96.

[12] Or le Maitri Upanisad (VII, II, 8) en précisant cette bipolarité de l'Être Universel sur le plan du Temps, distingue les deux formes (dve rupe) de Brahman (cad les aspects des deux natures) (dvaitibhâva) d'une seule essence (tad ekam) comme Temps et Sans Temps (kâlc-cakalac-ca). En d'autre mots, le Temps comme l'Éternité sont les deux aspects du même principe: dans le Brahman, le nunc fluens et le nunc stans, coincident. Le Maitri Upanisad continue: Ce qui précède le Soleil est Sans-Temps (akâla) et non-divisé (akala), mais ce qui commence avec le Soleil est le temps qui a des parties (sakata) et sa forme est l'Année... — Mircéa Iléade, Images et Symboles, 96.

[13] Động tĩnh Âm Dương giai thị hình nhi hạ giả. 動 靜 陰 陽 皆 是 形 而 下 者 . —Chu Hi, Toàn Thư, q 49.

[14] Âm Dương cố thị hình nhi hạ giả, nhiên sở dĩ nhất Âm nhất Dương giả, nãi thị lý, hình nhi thượng giả dã. 陰 陽 故 是 形 而 下 者, 然 所 以 一 陰 一 陽 者, 乃 是 理, 形 而 上 者 也 .

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 **7** 8 9 | chương 1 **2** 3 4 5 6 7 8

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 7

ÂM DƯƠNG

chương trước chương sau

Chương 3. Quan niệm Âm Dương

Quan niệm Âm Dương thoạt nhìn thì giản dị, nhưng càng suy khảo càng thấy khúc mắc, khó khăn.

Cho nên, muốn hiểu rõ Âm Dương, ta sẽ khảo cứu Âm Dương dưới nhiều khía cạnh.

1. Ta có thể coi Âm Dương không phải là hai thực thể riêng rẽ đối lập, mà chỉ là hai chiều hai mặt của một Thực thể duy nhất.

2. Ta cũng có thể coi Âm Dương như hai thực thể riêng rẽ có nhiều loại tác dụng trên nhau.

3. Ta có thể khảo Âm Dương trên phương diện Tiên Thiên.

4. Ta có thể khảo Âm Dương trên phương diện Hậu Thiên. Mỗi quan điểm, mỗi khía cạnh nói trên sẽ cho ta những nhận định khác nhau về Âm Dương.

1. Âm Dương, hai chiều hai mặt của một thực thể duy nhất

Nếu ta khảo sát Âm Dương trên giòng biến Dịch chuyển hóa, thì ta có thể coi Âm Dương như là hai chiều, hai mặt của một thực thể duy nhất. [1]

Chu Hi viết: Âm Dương tuy là hai chữ, nhưng lại chỉ là một Khí tăng giảm, một tiến một thoái, một sút một lớn; khi tiến thì là Dương, khi thoái thì là Âm; khi tăng trưởng thì là Dương, khi giảm thiểu thì là Âm. Chỉ nguyên có một Khí giảm hay tăng mà tạo nên muôn vạn sự trong trời đất từ xưa tới nay. Cho nên gọi Âm Dương là một cũng được, mà là hai cũng được. [2]

Gần đây bên phía trời tây, Teilhard de Chardin cũng viết: Vật chất và tinh thần không phải là hai thực thể, mà là hai trạng thái, hai phương diện của một Bản Thể vũ trụ, tùy như ta nhìn theo chiều sinh, hay chiều diệt, chiều tăng, hay chiều giảm. [3]

Trương Tải viết: Không có Hai đứng ra, thời Một không trình hiện, thời công dụng của Hai cũng chẳng còn. Hai thể là hư và thực, động và tĩnh, tụ và tán, thanh và trọc, nhưng suy cho cùng thì cũng là một vậy... Một vật mà hai thể là Khí. Một nên là Thần, Hai nên là Biến hóa. [4]Có Hai thì có Một, ấy là Thái

Cực vậy... Một vật là hai thể, ấy gọi là Thái Cực ư? [5]

Như vậy đối với Trương Tải, thời Âm Dương chính là hai phương diện của một thực thể duy nhất. Chu liêm Khê viết: Vô Cực rồi Thái Cực. Thái Cực động nên sinh Dương, động cực rồi lại tĩnh; tĩnh nên sinh Âm. Tính cực rồi lại động trở lại. Một động, một tĩnh, làm căn cơ lẫn cho nhau; phân Âm, phân Dương, nên Lưỡng Nghi lập vậy. [6]

Tóm lại, chúng ta thấy rằng các Triết gia Trung Hoa không bao giờ cho rằng Âm Dương là hai thực thể riêng biệt thực sự, mà trái lại có liên lạc mật thiết với nhau, cái nọ có thể sinh ra cái kia, cái kia có thể biến thành cái nọ...

Dịch Kinh rất trọng Âm Dương. Đầu Thượng kinh để hai quẻ Kiền, Khôn. Đầu Hạ kinh để hai quẻ Hàm, Hằng.

Kiền, Khôn ở Thượng kinh còn tách rời nhau để định vị, để phân tôn ti.

Nhưng ở Hạ kinh, thời Sơn (Dương), Trạch (Âm) hòa hợp nhau (Sơn Trạch thông khí) để thành quẻ Hàm; Phong (Âm), Lôi (Dương) tăng cường lẫn nhau (Phong Lôi tương bác) để thành quẻ Hằng.

Ở Thượng kinh, Kiền, Khôn là khí hóa chi thủy (khí trời khí đất bắt đầu biến hóa) thời Thoán truyện quẻ Kiền lại có 4 chữ phẩm vật lưu hình.

Ở Hạ kinh, Hàm là hình hóa chi thủy (hình hài bắt đầu biến hóa) thời lại có 4 chữ nhị Khí cảm ứng. Ý muốn nói Hình và Khí, Âm và Dương không hề rời nhau.

Thoán truyện quẻ Kiền đề cập đến chữ Tính, Thoán truyện quẻ Hàm đề cập đến chữ Tình. Thoán truyện quẻ Phục nói đến Thiên địa chi tâm, Thoán truyện quẻ Hàm nói đến Nhân tâm.

Thế là Tính, Tình không hề rời xa nhau; Trời, Người chẳng hề xa nhau, Hình Khí chẳng hề xa nhau. Âm Dương có hòa hài, thì vạn vật mới sinh. Trong nhân quần, Âm Dương có hòa hài, thì nhân luân mới có cơ bền vững, xã hội mới có cơ thanh bình.

Ngoài vũ trụ, Âm Dương là Đất Trời; trong nhân quần Âm Dương là nam nữ. Vũ trụ là một từ trường bao la, nhân quần là một từ trường rộng lớn. Vạn vật hấp dẫn, cảm ứng nhau không ngừng, nên mới có được thế giới ngày nay.

Vạn vật cũng như con người không thể sống riêng rẽ, cũng không phải sinh ra để mà chống đối lẫn nhau, nhưng chính là để cộng tác, hòa hài cùng nhau.

Vì thế người xưa mới nói: Cô Âm tắc bất sinh, Cô Dương tắc bất trưởng, cố Thiên Địa phối dĩ Âm Dương. Nam dĩ nữ vi thất, nữ dĩ nam vi gia, cố nhân sinh ngẫu dĩ phu phụ. Âm Dương hòa nhi hậu vũ trạch giáng; phu phụ hòa nhi hậu gia đạo thành.

Tạm Dịch:

Cô Âm, không thể sản sinh,

Cô Dương, không thể hoa vinh, xương phồn.

Cho nên Trời Đất đôi đàng,

Hòa hài, chẳng có quải gàng khi nao.

Trai thời tìm gái tất giao,

Gái mong chắp nối tơ đào với trai.

Cho nên từ có loài người,

Gái trai phối ngẫu, nên đôi vợ chồng.

Âm Dương, Trời Đất hòa đồng,

Rồi ra vũ trạch, non sông ơn nhờ,

Vợ chồng chắp nối duyên tơ,

Rồi ra gia đạo có cơ vững vàng.

Như vậy thời Dịch kinh cho rằng nhờ có khí Trời, khí Đất hòa hài, nên vạn vật mới có thể hóa sinh, trưởng dưỡng; nhân quần có hòa hài, thì xã hội mới có cơ thanh bình, thịnh trị.

Dịch chủ trương hòa hợp chứ không chủ trương chia ly; Dịch đề cao sự giao hòa, chứ không cổ súy sự mâu thuẫn, chống đối. Những mâu thuẫn mà ta tưởng là thấy có ở trong hoàn vũ này chỉ là những mâu thuẫn phiến diện, nhưng suy cho cùng đó chỉ là một sự phân công, để mỗi đằng lo chu toàn về một phương diện, để lúc hòa hợp lại sẽ có một sự hoàn hảo toàn bích.

Thoán truyện quẻ Khuê viết:

Đất Trời đôi ngả phân phôi,

Nhưng mà công việc, thời thôi một vành.

Gái trai, đôi ngả phân trình,

Nhưng mà ý chí, tâm tình cảm thông.

Muôn loài, cách biệt giống giòng,

Nhưng mà công việc cũng không quải gàng.

Sự đời, ngang trái, dở dang,

Mà dùng nên chuyện, ấy trang hiền tài...

2. Âm Dương hai thực thể riêng rẽ có nhiều loại tác dụng trên nhau

Tuy nhiên, nếu ta tạm quên thời gian, tạm quên mọi cuộc biến hóa, thì ta thấy như Âm Dương là hai thực thể đối đãi nhau, tách biệt nhau, tuy vẫn có liên lạc với nhau về phương diện cơ cấu, cũng như về phương diện tác dụng.

Các Triết gia Trung Quốc đại khái cho rằng:

1/ Trong Âm có Dương, trong Dương có Âm.

2/ Âm cực sinh Dương, Dương cực sinh Âm.

3/ Âm có thể biến thành Dương, Dương có thể biến thành Âm.

4/ Cô Dương bất sinh, Cô Âm bất hóa. Nói cách khác Âm Dương riêng rẽ, cô lập thì không làm nên công chuyện gì.

5/ Âm Dương phải tác dụng trên nhau mới sinh ra mọi cơ vi biến dịch.

Những tác dụng giữa Âm và Dương rất là đa đoan, phức tạp. Ta có thể ghi nhận ít nhiều hình thức tác dụng chính như sau:

1/ Tương thừa (invasion réciproque)

2/ Tương khắc (Antimonie ou antagonisme)

3/ Tương chế (Inhibition)

4/ Tương hóa (Catalyse réciproque)

5/ Tương thành (Réalisation réciproque)

6/ Kế tục luân phiên nhau (Alternance)

7/ Tương sinh (Génération réciproque)

8/ Tương hại (Destruction réciproque)

9/ Phản phúc (Bouleversement ou Révolution)

10/ Tương giao (Échange)

11/ Bất tương giao (Indifférence)

12/ Thắng (Dominance)

13/ Phụ (Récession)

14/ Tương đãng (Recouvrement réciproque)

15/ Phục (Latence)

16/ Khởi (Manifestation) v.v...

Cho nên, nếu chúng ta chỉ nói là Âm Dương mâu thuẫn chống đối nhau thì thiệt là thiếu sót; hoặc cô Âm, cô Dương (duy vật, duy linh) thì cũng hết sức chủ quan, không bao quát được hết thực tại...

Suy cho cùng, thì muốn hiểu về Âm Dương, phải hiểu nhẽ đối đãi trong Trời Đất.

Đối đãi là hai chiều, hai hướng, hai cực, hai trạng thái đối đỉnh, đối lập nhau. Vũ trụ này đã được xây dựng trên nền móng đối đãi.

Ngay Tuyệt đối cũng có đối đãi là Tương đối. Cho nên đã có Hằng thời có Biến; đã có khiếm khuyết tất thị phải có viên mãn; đã có Vật, thế tất phải có Thần; có gian lao thế tất phải có hạnh phúc...

Thế giới tương đối chúng ta này dĩ nhiên là tràn đầy những cặp đối đãi.

Chu Hi viết: Đông Tây, trên dưới, lạnh nóng ngày đêm, sống chết đều tương phản lại nhau, và sóng đôi với nhau. Trong Trời Đất, chưa từng có vật nào lại không có cái đứng sóng đôi với mình. [7]

Như trời sinh vật, không thể sinh một mình Âm, ắt là phải có Dương, không thể sinh một mình Dương, ắt phải có Âm, ấy đều là đối đãi cả. [8]

Như vậy, nếu hiểu nhẽ Âm Dương đối đãi cho rành rẽ, hễ đã biết một, tất sẽ biết hai, biết được một phương diện, sẽ suy ngược lại, mà tìm ra phương diện đối đãi, sau đó hợp nhất cả hai phương diện lại, sẽ tìm ra được bộ mặt thực của vật thể, của vũ trụ cũng như của con người...

3. Âm Dương trên phương diện Tiên Thiên

Người xưa đã phân biệt Âm Dương Tiên Thiên và Âm Dương Hậu Thiên. Dịch Kinh Đại Toàn nơi trang 38 có câu: Vô Cực chi tiền, Âm hàm Dương dã. Hữu tượng chi hậu, Dương phân Âm dã.

Ở trong Tiên Thiên thì Âm hàm Dương, như vậy tức là Dương ở trong, Âm ở ngoài.

Ở nơi Hậu Thiên, thì dĩ nhiên là cục diện sẽ đảo ngược: Dương sẽ ở ngoài mà Âm sẽ ở trong.

Dựa vào các đồ bản Dịch trong quyển Chu Dịch Xiển Chân của Lưu nhất Minh, nhất là đồ bản Tiên Thiên Viên Đồ thường thấy trong các sách Dịch, chúng ta có thể suy diễn về Âm Dương Tiên Thiên như

sau:

Âm Dương sở dĩ sinh là do sự phân cực của một thực thể duy nhất.

Để dễ suy luận, ta hãy tưởng tượng thực thể duy nhất như một hình cầu. Như vậy sự phân cực sẽ có ba chiều hướng: Trong - Ngoài ; Trên - Dưới ; Tả - Hữu.

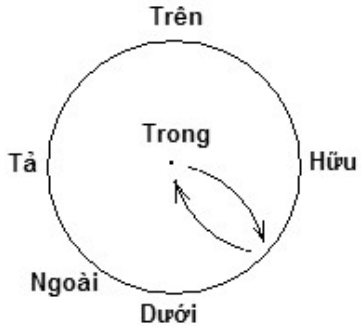

Nếu ta chấp nhận Trung Tâm Điểm của hình cầu nói trên như là nguồn gốc phát tiết ra ánh sáng và sự sống, nếu ta chấp nhận qui ước của Dịch lấy phía tả làm phía Đông, phía mặt trời mọc, phía ánh sáng; phía hữu làm phía Tây, phía mặt trời lặn, phía tối tăm; nếu ta chấp nhận khinh thanh thì bốc lên trên, trọng trọc thì lắng xuống dưới, ta sẽ gọi:

Phía trên, phía Tả, phía trong là Dương.

Phía dưới, phía Hữu, phía ngoài là Âm.

Từ trên xuống dưới, từ trái sang phải, từ trong ra ngoài là chiều Âm. Từ dưới lên trên, từ phải sang trái, từ ngoài vào trong là chiều Dương.

Như vậy ta thấy ngay được rằng cơ cấu vũ trụ cũng như cơ cấu con người, không có đồng đẳng ở mọi chiều hướng, mà trên dưới khác nhau, phải trái khác nhau, trong ngoài khác nhau, ngay trên bình diện cơ cấu và tổ chức.

Ở nơi con người, ta thấy một cách dễ dàng rằng tinh thần thời ở trên, ở trong, vật chất thời ở dưới, ở ngoài. Suy ra thì tinh thần phải qui tụ nơi đầu não con người...

Đi từ trong ra ngoài, là đi xa lìa Chân tâm, xa lìa Thượng Đế, để tiến về phía ngoại cảnh vật chất. Đó là đi theo chiều Âm, vì càng ngày tâm thần càng trở nên u tối, đối với những vấn đề siêu nhiên, thần bí; vì con người càng ngày càng trở nên thực tiễn, thực tế. Đó là những con người hướng ngoại, và tinh thần họ càng ngày càng tản mạn, phá tán. Họ sẽ chịu ảnh hưởng của lực ly tâm (force centrifuge).

Đi từ ngoài vào trong, là tiến từ vật chất trở ngược về tâm thần, để tìm về Chân tâm, tìm về Bản thể hằng cửu, tìm về Thượng Đế. Đó là chiều Dương, vì càng ngày tâm thần càng trở nên sáng suốt, dễ dàng lĩnh hội được các vấn đề siêu nhiên, vì con người càng ngày càng trở nên khinh khoát tiêu sái, lý tưởng. Đó là những con người hướng nội; họ sẽ chịu ảnh hưởng của định luật hướng tâm (force cetripète), nghĩa là tinh thần họ càng ngày càng được tập trung, càng được định tĩnh, trở nên vô trước, vô lậu.

Đi từ trong ra ngoài cũng y như đi từ các tầng trên xuống các tầng lớp dưới, đi từ trời xuống đất. Đó là trạng thái Âm càng ngày càng thắng Dương, và con người càng ngày càng trở nên sa đọa về tinh thần, tiến bộ về vật chất.

Đi từ ngoài vào trong, cũng y thức như đi từ các tầng lớp dưới lên các tầng lớp trên, đi từ đất lên trời, từ vật đến Thần. Đó là trạng thái Dương càng ngày càng thắng Âm, và con người càng ngày càng tinh tiến trên phương diện tinh thần, càng thoát ly vòng kiềm tỏa của vật chất.

Người thường cho Hữu là Dương, Tả là Âm, người tu đạo thì lại cho Tả là Dương, Hữu là Âm. Người tu

đạo như vậy sẽ đi ngược với đường lối thế nhân. Cái gì thế nhân cho là hay là phải (Dương: phải, droit, dextre, right), thì người tu đạo lại cho là dở là trái (Âm: gauche, sinistre, left, trái).

Như vậy càng thấy rõ chuyện đời tất cả đều tương đối. Nhận định về Âm Dương như trên, tuy ngược với nhận định thông thường về Âm Dương, nhưng lại giúp ta tìm ra được những định luật thiên nhiên chi phối quá trình tiến hóa của cá nhân cũng như của nhân loại.

Ở nơi cá nhân, ta thấy từ bé cho đến lớn, cho tới khi đứng tuổi, khoảng 40-45, con người thường hướng ngoại. Khi ấy con người càng ngày càng xa lìa các giá trị tinh thần, để lăn mình vào đời sống thực tiễn và vật chất.

Nhưng khi mái tóc đã hoa râm, khi đã đứng tuổi, khi mà tâm sự đã bắt đầu ngả sang thu, thì con người lại bắt đầu chuyển hướng. Lúc ấy con người lại muốn đi tìm những giá trị tinh thần, lại muốn quay trở về lòng mình để mà tu tâm, luyện tính.

Vả lại, thể chất và tinh thần chúng ta thịnh suy, tiêu trưởng theo những nhịp điệu ngược nhau.

Thể chất mới bắt đầu thì yếu đuối, nhưng theo đà tuế nguyệt, sẽ nở nang, cường tráng mãi thêm ra cho tới một cực điểm và khoảng 40-45, sau đó dần dần lại suy vi tàn tạ cho tới khi chết.

Tinh thần thì ngược lại, càng nhỏ càng thanh tao càng hùng mạnh, nhưng theo đà thời gian, tinh thần một ngày một trở nên phôi pha, tản mạn, cho tới một cực độ vào khoảng 40-45. Sau đó, nếu như biết tu luyện, tâm thần sẽ có cơ phục sinh, và phát triển cho tới khi chết. Lúc chết, chính là lúc tinh thần phải lên tới cực điểm tinh hoa. Vì thế mà, khi muốn kỷ niệm các vị Thánh Hiền, người ta thường chọn ngày các ngài viên tịch, thành đạo...

Xét lịch sử nhân loại, từ khi có văn tự, văn hóa đến nay, ta thấy nhân loại tiến dần từ những trạng thái thần linh, đến những trạng thái vật chất.

Khi mà sinh hoạt vật chất bắt đầu thịnh, thì thiên hạ lại xúm vào chê bai những sinh hoạt tâm linh cho đó là mê tín, dị đoan, lạc hậu, lỗi thời... Lúc mà sinh hoạt tâm linh thịnh, thì mọi người đều khinh chê vật chất.

Trên đà tiến về vật chất ngoại cảnh, mỗi sự thoát ly khỏi vòng ảnh hưởng tâm linh, thường được coi như là một thắng lợi, một tiến bộ. Nhưng kỳ thực, chặng đường từ tâm linh, tâm thần xuống tới vật chất, ngoại cảnh, phải được coi là một sự sa đọa, thoái hóa.

Sau này khi văn minh vật chất lên đến cực điểm, con người lại sẽ thật sự hoài vọng tinh thần, sẽ lại chuyển hướng về phía tâm linh và mỗi một hành động thoát ly khỏi sự kiềm tỏa vật chất, lại sẽ được coi là một sự vươn lên, một sự tiến bộ chân thực.

Âu cũng là câu chuyện nợ đồng lần...

Có một điều cũng nên ghi nhận là Âm luôn muốn tiến về Dương, Dương luôn muốn tiến về Âm. Vì thế mà, sống trong những tổ chức sinh hoạt tinh thần, con người thường mơ ước những lạc thú vật chất; sống trong những xã hội vật chất con người lại khao khát những lạc thú tinh thần.

Cũng vì thế mà khi còn trẻ, ta thường có những khuynh hướng vật chất, thế tục, hướng ngoại; đến lúc trở về già, ta lại có những khuynh hướng siêu nhiên, hướng nội...

4. Âm Dương trên phương diện Hậu Thiên

Bây giờ chúng ta hãy dở thư tịch Trung Hoa, xem họ nhận định về Âm Dương một cách thực tế, thực tiễn ra sao. Tạ vô Lượng viết: Dương là cứng, là mạnh, là con giai, là vua, là động, là sáng, là phía ngoài,

là giãn, là Trời, là Kiền, là mặt trời, là Thần, là ngày, là con đực, là hiển.

Âm là mềm, là yếu, là con gái, là bầy tôi, là tĩnh, là tối, là phía trong, là co, là đất, là Khôn, là mặt trăng, là Quỉ, là đêm, là con mái, là ẩn... [9]

Quỉ Cốc tử cho rằng: Dương là mở, là nói, là mọi điều hay như sống lâu, an lạc, phú quí, tôn vinh, hiển danh, đắc ý, hỉ dục v.v...

Âm là đóng, là yên lặng. Âm gồm mọi điều xấu như chết non, ưu hoạn, bần tiện, khổ nhục, vong lợi, thất ý, hình lục v.v... [10]

René Guénon, trong bài khảo luận của ông về Âm Dương, trong quyển La Grande Triade đã cho rằng:

Dương là tất cả những gì thuộc tinh thần, vì tinh thần và ánh sáng là một, còn Âm là tất cả những gì thuộc vật chất. Ông dùng từ ngữ Triết học mà cho rằng Dương là cái gì hiện hữu, Âm là cái gì tiềm ẩn. [11]

Đổng Trọng Thư, trong quyển Xuân Thu Phồn Lộ đã viết: Vật gì cũng phải có cái để hợp. Đã có hợp tức là có trên có dưới, có Tả có Hữu, có trước có sau, có trong có ngoài, có tốt có xấu, có thuận có nghịch, có vui có giận, có lạnh có nóng, có ngày có đêm, đó đều là hợp nhau vậy. Âm là để hợp với Dương, vợ là để hợp với chồng, con là để hợp với cha, tôi là để hợp với vua. Vật nào cũng có cái hợp, mà hợp là có Âm Dương... Vua là Dương, tôi là Âm; cha là Dương, con là Âm; chồng là Dương, vợ là Âm... [12]

Nhiệm Ứng Thu, trong quyển Âm Dương Ngũ Hành của ông xuất bản gần đây, tại lục địa Trung Quốc, đã nhận định về Âm Dương như sau:

Dương là một khái niệm hết sức rộng rãi, Dương là động, Âm là tĩnh; Dương là xướng, Âm là tùy; Dương là cương, Âm là nhu; Dương là ban phát, Âm là thâu nhận; Dương là thăng, Âm là giáng; Dương là trước, Âm là sau; Dương là trên, Âm là dưới; Dương là trái, Âm là phải. Tiến là Dương, thoái là Âm. Dương thời đi nhanh, Âm thời đi chậm v.v... [13]

Như vậy thì bất kỳ việc gì đã có đối đãi, lập tức có thể phân thành Âm Dương...

Tố Vấn cho rằng: Trong con người, thì ngoài là Dương, trong là Âm, bụng là Âm, lưng là Dương; tạng là Âm, phủ là Dương.

Cho nên Ngũ tạng: tâm, can, tì, phế, thận đều thuộc Âm. Lục phủ: đởm, vị, đại tràng, tiểu tràng, bàng quang, tam tiêu đều thuộc Dương. [14]

Đối với Y học Trung Hoa, thì Dương chủ khí lực; Âm chủ huyết.

Các mạch nơi cổ tay phải đều thuộc Dương:

Mạch Thốn : Phổi (Kim)

Mạch Quan : Tì (Thổ)

Mạch Xích : Thận hỏa (Hỏa)

Các mạch nơi cổ tay trái đều thuộc Âm:

Mạch Thốn : Tim (Hỏa)

Mạch Quan : Gan (Mộc)

Mạch Xích : Thận thủy (Thủy)

Người cũng chi làm ba hạng:

Dương tạng

Âm tạng

Bình tạng

Dương tạng là những người có khí lực mạnh mẽ, da nóng, mặt mũi hớn hở, tóc đen rậm và tốt, tiếng nói to, hơi thở mạnh, ăn uống dễ tiêu, tính tình nóng nảy, sống lâu... [15]

Âm tạng là những người sợ lạnh, da mát và ướt, mặt mũi hơi xanh, tóc mềm, lông thưa, người mau mệt, tiếng nói yếu ớt, hay đày hơi, hay bị tiêu chảy, lộ hầu, thịt mềm nhẽo, tính tình trầm tĩnh, v.v...

Bình tạng là những người cả hai phương diện khí huyết đều mạnh ngang nhau. [16]

CHÚ THÍCH

[1] Hữu vị thị nhất nguyên khí chi sở phát, nhi hiện vi nhị vật giả... Âm Dương nhược luận lưu hành để, tắc chỉ thị nhất cá... 有 謂 是 一 元 氣 之 所 發, 而 見 為 二 物 者 ... 陰 陽 若 論 流 行 底 則 只 是 一 個 .— Tạ Vô Lượng, Trung Quốc Triết Học Sử, đệ nhất biên thượng, đệ nhị chương, trang 35.

[2] Âm Dương tuy thị lưỡng cá tự, nhiên khước thị nhất khí chi tiêu tức, nhất tiến nhất thoái, nhất tiêu nhất trưởng; tiến xứ tiện thị Dương, thoái xứ tiện thị Âm; trưởng xứ tiện thị Dương, tiêu xứ tiện thị Âm. Chỉ thị giá nhất khí chi tiêu trưởng, tố xuất cổ kim thiên địa gian vô hạn sự lai. Sở dĩ Âm Dương tố nhất cá thuyết diệc đắc, tố lưỡng cá thuyết diệc đắc. 陰 陽 雖 是 兩 個 字, 然 卻 是 一 氣 消 息, 一 進 一 退, 一 消 一 長 , 進 處 便 是 陽, 消 處 便 是 陰. 只 是 這 一 氣 之 消 長, 做 出 古 今 天 地 間 無 限 事 來 . 所 以 陰 陽 做 一 個 說 亦 得 . 做 兩 個 說 亦 得 — Chu Hi, Toàn thư, Lý khí Âm Dương thuyết.

[3] Matière et esprit non point deux choses, mais deux états, deux faces d'une même étoffe cosmique suivant qu'on la regarde ou qu'on la prolonge dans le sens où (comme eôt dit Bergson) elle se fait ou au contraire dans le sens suivant lequel elle se défait. — De la Science à la Théologie, p. 26.

[4] Lưỡng bất lập tắc Nhất bất khả kiến. Nhất bất khả kiến, tắc Lưỡng chi dụng tức. Lưỡng thể giả, hư thực dã, động tĩnh dã, tụ tán dã, thanh trọc dã, kỳ cứu cánh nhất nhi dĩ... 兩 不 立 則 一 不 可 見.一 不 可 見 則 兩 之 用 息. 兩 體 者 虛 實 也, 動 靜 也, 聚 散 也, 清 濁 也, 其 究 竟 一 而 已 .— Chính Mông, Thái hòa.

[5] Hữu Lưỡng tắc hữu Nhất, thị Thái Cực dã. Nhất vật nhi lưỡng thể, kỳ Thái Cực chi vị dư. 有 兩 則 有 一, 是 太 極 也. 一 物 而 兩 體, 其 太 極 之 謂 歟. — Ib.

[6] Vô Cực nhi Thái Cực. Thái Cực động nhi sinh Dương; động cực nhi tĩnh, tĩnh nhi sinh Âm. Tĩnh cực phục động. Nhất động nhất tĩnh, hỗ vi kỳ căn. Phân Âm phân Dương, lưỡng nghi lập yên. 無 極 而 太 極 . 太 極 動 而 生 陽 ; 動 極 而 靜 , 靜 而 生 陰 . 靜 極 復 動 . 一 動 一 靜 , 互 為 其 根 . 分 陰 分 陽 , 兩 儀 立 焉 . — Thái Cực Đồ Thuyết.

[7] Đông Tây, thượng hạ, hàn thử, trú dạ, sinh tử, giai thị tương phản nhi tương đối. Thiên địa gian, vật vị thường vô tương đối giả. 東 西, 上 下, 寒 署, 晝 夜, 生 死, 皆 是 相 反 而 相 對. 天 地 間, 物 未 常 無 相 對 者. — Chu Hi Loại Ngữ.

[8] Xem Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê, Đại Cương Triết Học Trung Quốc II, trang 362.

[9] Dương vi cương, vi cường, vi nam, vi quân, vi động, vi minh, vi biểu, vi thân, vi thiên, vi Kiền, vi Nhật, vi

thần, vi trú, vi hùng, vi hiển. 陽 為 剛, 為 強, 為 男, 為 君, 為 動, 為 明, 為 表, 為 伸, 為 天, 為 乾, 為 日, 為 神, 為 晝, 為 雄, 為 顯 .

Âm vi nhu, vi nhược, vi nữ, vi thần, vi tĩnh, vi ám, vi lý, vi khuất, vi Địa, vi Khôn, vi Nguyệt, vi quỉ, vi dạ, vi thư, vi ẩn đẳng. 陰 為 柔, 為 弱, 為 女, 為 臣, 為 靜, 為 暗, 為 裡, 為 屈, 為 地, 為 坤, 為 月, 為 鬼, 為 夜, 為 雌, 為 隱, 等 . — Tử Đồng, Tạ Vô Lượng, Trung Quốc Triết Học Sử, đệ nhất biên thượng, đệ nhị chương, trang 34.

[10] Bãi chi giả khai dã, ngôn dã, dương dã. Hạp chi giả bế dã, mặc dã Âm dã. Âm Dương kỳ hòa, chung thủy kỳ nghĩa. Cố ngôn trường sinh an lạc phú quí, tôn vinh, hiển danh, ái hiếu, tài lợi, đắc ý, hỉ dục vi dương, viết thủy. Cố ngôn tử vong ưu hoạn, bần tiện, khổ nhục, khí tổn, vong lợi, thất ý, hữu hại, hình lục, tru phạt vi Âm viết chung. 捭 之 者 開 也, 言 也, 陽 也. 闔 之 者 閉 也, 默 也 陰 也. 陰 陽 其 和, 終 始 其 義. 故 言 長 生 安 樂 富 貴, 尊 榮, 顯 名, 愛 好, 財 利, 得 意, 喜 欲 為 陽, 曰 始 . 故 言 死 亡 憂 患, 貧 賤, 苦 辱, 棄 損, 亡 利, 失 意, 有 害, 刑 戮, 誅 罰 為 陰 曰 終 .— Tạ Vô Lượng, Trung Quốc Triết Học Sử, đệ nhất biên hạ, đệ ngũ chương. Tạp Gia, Quỉ Cốc Tử, tr. 99.

[11] Âm đích tính năng thị lãnh đích, thị tĩnh đích; Dương chi tính năng thị nhiệt đích, thị động đích... Nhất chủng thị hướng ngoại đích thôi lực, nhất chủng thị hướng nội đích lạp lực. Sở vi Dương, tựu thị hướng ngoại đích thôi lực. Sở vi Âm tức thị hướng nội đích lạp lực... 陰 的 性 能 是 冷 的, 是 靜 的. 陽 之 性 能 是 熱 的, 是 動 的... 一 種 是 向 外 的 摧 力, 一 種 是 向 內 的 拉 力.所 為 陽, 就 是 向 外 的 摧 力. 所 為 陰, 即 是 向 內 的 拉 力. — Chu Đỉnh Hành, Dịch Kinh Giảng Thoại, trang 41.

[12] Phàm vật tất hữu hợp, hợp tất hữu thượng, tất hữu hạ, tất hữu tả, tất hữu hữu; tất hữu tiền, tất hữu hậu, tất hữu biểu, tất hữu lý; hữu mỹ tất hữu ác; hữu thuận tất hữu nghịch; hữu hỉ tất hữu nộ; hữu hàn tất hữu thử; hữu trú tất hữu dạ, thử giai kỳ hợp dã. Âm giả Dương chi hợp, thê giả phu chi hợp, tử giả phụ chi hợp, thần giả quân chi hợp. Vật mạc vô hợp, nhi hợp các hữu Âm Dương... Quân vi Dương, thần vi Âm; phụ vi Dương, tử vi Âm, phu vi Dương, phụ vi Âm. 凡 物 必 有 合, 合 必 有 上, 必 有 下, 必 有 左, 必 有 右, 必 有 前, 必 有 後, 必 有 表, 必 有 裡 . 有 美 必 有 惡 , 有 順 必 有 逆 , 有 喜 必 有 怒 , 有 寒 必 有 署, 有 晝 必 有 夜., 此 皆 其 合 也 . 陰 者 陽 之 合, 妻 者 夫 之 合, 子 者 父 之 合, 臣 者 君 之 合. 物 莫 無 合, 而 合 各 有 陰 陽. 君 為 陽, 臣 為 陰, 父 為 陽, 子 為 陰, 夫 為 陽, 婦 為 陰. — Xuân Thu Phồn Lộ, Cơ Nghĩa, đệ ngũ thập tam.

[13] Xem Nhiệm Ứng Thu, Âm Dương Ngũ Hành, trang 34.

[14] Xem Nhiệm Ứng Thu, Âm Dương Ngũ Hành, trang 29.

Xem Nội Kinh, Tố Vấn.

[15] Xem Lãn Ông, Khôn Hóa Thái Chân, trang 13, 14, 15, 16 - Y Học Tùng Thư p. 206-207, Huyền Tẫn Phát Vi p. 24-27.

[16] Ib,

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 8

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 7

ÂM DƯƠNG

chương trước chương sau

Chương 4. Quan niệm Âm Dương với đời sống

Quan niệm Âm Dương đã được các Triết gia áp dụng vào đời sống hằng ngày.

1. Đổng Trọng Thư cho rằng: Dương là ân đức của Trời, Âm là hình phạt của Trời. Tuy nhiên, Trời trọng Dương mà khinh Âm, cho nên một vị quốc quân muốn làm chính trị cho hẳn hoi, phải thích thi ân bố đức hơn là dùng hình phạt để trị dân, có như vậy mới thuận thiên đạo. [1]

Ông lại cho rằng từ nguyên tắc trọng Dương, khinh Âm, ta có suy ra những khuôn phép luân lý: Đó là phải trọng nghĩa, khinh lợi. Nghĩa lý, lý tưởng thuộc về tâm thần; lợi lộc, ẩm thực thuộc về vật chất. Tâm thần trọng hơn thể chất, cho nên nghĩa trọng hơn lợi. Người nghĩa khí tuy nghèo nàn, nhưng vẫn có thể sung sướng, người giàu sang mà vô nhân bất nghĩa, chưa chắc đã bảo toàn được tấm thân. [2]

Cũng một lẽ, con người phải diệt lòng tham, thực hiện đức nhân, và phải biết kìm hãm dục tình, như vậy mới là hiểu biết lẽ cấm kỵ của trời đất. [3]

2. Văn Tử cho rằng: Âm mà tiến thì Dương phải thoái; tiểu nhân mà đắc thế, thì quân tử phải ẩn mình, đó là lẽ tự nhiên vậy. [4]

Đó cũng chính là chủ trương của Dịch.

Đại Tượng truyện của quẻ Bĩ viết: Thiên địa không giao nhau là Bĩ, người quân tử nhân đó phải che dấu tinh anh, tài đức để lánh nạn. Đừng nên cầu mong lợi lộc và cho đó là một vinh dự. [5]

Wilhelm bình Đại Tượng quẻ Bĩ như sau: Khi tiểu nhân cầm quyền, chính sự đổ nát, người quân tử có xuất đầu lộ diện, cũng không thi thố được gì ích quốc lợi dân. Vì vậy, người quân tử không nên mắc bả vinh hoa mà ra tham chánh. Ra tham chính trong trường hợp này là mưa chuốc lấy họa hại, vì mình không thể nào theo được đường lối của họ. Cho nên, giấu tài đức, ẩn dật là hơn cả.

3. Quỉ Cốc Tử cũng nhân Âm Dương mà lập ra phương pháp Bãi Hạp, tức là phương pháp Đóng Mở để áp dụng vào công cuộc du thuyết và làm chính trị.

Bãi là Mở, là Ăn nói; Hạp là Đóng, là Nín thinh. Thế tức là một nhà du thuyết phải biết lúc nào đáng

nói mới nói, lúc nào đáng yên thời phải lặng yên.

Thuyết Bãi Hạp còn chủ trương phải biết xử dụng cả hai ngẫu lực Âm Dương mới có thể thành tựu trong mọi công tác; lúc cần cao thượng lý tưởng, thì cao thượng, lý tưởng; lúc cần thực tế, tàn nhẫn, cũng có thể thực tế và tàn nhẫn. Nếu làm được như vậy, thời ra vào đâu cũng lọt, đề cập tới vấn đề gì cũng được, thực hành việc gì cũng xong xuôi.

Nên nhớ đây chỉ là phương châm mà Quỉ Cốc dạy cho những người làm chính trị.

CHÚ THÍCH

[1] Dương giả, Thiên chi đức dã, Âm giả Thiên chi hình dã... Phàm chính trị luân lý giai đương phù Dương nhi ức Âm, tức tôn đức ti hình, dĩ thuận Thiên đạo. 陽者天之德也陰者天之刑也.... 凡政治倫理皆當扶陽而抑陰, 即尊德卑刑, 以順天道.—Tạ Vô Lượng, TQTHS III, đệ nhị biên thượng, đệ tứ chương, trang 12, 13.

[2] Hựu suy Dương tôn Âm ti chi nghĩa, dụng ư luân lý, tắc quí nghĩa, tiện lợi. Cố viết: Thiên chi sinh nhân dã, sử nhân sinh nghĩa dữ lợi. Lợi dĩ dưỡng kỳ thể, nghĩa dĩ dưỡng kỳ tâm...Thể mạc quí ư tâm, cố dưỡng mạc trọng ư nghĩa. Hựu viết: Phù nhân hữu nghĩa giả, tuy bần năng tự lạc dã. Nhi đại vô nghĩa giả, tuy phú, mạc năng tự tồn. 又推陽尊陰卑之義, 用於倫理, 則貴義, 賤利. 故曰: 天之生人也, 使人生義與利. 利以養其體, 義以養其心... 體莫貴於心, 故養莫重於義. 又曰: 夫人有義者, 雖貧能自樂也. 而大無義者, 雖富, 莫能自存.—Tạ Vô Lượng, TQTHS III, đệ nhị biên thượng, đệ tứ chương, trang 13.

[3] Thân chi danh thủ chư thiên. Thiên lưỡng hữu Âm Dương chi thi, thân diệc hữu tham nhân chi tính. Thiên hữu Âm Dương cấm thân hữu tình dục nhẫm dữ thiên đạo nhất dã. Thị dĩ Âm chi hành bất đắc ư Xuân Hạ, nhi nguyệt chi phách thường yếm ư nhật quang, xạ toàn xạ thương thiên chi cấm Âm như thử, an đắc bất tổn kỳ dục nhi chuyết kỳ tình nhi ứng Thiên. 身之名取諸天. 天兩有陰陽之施, 身亦有貪仁之性. 天有陰陽禁身有情慾衽與天道一也. 是以陰之行不得於春夏, 而月之魄常厭於日光, 乍全乍傷天之禁陰如此, 安得不損其欲而輟其情而應天.—Tạ Vô Lượng, TQTHS III, đệ nhị thiên lượng, đệ tứ chương, trang 15.

[4] Âm tiến, Dương thoái; tiểu nhân đắc thế, quân tử hại, Thiên Đạo nhiên dã. 陰進, 陽退, 小人得勢, 君子害, 天道然也.— Chu Tử Văn Túy Tục Biên, quyển 8, trang 5a.

[5] Tượng viết: Thiên địa bất giao Bĩ, quân tử dĩ kiệm đức tị nạn bất khả vinh dĩ lộc. 象曰: 天地不交否, 君子以儉德辟難, 不可榮以禄. — Dịch Kinh, Bĩ quái, Đại Tượng truyện.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 8

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 7

ÂM DƯƠNG

chương trước chương sau

Chương 5. Âm Dương với y học Trung Hoa

Quan niệm Âm Dương được triệt để áp dụng trong y học Trung Hoa.

Trước đây chúng ta đã đề cập đến ba hạng người. Dương tạng, Âm tạng, Bình tạng.

Về phương diện bệnh học, người Trung Hoa cũng phân biệt Dương bệnh và Âm bệnh.

Dương bệnh là những bệnh ngoại cảm. Âm bệnh là những bệnh nội thương. Dương bệnh nhiều khi còn được gọi là thực chứng; Âm bệnh được gọi là hư chứng.

Dương bệnh cũng là những bệnh do khí lực hư hao, hoặc thận hỏa suy. Âm bệnh là những bệnh sinh ra vì huyết Dịch hư hao, hay thận thủy suy.

Khi con bệnh đã suy kiệt Dương khí, thì y học gọi là Dương thoát. Dương thoát có những triệu chứng sau đây: Mạch hầu như đã tuyệt; Tứ chi giá lạnh; Trán vã mồ hôi; Thở hắt ra; Khó thở; Nấc; Hôn mê; Lưỡi co v.v...

Khi con bệnh mà Âm suy kiệt, huyết Dịch suy kiệt, thời y học gọi là Âm hư. Âm hư có những triệu chứng sau đây: Mạch vi, mạch khẩn; Nhiệt độ cao; Mặt đỏ, Người khô đét như củi; Vật vã; Khát nước nhiều; Mê sảng.

Khi con bệnh mà khí huyết đều hao kiệt, thời Y học gọi là Âm hư Dương Thoát. Triệu chứng như sau:

- Tứ chi giá lạnh; Trán vã mồ hôi; Hôn mê, Thở như suyển, Nấc cụt.

Nguyên tắc chữa bệnh, chính là bồi bổ Âm Dương, điều hòa Âm Dương. Dương thịnh thì bổ Âm để chế bớt ánh Dương. Âm thịnh thì bổ Dương, để làm tiêu tan cái u uất cửa Âm. (Bổ thủy dĩ chế dương quang; bổ hỏa dĩ tiêu âm ế.)

Các vị thuốc cũng chia thành Âm, Dương, hay Bình vị.

Dương dược là những thuốc nóng, có hiệu lực làm gia tăng sự tiêu hóa, thúc đẩy sự hô hấp, sự tuần hoàn, bồi bổ khí lực.

Âm dược là những thuốc mát, có hiệu lực bồi bổ huyết Dịch, làm cho con người bớt nóng, bớt háo.

Những vị thuốc bình vị, là những vị thuốc hòa hoãn, vừa bổ Dương, vừa bổ Âm.

Phương dược dùng để trị liệu điều hòa Âm Dương, khí huyết có thể toát lược như sau:

a/ Trị liệu Dương khí

1 - Khi dương khí gần thoát tuyệt, người xưa thường cấp trị bằng: Nhân sâm, hoặc Quế, Phụ.

2 - Khi dương khí hao tổn, giao động vừa phải, thời dùng:

- Bài Tứ quân (để bổ khí)

- Bài Bổ Trung Ích Khí thang, hoặc Phụ Tử Lý Trung

3 - Khi dương khí, thận khí suy tổn đã lâu, thời dùng:

- Bài Bát vị

- Bài Sinh Mạch

b/ Trị liệu Âm huyết

1 - Khi huyết dịch suy tổn thời dùng: Bài Tứ Vật, bài Qui Tì.

2 - Khi thận thủy suy tổn thời dùng bài Lục Vị.

c/ Bình bổ

Muốn bình bổ cả Âm lẫn Dương, cả khí lẫn huyết, người ta dùng bài Bát Trân hay Thập Toàn...

Để nhận định được tầm quan trọng của quan niệm Âm Dương đối với Y học, ta hãy đọc một đoạn của Trương Cảnh Nhạc: Phàm chẩn bệnh trị liệu, trước hết phải thẩm định Âm Dương. Đó là cương lĩnh của Y học.

Luận về Âm Dương không sai, thời trị bệnh làm sao mà sai được? Y học tuy phiền tạp, nhưng có thể bao quát bằng một câu: Âm Dương mà thôi.

Cho nên bệnh có Âm Dương, mạch có Âm Dương, thuốc có Âm Dương. Lấy bệnh mà nói, thời bệnh bên ngoài là Dương, bên trong là Âm; nhiệt là Dương, hàn là Âm; trên là Dương, dưới là Âm; khí là Dương, huyết là Âm; động là Dương, tĩnh là Âm; nói nhiều là Dương, không nói là Âm; thích sáng là Dương, ưa tối là Âm; Dương yếu không thể thở ra, Âm yếu không thể hít vào; Dương bệnh khó cúi, Âm bệnh khó ngửa. [1]

Nói về mạch, thì mạch phù, mạch mạnh, mạch hoạt, mạch xác là Dương; mạch trầm, mạch vi, mạch nhỏ, mạch rít là Âm. Nói về thuốc thì thăng tán là Dương; liễm giáng là Âm; tấn nhiệt là Dương, khổ hàn là Âm. Chạy vào khí là Dương, chạy vào huyết là Âm; tính động mà chạy là Dương, tính tĩnh mà giữ là Âm. Đó là đại pháp trong nghề thuốc...

Dương đã mạnh còn bổ Dương, thời Dương càng bốc lên mạnh, Âm càng tiêu hao. Dương đã không đủ mà lại còn dưỡng Âm, còn dùng Âm phương, thời Âm càng thịnh, mà Dương bị diệt vong vậy.

Nếu minh biện Âm Dương thời dẫu y lý tuy huyền vi, nhưng cũng đã suy ra được quá nửa rồi vậy... [2]

CHÚ THÍCH

[1] Trương Cảnh Nhạc thuyết: Phàm chẩn bệnh, thi trị, tất tu tiên thẩm Âm Dương, nãi vi Y đạo chi cương lĩnh. Âm Dương vô mậu, trị yên hữu sai? Y đạo tuy phồn nhi khả dĩ nhất ngôn tế chi giả viết Âm Dương nhi dĩ. Cố chứng hữu Âm Dương, mạch hữu Âm Dương, dược hữu Âm Dương.

Dĩ chứng nhi ngôn, tắc Biểu vi Dương, Lý vi Âm; Nhiệt vi Dương, Hàn vi Âm; Thượng vi Dương, Hạ vi

Âm; Khí vi Dương, Huyết vi Âm; động vi Dương, tĩnh vi Âm; đa ngôn vi Dương, vô thanh vi Âm; hỉ minh giả vi Dương, dục ám giả vi Âm; Dương vi giả bất năng hô, Âm vi giả bất năng hấp; Dương bệnh giả bất năng phủ, Âm bệnh giả bất năng ngưỡng...

張 景 岳 說: 凡 珍 病, 施 治, 必 須 先 審 陰 陽, 乃 為 醫 道 之 綱 領. 陰 陽 無 謬, 治 焉 有 差? 醫 道 雖 繁 而 可 以 一 言 蔽 之 者 曰 陰 陽 而 已. 故 証 有 陰 陽, 脈 有 陰 陽, 藥 有 陰 陽.

以 証 而 言, 則 表 為 陽 裡 為 陰, 熱 為 陽 寒 為 陰, 上 為 陽 下 為 陰, 氣 為 陽 血 為 陰, 動 為 陽 靜 為 陰, 多 言 為 陽 無 聲 為 陰, 喜 明 者 為 陽 欲 暗 者 為 陰, 陽 微 者 不 能 呼, 陰 微 者 不 能 吸, 陽 病 者 不 能 俯, 陰 病 者 不 能 仰 .

Truyền Trung Lục, Âm Dương Thiên. (Trương cảnh Nhạc)

Nhiệm Ứng Thu, Âm Dương Ngũ Hành, trang 1.

[2] Dĩ mạch nhi ngôn tắc phù, đại, hoạt, xác chi loại giai Dương dã; trầm vi, tế, sáp chi loại giai Âm dã. Dĩ dược nhi ngôn, tắc thăng tán giả vi Dương, liễm giáng giả vi Âm; tân nhiệt giả vi Dương, khổ hàn giả vi Âm; hành khí phận giả vi Dương, hành huyết phận giả vi Âm. Tính động nhi tẩu giả vi Dương. Tính tĩnh nhi thủ giả vi Âm. Thử giai y trung đại pháp... Nhược Dương hữu dư nhi cánh thi Dương trị, tắc Dương dũ xí nhi Âm dũ tiêu. Dương bất túc nhi cánh dụng Âm phương, tắc Âm ích thịnh nhi Dương tư diệt hĩ. 以 脈 而 言 則 浮, 大, 滑, 數 之 類 皆 陽 也; 沉 微, 細, 濇 之 類 皆 陰 也. 以 藥 而 言, 則 升 散 者 為 陽, 斂 降 者 為 陰, 辛 熱 者 為 陽, 苦 寒 者 為 陰, 行 氣 分 者 為 陽, 行 血 分 者 為 陰, 性 動 而 走 者 為 陽, 性 靜 而 守 者 為 陰. 此 皆 醫 中 大 法 ... 若 陽 有 餘 而 更 施 陽 治, 則 陽 愈 熾 而 陰 愈 消. 陽 不 足 而 更 用 陰 方, 則 陰 益 盛 而 陽 斯 滅 矣 . — Trương Cảnh Nhạc, Truyền Trung Lục, Âm Dương thiên, Nhiệm Ứng Thu, Âm Dương Ngũ Hành, trang 1.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 **7** 8 9 | chương 1 2 3 4 **5** 6 7 8

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 7

ÂM DƯƠNG

chương trước chương sau

Chương 6. Âm Dương với thuật luyện đan hay tu tiên của đạo Lão

Bàn về Âm Dương, không thể không nói qua về khoa luyện đơn của đạo Lão.

Khoa luyện đơn của đạo Lão cũng y thức như khoa luyện đơn ở Âu Châu thời cổ, chủ trương con người là lò bát quái, để tinh luyện những huyền lực phát xuất từ Nhất đến Vạn, rồi lại Vạn về Nhất. Quay về được tới Nhất sẽ là Chân Nhân hay Thiên Nhân. [1]

Muốn hiểu khoa luyện đơn phải hiểu Dịch.

Dịch chủ trương Thái Cực sinh Âm Dương. Sau khi đã phân Cực, Âm Dương có thể phân kỳ để sinh biến hóa, nhưng cũng có thể hòa hợp lại để tái tạo thành Thái Cực. Nhân đó, khoa luyện đơn cũng cho rằng nơi con người, Đạo thể hay Bản thể cũng phân hóa thành Đạo tâm và Nhân tâm.

Nhân tâm và Đạo tâm bao lâu còn chia rẽ, bao lâu tâm hồn con người còn ngỡ rằng Đạo ở ngoài mình, ở xa mình; thì bấy lâu con người còn sống trong khắc khoải và khổ cực.

Nhưng một khi nhân tâm đã nhận thức được rằng Đạo tâm thực sự chẳng hề lìa xa mình, vẫn đã ẩn ngụ sẵn trong lòng mình, lúc ấy sẽ ra công tu luyện Nhân Tâm ngõ hầu có thể kết hợp được với Đạo tâm để trở thành một thực thể duy nhất. Nếu công phu này mà đi đến chỗ thành toàn, thì con người sẽ thực hiện được Trời, được Đạo, đã luyện xong được Kim đơn, và sẽ sống vĩnh cửu cùng trời đất.

Khẩu quyết của Đạo Lão chính là Tâm là Đạo, Đạo là Tâm. Tâm mà lìa Đạo, sẽ nhập vào lục đạo, tam đồ. Tâm cùng Đạo hợp, sẽ tạo được Bồng Lai, Tam Đảo. (Tâm tức thị Đạo; Đạo tức thị Tâm. Tâm dữ Đạo ly, tắc nhập Lục Đạo Tam Đồ. Tâm dữ Đạo hợp, tắc tạo Bồng lai, Tam đảo.) (Thái Thượng Bảo Phiệt, trang 16)

Khoa luyện đơn trở nên phức tạp, kỳ bí chính tại là thay vì dùng những danh từ như Thần, Hồn, Đạo tâm, Nhân tâm, các Đơn gia lại ưa dùng những danh từ bóng bảy, hiểm hóc, có lẽ là để đánh lạc hướng, hay ngăn chặn những người không đủ căn duyên. Chúng ta có thể thu thập ít nhiều từ ngữ dùng để chỉ Âm Dương, Tâm Thần vào đồ bản sau:

Dương	Âm
Thần	Hồn
Đạo tâm	Nhân tâm
Huyền	Tẫn
Bạch kim	Hắc ngân
Hống	Diên
Kim công	Xá nữ
Khảm	Ly
Chu sa	Thủy ngân
Kim ô, Nhật tinh	Ngọc thố, Nguyệt hoa
Chân tri	Linh tri
Thương qui, Long v.v...	Xích xà, Hổ v.v...

Những danh từ nói trên, có khi về phương diện Âm Dương có thể ngược nhau, tùy theo tác giả. Nhưng bao giờ Đạo Tâm cũng phải là Dương, Nhân Tâm bao giờ cũng phải là Âm, Thần bao giờ cũng là Dương, Hồn bao giờ cũng là Âm.

Phương trình tổng quát của Khoa Luyện Đơn là:

Âm + Dương = Thái Cực; Kim Đơn

Đạo tâm + Nhân tâm = Chân Nhân; Kim Đơn

Gọi là Kim, vì vàng tượng trưng cho sự bất hoại. Gọi là Đơn vì chữ Đơn đầu là Nhật, chân là Nguyệt. Vậy Đơn tức là Thống thể, Toàn thể, bao quát cả Âm lẫn Dương, cả Đạo tâm lẫn Nhân tâm.

Nói theo những từ ngữ bóng bảy của Khoa Luyện Đơn thì:

1/ Chất liệu, Dược liệu để luyện đơn chính là Diên Hống, chính là Đạo tâm và Nhân tâm.

2/ Lò để luyện đơn tức là vũ trụ, và xác thân con người.

3/ Lửa dùng để luyện cho Đơn Thành hay Hỏa Hầu chính là ý chí, chính là bầu nhiệt huyết, nhiệt tâm của mình.

4/ Luyện đơn tức là phải khử cặn bã, để lọc lõi lấy tinh hoa.

Đó là phương pháp Sưu (Bớt), Thiêm (thêm). Phải lọc, phải bỏ cho hết những cặn bã của nhân tâm. Phải thêm, phải chau chuốt cái tinh hoa là Đạo tâm.

So sánh Khoa Luyện Đơn của đạo Lão với Khoa Luyện Đơn của Âu Châu ta thấy các Đơn gia Đông Tây đều đề cao chân lý vĩnh cửu này là vũ trụ hữu hình và tâm linh, đều là sự biến hóa của Thần, của Thượng Đế, mà sự biến hóa vĩ đại nhất của Thần, của Thượng Đế được thực hiện ngay trong lòng con người. Thần con người, sẽ trở về được Thiên vị, nếu các tầng lớp các khả năng hạ đẳng nơi con người biết hi sinh cho mục đích cao cả ấy... [2]

Thế là chết để mà sống... [3] Phàm nhân chết đi, cho thần nhân hoạt động. [4]

Luyện đơn cốt chỉ vẽ cho con người định luật rằng nhờ sự biến hóa, nhờ sự tinh luyện, con người có thể trở thành thần minh. [5]

Mới hay muôn thủa tinh anh,

Lòng trời, gồm sẵn trong mình xa đâu... [6]

CHÚ THÍCH

[1] Paracelse, comme tous les Hermétistes, considérait l'être humain comme l'alambic où s'opère la distillation et la sublima- tion des énergies qui de l'Unique descendent au multiple, pour retourner à l'Unique, en tant que l'homme parfait revêtu de sa divinité. — M. Sénart, Le Zodiaque, p. 490.

[2] L'Alchimie met l'accent sur cette vérité éternelle base de toutes les autres: L'Univers sensible et psychique est une métamorphose de l'Esprit et sa métamorphose majeure s'accomplit par la cons- cience humaine renaissant à son état divin par le moyen et le sacrifice de ses facultés inférieures. — M. Sénart, Le Zodiaque, p. 482.

[3] Et de ta propre extermination, tu vivras. (La Langue Hébraique Restaurée, tome I, note, p. 23) — M. Sénart, Le Zodiaque, p. 482.

[4] Tâm tử thần hoạt. 心 死 神 活 .

[5] La science alchimique s'efforce de révélér à l'homme la loi qui, par la transmutation, fait de lui un dieu. — M. Sénart, Le Zodiaque, p. 482

.... Malgré son apparence chimique, l'opus alchymicum fut toujours considéré comme un acte culturel, au sens d'œuvre divine. — C.G. Jung, Paracelsica, p. 63 và Le Zodiaque, p. 492.

[6] Phỏng theo bài thơ của Tứ bách tự giải, tr. 2b.

Dược vật sinh Huyền khiếu, 藥 物 生 玄 竅
Hỏa hậu phát Dương lô. 火 侯 發 陽 爐
Long Hổ giao hội bãi, 龍 虎 交 會 罷
Kim đỉnh sản Huyền châu. 金 鼎 產 玄 珠

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 8

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 7

ÂM DƯƠNG

chương trước chương sau

Chương 7. Quan niệm Âm Dương với khoa siêu hình học Âu Châu

Dịch kinh với quan niệm Âm Dương dĩ nhiên là khác biệt với Siêu Hình Học Âu Châu hiện tại.

Dịch phân biệt Âm Dương, nhưng không phân biệt một cách ráo riết triệt để, ngược lại vẫn chủ trương Âm sinh Dương, Dương sinh Âm; trong Âm có Dương, trong Dương có Âm.

Siêu Hình Học Âu Châu đã phân biệt, thời lại phân biệt một cách triệt để, rứt khoát. Cho nên đối với Siêu Hình Học Âu Châu, thiện là thiện, ác là ác; tinh thần là tinh thần, vật chất là vật chất, đôi đàng hoàn toàn đối đỉnh, hoàn toàn mâu thuẫn nhau.

Sau khi đã hiểu rõ thái độ và lập trường căn bản ấy của Đông và Tây, chúng ta sẽ lần lượt so sánh ít nhiều vấn đề:

1. Âm Dương với nguyên lý đồng nhất

Siêu Hình Học Âu Châu dựa trên nguyên lý đồng nhất (Principe d'identité) nên không chấp thuận rằng A vừa là A lại vừa có thể là B. Nói cách khác, các sự vật, các hiện tượng chỉ có thể chuyển Dịch, tăng giảm, chứ không sao biến thể được. Như vậy vũ trụ này sẽ không thể biến hóa vô cùng, và chỉ là một sự nhắc đi nhắc lại của một số sự kiện với ít nhiều tăng giảm... [1]

Dịch lý dĩ nhiên không chấp nhận nguyên lý đồng nhất. Lý do rất là giản dị: Về phương diện Tiên Thiên, thời Bản thể hằng cửu và duy nhất bất biến, nên nguyên lý đồng nhất không cần phải đặt ra. Về phương diện Hậu Thiên, thời mọi sự đều biến thiên, Âm biến Dương, Dương biến Âm, Âm sinh Dương, Dương sinh Âm; trong Âm có Dương, trong Dương có Âm, không có gì là thuần nhất, không có gì là bất biến, mà mọi sự đều chuyển hóa vô cùng tận. Chính vì thế mà nguyên lý đồng nhất không có chân đứng. [2]

Cho nên Dịch lý và Siêu Hình Học Âu Châu khác nhau ở chỗ một bên thì uyển chuyển biến hóa, một bên thì ù lì ngưng đọng; một bên thì đi sát với thực tại, một bên thì tách rời thực tại.

2. Âm Dương với quan niệm Thần, Hồn

Như trên đã thấy từ quan niệm Âm Dương các triết gia Đông Á đã đi đến chủ trương rằng Tâm thần con người có hai phần: là: Thần và Hồn.

Đa số các triết gia Âu Châu từ lâu nay chỉ phân biệt xác hồn, hay tinh thần và vật chất. Tuy nhiên, quan niệm Thần Hồn không phải là không có ở Âu Châu. Một chứng cớ hiển nhiên là từ ngữ đã cho ta thấy di tích của một thời đại xa xưa, và đã chứng minh một cách hùng hồn rằng thời xưa, ở Âu Châu, cũng như ở Do Thái, quan niệm ấy đã được chủ trương. Những tàn tích từ ngữ xưa còn xót lại như: Pneurma (Thần), Psyché (Hồn); Ruah (Thần), Nephesh (Hồn), Esprit (Thần), Âme (Hồn), hoặc những chuyện thần thoại xưa như Castor (Thần), Pollux (Hồn), Eros-Psyché, Osiris-isis, đã chứng minh điều đó.

Gần đây đã có một vài Triết gia Âu Châu trở lại quan niệm cổ sơ nói trên.

F.W. Myers (1843 - 1901), một nhà Tâm Lý Học Anh đã chủ trương: Tiềm thức chính là hồn vũ trụ, chính là Tiềm ngã, và trạng thái Huyền đồng chính là sự tràn ngập của Tiềm ngã vào tâm thức con người. [3]

William James cũng theo chủ trương của F.W. Myers. James cho rằng: trạng thái Huyền đồng chính là sự hợp nhất giữa Tâm thức (Nhân tâm) với Đại Ngã (Đạo tâm) và nhờ vậy mà con người được giải thoát. [4]

Bergson chủ trương khác đi rằng: Huyền đồng không phải là tâm thức kết hợp với vô thức, mà chính là với Thượng Đế. Nhờ trực giác, tâm hồn có thể kết hợp với Thượng Đế. Lúc ấy tâm hồn bị Thượng Đế xâm nhập chẳng khác nào lửa nhập vào sắt làm cho sắt đỏ rực lên. [5]

Dung hợp quan niệm Âm Dương, Thần Hồn của các Đơn gia, Đạo gia, quan niệm Tiềm ngã của Myers, với quan niệm Huyền đồng của Bergson, ta có thể chủ trương rằng: Huyền đồng chính là sự hợp nhất của tâm hồn với Thượng Đế, nhưng Thượng Đế chẳng ở đâu xa, mà đã ẩn ngụ trong tiềm thức, vô thức con người, mà Thượng Đế chính là Bản Thể con người, là Thần con người.

Nếu quan niệm này được chấp nhận, thì sau này Đông và Tây sẽ hợp nhất, Triết học và Đạo giáo sẽ hợp nhất, và con người sẽ thấy rõ hướng đi của đại đạo, là vào sâu trong tâm khảm mà tìm đạo, tìm Trời.

3. Âm Dương với quan niệm thiện ác

Như ta đã thấy, theo chủ trương của Dịch Kinh, thì Âm Dương trên phiến diện tưởng chừng như là mâu thuẫn nhau, nhưng kỳ thực trong căn cơ lại bổ túc lẫn cho nhau, lại hằng tìm nhau, sinh ra nhau, muốn hòa hợp với nhau. Suy ra, thì sự mâu thuẫn trên thế giới này chỉ là phiến diện, còn sự thân ái, hòa hợp mới là then chốt, mới là căn bản.

Trong cơ thể chúng ta chẳng hạn làm gì có sự mâu thuẫn nhau triệt để, mâu thuẫn nhau thực sự. Nếu có sự mâu thuẫn kiềm chế nhau chăng nữa, thời cũng chỉ cốt để khang kiện cho toàn thân.

Âm Dương chẳng qua là hai phương diện, hai mặt trái phải của một thực thể. Chúng hỗ tương ảnh hưởng, tác dụng trên nhau để sinh ra thiên biến vạn hóa, nhưng đều qui hướng về mục đích là phát huy vũ trụ cho đến hoàn mỹ. Cho nên sự phân biệt Âm Dương của Dịch Kinh chỉ là một sự phân biệt tương đối. Âm Dương không phải là hai tử thù, mà chính là hai người bạn.

Cũng một lẽ, Đối với Dịch, thì ở đời này thiện, ác, cát hung đều là tương đối. Thời này cho thế này là hay là phải, thời khác cho thế kia mới là hay, là phải, còn thế này là dở, là trái. Vả trong cái hay vẫn có cái dở, trong cái thiện vẫn có cái ác.

Lão Tử viết:

Khi đời thấy đẹp biết khen
Thế là cái xấu đã chen vào rồi.
Điều hay mà rõ khúc nhôi,
Âu đành dang dở, lôi thôi sinh dần.
Mới hay không, có chuyên vần,
Dễ sinh ra khó, vắn nhân thành dài.
Thấp cao, tùy ngó ngược xuôi,
Tiếng ca trầm bổng, dòng đời trước sau...

Trang Tử cũng cho rằng: Muốn cái hay mà không muốn cái dở, muốn trật tự mà không muốn hỗn loạn, tức là không biết định luật của trời đất. [6]

Héraclite cũng cho rằng: Vũ trụ biến hóa để đi đến sự hòa hợp của mọi mâu thuẫn. Ông còn cho rằng nếu chúng ta coi lành dữ như hai sự kiện mâu thuẫn, sung khắc, chính là vì quan điểm ta còn hẹp hòi, và vì ta chưa biết qui chúng về toàn bích, toàn thể. Qui tụ được chúng về toàn thể, toàn bích, chúng sẽ hòa hiệp với nhau.

Đối với Thượng Đế, mọi sự là đẹp, là phải, là hay. Nhưng con người cho rằng cái này phải, cái kia không phải.[7]

Thay vì hai chữ Âm Dương, Âu Châu dùng hai chữ bóng tối, và ánh sáng. Khảo thư tịch Âu Châu, ta cũng thấy hai quan niệm khác biệt nhau về Tối Sáng, Thiện Ác.

1. Một quan niệm cổ hơn, sâu sắc hơn cho rằng Tối Sáng, Thiện Ác là Nguyên Lý Song Sinh do Thượng Đế sinh xuất.

Ta thấy dấu vết này trong Đạo giáo cổ Ai Cập với Lưỡng Thần Osiris-Isis, hoặc trong đạo Bái Hỏa với những quan niệm Ánh Sáng, Bóng Tối, Tinh thần và Vật chất. [8]

Sách Ecclésiastique trong Cựu Ước cũng viết: Thiện và Ác, Sống và Chết, nghèo và giàu tất cả đều do nơi Chúa (Eccl. 11. 14)

2. Một quan niệm mới hơn, phiến diện hơn, có tính cách thực dụng hơn coi Sáng, Tối; Thiện, Ác như hai thực thể hoàn toàn đối kháng, thù địch nhau.

Bái Hỏa Giáo về sau này cũng cho rằng có thần Thiện là Ahura-Mazdah hay Ormud và có thần Ác là Angra Manyu hay Ahriman. [9]

Đạo Mani cũng chủ trương vũ trụ có hai căn nguyên: Ánh sáng và Tăm tối. Phía Bắc là giang sơn của Ánh sáng, là nơi ngự trị của đấng Hằng Cửu. Phía Nam là giang sơn của Tăm tối là nơi Satan ngự trị... [10]

Quan niệm Thượng Đế và Satan như là căn nguyên thiện ác cũng được thấy trong giáo lý Công giáo...

CHÚ THÍCH

[1] Pour la Métaphysique en effet, les objets et les phénomènes sont homogènes et au repos; leurs formes et leurs catégories sont fixées, isolées les uns des autres. Les changements possibles ne sont qu'augmentation ou diminution mécanique. A est A, il ne peut y avoir que répétition. La Métaphysique

est de la terre, elle porte sa croix. — Dr. Jean Choain, La Voie Rationnelle de la Médecine chinoise, p.73.

[2] Pour la Dialectique, au contraire, cette vue est fausse, parce que l'expérience nous prouve la réalité du devenir de toutes choses. A ne restera pas A. il faut donc qu'il soit à là fois A et non-A. Ainsi A n'est pas mais devient. La Cause du devenir des choses est en elle-mêmes, elle n'est pas purement extérieure...Les Tibétains ont deux mots pour signifier cause: Rgyu, cause principale, Rkyeu, cause secondaire. De la graine d'un abricotier, jamais un sapin ne naitra, la graine est le Rgyu. Cependant il faut différentes conditions externes de la terre et de climat pour faire naître un abricotier et pour le faire robuste ou chétif. — Dr. Jean Choain, La Voie Rationnelle de la Médecine chinoise, p.73.

[3] Pour le Psychologue anglais F.W. Myers (1843 - 1901) le vulgaristeur de la formule Moi-Subliminal, l'expérience mystique consiste dans l'invasion de le conscience par le Subconscient, ce Subconscient, étant l'âme du monde.

[4] W. James fait sienne la théorie de Myers. Les croyants dit-il, ont leur vision, et ils savent - cela leur suffit que nous sommes plongés dans un invisible milieu spirituel d'où une aide nous vient, notre âme ne faisant mystérieusement qu'un avec un Moi plus grand d'où lui vient la délivrance. Le Moi conscient ne fait qu'un avec un Moi plus grand d'où lui vient la délivrance.

[5] Henri Bergson... rejette l'explication des faits mystiques par l'Inconscient et les attribue à Dieu lui-même. L'intelligence, dont l'objet propre est la matière, ne peut atteindre directement Dieu. Mais nous savons qu'autour de l'intelligence est restée une frange d'intuition vague et évanouissant. Grâce à cette intuition se réalise l'union de l'âme avec Dieu, l'âme étant pénétrée par Dieu comme le fer par le feu qui le rougit. — Paul Foulquié, Métaphysique, p. 324.

[6] Vouloir le Bien sans le Mal, l'ordre sans le désordre, c'est méconnaître les lois de l'univers, et la nature des êtres. C'est comme si on voulait le Ciel sans la Terre, le Yin sans le Yang, ce qui est inconcevable.

Tchouang Tseu cité p. R. Bremond, La Sagesse selon le Tao, p. 65

La Voie Rationnelle de la Médecine chinoise, p. 20.

[7] L'opposition des principes inférieure est elle irréductible? Le bien et la mal, en particulier, sont-ils en face l'un et l'autre à jamais? C'est tout notre problème. Héraclite le résout par l'unité, par la domination d'un principe suprême dont les lois humaines, aussi bien que les lois de la nature, ne sont qu'une participation. Toutes les lois humaines sont nourries par la seule loi divine, écrit-il; celle-ci prévaut autant qu'elle le veut, suffit à toutes choses sans même s'y épuiser. Le bien et le mal sont un, ajoute-il; si nous les opposons, c'est en raison de nos vues étroites et partielles, et faute de les rapporter au tout où ils s'unissent dans une harmonie parfaite. Pour Dieu, toutes choses sont belles, bonnes et justes; mais les hommes tiennent certaines choses pour justes, certaines autres pour injustes. — A.D. Sertillanges, Le Problème du Mal, p. 82.

[8] Si nous tournons, nos regards vers l'Egypte, nous y trouvons, dès l'Antiquité la plus reculée, la Trinité bien connue: Ra, le Père; puis la Dualité, Osiris-Isis, comme deuxième Logos; enfin Horus. — Annie Besant, La Sagesse Antique, p. 32

... Le Docteur Haug, dans ses Essais sur les Parsis (trad. en Anglais par le docteur West et formant le

Vol. V des Trubner's Orientales Series) - dit que Ahuramazda (Aôharmazd ou Hôrmard) est l'Être Suprême, et qui de Lui furent engendrées deux causes primordiales qui bien que différentes, étaient unies, et produisirent le monde des choses matérielles, aussi bien que le monde de l'esprit.

Ces deux principes furent appelés jumeaux, et ils sont présents en toutes choses, dans Ahuramazda aussi bien que dans l'homme. L'un engendre le Réel, l'autre le Non-réel; et ce sont ces aspects qui dans le Zoroastrisme postérieur devinrent les deux Génies antagonistes du Bien et du Mal.

Mais dans l'enseignement primitif, ils formaient évidemment de Deuxième Logos, dont le signe caractéristique est la Dualité.

Le Bon et le Mauvais sont simplement la Lumière et les Ténèbres, l'Esprit et la Matière, les jumeaux essentiels de l'Univers, le Deux procédant de l'Un. — Annie Besant, La Sagesse Antique, p. 35,36.

[9] La théologie zoroastrienne classique est dualiste: le Dieu bon Ahura-Mazdâh ou Ormud s'oppose au Dieu mauvais Angra Mainyu ou Ahriman... — E. Royston Pike, p. 328.

....Critiquant l'idée postérieure (des deux Génies), le Docteur Haug dit: Telle est la notion zoroastrienne originelle des Esprits créateurs, qui forment simplement deux parties de l'Etre divin. Mais ultérieurement, par suite d'erreurs et de fausses interprétations, cette doctrine du grande fondateur fut modifiée et corrompue. Spentômainyush (l'Esprit bon) fut considéré comme un des noms d'Ahuramazda Lui-même, puis comme de raison, Angrômainyush (l'Esprit mauvais) se trouvant entièrement séparé d'Ahura-Mazda, fut regardé comme son perpétuel adversaire. Ainsi naquit de dualisme de Dieu et du Diable. (p. 205) — Annie Besant, La Sagesse Antique, p. 36.

[10] Les doctrines fondamentales du système manichéen sont d'une part la distinction de deux Racines ou Principes fondamentaux, la Lumière et les Ténèbres (qui sont des réalités tangibles, palpables, rigoureusement antagonistes et de puissance égale.)

A l'Origine des temps deux régions nettement tranchées; Au nord, le Royaume de Lumière, où règne le Père de la Grandeur, L'Éternel; au Sud, le Royaume de Ténèbres, pure matière sans aucune organisation...

E. Royston Pife, Dictionnaire des Religions, p. 202, 203.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 **7** 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 **7** 8

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 7

ÂM DƯƠNG

chương trước

Chương 8. Âm Dương với triết học và khoa học Âu Châu hiện đại

Gần đây có nhiều học giả Âu Châu đề cập đến vấn đề Âm Dương. Cái đó là lẽ dĩ nhiên, vì bất kỳ ai khảo cứu về Văn hóa hay Triết học Trung Hoa, chẳng ít thì nhiều cũng phải quan tâm đến vấn đề Âm Dương.

Marcel Granet trong quyển La Civilisation Chinoise có một đoạn dài nói về Âm Dương, nhưng không lấy gì làm sâu sắc. Khảo về Âm Dương, lý thú nhất có lẽ là René Guénon, một nhà Huyền học Âu Châu cận đại.

Réné Guénon giải thích Âm Dương theo đúng tinh thần Kinh Dịch, và nhận định rằng Âm Dương không phải là hai thực thể đối lập, mà là hai phương diện bổ khuyết lẫn cho nhau, của một thực thể duy nhất đó là Thái Cực.

Dương là căn cốt, là tinh thần; Âm là tùy thuộc, là vật chất. Dịch nói Âm Dương, thì Ấn Độ giáo nói Prakriti và Purusha. Sự giao thoa, hoán Dịch, tác dụng giữa Âm và Dương làm cho trời đất, vạn vật có những trạng thái khác biệt nhau.

Vũ trụ có hai mặt: mặt Dương, mặt Trời ở phía trong; mặt Âm, mặt Đất ở phía ngoài. Âm là những gì hữu hình, có thể nhận thức được bằng giác quan. Dương là những gì vô hình, chỉ có thể nhận định được bằng

thần trí. Về phương diện nhận thức, ta có thể đi từ hữu hình lên dần tới vô hình, từ ngoài vào trong, từ chân lên đỉnh, từ hiển đến vi, nghĩa là từ Âm đến Dương.

Về phương diện suy tư, ta có thể đi từ phía siêu hình ra dần tới phía hữu tướng, nghĩa là từ Dương đến Âm.

Dịch cho rằng phía trái là phía Dương, là phía của tương lai, thời năm 1967 mới đây Ông Vilma Fritsch trong quyển La Gauche et la Droite cho biết rằng thánh thư Zohar của khoa Huyền học Do Thái cũng cho rằng thế giới hiện tại là thế giới phải, thế giới tương lai là thế giới trái.

Sách Bách khoa tự điển Do Thái nhận định: Thật là kỳ dị khi thấy rằng theo sách Cabale thì phía trái lại biểu thị một trình độ cao hơn, tiến bộ hơn.

Phía trái là phía của tương lai, và của tiến bộ. Mà lạ lùng thay, đó cũng chính là đường hướng nhận định của triết học và chính trị ngày nay. Trong chính trường hiện tại người ta gọi những người bảo thủ là những người theo phái hữu, những người cấp tiến là những người theo phái tả. [1]

Có thể nói ngày nay thuyết Âm Dương lưỡng cực của Trung Hoa đã được Triết học và Khoa học Âu Châu mặc nhiên chấp nhận.

Gaston Bachelard muốn coi quan niệm lưỡng cực như là một nguyên lý mới, để nhận thức tri luận.

Ông cho rằng tính cách lưỡng cực tương thừa đã được ghi tạc trong căn cơ sự vật, ngược lại với quan niệm cổ xưa cho rằng vật thể là biểu dương của sự thuần nhất.

Khoa học ngày nay không còn tham vọng đi đến Nhất nữa, mà chỉ muốn đi đến Nhị.

Triết học cũng như Tâm lý học đều muốn theo đường hướng mới ấy. Nhiều Tư tưởng gia ngày nay muốn nói: Thoạt kỳ thủy là cặp đôi.

Schelling, dựa vào thần thoại Hi Lạp, và khai thác tư tưởng then chốt của Jacob Boehme là Nhất thể lưỡng phân (Selbsentzweiung) đã cho rằng Thượng Đế cũng là nhất thể lưỡng diện. [2]

Goethe theo chân Kant, cũng nhận định rằng ngay từ căn cơ vật chất đã có những sức hấp dẫn đun đẩy lẫn nhau, cho nên loại nào vật nào cũng lưỡng tĩnh, lưỡng cực. Đó là một hiện tượng phổ quát. [3]

Theo Agnès Cerber, thì nhà Sinh Lý Học mỗi bước đều gặp những cặp Âm Dương, lưỡng cực đối đãi nhau như một cặp trai gái khiêu vũ với nhau, chứ không phải như là hai kẻ thù địch trong một cuộc so gươm. [4]

Và Khoa học ngày nay, đã chứng minh được rằng không cứ loài người, loài vật, loài cây mới có trống mái, mà ngay các tinh thể cũng có phải, trái khác nhau. Pasteur đã phân biệt được hai loại acide tartique trái và phải, và công nhận rằng vạn vật ngay từ trong cơ cấu đã có trái phải, Âm Dương. [5]

Sử gia Toynbee, đã dùng thuyết Âm Dương, động tĩnh đắp đổi luân phiên nhau để giải thích lịch sử.

Ông cho rằng lịch sử đi theo nhịp điệu nhất tĩnh, nhất động, tĩnh rồi lại động, động rồi lại tĩnh.

Lịch sử cũng như Âm Dương, có cảm lại có ứng, có động lại có phản, có vãng lại có lai; có phục lại có khởi, như vậy mới có thể đổi mới mãi mãi... [6]

Joseph Needham, trong tập hai, bộ Science and Civilisation in China đã cho rằng: Học thuyết Âm Dương không có màu thiện ác, nhờ thế mà nó có thể giữ được sự quân bình đích thực và thể hiện được những mục đích chân thực của đời người là hạnh phúc, khang kiện và trật tự.

Needham cũng chủ trương rằng: tư tưởng phi nhị nguyên của Trung Hoa này sẽ đóng một vai trò vĩ đại trong Khoa học. Hơn thế nữa, nó đã đóng vai trò đó rồi, qua trung gian Leibniz. Needham nhận định rằng cách phát triển tư tưởng, và cách dùng tượng hình của Trung Hoa có rất nhiều điểm tương đồng kỳ lạ với tư tưởng Khoa học tối tân nhất. Người Trung Hoa xưa tuy chưa tạo ra được Khoa học đích thực như nay, nhưng nhiều lần cũng đã tung mình lên được tới những chỗ mà sau này Niels Bohr, Max Planck, Einstein đã đạt tới.

Được vậy, là vì người Trung Hoa đã thoát được tật suy luận một chiều của người Âu Châu, hoặc là suy luận theo chiều hướng Duy vật, hoặc là theo chiều hướng Duy linh... [7]

Dịch Kinh cho rằng Âm Dương vừa tương khắc, vừa tương thừa, và Âm Dương giao thoa, tác động lẫn trên nhau nên phát sinh ra mọi biến hóa.

Karl Marx và Lénine cũng đã cho rằng mọi sự trong vũ trụ đều hàm tàng mâu thuẫn nội tại; vũ trụ được chi phối bằng định luật mâu thuẫn xã hội, vì lịch sử được chi phối bằng định luật mâu thuẫn. Vì thế người Mác xít đã cố gây mầm mống chống đối trong xã hội, và dùng đấu tranh giai cấp để làm cách mạng, để đả phá các cơ cấu xã hội hiện tại, ngõ hầu có thể xây dựng một xã hội vô sản.

Nhưng thực ra, người Các Mác chỉ gây mâu thuẫn ở những nước mà họ chưa chiếm được; còn khi đã chiếm được chính quyền rồi, thì họ lại ra sức diệt mâu thuẫn chống đối dưới mọi hình thức, tiêu diệt ngay từ khi chúng vừa mới mầm mộng lên.

Dầu sao thì biện chứng pháp với định luật mâu thuẫn mới là một nửa phần của Dịch lý Âm Dương, vì Dịch lý Âm Dương ngoài sự tương khắc, còn chủ trương tương thừa, ngoài sự mâu thuẫn còn chủ trương sự hòa hiệp của Âm Dương.

Dịch kinh cho rằng Âm sinh Dương, Dương sinh Âm, tán là Dương, tụ là Âm, thì Einstein với phương trình $E=MC^2$ cũng cho rằng năng lực sinh vật chất, vật chất sinh năng lực; năng lực là vật chất phát tán, vật chất là năng lực cô đọng.

Dịch cho rằng Âm Dương tụ tán là một định luật vũ trụ, thời năm 1927, George Lemaître, giáo sư Đại học Louvain, cũng cho rằng vũ trụ hiện đang khuếch tán và giống như quả bong bóng đang được thổi phồng...[8] Nhiều nhà Thiên Văn Học hiện nay đã chủ trương vũ trụ khi tán khi tụ, biến hóa không ngừng.

Chu Hi đã cho rằng: Âm Dương chẳng qua là những trạng thái khác nhau của một nguyên khí. Ngày 27-3-1847, Helmholtz đã đệ trình lên Hội Lý Học ở Berlin một tiểu luận nhan đề là: Sự duy trì năng lực. Trong tiểu luận này, ông cho rằng vũ trụ này tràn đầy một khối lượng năng lực khổng lồ và bất biến. Điện, hóa, quang, nhiệt, lực, tất cả những cái đó đều là những trạng thái khác nhau của một năng lực duy nhất. [9]

Dịch từ ngàn xưa không hề phân tách Âm Dương như hai thực thể riêng biệt, nhưng luôn chủ trương Âm Dương là hai chiều, hai mặt của một thực thể duy nhất, trong Âm có Dương, trong Dương có Âm... Gần đây, các nhà Khoa Học đã chấp nhận vũ trụ là một thực thể duy nhất, nhưng có hai mặt, lúc thì là ba động, lúc thì là phân tử. [10] Dịch Kinh gọi Âm là chẵn, Dương là lẻ, và chủ trương có thể dùng hai ký hiệu Âm Dương mà diễn xuất mọi con số.

Gần đây Leibniz, nhà toán học, đã phát minh ra khoa Toán Pháp Nhị Nguyên, đã phải bỡ ngỡ khi nhận thấy rằng 64 quẻ trên vòng Dịch Tiên Thiên của Phục Hi từ Khôn đến Cấu, rồi lại từ Phục đến Kiền có thể mã thành những con số từ 0 cho đến 63 theo đúng như ký hiệu, và phương pháp Toán Học Nhị Nguyên, nên Ông đã nghĩ rằng người Trung Hoa xưa có thể đã biết khoa Toán học này từ lâu rồi. Ngày nay khoa Toán Học Nhị Nguyên với hai ký hiệu 0 và 1 đã được áp dụng trong các loại máy toán điện cơ, điện tử ở Âu Mỹ...

Các sự kiện trên cho thấy rằng, về phương diện Triết học cũng như về phương diện Khoa học, Âu Châu càng ngày càng gặp gỡ các quan điểm của Dịch Kinh, và Nguyên lý Âm Dương có thể dùng làm như một thứ chìa khóa để mở các điều huyền bí của vũ trụ và của cuộc đời.

Kết luận

Vấn đề Âm Dương thực ra bao la man mác, vì bất kỳ Thiên Văn, Địa Lý, Tử Vi, Lục Nhâm, Thái Ất,

Tướng Số, Y Lý nhất nhất đều đã dùng Âm Dương và Ngũ Hành để phân loại. Trong thiên khảo luận này chúng ta không thể đi vào những chi tiết của mỗi môn nói trên để trình bày về Âm Dương được. Tuy nhiên những nhận xét tổng quát của chúng ta sẽ soi sáng cho chúng ta trong bất kỳ bộ môn nào mà chúng ta sẽ định khảo cứu. Lý do là vì Dịch thời dạy những nguyên lý tổng quát, còn các môn Lý Số khác đều đem Dịch lý áp dụng vào những bộ môn riêng biệt mình mà thôi.

Đằng khác, trọng tâm của công trình khảo sát của chúng ta là làm sáng tỏ những vấn đề trọng đại hơn, quan thiết đến đời sống tâm thần con người hơn, chính vì vậy mà chúng ta không được phép lạc lõng vào những chi tiết vụn vặt. Chúng ta có thể tóm tắt về Âm Dương, và sau đó rút tỉa một vài bài học về Âm Dương như sau:

Toàn thể duy nhất là Thái Cực, sau khi phân cực, sẽ sinh ra Âm Dương và như vậy, ta có:

Thế giới bản thể	Thế giới hiện tượng
Tuyệt đối	Tương đối (Âm Dương)
Hằng	Biến
Viên mãn	Khuy khuyết
Chân	Giả
Chính	Tà
Ngã	Vô ngã
Thường	Vô thường

Trên bình diện hiện tượng tương đối, biến thiên, ta thấy bất kỳ cái gì cũng có hai chiều, hai mặt, trên dưới, trước sau, hay dở, trong ngoài, phải trái, lưng mặt, giàu nghèo, sang hèn, mạnh yếu, già trẻ, ngày đêm, nóng lạnh, sáng tối; tự do, kiềm tỏa; cá nhân, xã hội; tinh thần, vật chất; trai gái; đực cái; trời đất; tiến thoái; vãng lai; Thánh phàm; Tiên tục; sướng khổ v.v...

Chúng ta nhận thấy chỉ có Tuyệt đối, chỉ có Toàn thể mới thoát khỏi vòng Âm Dương tương đối, vì nó bao quát và siêu xuất Âm Dương. Ở trong vòng hình thức, sắc tướng, tức nhiên phải chịu định luật Âm Dương tương đối, tương đãi, biến thiên, thăng trầm...Ở trong vòng biến thiên, tiêu chuẩn phán đoán về Âm Dương, hay dở, cao thấp đều là tương đối, nghĩa là nó biến đổi tùy quan niệm mỗi nơi, mỗi thời.

Sau cùng chúng ta nhận định rằng tiêu chuẩn Âm Dương của thường nhân khác với tiêu chuẩn Âm Dương của Thánh Hiền. Thường nhân cho là Dương trước, Âm sau, Dương ngoài, Âm trong, cá nhân khinh, xã hội trọng, còn Thánh Hiền thời lại cho rằng Âm trước Dương sau, Âm ngoài, Dương trong, cá nhân trọng, xã hội khinh v.v...

Cho nên, Thánh Hiền khác với thường nhân ở chỗ: lúc trẻ thì lưu tâm đến Âm, đến trí lực, xác thân, ngoại cảnh, cố trau giồi cho trí lực trong sáng, xác thân khang kiện, ngoại cảnh thuận tiện. Lúc đứng tuổi sẽ lưu tâm đến tinh thần, đến nội tâm, để sống khinh khoát, thung dung, thoát vòng kiềm tỏa của trí lự, xác thân, ngoại cảnh.

Thánh nhân, khác với thuờng nhân vì cho rằng Dương hay Tinh thần, hay tinh hoa con người thời ở phía bên trong, nên càng ngày càng chú trọng đến đời sống tinh thần, đến đời sống nội tâm hơn ngoại cảnh, sau khi đã tạo cho mình được một đời sống vật chất khả quan. Thánh nhân cũng khác với thường nhân ở chỗ cho rằng mình trọng hơn xã hội, cho nên coi xã hội là phương tiện giúp cho mình hoàn thành

xứ mạng tu luyện, thần thánh hóa bản thân, chứ không coi xã hội là cứu cánh để đến nỗi phải bán mình làm tôi mọi xã hội và ngoại cảnh.

Thường nhân, thì cố chấp, đã cho cái gì hay thì nhất định mãi mãi sẽ hay. Còn Thánh nhân thì uyển chuyển và cho rằng trong cái hay có cái dở, trong cái dở có cái hay, hay dở là tùy ở lòng mình, tùy ở từng hoàn cảnh. Vì thế nên Lão Tử mới viết:

Mới hay không, có chuyển vần,

Dễ sinh ra khó, vắn nhân thành dài.

Thấp cao tùy ngó ngược xuôi,

Tiếng ca trầm bổng, dòng đời trước sau.

Ước gì đời chúng ta đi đúng chiều Âm Dương, mà chiều Âm Dương chính là: Hậu thăng tiền giáng định nhất chu (Trước giáng sau thăng định một vòng). Nói cách khác, nửa đời đầu chúng ta cần phải lưu ý đến trí não, đến xác thân, đến ngoại cảnh, phải góp mặt với đời. Còn nửa đời sau, phải đặc biệt chú trọng đến tâm thần, lo tu luyện để trở nên con người công chính, toàn thiện, toàn mỹ...

Gẫm đạo lý có sau có trước,

Lẽ Âm Dương có ngược có xuôi.

Xuôi là gió cuốn bụi đời, [11]

Đẩy đưa vào chốn trần ai cát lầm.

Có thử thách mới phân vàng đá,

Có lầm than mới rõ chuyện đời.

Ngược là sấm chớp tơi bời, [12]

Tầng sâu bày giãi căn trời nội tâm [13]

Trông tỏ đích chí nhân, chí chính,

Biết mục phiêu sẽ định sẽ an. [14]

Rồi ra suy xét nguồn cơn,

Con đường phối mệnh chu toàn tóc tơ. [15]

CHÚ THÍCH

[1] L'idéogramme chinois pour droit: main + bouche, nous suggère, par exemple, immédiatement les Chinois, droitiers comme nous, se servent de la main droite pour manger. Il ne reste alors comme côtés des arts et de la magie que la gauche, et la gauche s'exprime en effet par la combinaison de signes main + équerre. — Vilma Fritsch, La Gauche et la Droite, p. 33.

... Si le Zohar assimile la Thora à la droite, il donne à la tradition orale qu'il ne tient pas moins en honneur la place à gauche. Suivant ce même ouvrage, le monde actuel serait le monde droit, et le monde futur le monde gauche. Il est curieux, commente la Jewish Encyclopedia, que dans la Cabale, la gauche représente un stade supérieur plus avancé.

Côté du coeur, côté de l'avenir et du progrès - certaines symbolisations philosophique de nos jours s'annoncent ici d'une manière indiscutable. — Ibid. 55.

[2] Reprenant l'idée fondamentale de Jacob Boehme, de la Selbsentzweiung, il reconnaît en Dieu une duplicité essentielle. — La Gauche et la Droite, p. 13.

[3] J'avais retenu des idées scientifiques de Kant, dit par exemple Goethe, que les forces d'attraction et de répulsion font partie de l'essence même de la matière. Il en résulte une polarité originelle de tous les êtres, qui pénètre l'infinie multiplicité de tous les phénomènes et leur bonne vie. — Ib. 25.

[4] Le biologiste recontre à chaque pas des unités bipolaires opposées l'une à l'autre comme les deux partenaires dans un couple de danseurs, et point comme les deux antagonistes d'un pugilat. — Ib. 26.

[5] Et comme chacun sait, l'exploit mémorable de Pasteur fut justement de mettre en évidence une différence: les cristaux de l'acide tartique, celui du raisin, sont tous dissimétriques à droite; les cristaux de l'acide paratartique, celui du chimistre sont pour moitié dissimétriques à droite, et pour moitié dissimétrique à gauche. Ceci explique que ce dernier soit optiquement inactif: l'un des deux acides dont il se compose dévie le plan de la lumière polarisée à droite dans la même mesure que l'autre le dévie à gauche...

... Ceci s'explique, selon Pasteur, par leur genèse même: dès que les principes immédiats de la vie prennent naissance, les atomes ou les molécules se rangent dissimétriquement, sous une influence mystérieusse qui semble toucher aux conditions les plus secrètes de l'origine de la vie... — Ib. 110.

[6] Que dire de ces mouvements de Yin et de Yang, de défi et de riposte, de retraite et de retour, d'ascendance et de filiation que nous avons mis en lumière?... Il est certain que dans le mouvement de toutes ces forces qui tissent la toile de l'histoire humaine, on rencontre un élément très net de renouveau... — Ib. 280.

[7] Joseph Needham souligne lui aussi, dans le deuxième tome de sa monumentale encyclopédie Science and Civilisation in China, que l'on ne sent aucune teinte de bien ou de mal dans la doctrine du Yin et du Yang. C'est cela même qui la rend capable de maintenir un véritable équilibre et d'aider à réaliser les véritables buts de l'existence humaine, qui sont le bonheur, la santé et le bon ordre. Selon une thèse hardie de Needham, cette pensée non-manichéenne est destinée à jouer grâce à la médiation de Leibniz. Needham voit dans un certain style de pensée et de symbolisation en Chine ancienne, d'étonnantes analogies avec la pensée scientifique la plus moderne. Incapable de produire la science classique, les Chinois auraient, d'après lui, envoyé maintes flèches vers l'endroit où devaient se tenir plus tard Niels Bohr, Max Planck, Albert Einstein et bien d'autres. Et cela parce qu'ils ont pu échapper à cette schizophrénie typiquement européenne qui nous a rendu inaptes pendant des siècles, à penser autrement que dans les termes du matérialisme mécanique ou du spiritualisme thélogique platonicien. — Vilma Fritsch, La Gauche et la Droit, p. 18.

[8] L'Abbé Lemaître publia cette théorie d'un univers en expansion dans un article des Annales de la Sociéte scientifique de Bruxelles... — Pierre Rousseau, Histoire de la Science, p. 763.

[9] Le 23 juillet 1847, date mémorable dans les Annales de la science, il présenta son premier mémoire à la Société de physique de la capitale allemande.

Dans ce mémoire, intitulé: Sur la conservation de la force, Helmholtz se posait dans son ensemble le problème de la thermodynamique. Puisque travail, chaleur, électricité peuvent se changer l'un dans l'autre, y disait-il, c'est que ce ne sont là que des formes différentes de quelque chose qui ne varie

pas, quelque chose que nous voyons tantôt sous forme de chaleur, tantôt sous forme de lumière, tantôt sous forme de travail mécanique, d'énergie chimique ou d'électricité. Ce quelque chose, c'est l'énergie. Toute la nature est emplie d'une énorme et invariable quantité d'énergie, qui nous apparaît sous des aspects divers, bien qu'elle demeure toujours quantitativement la même. — Pierre Rousseau, Histoire de la Science, p. 590.

[10] Associer dans tous les cas, l'onde à la particule qu'il s'agisse de la lummière ou de la matière, telle fut l'idée géniale qui guide l'illustre savant (Louis de Broglis) et l'amena, en quatre ans à mettre debout la Mécanique ondulatoire... Il n'y a plus désormais qu'un seul code régissant l'univers, qu'une seule entité à double face, qu'il était tantôt plus commode de baptiser onde, tantôt plus commode de baptiser particule... — Ib. 776 - 777.

[11] Thiên Phong Cấu. 天 風 垢 .

[12] Địa Lôi Phục. 地 雷 復 .

[13] Phục kỳ kiến Thiên địa chi tâm hồ. 復 其 見 天 地 之 心 乎.

[14] Tri chỉ nhi hậu định. 知 止 而 後 定 .

[15] Vĩnh ngôn phối mệnh, Tự cầu đa phúc. 永 言 配 命 自 求 多 福 .— Kinh Thi Đại Nhã Tam, Văn Vương Chi Thập Tam Chi Nhất.

---

chương trước

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 **7** 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 **8**

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 **8** 9 | chương **1** 2 3 4 5 6 7 8

Phần 8

TỨ TƯỢNG

chương sau

Chương 1. Nhận định tổng quát

Sau Âm Dương, Dịch đề cập đến Tứ Tượng.

Tứ Tượng là: Thái Dương, Thiếu Dương, Thiếu Âm, Thái Âm. Tứ Tượng có thể được trình bày hoặc hiểu theo một trong ba cách sau đây:

A. Tứ Tượng theo các sách Dịch hiện tại

Theo các sách Dịch hiện nay, Tứ Tượng được hài danh và được trình bày như sau:

Thái Dương Thiếu Âm Thiếu Dương Thái Âm

Nếu vẽ lên vòng tròn ta sẽ có:

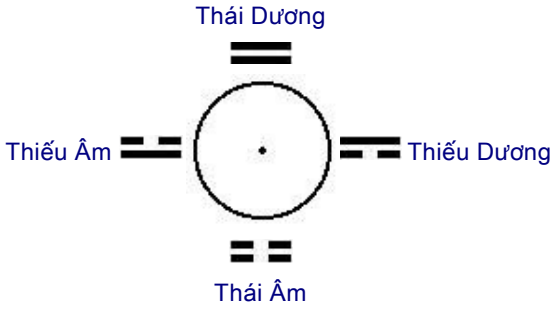

Lối trình bày trên có cái hay là cứ một Âm rồi lại tiếp một Dương.

B. Tứ Tượng theo Đổng Trọng Thư

Nhưng nếu chúng ta nhận định rằng: nửa vòng bên trái là Dương, nửa vòng bên phải là Âm, ta liền thấy lối trình bày trên không chỉnh, vì thế có triết gia không đồng ý và muốn trình bày lại như sau:

Thái Dương

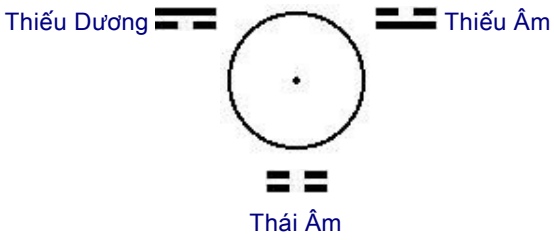

Trình bày như vậy ta sẽ thấy ở nửa bên trái hiện ra lẽ Âm tiêu Dương trưởng, và nửa bên phải hiện ra lẽ Dương tiêu Âm trưởng.

Đổng Trọng Thư đã xếp Thiếu Âm về phía Tây Kim, và Thiếu Dương về phía Đông Mộc.[1]

Tôi cũng theo chủ trương này, vì thấy nó hữu lý hơn.

C. Tứ Tượng theo Thiệu Khang Tiết

Thiệu Tử thì cho rằng:

Lưỡng Nghi là Động Tĩnh.

Tứ Tượng là: Dương, Âm, Cương, Nhu.

Ông trình bày lại như sau:

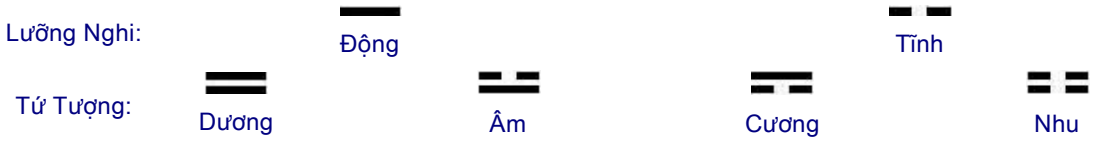

CHÚ THÍCH

[1] Đổng Trọng Thư viết: Kim sinh Thủy giả, Thiếu Âm chi khí ôn nhuận lưu trạch, tiêu Kim diệc vi Thủy. 董仲舒曰：金生水者，少陰之氣溫潤流澤銷金亦為水. (Kim sinh ra Thủy, khí Thiếu Âm ôn nhuận chảy trôi, nhuần thấm, vàng cũng chảy thành nước.) – Phùng Hữu Lan, Trung Quốc Triết Học Sử, trang 507.

---

chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 **8** 9 | chương **1** 2 3 4 5 6 7 8

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 8

TỨ TƯỢNG

chương trước chương sau

Chương 2. Huyền nghĩa của Tứ Tượng

Tứ Tượng trên phương diện tượng hình có thể giải như là 4 hiện tượng, 4 trạng thái cơ bản khác nhau, hoặc giai đoạn trên quá trình biến hóa của một thực thể duy nhất, là Thái Cực.

Phổ Tứ Tượng vào Hà Đồ, ta có:

Theo Hà Đồ, thì các số 1, 2, 3, 4 đều là sinh số. Và ta thấy các số 1, 2, 3, 4 tượng trưng cho Tứ Tượng, cho cơ cấu của Vạn Hữu.

Như vậy theo Dịch thì các số 1, 2, 3, 4 đều là phân thể của số 5 và số 10, vì:

$$1 + 4 = 5$$

$$2 + 3 = 5$$

$$1 + 2 + 3 + 4 = 10$$

Thế tức là Thái Dương, Thái Âm, Thiếu Dương, Thiếu Âm là phân thể của Thái Cực, của Thượng Đế.

Nói cách khác, vũ trụ là phân thể của Thực Thể duy nhất. Tổng hợp vũ trụ, ta sẽ có lại được Toàn Thể duy nhất. Theo Pythagore thì bốn con số 1, 2, 3, 4 cũng đã đủ tượng trưng cho vũ trụ và sự vận chuyển không cùng của vũ trụ và vạn hữu.[1]

Hoặc, các số 1, 2, 3, 4 là 4 trạng thái biểu dương cho sự phát hiện của Thượng Đế,

Tứ Tượng theo Pythagore được viết là:

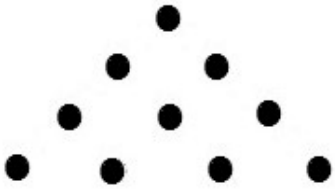

Nhiều nhà huyền học thay vì viết Tứ Tượng bằng số, đã viết bằng những vần trong chữ YHVH.

Họ viết:

Yod

Yod He

Yod He Vau

Yod He Vau He

Viết thành vòng tròn ta có:

Viết thành chu kỳ ta có:

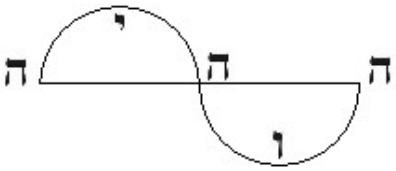

Mà Yod, He, Vau, He tức là YHVH (Yahve hay Jehovah) hay Thượng Đế.

Xét các đồ bản trên, ta thấy rằng Tứ Tượng chính là 4 trạng thái biến thiên chính yếu, 4 cơ cấu chính yếu, 4 hiện tượng chính yếu, 4 giai đoạn biến thiên chính yếu, trong đại chu kỳ biến hóa của hoàn võ. Phân ra bốn phương thì Tứ Tượng là phân thể của Thượng Đế. Hợp lại làm một ta lại được Thái Cực hoặc Thượng Đế.[2] Vì thế mà môn phái Pythagore tôn thờ và sùng thượng hình Tứ Tượng mà họ gọi là Tétragammaton hay Tétractys.

Nhìn ký hiệu của Tứ Tượng ta có thể nhận định thêm như sau: Vạn vật có thể có cơ cấu, khí chất ngược nhau như Thái Dương, Thái Âm; hoặc có nhiều hướng vận chuyển trái ngược nhau như Thiếu Dương, Thiếu Âm.

Nói cách khác, vạn vật có thể hoặc tụ, hoặc tán, hoặc hướng ngoại, hoặc hướng nội, hoặc tiến từ tinh thần đến vật chất, hoặc từ vật chất trở ngược về tinh thần.

Ta có thể lồng Tứ Tượng vào chu kỳ biến hóa của 4 mùa trong một năm, 4 lứa tuổi trong một đời người, 4 giai đoạn biến hóa trong chu kỳ vũ trụ:

Thiếu Dương: Dương khí từ lòng đất vươn lên; Dương khí bắt đầu hoạt động. (Xuân, tuổi thiếu niên, sáng, Sinh.)

Thái Dương: Dương khí tới thời toàn thịnh, phát huy vạn vật, khuếch tán vạn sự. (Hạ, tuổi thanh niên, trưa, Trưởng.)

Thiếu Âm: Âm khí thu liễm vạn vật. (Thu, tuổi thành niên, chiều, Liễm.)
Thái Âm: Âm khí hàm tàng vạn vật. (Đông, tuổi lão thành, tối, Tàng.)

CHÚ THÍCH

[1] Ce qu'ici-bas nous nommons par ces termes (Quatre éléments) sont les ressemblances et pour tout dire les vêtements dans le monde physique, de ces 4 Principes, de ces 4 états, de ces 4 Nombres qu sont les 4 éléments. — Raoul Auclair, Le Livre des Cycles, p. 143.

[2] Pythagoras having learned in Egypt the name of the true God, the Mysterious and Ineffable Name Jehovah, and finding that in the original tongue, it was composed of four letters translated it into his own language by the word Tetratys, and gave the true explanation of it, saying that it properly signified the source of nature that properly rolls along. — Mackey's Revised Encyclopedia of Freemasonry, vol 2, p. 1033.

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 **8** 9 | chương 1 **2** 3 4 5 6 7 8

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 8

TỨ TƯỢNG

chương trước chương sau

Chương 3. Tứ Tượng với nền học thuật tư tưởng Trung Hoa

Dịch có Tứ Tượng thì Thiên Văn Trung Hoa cũng có Tứ Viên. Đó là: Tử Vi Viên, Thái Vi Viên, Thiên Thị Viên, Thiếu Vi Viên.[1]

Nhị Thập Bát Tú trên trời cũng được chia thành 4 chòm sao:

a. Chòm Thanh Long phía Đông gồm 7 sao: Giác 角, Cang 亢, Đê 氐, Phòng 房, Tâm 心, Vĩ 尾, Cơ 箕.

b. Chòm Chu Tước phía Nam gồm 7 sao: Tỉnh 井, Quỉ 鬼, Liễu 柳, Tinh 星, Trương 張, Dực 翼, Chẩn 軫.

c. Chòm Bạch Hổ phía Tây gồm 7 sao: Khuê 奎, Lâu 婁, Vị 胃, Mão 昴, Tất 畢, Chủy 觜, Sâm 參.

d. Chòm Huyền Võ phía Bắc gồm 7 sao: Đẩu 斗, Ngưu 牛, Nữ 女, Hư 虛, Nguy 危, Thất 室, Bích 壁.

Dịch có Tứ Tượng thì một năm cũng có bốn mùa, thế giới cũng có bốn phương, bốn biển, xã hội có Tứ Dân (Sĩ, Nông, Công, Thương), luân lý có Tứ Duy (Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ)… Dịch cho rằng chu kỳ biến hóa của vũ trụ quần sinh sẽ trải qua bốn thời kỳ:

1. Nguyên: Căn nguyên Trời làm cho vạn vật trổ sinh.

2. Hanh: Nhờ căn nguyên ấy, nhờ nguồn sống vô biên ấy vạn vật lớn mạnh, sẽ phát huy được mọi tiềm năng, tiềm lực.

3. Lợi: Nhờ vậy sẽ có những ứng dụng vô biên, và sẽ được thoải mái, thảnh thơi, toại ý.

4. Trinh: Cuối cùng sẽ đi đến chỗ thành tựu, đến chỗ hoàn thiện.

Bốn giai đoạn biến hóa

Chu kỳ biến dịch ấy sẽ theo tiết tấu sau: SINH, TRƯỞNG, LIỄM, TÀNG.

Theo Dịch thì Tứ Tượng cũng ứng vào Tứ Đức ở nơi người. Đó là: NHÂN, NGHĨA, LỄ, TRÍ.

Dịch có Tứ Tượng thì Phật giáo cũng có Tứ Đại. Đó là: ĐỊA, THỦY, HỎA, PHONG.

Dịch chia chu kỳ biến hóa của vũ trụ, vạn hữu thành bốn thời kỳ (Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh) thì Ấn Độ cũng chia chu kỳ biến hóa của thế giới hiện tượng này thành bốn thời kỳ:

a. Krita Yuga (Kim đại): 4800 năm trời hay 1,728,000 năm đất: 4800 x 360.

b. Treta Yuga (Ngân đại): 3600 năm trời hay 1,296,000 năm đất: 3600 x 360.

c. Dwapara Yuga (Đồng đại): 2400 năm trời hay 864,000 năm đất: 2400 x 360.

d. Kali Yuga (Thiết đại): 1200 năm trời hay 432,000 năm đất: 1200 x 360.

Đơn giản các năm nói trên để lấy tỷ lệ, ta sẽ có:

Kim đại lâu bằng 4.

Ngân đại lâu bằng 3.

Đồng đại lâu bằng 2.

Thiết đại lâu bằng 1.

Đó chính là bốn con số ta thấy trong Hà Đồ, hoặc trong Tétractys của Pythagore.

Vẽ thành đồ bản những nhận xét trên ta sẽ có như sau:

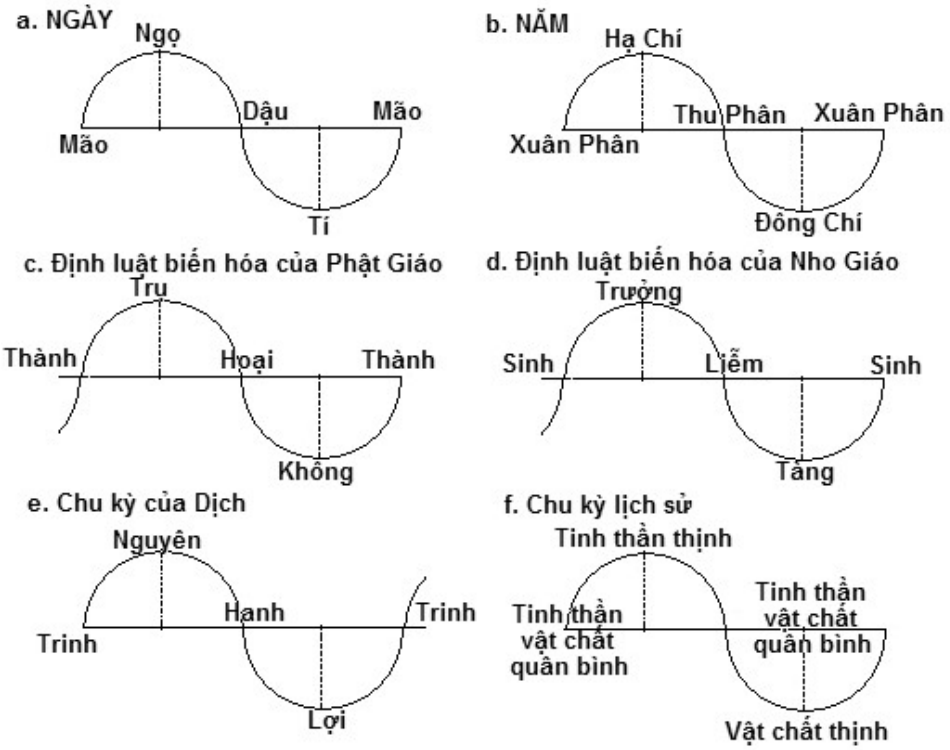

Thiệu Khang Tiết đã triệt để áp dụng thuyết Âm Dương, Tứ Tượng vào học thuyết của ông. Ông viết: «Cái lớn của sự động gọi là Thái Dương, cái nhỏ của sự động gọi là Thiếu Dương; cái lớn của sự tĩnh gọi là Thái Âm, cái nhỏ của sự tĩnh gọi là Thiếu Âm.

Thái Dương làm mặt trời, Thái Âm làm mặt trăng; Thiếu Dương làm các ngôi sao, Thiếu Âm làm các khoảng cao mờ trên trời: Nhật, Nguyệt, Tinh, Thần giao với nhau mà cái thể của trời được bao quát hết vậy.

Thái Nhu làm nước, Thái Cương làm lửa, Thiếu Nhu làm đất, Thiếu Cương làm đá: Thủy, Hỏa, Thổ, Thạch giao với nhau mà cái thể của đất được bao quát hết vậy.

Mặt Trời làm nóng, Mặt Trăng làm lạnh, Tinh làm ngày, Thần làm đêm: Nóng, lạnh, tinh, thần giao với nhau mà sự biến của trời được bao quát hết vậy.

Nước làm mưa, Lửa làm gió, Đất làm sương, Đá làm sấm: Mưa gió, sương, sấm thần giao với nhau mà sự hòa của đất được bao quát hết vậy.

Nóng biến cái tính của vật, lạnh biến cái tình của vật, ngày biến cái hình của vật, đêm biến cái thể của vật: Tính, tình, hình, thể giao với nhau mà sự cảm của giống động vật và thực vật được bao quát hết vậy.

Mưa hóa sự chạy của vật, gió hóa sự bay của vật, sương hóa loài cỏ của vật, sấm hóa loài cây của vật: Sự chạy, sự bay, loài cỏ, loài cây giao với nhau mà sự ứng của giống động vật và thực vật được bao quát hết vậy.

Người ta đối với nóng lạnh, ngày đêm không có lúc nào mà không biến; đối với mưa, gió, sương, sấm không có lúc nào mà không hóa; đối với tính, tình, hình, thể không có lúc nào mà không cảm; đối với sự chạy, sự bay, loài cỏ, loài cây không có lúc nào mà không ứng.

Bởi thế mắt trông rõ sắc vạn vật, tai nghe rõ tiếng của vạn vật, mũi ngửi rõ khí của vạn vật, miệng rõ mùi của vạn vật. Loài người như thế cho nên linh hơn vạn vật là phải vậy.»

Thiệu Khang Tiết còn lấy cái thể và cái dụng của Tứ Tượng mà lập thành số, thành đồ, cho nên bao giờ cũng lấy số 4 mà phối hợp nhau, như là: Nhật, Nguyệt, Tinh, Thần; Thủy, Hỏa, Thổ, Thạch, làm cái thể và cái dụng của trời đất; lấy Nóng, Lạnh, Ngày, Đêm; Mưa, Gió, Sương, Sấm, làm sự biến và sự hóa của đất trời; lấy Tính, Tình, Hình, Thể; Chạy, Bay, Cỏ, Cây, làm sự cảm và sự ứng của vạn vật; lấy Nguyên, Hội, Vận, Thế; Tuế, Nguyệt, Nhật, Thì, làm cái trước và cái sau của trời đất. Ông theo cái lý số 4 ấy mà tính, cho Nhật là Nguyên, Nguyệt là Hội, Tinh là Vận, Thần là Thế, và ông theo phương pháp nạp Âm mà tính từ năm Giáp Thìn là năm nguyên niên đời vua Nghiêu, đến năm Kỷ Mùi là năm thứ 5 đời vua Mục Vương nhà Chu, ghi rõ lúc hưng, lúc vong, thời trị, thời loạn, trong khoảng thời gian ấy, để làm chứng thực cho sự học của mình…[2]

Đổng Trọng Thư thì lại áp dụng Tứ Tượng vào cách trị dân. Đại khái Đổng Trọng Thư cho rằng: Trời có Xuân, Hạ, Thu, Đông: Xuân sinh, Hạ trưởng, Thu sát, Đông tàng, thì Vua Chúa cũng phải có đủ bốn vẻ là yêu, ghét, vui, giận, lại phải biết lúc khen, lúc thưởng, lúc phạt, lúc hình, để tương ứng với bốn mùa Trời, bốn vẻ của Trời, bốn tác động của Trời.[3] Thế là bắt chước Trời, bắt chước Bốn Mùa mà giáo dưỡng cho nhân loại được trở nên thành toàn.

CHÚ THÍCH

[1] Hữu Tứ Viên dĩ trấn tứ phương: Tử Vi, Thiên Thị, Thái Vi, Thiếu Vi dã…. Tứ Viên tức Tứ Tượng dã. 有四圍以鎮四方：紫微, 天市, 太微, 少微也 ... 四圍即四象也.

[2] Trần Trọng Kim, Nho Giáo, quyển 2, trang 109-110.

[3] Phùng Hữu Lan, Trung Quốc Triết Học Sử, trang 525.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 **8** 9 | chương 1 2 **3** 4 5 6 7 8

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 8

TỨ TƯỢNG

chương trước chương sau

Chương 4. Tứ Tượng và học thuật Âu Châu

Chúng ta cũng có thể dùng Tứ Tượng làm bàn đạp để nghiên cứu các huyền thoại, các tượng hình của Âu Châu. Ở Âu Châu, Tứ Tượng được thể hiện bằng:

- 4 cánh của chữ Thập

- 4 phương đất

- 4 phương trời

- 4 mùa

- 4 vì sao đánh dấu 4 mùa: Aldébaran (Mắt Kim Ngưu), Régulus (Tim Sư Tử), Antarès (Tim Thiên Yết), và Fomalhaut (Miệng Cá Nam Đẩu).[1]

Tứ Linh tượng trưng cho 4 cung trời, 4 phương trời chính. Tứ Linh là:

- Bò tức là cung Kim Ngưu (Taureau)

- Sư tử tức là cung Sư Tử (Lion)

- Phượng tức là cung Thiên Yết (Scorpion)

- Người tức là cung Bảo Bình (Verseau).

Sau này Tứ Linh cũng tượng trưng cho 4 Thánh Sử Công giáo:

- Bò tượng trưng cho thánh Luc

- Sư tử tượng trưng cho thánh Marc

- Phượng tượng trưng cho thánh Jean

- Người tượng trưng cho thánh Mathieu.

Thánh kinh Công giáo thường cũng hay chắp Tứ Linh nói trên thành một con thú duy nhất. Chính vì thế mà 4 quái thú mà Ézéchiel trông thấy trên sông Kebar đều có bốn mặt: mặt người, mặt sư tử, mặt bò, và mặt phượng. (Ézec. I, 4-12). Trong Khải Huyền, ta lại thấy Tứ Linh (Sư tử, Bò, Người, Phượng) vây

quanh tòa Thiên Chúa. (Apo. 4, 7, 8). [2]

Con quái thú ở Gizeh, hoặc con quái thú trong thần thoại Hi Lạp có mặt người, mình bò, chân sư tử, cánh phượng. [3] Tứ Linh dẫn tới Thái Cực làm ta liên tưởng đến bốn con sông Tigre, Euphrate, Pishôn, và Gihôn từ 4 phương chính dẫn tới vườn Địa Đàng (Gen. 2, 1014).

Dịch có Thái Cực (Tuyệt đối), Lưỡng Nghi (Âm, Dương; Mặt Trăng, Mặt Trời) và Tứ Tượng. Tứ Tượng là:

- Thiếu Dương, Đông Mộc, màu xanh.
- Thái Dương, Nam Hỏa, màu đỏ.
- Thiếu Âm Tây Kim, màu trắng.
- Thái Âm, Bắc Thủy, màu đen.

Lạ lùng thay, khi đọc sách Khải Huyền, nơi chương Bảy Ấn Tín (Apo. 6, 1 -17) ta thấy:

- Khi mở ấn tín thứ 1, thánh Joan thấy một kỵ mã cưỡi ngựa bạch.
- Khi mở ấn tín thứ 2, thánh Joan thấy một kỵ mã cưỡi ngựa đỏ.
- Khi mở ấn tín thứ 3, thánh Joan thấy một kỵ mã cưỡi ngựa đen.
- Khi mở ấn tín thứ 4, thánh Joan thấy một kỵ mã cưỡi ngựa xanh.
- Khi mở ấn tín thứ 5 và thứ 6, thánh Joan thấy mặt trời, mặt trăng biến sắc (Lưỡng Nghi, Âm Dương).
- Khi mở ấn tín thứ 7, thánh Joan thấy Tòa hoặc Bàn Thờ Thiên Chúa.

Như vậy sách Khải Huyền đã cho chúng ta thấy Tứ Tượng, Lưỡng Nghi, Thái Cực như một cuốn phim chiếu ngược lại, còn Dịch cho chúng ta thấy Thái Cực, Lưỡng Nghi, Tứ Tượng như một cuốn phim chiếu theo chiều xuôi. [4]

Đọc Zacharie, ta lại thấy đề cập đến 4 màu sắc của Tứ Tượng. Zacharie đã thấy 4 chiếc xe từ khoảng giữa hai ngọn núi chạy ra. Một cỗ xe có ngựa đỏ kéo; một cỗ xe có ngựa đen kéo; một cỗ xe có ngựa trắng kéo; một cỗ xe có ngựa xám kéo. (Zacharie, 6, 1-6).

Những sự trùng hợp của Thánh Kinh với Tứ Tượng của Dịch này, không thể coi là ngẫu nhiên được.

Âu Châu còn có một khoa bói, tương tự khoa bói Dịch gọi là Tarot. Chữ Tarot gồm có chữ Tau và chữ Rho. Hi Lạp xếp lại thành chữ Taro hay Rota. Mà Rota là bánh xe, là quay. Chữ Tarot cũng chính là chữ Rota viết ngược lại.

Một số lá bài Tarot

Cỗ bài Tarot gồm có 78 lá: 22 lá chính, 56 lá phụ.

56 lá phụ này được chia thành 4 loại tượng trưng cho Tứ Tượng. Đó là:

- 16 lá bài Gậy (Bâton), tượng trưng Hỏa (Feu) hay Sinh (Vie).
- 16 lá bài Tiền (Denier), tượng trưng Thổ (Terre) hay Hữu (Possession).
- 16 lá bài Gươm (Épée), tượng trưng Khí (Air) hay Hành (Activité).
- 16 lá bài Chén (Coupe), tượng trưng Thủy (Eau) hay Thụ (Sensibilité).

Tứ Tượng nói trên: Hỏa, Địa, Khí, Thủy chính là những chất mà người Âu Châu xưa tưởng là 4 nguyên tố tạo thành Vũ Trụ, Vạn Hữu.

Họ cũng định tính chất của Tứ Tượng như sau:

Hỏa thời Nhiệt (Chaud)

Địa thời Hàn (Froid)

Khí thời Táo (Sec)

Thủy thời Thấp (Humide).

Bốn tính chất cơ bản nói trên, giao thoa, pha phách với nhau để sinh ra tính chất muôn loài. Ví dụ tính nết con người cũng được chia thành bốn loại:

* Hăng hái (Sanguin): Nhiệt thấp (Chaud humide)

* Điềm tĩnh (Lymphatique): Hàn thấp (Froid humide)

* Đa sầu (Bilieux): Nhiệt táo (Chaud sec)

* Đa nộ (Nerveux): Hàn táo (Froid sec), v.v…

Khảo về Huyền thoại, Tượng hình, Đạo giáo, Học thuật cổ Âu Châu song song với Dịch Kinh và Lưỡng Nghi, Tứ Tượng đã cho chúng ta thấy rằng xưa kia đã có một Khoa Học Thái Cổ, với những Huyền thoại đặc biệt, những Tượng hình đặc biệt, những quan niệm, những nhận định đặc biệt, đã được truyền thụ và lưu hành từ Đông sang Tây, và Dịch Kinh chính là chiếc chìa khóa giúp ta mở lại những cánh cửa thời gian và học thuyết để đi về cái dĩ vãng xa xăm huyền ảo đó.

CHÚ THÍCH

[1] Robert Ambelain, Traité d'astrologie ésotérique, trang 155.

Khổng Học Tinh Hoa của tác giả, trang 164.

[2] Louis Lallemant, La Vocation de l'Occident, trang 23.

Khổng Học Tinh Hoa của tác giả, chú thích 1 và 2, trang 165.

[3] Les Mages portaient les Roses + Croix suspendues au cou par une chaîne d'or, mais pour ne pas laisser livrer aux profanes le mot sacré INRI, ils remplacaient ces quatre lettres par les quatre figures qui s'unissent dans le Sphinx: l'Ange, le Taureau, le Lion, et l'Aigle. — Robert Ambelain, Traité d'astrologie ésotérique, trang 56.

[4] Xem Bible de Jerusalem, các chương Khải Huyền hoặc Zacharie dẫn thượng.

Xem Léopold de Saussure, La Série Septenaire Cosmologique et Planétaire, pp. 350-358.

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 **8** 9 | chương 1 2 3 **4** 5 6 7 8

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 8

TỨ TƯỢNG

chương trước chương sau

Chương 5. Tứ Tượng với chữ Thập, chữ Vạn

Ta có thể vẽ Tứ Tượng như sau:

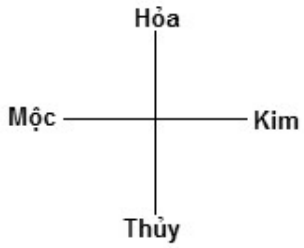

Hình vẽ trên làm ta liên tưởng đến hình chữ Thập (+) và chữ Vạn (卍).

1. Chữ Thập + và Tứ Tượng

Chữ Thập chắc thời xa xưa cũng có ý nghĩa tương tự như Tứ Tượng. Chữ Thập cổ đó trên dưới, ngang dọc bằng nhau, như vậy mới xác định Trung Điểm một các dễ dàng được.

Chữ Thập là một biểu tượng đã có từ thời xa xưa. Chữ Thập cổ nhất mà người ta tìm được là chữ Thập hiện được bảo tàng ở British Museum dưới bộ số 89.128.

Chữ Thập này đã được chế tạo vào triều đại Kassite xứ Babylone. Thời đại Kassie bắt đầu từ triều đại Gandash năm 1746 trước kỷ nguyên, và kết thúc đời vua Ellil-Nâdin-Ahê năm 1171 trước kỷ nguyên.[1]

Sánh chữ Thập với Tứ Tượng và Thái Cực, ta sẽ suy ra rằng bốn cánh bên ngoài tượng trưng cho Vạn Hữu, hoặc 4 giai đoạn, 4 trạng thái biến thiên của vạn hữu; còn tâm điểm của chữ Thập sẽ tượng trưng cho Thái Cực, cho Tạo Hóa chủ trì mọi biến hóa.

2. Chữ Vạn 卍 và Tứ Tượng

Từ Tứ Tượng suy ra ta cũng thấy rằng bốn cánh của chữ Vạn 卍 tượng trưng cho vạn hữu linh động, biến hóa chuyển dịch bên ngoài, còn tâm điểm chữ Vạn tượng trưng cho Chân tâm bất biến ở bên trong.

Vả chữ Vạn cũng không phải là sản phẩm của Phật Giáo. Các cuộc khai quật các cổ tích ở Mohenjo-Daro, ở Hirappa cho thấy rằng hình chữ Vạn là một biểu tượng đạo giáo và ma thuật từ thời xa xưa ở

Babylone và Elam.

Mà lạ lùng nhất là chữ Vạn, như là một trang trí, được thấy nhiều trong nhà thờ Công Giáo. Ví dụ ta thấy hình chữ Vạn ở Vương cung Thánh đường giáng sinh tại Bethléem, hoặc trên những khăn bàn thờ ở Heiligengrabe (Đức), ở nhà thờ Sainte Marie des Champs tai Soest (Đức), trong một bức họa nơi nhà thờ ở Dalby (Nam Thụy Điển) hoặc trên quả chuông nhà thờ Utterslev ở Đan Mạch, v.v…[2]

Chúng ta có thể nói được rằng chữ Thập là Tứ Tượng ở thế Tĩnh; chữ Vạn là Tứ Tượng ở thế Động.

Chữ Thập, chữ Vạn, đều chỉ Thế Giới Hiện Tương, hoặc Vạn Hữu ở bên ngoài.

Sánh Tứ Tượng của Dịch, Tetragrammaton của Pythagore, chữ Thập và chữ Vạn, ta có một phương trình sau đây:

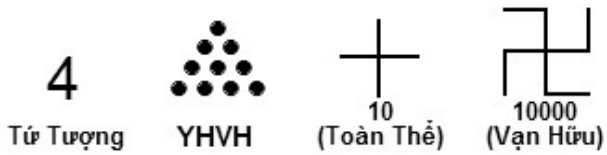

Như vậy rõ ràng Tứ Tượng là hiện thân của Thượng Đế, và Vạn Hữu là là hiện thân của Thượng Đế.

CHÚ THÍCH

[1] E.A. Wallis Budge, Amulets and Talisman, p. 337.

[2] L'Origine de la Croix gammée. Réveillez vous, 22/11/1970. No 22, p. 21 et ss.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 **8** 9 | chương 1 2 3 4 **5** 6 7 8

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 8

TỨ TƯỢNG

chương trước chương sau

Chương 6. Tứ Tượng và khoa học hiện đại

Năm 1960, khi viết quyển Trung Dung Tân Khảo, tôi tình cờ đọc quyển The Genetic Code của Isaac Azimow. Nơi trang 162-163 của sách, Ông cho rằng cơ thể vạn hữu được cấu tạo bởi 64 Nucleotides. Mà 64 Nucleotides đó lại được cấu tạo bởi sự phối hợp của 4 acids: A = Adelynic acid; G = Guanilic acid; C = Cytidylic acid; U = Uridylic acid (A; G; C; U là ký hiệu của bốn chất acid nói trên.) Và Isaac Azimow trình bày thành đồ bản như sau:

I. AAA, AAG, AAC, AAU, AGA, AGG, AGC, AGU

II. ACA, ACG, ACC, ACU, AUA, AUG, AUC, AUU

III. GAA, GAG, GAC, GAU, GGA, GGG, GGC, GGU

IV. GCA, GCG, GCC, GCU, GUA, GUG, GUC, GUU

V. CAA, CAG, CAC, CAU, CGA, CGG, CGC, CGU

VI. CCA, CCG, CCC, CCU, CUA, CUG, CUC, CUU

VII. UAA, UAG, UAC, UAU, UGA, UGG, UGC, UGU

VIII. UCA, UCG, UCC, UCU, UUA, UUG, UUC, UUU [1]

Đọc đoạn này tôi liên tưởng ngay đến Tứ Tượng và 64 quẻ Dịch. Tôi liền thay:

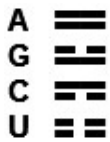

Ta sẽ có 64 quẻ Dịch đúng theo thứ tự của vòng Tiên Thiên Lục Thập Tứ Quái như sau:

1. Kiền, Quải, Đại Hữu, Đại Tráng, Tiểu Súc, Nhu, Đại Súc, Thái.

2. Lý, Đoài, Khuê, Qui Muội, Trung Phu, Tiết, Tổn, Lâm.

3. Đồng Nhân, Cách, Ly, Phong, Gia Nhân, Ký Tế, Bí, Minh Di.

4. Vô Vọng, Tùy, Phệ Hạp, Chấn, Ích, Truân, Di, Phục.

5. Cấu, Đại Quá, Đỉnh, Hằng, Tốn, Tỉnh, Cổ, Thăng.

6. Tụng, Khôn, Vị Tế, Giải, Hoán, Khảm, Mông, Sư.

7. Độn, Hàm, Lữ, Tiểu Quá, Tiệm, Kiển, Tốn, Khiêm.

8. Bĩ, Tụy, Tấn, Dự, Quan, Tỉ, Bác, Khôn.

(Trong hình sau đây, bắt đầu là quẻ Kiền, số 1 hướng Nam, đi ngược chiều kim đồng hồ là các quẻ Quải, Đại Hữu, Đại Tráng, Tiểu Súc, Nhu, Đại Súc, Thái, v.v...)

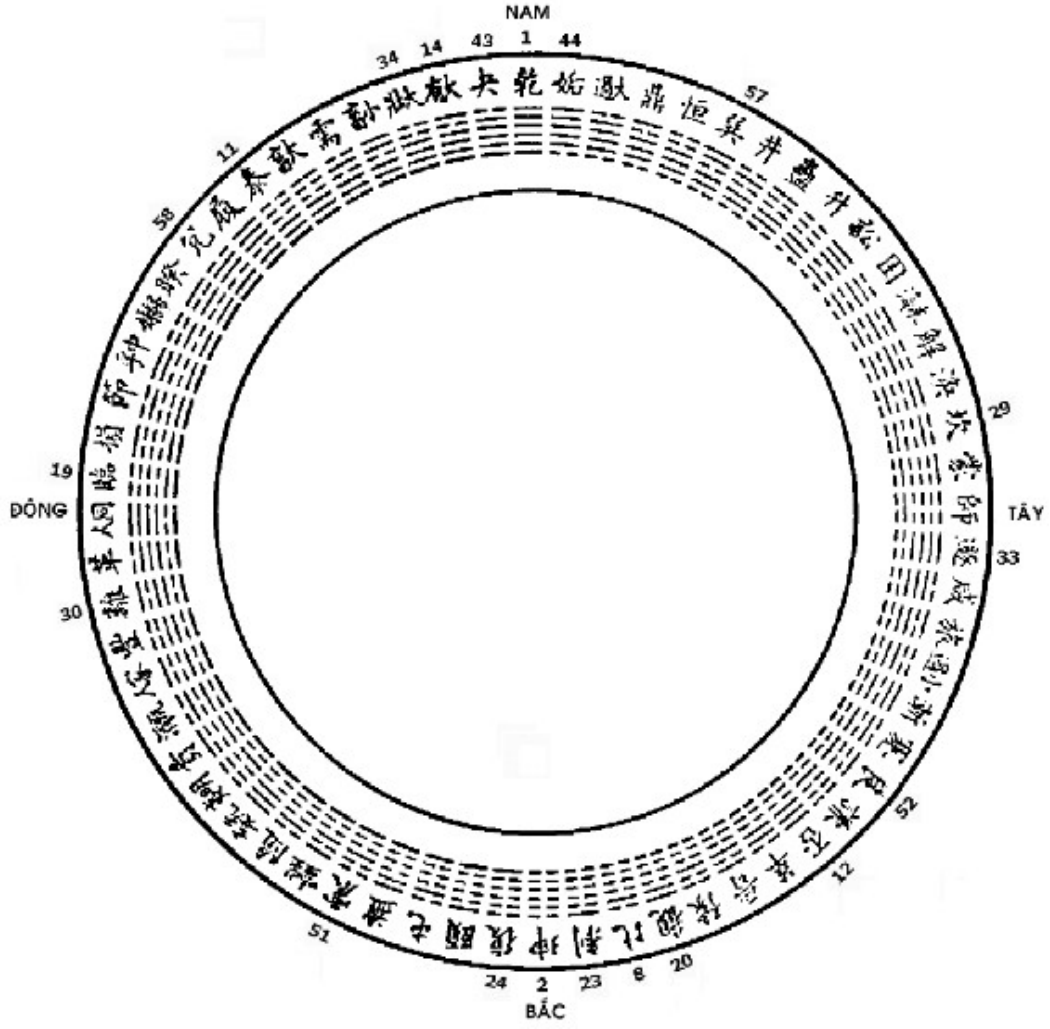

Tiện đây tôi cũng muốn cống hiến quý vị một trùng hợp hết sức kỳ thú khác. Đó là Ông Lama Anagarika, người Đức, trong cuốn sách Ông viết ở Kumaon Himalaya, India, năm 1980, xuất bản ở San Francisco năm 1981, nhan đề là The Inner Structure of the I Ching, Ông cũng đem 64 quẻ Dịch so sánh với 64 Nucleotides, những yếu tố cấu tạo nên con người. Tôi bàn về vấn đề này năm 1960; sách tôi chỉ mới được in roneo, chứ chưa xuất bản. Ông Lama Anagarika viết vấn đề này, vào khoảng năm 1980. Ông không đọc sáchtôi; tôi không đọc sách Ông; thế mà lúc đem so sánh, thấy vấn đề trình bày chỉ khác nhau chút đỉnh, một chín một mười. Thấy vậy, tôi càng tin rằng: Chân lý phát xuất tự thâm tâm, cũng y thức như người xưa đã nói:

Quan Âm nghìn mắt nghìn tay,

Cũng do một điểm Linh Đài mà ra.

Đằng khác, ta có thể nhận định rằng bốn nguyên tố chính trong vũ trụ có hóa trị như sau:

H (Hydrogène) : 1

O (Oxygène) : 2

N (Azote) : 3

C (Carbone) : 4

Sau hết ta cũng nên nhắc qua rằng gần đây Léon Bourdel đã phân tính nết con người làm bốn hạng dựa vào sinh lý (4 loại máu) và nhạc lý. Theo Léon Bourdel , có 4 hạng người như sau:

1. Hạng người Hòa Âm (Harmoniques) (Dị cảm) [2] có loại máu A.
2. Hạng người Nhạc Điệu (Mélodique) (Quyền biến) [3] có loại máu O.
3. Hạng người Tiết Tấu (Rythmique) (Nhất quyết) có loại máu B.
4. Hạng người Tạp Cách (Complexes) (Dị cảm) có loại máu AB.

Đó là ít nhiều chứng minh rằng Tứ Tượng có thể cắt nghĩa được nhiều bí ẩn của cuộc đời…

CHÚ THÍCH

[1] Isaac Azimow, The Genetic Code, pp. 162-163.

[2] Dans la vie, ces tempéraments Harmoniques se comportent comme envers la musique. Ils recherchent toujours les accords affectifs avec l'ambiance. Quand ils les trouvent, ils s'épanouissent. Quand ils se heurtent à des dissonances, ils se replient sur eux-mêmes, ils se ferment, ils se révoltent, ou ils s'en vont. Ce sont les plus vulnérables au milieu extérieur, car celui-ci déclenche en eux des résonances à l'infini, et sans que le volonté puisse intervenir. Le milieu peut donc, indépendemment de leur valeur intrinsèque, les inspirer ou les éteindre, et quelquefois même les détruire. — Léon Bourdel, Group Sanguins et Tempéraments, p. 10.

[3] Le Mélodique est celui don't l'adaptivité est la plus inconditionnelle, la plus totale. Il sent et vit comme une mélodie qui se déroule, s'adaptant aux diverses variations du milieu extérieur, ayant tendance à s'intégrer spontanément au milieu dans lequel il baigne, changeant quand le milieu change et évoluant avec lui, sans avance prophétique mais sans retard non plus. — Ib. 14.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 **8** 9 | chương 1 2 3 4 5 **6** 7 8

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 8

TỨ TƯỢNG

chương trước chương sau

Chương 7. Chu kỳ hoạt động của Tứ Tượng

Tứ Tượng là bốn yếu tố căn bản tạo thành vũ trụ, mỗi yếu tố ấy hoạt động mạnh mẽ một thời kỳ, sinh ra một sắc thái đặc biệt, một phong vị đặc biệt, một tác dụng đặc biệt. Ví dụ:

Mộc, hoạt động mạnh mẽ vào mùa Xuân của năm, của con người, hay của vũ trụ, làm cho vạn vật sinh sôi, cơ thể con người nảy nở, vũ trụ triển dương. Vì tương ứng với Xuân, nên Mộc có màu xanh, vì Xuân sang thời cỏ non xanh rợn chân trời. Mộc tương ứng với vị chua, cũng y như con người khi còn trẻ thường cong cớn, chua ngoa, coi mọi người bằng nửa con mắt, coi trời bằng vung.

Hỏa, hoạt động vào mùa Hạ của mỗi năm, của con người, hay của vũ trụ. Hỏa tượng trưng cho sự hăng nồng, sự muốn phát triển đến tột độ, phóng phát đến tột độ. Hạ thời cỏ cây đầu hoa lá rực rỡ muôn màu, con người thì huyết khí phương cương, lao mình vào trường đời để tìm cầu danh lợi; vũ trụ thời bành trướng đến kỳ cùng và cuộc phong trần cũng đầy khổ ải...

Kim, hoạt động vào mùa Thu. Đó là lúc cỏ cây kết quả, con người thu lượm thành quả, vũ trụ cũng đã đi vào con đường thu liễm.

Sự suy tàn bác lạc đã được báo tri với những lá vàng bay trước gió, với những làn sương trắng phủ đầu non, với những mái tóc hoa râm, với những làn tâm sự đã ba71t đầu đượm hơi thu mệt mỏi.

Lúc này đã:

Mùi tục lụy lưỡi tê tân khổ

Đường thế đồ, gót rỗ kỳ khu...

Lúc này là lúc con người muốn quay trở về với lòng mình, với Trời, với thiên nhiên, sau khi đã dấn thân vào ngoại cảnh, và qui ước....

Thủy hoạt động với mùa Đông. Đó là thời kỳ mà cỏ cây thu nhựa vào phía bên trong để chuẩn bị một mùa Xuân mới; vũ trụ cũng thu tàng, cũng súc tụ (contraction, intériorisation) và con người cũng thấy lòng mình trở nên lạnh lùng đối với ngoại cảnh, và muốn quay trở về sống một cuộc sống nội tâm, siêu thoát hơn...

Vũ trụ thiên nhiên cũng sẽ thu súc lại để chuẩn bị cho một chu kỳ biến thiên, hoạt động mới....

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 **8** 9 | chương 1 2 3 4 5 6 **7** 8

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 8

TỨ TƯỢNG

chương trước

Chương 8. Kết luận

Khảo sát về Tứ Tượng, ngoài những hiểu biết thêm về phương diện lý thuyết, chúng ta còn lĩnh hội được một bài học thực tiễn về đời sống. Đó là phải sống theo tuổi tác của chúng ta. Chúng ta có 4 lứa tuổi: thiếu niên, thanh niên, thành niên, lão thành.

Vậy chúng ta phải tùy thời, tùy tuổi tác mà hành sự, mà nhận lãnh những vai trò, mà thực hiện những công trình đã dành cho mỗi lứa tuổi, có như vậy, sự phát triển của cơ thể, và các quan năng của chúng ta mới được toàn bích.

Thế mới hay:

Năm kia có bốn mùa trời,
Con người bốn lứa, khúc nhôi phân trình,
Mùa trời lộn lạo, đảo khuynh,
Đông thời oi ả, Hạ đành tuyết sương.
Xuân, Thu tráo trở cương thường,
Núi long, đất lở, tai ương chập chùng.
Tuổi người lộn lạo, rối tung,
Dĩ nhiên tai ách, khốn cùng một thân.
Lẽ trời phản phúc, khuất thân,
Âm Dương thuận nghịch phải lần cho ra.
Cương Nhu, tùy tiện mới là,
Tùy theo tuổi tác mà xa, gần Trời.
Có cao, có thấp, mới vui,
Tinh thần, vật chất, tùy thời chắt chiu.

Âm Dương tiêu tức chu lưu,

Bao la trời đất kinh phiêu mặc tình...

---

chương trước

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 **8** 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 **8**

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 9

NGŨ HÀNH

chương sau

Chương 1. Nhận định tổng quát

Tứ Tượng hay 4 trạng thái biến thiên ở bên ngoài không thể làm cho chúng ta quên đi được thực thể duy nhất, làm chủ chốt bên trong. Vì thế nói đến Tứ Tượng, tất nhiên là phải nói đến Ngũ Hành, nghĩa là phải đề cập thêm đến Hành Thổ ở tâm điểm.

Dịch không trực tiếp đề cập đến Ngũ Hành. Ngược lại Ngũ Hành đã được đề cập đến ở Kinh Thư, Thiên Hồng Phạm; ở Lễ Ký, Thiên Nguyệt Lệnh.

Tuy nhiên, trong bộ Ngự Án Đại Toàn Dịch Kinh Tôn Bổ, nơi chương Văn Vương Bát Quái phương vị, ta cũng thấy có đôi nhà bình giải đề cập đến vấn đề Ngũ Hành, trong đó có Ngự Án của Khang Hi, và lời bình của Hạng Bình Am.

Ngự Án bình rằng: Khảm Thủy, Ly Hỏa, Tốn Mộc, Khôn Thổ thì đã đành là hợp với Tượng các quẻ (ở trong Thuyết quái). Đến như Kim, thì mới chỉ là một trong những Tượng quẻ Kiền; Thương Lang Trúc (Mộc) thì mới chỉ là một trong những Tượng quẻ Chấn. Cấn mà suy ra là Thổ thì cũng tạm gọi là được; đến như Đoài thì tuyệt không thấy có Tượng là Kim. (Xem Đại Toàn, quyển I, trang 46, 47)

Hạng Bình Am bình rằng: Thứ tự các quẻ Hậu Thiên đem Ngũ Hành phối hợp với Tứ Thời.

- Chấn Tốn đều thuộc Mộc chủ Xuân, cho nên Chấn ở Đông phương, Tốn ở Đông Nam.

- Ly, Hỏa, chủ Hạ nên ở Nam.

- Đoài, Kiền, hai Kim, chủ Thu, nên Đoài ở Chính Tây, Kiền ở Tây Bắc.

- Khảm Thủy, chủ Đông, nên là quẻ của Bắc phương.

- Thổ vượng Tứ Quí, nên Khôn thổ ở Hạ, Thu giao nhau, tức là ở phía Tây Nam. Cấn Thổ, tại nơi Đông Xuân giao nhau, tức là ở Đông Bắc.

- Mộc, Kim, Thổ mỗi hành có 2 quẻ. Đó là hình vượng. Thủy, Hỏa có một quẻ. Đó là khí vượng.

- Khôn, Thổ Âm cho nên ở phía Âm.

- Cấn, Thổ Dương cho nên ở phía Dương.

- Chấn là Dương Mộc cho nên ở chính Đông. Tốn là Âm Mộc cho nên ở gần phía Nam và tiếp giáp với Âm.

- Đoài là Âm Kim nên ở phía Tây.

- Kiền là Dương Kim cho nên ở gần phía Bắc và tiếp giáp với Dương. (Dịch Kinh Đại Toàn, quyển I, tr. 47)

Các nhà bình giải cho rằng vòng Dịch Tiên Thiên của Phục Hi không phân Ngũ Hành. Vòng Dịch Hậu Thiên của Văn Vương mới phân Ngũ Hành. Phương vị như sau:

Dịch, trong chính Kinh, không đề cập đến Ngũ Hành. Nhưng Hà Đồ đã xếp các số theo phương vị Ngũ Hành như sau:

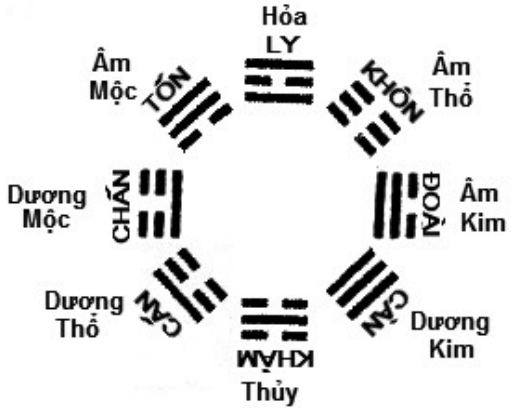

7 / 2

8 / 3 5 / 10 4 / 9

1 / 6

Phương vị của Ngũ Hành có thể được giản lược như sau:

Hỏa
Nam

Đông Trung Tây
Mộc Thổ Kim

Bắc
Thủy

A. TRUNG THỔ LÀ BẢN THỂ, LÀ TRUNG CUNG THÁI CỰC

Hỏa, Mộc, Kim, Thủy, là 4 hiện Tượng biến thiên ở bên ngoài. Cho nên Trung Thổ chính là tinh túy, là Bản Thể, là Tinh Hoa.

Âu Châu gọi là Quintessence hay là Quinte Essence: Tinh túy thứ 5.

Ngũ Hành mới là quan niệm toàn bích vì nó gồm cả Tứ Tượng bên ngoài lẫn Thái Cực bên trong.

Quan niệm Ngũ Hành đã được các học giả Đông Tây bàn cãi rất nhiều. Đi vào chi tiết sẽ không bao giờ cùng. Đây ta chỉ tháo gỡ cho ra những giường mối chính, những ý nghĩa chính. Ngũ Hành có quan hệ mật thiết đến Siêu Hình Học và Vũ trụ quan Trung Hoa thời cổ. Có hiểuVũ trụ quan Trung Hoa thời cổ mới hiểu được học thuyết Ngũ Hành.

Trung Hoa cũng như các dân tộc xa xưa, tin rằng vũ trụ vạn vật đều do một nguyện thể, một nguyên động lực phân tán vận chuyển ra bốn phương theo hai chiều kinh (dọc) vĩ (ngang) thành ra hai cặp ngẫu lực chính. Các ngẫu lực này hoạt động, ảnh hưởng lẫn nhau và dần dà sinh ra mọi loại năng lực.

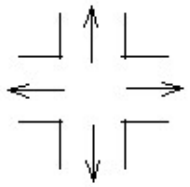

Đứng về phương diện nguyên liệu, chất liệu, Ngũ Hành là 5 yếu tố cấu tạo vũ trụ. Hành Thổ ở Trung cung là căn cơ và là cùng đích cho muôn vật. Chữ Thổ đây không nên hiểu là đất thường, mà nên hiểu là căn cơ, hay bản chất vạn vật. Vì thế mà sách Ngộ Chân Thiên có viết:

Tứ Tượng Ngũ Hành toàn tạ Thổ. (Tứ Tượng Ngũ Hành đều nhờ Đất) [1]

Quan niệm này tương tự như quan niệm Âu Châu, vì Âu Châu cũng cho rằng ngoài 4 nguyên chất tạo thành vũ trụ, còn có tinh túy thứ năm (quintessence) mà họ gọi là Thái Hư (éther) hay Bản Chất (matière première) [2]

Ấn Độ, Tây Tạng và nhiều phái Huyền học Âu Châu cũng chủ trương con người là tiểu vũ trụ và gồm Ngũ Hành như đại vũ trụ bên ngoài. Và họ hình dung con người như sau:

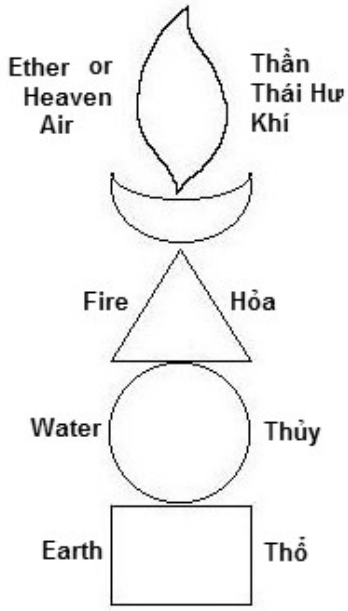

Nhiều đền đài Tây Tạng hiện còn xây theo hình đồ trên, ví dụ như đền Koumboum ở Gyantsé. [3]

Xét theo không gian thì Ngũ Hành lại chiếm 5 vị trí chính yếu là Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung.

Xét về thời gian, thì Ngũ Hành chính là 5 thời đại khác nhau, 4 mùa biến thiên bên ngoài và 1 mùa hằng cửu bên trong, vừa là mùa Hoàng Kim khởi thủy, vừa là mùa Hạnh phúc lý tưởng lúc chung cuộc.

Ngũ Hành còn có thể hiểu được là 5 yếu tố cần thiết cho sự sống. [4] Ý nghĩa này hợp với Hồng Phạm.

Kinh Thư chương Đại Vũ Mô viết:

Nhân đức của nhà vua hiện ra trong một nền chính trị giỏi giang, khéo léo. Mà làm chính trị, trước hết là phải biết nuôi dân. [5]

Sáu yếu tố cần cho dân là: Thủy, Hỏa, Kim Mộc, Thổ, Cốc (nước, lửa, kim khí, gỗ, đất, lúa); chúng cần được khai thác. Nhà vua chẳng những phải lo giáo hóa, khuyến thiện cho dân, mà còn phải cho họ biết khai thác, lợi dụng vật chất thiên nhiên cho đời sống họ được rồi rào phong phú.[6]

Ngũ Hành chẳng qua là tấn tuồng vũ trụ, mà vai chính lại là Thái Cực, Tuyệt Đối.

Vì vậy mà Thiên Tử Trung Hoa thời xưa, hằng năm đã đóng lại tấn tuồng vũ trụ nói trên trong tòa Minh Đường.

Xuân thì phẩm phục xanh, cờ xí xanh, cưỡi ngựa thanh long, dùng ngọc bích, lại ngự cung Thanh Dương phía Đông.

Hạ thời phẩm phục đỏ, cờ xí đỏ, cưỡi ngựa hồng, mang ngọc đỏ, ngự cung Minh Đường phía Nam.

Sau ngày Hạ chí, thời phẩm phục vàng, cưỡi ngựa vàng, đeo ngọc vàng, ngự nơi Trung Cung Thái Miếu, ngụ ý nhà vua làm chủ chốt cho không gian và thời gian.

Thu thời phẩm phục trắng, cờ xí trắng, cưỡi ngựa bạch, đeo ngọc trắng, ngự cung Tổng Chương phía Tây.

Đông thời phẩm phục đen, cờ xí đen, cưỡi ngựa ô, đeo ngọc huyền, ngự cung Huyền Đường phía Bắc.

Đại khái như muốn nói lên chân lý này là, cũng như vũ trụ có thời gian, có tiết tấu trong công cuộc biến hóa, con người cũng phải tùy theo thời gian tuổi tác mà hoạt động cho đúng tiết tấu thiên nhiên. [7]

CHÚ THÍCH

[1] Chu Dịch, Tham Đồng Khế Phát Huy, thượng quyển, trang 4.

[2] D'une manière génerale, la quintessence symbolise la pure réalité spirituelle par rapport à ses traductions quarternaires, entachées des servitudes d'expression ou d'incarnation. C'est par exemple, le Christ, Verbe divin, par rapport aux Évangélistes, témoins inspirés participant de sa lumière. La quintessence n'est pas pur symbole, elle a sa réalité propre encore qu'insaisissable aux sens humains...

— Louis Lallemant, La Vocation de L'Occident, p. 24.

[3] Xem Fondements de la Mystique Tibétaine, p. 260-261.

[4] Legge dịch là: The five essentials to human life.— J. Legge, The Shoo King, p. 326.

[5] Vũ viết: Ư đế niệm tai. Đức duy thiện chính: chính tại dưỡng dân. 禹 曰 於 帝 念 哉. 德 惟 善 政: 政 在 養 民 . — J. Legge, The Shoo King, page 55.

[6] Thủy, Hỏa, Kim, Mộc, Thổ, Cốc duy tu, chính đức lợi dụng hậu sinh. 水 火 金 木 土 穀 惟 修, 正 德 利 用 厚 生 . — Kinh Thư Đại Vũ Mô, tiết 7.

[7] Xem Lễ Ký Nguyệt Lệnh.

Xem Khổng Học Tinh Hoa của tác giả, trang 158-173.

---

chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 **9** | chương **1** 2 3 4 5 6 7 8

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

易經要旨

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 **9** | chương 1 **2** 3 4 5 6 7 8

Phần 9

NGŨ HÀNH

chương trước chương sau

Chương 2. Ngũ Hành sinh khắc

Người có thân và thù, thì Ngũ Hành cũng có tương sinh, tương khắc.

Ngũ Hành tương sinh là: Mộc sinh Hỏa. Hỏa sinh Thổ. Thổ sinh Kim. Kim sinh Thủy. Thủy sinh Mộc.

Ta có thể trình bày lẽ tương sinh đó bằng hai cách như sau:

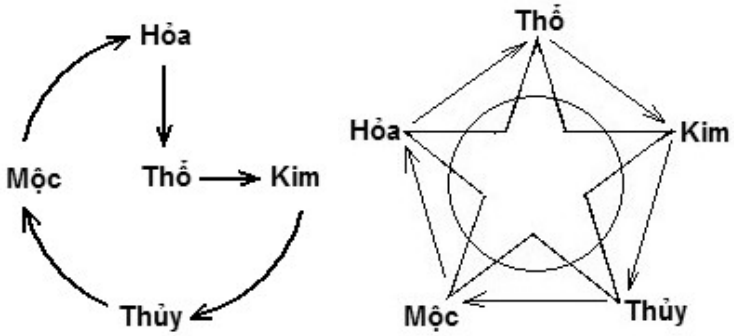

Ngũ Hành tương khắc là: Mộc khắc Thổ. Hỏa khắc Kim. Thổ khắc Thủy. Kim khắc Mộc. Thủy khắc Hỏa

Ta có thể trình bày lẽ tương khắc đó bằng hai cách như sau:

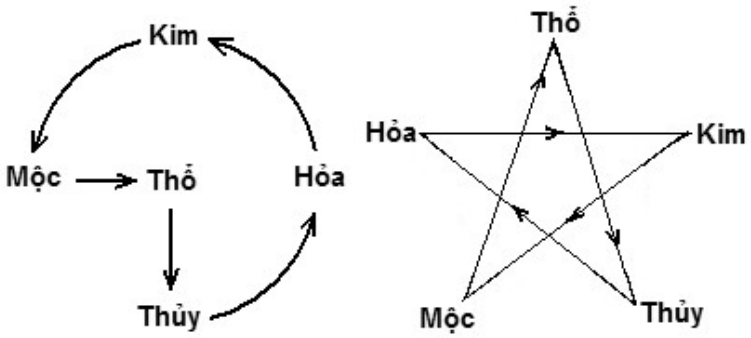

Sinh có thể hiểu được là sinh dưỡng, phù trợ, tác phúc, tóm lại bao gồm tất cả mọi ảnh hưởng tốt.

Khắc có thể hiểu được là kiềm chế, thù địch, lấn át, xung khắc, tác hại, tóm lại tất cả mọi ảnh hưởng xấu.

Mỗi một Hành đều có liên lạc tốt xấu với các Hành khác.

- Hai SINH gọi là phụ Mẫu và Tử Tôn.

- Hai KHẮC gọi là Quan Quỉ và Thê Tài.

- Một HÒA gọi là Huynh Đệ.

Người xưa đã lập thành như sau:

- Sinh Ngã giả vi Phụ Mẫu (Sinh ra ta là Phụ Mẫu, cái gì phù trì ủng hộ, hi sinh cho ta là Phụ Mẫu)

- Ngã sinh giả vi Tử Tôn (Ta sinh ra là Tử Tôn, cái gì mà ta săn sóc, bao bọc, yêu đương, hộ trì, chắt chiu, thì gọi là Tử Tôn)

- Khắc Ngã giả vi Quan Quỉ (Khắc ta thì gọi là Quan Quỉ, cái gì ức chế, đàn áp, bóc lột, lợi dụng, làm hại được ta thì gọi là Quan Quỉ)

- Ngã khắc giả vi Thệ Tài (Cái gì mà ta ức chế, đàn áp, lợi dụng chi phối được thì gọi là Thệ Tài)

- Tỉ Hòa giả vi Huynh Đệ (Hòa với ta thì gọi là Huynh Đệ, cái gì đối với ta có ảnh hưởng ngang ngửa, đồng đều thì gọi là Huynh Đệ)

Ví dụ: Nếu ta lấy Kim làm đương nhân, đương sự, thì:

- Thổ là Phụ Mẫu của Kim vì Thổ sinh ra Kim

- Thủy là Tử Tôn của Kim vì Kim sinh ra Thủy

- Hỏa là Quan Quỉ của Kim vì Hỏa khắc Kim

- Mộc là Thê Tài của Kim vì Kim khắc Mộc

- Kim là Huynh Đệ của Kim vì Kim với Kim đồng điệu, đồng loại.

Sau này người ta còn bày ra lắm chuyện phức tạp hơn nữa. Chẳng những Phụ Mẫu, Huynh Đệ, Quan Quỉ, Thê Tài còn được gọi bằng những tên khác, mà tùy như Dương gặp Dương, Âm gặp Âm, hay Âm Dương, Dương Âm gặp nhau cũng còn gọi bằng tên khác.

Thật là vô cùng rắc rối. Tuy nhiên chúng ta cũng cố đơn giản hóa những cái rắc rối ấy trong sơ đồ sau:

Sinh Ngã giả vi: Phụ Mẫu (Ấn Thụ)	+ gặp -, hay - gặp + = Ấn thụ (Chính ấn) + gặp +, hay - gặp - = Kiêu ấn (Thiên ấn)
Ngã sinh giả vi: Tử Tôn (Phúc đức) (Thực thương)	+/- hay -/+ = Thương quan +/+ hay -/- = Thực thần
Khắc Ngã giả vi: Quan Quỉ (Quan sát)	+/- hay -/+ = Chính quan +/+ hay -/- = Thiên quan (Thất sát)
Ngã khắc giả vi: Thê tài (Tài Bạch)	+/- hay -/+ = Chính tài +/+ hay -/- = Thiên tài
Đồng loại giả vi: Huynh đệ (Tỉ, Kiếp)	+/- hay -/+ = Bại tài (Kiếp tài) +/+ hay -/- = Tỉ kiên

Lẽ Ngũ Hành sinh khắc hết sức phức tạp nhưng cũng hết sức phong phú và biến hóa. Đi sâu vào chi

tiết sẽ tốn hao rắt nhều thì giờ rất nhiều giấy mực. Hơn nữa các sách tướng số bàn cãi rất nhiều về vấn đề này. Vì thế ở đây chúng ta sẽ không đề cập đến những chi tiết phiền toái mà chỉ ghi nhận rằng: Ngoài nhẽ NGŨ HÀNH THUẬN SINH THUẬN KHẮC còn có nhẽ NGŨ HÀNH NGHỊCH SINH NGHỊCH KHẮC tức là NGŨ HÀNH ĐIÊN ĐẢO. [1]

Cái quan hệ đối với chúng ta là tìm hiểu ý nghĩa sâu xa của Ngũ Hành sinh khắc. Hiểu lẽ Ngũ Hành sinh khắc, chúng ta sẽ tìm ra con đường xu cát, tị hung.

Phàm ở đời mà người này lấn át người kia, vật này xung khắc vật nọ, sẽ đưa đến những hậu quả chẳng hay. Chống đối ít thời tai hại ít, chống đối nhiều thời tai hại nhiều. Nếu hai đằng cùng mạnh, thì hư hao càng lắm.

Cho nên, muốn làm nên công chuyện gì, cần phải được sự phù trợ, sự cộng tác của thời gian, của hoàn cảnh, của nhân tâm.. Đó là nhẽ thường tình ở trong trời đất.

Tuy nhiên, trời đất cũng hay dùng sự tương xung, tương khắc để làm nảy nở các tiềm năng, tiềm lực của vạn hữu nhất là của con người.

Vàng mà không được chau chuốt bằng lửa, thời vàng không thể trở nên tinh ròng. Gỗ mà không bị dao cưa xẻ cắt, búa rìu đẽo gọt thì chẳng có thể trở thành cột kèo, bàn ghế.

Cũng một lẽ, nếu Tạo hóa không để cho con người sống trong nghịch cảnh, thì con người sẽ trở nên ù lì, lười biếng, cầu an hưởng thụ, do đó không thể nào tiến hóa được.

Đằng khác, trong hoàn võ cũng như trên đời, cũng cần phải có sự xung khắc, kiềm chế lẫn nhau để giảm bớt sự quá trớn, dông dỡ ngông cuồng, thái quá, y như xe xuống dốc cần có thắng xe, mới tránh được sự đi quá tốc độ, sinh tai nạn. Nhưng sự xung khắc, kìm hãm chỉ hay, chỉ tốt tới một mức độ nào. Quá mức đó nó sẽ trở thành họa hại. Ví như xe đã bị thắng, lại còn bị ngăn, bị chặn, thì làm sao mà tiến lên được.

Cho nên, một khi đã giác ngộ được rằng con người sinh ra không phải là để sống ù lì, hưởng thụ, mà cần phải dùng thời gian, ngoại cảnh, dùng xã hội và tha nhân để giúp mình ngày một trở nên hoàn mỹ, thời lúc ấy con người có quyền, cũng như có bổn phận tránh nghịch cảnh, đồng thời tạo cho mình thuận cảnh để mà thành tựu công phu tu dưỡng, ngõ hầu trở nên con người toàn diện.

Trong thực tế, muốn biết một con người hạnh phúc nhiều hay ít, chỉ cần xem họ sống trong thuận cảnh, hay nghịch cảnh, xem tâm hồn họ có bình an, xác thân họ có khang kiện, xem họ có được xa gần yêu mến, giúp đỡ hay không, xem nơi họ cư ngụ có được trang nhã hay không...

Chính vì thế mà Âm Phù Kinh đã viết: Thiên hữu ngũ tặc, kiến chi giả xương.

Ngũ tặc đây chính là Ngũ Hành.

Tại sao Âm Phù Kinh lại gọi Ngũ Hành là Ngũ Tặc? Thưa: vì hai lý do:

1. Ngũ Hành mà không biết xử dụng, sẽ trở nên tặc hại.

2. Ngũ Hành trong trời đất, sinh khắc, tác dụng trên nhau, hết sức đa đoan, phiền tạp, và do đó ảnh hưởng nhiều đến sự thành bại của con người.

Ngũ Hành hay Ngũ tặc, theo từ ngữ Âm Phù Kinh, ở trên trời là Ngũ Tinh (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ); ở dưới đất là Ngũ Nhạc (là Tung Sơn, Hoa Sơn, Thái Sơn, Hằng Sơn, Hành Sơn); ở âm nhạc là Ngũ Âm (Cung, Thương, Giốc, Chủy, V3ũ); ở thực phẩm là Ngũ Vị; ở thân thể là Ngũ Tạng; ở Đạo giáo là Ngũ Đức (Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín).

Tuy nhiên, nếu ta biết xử dụng Ngũ Hành cho hay, cho phải, thời Ngũ Hành không còn phải là Ngũ Tặc nữa, mà chúng sẽ trở thành nguồn mạch hạnh phúc cho ta.

Vì thế Âm Phù Kinh mới nói: Nếu biết thuận dụng Ngũ Hành thời sẽ được thịnh xương, phúc khánh.

Ví dụ một người ra làm quan mà biết thi hành Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, thì ắt sẽ đi đến chỗ vinh quang, thịnh đạt.

Ví dụ một người làm Tướng mà biết Thiên văn, Địa lý, Nhân tình, biết cường điểm, nhược điểm của phía địch thời ắt sẽ nên công.

Thế chẳng phải làm am tường Ngũ Hành, sẽ đi đến chỗ xương thịnh hay sao?

Tóm lại, theo đường tương sinh của trời đất, biết xử dụng ngoại cảnh, biết hòa hợp với nhân quần, biết hòa hài với thiên nhiên và vũ trụ, làm những công chuyện đạo đức, đi vào con đường công chính, con đường Dương minh của đất trời, tức là đi vào vinh quang, phúc khánh, và sẽ gặt hái được nhiều kết quả.

Còn như đi vào con đường tương khắc của Ngũ Hành, của trời đất, gây gổ, chống đối với mọi người, sống trong nghịch cảnh, hoạt động lỗi thời, làm những chuyện tai hại, thế tức là đi vào con đường Âm ám của trời đất, và dĩ nhiên sẽ chiêu tai, rước họa vào mình. Các kinh sách đều không ngoài ý ấy.

---

[1] Mệnh Lý Nhập Môn, trang 50-51.

— Mệnh Học Thiển Thuyết, tr. 20 trở đi.

— Xem Tinh Hiệu Thần Phong Tịch Mậu Mệnh Lý Chính Tông, quyển 3, tr. 2.

— Đạt Nhân Mệnh Lý Thông Giám quyển 1, tr. 112.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 **9** | chương 1 **2** 3 4 5 6 7 8

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 9

NGŨ HÀNH

chương trước chương sau

Chương 3. Ngũ Hành với Vũ trụ quan Trung Hoa

Người xưa đôi khi còn dùng Ngũ Hành để mô tả 5 giai đoạn hình thành của vũ trụ.

Giai đoạn 1: Thái Dịch sinh Thủy: Tức là giai đoạn chưa có khí.

Giai đoạn 2: Thái Sơ sinh Hỏa: Tức là giai đoạn có khí mà chưa có thể.

Giai đoạn 3: Thái Thủy sinh Mộc: Tức là giai đoạn có hình mà chưa có chất.

Giai đoạn 4: Thái Tố sinh Kim: Tức là giai đoạn có chất mà chưa có thể.

Giai đoạn 5: Thái Cực sinh Thổ: Tức là giai đoạn hình chất đều có đủ.

Thế tức là vũ trụ đã diễn tiến từ vô hình tới hữu hình, từ khinh thanh tới trọng trọc...

chương trước chương sau

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 **9** | chương 1 2 3 **4** 5 6 7 8

Phần 9

NGŨ HÀNH

chương trước chương sau

Chương 4. Ngũ Hành với sử quan Trung Hoa [1]

Nói đến thuyết Ngũ Hành, chúng ta không thể không nhắc đến Trâu Diễn, thời Chiến Quốc. Trâu Diễn sống sau thời Mạnh Tử và tư tưởng học thuật của ông đã có ảnh hưởng rất lớn đối với nền Văn học, Nghệ thuật, Chính trị và Đạo giáo Trung Hoa. Ông là người sáng lập ra phái Âm Dương, Ngũ Hành.Trâu Diễn chủ trương rằng vận trời và việc người cần phải được ăn khớp với nhau. Trên trời có Ngũ Hành tức là năm loại khí thế. Năm loại khí thế này ảnh hưởng lẫn nhau, cái này suy, cái kia thịnh, theo thứ tự tương khắc.

Ở trần gian, thì các triều đại cũng luân phiên kế tiếp nhau, theo thứ tự Ngũ Hành tương khắc: triều đại này suy tàn, thì triều đại tương khắc với nó có nhiệm vụ thay thế.

Các triều đại từ thời Hoàng Đế cho đến đời Chu đã luân phiên diễn biến theo thứ tự Ngũ Hành tương khắc như sau:

Hoàng Đế	Thổ
Đại Võ	Mộc
Thương	Kim
Chu	Hỏa

Trâu Diễn không còn lưu lại sách vở, nhưng nhờ bộ Lã thị Xuân Thu và bộ sử Tư mã Thiên, chúng ta biết được đại khái học thuyết của Ông.

Lã thị Xuân Thu viết: Khi có một triều đại hoàng đế nào sắp hưng thịnh, thì trời ắt sẽ cho thấy một điềm cát tường.

Thời Hoàng Đế, Trời cho sâu lớn, kiến lớn hiện ra. Hoàng Đế nói: Khí đất thịnh. Khí đất thắng, cho nên màu sắc thời quí nhất màu vàng, và lấy đất làm đầu mọi công chuyện.

Đến thời Đại Võ, Trời cho dân thấy trước những cỏ cây sống trải qua mùa Thu, mùa Đông mà không rụng lá. Đại Võ nói: Khí gỗ thịnh. Khí gỗ thắng, cho nên màu sắc thời quí nhất màu xanh, và lấy gỗ làm đầu mọi chuyện.

Đến thời Thành Thang, Trời cho dân thấy trước Kim; cho thấy những đao kiếm hiện lên trên mặt

nước.

Thành Thang nói: Khí Kim thịnh, Kim khí thắng, cho nên màu sắc thời quí nhất màu trắng, và lấy kim khí làm đầu mọi chuyện.

Đến thời Văn Vương, Trời cho thấy trước lửa, thấy con quạ lửa ngậm quyển sách đỏ, đậu xuống tông miếu nhà Chu.

Văn Vương nói: Khí lửa thịnh. Khí lửa thắng, màu sắc thời quí nhất màu đỏ, và lấy lửa làm đầu mọi chuyện.

Nước rồi đây sẽ thay lửa. Trời sẽ cho thấy điềm khí nước thắng. Khí nước mà thắng, thời sẽ quí nhất màu đen, và sẽ lấy nước làm đầu mọi chuyện.

Khí nước đã đến, nhưng mọi ngươi chưa biết...

Khi chu kỳ hoàn tất, sẽ quay lại về Đất như cũ.

Như vậy Trâu Diễn đã lấy Ngũ Hành mà cắt nghĩa sự diễn biến của các triều đại và của lịch sử.

Sau này khi Tần Thủy Hoàng (246-209) đã thống nhất được đất nước, khí thế thực là hùng mạnh, nhưng Tần Thủy Hoàng vẫn bị ảnh hưởng của Trâu Diễn, nên đã lấy Nước làm quốc vận.

Cho nên phàm là y phục, tinh kỳ, mao tiết đều có viền đen ở phía trên; lấy số 6 làm số gốc; các phù pháp, mũ miện đều dài 6 tấc; xe thời dài 6 thước; lại lấy 6 thước làm 1 bộ; cuỡi xe 6 ngựa; cải danh Hoàng Hà là Đức Thủy.

Đến thời Hán Cao Tổ (206-194), thuyết Ngũ Hành vẫn còn thịnh nên Hán Cao Tổ lại chọn Nước làm quốc vận, vì lẽ thời gian trị vì của nhà Tần quá ngắn chưa đủ tượng trưng cho cả một vận Nước.

Nhưng vua sau lại chọn Đất làm quốc vận, vì cho rằng nhà Tần đã chọn Nước làm quốc vận rồi.

Khi nhà Tiền Hán suy, Vương Mãng (9-23) cướp ngôi, tự xưng là Tân Triều Đại. Vương Mãng là người rất sành về thuyết Âm Dương, Ngũ Hành, nên đã định lại vòng tuần hoàn của Ngũ Hành trải qua các triều đại cho đến triều đại của ông như sau:

MỘC	1. Phục Hi	6. Đế Khốc	11. Chu
NHUẬN THỦY	Cộng Công	Đế Chí	Tần
HỎA	2. Thần Nông	7. Đế Nghiêu	12. Hán
THỔ	3. Hoàng Đế	8. Thuấn	13. Tân (*)
KIM	4. Thiếu Hạo	9. Hạ Vũ	
THỦY	5. Chuyên Húc	10. Thương	

(*) Đời Tân: Đời Vương Mãng

Như vậy, theo Vương Mãng, thì lịch sử đã đi được hai chu kỳ rưỡi, chứ không phải một chu kỳ như đời Tiền Hán đã chủ trương.

Ông lại cho rằng các vua chúa, các triều đại kế tiếp nhau theo thứ tự Ngũ Hành tương sinh, chứ không theo thứ tự Ngũ Hành tương khắc như chủ trương của Trâu Diễn.

---

[1] Xem bài Yin Yang Wu Hsing and Han Art trong Harvard Journal of Asiatic Studies.

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 **9** | chương 1 2 3 **4** 5 6 7 8

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Phần 9

NGŨ HÀNH

chương trước chương sau

Chương 5. Thuyết Âm Dương Ngũ Hành với Đạo Giáo Trung Hoa

Thuyết Âm Dương, Ngũ Hành của Trâu Diễn chẳng những có ảnh hưởng lớn lao trên phương diện Chính trị và Học thuật, mà còn có ảnh hưởng lớn lao trên phương diện Đạo Giáo Trung Hoa.

Từ thời Tần, ta đã thấy các phương sĩ dựa vào thuyết Âm Dương Ngũ Hành, để luyện thuốc trường sinh bất tử.

Đến thời Hán Vũ Đế (140-86), học thuyết này càng trở nên mạnh. Ngoài việc nhờ các phương sĩ đi ra Đông Hải để tìm thuốc trường sinh, hoặc lên miền sa mạc Gobi, để tìm thần mã, có thể đưa nhà vua bay thẳng về Trời, vua Vũ Đế còn dựa vào thuyết Âm Dương, Ngũ Hành mà lập ra một thứ tôn giáo mới. Vua lấy núi Cam Tuyền, làm trung tâm điểm thờ tự. Trên núi, có lập nhiều bàn thờ, để thờ Thái Ất (tức Thái Cực), Thiên Ất (tức Kiền), Địa Ất (Khôn), Ngũ Đế (Ngũ Hành), tức Hoàng, Thanh, Xích, Bạch, Hắc Đế.

Thái Ất, Thiên Ất, Địa Ất được thờ nơi tâm điểm, trung điểm. Hoàng, Thanh, Xích, Bạch, Hắc Đế thờ nơi các bàn thờ chung quanh. Thanh, Xích, Bạch, Hắc Đế thờ ở đúng bốn phương. Hoàng Đế thờ ở phía Tây Nam (Thổ).

Ngày đại lễ, có những nghi thức rất là quan trọng. Vua cho sửa sang lễ vật, rượu, trâu, bò, dê, lợn, để làm lễ Tam sinh. Vị chủ tế bận áo tím; năm vị bồi tế mặc các sắc phục xanh, đỏ, trắng, vàng, đen.

Sáng ngày lễ, vua trai giới, cùng quần thần ra dự lễ với các vị tăng sĩ. Vua lạy trước bàn thờ Thái Ất, còn quần thần thời lạy trước vua. Vũ Đế cho rằng những nghi lễ đó đã làm đẹp lòng trời đất, và đã đem lại thịnh vượng cho đất nước. Thái Ất nói trên cũng tương đương với Đạo của Đạo Lão, với Thái Cực của Dịch Kinh, với Nguyên của Đổng Trọng Thư, còn Thiên Ất, Địa Ất, và Ngũ Đế thời tương đương với Âm Dương, Ngũ Hành.

Đến thời Vương Mãng, sự tổ chức lễ nghi lại còn chu đáo hơn nữa. Vương Mãng cho xây tòa Minh Đường. Minh Đường gồm 9 cung. Tùy theo mùa, vua sẽ ở cung tương ứng với mùa đó, theo đúng thuyết Ngũ Hành, lại mặc sắc phục tương ứng, làm các công vụ quốc gia tương ứng, y như đã ghi nơi thiên Nguyệt Lệnh trong bộ Lễ Ký, để cho việc người hòa hợp với chiều trời, vận trời trong năm.

Vương Mãng tổ chức lại công cuộc thờ tự như sau: Ông thờ Thái Ất, Thiên Ất tại Kinh

Đô,trong một đền thờ, và Địa Ất trong một đền thờ riêng. Còn Ngũ Đế (Ngũ Hành) thời thờ ở ngoài châu thành. Ngũ Đế bây giờ lại là 5 vua đầu trong lịch sử Trung Hoa. Hoàng Đế được thờ trong một đền ở phía Tây Nam, cùng với Hoàng Long, mặt trời, sao Bắc Thần, 7 ngôi bắc đẩu, và Thổ Tinh, cùng các ngôi sao ở cung Tử Vi viên.

Phục Hi hay Thanh Đế được thờ ở một đền phía Đông, với Thanh Long, thần Sấm, thần Gió, với Mộc Tinh, và các sao trong chòm sao Thanh Long. (Giác, Cang, Đê, Phòng, Tâm, Vĩ, Cơ).

Thần Nông hay Xích đế được thờ trong một đền thờ phía Nam, cùng với Châu Tước, Hỏa Tinh, và các sao trong chòm sao Châu Tước (Tỉnh, Quỉ, Liễu, Tinh, Trương, Dực, Chẩn.)

Thiếu Hiệu hay Bạch Đế, được thờ trong một đền thờ ở phía Tây cùng với Bạch Hổ, Kim Tinh, và các sao trong chòm sao Bạch Hổ (Khuê, Lâu, Vị, Mão, Tất, Chủy, Sâm.)

Chuyên Húc hay Hắc Đế, được thờ trong một đền thờ phía Bắc cùng với Huyền Võ, mặt trăng, thần mưa, Thủy tinh, và các sao trong chòm sao Huyền Võ. (Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Nguy, Thất, Bích)

Vương Mãng cho rằng như vậy đã tạo nên được sự hòa hợp giữa đất trời, và đem lại hòa bình, thái thịnh cho đất nước.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 **9** | chương 1 2 3 4 **5** 6 7 8

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 **9** | chương 1 2 3 4 5 **6** 7 8

Phần 9

NGŨ HÀNH

chương trước chương sau

Chương 6. Âm Dương Ngũ Hành với học thuật Trung Hoa

Thuyết Âm Dương, Ngũ Hành có ảnh hưởng hết sức lớn lao trong học thuật và tư tưởng Trung Hoa: Nho, Y, Lý, Số đều thấm nhuần ảnh hưởng của Âm Dương, Ngũ Hành. Các khoa Tử Vi, Tướng, Số, đều triệt để áp dụng thuyết Âm Dương, Ngũ Hành sinh khắc.

Ví dụ như trong khoa Tử Vi, các sao đều phân thành Âm Dương, Ngũ Hành; con người, và 12 cung Tử Vi cũng được phân thành Âm Dương, Ngũ Hành.

Như vậy, tùy theo mệnh con người, tùy theo các sao chiếu mệnh, tùy theo các cung vận hạn mà con người đã trải qua trong một đời, hoặc trong từng năm, từng tháng, từng ngày, ta có thể áp dụng lẽ Âm Dương, Ngũ Hành sinh khắc mà đã đoán định được cát hung một phần nào rồi.

Khoa Địa Lý cũng rất chú trọng đến Âm Dương Ngũ Hành. Hoặc cho rằng: Sơn Hà Đại Địa bất kỳ cái gì có hình đều là Âm. Còn cái khí không trông thấy được mới là Dương

Hoặc cho rằng: Nước là Dương, Núi là Âm.

Mạch cũng phân Âm Dương. Tả Ao viết:

Mạch có mạch Âm, mạch Dương

Mạch nhược, mạch cường, mạch tử, mạch sinh.

Mạch ở dưới đồng bằng phần nhiều đi thấp, được gọi là mạch Dương. Còn mạch ở trên sơn cước, đi theo các núi đồi cao lớn, được gọi là mạch Âm.

Những mạch Âm Dương đó lại được phân chia tùy theo hình, trạng thái hùng vĩ, thanh nhã, linh động, hoặc bất động, thành các mạch cường, nhược, tử, sinh.

- Thế mạch hùng vĩ, cao lớn, thảy đều là mạch cường.

- Thế mạch thanh nhã, nhọn dài được gọi là mạch nhược.

- Thế mạch trông như con thú quay đầu, quẫy đuôi, linh động được gọi là mạch sinh.

- Thế mạch đi đuồn đuộn, ngay đơ, như con cá chết gọi là mạch tử.

Hình thế đất cũng được chia thành 5 loại theo Ngũ Hành. Tả Ao viết:

Kìa như đất có Ngũ tinh,

Nhận xem cho biết tương sinh loan hoàn.

1. Hình tròn là con Kim, hay Kim Tinh

2. Hình dài là con Mộc hay Mộc Tinh

3. Hình vuông là con Thổ hay Thổ Tinh

4. Hình nhọn là con Hỏa hay Hỏa Tinh.

5. Hình sóng gợn là con Thủy hay Thủy Tinh.

Y học Trung Hoa cũng triệt để khai thác thuyết Ngũ Hành. Quan niệm Ngũ Hành soi sáng Y học Trung Hoa về mọi phương diện: Bệnh Lý (Pathogénie), Dược lý (Pharmacologie) và Y Lý Trị Liệu (Thérapeutique.)

Về phương diện Bệnh lý chẳng hạn, Trung Hoa chia năm thành Ngũ Vận.

Các năm Giáp, Kỷ thuộc Thổ

Các năm Ất, Canh thuộc Kim

Các năm Bính, Tân thuộc Thủy

Các năm Đinh, Nhâm thuộc Mộc

Các năm Mậu, Quí thuộc Hỏa

Rồi lại nhân lẽ Âm Dương, sinh khắc, thái quá, bất cập, hay bình khí mà suy xem năm nào khí hậu sẽ ra sao, nóng lạnh, ẩm, khô, mưa gió ra sao để biết những bệnh gì sẽ dễ sinh trong năm ấy.

Họ cho rằng các năm Giáp, Bính, Mậu, Canh, Nhâm là những năm Dương. Vận khí những năm ấy sẽ quá vượng, quá thịnh, sẽ thừa nên gọi là thái quá.

Những năm Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quí là những năm Âm. Vận khí những năm ấy sẽ suy yếu, sẽ bất cập, mà một hành đã suy, thì khí của hành tương khắc, sẽ thịnh. Ví dụ những năm Giáp (Dương Thổ), thổ khí sẽ thái quá, như vậy sẽ mưa nhiều và sẽ ẩm thấp nhiều, do đó các bệnh thấp sẽ dễ sinh.

Những năm Kỷ (Âm Thổ), Thổ khí sẽ bất cập, như vậy sẽ gió nhiều, do đó các bệnh phong dễ sinh, vì Hành khắc là Mộc, Mộc sinh Phong.

Những năm Tân lạnh nhiều (Âm Thủy), Thủy khí bất cập, nên ẩm thấp nhiều, và các bệnh thấp dễ sinh vì Hành khắc là Thổ, Thổ sinh Thấp.

Tóm lại ta thấy: Mộc thịnh sinh Phong, Hỏa thịnh sinh Nhiệt, Thổ thịnh sinh Thấp, Kim thịnh sinh Táo, Thủy thịnh sinh Hàn.

Còn khi một Hành mà suy, thì Hành tương khắc sẽ thịnh, cho nên:

Mộc suy (bất cập) thời Táo sinh (vì Kim khắc Mộc), Hỏa suy (bất cập) thời Hàn sinh (vì Thủy khắc Hỏa), Thổ suy thời Phong sinh (vì Mộc khắc Thổ), (xem thí dụ năm Kỷ) Kim suy (bất cập) thời Nhiệt sinh (vì Hỏa khắc kim), Thủy suy (bất cập) thời Thấp sinh (vì Thổ khắc Thủy). (Xem thí dụ năm Tân).

Dược lý cũng dựa trên Ngũ Hành:

Đại khái các thuốc màu xanh, vị chua chữa gan; các thuốc màu đỏ, vị đắng chữ tim; các thuốc màu vàng, vị ngọt chữa tì; các thuốc màu trắng, vị cay chữa phổi; các thuốc màu đen, vị mặn chữa thận v.v...

Trị liệu cũng dựa theo quan niệm Ngũ Hành tương sinh, tương khắc, hoặc Ngũ Hành điên đảo. Ví dụ:

1. Mẫu hư bổ kỳ Tử

Như Kim (Phế): vốn sinh Thủy (Thận), nhưng nếu Phế suy, phải bổ Thận (Thủy) để cứu Phế (Kim)

Thủy (Thận) vốn sinh Mộc (Gan), nhưng nếu Thận (Thủy) kiệt, thời phải bổ Gan (Mộc).

2. Tử hư bổ kỳ Mẫu

Thủy suy (Thận suy), phải bổ Kim (Phế) (mẹ)

Thổ suy (Tì suy), phải bổ Hỏa (Tâm) (mẹ)

Mộc suy (Gan), phải bổ Thủy (Thận) (mẹ)

Kim (Phế) táo, phải bổ Thổ (Tì) (mẹ)

Hỏa (Tâm) suy, phải bổ Mộc (Gan) (mẹ)

3. Mẫu thực tả kỳ Tử

Phế (Kim) (mẹ) thực, phải tả Thận Thủy (con)

Thận (Thủy) (mẹ) thực, phải tả Gan (Mộc) (con)

Gan (Mộc) (mẹ) thực, phải tả Tâm (Hỏa) (con)

Tâm (Hỏa) (mẹ) thực, phải tả Tỳ (Thổ) (con)

Tỳ (Thổ) (mẹ) thực, phải tả Phế (Kim) (con)

4. Tử thực, tả kỳ Mẫu

Thận (Thủy) (con) thực, tả Phế (Kim) (mẹ)

Gan (Mộc (con) thực, tả Thận (Thủy) (mẹ)

Tâm (Hỏa) (con) thực, tả Gan (Mộc) (mẹ)

Tỳ (Thổ) (con) thực, tả Tâm (Hỏa) (mẹ)

Phế (Kim) (con) thực, tả Tỳ (Thổ) (mẹ) v.v...

Đi sâu vào vấn đề, ta thấy các Y gia lại còn áp dụng lẽ Ngũ Hành điên đảo trong việc điều trị. Nhưng nơi đây, chúng ta cũng chẳng cần phải bàn rộng hơn về vấn đề đó làm chi nữa. Người nào có tâm cầu học, nhất định sẽ tìm sách mà tra cứu lấy.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 **9** | chương 1 2 3 4 5 **6** 7 8

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 8

Phần 9

NGŨ HÀNH

chương trước chương sau

Chương 7. Thuyết Âm Dương Ngũ Hành với nghệ thuật Trung Hoa

Nghệ thuật là biểu dương cho đời sống, mà đời sống người đời Hán đã bị ảnh hưởng bởi Âm Dương Ngũ Hành, thì nghệ thuật cũng bị ảnh hưởng theo.

Thành Lạc Dương xưa, đã được xây theo quan niệm Ngũ Hành và có những cửa, những đền đài với những Tượng Thanh Long, Chu Tước, Huyền Vũ, Bạch Hổ.

Sách Hậu Hán Thư chép, có một ngôi mộ quan quyền đã được xây theo quan niệm Ngũ Hành. Gần đây, người ta cũng đã đào được nhiều ngôi mộ xây theo quan niệm trên. Các áo quan, các gạch ngói, các đỉnh vạc, và những vật dụng thường nhật, cũng thường có hình Ngũ Hành.

Đặc biệt nhất là các gương bằng kim khí cũng có hình Ngũ Đế. La Chấn Ngọc, trong quyển Hán Lưỡng Kinh Dĩ Lai Kính Minh Ký Lục, đã cho chúng ta hình dáng và tên tuổi những gương ấy.

Ví dụ: Gương Long Thị, Gương Ngũ Đế, Gương Cự Hư, Gương Thượng Phương...

Như vậy đời Hán, các nghệ sĩ thường đem quan niệm Âm Dương Ngũ Hành trình bày trong nghệ phẩm.

Đại ý muốn nói lên rằng: nếu con người biết sử dụng các năng lực trong hoàn võ và nhân quần cho đúng mức thì sẽ đem lại hạnh phúc thái thịnh cho cá nhân, cho gia đình, cũng như cho giang sơn tổ quốc.

Âu cũng là một quan niệm sâu xa vậy.

---

chương trước chương sau

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | chương 1 2 3 4 5 6 7 8

DỊCH KINH YẾU CHỈ

Hướng đi của Thánh nhân

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 **9** | chương 1 2 3 4 5 6 7 **8**

Phần 9

NGŨ HÀNH

chương trước

Chương 8. Tổng luận về Ngũ Hành

Quan niệm về Ngũ Hành thực là một quan niệm phong phú nhưng cũng hết sức phức tạp. Phong phú như cuộc đời, phức tạp như cuộc đời. Có mất thì giờ nghiền ngẫm mới thưởng thức được hết cái hay của nó.

Về phương diện Đạo Đức và Triết Học, thuyết Ngũ Hành coi vũ trụ là Thượng Đế, và là biểu dương của Thượng Đế. Đó là một quan niệm chung của các khoa Huyền Học Đông Tây. Ta đã thấy phái Rose- Croix, hay Tarot, cũng đã chủ trương như vậy.

Đạo Lão viết:

Đông tam, Nam nhị, đồng thành ngũ

Bắc nhất, Tây phương, tứ cộng chi

Mậu Kỷ, tự cư, sinh số ngũ.

Tam gia tương kiến, kết Anh nhi.

Về phương diện Triết Học, người xưa muốn dùng Ngũ Hành để suy ra các hiện Tượng, cũng như các yếu tố căn bản tạo thành vũ trụ.

Dịch cho rằng vũ trụ được tạo nên do Ngũ Hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Ấn Độ, Tây Tạng, Aristote cho Ngũ Hành là Đất, Nước, Lửa, Khí và Thái Hư. Phật giáo thời chỉ có Tứ Đại là Địa, Thủy, Hỏa, Phong...

Bây giờ, chúng ta chỉ nên coi Ngũ Hành là những tiếng dùng để Tượng trưng cho Thượng Đế, và những yếu tố cơ bản, để tạo thành vũ trụ, từ khinh thanh đến trọng trọc. Có vậy, ta mới giữ nguyên được giá trị của học thuyết Ngũ Hành về phương diện Triết Học, và Khoa Học. Bằng nếu chúng ta cố bám víu vào nghĩa đen, mà giải thích thì chắc chắn sẽ lạc hậu, lỗi thời.

Thực vậy, nếu hiểu theo nghĩa đen, thì tất cả thuyết xưa từ Ngũ Hành của Trung Hoa, Ấn Độ, Tây Tạng, Hi Lạp, hay Tứ Đại của Phật Giáo đều không đứng vững, trước những phát minh của Khoa Học.

Ngày nay, theo Khoa Học, thì 4 nguyên tố chính yếu tạo nên Vũ trụ là Dưỡng khí (O), Khinh khí (H),

Thán khí (C), Đạm khí (N).

Nếu chúng ta đi sâu vào chiều hướng vi tử, vi trần, ta lại có thể phân mỗi nguyên tử ra làm nhiều yếu tố khác nhau như:

Khinh tử..... Proton 0

(Leptons)..... Neutrino..... 0

Electron..... I

Muon (Méson m) 206,9

Trung tử..... Pion (Méson p)..... 264

(Mésons)..... Méson K..... 966

Trọng tử..... Nucléons.... Proton.... 1836,12

(Baryons)..... Neutron 1838,65

Hypérons Lambda 2182

Sigma + 2328

Sigma - 2342

Sigma 0 2330

Ksi - 2583

Ksi 0 5579 v.v...

Thế là về phương diện Khoa Học, chúng ta càng ngày càng xa với quan niệm Ngũ Hành, hay Tứ Đại xa xưa...

Về phương diện Văn Chương, và Tượng hình ta thấy quan niệm Tứ Tượng, Ngũ Hành đã đóng góp rất nhiều.

Về phương diện Y, Lý, Số, ta thấy quan niệm Ngũ Hành được khai thác, và áp dụng hết sức là tài tình. Tuy nhiên, ta phải công nhận rằng ngay từ căn bản, nó đã là tính cách ước lệ (conventionnel).

Nó còn có yếu điểm là coi Hành Thổ (Principe) như bốn hành kia, mặc dầu bốn hành kia trên nguyên tắc chỉ là biểu dương (manifestations) của hành Thổ.

Sau khi đã khảo về Âm Dương, Tứ Tượng, Ngũ Hành, sau khi đã biết nhẽ sinh, khắc, chế, hóa, của Trời đất, ta có thể áp dụng quan niệm Âm Dương, Tứ Tượng,

Ngũ Hành, để tạo cho chúng ta một đời sống hợp tình, hợp lý, biết cách xu cát, tị hung.

Phương pháp đó có thể toát lược như sau:

Nhận định rằng ta lệ thuộc rất nhiều vào hoàn cảnh, nên nếu ta biết hoàn cảnh, là biết được một phần lớn số phận cá nhân.

Hoàn cảnh hay, dở khác nhau, tùy năm, tùy tháng, tùy mùa, tùy ngày, tùy giờ, tùy như ở tâm trạng quần chúng, tùy như ở chỗ chính thắng, hay tà thắng; quân tử thắng, hay tiểu nhân thắng; tinh thần thắng, hay vật chất thắng; tinh thần làm chủ, hay vật chất làm chủ.

Nhưng trong mỗi hoàn cảnh, cá nhân có hay, có dở khác nhau, tùy tâm tư, chí hướng, hoài bão, tài đức, hành vi của mỗi người. Lại cũng còn tùy vào địa vị của mỗi người, tùy như có người giúp đỡ hay gàng quải, tùy như ở gần quí nhân, hay tiểu nhân; hành động ta cũng có hay, có dở khác nhau.

Hành động hay, sẽ đem lại cho ta lợi ích. Hành động hay, là hành động hợp đạo lý, hợp tình, hợp cảnh, không làm ta phải xấu hổ, hối hận, hay phàn nàn.

Hành động dở, sẽ đem lại cho ta hung họa, làm cho ta băn khoăn, hối hận. Những hung họa ta gặp một phần lớn phát sinh là vì: Chúng ta sống trong những hoàn cảnh không thuận lợi; làm những công việc không thích hợp với tài cán; cộng tác hay sống gần gũi những người không đồng tình, đồng ý, đồng quan niệm với ta.

Vậy muốn sống một cuộc đời lý tưởng, phải thuận theo đạo lý, tức là theo những định luật thiên nhiên, không được gàng quải với trời đất, với thời gian, tuổi tác. Phải tìm hoàn cảnh thuận tiện những công việc mình ưa. Rồi ta lại phải tránh họa hung, khi chúng hãy còn chưa chớm phát, phải cố gắng dùng thời gian, dùng hoàn cảnh, để tạo cho mình một đời sống lý tưởng, cao đại.

Tóm lại đời vừa là bể khổ vừa là tiên cảnh, tùy như ta biết dùng đời, hay không biết dùng đời.

Chính vì vậy mà Âm Phù Kinh mới viết: Thiên hữu ngũ tặc, kiến chi giả xương.

Không biết dùng đời, không biết xử dụng Ngũ Hành, thời đời sẽ thành giặc cướp, Ngũ Hành sẽ thành giặc cướp hãm hại ta. Biết dùng đời, biết dùng Ngũ Hành, thời đời sẽ trở nên tấm thảm thần, Ngũ Hành sẽ trở thành 5 con rồng linh đưa chúng ta tới một tiền trình viễn đại và hạnh phúc...

---

chương trước

Mục lục | Lời nói đầu | Phần 1 2 3 4 5 6 7 8 **9** | chương 1 2 3 4 5 6 7 **8**